

THƯỢNG TƯỚNG TRÂN VĂN TRÀ

VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐỒNG

TS. QUÁCH THU NGUYỆT
(tổng hợp và tuyển chọn)

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
ThS. PHẠM VĂN THÔNG
ThS. NGUYỄN VĂN TUÂN
ThS. NGUYỄN CÔNG TÂY
LÊ THỊ THU HỒNG
PHAN KIM YẾN
TRẦN PHAN BÍCH LIÊU
Trình bày bìa:
Chế bản vi tính:
Sửa bản in:
Đọc sách mẫu:

TRẦN QUYẾT THẮNG
TRẦN VĂN TIẾN
NGUYỄN VĂN TUÂN
PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
VIỆT HÀ

THƯỢNG TƯỚNG
TRẦN VĂN TRÀ
VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐỒNG

TẬP 2

THƯỢNG TƯỚNG
TRẦN VĂN TRÀ
VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐÔNG

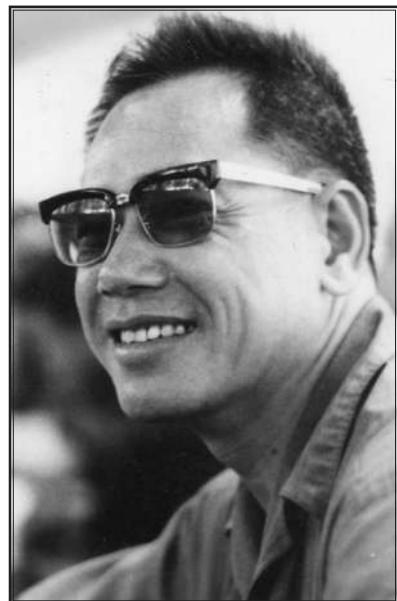
TS. QUÁCH THU NGUYỆT
(tổng hợp và tuyển chọn)

TẬP 2

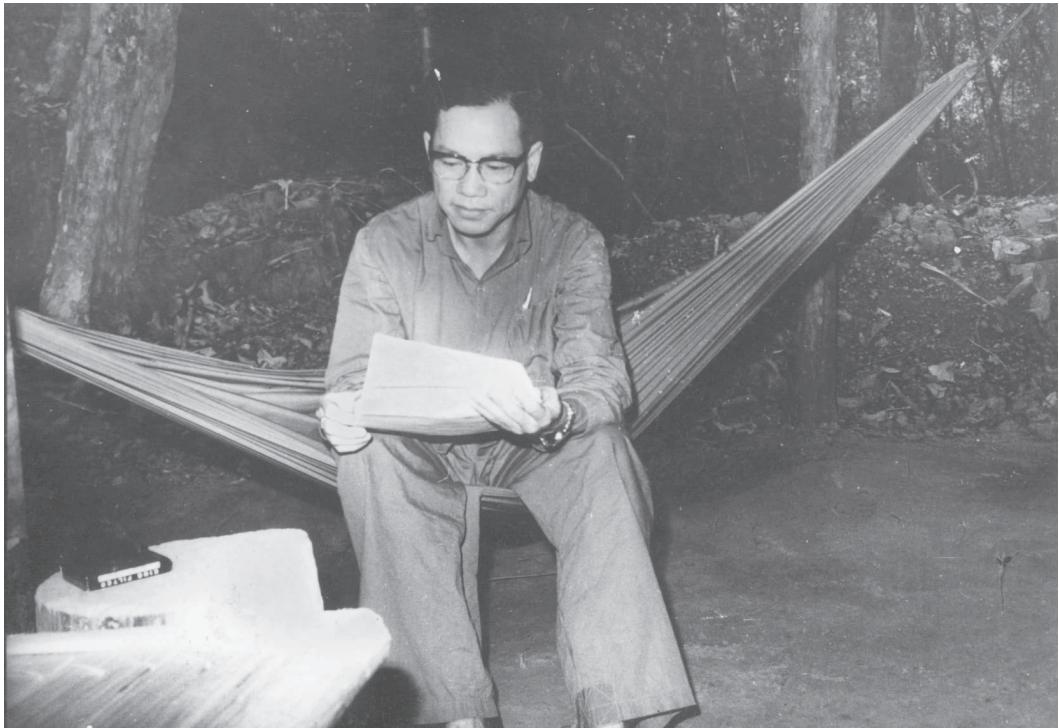
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

PHẦN III

THẾ HỆ CHÚNG TÔI ĐI THEO BÁC HỒ



Đã có một thế hệ những người con miền Nam, với lòng yêu nước, chuộng nghĩa khí, trước cảnh “nước mất nhà tan”, đã không cam tâm làm nô lệ cho ngoại bang và bọn tay sai, họ đã chọn lụa con đường dấn thân cùng dân tộc dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và với họ, Hồ Chí Minh là biểu tượng của ý chí, của khát vọng dân tộc: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dù phải hy sinh, gian khổ đến đâu, dù phải chịu cảnh chia cắt, ly tán, tù đày khắc nghiệt đến mấy, quân và dân hai miền vẫn quyết tâm bảo vệ từng tấc đất, bảo vệ sự trọn vẹn và thống nhất Tổ quốc thiêng liêng.



Thượng tướng Trần Văn Trà tại căn cứ (năm 1973)

THẾ HỆ CHÚNG TÔI ĐI THEO BÁC HỒ

Cuối năm 1948, lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc, trước đó tôi chỉ nghe tên Người với lòng yêu nước thương dân của Người. Sự ngưỡng vọng Bác Hồ từ đó đã ảnh hưởng đến tâm hồn và chí hướng của tôi cũng như thế hệ thanh niên chúng tôi hồi ấy.

Sống dưới chế độ thuộc địa tàn bạo, dân Việt Nam không còn chút quyền làm người. Từ tuổi 12, tôi đã mắt thấy lính lê dương, khổ đỏ, khổ xanh của Pháp xả súng bắn vào dòng người nông dân tay không đi biểu tình xin bớt xâu, giảm thuế những năm 1930 - 1931 ở quê tôi. Trí óc non nớt của tôi bàng hoàng kinh dị không sao hiểu nổi. Các bậc lớn tuổi đã giải thích, đã kể cho tôi nghe về những anh hùng vì nước quên thân ở địa phương như cử nhân Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, thời Cần Vương có cụ Phan Đình Phùng. Rồi cụ Đề Thám, tôi mến phục cụ chống Tây nhiều năm ở Yên Thế. Tôi đã được nghe về chí hướng của cụ Phan Chu Trinh, người mà cả nước đưa tang. Rồi những dòng thơ, đoạn văn thiết tha kêu gọi yêu nước thương nòi của cụ Phan Bội Châu như trách móc, như giục giã người trai phải nghĩ gì và làm gì: Hồi đến nước còn không? Không biết. Gọi đến tên Việt Nam, không thưa! (Hải ngoại huyết thư). Đây quả là một quá trình lén men cách mạng. Mãi đến 4-5 năm sau, trên con đường đi tìm lẽ sống, một người bạn lớn tuổi thì thầm với tôi về cái tên một nhà yêu nước đã làm rung động tận đáy lòng tôi. Chúng tôi trao đổi: Dân ta không chịu làm nô lệ từ nghìn năm nay đã rõ. Nhưng các phong trào Văn Thân, Cần Vương, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực..., đều thất bại. Các cuộc khởi nghĩa của các cụ đều bị dìm trong máu. Anh bạn nói: Có bầu máu nóng và có gan làm cũng chưa đủ. Cần có ý nghĩ và cách làm đúng. Phải có ngọn cờ chỉ hướng và trăm nghìn ngọn gió từ khắp bốn phương. Ngọn cờ đã có: Nguyễn Ái Quốc. Người đã đi khắp châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Âu để tìm đường cứu nước, cứu dân. Người đã kết luận phải làm cách mạng theo kiểu Lênin. Chúng ta hãy góp làm gió. Câu chuyện thân tình và cái tên Nguyễn Ái Quốc đã lôi cuốn và ảnh hưởng quyết định đến phương hướng cuộc đời tôi từ ấy.

Chưa biết Người, nhưng lòng yêu nước thương dân, chí hướng cách mạng, tư tưởng của Người đã dần dần thấm sâu vào máu thịt của tôi cũng như của bạn bè tôi. Chưa trực tiếp đọc được tài liệu, tác phẩm nào của Người, nhưng con đường phải đi, Người đã vạch. Tôi và bạn bè lần theo tìm tòi, nghiên ngẫm trong những tài liệu hiếm hoi của những nhà cách mạng đi trước, của Mác, của Lê-nin. Trên con đường vạn dặm mới bước đi đoạn đầu, nhưng mỗi bước đi đều được dẫn dắt bằng hình ảnh mến phục về vị lãnh tụ kính yêu đang bôn ba vì dân, vì nước. Sung sướng biết bao trong cảnh mịt mù đen tối đã lóe lên ánh sáng soi lối dẫn đường. Mỗi một đời người cần có đích để khỏi làm giá áo túi cơm, thời nào cũng vậy. Thời chúng tôi, dưới sự cai trị tàn khốc của thực dân, con người bản xứ biến thành nô lệ, yêu nước là một tội, làm cách mạng là một tội lớn. Tôi cùng bạn bè phải thoát ly gia đình, đi vận động giác ngộ quần chúng về quyền tự do của con người, giành độc lập cho Tổ quốc. Muôn vàn khó khăn, gian khổ. Nhiều khi chịu đói khát, trốn chạy bọn mật thám, quan làng. Có lúc tưởng như nản chí bỏ cuộc. Nhưng thường những lúc như vậy, hình ảnh tưởng tượng về một con người mà hào quang sáng chói, cụ Nguyễn Ái Quốc, lại hiện ra vẫy gọi. Ta vẫn ở đất mình, sống trong dân mình, còn cụ, cụ xa đồng bào và lũy tre quê hương, khổ gấp trăm mình, sao Người vẫn kiên gan, bền chí. Thế là dũng khí trở lại, con người minh mẫn hơn, chịu đựng hơn. Trong ngục tối, xà lim, dưới gông cùm, nhà tù của thực dân, đặc biệt trong Sở Mật thám, trước bọn “đầu trâu mặt ngựa”, Tây có, bản xứ có, sức mạnh giúp tôi vượt qua cảnh hiểm nghèo chết đi sống lại là tâm nguyện quyết định theo Người. Có lần, tại Sở Mật thám Catinat của Pháp ở Sài Gòn, trong khi tra tấn tôi, tên trùm mật thám Đông Dương Bazin đã thốt ra: Mày chỉ là một tên quèn mạt hạng không đáng cho tao phải dơ tay. Nếu mày được một phần nào của Trần Phú thì tao mới phục, mới chịu thua. Lạ thật, một câu miệt thị nhục mạ lại trở thành một câu trấn tĩnh, khuyến khích: Sao ta lại không được một phần nhỏ của các đồng chí đi trước? Những người cùng “máu đỏ đầu đen” như ta, lại được kẻ thù tàn bạo nhất phải phục và chịu thua. Đó đúng là ý chí con người. Phải noi gương Trần Phú! Tên Bazin có ngờ đâu câu chửi rủa của nó lại trở thành một câu thần chú cho “kẻ mạt hạng” biết cách làm người cách mạng kiên trung.

Năm 1945, đồng bào cả nước đứng dậy làm Cách mạng Tháng Tám, đổi đời nô lệ thành người tự do. Làn sóng phất khởi và tự hào của hàng chục triệu trái tim Việt Nam bừng lên bao trùm sông núi. Nhưng chưa đầy một tháng độc lập thì thực dân Pháp được quân Anh giúp sức, đánh chiếm trở lại, bắt đầu từ Sài Gòn.

Một sự kiện lịch sử quan trọng: ngày 02/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, nhấn mạnh:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”. Lời tuyên bố thật là đanh thép và thiêng liêng. Đồng bào Hà Nội, thay mặt đồng bào cả nước đã tuyên thệ. Nhưng Hồ Chí Minh là ai? Tôi và bạn bè đều thắc mắc với cái tên mới xuất hiện. Năm 1944, khi tôi phụ trách cơ quan bí mật Kỳ bộ Việt Minh Nam Bộ còn in và phát hành lời kêu gọi đồng bào đứng lên làm cách mạng của cụ Nguyễn Ái Quốc ký năm 1941 và biết rõ rằng cụ vẫn là lãnh tụ tối cao của cách mạng Việt Nam cho tới ngày nay. Vậy thì Nguyễn Ái Quốc đâu rồi và giờ đây Hồ Chí Minh là ai? Không khỏi có những băn khoăn trong bạn bè chúng tôi và tất nhiên có phần nào cản nhắc hành động. Một ông bạn từ Hà Nội phái vào đã giải đáp thắc mắc kịp thời cho chúng tôi: Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Tin vui lan nhanh trên toàn mảnh đất đầu sóng ngọn gió. Tức thì cả rừng tâm vông vặt nhọn túa lên khắp Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ theo lời kêu gọi của cụ Nguyễn Ái Quốc: “Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng”. Ôi! Những giờ phút nguy nan nhất của một dân tộc và cả những giờ phút vinh quang tột bậc nữa, cần biết bao một ngọn cờ lãnh đạo, cần biết bao một con người tiêu biểu cho toàn dân tin tưởng noi theo, cần biết bao một chủ trương sáng suốt cho triệu người hành động, sẵn sàng nhảy vào nước sôi, lửa bùng. Những ngày tháng 9/1945, ta đã có con người Hồ Chí Minh vĩ đại như vậy!

Tháng 9 năm ấy, tôi bắt đầu cuộc đời người lính mặc dầu tôi chưa hề biết bắn súng nói gì đến hiểu biết sơ đẳng nhất về chiến tranh và quân đội. Tôi cầm ngọn tam vông rồi khẩu súng, làm người lính rồi người chỉ huy vì tôi tâm đắc lời Bác: “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”. Tôi nghe lời Bác dạy: “cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân...” và “Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng”. Tôi đã làm theo lời Bác và động viên bạn bè khắp nơi làm như vậy.

Từ một người dân bị áp bức trở thành người cách mạng, từ một người chính trị trở thành người quân sự không đơn giản chút nào. Thế mà tôi và bạn bè đã quyết định dứt khoát cho sự chuyển hướng của cuộc đời mình chỉ vì tôi và cả đồng đội của tôi trong thời kỳ đó tin vào Bác mà bước đi, nghe lời Bác mà hành động.

Cho đến năm 1948, chiến trường Nam Bộ đã vững vàng và phát triển thăng lợi. Đã qua rồi những năm sóng gió 1945 - 1946 tưởng chừng như cách mạng phải lùi bước và quân địch lên ngôi. Trong những năm ấy, quân Pháp tăng cường

bung ra khỏi Sài Gòn và lân lượt chiếm các tỉnh Nam Bộ. Ta càng nhiều lúng túng, chưa hiểu biết gì về chiến tranh, chưa kịp tổ chức có quy củ, lại bị bọn xấu, bọn cơ hội quấy rối trong những ngày đầu cách mạng thành công, nên tình hình có nhiều khó khăn. Đến nỗi cơ quan lãnh đạo cả Nam Bộ không còn hoạt động, mỗi người một ngả, thậm chí có người còn ra tới Hà Nội để “báo cáo”. Rõ ràng quần chúng nhân dân cách mạng có vai trò quyết định. Cán bộ chiến trường và cơ sở có rất nhiều sáng tạo và vững vàng kiên định. Lòng tin vào lãnh tụ Hồ Chí Minh, vào chính nghĩa, giương cao ngọn cờ của Bác, nhân dân một lòng hợp lực cùng cán bộ Đảng, cán bộ Việt Minh mà từ tay không gây dựng thành cơ đồ. Từ cuối năm 1946 qua đầu năm 1947, hệ thống tổ chức lãnh đạo từ cơ sở đến tỉnh, khu và toàn Nam Bộ đã được khôi phục, củng cố, các đơn vị chiến đấu từng bước trưởng thành. Đây là sức mạnh của lòng tin yêu lãnh tụ, sức mạnh của nhân dân một khi đã thức tỉnh. Từ năm 1947, chiến tranh du kích đã phát triển rộng và mạnh. Ở Khu 8 Nam Bộ, lúc ấy tôi là Khu trưởng, đã tổ chức ra đơn vị chủ lực đầu tiên cấp tiểu đoàn: Tiểu đoàn 307. Đã có trận đánh tập trung và tiêu diệt như trận Giồng Dứa, trận Mộc Hóa... Trung ương chỉ thị phải có người ra trực tiếp báo cáo tình hình miền Nam. Vì vậy, cần có đoàn cán bộ gồm đủ thành phần quân, dân, chính, từ Đồng Tháp Mười ra Việt Bắc. Tôi được chỉ định làm Trưởng đoàn, tôi vô cùng phấn khởi. Còn gì bằng, trong lúc tình hình chiến trường đang lên, ta có nhiều thắng lợi, tôi lại được gặp Bác Hồ, người mà mình ngưỡng mộ từ lúc mới giác ngộ, được báo cáo với Bác và Trung ương về những ngày gian khổ đã qua, những ấu trĩ vấp váp gặp phải, những thành công đã gặt hái và đặc biệt là tấm lòng của người dân Nam Bộ đối với Bác và Trung ương. Thật tình lúc mới được chỉ định đi, tôi cũng có nhiều băn khoăn, lo nghĩ. Chủ trương của quân khu vừa vạch ra không được tự mình thực hiện vì phải đi vắng, như tổ chức chủ lực mạnh hơn để đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở những trận đánh tiêu diệt lớn hơn, những chiến dịch kết hợp chủ lực và du kích... và đường đi chưa được tổ chức thông suốt, có nhiều gian khổ hiểm nguy. Nhưng lòng mong mỏi được gặp lãnh tụ Hồ Chí Minh - đồng chí Nguyễn Ái Quốc kính yêu, và được hiểu biết tình hình thực tế cả nước đã thôi thúc tôi và anh em trong đoàn lên đường. Một trung đội vũ trang mạnh đi theo bảo vệ. Tôi trực tiếp điều khiển trinh sát đánh địch, mở đường để đi và nhờ từng địa phương hướng dẫn giúp đỡ. Sáu tháng trường liên tục, ngày đêm đi bộ dọc phía đông dãy Trường Sơn biết bao gian nan, nguy hiểm. Chúng tôi đã lội qua các sông suối đổ mạnh trong mùa mưa lũ, đã vượt qua nhiều ngọn núi cao trên nghìn mét, đã đi dọc các bãi cát nóng bỏng khô cằn, đã chèo thuyền lướt trong đêm tối qua biển Nha Trang, Cam Ranh, đã luồn qua vùng địch giữa các đồn bót chi chít, đã đánh trả phục kích dọc đường... Nhọc nhằn

và thiếu thốn, đau ốm, trở ngại, có lúc tưởng không đi được đến nơi. Một lần cả đoàn họp thảo luận nên đi tiếp hay trở lại. Trong đoàn có một linh mục trẻ: Cha Nguyễn Bá Kính, đại biểu cho đồng bào Công giáo yêu nước kháng chiến Nam Bộ. Cha phát biểu: “Tôi muốn được gặp Bác Hồ, con người suốt đời vì dân, vì nước mà đồng bào Công giáo đi theo, để báo cáo công cuộc tham gia kháng chiến của đồng bào. Vì vậy, gian khổ, hiểm nghèo mấy tôi cũng quyết tâm đi tới đích”. Tất cả mọi người đều chung ý nghĩ, biến thành sức mạnh lội suối, trèo đèo, xông pha nguy hiểm. Kẻ địch theo rất sát chúng tôi, phục kích, chặn đầu, truy đuổi, chúng dùng máy bay dội bom và cuối cùng nhảy dù chụp bắt chúng tôi ở vùng tự do Vân Đình, phía tây Hà Nội. Nhưng chúng đã thất bại. Rừng Việt Bắc mênh mông đã đón chào đoàn con từ bưng biển Đồng Tháp. Làm sao tả hết được niềm hạnh phúc của mỗi người khi lần đầu được gặp Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu mà từ lâu tin tưởng. Đó là một buổi sáng đẹp. Mặt trời “niềm nở” xuất hiện. Những tia nắng ban mai ấm áp vừa kịp xuyên qua kẽ lá cây rừng. Đoàn chúng tôi được hướng dẫn lên hội trường để gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và một số đồng chí trong Trung ương, Chính phủ và Bộ Tổng Tư lệnh.

Hội trường là một nhà lớn, thoáng, dựng bằng cây rừng, vách nứa và lợp bằng tranh trên một nền đất cứng dưới tàn cây xanh tươi, bên cạnh một con suối nhỏ hiền hòa, nước trong vắt. Chúng tôi hiểu đây là một buổi tiếp chính thức đoàn đại biểu Nam Bộ. Mỗi người đều vuốt lại quần áo ngay thẳng, sửa lại dáng điệu cho nghiêm trang, khi chúng tôi gần đến bậc thềm hội trường thì từ trong đó đi ra một cụ già mảnh khảnh, khỏe và nhanh nhẹn, đầu đã điểm sương, có chòm râu thưa phơ phất. Đồng chí hướng dẫn nói với đoàn đây là Bác Hồ. Tự nhiên, tất cả chúng tôi, không ai bảo ai, đều ráo bước tiến nhanh về phía Bác, vây chặt quanh Bác, lòng tràn đầy xúc động, giống như đàn con đi xa lâu ngày về gặp cha già. Chúng tôi quên cả lễ nghi cần có, ôm lấy Bác, sờ nắn tay Bác, vuốt bộ quần áo nâu cũ trên người Bác như để tìm hiểu tường tận một con người vĩ đại mà từ lâu chỉ tưởng tượng ra đủ mọi điều. Rất giản dị giống như trăm nghìn cụ già Việt Nam bình thường, Bác Hồ đứng đó thật gần gũi, vẻ mặt tươi cười, cặp mắt dịu hiền nhìn từng người chúng tôi trùm mến. Rồi, Bác chỉ tay vào trong nói: Thôi, các chú vào trong này, mọi người đang đợi kìa. Thế là Bác ung dung bước đi và cả chúng tôi đi theo không nói lên được một lời nào. Đúng là có những lúc không cần nói một lời nhưng cả dáng điệu, cặp mắt, từng cử chỉ đã nói lên tất cả, nói rất nhiều mà không lời nào có thể diễn đạt được. Vào đến trong, Bác chỉ tay và giới thiệu: Đây đồng chí Trường Chinh, đây đồng chí Hoàng Quốc Việt, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Võ Nguyên Giáp. Và sau đó đồng chí Vũ Đình Huỳnh giới thiệu tiếp các vị khác... Thật là một cuộc gặp gỡ thăm đượm tình đồng chí, đồng đội,

không một kiểu cách nghi thức nào. Sau này, tôi nghe kể nhiều lần Bác tiếp khách, cả khách quốc tế, thường rất linh hoạt, đậm đà tình thân ái, để lại một ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ khó quên cho khách được tiếp, mặc dù có khi phá cả luật ngoại giao. Khi đã về Hà Nội cũng vậy, tôi được thấy Bác tiếp các đoàn Trung Quốc của Lưu Thiếu Kỳ... cùng một phong thái như vậy mà đạt kết quả rất cao trong việc củng cố tình anh em giữa các dân tộc.

Những ngày ở Việt Bắc, được gặp Bác, được Bác nhận xét về công việc, chỉ dẫn phương pháp cách mạng, nói về đạo đức của một cán bộ, tôi cảm thấy lòng vững tin hơn ở chiến thắng, chí vũng bền hơn trước mọi khó khăn. Bác bảo đoàn kết là sức mạnh. Toàn dân đứng dậy thì không kẻ địch nào thắng được. Trên bàn tay có ngón ngắn ngón dài. Triệu người có người thế này thế khác nhưng tất cả đều ít nhiều có lòng ái quốc. Ngay với những người lầm đường, hãy lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Phải độ lượng, quý trọng từng con người. Sông sâu, bể rộng thì bao nhiêu nước cũng chứa được. Ôi! Tình thương người mến mông của Bác, chính là tính nhân từ truyền thống của dân tộc ta. Nghe Bác nói, nhìn dung nhan Bác, tôi mường tượng đến cốt cách và tinh thần của Nguyễn Trãi “đem đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo”.

Bác bảo: Chúng ta, đồng bào ta, không ai muốn chiến tranh. Nhưng kẻ địch tàn bạo bắt ta phải chiến đấu. Ta chiến đấu chỉ vì quyền sống của dân tộc. Vũ khí của địch để giết người, của ta để bảo vệ người, vì nhân, vì nghĩa. Hai nhà tư tưởng của hai thời kỳ Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh lại gặp nhau ở điểm:

Quyền mưu bản thị dụng trừ gian

Nhân nghĩa duy trì quốc thể an...

(Quyền mưu vốn dĩ để trừ gian

Nhân nghĩa giữ gìn thể nước an).

Sau một thời gian làm việc với các ngành, các cấp, đoàn chúng tôi lại trở về Nam. Trong bữa tiệc của Bác, Trung ương và Chính phủ để chia tay với đoàn tại khu rừng Việt Bắc, chúng tôi rất cảm động trước tình cảm quyến luyến của mọi người. Bác nhìn chúng tôi từng người, trìu mến dặn dò: Các chú phải biết giữ gìn sức khỏe, phải tổ chức hành quân chu đáo, hết sức giúp đỡ nhau, phải giành thắng lợi ngay trong chuyến đi này. Hãy chuyển lời của Bác và Trung ương đến cán bộ và đồng bào Nam Bộ. Với tinh thần quật cường và lực lượng to lớn của dân tộc ta, của Quân đội ta, ta nhất định thắng. Rồi Bác kêu tôi lại, đưa ra một thanh gươm nói: “Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào.

Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng". Bác nói ít, khi nào cũng ngắn gọn nhưng chứa đựng rất nhiều. Mỗi lời của Bác là một căn cứ cho niềm tin, sưởi ấm cho mọi tấm lòng.

Đường về của chúng tôi còn gian nan vất vả hơn khi đi nhiều vì địch đã biết, đã chờ đợi khắp các chặng đường. Lúc này địch đã mở rộng chiếm đóng lên vùng núi rừng Bình Tri Thiên, nên chúng tôi phải đi vòng về phía tây xuyên dãy núi Phong Nha đầy đá tai mèo hiểm trở. Tuy vậy, nếu khi đi lòng mong muôn gặp Bác Hồ đã nung đúc cho chân cứng đá mềm để đi đến nơi thì lúc về, những lời dặn dò của Bác như thúc giục chúng tôi về mau tới chiến trường để giết giặc, giữ dân.

Những năm 1952 - 1953 là những năm Nam Bộ có nhiều khó khăn gian khổ, đặc biệt là chiến trường miền Đông. Vừa bị bão lụt lớn, nạn đói lan tràn, vừa bị địch đánh phá dữ dội, ta bị thiệt hại nhiều, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ vẫn không ngừng kiên trung chiến đấu. Mỗi khi chúng tôi đến đâu, báo cáo lại với đồng bào, đồng chí về cuộc gặp Bác, những lời Bác dặn thì ở đó có sự động viên, cổ vũ, là một dịp củng cố niềm tin tất thắng và khuấy lên phong trào hành động cách mạng sôi nổi quên mình.

Suốt những năm chiến tranh, Bác Hồ như có mặt khắp chiến trường, có sẵn trong trái tim mỗi chiến sĩ để củng cố quyết tâm chiến đấu, nâng đỡ, dù dắt những khi yếu đuối, khắc phục mọi trở ngại khi gặp gian nan. Nhưng thời kỳ khó khăn nhất mà hàng triệu người dân miền Nam xao xuyến là thời kỳ bộ đội miền Nam phải tập kết ra Bắc năm 1954 theo quy định của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương. Không thể ra lệnh mà được ai đi, ai ở. Anh bộ đội cầm súng chiến đấu chín năm trời những mong thắng lợi để trở về với xóm ấp quê hương, với mẹ già, vợ trẻ. Anh du kích cầm thù quân giặc, quyết sống chết bảo vệ bà con làng mạc của mình. Nay hòa bình rồi lại phải xa hàng nghìn cây số, gia đình phân tán, sao mà lưu luyến cả từng bụi trúc, bờ kênh. Còn những người ở lại nữa. Gần chín năm trời sống ngẩn cao đầu, có chính quyền dân chủ, có bộ đội mình, nay sống tay không dưới quyền kẻ địch. Nó phản bội đàn áp thì sao? Hàng triệu con người đứng trước một quyết định không nhỏ: Ở lại và ra đi! Không một mệnh lệnh nào có thể bắt buộc mọi người tuân thủ. Chỉ có Bác Hồ mới giải quyết được. Đây là sự kết hợp của cả khối óc và con tim Bác đã giải thích. Bác đã kêu gọi, Bác nói: "vì lợi ích toàn quốc, lợi ích lâu dài mà tạm thời phải chịu đựng, đó là một điều vể vang, toàn quốc đều biết ơn... Tình hình mới, phải có chủ trương mới để tranh lấy thắng lợi mới". Thế là mọi người nghe theo Bác, phần khởi và tin tưởng, chấp hành nghiêm chỉnh việc ở và đi.

Khó khăn chồng chất khó khăn. Hai năm qua rồi mà không có tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, ngược với nguyện vọng sâu xa của cả một dân tộc. Mỹ - ngụy lại vô cùng tàn bạo: Bắn giết, tù đày, máy chém, máu chảy đầy rơm. Hàng triệu người từ miền Nam đòi quyền sống, hàng vạn người tập kết từ miền Bắc đòi trả thù. Tất cả sôi sục yêu sách hành động: Máu trả máu, đầu trả đầu! Không có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, uy tín tuyệt đối của Bác Hồ, không thể đợi mãi đến năm 1959 - 1960 mới có Đồng khởi miền Nam và vượt Bến Hải xé dọc Trường Sơn về Nam chiến đấu của cán bộ mùa Thu (cán bộ tập kết theo kế hoạch).

Nếu cuộc chiến tranh chống thực dân cũ rất khó khăn vì ta bắt đầu từ hai bàn tay trắng thì cuộc chiến tranh chống thực dân mới lại ác liệt gấp trăm lần. Lính của địch đông nghẹt đất miền Nam, lại có vũ khí hiện đại giết người hàng loạt. Thủ đoạn của chúng tàn ác, tinh vi hơn, mưu mô quỷ quyết hơn. Chúng quyết chiếm miền Nam, phá hoại miền Bắc. Dân tộc Việt Nam đứng trước nguy cơ diệt vong, đất nước có nguy cơ “trở về thời đồ đá” như chúng hăm dọa. Nhân dân cả nước nhìn về Hà Nội, hướng về Bác Hồ, Bác đã tỏ rõ ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Bác đã hạ quyết tâm “dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”. Bác khẳng định: “Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là chính nghĩa... Đồng bào cả nước hãy tin tưởng chắc chắn vào thắng lợi cuối cùng. Hãy quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ... Ta nhất định thắng”.

Nghe theo lời Bác, lực lượng vũ trang cũng như nhân dân miền Nam yên tâm, quyết chí, không ngại hy sinh, anh dũng và sáng tạo trong chiến đấu, kiên quyết giành thắng lợi bằng niềm tin tuyệt đối vào Bác Hồ.

Ngày tôi trở về Nam với cương vị Chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, Bác Hồ trong bữa cơm tiễn thân mật đã dặn dò đại ý: Địch rất tàn bạo, ý là nước đế quốc mạnh nhất, quân đội hiện đại nhất, chiến tranh sẽ vô cùng ác liệt. Ta là chính nghĩa, ta áp dụng chiến tranh nhân dân cách mạng. Chiến sĩ trong dân, dân là chiến sĩ, địch ở đâu cũng bị đánh, đến đâu cũng gặp quân ta, đi đâu cũng bị đánh. Quân Mỹ dù đông, trang bị dù mạnh nhưng chúng từ xa tới, cái gì cũng lụi, mạnh trở thành yếu. Ta ít, trang bị kém, nhưng lại ở nhà đánh giặc, thao từ gốc cây bụi cỏ, ở đâu cũng được dân giúp đỡ, yếu trở thành mạnh. Nghe Bác nói, tôi liên tưởng đến vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo với chủ trương “lấy đoàn binh chế trường trận” mà đánh bại quân Mông - Nguyên - một đội quân mạnh nhất thế giới thời ấy, và tới lúc đó chưa hề nếm mùi thất bại. Một lúc sau, Bác lại bảo: Các chú đã nghiên cứu cách đánh hiện đại của Hồng quân Xôviết, cần nghiên cứu và kết hợp với cách đánh thiên biến vạn hóa của ông cha ta ngày xưa như Trần Hưng Đạo

thắng quân Nguyên; Lê Lợi, Nguyễn Trãi thắng quân Minh; Nguyễn Huệ thắng quân Thanh... Phải hết sức sáng tạo về chiến thuật và chiến dịch. Đừng đánh theo cách đánh của chúng mà bắt chúng phải đánh theo cách đánh của ta thì sẽ nắm chắc phần thắng. Cứ bắt Tây cầm đũa ăn cơm với ta, chắc nó sẽ ngồi mà nhìn ta ăn hết món ngon này đến món ngon khác. Nó thua ta thôi. Trong khi ngồi uống nước, Bác nhìn thẳng vào tôi thong thả nói: Dân ta khổ nhiều rồi, bộ đội ta phải chiến đấu lâu dài, ta phải sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả từng hạt gạo, từng viên đạn. Các chú phải bảo đảm truyền thống của quân đội cách mạng. Lực lượng ta không nhiều nhưng tinh thần cao, chiến sĩ giỏi, chỉ huy và chiến sĩ thương nhau như con một nhà, tất cả là vì dân, vì nước, thì quân địch dù đông và hung hãn, ta cũng sẽ thắng. Hãy mở rộng đoàn kết và bằng mọi cách phát huy tài năng trí tuệ của từng con người. Bác mong nhận được nhiều tin vui.

Tôi vô cùng xúc động, hứa hẹn đem lời Bác dặn truyền đạt cho mọi người. Sẽ không ai dám làm sai lời Bác, nhưng làm đúng như lời Bác là cả một sự nỗ lực tìm tòi sáng tạo lớn lao và thường xuyên của cán bộ và chiến sĩ các cấp. Tôi còn nhớ, khi quân Mỹ mới vào Việt Nam năm 1965, tại Bộ Tham mưu Miền, chúng tôi họp với cán bộ tác chiến và chỉ huy đơn vị bàn về cách đánh của quân Mỹ và cách quân ta đánh Mỹ. Đánh quân ngụy có Mỹ cố vấn và chi viện, ta đã có được chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giả, Đồng Xoài, Ba Gia. Còn từ nay đánh trực tiếp với quân Mỹ chính cống, trang bị hiện đại tận răng thì chiến thuật, chiến dịch phải thế nào để giành phần thắng. Rất nhiều ý kiến bung ra nhưng chưa có cơ sở nào để kết luận. Anh Nguyễn Chí Thanh - Chính ủy Bộ Chỉ huy Miền phát biểu: "Cứ đánh Mỹ đi tự khắc ta sẽ tìm cách đánh đúng nhất". Tôi tán thành ngay và sực nhớ Napoleon - nhà quân sự lỗi lạc của nước Pháp cũng từng nói một câu tương tự: "On s'engage et puis on voit" (Lao vào trận đánh và qua đó thấy rõ"). Cuộc họp này Bác Hồ đã biết. Đầu năm 1966, tôi có dịp gặp Bác, Bác nói: "Chú Thanh nói thế là đúng. Đó là khoa học. Các chú đã có một số kinh nghiệm và lý luận, hãy đem kiểm nghiệm nó vào thực tế rồi rút ra kết luận. Sự việc luôn diễn biến đổi mới, phải qua thực tế mà sáng tạo không ngừng". Bác không bỏ sót một dịp nào để giáo dục cán bộ. Bác nói ngắn gọn, dễ hiểu nhưng rất súc tích, nhiều nội dung. Mỗi lời nói của Bác trở thành những bài học vừa cao sâu, vừa đơn giản, dễ hiểu, vạch ra cho lực lượng vũ trang miền Nam cách tổ chức quân đội, cách đánh và sách lược, chiến lược phải theo. Bác dạy phải bày bố một thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc bao vây địch khắp chốn. Ta hoàn toàn chủ động lựa chọn địa điểm, thời cơ, phương pháp tấn công một quân địch đông hơn, trang bị nhiều hơn nhưng ngơ ngác như vào nhà người lạ, buộc địch phải tham chiến trong hoàn cảnh bất lợi, bị động. Bác bảo xây dựng quân đội cách mạng phải mạnh, ít nhưng tinh. Cán bộ và chiến sĩ như ruột thịt, xả thân

vì nước, phải phát huy tài năng và trí tuệ của mỗi người, phải luôn luôn dũng cảm và sáng tạo. Làm tướng cách mạng phải có đạo đức: Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Nhân nghĩa đứng hàng đầu. Phải quý trọng từng con người, ngay với kẻ địch phải lấy lòng nhân mà cảm hóa họ. Tất cả những trận đánh thắng oanh liệt, tất cả những thành tích đạt được của lực lượng vũ trang miền Nam là nhờ Bác mà có, do Bác chỉ dạy phương hướng, phương châm để tự suy nghĩ và hành động. Khi quân Mỹ đã tham chiến được khoảng một năm, Bác nói với chúng tôi, những cán bộ thực hiện rằng, Mỹ rất ngoan cố, chúng có tiềm lực chiến tranh lớn, nhưng ta nhất định phải thắng chúng, không phải thắng kiểu thông thường của chiến tranh là diệt triệt để quân đội chúng, điều đó khó, mà là phải đuổi hết chúng ra khỏi đất nước ta để tính đến ngụy, điều này phức tạp đấy, nhưng chắc chắn làm được. Phải thắng chúng bằng cả chính trị, quân sự, ngoại giao... Không những trên chiến trường Việt Nam mà cả trên chính trường thế giới, ngay cả ở nước Mỹ nữa. Cách đánh quân sự phải thật đau nhầm mục tiêu ấy. Mỹ phải rút thì ngụy nhất định đổ. Với sự chỉ dẫn đó, lực lượng vũ trang miền Nam đã đánh địch bằng mọi cách, từ từng chiến sĩ một, đến cả trăm đơn vị lớn, từ vùng rừng rậm sinh sình lầy đến vùng dân cư đô thị, từ từng trận chiến đấu, từng chiến dịch đến hàng loạt trận chiến đấu, chiến dịch trong cùng một lúc trên toàn bộ chiến trường, như Tết Mậu Thân, như Xuân 1975. Đối với quân ngụy, Bác chỉ ra rằng, không phải tất cả đều phản bội Tổ quốc, phản bội giống nòi mà họ có cả trăm nghìn nguồn gốc khác nhau. Rộng lượng và nhân ái, dũng cảm và kiên trì, vì chính nghĩa, dân tộc ta nhất định sẽ thắng và hòa bình, đoàn kết xây dựng đất nước.

Tiếc rằng ngày toàn thắng không còn có Bác để quân và dân Việt Nam ta được báo cáo với Bác. Tư tưởng, trí tuệ và lòng nhân ái của Bác đã được thực hiện nghiêm chỉnh và sáng tạo. Ngồi vào chiếc thuyền do Bác cầm lái sao mà vững vàng thế, cả những khi bão to, sóng lớn. Mỗi thủy thủ trên tàu cảm thấy tự tin, hoàn toàn tự do phát huy sáng tạo theo hiệu lệnh thống nhất để chiến thắng. Mỗi người đều thấy trách nhiệm của mình, đều đem hết tài năng phục vụ và tự hào rằng trong thắng lợi vĩ đại có một chút công sức nhỏ bé của mình. Đã 20 năm xa Bác, nhân dân có lúc nào không nhớ Bác. Nhất là hiện nay, ta đang gặp nhiều khó khăn: Đất nước đang khủng hoảng nhiều mặt, nhân dân đương gay go trong đời sống và sản xuất. Điều này hẳn Bác đã thấy rõ lúc Bác còn sống. Trong *Di chúc* của Bác viết từ năm 1965 cho đến năm 1969, Bác đã dặn dò: "Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng,

chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm". Chúng ta không làm đúng theo *Di chúc* ấy, chạy theo kế hoạch viển vông, duy ý chí, phạm phải nhiều khuyết điểm sai lầm.

Trong *Di chúc* của Bác, có đoạn viết: "Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất..."

Đoạn này cũng như trong đoạn Bác viết rất cụ thể về công việc đối với con người: "Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...)... Đối với các liệt sĩ... Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ)... phụ nữ đảm đang... những nạn nhân chế độ xã hội cũ..." đã chứng tỏ tấm lòng cao cả và ý sâu chiến lược xây dựng đất nước của Bác. Thật giống như Trần Quốc Tuấn, sau ba lần anh hùng thắng quân Nguyên đã khuyên vua Trần dùng tu sửa cung điện vội mà lo cho dân trước "chúng chí thành thành", tức là ý chí của dân là bức thành kiên cố, bức thành đó mới cần sửa chữa ngay.

Rõ ràng việc giải phóng nước nhà trong chiến tranh cũng như việc xây dựng lại đất nước sau hòa bình, Bác luôn dạy dỗ và thực hiện: "Nước lấy dân làm gốc". Ngay từ lúc còn trong những ngày chiến đấu gay go, Bác đã lo đến tương lai đất nước, vận mệnh của dân tộc nên trong *Di chúc*, Bác dặn rất kỹ về công việc hàn gắn vết thương nghiêm trọng của chiến tranh, việc lo cho con người, lo cho các tầng lớp nhân dân, miễn thuế cho nông dân đỡ khổ... Và cũng giống y như Nguyễn Trãi: "Phải coi chừng mối họa loạn, có khi do yên ổn mà nêu. Phải đón ngăn ý kiêu xa, có khi do sung sướng mà đến". Bác dặn việc trước tiên là củng cố lại Đảng.

Bác viết: "Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*". Sao mà Bác sáng suốt thế. Mỗi người, trước khi lên đường đi xa hẳn phải kiểm lại sức khỏe, xốc lại hành trang của mình, huống gì sắp bước vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng một đất nước lạc hậu đã bị 30 năm chiến tranh tàn phá. Một đảng lãnh đạo đã chiến thắng vang dội, đã nắm chính quyền trong cả nước cần chỉnh đốn lại cho trong sạch, vững mạnh để một lòng vì dân vì nước, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, xứng đáng do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện.

Bác Hồ vô vàn kính yêu của dân tộc suốt đời lo cho dân, cho nước. Lúc mất đi vẫn để lại một *Di chúc* hết sức quan trọng, được viết kỹ lưỡng và đầy trách nhiệm trong 5 năm ròng, đến bây giờ nhân dân ta đã được biết trọn vẹn.

Hai mươi năm đã trôi qua trong đó có 15 năm xây dựng một Tổ quốc thống nhất, ta càng thấy nội dung *Di chúc* đúng đắn biết bao đối với đời sống đất nước, dân tộc sau chiến thắng.

Cả thế hệ của chúng tôi đã đi theo Bác, làm theo Bác, nên đã đóng góp một phần vào lịch sử oanh liệt của dân ta, giải phóng nước ta. Ngày nay, chấp hành nghiêm chỉnh *Di chúc* của Bác, toàn dân ra sức xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng theo đường lối đổi mới do Đảng đề xướng là đi đúng theo con đường mà Bác Hồ đã vạch ra lúc sinh thời. Bác sẽ sống mãi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Tháng 5/1989

HAI THỜI KỲ, HAI LỜI DẶN CỦA BÁC

Năm 1948, tôi làm Trưởng đoàn quân - dân - chính Nam Bộ từ Đồng Tháp Mười ra Việt Bắc báo cáo tình hình với Trung ương và Bác. Khi trở về, Trung ương và Bác đã chiêu đãi phái đoàn. Trong buổi chiêu đãi, Bác trao cho tôi một thanh gươm quý, biểu tượng cho vũ trang và nói: Toàn dân đứng dậy thì không kẻ địch nào thắng được. Đoàn kết là sức mạnh. Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng.

Năm 1963, tôi là Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, được chỉ định về Nam làm Chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam khi Mỹ tiến hành “Chiến tranh đặc biệt”. Bác kêu lại nhà và đai một bữa cơm tiễn đưa đơn giản, nhưng thân tình. Bác trao cho tôi một hộp thuốc xì gà Cuba do Fidel gửi tặng Bác và bảo: Đưa về biếu cho các chú để biết thêm rằng, ta có sự ủng hộ của bè bạn và nhân dân thế giới, vì ta là chính nghĩa, ta có sự đoàn kết toàn dân và cả đoàn kết quốc tế, đoàn kết khi nào cũng là sức mạnh. Mỹ là một đế quốc giàu, có tiềm năng quân sự, rất ngoan cố và tàn bạo. Chiến tranh sẽ vô cùng ác liệt, ta sẽ phải hy sinh nhiều, nhưng ta phải thắng vì ta không muốn làm nô lệ mất nước. Ta phải thắng bằng cả quân sự, chính trị, ngoại giao... Ta phải đánh thế nào để đuổi hết quân Mỹ xâm lược về nước để ta thanh toán quân ngụy bán nước. Nước Việt Nam nhất định độc lập, thống nhất.

Hai thời kỳ, hai kẻ thù. Tư tưởng Bác rõ ràng: Đoàn kết toàn dân là sức mạnh. Phải hiểu địch, hiểu ta, phải biết cách đánh và biết thắng. Việt Nam phải độc lập và thống nhất.

Sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương về cách mạng miền Nam thì Bộ Chính trị quyết định cho cán bộ miền Nam lần lượt về Nam chiến đấu. Tôi là Phó Tổng Tham mưu trưởng, được Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ trực tiếp tổ chức huấn luyện và việc hành quân về Nam từ năm 1959 cho đến năm 1963

khi bản thân tôi cũng về Nam. Ngay từ đoàn đầu tiên chỉ gồm 25 đồng chí cán bộ quân sự do Trung tá Tăng Thiên Kim chỉ huy, Bác đến thăm khi liên hoan lên đường. Bác hỏi sức khỏe từng đồng chí, hỏi việc học tập, kế hoạch hành quân và dặn dò cách bảo đảm đi đến nơi về đến chốn. Và các đoàn về sau, trừ lúc Bác đi vắng hay quá bận, còn thường thì Bác vẫn đến thăm và dặn dò trước khi lên đường. Bác không nói nhiều nhưng mọi người thấy ở Bác một tình cảm sâu đậm của một người cha, người thầy, người chỉ huy, người lãnh đạo, một tình yêu thương đồng chí, một sự lo lắng chu đáo đối với nửa nước còn lại chưa được giải phóng, với đồng bào miền Nam còn bị đau khổ. Thực sự Bác đã truyền niềm tin chắc thắng cho từng người, nung sôi ý chí và quyết tâm vì nhân dân mà hy sinh, vì nhiệm vụ mà bất chấp gian lao, khổ cực.

Mỗi lời của Bác là một lời non sông Tổ quốc vọng lại, hình ảnh thân thương của Bác trong mỗi trái tim chiến sĩ, an ủi lúc khó khăn, khuyến khích khi thắng lợi.

Bác không những lo cho các đoàn quân mà còn lo phuơng tiện cho họ chiến đấu. Đường 559 Trường Sơn cũng như Đường 759 trên Biển Đông thực sự là đường Hồ Chí Minh chiến lược vì Bác hết sức chú ý. Những năm đầu hình thành hai con đường này, tôi được Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ tổ chức nên Bác hay kêu tôi báo cáo từng chặng đường, từng giai đoạn. Mỗi người gửi trên lưng bao nhiêu vũ khí, lương thực khi còn đường mòn đi bộ, mỗi xe đạp thồ được mấy trăm ký hàng. Cả mỗi chuyến tàu chở vũ khí vào Nam, Bác cũng đến thăm, khuyến khích và đánh giá việc thành công. Căn cứ tàu, lúc đầu giữ bí mật cao, tại Đồ Sơn, Bác cũng đã đến thăm và chỉ dạy.

Tấm lòng bao la của Bác lo cả đất nước, miền Bắc cũng như miền Nam, lại còn lo cho những vấn đề cụ thể, từng vấn đề chiến lược, từng đơn vị vũ trang.

Trong các năm 1956, 1957, 1958, khi nghe báo cáo về tình hình miền Nam, nhân dân bị khủng bố, bị bắt tù đày, bị nhốt vào khu trù mật, Bác đã khóc.

Năm 1962 - 1963, khi nghe báo cáo tình hình miền Nam, nhân dân bị dồn ép trong các ấp chiến lược, chịu đựng các đợt càn quét trên bộ lắn trực thăng, Bác đã khóc.

Ở Bác, biểu hiện lòng nhân ái, thương yêu nhân dân, yêu thương bộ đội, chiến sĩ.

Ở Bác, biểu hiện tình đoàn kết với nhân dân và bè bạn quốc tế.

Ở Bác, biểu hiện của một con người yêu chuộng hòa bình. Người luôn tìm mọi cách để gìn giữ hòa bình, chiến tranh chỉ là bắt buộc phải làm, không còn cách nào khác. Và khi đã chiến tranh ta buộc phải thắng để lập lại hòa bình.

TỔNG TƯ LỆNH BIẾT QUÝ TÙNG GIỌT MÁU MỖI CHIẾN BINH*

(Về Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp)

Võ Nguyên Giáp đã trở thành nhân vật lịch sử lối lạc trên lĩnh vực quân sự trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới suốt thế kỷ XX chống thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Đồng thời, Võ Nguyên Giáp còn là một trong những gương mặt sáng ngời của nền văn hóa Việt Nam. Nói và viết về Võ Nguyên Giáp cũng như về bất cứ nhân vật lịch sử nào khác, chúng ta phải hết sức trung thực kéo con cháu mai sau hiểu sai hôm nay và hôm qua.

Trước hết, tôi nghĩ rằng, không nên gọi Võ Nguyên Giáp là Đại tướng. Gọi “Đại tướng” không có gì sai nhưng không biểu hiện được vai trò đứng đầu toàn quân của Võ Nguyên Giáp và mối quan hệ rất khăng khít của Võ Nguyên Giáp với toàn quân. Nên gọi: Tổng Tư lệnh hoặc anh Văn.

Gọi “Tổng Tư lệnh” là gọi một cách trang trọng. Từ đầu kháng chiến chống Pháp, anh Văn đã được Ban Thường vụ Trung ương Đảng cử làm Bí thư Trung ương Quân ủy (về sau, lần lượt gọi là Bí thư Tổng Quân ủy, Bí thư Quân ủy Trung ương) và được Bác Hồ thay mặt Chính phủ cử giữ chức Tổng Chỉ huy (vài ba năm sau, đổi thành Tổng Tư lệnh). Anh Văn đã đứng vững ở cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương và cương vị Tổng Tư lệnh để chỉ huy tất cả chính ủy, các tư lệnh và các tướng suốt hai cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, đứng đầu là Bác Hồ và sau này là anh Ba Duẩn. Vì vậy, nếu muốn gọi Võ Nguyên Giáp một cách trang trọng theo chức vị, tôi cho rằng gọi Tổng Tư lệnh là đúng hơn cả. Bác Hồ là

* Bài viết được trích từ bài báo “Tổng Tư lệnh biết quý từng giọt máu mỗi chiến binh” của nhà báo Nhật Hoa Khanh trong cuộc phỏng vấn Thượng tướng Trần Văn Trà năm 1992 và được đăng trên Báo Kiến trúc & Đời sống.

Tổng Tư lệnh cao nhất của cách mạng giải phóng dân tộc. Võ Nguyên Giáp là Tổng Tư lệnh của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Còn gọi “anh Văn” là gọi một cách thân mật. Hai chữ “anh Văn” vừa nói lên vai trò “anh cả” của Võ Nguyên Giáp trong quân đội vừa nói lên quan hệ vô cùng mật thiết của Võ Nguyên Giáp đối với toàn quân và giới trí thức cũng như giới văn nghệ sĩ.

Vấn đề lớn thứ hai về anh Văn là toàn quân từ các anh Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Văn Tiến Dũng, Lê Trọng Tấn, Vương Thừa Vũ, Hoàng Cầm, Đồng Văn Cống đến những người lính bình thường, ai nấy đều đặc biệt yêu mến Võ Nguyên Giáp.

Phải công nhận một thực tế, anh Văn có hạnh phúc lớn là được hưởng niềm yêu mến gần như tuyệt đối của toàn quân. Nói một cách khác, trong toàn quân, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là người giữ được uy tín gần như tuyệt đối từ ngày thành lập quân đội cuối tháng Chạp năm 1944 đến suốt hai cuộc kháng chiến thần thánh vừa qua và kể cả cho đến hôm nay.

Tôi còn biết nhiều anh chị em trí thức và văn nghệ sĩ danh tiếng cũng hết sức quý trọng Võ Nguyên Giáp. Giáo sư Tôn Thất Tùng, Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước chẳng hạn. Tiếc rằng ba nhân vật tài giỏi và mẫu mực này đã mất...

Vấn đề lớn thứ ba, nhiều ý kiến có tầm nhìn xa trông rộng, sắc sảo và độc đáo của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong hai cuộc chống Pháp và chống Mỹ về chiến lược quân sự và chiến thuật quân sự cần được giới sử học nghiên cứu thật công khai, thật công bằng và thật công tâm.

Về phần mình, suốt hai cuộc kháng chiến, tôi chưa hề thấy Bí thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp mắc một sai lầm nào về chiến lược và chiến thuật quân sự, tôi chỉ thấy anh Văn đi những nước cờ bậc thầy vây hãm và tiến công quân địch!

Vấn đề lớn thứ tư, Võ Nguyên Giáp là một Tổng Tư lệnh biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc từng giọt máu của mỗi chiến binh.

Trong cuộc đời Tổng Tư lệnh của mình, Võ Nguyên Giáp luôn luôn thực hiện một trong những quan điểm cốt tử của chiến tranh chính nghĩa: Dứt khoát phải giành bằng được chiến thắng với hiệu quả cao nhất nhưng phải đi đôi với hạn chế cao nhất sự hy sinh xương máu của tướng sĩ.

Anh Văn đã kiên nhẫn và kiên quyết đấu tranh cho quan điểm cốt tử đó. Chính tinh thần kiên nhẫn và kiên quyết bảo vệ quan điểm cốt tử này càng làm cho anh

Văn xứng đáng là người “anh cả” của toàn quân, càng làm cho anh Văn trở thành “một cây đa rợp bóng mát tình yêu thương đồng đội”.

Tôi muốn nói rõ thêm ý kiến của mình:

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng vừa qua đã ghi nhận vô số sáng tạo trên lĩnh vực quân sự của quân và dân ta. Nhưng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng vừa qua cũng ghi nhận một số bài học lịch sử vô cùng đau xót về vấn đề bảo toàn tính mạng và xương máu chiến sĩ. Có những trường hợp, chiến thắng tuy lớn hoặc rất lớn nhưng xương máu bộ đội bị mất mát quá nhiều. Những trường hợp này, nếu thực hiện cách đánh thận trọng hơn theo quan điểm của anh Văn thì chắc chắn số lượng thương binh và tử sĩ sẽ ít hơn và vì thế, chiến thắng sẽ lớn hơn nữa.

Vấn đề lớn thứ năm, Võ Nguyên Giáp là một con người bao dung và độ lượng.

Trong những giai đoạn quyết liệt bậc nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bí thư Quân ủy Trung ương kiêm Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp bao giờ cũng đứng vững ở quan điểm cốt tử nói trên. Nhưng buồn bức biết bao, vì những lý do nào đó, sự kiên định và sáng suốt này đã bị một vài người hiểu lầm là đồng nghĩa với sự nhút nhát và thiếu tinh thần cách mạng tiến công (!). Tuy nhiên, điều đáng kính phục hơn nơi anh Văn là trong quan hệ với những người hiểu lầm mình, anh vẫn tiếp tục cư xử một cách nhã nhặn và bình thản!

Là cán bộ cấp dưới của anh Văn, tôi luôn thấy anh Văn nói về cái tốt, cái đúng của đồng đội, đồng thời chưa bao giờ thấy anh Võ Nguyên Giáp thanh minh một vấn đề nào về bản thân mình. Với Võ Nguyên Giáp, bất cứ công tác nào mà cách mạng trao phó cho anh, anh đều hoàn thành chu đáo.

Năm vấn đề lớn trên đây góp phần thể hiện tinh vóc “đại thụ” của Võ Nguyên Giáp. Cần nghiên cứu cẩn kẽ những sự thật lịch sử đó để có thêm chất liệu góp phần khắc họa chân xác hình ảnh nhân vật lịch sử Võ Nguyên Giáp...

LỊCH SỬ VÀ CON NGƯỜI

(Về Luật sư Nguyễn Hữu Thọ)

Lịch sử Việt Nam thế kỷ XX là lịch sử giải phóng dân tộc. Cả một dân tộc vùng dậy, sôi nổi như triều dâng, ầm ầm như bão tố, quét sạch mọi thế lực phản động, đập tan ách nô lệ thực dân, viết lên những trang sử hào hùng, dựng nên một nhà nước xã hội chủ nghĩa thực sự dân chủ để đi đến công bằng, hạnh phúc.

Mỗi người dân Việt Nam yêu nước đều gắn mình vào dòng lịch sử oanh liệt ấy, mỗi người một vị trí, hợp thành bức tường đồng kiên cố của Tổ quốc, không một sức mạnh nào lay chuyển nổi. Trong dòng lịch sử ấy nổi lên một ngọn cờ nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh và một cái tên: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Gắn liền với Mặt trận là tên tuổi không phai mờ của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sinh ra từ phong trào Đồng khởi thắng lợi vang dội của nhân dân miền Nam những năm 1959 - 1960, và tiếp tục thực hiện sứ mệnh lịch sử vận động và tập hợp đồng đảo các tầng lớp nhân dân từ nông thôn đến thành thị, vì mục đích chính nghĩa giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Không những trong nước mà cả ngoài nước, uy tín của Mặt trận lan nhanh ngày càng lên cao trong suốt 15 năm chiến tranh chống đế quốc Mỹ vô cùng gay go, ác liệt. Ngọn cờ Mặt trận đã giương cao ở nhiều thủ đô các nước trên thế giới. Người đứng đầu Mặt trận, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - một nhà trí thức yêu nước chân chính, một chiến sĩ cách mạng đấu tranh kiên cường trong cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nổi tiếng trong nhân dân cả nước Việt Nam và trong nhân dân các nước trên thế giới.

Có thể nói nhân dân miền Nam nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng đã sản sinh ra người con trung thành, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ. Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã rèn luyện và tạo ra uy tín lớn lao ngang tầm với vai trò lịch sử của mình. Đồng thời, con người của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ với tên tuổi và đức độ của mình đã làm cho thanh thế của Mặt trận nâng cao và vang xa khắp bốn phương. Thời thế đã tạo nên người anh hùng và người anh hùng cũng xây nên thời thế.

Phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam đấu tranh để sống còn và tự do dân chủ, cơ hồ bị dập tắt trong máu vào những năm 1958 - 1959, khi mà Mỹ - Diệm đưa lên tột cùng việc “tố cộng, diệt cộng” dã man và quái gở, lê máy chém đi khắp nông thôn, chém đầu bất cứ ai có tư tưởng chống lại chúng. Nhưng nhân dân miền Nam vốn có truyền thống lâu đời đấu tranh bất khuất, không còn sống nổi dưới chế độ phátxít, công rắn cắn gà nhà, đã nỗi dậy khởi nghĩa từng phần, chiếm chính quyền ở cơ sở thành công vang dội sau khi được lãnh đạo kịp thời và đúng đắn của Nghị quyết 15, Trung ương Đảng và trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam. Các đoàn thể cách mạng của nhân dân khắp thành thị và nông thôn được tổ chức và lớn mạnh nhanh chóng. Yêu cầu của cách mạng đòi hỏi phải tập hợp rộng rãi hơn nữa các tầng lớp nhân dân yêu nước thành sức mạnh dời non lấp biển để giành thắng lợi triệt để.

Theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” và chủ trương sáng tạo của Người về Mặt trận dân tộc thống nhất, Trung ương Cục miền Nam đã thành lập ra một Mặt trận dân tộc thống nhất nhằm tập hợp mọi tầng lớp, mọi thành phần xã hội, mọi tôn giáo, đảng phái, nhân sĩ yêu nước vì mục đích chung “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Vì vậy, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20/12/1960. Mặt trận được thành lập đúng lúc, nhưng ai là người đứng đầu lãnh trách nhiệm lịch sử thực hiện được đầy đủ tôn chỉ, mục đích, quy tụ được tối đa trí thức, công nhân, lao động ở thành thị, nông thôn, địa chủ yêu nước ở nông thôn, các tầng lớp giáo dân bất cứ tôn giáo nào và cả trong và ngoài nước, càng thêm bạn, càng bớt thù. Đâu phải bất kỳ ai đều có thể làm được, mặc dù có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng. Vai trò cá nhân trong lịch sử từ xưa đã rõ. Lịch sử đã tạo ra những con người, nhưng chính những con người, mỗi người một vị trí phù hợp đã làm nên lịch sử. Đảng không bao giờ tự tiện đặt để, tất cả nhân dân không thừa nhận thì công việc không thể thành công. Chính vì vậy mà Trung ương Cục, người có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam cho đến thành công, phải cân nhắc mọi lẽ, tìm con người thích hợp nhất mà nhân dân chấp nhận: Đó là Luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Nhưng Luật sư Thọ lúc ấy lại đang bị giam cầm ở một nơi xa xôi nào đó. Mặc, thà vị trí chủ tịch còn để trống trong ngày thành lập, phải đón cho được Luật sư về nhận vai trò lịch sử của mình. Đây là vì thành công của cách mạng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã nổi tiếng và được đồng bào yêu mến khi đứng ra biện hộ tại tòa án thực dân cho những người bị ức hiếp và dũng cảm bênh vực những người yêu nước kháng chiến bị

thực dân bắt và đưa ra xử. Năm 1950, Luật sư thực sự là ngọn cờ đấu tranh của các giới trong phong trào Trần Văn Ông và phong trào chống Mỹ tại Sài Gòn. Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn bao gồm cả giới trí thức lúc ấy đều công nhận Luật sư là tiêu biểu cho tầng lớp trí thức yêu nước Việt Nam. Học luật tại Pháp, tiếp thu tinh thần “Tự do, bình đẳng, bác ái” của Pháp, Luật sư đã kịch liệt chống lại chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam. Cho là “phản tử nguy hiểm”, chúng đã bắt Luật sư đày đi xa ra tận Mường Tè, thuộc tỉnh Lai Châu.

Sau Hội nghị Giơnevơ năm 1954, Pháp buộc phải trả tự do cho Luật sư. Lập tức Luật sư đứng ra thành lập Phong trào Hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn được giới trí thức và quần chúng tiến bộ nhiệt liệt hoan nghênh. Phong trào đòi chính quyền Sài Gòn và Pháp phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ, trao trả tù binh, thực hiện dân sinh, dân chủ. Phong trào còn ra tờ báo *Hòa bình*, vận động quần chúng. Ngày 01/8/1954, phong trào lãnh đạo một cuộc biểu tình lớn ở Sài Gòn, phản đối chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, trả thù những người kháng chiến cũ. Ngày 15/11/1954, chúng lại bắt Luật sư Nguyễn Hữu Thọ cùng một số người khác của phong trào, nhưng không dám đưa ra xử mà lại đày Luật sư ra Hải Phòng. Một phong trào quần chúng rộng rãi đòi trả tự do cho Luật sư nổ ra không những ở Sài Gòn - Chợ Lớn mà cả ở một số tỉnh Nam Bộ. Chính quyền Sài Gòn buộc phải nhượng bộ, thả Luật sư tại Hải Phòng nhưng Luật sư đấu tranh đòi chúng phải thả mình ngay tại Sài Gòn. Nhờ có sự can thiệp của Ủy ban Giám sát và Kiểm soát việc thi hành Hiệp định Giơnevơ tại Việt Nam nên máy bay Pháp phải đưa Luật sư về Sài Gòn. Nhưng máy bay vừa hạ cánh ở Tân Sơn Nhất thì ngụy Sài Gòn lại bắt Luật sư đưa ra quản thúc ở Tuy Hòa (Trung Bộ) nhằm giam hãm suốt đời một nhân vật mà bọn phản dân hại nước sợ hãi còn hơn cú vọ sợ ánh sáng mặt trời.

Trung ương Cục đã có một quyết định sáng suốt: Phải giải thoát Luật sư Nguyễn Hữu Thọ khỏi nanh vuốt bọn phản động, trước khi bọn chúng ra tay hãm hại. Một số cán bộ được chỉ định, một đại đội vũ trang mạnh được thành lập và Tỉnh ủy địa phương (Phú Yên) phải chịu trách nhiệm tổ chức kế hoạch. Bao nhiêu khó khăn gian khổ, hai lần thất bại, hai liên lạc bị bắt, hai chiến sĩ bị hy sinh, lần thứ ba, có sự kết hợp, nỗ lực của bộ phận giải thoát và của chính bản thân Luật sư mới thành công mỹ mãn. Đường đi từ Phú Yên về đến căn cứ Trung ương Cục ở Bắc Tây Ninh chưa được tổ chức, phải vượt bao núi non, sông suối, ăn bụi nằm rừng, chống địch còn phải chống cả đói rét bệnh tật, thế mà một trí thức tuổi đã lớn, xưa nay ở đô thị với cương vị xã hội cao, đã vượt qua tất cả, hân hoan chia sẻ mọi gian truân như các chiến sĩ của đơn vị vũ trang để về tới đích. Đó là ý chí của con người yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn.

Cuối năm 1961, về đến căn cứ và sau một thời gian ngắn lấy lại sức khỏe, Luật sư đã cùng các vị trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng bắt tay chuẩn bị cho Đại hội lần thứ nhất vào ngày 16/02/1962. Đại hội chính thức đã nhất trí bầu Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Được sự chủ trì của Chủ tịch, Mặt trận phát triển nhanh và mạnh, phong trào cách mạng ngày càng giành thắng lợi lớn lao. Năm 1969, khi Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập để thay thế chức năng chính quyền nhân dân mà lâu nay Mặt trận Dân tộc Giải phóng đảm nhận, theo sự tín nhiệm của nhân dân, thì Luật sư Nguyễn Hữu Thọ lại được Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam bầu kiêm luôn chức Chủ tịch Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời cho tới ngày toàn thắng.

Đất nước đã độc lập, thống nhất, thanh bình và xây dựng cuộc sống đi lên. Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ lại được nhân dân toàn quốc bầu làm Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, rồi Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Một con người đã gắn cuộc sống và sự nghiệp của mình với một giai đoạn lịch sử oanh liệt của dân tộc, đã trải qua hai thời kỳ chiến tranh và hòa bình, tham gia hai cuộc cách mạng: Giai đoạn cuối cách mạng dân tộc dân chủ và giai đoạn đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Một con người được nhân dân yêu mến, được thế giới biết tiếng và nể trọng, được kẻ thù lo sợ nhưng khâm phục. Con người ấy rất hiền hòa, dễ gần gũi, rất thương yêu nhân dân...

Cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng trong các lần gặp Chủ tịch và đơn vị đi theo Chủ tịch bảo vệ và phục vụ đã để ý người Chủ tịch Mặt trận Giải phóng: Con người rất bình dị, dễ gần gũi, vui vẻ, lạc quan, khi gần ai cũng thấy dễ chịu, chưa bao giờ nghe ông phiền trách ai về vấn đề gì. Rất hiền hòa nhưng rất can đảm. Mỗi lần địch đổ bộ trực thăng bên cạnh hay phi cơ địch oanh tạc, bao giờ cán bộ bảo vệ cũng thúc giục Chủ tịch xuống hầm nấp hoặc di chuyển nhanh. Chủ tịch muôn nhìn thấy tận mặt kẻ địch và cười bảo: “Ta đánh Mỹ thì phải thấy mặt bọn Mỹ hành động ra sao và tiến hành oanh tạc như thế nào mới biết mà đánh Mỹ chứ”.

Cuộc đời của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ thật là trong sáng, trọn vẹn, một lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng đến cùng. Nhưng Chủ tịch cũng có một điều ân hận, chỉ một điều thôi, khi Chủ tịch trả lời câu hỏi: Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch có điều gì ân hận không?, Chủ tịch trả lời: “Có, có một điều tôi ân hận và tiếc mãi là suốt cuộc đời hoạt động của mình, tôi chưa một lần được gặp Bác Hồ, người mà tôi hết sức

kính trọng, ngưỡng mộ và biết ơn. Chính Bác Hồ là động lực giúp tôi lựa chọn và con đường đi với nhân dân lao động làm cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa... Tâm nhìn xa, trông rộng, tấm lòng và tình cảm ưu ái của Bác Hồ để lại một ấn tượng sâu sắc không phai mờ trong trái tim tôi”.

Cái ân hận của Chủ tịch cũng là đại diện cho đa số nhân dân miền Nam ân hận chưa được gặp Bác Hồ. Nhưng chính Bác Hồ cũng ân hận chưa được vào tận miền Nam trong những năm khói lửa chiến tranh để trực tiếp nhìn núi, sông, cây cỏ, nhìn và thăm hỏi đồng bào miền Nam đang chiến đấu sống còn cho độc lập và thống nhất Tổ quốc. Khi Bác còn khỏe, trước năm 1969, Bác đã nhiều lần chuẩn bị thực sự để vào tận miền Nam, tự đánh giá tình hình, tự mình nhìn thấy tận mắt cuộc đấu tranh không tiếc máu xương của đồng bào miền Nam ruột thịt (phương châm của Bác luôn luôn là đi đến tận nơi, nhìn tận mắt, nghiên cứu tại chỗ, thực tế và chính quan mà!). Nhưng Bộ Chính trị Đảng ta không đồng ý vì không dám mạo hiểm bởi “Việt Nam chỉ có một lãnh tụ, chỉ có một Bác Hồ”.

VÀI KỶ NIỆM VỀ NGƯỜI CON GÁI KIÊN CƯỜNG CỦA BẾN TRE: CHỊ NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Tôi gặp chị lần đầu tiên ngay trên đất Bến Tre, quê hương của chị vào cuối năm 1946 tại căn cứ kháng chiến của tỉnh, rừng Thạnh Phú nổi tiếng trong cả hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Chị ở trong một chòi lá vừa mới dựng để chứa vũ khí nhẹ bộ binh, lựu đạn, chất nổ... và một số tài liệu mà chị vừa vượt biển đưa về trên một chiếc ghe ngụy trang từ miền Nam Trung Bộ. Tuy tôi và chị chưa hề biết nhau từ trước nhưng khi gặp mặt chúng tôi vô cùng vui mừng và xúc động như gặp người thân lâu ngày xa cách. Chị vui mừng vì đã gặp được tôi, Khu trưởng Khu 8 Nam Bộ lúc ấy, mà chị phải trao vũ khí và tài liệu tận tay theo lệnh của trên. Như vậy là khâu chót của một nhiệm vụ nặng nề và anh dũng của chị đã hoàn tất trọn vẹn. Có gì vui sướng bằng việc hoàn thành thắng lợi một trách nhiệm kháng chiến cứu nước đầy gian khổ, hiểm nguy có thể hy sinh cả tính mệnh mình. Còn tôi xiết bao xúc động khi được gặp người con gái anh hùng săn sàng hy sinh thân mình vì nhiệm vụ của Tổ quốc, của nhân dân. Lúc ấy, chị còn trẻ lắm, mới 26 tuổi đời tươi đẹp, khỏe mạnh, hồn nhiên, nước da ngăm đen, có vẻ vì nhuộm màu nắng gió biển khơi. Tôi càng cảm kích vì biết chị đã từng tham gia cách mạng sớm, từng bị tù tội bởi thực dân Pháp trước Cách mạng Tháng Tám và chồng chị là một người cộng sản trung kiên đã hy sinh ở Côn Đảo. Tôi vui mừng nhận số vũ khí đạn dược mà chị đã cùng với số anh em từ miền Nam Trung Bộ mất bao công lao nguy hiểm mới đưa được đến Nam Bộ đang hồi cần thiết. Cuộc kháng chiến ở Khu 8 cũng như Nam Bộ mới vừa được củng cố, cả hệ thống lãnh đạo và lực lượng chiến đấu, ngay từ sau Hiệp ước 6/3, đang “thiếu đói” súng đạn, dù giàu lòng yêu nước và tràn đầy ý chí diệt thù. Đây là món quà vô cùng quý giá từ Trung ương, của Bác gửi cho đồng bào Nam Bộ

lần đầu tiên tới tay chiến sĩ. Đây thật sự là mệnh lệnh của Tổ quốc, là “gươm báu trao tay” của vị Chủ tịch, cha già dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, linh hồn của toàn dân kháng chiến. Có thể nói, chị đã thành công trong một chuyến tải vũ khí mạo hiểm để tăng cường đúng lúc sức mạnh vật chất cho kháng chiến Nam Bộ nhưng cái quý giá hơn nữa là tin này đưa ra là cả một sự động viên tinh thần rất lớn đối với đồng bào và chiến sĩ Nam Bộ trong những ngày gian khổ khó khăn hối ấy. Cái tên chị Ba Định, một người con gái Bến Tre đã được cán bộ và chiến sĩ, bộ đội Khu 8 biết lần đầu tiên khi được nhận những khẩu súng, những viên đạn Trung ương gửi vào năm đó.

Cả ngày và đêm sau, trong khi tổ chức việc vận tải và phân phối vũ khí cho các đơn vị, tôi tranh thủ hỏi chuyện chị về Bác Hồ, về tình hình miền Bắc, về chuyến đi gian lao của chị. Chị kể chuyện mà mắt cứ sáng rạng rỡ: Bác Hồ hay lăm, tới thăm chúng tôi ngay tận nơi ở. Người dong dong cao, tóc hoa râm, nhưng dáng đi thoăn thoắt nhanh nhẹn, còn khỏe lăm. Bác rất giản dị và phúc hậu làm sao! Bác thương dân mình lăm anh ơi, chúng tôi kể chuyện kháng chiến gian khổ, giặc hoành hành, Bác rất chăm chú và Bác khóc nữa. Bác nói chắc nịch: “Cả nước đồng lòng đánh giặc Pháp, chúng ta nhất định thắng lợi”. Bác còn bảo tôi: “Cô và các chú có giỏi cưng chỉ chở được vài ba tấn vũ khí về thôi, ít lăm, muốn đủ phải cướp của giặc mà đánh lại chúng”. Anh điện ra báo với Bác là tôi đã trao đầy đủ vũ khí và tài liệu cho anh rồi để Bác mừng. Và nói là con gái của Bác vẫn khỏe mạnh, đang tích cực tham gia kháng chiến cho Bác vui.

Tôi xúc động hình dung về người của Bác (vì chưa được gặp Bác bao giờ), đức độ của Bác, ghi nhớ những lời Bác dạy. Tôi cũng xúc động tưởng tượng lại cảnh con thuyền vũ khí của chị Định vật lộn với sóng gió, biển khơi, đối đầu với địch và liều lĩnh cập bến giữa đêm khuya như một huyền thoại. Tôi nghĩ, nhiệm vụ khó khăn, vượt trùng dương xuyên lòng địch, chi viện vũ khí cho chiến tranh lại rơi trên vai một phụ nữ trẻ như chị trong lúc một vài người có trách nhiệm vào lúc ấy lại rời bỏ chiến trường. Rõ ràng là dũng khí của con cháu Bà Trưng, Bà Triệu thể hiện ở người con gái này.

Nhưng chỉ huy một chiếc thuyền chở vũ khí vượt bão tố, qua mắt địch phục vụ chiến trường không thấm vào đâu so với tổ chức và lãnh đạo cả một phong trào quần chúng Đồng khởi của một tỉnh, tỉnh Bến Tre năm 1960, sau một thời gian bị địch đàn áp khủng bố và đặt xong cả một bộ máy ngụy quyền cảnh sát vô cùng khắc nghiệt. Đành rằng lãnh đạo phong trào này là do cả một tập thể Tỉnh ủy

nhưng mỗi cá nhân có vai trò nhất định trong cái tập thể ấy. Chị là người trực tiếp nhận nhiệm vụ cấp trên, trực tiếp chỉ đạo triển khai tiến hành cuộc Đồng khởi nổi tiếng ấy. Khi nghiên cứu cụ thể, có hệ thống về cuộc Đồng khởi ở Bến Tre, tôi không khỏi ngạc nhiên về tài tổ chức, huy động lực lượng, về trình độ và kế hoạch triển khai thực hiện, về nghệ thuật lãnh đạo và ứng phó tình hình, về phương châm, phương thức đối phó với phản ứng tàn bạo và quyết liệt của địch. Không có một lòng tin vững chắc vào tinh thần cách mạng của nhân dân, vào khả năng và lực lượng quyết định của quần chúng, cũng như không có một tinh thần trách nhiệm, một dũng khí cao thì khó mà có chủ trương và quyết tâm chỉ đạo phong trào thành công lớn như vậy. Rõ ràng qua phong trào này, nỗi bật lên tài thao lược, ý chí cao, nghệ thuật chỉ huy của một nữ tướng cầm quân, đội quân nhân dân, “đội quân tóc dài”, vừa hình thành tổ chức và tác chiến ngay tại chiến trường vô cùng phức tạp và đã đem lại thắng lợi vang. Chính vì vậy, vào năm 1965, khi đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng được phái vào chiến trường làm Chính ủy Bộ Chỉ huy Miền, tôi đã báo cáo lại mọi nhận định này với đồng chí. Chúng tôi đã thảo luận về tính chất và phương pháp tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ. Căn cứ vào tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, đây phải là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện. Ta yếu, nhỏ, phải đánh thắng một kẻ địch lớn và mạnh thì không được từ bất cứ một kiểu cách tác chiến nào, mà cũng không được bám vào một kiểu cách nào nhất định. Ta phải đánh địch bằng mọi thứ mà ta có và sáng tạo ra, bằng mọi lực lượng của nhân dân, vũ trang và không vũ trang, từ từng người cho đến từng đơn vị lớn nhỏ, đánh địch ở bất cứ đâu và vào lúc nào. Một bộ chỉ huy chiến trường trong một cuộc chiến như vậy không phải chỉ hiểu biết có mặt quân sự mà phải toàn diện, quân sự, chính trị, văn hóa..., không phải chỉ thông thạo chỉ huy chiến dịch chiến đấu của quân đội chính quy mà cả các lực lượng du kích, phải biết tổ chức và lãnh đạo lực lượng khởi nghĩa của quần chúng, lực lượng đấu tranh chính trị trực diện với kẻ thù, đặc biệt nhất là “đội quân tóc dài” đã nổi tiếng trong phong trào Đồng khởi. Chỉ huy lực lượng tổng hợp theo phương châm kết hợp hai chân (chính trị và quân sự), ba mũi (tấn công bằng vũ trang, bằng đấu tranh chính trị và bằng binh vận), trong mọi cuộc chiến đấu và trong từng trận đánh đòi hỏi phải bổ sung cho Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam những kiến thức và khả năng mới. Cả Quân ủy và Trung ương Cục miền Nam đều nhất trí đề nghị với Trung ương và Quân ủy bổ nhiệm chị Nguyễn Thị Định là Phó Tư lệnh Miền. Sự xuất hiện một nữ tướng chỉ huy

Quân giải phóng vào thời điểm “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ vô cùng ác liệt và đẫm máu đã tạo sự phẫn khởi lớn trong quân và dân miền Nam, sự tin tưởng vào đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta. Và có lẽ việc ấy đã gây nên sự bất ngờ và khó hiểu về phía Mỹ - ngụy. Lần đầu tiên đến nhận nhiệm vụ ở Chỉ huy sở Bộ Chỉ huy Miền, chị gặp tôi và nói ngay: “Tôi biết gì về quân sự đâu mà các anh đưa tôi về đây?”. Tôi đã vui vẻ trả lời chị: “Những điều chị chưa biết thì rõ đây thực tế và chúng tôi sẽ giúp chị biết, nhưng cái cấp bách hiện nay là chị giúp chúng tôi hiểu biết về đấu tranh chính trị của quần chúng tay không, về tổ chức và chỉ huy “đội quân tóc dài” đông đảo, kết hợp trong mọi mặt hoạt động trên chiến trường. Nếu không vậy chúng ta sẽ bị què đi một chân và mất đi một mũi, vừa bị tàn tật vừa có tội với nhân dân. Muốn thắng trong cuộc chiến tranh này, trước hết chúng ta phải là những con người có đầy đủ mặt, mũi, tay, chân, có trái tim và khói óc hoàn chỉnh”. Chị cười hồn nhiên, đầy khiêm tốn: “Tôi chỉ sợ quá sức mình và làm hư chuyện các anh thôi”. Sự thực là nhờ có chị, nhiều việc cụ thể tại chiến trường ngày càng sáng tỏ. Dưới sự chỉ đạo của anh Nguyễn Chí Thanh - Chính ủy (năm 1966, khi anh Thanh bệnh, phải trở ra miền Bắc rồi mất, thì anh Nguyễn Văn Linh thay và đến giai đoạn 1968 - 1975 thì anh Phạm Hùng là Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền), chúng tôi được phân công giúp chị hiểu những vấn đề cơ bản về chỉ huy và công tác tham mưu quân đội, về công tác chính trị trong lực lượng vũ trang và chúng tôi học tập chị trong các mặt đấu tranh chính trị và phong trào quần chúng. Chúng tôi không khỏi ngạc nhiên về sự thông minh và hiểu biết nhanh chóng của chị về các vấn đề quân sự và chỉ sau một thời gian, chị đã có thể đóng góp nhiều ý kiến có giá trị trong việc chỉ huy lực lượng tổng hợp trên chiến trường. Chị rất tích cực hoạt động, hầu như chị đã tham gia tất cả các cuộc hội nghị tổng kết về chiến tranh du kích và các đại hội anh hùng và các chiến sĩ thi đua toàn Miền. Chị đã đến thăm khắp các trung, sư đoàn chủ lực và các đơn vị binh chủng trong lúc đóng quân và ngay các đơn vị đang tác chiến. Không phải chị chỉ chăm sóc việc tổ chức, huấn luyện tác chiến của đơn vị mà còn chăm lo cụ thể việc ăn, ở, giải trí của chiến sĩ. Anh em tiếp chị như người chỉ huy, đồng thời như người chị cả thân thương, họ thường gọi chị là “chị Ba” một cách trìu mến. Anh Thanh có lần nói đùa với chị: “Chúng tôi ghen với chị về lòng yêu thương của cán bộ, chiến sĩ đấy. Nhưng tôi khuyến khích vì đã giúp nâng thêm bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”, là những lực lượng vũ trang có kỷ luật, có quyết tâm thắng giặc cao và có tình thương yêu lẫn nhau, cả cán bộ và chiến sĩ, như con em một nhà”.

Ngày chị trở thành Phó Chủ tịch nước, tôi đã nghỉ hưu. Thỉnh thoảng chị ghé thăm tôi tại nhà, tôi vẫn thấy chị thường để tâm đến lực lượng vũ trang với một tình cảm không suy giảm. Chị nói: “Làm thế nào trong thời bình với cơ chế thị trường hiện nay, bộ đội ta vẫn mãi mãi là “Bộ đội Cụ Hồ”?”. Chị tâm sự: “Phải tăng cường giáo dục nhưng quan trọng hơn là cán bộ phải gương mẫu, đặc biệt là cán bộ cao cấp đang giữ những cương vị chủ chốt. Đã là cán bộ quân đội cách mạng phải có đạo đức cách mạng như Bác dạy: Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm”. Rồi chị sôi nổi nói tiếp: “Thời chiến tranh đẹp quá anh hả. Cả lý, cả tình. Không một suy nghĩ riêng tư. Không danh, lợi, chức quyền. Sẵn sàng hy sinh vì đồng đội, vì nhân dân, vì Tổ quốc. Tự hào thay người lính Cụ Hồ”.

Dân ta thật là anh hùng. Ngày xưa có Bà Trưng, ngày nay có Bà Định.



Thượng tướng Trần Văn Trà thăm Côn Đảo năm 1976

PHẦN IV

HẠNH PHÚC MỘT ĐỜI NGƯỜI



Với Thượng tướng Trần Văn Trà, trải qua hơn 30 năm trong chiến tranh và là người trực tiếp cầm quân, sau ngày hòa bình lập lại, niềm vui lớn của một người lính là được nhìn thấy quê hương thôi tiếng súng, được cùng đồng bào của mình sống những ngày bình an và chung sức chung lòng góp phần xây dựng lại quê hương, đất nước “đáng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong ước của Bác Hồ. Là một cựu chiến binh, hòn thế, một lãnh đạo của Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, tranh thủ thời gian quý báu còn lại của một đời người, tận dụng thế mạnh và uy tín cá nhân, bằng khả năng của mình, ngoài công trình đồ sộ “Tổng kết cuộc chiến tranh 30 năm”, ông còn tham gia viết giáo trình giảng dạy, viết các bài nhận định, đánh giá về các trận đánh, tham gia góp ý kiến về các hoạt động của Trung ương, thành phố, địa phương nơi ông cư trú, trả lời các cuộc phỏng vấn, viết lời tựa cho các công trình sách của đồng chí, đồng đội... Tuổi cao, sức yếu, nhưng ông vẫn xông pha, đi về như con thoi để lo toan việc chăm lo và nghĩa tình với đồng đội...

Với ông, tất cả đã mang đến cho ông những cảm xúc được tận hưởng “hạnh phúc của một đời người”.

TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH*

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là một bộ phận của tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh, xuất phát từ: Vì quyền lợi con người, cốt giải phóng con người, phát triển tiềm năng con người làm chủ vạn vật, vì hạnh phúc con người; kết tinh từ thực tiễn đấu tranh của con người để thoát khỏi mọi ràng buộc, áp bức của thiên nhiên và của con người; hàm chứa tinh túy của triết học phương Đông, văn hóa phương Tây, truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam và khoa học hiện đại của thế giới.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh hình thành từ rất sớm, luôn luôn phát triển trong quá trình áp dụng vào thực tế, trong cả cuộc đời hoạt động của Người; đã chỉ đạo dân tộc Việt Nam đấu tranh thoát ách nô lệ gần một thế kỷ bằng chiến lược khởi nghĩa vũ trang; nước nhỏ, người ít đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc to và mạnh là Pháp và Mỹ, giữ vững nền độc lập, tự do và phẩm giá con người.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh đã đóng góp cho các dân tộc bị áp bức ở thế kỷ XX kinh nghiệm đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và bước đầu đánh bại chủ nghĩa thực dân mới, đứng lên tự giải phóng.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng xây dựng nền khoa học quân sự Việt Nam hiện đại, ưu việt cả về lý luận và thực tiễn, trở thành căn bản cho học thuyết và bí quyết giữ nước từ nay và mãi mãi về sau cho dân tộc Việt Nam cũng như cho các dân tộc muốn giữ vững bờ cõi đất nước và tự do con người chống mọi thế lực ngoại xâm.

PHẦN I QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh hình thành từ những năm 1920, được phát triển

* Bài giảng lớp Cao học lịch sử.

về lý thuyết hàng chục năm liên tiếp và được áp dụng và phát triển trong thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam hơn 40 năm qua.

1. Ảnh hưởng của giáo dục gia đình và phong trào yêu nước ở trong nước từ lúc thiếu thời

- Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, thân sinh Nguyễn Tất Thành là nhà Nho tiến bộ. Cụ phủ nhận cái thuyết trung quân của nhà Nho và cho trung quân không phải là ái quốc. Ái quốc là yêu nước, mà nước là dân. Vậy ái quốc có nghĩa là ái dân...

- Khâm phục hoạt động của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám và các phong trào Đông Du, vận động Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thực nhưng hoàn toàn không tán thành cách làm của một người nào. Cho rằng cách làm của cụ Phan Bội Châu “e rằng đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau”, cụ Phan Chu Trinh có vẻ “xin giặc rủ lòng thương”, cụ Hoàng Hoa Thám “thực tế hơn vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp... nhưng còn nặng cốt cách phong kiến”¹.

- Nguyễn Tất Thành quyết chí tự mình tìm con đường cứu nước, cứu dân. Sang phương Tây (Pháp, Anh, Mỹ...), xem nước Pháp và các nước khác làm ăn ra sao rồi trở về giúp đồng bào (1911).

2. Sự hình thành và phát triển tư tưởng cách mạng, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

- Từ năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tích cực tham gia các tổ chức chính trị, xã hội nổi tiếng của nước Pháp và các nước khác, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, viết báo và ra Báo *Người cùng khổ* (1922) với lời ra mắt: ...Tiếng nói chính nghĩa của giai cấp vô sản và nhân dân bị áp bức các nước thuộc địa... Sứ mệnh của nó đã rõ ràng: Giải phóng con người!

- Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô. Qua nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lenin, cuộc Cách mạng Tháng Mười, kinh nghiệm hoạt động của phong trào cộng sản và dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đi đến khẳng định: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, vào lực lượng của bản thân mình.

Từ năm 1925 đến năm 1927, Nguyễn Ái Quốc hoạt động phía Nam Trung Quốc, viết tác phẩm *Đường cách mệnh* để huấn luyện cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Bài viết “Công tác quân sự của Đảng trong nông dân” nêu lên một luận điểm mới rất quan trọng: Cuộc cách mạng vô sản không thể thắng lợi ở những nước

1. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983, tr.10.

nông nghiệp và nửa nông nghiệp nếu như giai cấp vô sản cách mạng không được quần chúng nông dân ủng hộ tích cực... Một phong trào cách mạng nghiêm chỉnh nào trong nông dân đều nhất thiết phải sử dụng hình thức hoạt động vũ trang.

- Từ năm 1940 đến năm 1945, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều tài liệu về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng Việt Nam chuẩn bị cho công cuộc giải phóng đất nước. Tài liệu *Con đường giải phóng* của Người đánh dấu một bước phát triển hoàn chỉnh lý luận về khởi nghĩa vũ trang. Người viết: Ở các nước Âu - Mỹ, khởi nghĩa bắt đầu từ tổng bãi công, thị uy rồi tiếp đến khởi nghĩa. Ở nước ta, khởi nghĩa có thể bùng lên ở một nơi rồi lan dần ra khắp nước. Lý luận trên được áp dụng thành công trong Cách mạng Tháng Tám. Người cũng đã viết một loạt tài liệu về quân sự như: *Cách đánh du kích*, *Kinh nghiệm du kích Tàu*, *Kinh nghiệm du kích Pháp*, *Kinh nghiệm du kích Nga*. Sách *Cách đánh du kích* chia thành 13 chương bao gồm nhiều vấn đề quan trọng từ tổ chức lực lượng đến tác chiến, không những có giá trị cho các đội du kích mà cả lực lượng chính quy.

- Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh càng được phát triển phong phú, đặc biệt là lý thuyết về chiến tranh nhân dân: Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc... Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm dùng cuốc, thuổng, gậy gộc (1946); Dùng chiến tranh trường kỳ chống lại chiến tranh chớp nhoáng của thực dân Pháp (1947); Giữ vững chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán lực lượng. Tiêu diệt sinh lực địch bồi dưỡng lực lượng ta (1959).

- Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Muốn dựng ngôi nhà tốt, thì phải *xây nền* cho thật vững... Miền Bắc là *cái nền, cái gốc* của cuộc đấu tranh hoàn thành giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà. Ở miền Nam... tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự (1961); Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ sở và rất quyết định, nhưng đấu tranh quân sự đóng vai trò quyết định trực tiếp (1963); Chúng ta phải đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy quyền (1965); Phải chú ý đến giữ sức dân. Sức người sức của cạn kiệt thì quân nhiều cũng không đánh được (1966). Đối với đế quốc Mỹ, phải có cách chủ động đi tới chỗ nó rút ra... một tay đánh, một tay mở cho nó ra (1967); Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào (Thư chúc mừng năm mới, năm 1969).

- Từ năm 1969, khi Người qua đời, cho đến năm 1975, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục chỉ đạo cuộc chiến đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đi đến thắng lợi hoàn toàn.

3. Nguồn gốc tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

- Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh xuất phát từ lòng thương yêu con người, quyết giải phóng con người khỏi mọi áp chế, làm cho con người hoàn toàn tự do, phát huy khả năng vô tận của mình. Con người cần giải phóng trước mắt là dân tộc Việt Nam vì “Chưa có bao giờ ở một thời đại nào, ở một nước nào, người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách độc ác trơ tráo đến thế”.

- Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh bắt nguồn từ tinh hoa triết học và văn hóa lâu đời của phương Đông, từ tư tưởng đại đồng của Khổng giáo “dân vi quý, xã tắc thứ chi” đến lòng bác ái vị tha của Phật giáo; đúc kết những tinh túy của binh pháp Tôn Tử, của Khổng Minh của Trung Quốc xưa, cho đến tài dùng binh của Lý Thường Kiệt, binh pháp của Trần Hưng Đạo, kết hợp quân sự, chính trị, ngoại giao đánh vào lòng người của Nguyễn Trãi, tấn công chủ động thần tốc của Nguyễn Huệ... Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh cũng bắt nguồn từ nền văn hóa phương Tây, những cái hay cái đúng của lý luận Claudovít của Phổ, của Napôlêông của Pháp, Denxơn của Anh...

- Nguồn gốc tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin với những nguyên lý giải phóng giai cấp, dân tộc, con người; tiếp thu lý luận và kinh nghiệm khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh du kích, chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh cách mạng, vận dụng sáng tạo vào cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước nông nghiệp lạc hậu.

Tư tưởng cách mạng, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh được thể hiện thành lý luận, đem lý luận áp dụng vào thực tế. Và qua vận dụng thực tiễn mà kiểm nghiệm, bổ sung cho lý luận ngày một hoàn chỉnh.

PHẦN II NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh bao gồm nhiều vấn đề rộng lớn.

Dưới đây nêu lên 7 vấn đề cơ bản nhất:

1. Chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh cách mạng

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh thực hiện chiến tranh cách mạng chính nghĩa nhằm bảo vệ quyền sống tự do độc lập, giải phóng con người, chống mọi áp bức bóc lột. Để “giữ sinh mệnh của dân” và “làm chủ an nguy của đất nước”, “không đến nguy cơ, ta chớ chiến tranh”. Chỉ tiến hành chiến tranh khi tất cả các nỗ lực đấu tranh chính trị, ngoại giao hòa bình không còn hiệu quả, đều bị thất bại.

Khi buộc phải tiến hành chiến tranh chính nghĩa thì “dù hy sinh tất cả” cũng quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng. “Trong hai phe giao chiến, phe nào có đầy đủ điều kiện nhân hòa là phe ấy thắng. Chỉ phe nào vì chính nghĩa mà chiến đấu, phe ấy mới có đủ điều kiện nhân hòa”.

2. Khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh du kích

a. Khởi nghĩa vũ trang:

Khởi nghĩa vũ trang là nhân dân nổi dậy dùng vũ khí đánh đuổi quân cướp nước, đoạt lại chính quyền. Ở những nước nông nghiệp lạc hậu, khởi nghĩa có thể bùng lên ở một vài địa phương rồi lan dần ra khắp nước. Việt Nam 90% dân chúng là nông dân. Họ có thể nổi dậy và tiến hành đấu tranh, nhưng một mình họ thì không thể chiếm được bộ máy nhà nước và giữ được bộ máy đó. *Nay giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân.*

Khởi nghĩa vũ trang chỉ có thể thành công khi lực lượng thống trị lung lay, bối rối, không đủ sức giữ địa vị của chúng như trước, khi lực lượng đông đảo của quần chúng được giác ngộ, được tổ chức, quyết hy sinh nổi dậy đấu tranh đến cùng, phải có một chính đảng cách mạng có đường lối đúng đắn, được dân chúng tin cậy lãnh đạo.

Trong khởi nghĩa phải tấn công kiên quyết, do dự một chút là thất bại. Sau khởi nghĩa thắng lợi phải lập ngay chính phủ cách mạng của nhân dân. Nhiệm vụ của chính phủ cách mạng là: Thủ tiêu chính quyền cũ, diệt trừ các hạng phản động, ban bố quyền tự do dân chủ cho nhân dân, lập quân đội cách mạng.

b. Chiến tranh du kích:

Du kích là một cách chiến tranh của dân chúng dùng khí giới ít và kém chống với đế quốc có khí giới tốt và nhiều (*Con đường giải phóng*). Chiến tranh du kích đi liền với khởi nghĩa vũ trang, bảo đảm cho khởi nghĩa thành công và bảo vệ thành quả cách mạng của khởi nghĩa.

Đấu tranh du kích không phải là những hoạt động của cá nhân hay những nhóm nhỏ dựa vào âm mưu, mà là hoạt động của các tổ chức vũ trang cách mạng, có kỷ luật chặt chẽ, dựa vào đường lối chính trị đúng đắn của đoàn thể cách mạng tiên phong và dựa vào cao trào cách mạng của quần chúng.

Nguyên tắc tác chiến của du kích là: Bao giờ cũng giữ thế công, giữ quyền chủ động và có kế hoạch thích hợp, chu đáo, hết sức nhanh chóng.

Thủ đoạn tác chiến của du kích là: Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu; không sống chết giữ đất; hóa chỉnh vi linh, hóa linh vi chỉnh...

Hình thức tác chiến du kích là: Tập kích, phục kích, truy kích, đánh úp, đánh lén, đánh lúc quân thù không ngờ...

3. Chiến tranh nhân dân

Chiến tranh nhân dân là một cuộc chiến tranh tiến hành bởi đông đảo quần chúng được giác ngộ chính trị, giác ngộ cách mạng cao, đứng lên dùng vũ khí và đủ mọi phương tiện, bằng mọi phương pháp chống kẻ thù vì mục đích chung, dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng cách mạng chân chính, kiên cường, có đường lối đúng đắn, được dân tin. Dân mà biết đồng tâm hiệp lực, biết đoàn kết tổ chức thì chủ nghĩa đế quốc tuy có mấy vạn máy bay, đạn pháo cũng không làm gì nổi. Có dân thì có tất cả¹. “Mỗi quốc dân phải là một chiến sĩ. Mỗi làng phải là một chiến hào”.

Muốn toàn dân đánh giặc thì phải “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”.

Câu nói bất hủ của Hồ Chí Minh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công” có giá trị vĩnh viễn cả về lý luận và thực tiễn.

Chiến tranh nhân dân là phải chiến đấu toàn diện, “bất kỳ già, trẻ, trai, gái; bất kỳ giàu, nghèo, lớn, nhỏ, đều cần phải trở nên một chiến sĩ tranh đấu trên mặt trận: Quân sự, Kinh tế, Chính trị, Văn hóa”.

Toàn dân chiến đấu, chiến đấu toàn diện, tạo một thế trận của chiến tranh nhân dân vô địch với lực lượng tổng hợp bao vây và tiêu diệt bất cứ kẻ thù nào.

4. Quân đội nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân

Toàn dân chiến đấu, toàn diện chiến đấu tranh trên mọi mặt trận, trong đó mặt trận quân sự là nòng cốt trong chiến tranh, vì vậy lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt của lực lượng toàn dân chiến đấu toàn diện.

Lực lượng vũ trang nhân dân, về tổ chức cơ bản bao gồm 3 lực lượng: Dân quân du kích, đơn vị tập trung của địa phương và chủ lực cơ động chiến trường. Ngoài 3 tổ chức cơ bản trên, tùy theo chiến trường, điều kiện, mục tiêu và nhiệm vụ mà có những tổ chức chiến đấu thích hợp khác như đặc công, biệt động...

a. *Dân quân du kích*: Là “một lực lượng rất rộng rãi, khắp cả nước... Nó là như một tấm lưới rộng mênh mông, bao trùm cả nước”. “Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng tan rã”. Đội viên du kích được tuyển chọn từ các hội viên các đoàn thể quần chúng cách mạng. Du kích không thoát ly sản xuất.

1. Theo tư liệu H6-09/02 lưu tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Du kích chiến đấu nhỏ lẻ. Một đội, một tổ, có khi một người cũng tổ chức được một trận đánh.

Vũ khí của du kích vô cùng đa dạng: Từ một chiếc gậy, con dao đến khẩu súng, trái mìn, đạn pháo lép của địch được tái chế lại... Từ năm 1941, Hồ Chí Minh đã dạy cán bộ 2 nguồn tìm vũ khí: Một từ trong tay giặc, hai là ở trong dân. Nhân dân sẽ tìm mọi cách tự tạo ra vũ khí cho con em mình chiến đấu.

Du kích rất coi trọng công tác chính trị. Không có công tác chính trị đúng, các đội du kích dễ mất tính chất cách mạng, dễ đi vào sai lầm có hại cho cách mạng (sách *Công tác chính trị trong quân đội cách mạng* của Hồ Chí Minh).

b. *Bộ đội địa phương*: Là đơn vị chiến đấu tập trung của một địa phương như huyện, tỉnh, được tổ chức chặt chẽ hơn và trang bị mạnh hơn du kích, được huấn luyện kỹ hơn về chiến thuật, kỹ thuật.

Bộ đội địa phương có nhiệm vụ giúp và phối hợp với du kích đánh những trận tiêu diệt nhỏ tại địa phương mình, vừa hợp đồng với bộ đội địa phương bạn hay chủ lực tác chiến lớn hơn; giúp phát triển, xây dựng và huấn luyện du kích và nhận sự giúp đỡ mọi mặt của chủ lực. Du kích là tai mắt rộng rãi cho bộ đội địa phương, bộ đội địa phương phải tạo điều kiện cho chủ lực tác chiến trong địa phương mình.

c. *Chủ lực*: Là những đơn vị vũ trang tập trung và cơ động của từng chiến trường hay trong toàn quốc, thường được tổ chức từ trung đoàn trở lên sư đoàn, quân đoàn. Đó là những đơn vị chính quy, binh chủng hợp thành và hiện đại tùy điều kiện và mức độ cho phép.

Quân đội đó số lượng là quan trọng nhưng chủ yếu là chất lượng, cốt tinh không cốt nhiều. “Phải luôn luôn phát triển các kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khát cường tất thắng, cái đạo đức: trí, dũng, liêm, trung của giải phóng quân”. “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”, “Mỗi người chỉ huy về quân sự cũng như về chính trị, phải làm *kiểu mẫu*. Phải giữ đúng *đạo đức* của quân nhân”.

Trong chiến tranh nhân dân, quân đội nhân dân (chính quy) là nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân rộng mạnh, lực lượng vũ trang là nòng cốt của toàn dân đánh địch toàn diện.

5. **Hậu phương chiến tranh, hậu phương quân đội, căn cứ địa cách mạng, căn cứ du kích**

+ Không một quân đội nào không có hậu phương vững chắc mà có thể chiến thắng được. Không có một hậu phương vững chắc thì không thể sinh ra quân đội nhân dân.

Hậu phương của lực lượng vũ trang nhân dân là một hậu phương đồng nhất, toàn diện, toàn dân với ý chí cao, cùng quân đội chiến đấu, ủng hộ hết mình về tinh thần và vật chất. Quân và dân một ý chí bảo đảm thắng lợi trong chiến tranh. Và chỉ có chiến tranh chính nghĩa mới đạt yêu cầu ấy.

Xây dựng hậu phương vững chắc là vấn đề hết sức trọng yếu của chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh đã kêu gọi: Kháng chiến và kiến quốc đi đôi, kêu gọi chống giặc đói, giặc dốt và chống giặc ngoại xâm. Năm 1947, thăm tỉnh Thanh Hóa, Người đã vạch phương hướng xây dựng hậu phương:

“Làm cho người nghèo thì đủ ăn.

Người đủ ăn thì khá giàu.

Người khá giàu thì giàu thêm.

Người nào cũng biết chữ.

Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước.

CÁCH LÀM: Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân...”

Xây dựng một hậu phương vững chắc, toàn diện về chính trị, quân sự, văn hóa, kinh tế... như vậy mới động viên được tinh thần, cung cấp sức người, sức của cho quân đội chiến đấu lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, bảo đảm thắng lợi hoàn toàn.

+ Trong cái hậu phương rộng lớn còn phải xây dựng căn cứ địa, căn cứ du kích. Đó là: Một vùng khá rộng và hiểm trở, ở đó dân chúng được tổ chức vững vàng, quân lính đế quốc khó vào được. Du kích dùng nơi đó làm chỗ đứng chân, tiến có thể đánh và phát triển lực lượng, lui có thể đứng và giữ gìn lực lượng (các căn cứ như: Việt Bắc trong chống Pháp; Tây Nguyên, Đồng Nai, Bắc Tây Ninh, Đồng Tháp, U Minh trong chống Mỹ).

+ Ngoài các căn cứ lớn còn có các căn cứ nhỏ của du kích và bộ đội địa phương, “căn cứ chính trị” ngay trong lòng địch ở nông thôn và đô thị.

Các loại căn cứ như trên cấu thành một thế trận chiến tranh nhân dân bao trùm toàn bộ chiến trường, bao vây quân thù, xen kẽ với giặc, bảo đảm phối hợp ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược rừng núi, nông thôn và đô thị, liên tục tấn công địch ở mọi nơi, mọi lúc.

6. Nghệ thuật quân sự, chiến lược, chiến thuật của chiến tranh nhân dân

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh không nêu lên những vấn đề về lý luận và chỉ đạo về đường lối, chủ trương mà còn là nghệ thuật quân sự, chiến dịch và

chiến thuật của chiến tranh nhân dân. Nước ta là một nước nhỏ, nghèo, dân số không đông, quân đội không nhiều đã thắng 2 đế quốc to, ngoài đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng suốt còn là sự chỉ đạo thực hành chiến tranh, chiến đấu quân sự trở thành một nghệ thuật, đồng thời là một khoa học.

Nghệ thuật quân sự theo tư tưởng Hồ Chí Minh có các nguyên tắc cơ bản như sau:

a. *Biết mình biết người*: Là nguyên tắc đầu tiên để tiến hành chiến tranh cũng như thực hiện từng trận chiến đấu. Hồ Chủ tịch đã viết: “Trước khi khai chiến, phải biết mình, biết người, biết tình hình thiên thời, địa lợi để định kế hoạch hành động, mới có thể thắng được”. Cần phải khiêm tốn, thấy cái gì yếu kém của mình để khắc phục, thấy cái gì ưu điểm để khuếch trương lên, đánh giá đúng khả năng của mình để hành động phù hợp nhất cho từng trường hợp. Còn biết người, Hồ Chí Minh viết: “Không biết rõ tình hình bên địch mà dám khai chiến thời có khác gì đánh bạc với chiến tranh”; phải biết được khả năng tác chiến mọi mặt của địch, điểm mạnh của quân địch để hạn chế chúng, điểm yếu của địch để khoét sâu và đánh vào đó, trong điểm mạnh có chỗ nhược nào để lợi dụng.

b. *Nhân hòa, địa lợi, thiên thời là 3 nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh*:

Hồ Chí Minh viết: “Trong hai phe giao chiến, phe nào có đầy đủ điều kiện nhân hòa là phe ấy thắng”. Chiến tranh nhân dân chính nghĩa, toàn dân toàn diện là có đầy đủ điều kiện nhân hòa mà nhân hòa là yếu tố quyết định quan trọng nhất trong chiến tranh.

Thiên thời như Hồ Chí Minh đã phân tích: Khí hậu của ta không thuận cho giặc, ta còn lợi dụng ngày, đêm, sớm, tối, mưa, nắng, nóng rét để đánh địch. Thiên thời còn là thời gian và thời gian là lực lượng.

c. *Về chiến lược đánh lâu dài, về chiến thuật đánh nhanh thắng nhanh, giải quyết nhanh*:

Về chiến lược, ta bắt đầu từ yếu dần trở thành mạnh, từ ít dần trở thành nhiều nên phải có thời gian tích lũy quân nhu, kinh nghiệm, giành từ thắng lợi nhỏ đến thắng lợi lớn đi đến thắng lợi hoàn toàn. Hồ Chí Minh đã giải thích: “Với binh nhiều, tướng đủ, khí giới tối tân, chúng định đánh mau thắng mau. Với quân đội mới tổ chức, với vũ khí thô sơ, ta quyết kế trường kỳ kháng chiến... Địch có tàu bay, tàu bò, tàu thủy nhưng nó có chừng nên nó muốn đánh chớp nhoáng... Ta lợi hơn nó là nó không thể kéo dài được, mà ta thì có thể kéo dài”¹.

1. Q.T.: “Phương pháp tác chiến”, Báo Cứu quốc, ngày 14/6/1946.

Về chiến thuật, từng trận đánh phải thắng nhanh. Trong bài thơ *Học đánh cờ*, Hồ Chí Minh có câu: “Tấn công, thoái thủ nên thần tốc”. Trong bài *Binh pháp Tôn Tử - Phương pháp tác chiến*, Người nêu: “Phải vừa nhanh vừa có mưu mới quyết định được thắng lợi”.

Để bảo đảm được thần tốc và chiến thắng phải tôn trọng một số nguyên tắc:

- Bí mật, bất ngờ: “Ta biết rõ giặc, giặc không rõ ta. Đi nhẹ không tăm, về nặng không tiếng. Tiến nhanh như gió, thoái kín như đêm. Phục giặc không biết, đánh giặc không ngờ”.

- Nghi binh, lừa địch: Trong chiến tranh, đôi bên đều tìm mọi cách che kín mình và tìm rõ địch. Ai khéo ngụy trang thì người đó lừa được đối phương mà giành phần thắng. Trong bài *Đặt kế hoạch tác chiến* (Báo Cứu Quốc, ngày 07/6/1946) Hồ Chí Minh viết: “Tiến đánh chồ địch không phòng bị hay thấy địch không để ý, mình tiến đánh một cách bất ngờ” (Chiến dịch Nguyễn Huệ bằng nhiều cách ta đã làm địch hiểu lầm hướng Xa Mát - Thiện Ngôn là hướng chính, ta tấn công hướng chính giải phóng Lộc Ninh. Tháng 3/1975, ta nghi binh ở Kon Tum, Pleiku, địch tập trung đối phó, ta tấn công giải phóng Buôn Ma Thuột, đẩy địch hoàn toàn bị động).

d. Chiến dịch tấn công và chủ động chiến trường:

Khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân đòi hỏi áp dụng chiến lược tấn công. Tấn công để giữ thế chủ động chiến trường, chủ động cả về chiến lược và chiến thuật.

“Giữ quyền chủ động là khôn khéo sử khiến quân thù, muốn đánh nó ở chỗ nào thì đưa nó đến đó mà đánh, muốn đưa nó vào bẫy của mình có thể đưa được”. “Du kích mà để cho quân thù đến đánh, mình phải phòng ngự, là không tốt rồi, là phải ở vào thế khó rồi...”. Tuy vậy có lúc phải ngự phòng. “Nhưng lối phòng ngự này là lối phòng ngự thế công không phải rút vào một chỗ để cho quân thù tha hồ đánh phá”.

e. Cơ động, linh hoạt, biết phân tán, biết tập trung, không giữ đất:

Bất cứ chủ lực, địa phương hay du kích đều phải tích cực tìm địch mà đánh, chủ động tấn công quân địch. Hết sức linh hoạt trong tổ chức chiến đấu trên từng chiến trường nông thôn, rừng núi hay đô thị tùy điều kiện và hoàn cảnh mà khi phân tán, khi tập trung.

Lực lượng nhỏ hay lớn đều phải luôn luôn cơ động, không bao giờ ở lâu một chỗ, không bao giờ đánh địch một nơi, trừ đơn vị chuyên trách mục tiêu, có như vậy

mới chủ động tấn công địch. Hồ Chí Minh đã dạy: “Tài giỏi của du kích chính là xếp đặt kế hoạch ấy, thật là thiên biến vạn hóa, kẻ thù không biết đâu mà ngờ, mà phòng”.

Không chiếm giữ đất đai. Trong lúc quân địch phải rải ra chiếm đóng khắp nơi và phải phòng ngự giữ mình thì lực lượng ta hoàn toàn tự do cơ động khắp rừng núi nông thôn, thành thị để chủ động tấn công địch. Hồ Chí Minh đã viết: “Chúng ta không cố chiếm hoặc cố giữ trận địa, trừ khi nào cần và có lợi. Để tiến hành vận động chiến một cách lợi, có khi chúng ta rút lui ở một nơi nào, để làm phân tán binh lực của địch quân”, “sự chiếm đoạt một khoảng đất hay một thành thị, chưa thể quyết định được hơn thua”.

g. Kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy:

Trong chiến tranh nhân dân, ta đánh địch bằng lực lượng tổng hợp. Ba mũi giáp công là phương pháp tiến công nổi tiếng trong chiến tranh chống Mỹ (vũ trang, chính trị và binh vận).

Chiến tranh chính quy do quân chủ lực tiến hành luôn luôn kết hợp với chiến tranh du kích:

Hồ Chí Minh đã chỉ thị: “phải mở rộng du kích chiến để tiêu diệt và tiêu hao những bộ phận nhỏ của địch; để chống địch càn quét, bảo vệ tính mạng, tài sản cho dân; để khuấy rối, phá hoại, kiềm chế địch, tuyên truyền và giáo dục quần chúng những vùng đó, thu hẹp nguồn ngụy binh của địch, mở rộng vùng du kích và cản cứ du kích...”.

Chiến tranh chính quy, “dùng vận động chiến linh hoạt, để tiêu diệt từng mảng sinh lực địch, làm cho địch yếu đi, phối hợp với công kiên chiến từng bộ phận, để tranh lấy những cứ điểm và thị trấn nhỏ ở đó địch sơ hở, yếu ớt...”. Chủ lực là đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt, “tiêu hao lực lượng địch là để bồi dưỡng lực lượng ta”, “làm thương tổn 10 ngón tay không đau đớn bằng cắt đứt hẳn đi 1 ngón tay... đánh bại 10 sư đoàn không bằng trừ diệt 1 sư đoàn”.

Sự vận dụng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về sự kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy được vận dụng trong suốt hai cuộc kháng chiến, nổi bật với Chiến dịch Biên giới năm 1950, Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

7. Lấy nhân nghĩa thắng bạo tàn

Nhân nghĩa, độ lượng là tính cách đạo đức Hồ Chí Minh. Quý trọng con người chân chính, khoan dung, độ lượng với người sai quấy, với kẻ địch sa cơ.

Chiến tranh của ta là chính nghĩa, đúng đạo lý, hợp lòng người. Cần tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và quân đội đôi bên chiến tuyến, với nhân dân toàn thế giới để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ rộng rãi. Sự ủng hộ đó là sức mạnh góp phần đánh vào kẻ địch phi nghĩa. Cần vận động binh sĩ địch, thức tỉnh họ đứng về phía chân lý, không gây tội ác, không chiến đấu vì mục đích sai lầm. Binh địch vận là một mặt trận không kém phần quan trọng. Một khi ánh sáng chính nghĩa soi rọi được vào binh sĩ quân đội đối địch phi nghĩa thì quân đội ấy sẽ bị phân hóa, giảm sức chiến đấu, có lợi cho ta. Đó là đánh vào lòng người, có khi ta không đánh mà thắng.

Thêm bạn bớt thù là phương châm hành động trong chiến tranh cũng như trong hòa bình.

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là một tri thức tổng hợp, một học thuyết vô giá của dân tộc ta và các dân tộc bị áp bức. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh dựa vào con người, nhằm phát huy năng lực vô biên của con người khi được giác ngộ và được giải phóng. Không phải sức mạnh của vũ khí, dù loại vũ khí gì, uy lực đến đâu, không phải sức mạnh tàn bạo của một tổ chức quân đội nào, mà là sức mạnh của con người, của cả một tập thể con người quyết định thắng bại trên chiến trường. Con người làm nên lịch sử.

PHẦN III GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH NGÀY NAY VÀ NGÀY MAI

1. Chiến tranh là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm của loài người khi xã hội ấy còn có bóc lột, bất công, bất bình đẳng, khi trên thế giới còn có nước này muốn lấn chiếm đất đai, bờ cõi của nước khác, dân tộc này muốn nô dịch dân tộc khác.

Nhận thức như vậy, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh dự liệu những phương pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, đối thoại để giải quyết một cách hòa bình mọi mâu thuẫn có thể có giữa các dân tộc, cố tránh chiến tranh đi đến tiêu diệt chiến tranh. Điểm cơ bản của tư tưởng đó là lòng nhân ái, thương yêu quý trọng con người, tôn trọng quyền con người được sống tự do và hạnh phúc trên giang sơn của mình. Đồng thời, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh cũng đề cao cảnh giác trong một thế giới còn đầy rẫy mầm mống chiến tranh, dự liệu trước đường lối, phương pháp chiến tranh bảo đảm chắc thắng cho chiến tranh chính nghĩa, tự vệ khi buộc phải chiến tranh.

Ngày nay thế giới không còn chia làm hai cực đối đầu lẫn nhau, vũ khí và chiến tranh không còn là phương tiện định đoạt vận mệnh con người mà chính con người với năng lực vô biên mới định đoạt số phận của mình (chiến tranh Việt - Mỹ 1954 - 1975, chiến tranh vùng Vịnh...). Nhân tố kinh tế, quyền lợi kinh tế của mỗi nước, mỗi khu vực đã vươn lên giữ vai trò quan trọng trong diễn biến tình hình thế giới. Nó ảnh hưởng đến quyết định chính trị, quân sự, quan hệ quốc tế. Nhu cầu về một sự ổn định về chính trị để phát triển về kinh tế, nâng cao đời sống con người là tối cần thiết.

Nhưng thế giới còn đó hai tư tưởng, hai chế độ khác nhau: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

- Tư bản chủ nghĩa đã bộc lộ sự già cỗi, lỗi thời. Tuy nó đã lợi dụng sự phát triển thần kỳ của khoa học và kỹ thuật để nâng cao sản xuất của cải vật chất, vũ khí công nghệ tiên tiến nhưng chưa hề thỏa mãn được nhu cầu của con người cả vật chất và tinh thần. Ngược lại, nó đã đem lại không ít tai họa cho nhân loại: nghèo đói, thất nghiệp, tội ác, kỳ thị chủng tộc, đồi trụy tinh thần. Nó không hề thay đổi bản chất tham lam. Nó chỉ muốn bảo tồn quyền lợi và hưởng thụ của một thiểu số, áp bức bóc lột đại đa số bằng mọi cách, không loại trừ tiến hành chiến tranh xâm lược, nô dịch các nước, các dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố: Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước, tiến hành đường lối đối ngoại hữu nghị và hòa bình với các dân tộc, tìm mọi cách tránh chiến tranh, giữ vững hòa bình, xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, bảo tồn bản sắc dân tộc. Đồng thời để cao cảnh giác, thực hiện dựng nước đi đôi với giữ nước. Đó là đường lối đúng đắn theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Ngày nay trong một thế giới mà mầm mống chiến tranh vẫn còn, âm mưu thôn tính và bành trướng chưa hết, luôn luôn đề cao cảnh giác, “kiến quốc phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc”, bảo vệ con đường xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là vô cùng quan trọng. “Không đến nguy cơ, thì chờ chiến tranh”, nhưng khi phải chiến tranh thì nhất định phải thắng. Muốn vậy phải chuẩn bị sẵn:

- Một chiến lược quốc phòng phù hợp.
- Một hậu phương vững chắc.
- Một lực lượng tổng hợp của chiến tranh nhân dân.
- Những bảo đảm để thực hiện chiến dịch, chiến thuật, nghệ thuật quân sự theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

Chiến lược quốc phòng phải phù hợp với tình hình trong nước và thế giới đến đầu thế kỷ XXI và phù hợp với từng thời kỳ sau đó. Xác định đúng đối tượng, kẻ thù chính và phụ trong từng thời kỳ, luôn thêm bạn, bớt thù, xác định đúng nhiệm vụ từng chiến trường mà tổ chức và bố trí lực lượng phù hợp. Phân tích chính xác các mâu thuẫn có thể gây ra xung đột, chiến trường phải tác chiến, để có sẵn kế hoạch và biện pháp chính trị, quân sự, tổng hợp, luôn giữ thế chủ động trong bất kể tình huống nào.

Hồ Chí Minh đã từng dạy: “Bất kỳ hòa bình hoặc chiến tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”.

3. Trước kia có hai siêu cường, nay có nhiều siêu cường tranh nhau về kinh tế để làm bá chủ thiên hạ. Mâu thuẫn trước mắt là kinh tế, chính trị cũng có thể dẫn đến mâu thuẫn đối chọi về vũ trang, cục bộ nơi này, nơi khác. Thế giới còn có thể phức tạp hơn nhiều. Nhưng phức tạp đến đâu, tranh giành kinh tế, chính trị, chiếm đoạt bằng vũ trang hay “diễn biến hòa bình”, theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, con người vẫn giữ vai trò quyết định.

Một khi con người được giác ngộ, đoàn kết chặt chẽ, quyết tự đứng lên bảo vệ quyền lợi của mình thì không một kẻ thù nào, không một thủ đoạn kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa nào có thể thắng nổi. Đó là truyền thống của dân tộc ta, là tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Vận động, giáo dục, giác ngộ nhân dân, tổ chức họ lại, đoàn kết trong một mặt trận vì quyền lợi của Tổ quốc, của dân tộc là nhiệm vụ của các đoàn thể chính trị - xã hội. Vai trò của các đoàn thể ấy là rất quan trọng trong bất cứ thời kỳ nào. “Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có thì việc gì làm cũng không xong”. Một đảng cách mạng thực sự vững mạnh, ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, không có lợi ích nào khác, thì nhất định tập hợp và lãnh đạo được toàn dân đấu tranh giành thắng lợi.

Một chính quyền do dân, vì dân, dựa vào dân nhất định điều hành có hiệu quả đất nước trong mọi tình huống.

Đó là một cơ chế của một chế độ đi lên xã hội chủ nghĩa, lấy dân làm gốc, có sự lãnh đạo và điều hành chặt chẽ của một đảng, một chính quyền vì dân nhất định có thể đối đầu với bất kỳ khó khăn nào, có thể giành toàn thắng trong “diễn biến hòa bình” hay chiến tranh.

Đó là điều cơ bản của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh bảo đảm giành toàn thắng bất cứ kẻ thù nào, vũ khí nào, ở thời đại nào.

CÂU HỎI:

Phân I:

1. Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh hình thành từ bao giờ? Phát triển như thế nào trước Cách mạng Tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến?
2. Nguồn gốc tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh?

Phân II:

1. Vì sao tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh lại đặt vấn đề chỉ tiến hành chiến tranh cách mạng khi tất cả các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao hòa bình không còn hiệu quả, “không đến nguy cơ, thì chờ chiến tranh”?
2. Khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân khác nhau như thế nào? Nội dung tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về hai vấn đề trên?
3. Phân tích sự khác nhau, đồng thời mối liên hệ hữu cơ của hậu phương chiến tranh, hậu phương quân đội, căn cứ địa và căn cứ du kích? Nêu ví dụ?

Phân III:

1. Vì sao ngày nay các siêu cường có đủ vũ khí giết người hàng loạt, chuẩn bị cả chiến tranh trên các vì sao, Đảng ta vẫn chủ trương thực hiện tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh: Con người vẫn là yếu tố quyết định thắng lợi trong “diễn biến hòa bình” hay chiến tranh?
2. Làm thế nào để chiến lược quốc phòng của ta phù hợp với tình hình trong nước và trên thế giới đến đầu thế kỷ XXI và phù hợp với từng thời kỳ sau đó?



Đồng chí Trần Văn Trà - Khu trưởng Khu 8, Trưởng đoàn cán bộ quân - dân - chính
(ngồi hàng đầu, ở giữa) chụp ảnh với Bác Hồ và đồng đội tại chiến khu Việt Bắc

NGHĨ VỀ ẤP BẮC

Ấp Bắc, một thôn nhỏ, dân cư thưa thớt, nằm ven Đồng Tháp Mười, một thôn nghèo bị lùi sâu vào vùng đất bờ bắc của Tiền Giang, bỗng nhiên nổi tiếng trong mùa xuân năm 1963. Mùa xuân ấy, hàng đòn trực thăng, những “cá rô”, “cá lẹp”, “cán gáo” gầm rít, quần thảo làm vẩn đục bầu trời Ấp Bắc; từng bầy xe thiết giáp lội nước chở quân ngụy như bầy cua đồng xé dọc xé ngang ruộng vườn; những loạt bom và đại bác nổ đinh tai nhức óc, cày xới đất đai, sập nhà sập cửa. Và nữa, trên kinh (kênh) Nguyễn Tấn Thành vòng từ phía đông ra phía sau Ấp Bắc, cả đoàn tàu chiến rầm rộ tiến hành bao vây, quyết không để một Việt cộng, một người dân nào chạy thoát. Nhưng họ nào có chạy. Họ trụ lại và chuẩn bị đón chờ cuộc “hội ngộ” từ mấy ngày nay. Không phải họ mình đồng da sắt gì để mà chơi lại với bom đạn sắt thép Huê Kỳ¹. Họ có trái tim và trí tuệ. Nhờ trái tim trong sáng vì nước vì dân, quên mình mà để ra trí thông minh sáng tạo, biết dựa vào lòng đất, lòng dân, xây nên sức mạnh tổng hợp để ít hóa ra nhiều, yếu trở thành mạnh mà thắng oanh liệt quân thù. Kẻ cưng lạ, kẻ bị phơi thây trên chiến địa, nhiều trực thăng tan xác, nhiều xe thiết giáp chỏng giọng, kẻ phải rút chạy lại chính là bầy quỷ dữ xâm lăng và bán nước đồng đặc, được trang bị hiện đại và dồi dào, được trực thăng vận và thiết xa vận tân kỳ, hùng hùng hổ hổ lúc đầu tưởng như ăn tươi nuốt sống tất cả Việt cộng và người dân Ấp Bắc.

Sau trận Ấp Bắc còn nhiều trận lớn hơn, ác liệt hơn và thắng to hơn, nhưng sao Ấp Bắc lại danh tiếng vang lừng hơn? Cả nước từ thành thị đến thôn quê, ai ai cũng biết đến Ấp Bắc. Cả miền Nam từ đơn vị chủ lực đến anh du kích, biệt động đều “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”. Ấp Bắc trở thành ngọn cờ đầu lúc ấy cho bộ đội, nhân dân ta tiến lên đánh ngụy, đánh Mỹ. Ấp Bắc đã đem lại niềm tin chiến thắng, lòng can đảm và mưu trí cao trong việc hạ trực thăng, chôn vùi thiết giáp Mỹ. Cái tên thôn hẻo lánh Ấp Bắc ấy được lính ngụy, lính Mỹ nhắc đến một cách sợ hãi và cũng được các nhân vật ở tận Lầu Năm Góc bên Mỹ nói đến một cách ngạc nhiên.

1. Tức Hoa Kỳ (B.T).

Nguyên do là thế này: Sau phong trào Đồng khởi năm 1960, nhân dân ta đã làm chủ hàng nghìn làng mạc, đặc biệt là ở khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chính quyền Diệm được Mỹ xây dựng và lãnh đạo đã bị lung lay tận gốc và có nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình thế, Mỹ buộc phải tiến hành chiến tranh thực sự chống lại cách mạng, chống lại nhân dân Việt Nam. Chúng chủ trương tiến hành kiểu “Chiến tranh đặc biệt”, nghĩa là dùng xương máu thanh niên Việt Nam do ngụy quyền cung cấp cộng với vũ khí và tiền vàng của Mỹ, do Mỹ lãnh đạo và chỉ huy. Từ năm 1961, chúng đưa mạnh các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh vào miền Nam nước ta trong đó có nhiều loại trực thăng và xe thiết giáp, xe tăng. Với phương tiện hiện đại như vậy, quân lính ngụy do cố vấn Mỹ tổ chức, trang bị, huấn luyện và chỉ huy chiến đấu, được chở bằng máy bay lên thẳng và xe bọc thép, có thể rất nhanh chóng đến bất cứ nơi nào trên chiến trường trong vòng một vài tiếng đồng hồ, bất chấp địa hình nơi đó có sông ngòi ngăn cách, có sinh lầy nước đọng, hay rừng sâu núi cao, tiền tuyến, hậu phương như vậy mà khó phân biệt. Chúng đã tăng cường được cho quân đội chúng tính cơ động nhanh, sức đột phá mạnh và hỏa lực dồi dào, ưu thế hơn gấp trăm lần đối phương. Chúng có thể tiến hành bao vây mau và chặt, hủy diệt nơi nào chúng muốn và khi cần thì rút chạy cũng nhanh. Ai đã từng sống trong những ngày đầu “Chiến tranh đặc biệt” ấy, năm 1961 - 1962, không thể quên được sự tung hoành của trực thăng trên bầu trời. Có khi chỉ một chiếc trực thăng thôi mà chúng kiểm soát được cả một vùng rộng trống trải ở đồng bằng. Trực thăng đã từng hạ thấp, đứng nguyên một chỗ, kêu người nông dân đang làm ruộng đưa giấy tờ cho chúng xét, vạch áo cho chúng xem lưng để xác định có phải là Việt cộng, có mang vũ khí không. Trong những ngày ấy, bộ đội chủ lực ta mới bắt đầu hình thành, trang bị của các lực lượng ta chỉ là súng bộ binh nhẹ và còn rất ít súng có hiệu lực cao. Về chiến thuật, ta còn rất bỡ ngỡ khi phải đối phó với một lực lượng hợp thành nhiều binh chủng hiện đại như vậy của địch. Gặp những cuộc càn quét của địch có nhiều xe tăng, thiết giáp và trực thăng thì du kích và bộ đội địa phương của ta buộc phải phân tán, bắn tỉa hoặc rút tránh nơi khác, chờ cơ hội đánh phục kích hay tập kích bất ngờ. Nhưng không lẽ cứ rút tránh mãi thì làm sao diệt nhiều địch, phá được chiến thuật của chúng để giành thắng lợi, giải phóng quê hương. Nếu bất thình lình giặc tới, bộ đội ta đánh để tồn tại rồi nhanh chóng thoát khỏi trận địa đi nơi khác để cho dân chúng ở đó bị địch khùng bố và kìm kẹp thì sao? Khi đã quyết bảo vệ dân, làm chủ đất nước thì phải nghĩ ra cách đánh để thắng, bất cứ tình huống khó khăn mấy, có khi tưởng như vượt quá sức lực và trí óc của mình. Thế là các đồng chí chỉ huy Khu 2 của ta (miền Trung Nam Bộ) thời kỳ ấy đã cùng chỉ huy các tiểu đoàn (lúc ấy mới có biên chế đến tiểu đoàn) thảo luận tìm kiếm cách đánh thích hợp nhất, hay nhất. Họ hạ

quyết tâm trụ lại đánh trả, bộ đội không rút, tránh đi nơi khác, nhân dân không tản cư nữa mà cùng nhau ở lại chống giặc giữ làng. Đó là Tiểu đoàn 261 của Khu 2 (sau này được đặt tên là Tiểu đoàn Gironde), Tiểu đoàn trưởng là Hai Hoàng. Họ đã bàn bạc, vận động nhân dân vùng Ấp Bắc để thống nhất ý chí, đồng tâm hiệp lực, đánh giặc bằng vũ trang, đấu tranh bằng chính trị và vận động binh lính địch không bắn đồng bào mình, theo phương châm chỉ đạo của trên: Hai chân, ba mũi - phương châm đã được đúc kết từ thực tế của quần chúng các địa phương, từ ngày Đồng khởi đến nay. Kế hoạch được hình thành. Bộ đội phác họa trận địa bố trí các lực lượng của tiểu đoàn, của bộ đội địa phương huyện, của du kích xã, ấp theo dự đoán về địch và phương án tác chiến của ta. Nhân dân cùng bộ đội đào công sự, lo nấu ăn, tiếp tế, cứu thương... Các đoàn thể tổ chức ra lực lượng sẵn sàng trực diện đấu tranh chính trị và binh vận. Họ đã gấp rút chuẩn bị và chờ đợi. Địch đã đi tới theo dự đoán. Tất cả các cánh ngụy đều bị chặn đánh kịch liệt, xe thiết giáp bị nổ tung, trực thăng đổ quân bị bắn rơi. Trong lúc bom đạn đòi bên rền trời thì một đoàn các chị và các mẹ lớn tuổi đã ra Đường 4, cách đấy 4-5km, nơi trận địa pháo địch bắn chi viện cho các cánh quân của chúng, vận động binh lính đừng bắn vào làng, vào đồng bào mình. Vừa thuyết phục, các bà vừa xông tới đỡ nòng pháo lên cao, trì kéo với lính ngụy không cho bắn... Không được chi viện bằng pháo, bộ binh mất tinh thần, bị bộ binh ta xung phong mãnh liệt, hàng ngũ chúng rối loạn, lớp bị thương vong, lớp rút chạy, cuối cùng quân dân ta làm chủ trận địa. Trận đánh kết thúc, thắng lợi vang vè ta.

Lần đầu tiên, chiến thuật tân kỳ của Huê Kỳ, trực thăng vận và thiết xa vận bị đập tan từng mảnh. Lần đầu tiên quân ngụy hiểu ra rằng những khối thép cơ động không che chở được cho chúng, máy bay lên thẳng đổ quân thẳng đứng từ trên trời xuống cũng không thể thoát chết, những bàn tay nhăn nheo và lời nói nhẫn từ của mẹ già cũng làm câm được thần đại bác.

Cũng lần đầu tiên, dân và quân ta hiểu rõ bằng thực tế sức mạnh thần kỳ của quân và dân đồng tâm nhất trí, trong một trận đánh quyết liệt, ba mũi giáp công vỏ quýt dày đã có móng tay nhọn. Kỹ thuật hiện đại, chiến thuật tân kỳ của Mỹ - ngụy đã bị quân và dân cách mạng Ấp Bắc phá tan bằng cách đánh và đấu tranh gan dạ, sáng tạo, bằng lực lượng tổng hợp của mình.

Trận đánh Ấp Bắc, một trận đánh trả càn quét thắng lợi, trở thành một sự kiện trong “Chiến tranh đặc biệt” có ý nghĩa lớn lao, một căn cứ thực tế để giúp lãnh đạo tối cao giải đáp được câu hỏi ray rứt từ gần hai năm nay: Liệu ta có chống nổi quân đội nhà nghề đông đảo và phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ - ngụy? Liệu ta có thắng được cuộc “Chiến tranh đặc biệt” của chúng? Bây giờ thì câu trả lời

dứt khoát là được. Từ đó mà khẳng định quyết tâm chiến lược: Đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, giành thắng lợi, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Trận Ấp Bắc không chỉ còn là một trận đánh ở một thôn hẻo lánh mà là phương hướng chiến thuật, phương châm tác chiến, phương thức tiến hành chiến tranh hai chân, ba mũi. Một lần nữa quân chúng hành động, sáng tạo từ cơ sở bên dưới (đại đội, tiểu đoàn và nhân dân một ấp) đã giúp cho trên xác định chủ trương lãnh đạo cuộc chiến tranh và củng cố niềm tin ở thắng lợi.

Trận Ấp Bắc là một sự kiện của quá khứ trong lịch sử chiến tranh chống Mỹ. Trong một tình huống vô cùng khó khăn, nguy hiểm của chiến tranh mà quân địch có ưu thế gấp bội về nhiều mặt như quân số, vũ khí, kỹ thuật, tiền tài... và có một quyết tâm của một “dã thú độc ác” trước con mồi béo bở, nhân dân (chiến sĩ và nhân dân trong ấp) đã sáng suốt và dũng cảm tìm ra con đường đi đến thắng lợi. Vậy thì trong một hoàn cảnh không phải nước sôi lửa bỏng như vậy, trong xây dựng hòa bình, trong sản xuất chẳng hạn, làm cho dân hiểu, bàn bạc với dân và cùng làm với dân thì chắc chắn sẽ đem lại kết quả mong muốn.

Sự kiện Ấp Bắc còn chỉ rõ rằng, đường lối, chính sách của trên khi nào cũng dựa vào thực tế từ bên dưới mà không phải từ giáo điều sách vở nào hay từ tư duy của một cái đầu thần thánh nào. Đúng là phải từ tư duy của hàng trăm ngàn cái đầu con người và được kiểm nghiệm từ thực tế. “Lịch sử là một tấm gương sống đồng thời là một nguồn kinh nghiệm”, nhà văn nổi tiếng Xôviết A. Rubakop đã nói đúng.

CHIẾN THẮNG BA GIA - ĐÒN ĐÁNH BỒI LÀM PHÁ SẢN “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐỊCH

“Chiến tranh đặc biệt” với công thức là vũ khí Mỹ công với máu người bản xứ đến thô nhát nước người, khâu đầu tiên trong chiến lược “Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ, mở ra ở miền Nam năm 1961. Đầu năm 1963, chiến thắng Ấp Bắc của ta ở Mỹ Tho đã chỉ rõ nhân dân Việt Nam có thể dùng chiến tranh cách mạng chống lại chiến tranh phản cách mạng. Thực tế hành động tại chiến trường đã làm cho ta hiểu rõ địch, sức mạnh và khả năng, chỗ mạnh và chỗ yếu của nó, nhưng quan trọng hơn là làm cho ta biết ta rõ hơn để vững vàng xác định quyết tâm chiến đấu.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, ta chủ động mở chiến dịch kết hợp quân sự, chính trị, kết hợp ba thứ quân mà chủ lực Quân giải phóng làm nòng cốt tấn công quân ngụy tại chiến trường Bình Giả thuộc Bà Rịa - Long Khánh, tiêu diệt và đánh thiệt hại hàng loạt tiểu đoàn ngụy trong đó có các tiểu đoàn biệt động dù và thủy quân lục chiến là lực lượng tổng trừ bị của quân ngụy. Chiến thắng Bình Giả đã chứng tỏ quân ngụy “không đủ sức đương đầu với Việt cộng” (theo Bộ Quốc phòng Mỹ) và là đòn quyết định “làm thất bại cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”” (theo Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp). Vì vậy, Mỹ phải chữa cháy, cứu ngụy quân bằng cách đưa quân viễn chinh Mỹ vào trực tiếp chiến đấu ở miền Nam Việt Nam, mở đầu là Lữ 9 thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng ngày 08/3/1965.

Được thế hỗ trợ của Mỹ, quân ngụy mở cuộc tấn công vào vùng Ba Gia, miền tây tỉnh Quảng Ngãi vào tháng 5/1965. Ở đây, Quân giải phóng không phải phòng ngự, chống đỡ mà là chủ động gài thế trận tấn công lại quân địch bằng chiến thuật vận động của quân chủ lực kết hợp với du kích, bộ đội địa phương tại chỗ. Cuộc chiến tranh nhân dân của ta đã triển vê mặt quân sự là sự kết hợp quân chủ lực với quân du kích, kết hợp với chính quy chiến... Với chiến thắng Ba Gia, trong một

thời gian ngắn, ta tiêu diệt 4 tiểu đoàn quân ngụy, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn tổng trừ bị thủy quân lục chiến ngụy, giải phóng gần 200.000 dân, là một thành tích vang dội trong thời kỳ ấy. Đòn tấn công Ba Gia cùng với đòn tấn công Đồng Xoài tiêu diệt đồng thời quân địch ngoài công sự và trong công sự là những đòn đánh bồi tiếp theo trận Bình Giã, có ý nghĩa lớn cả về chiến thuật và chiến lược.

Chiến thắng Ba Gia cho thấy sự trưởng thành nhanh chóng trong tác chiến của Quân giải phóng, sự dũng cảm và sáng tạo của cán bộ và chiến sĩ ta. Để đánh quân ngụy đông, được trang bị mạnh và được yểm trợ của không quân và pháo binh, chủ lực Quân giải phóng đã nắm vững thời cơ, bao vây chia cắt, vận động đánh tiêu diệt gọn nhanh, làm chủ chiến trường. Đó là một tiến bộ vượt bậc trong thời kỳ cuối của “Chiến tranh đặc biệt”.

Ba đòn liên tiếp Bình Giã - Ba Gia - Đồng Xoài đã đập tan mưu kế độc ác dùng thanh niên người bản xứ sử dụng vũ khí tiêu diệt người bản xứ cho đế quốc thống trị. “Chiến tranh đặc biệt” hoàn toàn bị phá sản.

Cũng là người Việt Nam nhưng quân lính ngụy Sài Gòn mặc dù có nhiều vũ khí mạnh, đôla nhiêu vẫn khác xa Quân giải phóng về ý chí chiến đấu, về dũng trí. Đó là chính nghĩa thắng phi nghĩa.

Bản chất đế quốc không thay đổi: Thống trị dân tộc khác bằng mọi cách, thực dân cũ hay mới, chiến tranh hay “diễn biến hòa bình”. Trước nguy cơ ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ, để thực hiện ý định, Mỹ phải vượt qua “ngưỡng cửa (cấm kỵ) bước vào cuộc chiến tranh trên bộ ở châu Á” bằng cách bị động đưa quân Mỹ vào tiến hành “Chiến tranh cục bộ” ác liệt chưa từng thấy, khâu thứ hai trong chiến lược “Phản ứng linh hoạt”.

Quân và dân Việt Nam đứng trước một vấn đề khó khăn, liệu ta có đủ sức đối đầu với quân viễn chinh Mỹ, một đội quân nhà nghề thiện chiến được trang bị đến tận răng, đủ loại vũ khí hiện đại nhất kể cả vũ khí giết người hàng loạt, một đội quân chưa hề bị thua bao giờ.

Bác Hồ đã từng chỉ rõ, phải biết sức ta, biết sức người, biết chắc lợi hại của tình hình đôi bên, người tướng giỏi phải biết có thể đánh và biết không thể đánh.

Ta phải nghiên cứu, phân tích, đánh giá chính xác. Ta biết rõ địch bị động mà mở ra “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ tham chiến vội vàng. Quân Mỹ lạ người, lạ vật, xa quê hàng vạn dặm, không có thiên thời, địa lợi, đặc biệt là không có nhân hòa.

Nhưng “chỉ có thực tiễn mới là tiêu chuẩn cuối cùng của chân lý”.

Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) cùng với các chiến thắng Núi Thành (Quảng Nam) và Bàu Bàng - Dầu Tiếng (Sông Bé) là những thực tiễn hùng hồn giúp ta có quyết định chiến lược đúng đắn. Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã có nhận định và hạ quyết tâm: “Mỹ đông, giàu nhưng không mạnh vì bị động về chiến lược, tiến hành chiến tranh phi nghĩa, có nhiều điểm yếu cơ bản, ta quyết tâm đánh Mỹ, vẫn giữ vững chiến lược tấn công của chiến tranh nhân dân”.

Đó là ý nghĩa chiến lược của những trận đánh có tính quyết định ngay từ những ngày tháng đầu tiên của “Chiến tranh cục bộ” khi quân viễn chinh Mỹ mới chân ướt chân ráo bước vào chiến trường Việt Nam, chiến trường trên bộ ở lục địa châu Á. Từ chỗ đánh vào quân ngụy được Mỹ trang bị huấn luyện, chi viện và chỉ huy, ta phải đánh thắng vào quân Mỹ trang bị mạnh gấp bội về nhiều mặt, đã từng chiến thắng những đội quân pháo xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các trận ban đầu thắng lợi giờ giã là vô cùng quý giá giúp ta hiểu rõ địch, hiểu rõ ta để xác định đường lối, chiến lược chiến tranh.

Trận Núi Thành, ta dùng đặc công bắt ngờ tiêu diệt 1 đại đội quân Mỹ đóng trong công sự. Chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng, ta chủ động dùng một sư đoàn chủ lực Quân giải phóng tập kích tiêu diệt một chiến đoàn mạnh của quân Mỹ đang đóng cụm dã ngoại để hôm sau phối hợp quân ngụy tấn công vào vùng của ta, có máy bay chiến lược B52 lần đầu tiên phối hợp chuẩn bị chiến trường cho Mỹ - ngụy ở Việt Nam. Còn trận Vạn Tường là trận vận động chiến của một trung đoàn chủ lực Quân giải phóng cùng bộ đội địa phương, từ chỗ bị tấn công chuyển thành tấn công, từ bị động chuyển thành chủ động, trong một tình thế quân địch có nhiều ưu thế, đông hơn, trang bị mạnh, được chi viện bằng xe tăng thiết giáp, pháo binh và không quân, cả pháo binh của hải quân từ biển. Ta lại phải chiến đấu ban ngày trên một địa hình mấp mô trung bình, ven biển, không được che khuất. Trận đánh không cân sức đã diễn ra quyết liệt mà thắng lợi thuộc về Quân giải phóng, gây thiệt hại nặng cho quân Mỹ, máy bay bị hạ, bỏ nhiều xác xe tăng tại chiến trường.

Đây là trận đánh “tìm và diệt” đầu tiên của quân Mỹ mới vừa đến Việt Nam trong khí thế hung hăng kiêu ngạo, ỷ lại hỏa lực tuyệt đối và cơ động nhanh trên mọi địa hình bằng phuong tiện chiến tranh hiện đại nhất. Chúng đã huy động hàng trăm máy bay chiến đấu và trực thăng, hàng trăm xe tăng và xe thiết giáp lội nước, nhiều tàu chiến và tàu đổ bộ từ biển và đổ bộ đường không, nhanh chóng tiến hành bao vây chặt Quân giải phóng từ bốn phía. Tên tư lệnh lính thủy đánh bộ Mỹ đã huênh hoang: “Việt cộng sẽ không một ai lọt ra được”.

Nhưng kết quả cuối cùng là trung đoàn Quân giải phóng cùng bộ đội địa phương Quâng Ngãi đã dũng cảm và mưu trí chiến đấu oanh liệt diệt và làm bị thương gần 1.000 quân Mỹ, hạ tại chỗ nhiều trực thăng và xe tăng, thiết giáp, vượt vòng vây an toàn, đánh bại cuộc tấn công “tìm và diệt” đầu tiên của quân viễn chinh Mỹ. Tờ *Nuôi Ước thời báo*¹ lúc đó đã bình luận: “Mỹ phải trả giá rất đắt”.

Như vậy là ngay từ những ngày đầu đi xâm lược, quân Mỹ dù đóng công sự kiên cố (Núi Thành), đóng cụm dã ngoại (Bàu Bàng) và đặc biệt là ở Vạn Tường, xua quân đi tấn công, dựa vào sức mạnh của không quân, hải quân, cơ giới và pháo binh rất đông đảo, rất hiện đại vẫn phải chuốc lấy thất bại thảm hại.

Những chiến thắng quan trọng đó có giá trị lớn lao về mặt chiến thuật, như đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã từng phát biểu: “Dám đánh Mỹ thì ta sẽ tìm ra cách đánh Mỹ và thắng Mỹ”. Ở đây rõ ràng là quân dân ta đã dám đánh, đặc biệt là trong trận Vạn Tường, ta từ các thế rất nguy nan đã chuyển thành thế có lợi, diệt địch, thắng lợi rất vang vang. Và qua những chiến thắng đó, ta đã tìm ra kinh nghiệm quý báu về cách đánh trong mọi hoàn cảnh, làm giàu thêm nghệ thuật quân sự Việt Nam. Hơn thế, các chiến thắng đó là những thực tiễn hùng hồn có giá trị chiến lược lớn lao cho phép ta tin tưởng rằng Quân giải phóng có khả năng đánh thắng quân nhà nghề Mỹ chưa từng bị thua ai, khẳng định chiến tranh nhân dân của ta có thể thắng chiến tranh xâm lược để quốc dù là chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” hay “Chiến tranh cục bộ”.

1. *The New York Times* (B.T).

MỘT TRẬN CHIẾN HAI CÁCH ĐÁNH, HAI NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ KHÁC NHAU (Trận Junction City)

Cuộc chiến tranh giải phóng, chống xâm lược Mỹ của nhân dân Việt Nam là một cuộc chiến tranh khốc liệt, đẫm máu, kéo dài do Mỹ khởi xướng và leo thang qua nhiều giai đoạn. Từ giai đoạn đầu, một bên dùng bạo tàn cảnh sát và quân sự và một bên dùng đấu tranh chính trị hòa bình tới giai đoạn gọi là “Chiến tranh đặc biệt”, rồi “Chiến tranh cục bộ”, rồi “Việt Nam hóa chiến tranh”, với mục đích nô dịch dân tộc Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành một bộ phận của nước Mỹ mà “ranh giới kéo dài đến vĩ tuyến 17” (lời Ngô Đình Diệm). Nó còn có mục đích cao hơn là tạo lập một bàn đạp đầu cầu vững chắc trên đất liền châu Á, khống chế bằng sức mạnh một vùng chiến lược quan trọng của thế giới: Vùng Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Đây cũng là sản phẩm của tư tưởng chống cộng “Mc Carthy” ở Mỹ thập niên 1940 mà chính quyền Mỹ tự nguyện làm tên “Sen đầm quốc tế” thực hiện “chiến lược ngăn chặn” chống lại ảnh hưởng lan rộng của chủ nghĩa cộng sản. Nước Việt Nam nhỏ bé, nhân dân Việt Nam nghèo nàn, lại phải đảm đương hai nhiệm vụ lịch sử trọng đại: Giành độc lập, tự do cho dân tộc mình và bảo vệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa: Quyền con người được sống theo cách mình muốn, bình đẳng, công bằng, không bóc lột và nô dịch, người với người là bạn.

Bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã phải bao phen chống xâm lược, bảo toàn bờ cõi và cuộc sống tự do của dân tộc mình. Và lần nào cũng vậy Việt Nam ở vào cái thế một nước nhỏ, kém phát triển, phải đương đầu với nước lớn, giàu hơn, cái thế phải lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh. Tiêu biểu nhất trong lịch sử quá khứ là quân, dân nhà Trần vào thế kỷ XIII đã phải đánh với quân xâm lược Mông - Nguyên mạnh nhất, tàn bạo nhất, thiện chiến nhất thế giới, đã từng thắng tất cả các đội quân đương thời từ Âu sang Á và lập nên

một đế quốc khổng lồ. Trải qua liên tiếp ba cuộc chiến tranh trong vòng 30 năm từ năm 1258 đến năm 1288, quân dân ta với nghệ thuật quân sự độc đáo của Trần Quốc Tuấn: “Lấy đoàn binh chẽ trường trận”, đã 3 lần toàn thắng hết sức oanh liệt một đội kỵ binh nhà nghề, binh chủng ưu việt của thời đại ấy từ trước chưa bao giờ biết thua là gì và đông gấp 3 - 4 lần quân ta. Rồi tới thời kỳ lịch sử cận hiện đại, 1945 - 1975 nhân dân Việt Nam lại phải tiến hành chiến tranh chống quân xâm lược suốt 30 năm liên tục chống lại kẻ địch càng lớn mạnh hơn mình gấp hàng chục hàng trăm lần: Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Lần này, trong thời đại mà kỹ thuật, vũ khí và phương tiện chiến tranh phát triển cao độ, tuyệt vời, hơn xa cả những phép tiên mơ ước táo bạo nhất của thời xưa, nhân dân Việt Nam lại thắng lợi vô cùng oanh liệt và vẻ vang, đánh dấu bằng trận Điện Biên Phủ vang lừng và ngày 30/4/1975 bắt diệt. Nghệ thuật đánh giặc truyền thống của ông cha đã được kết hợp hết sức sáng tạo với nghệ thuật quân sự hiện đại, trên cơ sở tư tưởng cách mạng và khoa học thành cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức và lãnh đạo. Với lòng tin sắt đá: Chính nghĩa nhất định thắng phi nghĩa, toàn dân thực hiện chiến lược chiến tranh nhân dân, lấy con người làm gốc, vì lợi ích và phẩm giá con người, dựa vào đạo lý nhân nghĩa triệt bạo tàn, đã giành toàn thắng vẻ vang.

Chiến tranh nhân dân cách mạng được phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tế của thời đại, có thể thắng bất cứ kẻ địch nào với loại vũ khí, phương tiện nào.

Phạm vi bài này lấy việc nghiên cứu, phân tích một trận đánh lớn có tính quyết định về chiến lược trong chiến tranh để rút ra một số điểm của hai nền nghệ thuật quân sự khác nhau (không phải diễn tả trận đánh).

Đó là trận Junction City của quân đội Mỹ vào năm 1967 nằm trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Sở dĩ chọn trận đánh này vì đây là trận đánh lớn nhất và quyết định nhất của chiến lược “tìm và diệt” của tướng Westmoreland - Tư lệnh quân đội Mỹ ở Đông Dương, một chiến lược được thực hiện suốt thời kỳ “Chiến tranh cục bộ” nghĩa là thời kỳ quân đội Mỹ tham chiến và trở thành lực lượng chủ yếu trên chiến trường. “Chiến tranh cục bộ” lại là cái lõi của toàn bộ cuộc chiến tranh Việt Nam. Thực sự chính quyền Mỹ và bộ máy lãnh đạo chiến tranh của họ tin chắc vào thắng lợi trong chiến tranh Việt Nam nếu họ dùng chiến lược “tìm và diệt”. Tài liệu mật Lầu Năm Góc đã tiết lộ: “Tướng Westmoreland hồi tháng 7/1965 đã nói với Washington rằng, áp dụng chiến lược “tìm và diệt”, ông có thể đánh bại kẻ địch vào cuối năm 1967”. Cùng tháng ấy, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân bảo đảm với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Mc Namara rằng: “Không có lý do gì chúng ta không thể thắng nếu đó là quyết tâm của chúng ta”. Đó thật là quyết tâm của cả Bộ Quốc phòng Mỹ và Nhà Trắng vì Bộ Quốc phòng và Tổng thống Johnson đều đã tán thành dùng chiến lược “tìm và diệt”, chấp thuận nhanh chóng việc tăng quân theo kế hoạch của Westmoreland, đồng thời hỗ trợ cho sự thành công của chiến lược bằng các chiến dịch ném bom miền Bắc Việt Nam để “làm các hoạt động nổi loạn xep đi vì thiếu sự hỗ trợ”.

Vậy chiến lược “tìm và diệt” là thế nào? Cũng theo tài liệu mật Lầu Năm Góc, “ý nghĩa cơ bản nêu rõ trong chiến lược “tìm và diệt” là muốn đưa cuộc chiến tranh đến tận xứ sở của kẻ địch, làm cho kẻ địch không thể tự do đi lại ở bất kỳ nơi nào trên đất nước... và giáng cho địch những đòn thật nặng nề”. Để thực hiện chiến lược ấy Westmoreland đã vạch kế hoạch gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn I: Lực lượng quân sự Mỹ và lực lượng quân sự của “thế giới tự do” ngăn chặn chiêu hướng thua, từ hồi cuối năm 1965.

Giai đoạn II: Mở các cuộc tấn công trong sáu tháng đầu năm 1966 ở các vùng đặc biệt ưu tiên để tiêu diệt các lực lượng địch và tổ chức lại các hoạt động xây dựng nông thôn.

Giai đoạn III: Nếu địch còn ngoan cố thì cần một năm đến một năm rưỡi tiếp theo giai đoạn II để đánh bại và tiêu diệt các lực lượng địch còn lại và các khu căn cứ.

Việc rút lui của lực lượng Mỹ và “thế giới tự do” bắt đầu sau giai đoạn III, khi đó Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã có đủ khả năng thiết lập và duy trì trật tự trong nước và bảo vệ biên giới của mình.

Trận đánh Junction City nằm trong giai đoạn III của kế hoạch nhằm “đánh bại và tiêu diệt các lực lượng địch còn lại và các khu căn cứ”, kết thúc cuộc chiến tranh vào cuối năm 1967 để sau đó rút hết quân Mỹ và quân chủ hầu về nước. Vì vậy, trận đánh Junction City có tính chất quyết chiến chiến lược để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh theo đúng kế hoạch của Westmoreland.

Trận đánh là một nỗ lực tối đa của quân đội Mỹ. Westmoreland huy động sử dụng vào đây những đơn vị thiện chiến nhất có trong tay, như Sư đoàn bộ binh số 1 mệnh danh “Anh cá đốt”, Sư đoàn bộ binh số 25 mệnh danh “Tia chớp nhiệt đới”, Sư đoàn bộ binh số 4, Sư đoàn bộ binh số 9, Lữ bộ binh 196, Lữ dù 173 cùng với Lữ A thủy quân lục chiến ngụy, và 4 tiểu đoàn biệt kích và Make-force, tất cả khoảng 30 tiểu đoàn và trên 45.000 quân. Để hợp đồng chiến đấu và chi viện cho bộ binh có các đơn vị xe tăng và thiết giáp khoảng 1.200 chiếc, 256 khẩu pháo 105 ly, 155 ly, 203 ly và “vua chiến trường” 175 ly cũng như các pháo tự hành, 10 tiểu đoàn công binh

bảo đảm. Không quân hẫu như không hạn chế, có khoảng gần 200 máy bay chiến đấu, 300 trực thăng các loại, 45 máy bay vận tải, nhiều máy bay trinh sát L19, RF 101, Mohawk... Không kể hàng loạt các phi vụ của máy bay chiến lược B52 dùng cho rải thảm hủy diệt và cả chi viện chiến đấu trước và trong trận đánh.

Một lực lượng tập trung lớn như vậy được sử dụng vào một vùng địa hình bằng phẳng có rừng cây che khuất, xen kẽ nhiều trảng trống lớn nhỏ, rộng chỉ khoảng 1.500km² nằm giữa sông Vàm Cỏ ở nhánh tây, sông Sài Gòn ở phía đông, biên giới Campuchia ở phía bắc và thị xã Tây Ninh với Liên tỉnh lộ 13 ở phía nam. Toàn bộ khu vực có nhiều đường rải đá và đất, xé dọc, ngang thành nhiều mảnh, thuận lợi cho cơ giới, chủ yếu là Đường 22, Đường 4, Đường liên tỉnh 13 và đường dọc theo biên giới. Phía nam khu vực có quả núi đơn độc - núi Bà Đen, cao 968m mà từ lâu Mỹ đã thiết lập trên đỉnh một trung tâm thông tin và trinh sát kỹ thuật rất mạnh, rất hiện đại.

Toàn bộ khu vực phía bắc tỉnh Tây Ninh là khu căn cứ của ta trong suốt chiến tranh chống thực dân Pháp cũng như chiến tranh chống đế quốc Mỹ. Vào thời điểm trận đánh Junction City, ở đây ta có các cơ quan của Trung ương Cục, của Mặt trận Dân tộc Giải phóng và của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Ở đây ta còn có Đài Phát thanh giải phóng và hệ thống kho tàng các loại. Sư đoàn chủ lực số 9 của ta cũng được điều về đứng chân ở đây để chờ địch. Westmoreland đặt nhiều kỳ vọng vào trận Junction City để đạt giấc mơ kết thúc chiến tranh nên đã chỉ định Trung tướng Jonathan Seaman - Tư lệnh dã chiến II của Mỹ trực tiếp chỉ huy với những mục tiêu rất lớn như:

- Tiêu diệt cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến miền Nam của đối phương, chiếm Đài Phát thanh giải phóng, tiêu diệt Sư đoàn chủ lực số 9 của Quân giải phóng và các lực lượng khác còn lại.

- Triệt phá toàn bộ kho tàng dự trữ hậu cần của địch và bịt chặt biên giới Campuchia.

- Chiếm đóng khu căn cứ quan trọng của Việt cộng mà từ lâu nổi tiếng là “Đất thánh bất khả xâm phạm”.

Mục tiêu đặt ra như vậy đã nói rõ ý nghĩa quyết định của nó, một trận đánh mang tính chiến dịch và chiến lược.

Về phía ta, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Quân giải phóng đã đánh giá được tầm quan trọng của trận đánh này, hiểu rõ ý định của địch, quy mô lực lượng sử dụng và đặc biệt là tính chất quyết định của nó theo chiến lược của địch. Ta nhận định, kết thúc trận đánh này với thắng lợi thuộc về bên nào thì bên đó sẽ quyết định chiều hướng phát triển của cuộc chiến tranh có lợi cho mình.

Do đó, đôi bên đều nỗ lực tối đa cả sức lực lẫn trí tuệ vào một trận đánh mà cả hai đều chuẩn bị sẵn, cả hai đều hành động kiên quyết theo kế hoạch đã định với nghệ thuật quân sự mà mình cho là ưu việt hơn địch để quyết tâm giành thắng lợi.

Công tác chuẩn bị trận đánh của đôi bên đều rất công phu và chu đáo trong nhiều ngày:

- Về *phía Mỹ*, học thuyết quân sự của quân đội Mỹ lấy cơ động và hỏa lực là những yếu tố quyết định thắng lợi trên chiến trường, vì vậy phải tập trung cao độ vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, phải tạo mọi điều kiện để hỏa lực và quân đội có thể áp đến mãnh liệt và vận động nhanh nhất trên chiến trường hòng nghiền nát kẻ địch tức khắc. Nói theo ngôn từ của tướng Harkins từ năm 1962: “Hoa Kỳ chủ trương dựng lên một cỗ máy giết người có khả năng khuất phục đối phương bằng một hỏa lực kinh khủng mà nền kỹ thuật hiện đại có thể cung cấp” (Neil Sheehan: *Sự lừa dối hào nhoáng - Một người Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam*).

Ngay từ những tháng cuối năm 1966, Mỹ đã khẩn trương xây dựng và mở rộng các chốt biệt kích, các căn cứ của quân đội Mỹ - ngụy bao quanh sát vùng hành quân để làm bàn đạp xuất phát gần nhất, dự trữ hậu cần và bảo đảm vật chất đầy đủ và kịp thời nhất. Đó là căn cứ Trảng Lớn cho Lữ đoàn 196, căn cứ Dầu Tiếng cho Lữ đoàn 3 Sư đoàn 4, căn cứ Quản Lợi (Bình Long) cho Lữ đoàn 2 Sư đoàn 1, các căn cứ của Sư đoàn 5 ngụy ở Hớn Quản, Chơn Thành, yếu khu biệt kích Minh Thạnh và các trại biệt kích Suối Đá, Trảng Sụp, Trại Bí, Mỏ Công. Các sân bay Trảng Lớn, Suối Đá, Dầu Tiếng, Minh Thạnh, Quản Lợi cũng được sửa chữa. Chưa kể các căn cứ xa hơn một chút nhưng vẫn rất thuận lợi cho cuộc hành quân này là căn cứ Đồng Dù ở Củ Chi, căn cứ Lai Khê trên Đường 13, căn cứ Phước Vĩnh ở Phước Thành và các sân bay nằm ở các căn cứ đó. Lại còn các sân bay lớn Tân Sơn Nhất và Biên Hòa đều có đủ điều kiện hỗ trợ cho cuộc hành quân vì chỉ cách trung tâm khu hành quân trên dưới 100km. Các con đường quan trọng chạy về khu vực Bắc Tây Ninh dùng cho hành quân và vận tải cũng được sửa chữa như Đường 19, 22, 26 từ phía Nam, đường nối liền Hớn Quản và Minh Thạnh với tả ngạn sông Sài Gòn.

Từ tháng 12/1966, những đoàn xe vận tải liên tục đi về trên hai trực đường chính từ Sài Gòn, Long Bình theo Đường 22 lên Tây Ninh và Đường 13 lên hướng Dầu Tiếng, Hớn Quản, chở hàng chục nghìn tấn hàng gồm súng đạn, máy truyền tin, cầu dã chiến, xe tui đất cho đến ximăng, bao cát, kẽm gai, gỗ đá, ống cống, cốt sắt, máy phát điện, tủ ướp lạnh... Ngoài ra, các loại máy bay C130, C123, mỗi ngày

từ 10 - 15 chuyến, chở hàng từ Biên Hòa lên Dầu Tiếng, Trảng Lớn, Suối Đá, Minh Thạnh, Quản Lợi.

Đó là về bảo đảm vật chất kỹ thuật, hậu cần. Còn lại công tác chuẩn bị chiến trường mọi mặt cũng không kém khẩn trương và quy mô.

Từ ngày 01/02 đến ngày 21/02, đã có trên 30 phi vụ L19, Mohawk, RB57, RC47, RC123 quan sát và chụp ảnh địa hình, dò hướng vô tuyến điện của ta, thả máy thu tiếng động theo các tuyến đường bộ lớn nhỏ, dọc sông suối, ven biên giới và cả ở trung tâm căn cứ. Trực thăng thả các toán thám báo, biệt kích thuộc Liên đoàn 77 ngụy vào các khu vực Sóc Tâm, Suối Ngô, Kà Tum, Bổ Túc, Sóc Mới, Trảng Chiên, sóc Con Trăng, bàu Tân Ken..., nghĩa là khắp các vùng trong toàn bộ khu căn cứ và sẽ là bãi chiến trường.

Không những thế, suốt từ tháng 9/1966 đến tháng 02/1967, Mỹ đã dùng trên 60 phi vụ C47 và C123 rải chất độc hóa học theo dọc Lộ 4, Tỉnh lộ 13, Đường 22, đường dọc biên giới, hầu hết các trục giao thông, và nơi chúng nghi ngờ có cơ quan, bộ đội ta đóng, và dọc các sông Sài Gòn, Vàm Cỏ, sông Tha La, Suối Mây.

Máy bay còn thả bom cháy, phát quang các khu vực chúng dự định sẽ đổ bộ trực thăng hay sẽ đem quân đóng chốt làm chỗ dựa cho hành quân.

Từ ngày 01/02 đến ngày 21/02, có 50 lần chiếc máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm và 90 lần chiếc phản lực oanh tạc các khu vực Bàn Cờ, Trảng Chiên, Tà Cho, Đất Đỏ, Sóc Mới, suối Nước Đục... nhằm tiêu diệt, tiêu hao trước một số mục tiêu quan trọng và cũng là chuẩn bị hỏa lực trước để giảm thương vong cho quân Mỹ lúc vào trận.

Việc chuẩn bị sorm sửa, ào ạt, quy mô lớn về tất cả các mặt như vậy, hẳn bộ tham mưu của tướng Westmoreland muốn bảo đảm đầy đủ thuận lợi cho trận đánh chắc thắng, đồng thời cũng muốn đánh lạc hướng làm cho đối phương tưởng rằng đây là việc chuẩn bị cho toàn bộ chiến trường rộng lớn và cho cả chiến cuộc mùa khô năm 1967, còn cho một chiến dịch thì thật quá thừa thãi.

- Về phía *Quân giải phóng*, từ trước cho đến cuối năm 1966, Quân giải phóng luôn giữ chủ động trên chiến trường: Đánh hay không đánh và buộc địch phải đánh đều vì ý định và kế hoạch có lợi cho mình. Trước ngưỡng cửa mùa khô 1966 - 1967, ta đã có sự chuẩn bị các mặt cho mùa hoạt động tấn công. Việc theo dõi ý đồ, kế hoạch và mỗi một hành động của địch đều không bỏ sót. Khoảng tháng 10/1966, đã có tin tình báo đáng tin cậy từ Sài Gòn về đến Bộ Tư lệnh Miền rằng địch đã thảo xong kế hoạch hành quân “tìm và diệt” mùa khô 1966 - 1967. Kế hoạch hoạch định một loạt các cuộc hành quân liên kết với nhau nhằm đạt

được mục tiêu chiến lược rất quan trọng... Bộ Tham mưu Miền đã tổng hợp và phân tích mọi hành động của địch trong toàn Miền đặc biệt là ở miền Đông Nam Bộ và tăng cường theo dõi chặt chẽ địch ở các hướng. Thật không khó khăn gì để xác định rõ ý đồ và mục tiêu chủ yếu mà địch nhắm tới. Cung cách ào ạt và quy mô chuẩn bị vật chất, kỹ thuật, hậu cần, chuẩn bị chiến trường, việc vận chuyển trên các trục đường và các hoạt động ở các căn cứ hành quân của địch càng chu đáo, nhộn nhịp bao nhiêu càng sơ hở bấy nhiêu, giúp ta đánh giá đúng hướng và mục tiêu địch định đánh, quy mô và tầm mức quan trọng của trận đánh. Chính vì vậy mà ta điều chỉnh kế hoạch chuẩn bị thật sẵn sàng để chờ và tiến hành phản công lại địch một cách thành công nhất.

Ta quyết tâm giành và giữ thế chủ động từ đầu trận đánh cho đến khi kết thúc và biến thế chủ động của địch thành bị động hoàn toàn. Ta nhất định phải thắng. Ở khu căn cứ Bắc Tây Ninh này, từ lâu cả ngụy lẫn Mỹ mới đánh được vào vùng ven phía Nam. Lần này là lần đầu tiên thử lửa, thực sự sống mái, ở toàn bộ khu căn cứ, giữa quân Mỹ có ưu thế tuyệt đối về nhiều mặt, cả số lượng cũng như phương tiện và vũ khí đi tìm diệt, với Quân giải phóng ít hơn và trang bị kém hơn nhiều lần nhưng dựa vào tinh thần quyết thắng và chiến lược tấn công cách mạng của chiến tranh nhân dân. Việc phản công của Quân giải phóng trong thế ít phải địch nhiều, yếu phải thắng mạnh, không thể dựa vào sức mạnh đơn thuần của quân số và vũ khí mà là phải có một nghệ thuật ưu việt hơn, trong đó trí tuệ con người, lòng dũng cảm và quyết tâm cao phải là cơ sở. Muốn vậy việc chuẩn bị trước nhất là phải tạo lập cho được một thế trận chiến tranh nhân dân trong toàn vùng căn cứ, phát huy cao độ khả năng bảo toàn mình và tiêu diệt nhiều địch của từng người một, từng toán nhỏ cho đến đơn vị tập trung lớn. Lấy con người trí dũng và quyết tâm cao làm trung tâm của chiến thuật và chiến dịch. Liên kết hàng nghìn trận đánh lẻ, nhỏ, vừa và lớn theo một kế hoạch phối hợp nhịp nhàng, tự giác, chủ động về địa điểm, thời gian trong toàn chiến dịch phản công, có sự chỉ huy thống nhất, chặt chẽ. Trong thế trận đó, địch tưởng bao vây ta hóa ra ta bao vây địch khắp mọi nơi, mọi lúc, địch không hề trông thấy Quân giải phóng ở đâu mặc dù có đủ cả phương tiện hiện đại nhưng đi đến đâu cũng bị đánh, ở nơi đâu cũng bị đánh, ngày hay đêm đều bị đánh. Mỗi viên đạn lớn, nhỏ của ta phải trúng đích trong lúc địch phản ứng đánh vào chỗ trống, đánh hụt, vồ hụt. Những nơi địch tới được, chúng không gặp người mà chỉ thấy truyền đơn và áp phích kêu gọi hòa bình, hữu nghị, tôn trọng cuộc sống tự do của mỗi dân tộc, hãy rút về Mỹ để cho người Việt Nam tự giải quyết với nhau... Toàn bộ khu căn cứ được tổ chức thành 13 khu vực tạm gọi là “huyện” mỗi “huyện” có một đại đội

chiến đấu do các đơn vị bảo vệ cơ quan phân ra. “Huyện” lại chia ra làm nhiều “xã”, mỗi “xã” có nhiều tổ du kích do nhân dân tại chỗ và cán bộ, nhân viên các cơ quan của Trung ương Cục, Mặt trận và Bộ Tư lệnh Miền chuyển thành. Mỗi tổ du kích được trang bị súng chống tăng B40, tiểu liên AK, nhiều mìn chống tăng, chống bộ binh, mìn định hướng và nhiều lựu đạn, thủ pháo. Các đại đội chiến đấu của “huyện” cơ động trong “huyện” phối hợp với các tổ du kích “xã”, cũng được trang bị mạnh, nhiều súng chống tăng cầm tay, trung liên và cối nhẹ. Ban chỉ huy xã đội và huyện đội là những cán bộ phụ trách ban, phòng, cục, kho, xưởng, bệnh viện... bám trụ tại chỗ. Số lượng du kích như vậy có vào khoảng gần 10.000 người rải ra khắp vùng căn cứ, trang bị mạnh nhất là các mìn và các loại súng chống tăng hiện đại nhẹ và hiệu quả cao. Nhưng đặc biệt nhất là chất lượng chiến đấu tuyệt vời vì toàn là cán bộ, nhân viên, chiến sĩ có trình độ, có tri thức quân sự, quyết tâm cao và bản lĩnh chiến đấu vững vàng, lại đánh địch ngay tại địa điểm cơ quan của mình, có công sự chuẩn bị chu đáo từ lâu và quen thuộc từng cụm rừng, gốc cây, gò mối. Trong quá trình chuẩn bị, ta đào được nhiều giao thông hào nối liền nhiều ụ chiến đấu, hầm tránh bom, đạn, hầm bí mật, hầm dự trữ vũ khí, lương thực, thuốc men và đều được ngụy trang kỹ. Có thể nói, mỗi “xã” là một pháo đài kiên cố mà địch không thể phát hiện, cứ tưởng như một khoảnh rừng không người yên bình, ở đó, các tổ du kích như sống bình thường ở nhà mình, rất an toàn và khỏe khoắn, chờ đánh một cách mưu trí và bất ngờ một kẻ địch như bị mù, từ xa đến, lạ lùng và mệt nhọc.

Kế “dĩ dật đãi lao” (lấy nhàn chống nhọc) của ông cha ta ngày xưa hẳn cũng như vậy. Nhiều chiếc xe tăng đang đi bất thình lình bị nổ, cháy; nhiều toán quân đang tiến bị mìn, súng chống tăng tiêu diệt mà không nhìn thấy một kẻ địch nào. Khắp rừng là như vậy, cái chết từ đâu đến không hay biết, khiến cho quân Mỹ mỗi ngày hay mỗi giờ đều gặp bất ngờ, số chết không kịp hiểu, số sống sót mất dần tinh thần. Một cuộc chiến kỳ lạ như hoang đường mà đối phương xuất quỷ nhập thần, Mỹ đi đâu cũng bị đánh, bị chết, về đóng quân nghỉ đêm, cũng bị đánh, chúng lúc nào cũng căng thẳng lo lắng, ăn không ngon, ngủ không yên. Xây dựng được một thế trận chiến tranh nhân dân như vậy tại nơi rừng cây bị băm nát vì bom B52 và chất độc hóa học, với những chiến sĩ dày dạn xen lẫn trong cây rừng, lán trại từ nhiều năm, không phải chỉ lý luận là đủ mà còn phải được trui rèn qua thực tế lửa đạn và kinh nghiệm đúc kết, đặc biệt là với đầu óc hết sức sáng tạo, sáng tạo của từng chỉ huy, của từng chiến sĩ. Ý định và kế hoạch chuẩn bị chu đáo như vậy nhưng thực tế diễn biến chiến đấu còn sáng tạo và phong phú hơn rất nhiều.

Phối hợp với mặt trận du kích lúc đó, Sư đoàn 9 chủ lực được tăng cường Trung đoàn 16 và các đơn vị pháo binh, đặc công, thanh niên xung phong bảo đảm, chia ra đóng quân từng trung đoàn ở những nơi tránh gắp địch nhưng luôn ở tư thế sẵn sàng tập trung đánh lớn như “những quả đấm thôi sơn”, theo kế hoạch của sư đoàn và của chỉ huy chiến dịch. Sư đoàn và trung đoàn trong lúc nghỉ ngơi, chờ lệnh, lại phái các trinh sát, một ít đơn vị nhỏ bám theo các cánh quân địch để luôn nắm chắc tình hình địch, đánh tia, nhỏ, kiểu du kích, cũng để hiểu rõ cách thức hành động của địch và nơi đóng quân của chúng về đêm. Chủ lực của ta rất ung dung chờ thời cơ ra tay, thời cơ thường là vào những ngày cuối một đợt chiến dịch của địch khi quân Mỹ đã qua nhiều ngày hành quân mệt mỏi, căng thẳng, bị tiêu hao nhiều bởi du kích. Chiến dịch Junction City chia làm 2 đợt: Đợt I từ ngày 22/02 đến ngày 15/3/1967 và đợt II từ ngày 18/3 đến ngày 15/4/1967. Những trận đánh của chủ lực ta gồm có trận tập kích ở Đồng Pan đêm 10/3 khi quân Mỹ hành quân cả ngày về đóng quân ở đó, trận Đồng Rùm đêm 20/3 và trận Ba Vũng đêm 31/3. Còn một số trận nhỏ hơn cấp tiểu đoàn tăng cường. Thực ra số trận đánh tập trung của chủ lực ta chưa nhiều, quyết tâm của đơn vị chưa thực cao và đánh diệt chưa gọn, nhưng trong lúc quân địch hung hăng đi tìm diệt mà không được lại bị du kích đánh, tiêu hao nặng nề, mệt mỏi, thì nay lại bị kẻ địch lớn tìm diệt, mỗi trận chết và bị thương hàng trăm người và nhiều xe cộ, pháo binh bị phá hủy khiến cho quân Mỹ càng hoang mang lo sợ, tinh thần xuống trông thấy.

Chiến dịch Junction City diễn biến đúng như ta đã dự liệu. Ta càng nắm chắc tình hình, sau khi theo dõi một số trận đánh liên tiếp trước đó của quân đội Mỹ, có mục đích diệt và dồn đối phương về phía Bắc Tây Ninh để “cắt vó”, diệt gọn và cũng để thăm dò và rút kinh nghiệm. Như trận “Atteleboro” dùng trên 20 tiểu đoàn Mỹ - ngụy, chủ yếu là Mỹ, cùng 10 tiểu đoàn pháo và 400 xe tăng, thiết giáp, có cả đổ bộ trực thăng đánh vào căn cứ Dương Minh Châu, phía đông nam căn cứ Bắc Tây Ninh, từ ngày 02/11/1966 đến ngày 26/11/1966, bị thất bại thảm hại. Toàn bộ Lữ 196 Mỹ bị thiệt hại nặng, bị loại khỏi vòng chiến đấu và tướng chỉ huy lữ De Chaussures bị cách chức ngay tại trận. Tiếp theo là cuộc hành quân “Big Spring” từ ngày 01/02 đến ngày 16/02/1967, đánh vào Chiến khu Đ của ta ở Tân Uyên. Cuộc hành quân “Túc Sơn” đánh vào chiến khu Long Nguyên, phía đông sông Sài Gòn, từ ngày 14/02 đến ngày 18/02.

Cuộc hành quân “Gardsen” của Lữ 1 Sư đoàn 25 Mỹ đánh vào vùng căn cứ phía tây Đường 22 và sát biên giới Campuchia từ ngày 02/02 cho đến ngày 21/02/1967. Cuộc hành quân này có mục đích quét dọn trước khu vực phía tây vùng căn cứ sát sông Vàm Cỏ, diệt và dồn đối phương còn lại về khu trung tâm, đồng thời

khi kết thúc trận này, ngày 21/02, toàn bộ Lữ 1 Sư đoàn 25 tập trung đóng chốt từ Lò Gò - Tà Xia đến Cần Đăng, nhằm triển khai sẵn lực lượng trên suốt Đường 22 tới sát biên giới, hình thành bức tường bao vây sẵn phía tây cho trận chính thức Junction City mở màn vào ngày 22/02.

Ngày 22/02, từ sáng sớm địch chuẩn bị hỏa lực ác liệt trên chiến trường bằng 200 lượt chiếc máy bay ném bom và B52 chiến lược rồi lập tức máy bay C130 chở Lữ dù 173 nhảy xuống Séslo - Katum, điểm quan trọng gần sát biên giới và đầu Đường 4. Tiếp theo là 250 lần chiếc trực thăng chở Lữ 1 và Lữ 2 Sư đoàn 1 “Anh cả đở” đổ bộ xuống Sóc Mới - Rùm Đuôn - An Khắc. Vậy là tuyến biên giới với Campuchia bị bịt chặt, chúng quyết không để một người nào lọt lưới vượt qua đường biên giới. Trong lúc đó, Lữ đoàn 2 Sư đoàn 25 cùng với toàn bộ Trung đoàn tăng thiết giáp số 11 của Mỹ theo Đường 4 từ Tây Ninh đến lên Đồng Pan, Katum hình thành bức tường phía đông. Khu trung tâm căn cứ của ta mà Mỹ được biết là gồm toàn bộ đầu não Trung ương Cục, Mặt trận Giải phóng, Bộ Tư lệnh Miền và Sư đoàn 9 chủ lực ở đây, đã bị bao vây chặt chẽ bốn mặt, không một lối thoát nhỏ. Đến lúc có thể “cắt vó” diệt và bắt trọn đối phương. Từ Đường 22 cũng như từ Đường 4 cả hai bên sườn tây và đông, hàng nghìn xe tăng thiết giáp Mỹ có bộ binh ngồi trên xe, chia thành nhiều mũi thọc vào rừng, băm nát từng khu vực nhỏ. Nhưng quân Mỹ không hề gặp Quân giải phóng ở đâu cả. Trong lúc đang hành quân chưa tới đích, từng xe tăng đã bị súng chống tăng diệt, từng toán binh sĩ bị mìn tan xác, nhiều mũi đột phá phải đổi phó liên tục với kẻ địch vô hình. Không những thế, Lữ dù 173 mở đầu trận đánh bằng một cuộc nhảy dù ngoạn mục mà lúc ấy báo chí đã đánh giá là “một cuộc nhảy dù lớn nhất và lần đầu tiên ở miền Nam Việt Nam”, được đối phương “đón tiếp” cũng không kém ngoạn mục. Chiến sĩ du kích và bộ đội địa phương của ta sẵn sàng trong công sự chiến đấu, ngay nơi quân Mỹ nhảy dù xuống, đã diêm tĩnh dùng liên thanh các cỡ và mìn định hướng đón tiếp quân của Lữ 173 ngay từ trên không. Hàng loạt dù bị thủng rách, hàng trăm lính dù chết, bị thương khi chân chưa chạm đất. Nhiều thây chết và cả lính còn sống mắc trên cành cây. Một số máy bay bị bắn rơi. Ngay trong ngày đầu, chủ lực ta chưa ra quân, mới chỉ có du kích và bộ đội địa phương tác chiến, quân Mỹ đã thiệt hại đến 30 xe tăng và thiết giáp, trên 20 máy bay các loại bị bắn rơi và gần 400 quân Mỹ chết và bị thương. Thật là quá bất ngờ cả với quân và tướng Mỹ khi bước chân vào căn cứ Việt cộng, ngay từ những phút ban đầu. Họ đã quen đánh giá quá mức hiệu quả hủy diệt của các loại hỏa lực khi đã tập trung cao độ vào mục tiêu cũng như đánh giá quá mức vào độ “trí khôn” và mức chính xác của các phương tiện trinh sát hay điều khiển hiện đại. Không, chúng ta khẳng định rằng, không có gì có thể thay thế và bằng được con người. Rằng trí tuệ

và năng lực hành động của con người có thể chiến thắng tất cả, từ thiên nhiên đến máy móc siêu việt mà con người đã tạo ra. Học thuyết quân sự, nghệ thuật quân sự của Mỹ dựa vào máy móc, phương tiện vũ khí, cả vũ khí hạt nhân, làm cơ sở cho chiến lược, chiến thuật còn Quân giải phóng thì dựa vào con người, vào trí tuệ, sáng tạo, năng lực hành động và quyết tâm của con người làm trung tâm của chiến lược chiến thuật. Cách mạng là phát huy đến vô tận sức mạnh của con người làm chủ trên mọi phương diện. Bom hạt nhân không thể hủy diệt toàn bộ nhân loại và một khi nhân loại còn một bộ phận thì bộ phận loài người ấy sẽ chiến thắng tội ác và tất cả những kẻ gây ra tội ác.

Cũng chính vì vậy, nghệ thuật quân sự Việt Nam không phải nhằm hủy diệt mạng sống con người làm đích chiến thắng theo kiểu “đếm xác” ghi công, trại thảm, hủy diệt, ủi trăng làng mạc, đốt sạch, giết sạch, dày ải dân làng vào ấp chiến lược... theo kiểu quân đội Mỹ - ngụy; mà ngược lại, lấy nhân nghĩa thắng bạo tàn, quý trọng từng con người, thuyết phục hơn tiêu diệt, chọn hòa hơn chiến, nếu có thể, để đạt mục tiêu.

Cuộc hành quân Junction City diễn ra được chục ngày thì Bộ Chỉ huy quân Mỹ đã thất vọng nặng nề. Chính giới truyền thông của Mỹ, ngày 03/3 phải thú nhận: Hành quân thất bại, tốn kém 25 triệu đôla, quân số hao hụt quá mức dự định, bệnh tật nhiều (từ 5% lên 12% rồi đến 16%), tinh thần binh lính quá căng thẳng, chủ lực đổi phương tránh né, chỉ để lại một bộ phận đánh du kích còn lại bộ phận luôn ra phía sau; các căn cứ đều bỏ trống. Chính lúc này, Sư đoàn 9 chủ lực xuất hiện, thực hiện những trận đánh vừa, diệt nhiều lính Mỹ và phá nhiều pháo, thiết giáp ngay trong các cụm đóng quân hoặc phục kích trên đường hành quân. Đêm 06/3 pháo kích nặng nề cụm quân ở Tà Xua và ở truông Bình Linh. Ngày 09/3 chặn đánh cánh quân ở Loria. Đêm 10/3, tập kích cụm Đồng Pan và Bàu Cỏ.

Sau khi công nhận “Sư 1 bộ binh, Lữ dù 173 và Trung đoàn tăng và thiết giáp số 11 bị đánh dã dội và thiệt hại nặng nề”, ngày 15/3, quân Mỹ bắt đầu rút lui khỏi căn cứ để kết thúc đợt I, chỉ để lại các cụm ở Đồng Pan, Bàu Cỏ trên Đường 4 giữ sườn phía tây cho đợt II, chuyển về phía đông căn cứ sát sông Sài Gòn.

Ngay ở đợt I này, Mỹ đã thất bại thấy rõ, như hãng tin Pháp AFP đã đưa tin: “Cuộc hành quân Junction City được coi là một trong những hy vọng lớn của Mỹ trong giai đoạn trước mắt, cuộc hành quân có nhiều tham vọng nhất trong cuộc chiến tranh, nhưng kết quả thật đáng buồn; không thấy dấu vết nhà lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng đâu cả... Đài Phát thanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng vẫn tiếp tục hoạt động, mặc dù một trong những mục tiêu của cuộc hành quân này là làm cho nó câm đi... Bộ Chỉ huy Mỹ đang chuẩn bị thú nhận cuộc mạo hiểm

lớn này là thất bại". Mặc dù thế, Bộ Chỉ huy quân Mỹ đên đầu, cay cú vẫn cố dốc sức thực hiện đợt II. Chúng lại vận chuyển rầm rộ trên Đường 13, Đường 22, mỗi ngày có đến 200-300 chuyến xe tải nặng và cả các loại phi cơ C123, C130 chở vũ khí bom đạn bổ sung lên các căn cứ Quản Lợi, Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Tây Ninh trong những ngày 15 - 18/3. Phi cơ chiến đấu và B52 lại rải bom không hạn chế vào các trục lộ, ven sông Sài Gòn, dọc biên giới với Campuchia và khắp nơi nghi ngờ trong căn cứ phía đông. Tuy vậy, cuộc hành quân đợt II còn tệ hại hơn đợt I vì lần này Sư 9 chủ lực Quân giải phóng đã đánh nhiều trận lớn hơn, quân du kích ở khắp vùng địch đã rút lại phát động phong trào "săn cõi giới" với các đội trang bị mìn và súng chống tăng mạnh, lùng sục đón đầu và đuổi theo quân Mỹ khắp rừng từ ngày 01/4, nhiều cánh quân Mỹ phải co cụm phòng ngự để khỏi bị diệt, cuộc tấn công chủ động bị phản công đã phải cố thủ bị động. Và cũng từ ngày 01/4, từng cánh quân Mỹ đã bắt đầu rút lui. Đến ngày 13/4 thì toàn bộ quân Mỹ đều rút chạy khỏi khu căn cứ.

Giai đoạn truy kích và chặn đánh quân địch rút lui bằng đường bộ của Quân giải phóng bắt đầu sôi nổi, nhưng hiệu quả không nhiều vì Mỹ ra sức nghi binh và rút nhanh.

Trong cả hai đợt đánh vào căn cứ, quân Mỹ còn bị đánh ở phía sau như các căn cứ Quản Lợi, Đồng Dù, Suối Đá và chỉ huy sở cuộc hành quân ở Dầu Tiếng đều bị pháo kích, các xe vận chuyển trên Đường 22 và Đường 13 bị đánh mìn, phục kích và đặc biệt là ngày 19/3 khi Lữ 1 Sư đoàn 9 Mỹ vừa tập kết ở Bàu Bàng trên Đường 13 thì bị tập kích mãnh liệt, bị thiệt hại nặng trước khi hành quân. Một trung đoàn chủ lực của Sư đoàn 9 Quân giải phóng đã cùng lực lượng địa phương của các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn theo lệnh của Bộ Chỉ huy Miền phối hợp chiến đấu sau lưng địch.

Cuộc hành quân "tìm và diệt" Junction City quan trọng nhất đã bị thất bại nặng nề. Tất cả các mục tiêu đề ra đều không đạt: Lãnh đạo và chỉ huy Quân giải phóng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng vẫn ung dung điều khiển cuộc chiến như bình thường, Đài Phát thanh Giải phóng vẫn loan báo những tin tức thắng trận không hề đứt đoạn, các kho hàng vật tư trong căn cứ không bị suy suyển vì bom B52 hay xe tăng Mỹ, chủ lực Quân giải phóng đã không bị "gãy xương sống" mà còn có dịp lập thêm nhiều chiến công oanh liệt. Đặc biệt là quân du kích gồm cả nhân dân và cán bộ nhân viên các cơ quan quân sự và dân sự của Mặt trận Dân tộc Giải phóng (bao gồm cả các bác sĩ, y tá, văn công, điện ảnh...) đã chứng tỏ kỹ năng chiến đấu không kém năng lực chuyên môn thường ngày của mình. Căn cứ Bắc Tây Ninh vẫn là "đất thánh" bất khả xâm phạm.

Quân Mỹ là người đi tìm diệt trở thành bị tìm diệt, bị săn lùng. Mức thiệt hại cao, cả về người và vũ khí phuơng tiện. Có trên 10 nghìn quân chết và bị thương, 992 xe các loại trong đó có 775 xe tăng và thiết giáp tan xác, 160 máy bay bị rơi và hủy diệt ở mặt đất (có 144 trực thăng), 112 khẩu pháo từ cỡ 105 ly trở lên bị hủy. Thế là Mỹ mất đi qua cuộc hành quân gần 1/3 quân số, 2/3 xe tăng và thiết giáp, gần 1/2 trực thăng và pháo binh. Đặc biệt trong thành tích diệt giặc của Quân giải phóng trong toàn bộ trận Junction City này thì cỡ 1/2 các loại bị diệt, trừ pháo, là thành tích của du kích và bộ đội địa phuơng.

Quân Mỹ dựa vào việc sử dụng tập trung cao độ hỏa lực vào những mục tiêu đã nắm chắc bằng phuơng tiện hiện đại, tưởng có thể tiêu diệt về cơ bản kẻ địch trên chiến trường, bộ binh Mỹ khi tiến vào chỉ là để kiểm nhận kết quả và “lượm” những kẻ hiềm hoi còn sống sót hay bị thương và bắt sống kẻ địch đã mất tinh thần. Sự thật trong trận Junction City đã không diễn ra như vậy mà bộ binh cơ giới Mỹ đi đến đâu cũng gặp du kích tấn công, bị chủ lực Quân giải phóng đánh diệt. Chính tướng Westmoreland đã phải than thở sau một số ngày hành quân rằng: “Chẳng thấy bóng du kích ở đâu cả nhưng bắt cứ ở đâu quân Mỹ cũng đều bị quân du kích chặn đánh...”. Con người có kỹ năng, có quyết tâm, có trí tuệ, hoàn toàn biết tạo các biện pháp cần thiết để bảo toàn mình và chờ diệt địch. Con người quyết định chờ không phải vũ khí.

Quân Mỹ dựa vào sức cơ động nhanh trên mọi địa hình, mọi thời tiết bằng máy bay và trực thăng các loại, bằng cơ giới tối tân. Trong trận Junction City, chỉ một thời gian rất ngắn, quân Mỹ đã có mặt, bao vây chặt chẽ toàn bộ khu vực chiến trường đã định và dùng xe tăng, thiết giáp đột phá thọc sâu nhanh chóng vào mục tiêu. Nhưng chiến trường không chiến tuyến tưởng như trống rỗng không người, rồi phút chốc bất ngờ ở đâu cũng có đối phuơng nổ súng. Như vậy phải chăng Quân giải phóng cơ động bằng chân lại nhanh hơn quân Mỹ, có mặt khắp nơi khi nào muốn đánh, cả từng người cho đến từng đơn vị trung đoàn, sư đoàn. Và quân Mỹ cũng không hề thấy địch trước và sau trận đánh. Thế trận chiến tranh nhân dân của quân cách mạng là như vậy đó.

Cả đôi bên đều coi trọng công tác chuẩn bị chu đáo trận đánh theo kế hoạch của mình, mà việc đầu tiên là phải hiểu địch hiểu ta. Cách đây trên 2.000 năm, Tôn Tử đã nói: “Biết mình biết địch, trăm trận không thua” (tri kỷ tri bì, bách chiến bất bại). Quân giải phóng đã hiểu rõ địch, cách sống, cách đánh của chúng, chỗ mạnh của chúng để kiểm chế, chỗ yếu của chúng để lợi dụng; còn hiểu rõ ý định mục tiêu và hành động của chúng, các loại vũ khí chúng sẽ sử dụng, binh pháp mà chúng sẽ thực hành. Quân giải phóng cũng biết rõ mình

ít mà yếu, không đương nổi với sức mạnh của địch, mà phải tổng hợp dùng sức, trí, thời, thế như Bác Hồ đã dạy: “Lạc nước, hai xe đành bỏ phí/ Gặp thời, một tốt cũng thành công”. Trong trận Junction City, “xe” của Mỹ lạc nước nên không có tác dụng, mà “tốt” của Quân giải phóng gấp thời rõ ràng phát huy hiệu quả, “thời” thuận lợi đó là thế trận chiến tranh nhân dân bày sẵn, để địch lạc vào một “mê hôn trận” không biết đâu mà lẩn, không thấy địch đâu mà đánh, mất cả sức và mất cả hồn, bị động và bất ngờ.

Trận Junction City là một trận tiêu biểu của cuộc chiến tranh Việt Nam. Những gì đã diễn ra trong chiến dịch này cũng đã diễn ra gần như trong chiến lược của chiến tranh. Kết quả, ít đã thắng nhiều, yếu đã thắng mạnh, chính nghĩa thắng phi nghĩa. Cuộc đấu sức và đấu trí có tính thời đại của chiến tranh Việt Nam vẫn còn nguyên trong trí nhớ mọi người, và còn nguyên giá trị thực tế lâu dài.

TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỐI DẬY NĂM 1968

1968 - 1988 - Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt của quân và nhân dân ta trên toàn miền Nam Mậu Thân năm 1968 đến nay đã vừa tròn 20 năm.

20 năm, phải chăng thời gian đã chín muồi cho việc đánh giá lại đây đủ ý nghĩa thắng lợi, những thành công và cả những mặt thất bại, thiếu sót về nghệ thuật chỉ đạo và thực hành chiến tranh trong cuộc tập kích chiến lược vang dội này.

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân, tôi xin được phép tái hiện lại toàn bộ diễn biến cuộc chiến đấu sôi sục và anh dũng của quân và dân ta ở chiến trường B2, trong đó có Sài Gòn - Gia Định là trọng điểm của toàn miền Nam với lòng mong mỏi từ thực tiễn sinh động của chiến trường đóng góp một phần nào vào việc nghiên cứu, làm phong phú thêm kho tàng lý luận nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968

Cho đến nay, vẫn còn có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau về thắng lợi của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968, những thành công và thất bại của nó.

Để đánh giá đúng thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của nó, cần phải điểm lại bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968.

Giữa năm 1965, những chiến thắng vang dội của quân và dân ta ở Bình Giả, Ba Gia, Đồng Xoài... báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn. Tổng thống Johnson và Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã phải quyết định đưa quân viễn chinh Mỹ và huy động quân chư hầu nhảy vào miền Nam Việt Nam.

Với việc nhanh chóng làm thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường, đế quốc Mỹ đã có tham vọng rất lớn, không những cứu nguy cho ngụy mà còn có ảo tưởng trong vòng từ 2 đến 3 năm sẽ tiêu diệt chủ lực và du kích ta, giành thắng lợi quyết định với kế hoạch gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ tháng 7/1965 đến cuối năm 1965, ngăn chặn tiến công của ta, triển khai lực lượng quân Mỹ trên toàn chiến trường miền Nam.

- Giai đoạn 2: Từ đầu năm 1966 đến tháng 9/1966, sê tấn công lớn giành thế chủ động, phá chiến tranh du kích, diệt chủ lực ta, bình định miền Nam.

- Giai đoạn 3: Từ tháng 9/1966 đến giữa hoặc cuối năm 1967, hoàn thành tiêu diệt chủ lực ta và các căn cứ kháng chiến, bắt đầu giao cho quân ngụy tiếp tục bình định miền Nam, quân Mỹ rút về nước.

Thực tiễn chiến trường đã diễn ra hoàn toàn ngược lại tham vọng của Mỹ. Chúng đã đụng phải ý chí sắt thép, sức mạnh vô địch của toàn quân, toàn dân ta. Đúng như lời kêu gọi và cũng là dự đoán tài tình của Bác Hồ ngày 20/7/1965: “Dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”. Đế quốc Mỹ đã phải chịu hết thất bại này đến thất bại khác, thất bại sau đau hơn thất bại trước.

Từ giữa năm 1965 đến giữa năm 1967, Mỹ - ngụy đã tiến hành 2 cuộc phản công chiến lược.

Cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất 1965 - 1966 được triển khai bằng kế hoạch “5 mũi tên” trên 5 hướng hòng “buộc Việt cộng từ người đi săn trở thành người bị săn”, đẩy ta từ thế chủ động vào thế bị động về chiến lược.

Ở miền Đông Nam Bộ, ngay từ khi quân Mỹ mới nhảy vào đã tổ chức hàng loạt cuộc hành quân đánh phá các căn cứ quan trọng của ta như Dương Minh Châu, Bời Lời, Củ Chi, Long Nguyên, Chiến khu Đ, Xuyên Mộc, Hắc Dịch... hòng triệt phá nơi đứng chân của cơ quan đầu não và chủ lực ta, làm lá chắn hỗ trợ cho quân ngụy bình định.

Quân ta không quay về “đánh du kích” như chúng mong tưởng mà lại tiếp tục chiến lược tấn công. Với phong trào thi đua sôi nổi lan rộng khắp nơi, nổi lên những chiến thắng vang dội ở Bàu Bàng, Đất Cuốc, Dầu Tiếng, Plây Me, Núi Thành, Chu Lai, Đà Nẵng..., quân và dân ta đã làm cho cả quân Mỹ và quân ngụy bị tổn thất nặng nề.

Ngày 05/5/1966, đế quốc Mỹ phải kết thúc cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất. Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, Cabot Lodge phải báo cáo về Mỹ “cuộc phản công không làm hao tổn được Việt cộng, không ngăn chặn được du kích phát triển, hậu phương không ổn định, quân đội Sài Gòn giảm chất lượng nhanh chóng, lực lượng Mỹ tăng cường bổ sung không kịp, khả năng tiếp viện hạn chế, quân chính quy Việt cộng cơ động...”.

Tuy đã bị thất bại nặng nề, nhưng để quốc Mỹ lại mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai 1966 - 1967 với tham vọng còn rất lớn. Chúng thay chiến lược “tìm diệt” bằng chiến lược “hai gọng kìm” là “tìm diệt” và “bình định”, tăng quân Mỹ từ 20 vạn lên 48 vạn với ý đồ giành thắng lợi quyết định, làm chuyển biến cục diện chiến trường vào giữa hoặc cuối năm 1967 hoặc buộc ta phải thương lượng theo điều kiện của Mỹ. Trọng điểm phản công là Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

Ở miền Đông Nam Bộ, địch đã tiến hành hàng loạt cuộc hành quân với quy mô lớn hơn nhiều so với mùa khô lần thứ nhất. Chúng tập trung chủ yếu quân Mỹ đánh phá hướng bắc Sài Gòn và Tây Ninh nhằm triệt phá các cơ quan đầu não của hai quân khu miền Đông và Sài Gòn, tiêu diệt một bộ phận chủ lực cơ động của ta, kết hợp quân ngụy bình định, mở rộng vành đai an ninh quanh Sài Gòn, như: Từ ngày 14/9 đến ngày 20/9/1966 đánh Dương Minh Châu; ngày 08/01/1967 hành quân Xêđaphôn đánh vùng “Tam giác sắt”; ngày 01/02/1967 hành quân “Cái bẫy” đánh Chiến khu Đ; từ ngày 02 đến ngày 12/02/1967 hành quân “Gác Đơn” đánh vào vùng Lò Gò, Cần Đăng (Tây Ninh); từ ngày 14 đến ngày 18/02/1967 hành quân “Túc Sơn” đánh hai bờ sông Sài Gòn và đồng Dầu Tiếng. Tất cả các cuộc hành quân trên vừa để triệt phá căn cứ cấp khu, đồng thời cũng để chuẩn bị cho cuộc hành quân lớn nhất vào căn cứ Bắc Tây Ninh mang tên Junction City. Trong cuộc hành quân này địch đã sử dụng 45.000 quân chủ yếu là quân Mỹ, 1.200 xe tăng và thiết giáp, hơn 500 máy bay các loại, 250 khẩu pháo cối hạng nặng. Westmoreland - Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã ra thông báo công khai trước cuộc hành quân nêu rõ mục tiêu cuộc hành quân là để diệt cơ quan lãnh đạo miền Nam, phá Đài Phát thanh và diệt Sư đoàn 9 của ta.

Có thể nói đây là cuộc hành quân quy mô lớn nhất và cũng là thất bại nặng nề nhất trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam, đúng như báo chí phương Tây đã bình luận: “quy mô voi, kết quả chuột”. Hơn một vạn quân Mỹ, gần 1.000 cơ giới, hàng trăm máy bay, hàng trăm khẩu pháo bị loại ra ngoài vòng chiến đấu.

Trong cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của địch, ở Tây Nguyên và ven biển miền Trung, quân và dân ta cũng thắng lớn, gây cho địch tổn thất nặng nề. Trên mặt trận bình định, ta đã phá rã gần 3.000 ấp chiến lược, địch chỉ còn kiểm soát 20% tổng số ấp ở miền Nam. Phong trào đấu tranh ở các đô thị lớn phát triển mạnh, lôi cuốn hàng triệu quần chúng xuống đường đòi lật đổ chế độ tay sai Mỹ. Ở hậu phương lớn, quân và dân ta đã bắn rơi hơn 1.000 máy bay, bắt gần 700 giặc lái. Ở Mỹ, phong trào chống chiến tranh xâm lược lên cao chưa từng thấy, lan rộng ở 50 thành phố lớn.

Dean Rusk - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ phải thú nhận: “Năm 1967 là năm đau khổ và khốc liệt đối với Mỹ trong chiến tranh Việt Nam”.

Như vậy, đến giữa năm 1967, sau ba năm tiến hành “Chiến tranh cục bộ”, tổng số quân Mỹ đưa vào miền Nam lên đến 48 vạn tên gồm đến 9 sư đoàn, 3 lữ đoàn, đem ra thi thố hầu như toàn bộ mọi thứ vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, trừ bom nguyên tử, đế quốc Mỹ chẳng những không hề tiêu diệt được chủ lực và du kích ta, không giành lại được thế chủ động trên chiến trường mà ngày càng lún sâu vào thế phòng ngự, bị động và thất bại cả về quân sự, chính trị, ở cả miền Nam, nước Mỹ và trên thế giới.

Tình thế trên đây rõ ràng đã đẩy đế quốc đứng trước ngã ba đường: Tiếp tục chiến tranh để rồi chuốc thêm thất bại nặng nề, chua cay hơn hoặc phải chịu rút quân Mỹ về nước và ngồi lại thương lượng với ta.

Tình thế đó đã dẫn đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968.

Quyết tâm chiến lược của Đảng: dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định

Vấn đề tổng công kích và tổng khởi nghĩa đã được Đảng ta xác định từ trước. Trong Nghị quyết của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 12/1963, đã nêu rõ: “Phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang không phải chỉ áp dụng tạm thời mà phải áp dụng lâu dài. Quá trình thực hiện phương châm ấy cũng là quá trình tích cực chuẩn bị để tiến tới bước quyết định đánh đổ toàn bộ nền thống trị của địch ở miền Nam bằng tổng công kích kết hợp với tổng khởi nghĩa... Tổng công kích về quân sự và tổng khởi nghĩa là điểm tiến tới tất yếu của phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự”.

Năm 1964, khi Ban Quân sự R được đổi thành Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam, kế hoạch tổng công kích và tổng khởi nghĩa đồng loạt trên ba vùng chiến lược ở miền Nam đã được triển khai. Ở Sài Gòn - Gia Định, trọng điểm của cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa đã được chuẩn bị cụ thể về tổ chức và lực lượng. Lúc đó, Bộ Tư lệnh Miền đã xác định 5 mục tiêu chủ yếu trong nội thành Sài Gòn phải chiếm ngay từ đầu, trên cơ sở đó chuẩn bị 5 hướng tiến công và lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trên. Ngoài các đơn vị đặc công, biệt động đã được xây dựng từ trước, năm 1964 đã tổ chức các tiểu đoàn mũi nhọn, đến năm 1965 đưa về đứng chân trên 5 hướng ở các bàn đạp ven đô.

Khi địch bắt đầu chuyển sang “Chiến tranh cục bộ”, miền Nam vẫn kiên trì giữ lực lượng biệt động, đặc công trong nội đô và các tiểu đoàn mũi nhọn ở 5 hướng ven đô, nhưng qua năm 1966, được lệnh tạm thời ngưng chuẩn bị cho tổng công kích và tổng khởi nghĩa để tập trung đánh Mỹ.

Ngay sau khi đánh bại cuộc hành quân Junction City buộc quân Mỹ phải rút chạy khỏi căn cứ Bắc Tây Ninh, tại đây tháng 5/1967, Trung ương Cục đã tiến hành Hội nghị lần thứ năm. Hội nghị đánh giá ta đã đẩy cuộc “Chiến tranh cục bộ” ở mức độ khá cao của Mỹ đến chỗ sa lầy bế tắc nghiêm trọng; để ra nhiệm vụ trước mắt là khẩn trương tranh thủ thời gian tạo mọi điều kiện, thời cơ giành thắng lợi liên tục toàn diện và ngày càng lớn, tiến lên thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa, thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương.

Tuy nhiên, đây cũng chỉ nêu phương hướng phấn đấu, quyết tâm cụ thể về tổng công kích, tổng khởi nghĩa phải đến tháng 10/1967 mới được Bộ Chính trị quyết định.

Ngày 20/10/1967, tại căn cứ Bắc Tây Ninh, đồng chí Phạm Hùng từ Hà Nội vào, chủ trì Hội nghị Trung ương Cục và trực tiếp phổ biến quyết tâm chiến lược mới của Bộ Chính trị¹, trong đó có những điểm như:

- Sự thất bại trước mắt của đế quốc Mỹ ở miền Nam đã rõ ràng và sự thất bại hoàn toàn của chúng không thể cứu vãn được. Chúng ta đang đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn, đế quốc đang trong tình thế lưỡng nan về chiến lược, rõ ràng so với mục đích chính trị, quân sự nhất định của chúng ở miền Nam thì những cố gắng chiến tranh lớn của Mỹ (cùng với những thiệt hại nặng nề của chúng) ở Việt Nam đã lên tới đỉnh cao.

- Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định, đạt tới những mục tiêu chiến lược mà Đảng đã đề ra (tiêu diệt, làm tan rã tuyệt đối bộ phận ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền các cấp và giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, trên cơ sở đó đập tan ý chí

1. Theo *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.579-580 thì: “Tháng 10/1967, Trung ương cử Trung tướng Nguyễn Văn Vịnh (Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam) vào gấp Trung ương Cục miền Nam để phổ biến chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Ngày 25/10/1967, Trung ương Cục miền Nam ra nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (B2) (nghị quyết mang mật danh Nghị quyết Quang Trung)” (B.T).

xâm lược, buộc Mỹ phải chịu thua ở miền Nam, chấm dứt mọi hành động chiến tranh ở miền Bắc).

- Tổng công kích và tổng khởi nghĩa sắp tới sẽ là *một giai đoạn, một quá trình tiến công chiến lược*... Cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường chính và sự nỗi dậy của nhân dân ở các thành thị lớn là *hai mũi tiến công chính* kết hợp chặt chẽ với nhau... Đặc biệt, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang và sự nỗi dậy của quần chúng nhân dân ở các thành thị lớn là *mũi nhọn thọc vào yết hầu của địch*, có tầm quan trọng quyết định đối với toàn bộ chiến trường và toàn cuộc chiến tranh.

- Dự đoán 3 khả năng, phải nỗ lực giành thắng lợi cao nhất theo khả năng 1, đe dọa được ý chí xâm lược của địch, bắt chúng phải chịu thua, phải thương lượng, đi đến kết thúc chiến tranh theo những mục tiêu và yêu cầu của ta.

Từ ngày 20 đến ngày 25/10/1967, hội nghị đã đi sâu quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị, nhất trí cao về quyết tâm chiến lược, thời gian thời cơ, phương châm nguyên tắc, về nhiệm vụ của chiến trường trọng điểm. Hội nghị cũng đã nhấn mạnh đến những mặt khó khăn, nhược điểm, khuyết điểm cần phải nỗ lực khắc phục như đấu tranh chính trị và binh vận còn yếu, chưa phát huy hết khả năng của ba thứ quân, nhận thức tư tưởng chưa chuyển biến nhanh... Hội nghị đã quyết định tổ chức, bố trí lại chiến trường và lực lượng ở chiến trường, đặc biệt là ở trọng điểm.

Từ ngày 20/10/1967 đến ngày Tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt 31/01/1968, thời gian chuẩn bị chỉ có hơn 3 tháng. Tuy điều kiện chuẩn bị thật khẩn trương nhưng từ Trung ương Cục, Quân ủy Miền cho đến từng địa phương, đơn vị đã khắc phục mọi khó khăn, tiến hành chuẩn bị theo từng bước rất khẩn trương. Riêng Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã có nhiều cuộc họp. Từ ngày 20 đến ngày 25/10/1967 là cuộc họp đầu tiên. Ngày 10/11/1967, đồng chí Lê Đức Anh từ Hà Nội về báo cáo lại ý kiến chỉ đạo bổ sung của Bộ Chính trị. Từ ngày 16 đến ngày 23/10/1967, bàn và quyết định cụ thể về nhiệm vụ, kế hoạch tổng công kích và tổng khởi nghĩa ở trọng điểm. Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã xác định: Phấn đấu dứt điểm chiến trường trọng điểm có tính chất quyết định cho chiến trường cả nước, góp phần giành thắng lợi cách mạng miền Nam. Trong hành động phải quán triệt nội công ngoại kích phối hợp chặt chẽ, kết hợp chặt giữa thành thị và nông thôn... Về phương châm sách lược, Trung ương Cục cũng đã nêu rõ: Tất cả các nhiệm vụ, kế hoạch các mặt quân sự, chính trị, binh vận, ngoại giao, chính quyền... là một kế hoạch tổng công kích và tổng khởi nghĩa, do đó mỗi cấp phải có kế hoạch

toàn diện của mình, càng chu đáo, cụ thể càng đảm bảo. Về kế hoạch trọng điểm, phải tập trung giải quyết cho được các mục tiêu:

- Sân bay Tân Sơn Nhất.
- Bộ Tổng Tham mưu.
- Tổng nha Cảnh sát.
- Bộ Tư lệnh Hải quân.
- Dinh Độc Lập.
- Đài Phát thanh.
- Tòa đô chánh.
- Nhà lao Chí Hòa.
- Tòa Đại sứ Mỹ.

Kế hoạch tấn công và nổi dậy ở trọng điểm được xác định các bước và thời gian như: Bước thứ nhất, trong vài ngày đánh chiếm cho được các mục tiêu then chốt trong nội thành Sài Gòn, hỗ trợ quần chúng nổi dậy. Bước tiếp theo, có thể kéo dài từ 3 đến 5 tháng, sẽ liên tục đánh địch phản kích, giữ cho được các mục tiêu và địa bàn đã chiếm được, xây dựng chính quyền thực hành cho được khả năng 1 mà Bộ Chính trị đã nêu lên.

Để thực hành kế hoạch Tổng tấn công và Tổng khởi nghĩa trên, Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn - Gia Định được giải thể. Trọng điểm và vùng chung quanh được tổ chức thành 5 phân khu ở 5 hướng: Phân khu 1 ở bắc Sài Gòn, phân khu 2 ở tây bắc, phân khu 3 ở nam và tây nam, phân khu 4 ở đông nam và phân khu 5 ở đông và đông bắc Sài Gòn. Phân khu 6 bao trùm lên các quận nội thành thuộc 5 phân khu. Mỗi phân khu đều có lực lượng đặc công, các tiểu đoàn mũi nhọn và quân địa phương. Ở nội đô, lực lượng đặc công biệt động trước đây (F.100) được tổ chức lại thành 3 cụm phụ trách đánh chiếm 5 mục tiêu chủ yếu.

Đối với các đơn vị chủ lực của Miền, lúc đầu chưa sử dụng tấn công vào nội đô mà có nhiệm vụ đánh những trận thoi động trước và sau ngày N nhằm cảng kèo, kiềm chế quân Mỹ, chặn đánh các cuộc phản kích của Mỹ và ngụy từ ngoài vào nội đô. Như Sư đoàn 9 (thiếu) đứng chân ở tây bắc Sài Gòn, đánh và kiềm chế địch ở Củ Chi, Tân Thành Tây, Hóc Môn nhằm chủ yếu vào Sư đoàn 25 Mỹ. Sư đoàn 7 đứng hướng bắc Sài Gòn có nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận Sư đoàn 1 Mỹ, Sư 5 ngụy ở Bến Cát, Phú Giáo, chặn Trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ, không cho chúng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 5 ở hướng đông Sài Gòn cùng 1 trung đoàn pháo đánh chiếm và làm tê liệt sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Bộ Tư lệnh

Quân đoàn 3 ngụy, Bộ Tư lệnh dã chiến 2 Mỹ. Trung đoàn 88 thọc sâu xuống Trung An, Bình Mỹ...

Để bảo đảm về mặt hậu cần, ở miền Đông và Sài Gòn - Gia Định, ngoài hậu cần của các phân khu, Miền đã tổ chức lại thành 5 đoàn hậu cần ở 5 hướng từ tuyến sau ra tuyến trước, xuống tận vùng ven. Trong nội đô, trong quá trình chuẩn bị từ năm 1963, đã xây dựng tích trữ được nhiều kho vũ khí bí mật ở sát các mục tiêu chiến lược quan trọng như Dinh Độc Lập, Bộ Tư lệnh Biệt khu thủ đô, Đài Phát thanh, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tổng Tham mưu ngụy, mỗi nơi có từ 50 đến 150kg thuốc nổ, 5 AK, súng ngắn đến hàng chục khẩu.

Ngày 25/01/1968, Trung ương Cục họp kiểm điểm lần cuối công tác chuẩn bị trên chiến trường B2, đặc biệt ở trọng điểm Sài Gòn - Gia Định. Đồng chí Nguyễn Văn Linh truyền đạt thêm ý kiến Bộ Chính trị, nội dung chủ yếu có những điểm:

- Địch chưa quy ngay đâu nên phải kiên trì. Quá trình đó lực lượng ta sẽ nhảy vọt, địch sẽ đi xuống nhanh.

- Yêu cầu đối với quân Mỹ vừa diệt vừa bắt tù binh, đối với ngụy vừa diệt vừa làm tan rã cho nên cần đẩy mạnh binh địch vận.

Thực hành tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt

Trên toàn miền Nam, trong đó có khu vực trọng điểm, cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968 chia làm 3 đợt: Mỗi chiến trường do điều kiện riêng có xê dịch ngày bắt đầu và ngày kết thúc.

- Đợt I: Tết Mậu Thân từ ngày 31/01/1968 đến ngày 25/02/1968.
- Đợt II: Từ ngày 05/5/1968 đến ngày 18/6/1968.
- Đợt III: Từ ngày 17/8/1968 đến 23/9/1968.

Đợt I: Tết Mậu Thân

Khu 5 và Tây Nguyên tiến hành trước một ngày, đêm 29 rạng ngày 30/01/1968 do nhầm lẫn về ngày mồng Một Tết giữa ta và ngụy có chênh nhau hay vì một lý do nào khác. Do đó, địch tuy chưa rõ ý đồ chiến lược của ta nhưng trên các chiến trường, chúng đã có hành động tăng cường bố phòng chuẩn bị đối phó. Tuy vậy, đêm 30 rạng ngày 31/01/1968, quân và dân ta trên toàn miền Nam đã tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt trên cả ba vùng chiến lược, đưa chiến tranh vào tận các hang ổ đầu não của Mỹ - ngụy ở 6 thành phố, 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ (Tổng thống Mỹ Johnson phải thừa nhận rằng, 36 trong 44 tỉnh lỵ, 5 trong 6 thành phố lớn nhất và khoảng 1/4 trong tổng số 242 quận lỵ đã bị tấn công).

Ở khu vực trọng điểm Sài Gòn - Gia Định, rạng sáng ngày 31/01/1968, những mục tiêu chủ yếu trong nội đô, các chiến sĩ đặc công biệt động đã bất ngờ tấn công, chiếm giữ nhiều giờ như Đài Phát thanh, Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc Lập, cổng 5 và 4 Bộ Tổng Tham mưu nguy. Các tiểu đoàn mũi nhọn và trung đoàn độc lập đã làm chủ trại Phù Đổng, xưởng quân cụ, Trường huấn luyện Quang Trung.

Quân chúng đã nổi dậy ở nhiều nơi như Quận 7, Quận 8, ngã ba Hàng Xanh, ngã năm Bình Hòa, chợ Trần Quốc Toản, trường đua Phú Thọ, khu vực Gò Vấp, Cầu Tre, Phú Lâm...

Phối hợp tấn công với khu vực trọng điểm, các đơn vị chủ lực đã đánh địch, kiềm chế chúng ở ngoại vi như Sư đoàn 5 tấn công sân bay Biên Hòa, Bộ Tư lệnh dã chiến 2 Mỹ, làm chủ khu vực ngã ba Tam Hiệp (Biên Hòa); Sư đoàn 7 tấn công Sở Chỉ huy Trung đoàn 7 Sư đoàn 5 ngụy ở Bến Cát, diệt một tiểu đoàn Mỹ tại Phú Giáo, tiêu hao và kiềm chế Lữ 1 Sư đoàn 25 Mỹ, tấn công khu vực Thủ Đức... Ở miền Đông, lực lượng vũ trang và quân chúng diệt chi khu Phú Khương (Tây Ninh), chiếm thị xã Long Khánh, gần hết thị xã Bà Rịa, diệt chi khu Tân Phong, yếu khu Túc Trưng, thị trấn Long Đất (Biên Hòa, Bà Rịa), đột nhập thị xã Phước Bình (Phước Long)... Ở đồng bằng sông Cửu Long, ở miền Trung Nam Bộ, rạng sáng ngày 31/01/1968, 6 thị xã, 21 thị trấn đã đồng loạt tấn công và nổi dậy, chiếm 3 thị xã Mỹ Tho, Bến Tre và An Giang, một số mục tiêu ở thị xã khác, đánh chiếm nhiều thị trấn và vị trí quân sự quan trọng của địch.

Ở miền Tây Nam Bộ, ta dứt điểm 2 thị xã Trà Vinh và Cà Mau, chiếm một số mục tiêu trong 4 thị xã khác.

Trên các chiến trường Trị Thiên - Huế, Khu 5 và Tây Nguyên, quân dân ta tiếp tục tấn công và nổi dậy. Đặc biệt, quân và dân Trị Thiên tuy tấn công và nổi dậy cùng ngày với trọng điểm nhưng đã làm chủ hoàn toàn thành phố Huế và chiếm giữ 25 ngày đêm, có tác động cổ vũ lớn đối với toàn quốc, đặc biệt đối với chiến trường trọng điểm.

Ở trọng điểm Sài Gòn - Gia Định, tuy không đánh chiếm được dài ngày các mục tiêu quy định, nhưng các đơn vị đặc công, biệt động, các tiểu đoàn mũi nhọn và địa phương đã nêu cao tinh thần chiến đấu “cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”, anh dũng đánh lui các đợt phản kích điên cuồng, liên tục của địch, bám giữ các địa bàn ngay trong thành phố, phát động quần chúng nổi dậy, làm tròn xuất sắc nhiệm vụ của mình. Tiêu biểu như Đội biệt động số 11 tấn công Tòa đại sứ Mỹ đã chiếm được tầng 1, liên tục đánh quân Mỹ từ trực thăng trên cao đánh xuống kết hợp bộ binh từ dưới đánh lên. Cán bộ, chiến sĩ Đội 11 đã diệt nhiều tên

xâm lược Mỹ, chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và người chiến sĩ cuối cùng. Đội 5 biệt động tấn công vào Dinh Độc Lập, số lượng ít lại bị thương vong ngay từ đầu, 3 đồng chí vẫn tiếp tục xông vào mục tiêu, trụ lại ngay ngoài mục tiêu liên tục đánh bọn địch phản kích ngày một đông có cả xe bọc thép yểm trợ. Đội 3 biệt động đã anh dũng, mưu trí chiếm được Đài Phát thanh, thu được vũ khí nhưng không tiến hành phát thanh được như ý định vì thiếu nhân viên kỹ thuật. Đội 4 biệt động dù đã bị lộ vẫn ôm bộc phá lao vào Bộ Tư lệnh Hải quân ngụy chiến đấu và hy sinh đến người cuối cùng.

Trong ngày 31/01/1968, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn Quyết Thắng đã đánh chiếm toàn bộ trại thiết giáp Phù Đổng, một phần trại pháo binh Cổ Loa, phá hủy nhiều pháo, phát triển tiến công các căn cứ 60 và 80 của quân ngụy, làm chủ nhiều ngày ở khu vực ngã năm Bình Hòa, ngã ba Cây Thị, bẻ gãy nhiều đợt phản kích của chiến đoàn thủy quân lục chiến ngụy ở khu vực này.

Tiểu đoàn 2 Gò Môn được tăng cường Tiểu đoàn 4 đặc công đánh quyết liệt và lọt vào trong các cổng 4, 5 Bộ Tổng Tham mưu ngụy, chiếm nhiều cao ốc trên đường Võ Di Nguy bên ngoài Bộ Tổng Tham mưu ngụy, đánh lui nhiều đợt phản kích của bọn lính dù và thủy quân lục chiến ngụy.

Lực lượng của Phân khu 2 đánh chiếm 2 đồn tây bắc sân bay Tân Sơn Nhất, vượt bãi trống tiến vào gần đến khu vực để máy bay nhưng do địch lợi dụng địa hình trống trải phản kích quyết liệt nên quân ta phải lui ra bám trụ chiến đấu. Ở khu vực cầu Tham Lương, hăng dệt Vinatexco, Tiểu đoàn 6 Bình Tân chiếm trại cảnh sát cạnh trường đua Phú Thọ, trường nữ quân nhân ngụy, phát triển chiếm các khu vực Nguyễn Tri Phương, Triệu Đà, Nguyễn Kim, Nguyễn Lâm làm cho quân địch ở đây chạy tán loạn. Ở cư xá Lũ Gia, đường Lê Đại Hành, Nguyễn Văn Thoại, chợ Thiếc, cuộc chiến đấu giữa ta và địch đã diễn ra ác liệt.

Lực lượng của Phân khu 3 đánh chiếm khu vực nhà máy Hội Đồng, cầu số 3, hệ thống kho gạo Bình Đông, giữ vững trong 4 ngày liền, một bộ phận thọc lên bắc cầu Nhị Thiên Đường, tấn công khu vực Phú Định, Lò Gốm, hăng rượu Bình Tây, đánh địch ở đường Hậu Giang, Tháp Mười, tiến qua đường Dương Công Trừng, lên chợ Thiếc bắt liên lạc với lực lượng Phân khu 2 và cánh Hoa vận phát động quần chúng diệt ác, làm chủ khu vực giáp ranh các quận 5, 6, 10, 11.

Ở hướng đông và đông bắc, Tiểu đoàn 5 Dĩ An bí mật thọc sâu đánh chiếm khu cảnh sát Hàng Xanh, làm chủ khu vực này, phục kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn biệt động ngụy đến tiếp viện.

Trên toàn chiến trường miền Nam, sau khi quân ta rút khỏi Huế, ta đã kết thúc đợt I Tết Mậu Thân năm 1968. Tuy chưa đạt được mục tiêu đã đề ra nhưng ta đã giành được thắng lợi rất lớn có ý nghĩa quan trọng về chiến lược.

Trong 3 năm tiến hành “Chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ thực hiện kế hoạch “tìm diệt” tức là dùng quân Mỹ đánh vào các căn cứ để tiêu diệt cơ quan đầu não và lực lượng chủ lực của ta để “đánh gãy xương sống của Việt cộng” như chúng thường huênh hoang nhưng chúng không thực hiện được tiêu diệt căn cứ, chủ lực ta, ngược lại ta lại đưa chiến tranh vào tận toàn bộ những hang ổ đầu não của địch, tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực quan trọng của Mỹ - ngụy (theo thống kê lúc đó, trong vòng một tháng rưỡi trên toàn miền Nam, ta đã loại ra ngoài vòng chiến 1/3 quân ngụy, 1/5 lực lượng chiến đấu của Mỹ - ngụy, 1/3 tổng số máy bay, 1/3 tổng số cơ giới, 1/3 tổng số đồn bốt). Địch phải tập trung lực lượng của cả ngụy và của Mỹ về đối phó ở các đô thị làm cho ngụy quyền ở xã, ấp và một số quận, huyện bị lỏng rã. Ta đã giải phóng thêm 1 triệu 30 vạn dân.

Ở chiến trường B2 và trọng điểm, ta cũng đã giành được thắng lợi to lớn. Ta đã tấn công được hầu hết các mục tiêu chủ yếu trong nội thành Sài Gòn, chiếm giữ và đánh phản kích dài ngày nhiều khu vực trong nội đô gây tiếng vang lớn trong nước và trên thế giới.

Tháng 3/1968, Trung ương Cục đã họp Hội nghị lần thứ sáu đánh giá về đợt I Tết Mậu Thân:

- Ta đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện chưa từng có, gây cho địch tổn thất nặng nề hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây (riêng B2 đã loại ra ngoài vòng chiến đấu 75.000 tên, làm tan rã 20.000 tên; diệt, bức hàng, bứt rút 7 chi khu, 400 đồn tua; giải phóng 1/2 triệu dân, phát triển 10.000 du kích, tuyển được hàng ngàn tân binh).

- Thắng lợi vừa qua đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc làm thay đổi nhanh chóng sự so sánh lực lượng giữa ta và địch.

- Nhưng chưa giành được thắng lợi cao nhất theo khả năng thứ nhất mà Bộ Chính trị đã đề ra.

- Chúng ta còn có những khuyết điểm và nhược điểm như chưa diệt gọn ngay từ đầu nhiều sinh lực địch và bọn đầu sỏ phản động, lực lượng vũ trang chưa thực hiện đầy đủ vai trò đòn xeo. Về chính trị, lực lượng quần chúng có tổ chức nhưng chưa được rộng và mạnh, lãnh đạo thiếu chặt chẽ và chưa phát động quần chúng lên đến mức bạo lực khởi nghĩa vũ trang để kết hợp với tấn công quân sự.

Đợt II: từ ngày 05/5/1968 đến ngày 18/6/1968

Để thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương, tiếp tục Tổng tấn công và tổng khởi nghĩa, đặc biệt là duy trì đánh chiếm các thành phố và thị xã, thị trấn, Hội nghị Trung ương Cục lần thứ sáu đề ra chủ trương: "...duy trì và đẩy mạnh các mặt hoạt động trên địa bàn đô thị, làm chủ các đường giao thông chiến lược, giải phóng và làm chủ toàn bộ nông thôn, đồng bằng, miền núi..., giành thắng lợi liên tiếp và vững chắc tiến lên giành thắng lợi lớn hơn, chỉ đạo liên tục chiến đấu, đồng thời tiến hành chuẩn bị về mọi mặt cho đợt tấn công trong những tháng mưa mùa để tiến lên giành thắng lợi quyết định".

Về kế hoạch đợt II, Thường vụ Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã xác định sử dụng một bộ phận chủ lực cùng với các tiểu đoàn mũi nhọn tấn công từ 5 hướng vào nội thành phối hợp với biệt động thành phát động quần chúng khởi nghĩa giành quyền làm chủ. Sử dụng chủ lực và các binh chủng đánh địch ở vùng ven là chủ yếu nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của Mỹ - nguy, hỗ trợ cho lực lượng tấn công vào nội thành.

Trước khi ta tiến hành đợt II, từ ngày 11/3/1968 đến ngày 07/4/1968, địch đã mở cuộc hành quân "quyết thắng" huy động 30.000 quân gồm 16 tiểu đoàn Mỹ, 34 tiểu đoàn ngụy nhằm củng cố thế phòng thủ của chúng ở Sài Gòn - Gia Định. Phần lớn lực lượng của Sư đoàn 25 Mỹ đã về đứng ở vùng ven nhằm hỗ trợ cho quân ngụy cố thủ thủ đô của chúng. Do đó, đợt II không còn thể bất ngờ và địch đã tập trung số lượng lớn cả quân ngụy và quân Mỹ đối phó ở trọng điểm.

Đêm 4 rạng sáng ngày 05/5/1968, ta đồng loạt tấn công trên toàn chiến trường.

Ở trọng điểm Sài Gòn - Gia Định:

- Pháo kích sân bay Tân Sơn Nhất, nhà tên đại sứ và Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc Lập, Tân cảng Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Hải quân, Tổng nha Cảnh sát, Biệt khu thủ đô ngụy. Biệt động thành đánh chiếm Đài vô tuyến truyền hình, cầu Phan Than Giản.

- Trung đoàn 6 của Phân khu 2, Trung đoàn 2 của Sư đoàn 9 thọc sâu vào Cầu Tre, trường đua Phú Thọ, Bà Hạt, ngã tư Bảy Hiền, Vườn Lài, Trần Quốc Toản, Sư Vạn Hạnh phối hợp với các đội vũ trang tuyên truyền đánh chiếm Tòa hành chánh Quận 5, liên tục đánh địch phản kích, bị thương vong lớn, sau 7 ngày trụ lại phải rút ra.

- Các đơn vị Phân khu 1 đánh địch ở Cây Xoài, Xóm Mới, tiến xuống Gò Vấp gấp địch án ngũ dày đặc không vào được mục tiêu quy định.

- Các tiểu đoàn mũi nhọn Phân khu 3 thọc vào chiếm các quận 7, 8 và một phần Quận 4, chiếm cầu Chữ Y và cầu Tân Thuận.

- Các tiểu đoàn mũi nhọn Phân khu 4 đánh chiếm cầu Bình Lợi, Cầu Sơn, Bình Hòa, phá hư cầu Xa Lộ Sài Gòn.

Từ ngày 25/5/1968, ta tiếp tục tấn công vào Sài Gòn - Gia Định (cao điểm 2). Lần này lực lượng phát triển nhanh nhu:

- Đánh chiếm khu vực Gò Vấp (Cây Thị, Cây Quέo, cầu Bǎng Ky, khu mô Lê Văn Duyệt, ngã năm Chuồng Chó), liên tục đánh phản kích trong 18 ngày đêm, diệt 2.000 tên địch.

- Đánh chiếm khu vực Phú Lâm, Quận 6, một phần Quận 5 (các đường Nguyễn Trãi, Đồng Khánh, Khổng Tử, Tổng Đốc Phương, Nguyễn Văn Thoại, chợ An Đông).

Ở vùng ven và chung quanh Sài Gòn, một bộ phận Sư đoàn 5 kết hợp quân địa phương diệt nhiều địch ở Trảng Bàng, Củ Chi. Một trung đoàn của Sư 7 diệt 1 tiểu đoàn ngụy ở Phú Văn, 1 trung đoàn khác diệt 1 tiểu đoàn Úc ở Bình Cơ, đại đội Mỹ ở Biên Hòa. Ở Biên Hòa, ta diệt 2 yếu khu Túc Trưng và Cẩm Mỹ, đột nhập đánh địch trong thị xã Bà Rịa và Long Khánh.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, ta đã tấn công các thị xã Tân An, Chương Thiện, Vĩnh Long, thị trấn Long Mỹ...

Cuối đợt II, đồng chí Lê Trọng Tấn sau khi ra báo cáo Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về phổ biến nhận định của Trung ương về cuộc Tổng công kích và tổng khởi nghĩa đến cuối tháng 4/1968: Địch thua toàn diện cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Ta đưa chiến tranh vào thành thị, hậu phương của địch, đánh vào trung tâm thần kinh của địch, ảnh hưởng trực tiếp đến chính trị, kinh tế. Kiểm soát ở nông thôn của địch bị co lại. Kế hoạch năm 1968 của chúng bị phá sản từ đầu (theo kế hoạch AB145 của địch, trong năm 1968 - 1969 địch sẽ tiến hành phản công lần thứ ba, ưu tiên chiến trường miền Đông Nam Bộ nhằm tiêu diệt các sư đoàn chủ lực 5, 7, 9 của ta và các căn cứ quan trọng, nói rộng an ninh vùng Sài Gòn - Gia Định, tăng gấp 2 lần xây dựng nông thôn). Ta ở thế tấn công liên tục, lực ta mạnh lên. Sự phối hợp chiến trường đánh nhỏ nhưng rất hiểm. Thời cơ lúc này rất tốt trên cả 3 vùng. Tuy nhiên ta còn khuyết nhược điểm là quân sự chưa làm đòn bẩy mạnh, chính trị nổi dậy chưa đạt...

Hội nghị Trung ương Cục lần thứ bảy đã đánh giá mặt thắng lợi, mặt mạnh như Trung ương đã nhận định, riêng mặt yếu trong đợt II nhấn mạnh về quân sự tác chiến ở trọng điểm nổi bật nhưng ở diện không đạt yêu cầu. Khởi nghĩa quân chúng còn ì ạch, binh vận còn quá yếu. Việc xây dựng lực lượng chính trị vũ trang và củng cố hậu phương còn kém.

Đợt III: từ ngày 17/8/1968 đến ngày 23/9/1968

Sau 5 tháng tiến công và nổi dậy từ ngày 31/01/1968 đến ngày 16/6/1968, chấp hành chủ trương chiến lược mới của Trung ương, chiến trường B2 đã có những cố gắng rất lớn và đã giành được những thắng lợi to lớn, tuy nhiên vẫn còn nhiều khuyết nhược điểm. Quân ủy Miền đã đánh giá từng chiến trường trong phạm vi B2. Riêng khu vực trọng điểm Sài Gòn - Gia Định trong đợt đầu đã có những trận vang dội ở ngay trong nội thành, tiếp đó đã mở rộng và duy trì hoạt động trong một thời gian dài trong nhiều quận, đã chiến đấu quyết liệt ở ven thành phố và nói chung đã giữ vững các bàn đạp của ta. Trận Sài Gòn - Chợ Lớn đã và đang diễn ra thành một trận tấn công và bao vây lớn trong thời gian dài “thủ đô” của ngụy quyền. Nhưng tấn công quân sự vẫn chưa đạt yêu cầu, tổ chức và lãnh đạo nhân dân nổi dậy thì còn yếu.

Trước khi tiến hành đợt III, tháng 8/1968, Bộ Chính trị họp đề ra chủ trương chiến lược và nhiệm vụ trước mắt “...tiếp tục đẩy mạnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa, đẩy mạnh thế tiến công toàn diện bằng quân sự và chính trị, bằng ba mũi giáp công, kết hợp với tiến công ngoại giao, làm cho địch thua to hơn nữa trên tất cả các mặt, đạt cho được những mục tiêu chiến lược đã đề ra, giành thắng lợi quyết định về ta, đồng thời tạo mọi điều kiện và luôn luôn sẵn sàng về mọi mặt để đánh thắng địch nếu chúng kéo dài hoặc mở rộng chiến tranh”.

Để thực hiện chủ trương chiến lược và nhiệm vụ do Bộ Chính trị đã đề ra, đồng thời cũng xuất phát từ thực tiễn tình hình ở chiến trường B2, đặc biệt là ở trọng điểm, Trung ương Cục và Quân ủy Miền chủ trương chuyển hướng tiến công. Ở miền Đông Nam Bộ và trọng điểm sử dụng lực lượng Miền kết hợp với lực lượng địa phương mở chiến dịch tiến công địch trên địa bàn Tây Ninh - Bình Long, đánh mạnh vào tuyến ngoài của hệ thống phòng thủ của Mỹ - ngụy ở vùng chiến thuật 3, nhằm:

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực cơ động của Mỹ - ngụy trực tiếp bảo vệ Sài Gòn, làm tê liệt một thành phần quan trọng trong hệ thống phòng thủ Sài Gòn gồm 2 sư đoàn Mỹ bảo vệ vòng ngoài và lực lượng tổng trừ bị ngụy ở vùng ven.

- Đẩy mạnh diệt ác phá kìm mở rộng vùng ở nông thôn.
- Thu hút lực lượng và phi pháo địch ra ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quân sự, chính trị ở Sài Gòn và ngoại ô.
- Vừa tác chiến vừa xây dựng, tìm hiểu thêm quy luật đối phó của địch, tạo cơ sở chuẩn bị cho các đợt sau.

Hoạt động đợt III trên toàn chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, nhất là quân Mỹ, thu hút chủ lực địch ra xa đô thị, đánh lui một bước kế hoạch “bình định” cấp tốc của địch.

Ở Khu 5, ta tập kích gây nhiều thiệt hại cho Sư đoàn American Mỹ, diệt và thu hút chủ lực ngụy ở đông Tam Kỳ và Quảng Ngãi, hỗ trợ đặc công và bộ đội địa phương đánh một số mục tiêu trong nội ô Đà Nẵng.

Ở Tây Nguyên, ta tấn công địch ở Tây Nam Đăk Lăk và Tây Bắc Kon Tum, diệt 2.000 địch, hỗ trợ quân chúng nổi dậy giành quyền làm chủ ở quận Đức Lập.

Ở Trị Thiên, sau khi quân Mỹ rút khỏi Khe Sanh, ta tiếp tục đánh địch trên Đường 9.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, ta giải phóng được nhiều vùng nông thôn, riêng miền Tây Nam Bộ đã giành quyền làm chủ 88 xã, 1.934 ấp với 1.580.000 dân... Bước vào đợt III, ta tập trung đối phó các cuộc phản kích quyết liệt và âm mưu bình định của địch.

Ở miền Đông Nam Bộ, việc chuyển hướng tấn công đạt kết quả lớn. Trong chiến dịch Tây Ninh - Bình Long, ta đã vượt chỉ tiêu tiêu diệt đơn vị chủ lực Mỹ - ngụy (tiêu diệt 12 tiểu đoàn bộ binh cơ giới Mỹ và 1 tiểu đoàn ngụy, 55 đại đội trong đó có 25 đại đội Mỹ), thu hút chủ lực và phi pháo địch ra xa Sài Gòn.

Do thất bại trên chiến trường, chính quyền Johnson phải chủ trương “Phi Mỹ hóa chiến tranh”, ngày 01/11/1968 tuyên bố chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam. Ngày 13/11/1968, Bộ Ngoại giao Mỹ phải ra tuyên bố “Hoa Kỳ tán thành họp 2 phía: Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (ngụy) một bên, Bắc Việt Nam với bất kỳ ai một bên”. Ngày 10/12/1968, phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng đến Pari để dự cuộc đàm phán hòa bình ở Việt Nam, một điều mà lâu nay Mỹ khăng khăng từ chối nay buộc phải chấp nhận.

Ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968

Qua 3 đợt tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt trên toàn miền Nam, đặc biệt cuộc tập kích chiến lược bất ngờ và vang dội Tết Mậu Thân, quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện.

Có nhiều ý kiến lập luận khác nhau, ta có bị tổn thất nặng nhưng một điều không thể phủ nhận là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng là buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi chiến lược.

Đại hội Đảng lần thứ IV đã đánh giá rõ: “cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân nhằm một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của giặc Mỹ.

Thắng lợi rất oanh liệt của đòn tiến công và nỗi dậy táo bạo, bất ngờ đó đã đảo lộn thế chiến lược của địch, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Pari”.

Về vận dụng nghệ thuật quân sự của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích: Cũng với bấy nhiêu quân, với thế trận và so sánh lực lượng khi bước vào Đông Xuân 1967 - 1968, nếu chúng ta vận dụng một chiến lược khác, chọn một hướng tiến công khác thì chắc rằng cục diện chiến tranh sẽ không thay đổi một cách đột biến...

Bộ Chính trị đã khẳng định: “đòn tiến công trong dịp Tết thực sự là *một cuộc tập kích chiến lược rất thành công trên toàn chiến trường*”.

Đảng ta đã chọn phương hướng tiến công, giữ bí mật bất ngờ về thời gian và địa điểm, táo bạo và đúng lúc phối hợp chiến lược đồng loạt giữa các chiến trường, do đó đã tạo ra một đòn giáng quyết liệt vào trung tâm đầu não của địch, giáng một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải thú nhận là một thất bại đau đớn nặng nề nhất trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Thắng lợi trên đây còn làm nổi bật sự lãnh đạo và chỉ huy của các cấp, của các lực lượng vũ trang và toàn dân ta trên khắp các chiến trường, đã tỏ rõ quyết tâm chiến đấu và ý thức tổ chức kỷ luật rất cao, triệt để chấp hành mọi chỉ thị, mệnh lệnh, đoàn kết hợp đồng và chi viện cho nhau rất chặt chẽ, quyết xông lên vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Khí thế tấn công của Mậu Thân năm 1968 là nguồn cổ vũ to lớn cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tiếp tục vượt mọi chông gai, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Thực tiễn sinh động của Mậu Thân đã nêu lên những bài học quý giá về chỉ đạo chiến lược, về lãnh đạo và chỉ huy, về phương châm, nguyên tắc tiến hành chiến tranh nói chung, đặc biệt về việc vận dụng các cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam năm 1972 và năm 1975.

KỶ NIỆM 20 NĂM GIẢI PHÓNG, TRẬN XUÂN LỘC ĐÁNG NHỚ TRONG NHỮNG NGÀY THÁNG TƯ LỊCH SỬ

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mở đầu là trận đánh Buôn Ma Thuột và kết thúc là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã quét sạch toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giành toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đi đến thống nhất giang san Việt Nam.

Hai mươi năm trước, sau khi Sài Gòn được giải phóng, Thành phố hầu như còn nguyên vẹn, phố phường đầy cờ hoa, nhân dân hân hoan reo mừng. Chúng ta không thể nào quên, để đột phá vào trung tâm sào huyệt đầu não cuối cùng của Mỹ - ngụy, chiếm lĩnh các mục tiêu quan trọng cùng một lúc, bộ đội ta đã phải qua những trận đánh ác liệt, tiêu diệt và đánh tan các tuyến phòng ngự kiên cố và dày đặc của địch từ những vòng ngoài.

Bài này cốt nhắc lại trận Xuân Lộc, một trận quyết chiến ác liệt giữa ta và địch, ta đã đập tan trung tâm then chốt phòng ngự của địch bảo vệ Sài Gòn, góp phần quan trọng quyết định số phận ngụy quân, ngụy quyền và tay sai Mỹ.

Sau những trận thắng lợi dồn dập và vang dội, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, ngụy quyền ở 2 vùng chiến thuật 1 và 2 của địch, giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên và ven biển miền Trung, cùng lúc đánh chiếm một số địa bàn quan trọng chung quanh Sài Gòn, Đảng ta hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975. Ngày 01/4/1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã điện cho Trung ương Cục và Quân ủy Miền: "Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu". Ngày 07/4/1975, Trung ương Cục và Quân ủy Miền thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, thông qua kế hoạch tấn công trên mặt trận Sài Gòn. Chiều hôm đó, đồng chí Lê Đức Thọ đã cấp tốc vào đến Lộc Ninh, sáng ngày 08/4/1975 đã truyền đạt nghị quyết của Bộ Chính trị về giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Một sự trùng hợp lý thú là trong ngày 07/4/1975, khi ta thông qua kế hoạch tấn công Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu đã triệu tập các tướng lĩnh chủ chốt trong chính quyền ngụy vạch kế hoạch phòng thủ Sài Gòn, quyết giữ toàn bộ Vùng chiến thuật 3 và 4 còn lại (tức toàn Nam Bộ) mà cốt lõi là “cố giữ tiền tiêu Phan Rang”, “tử thủ chốt Xuân Lộc”, để rồi phản công chiếm lại những vùng đã mất vào tháng 6/1975.

Theo chỉ thị của Bộ Chính trị: hiện nay “thời gian là lực lượng, thời gian là sức mạnh”, không đợi các binh đoàn chủ lực của Bộ vào mà tự Bộ Tư lệnh B2 với lực lượng của mình phải tấn công ngay Sài Gòn.

Đêm ngày 09 rạng sáng ngày 10/4/1975, B2 mở đợt tấn công đầu tiên cắt đứt Sài Gòn. Thực hiện kế hoạch với các vùng xung quanh, bao vây chặt Sài Gòn để tạo điều kiện đánh thẳng vào trung tâm theo kế hoạch 5 mũi cùng một lúc chiếm lĩnh 5 mục tiêu quan trọng nhất được quy định. Quân đoàn 4 gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 mới được bổ sung và sư đoàn của Quân khu 7 tấn công Xuân Lộc, một vị trí then chốt trong tuyến phòng ngự Sài Gòn, cắt đứt Sài Gòn với Vùng 2 chiến thuật, Sư đoàn 5 cùng lực lượng Khu 8 và Khu 9 cắt đứt từng đoạn Đường 4, cắt đứt Sài Gòn với vùng 4 chiến thuật, Đoàn 10 đặc công khóa sông Lòng Tàu, cùng quân địa phương cắt Lộ 15, cắt đứt đường thông ra Biển Đông.

Tại Xuân Lộc, lúc đầu địch bố trí Sư đoàn 18, một trung đoàn xe tăng thiết giáp, một lữ đoàn biệt động và lực lượng bảo an tại chỗ. Trong ngày đầu, các đơn vị Quân đoàn 4 dũng mãnh chọc thủng các tuyến phòng ngự của địch, phát triển nhanh vào trung tâm thị xã. Sáng ngày 10/4/1975, quân ta đã chiếm được nhiều mục tiêu như ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, khu tình báo CIA, khu biệt động, nhà ga xe lửa... và cờ ta đã phất phới bay trên Dinh tỉnh trưởng.

Địch quyết giữ cho được Xuân Lộc. Tướng Đảo - Sư trưởng Sư đoàn 18, hò hét liên tục “tử thủ Long Khánh” (Xuân Lộc). Đại tá Phúc - Tỉnh trưởng, đòi bắt kẻ nào tháo chạy và tuyên bố cho phép mọi người có thể bắn y khi y tháo chạy. Bộ Tổng Tham mưu ngụy liên tục điều quân tiếp viện đến Xuân Lộc. Chỉ trong vòng 3 ngày, chúng đã điều về đây thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến thuộc lực lượng tổng trừ bị, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn của Sư đoàn 5 ở Tây Ninh sang, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 trung đoàn xe tăng thiết giáp. Như vậy, ngụy đã tập trung vào mặt trận Xuân Lộc tới 50% chủ lực, 60% pháo, gần hết xe tăng, thiếp giáp của Vùng chiến thuật 3. Quân đoàn 3 ngụy, quân đoàn chủ yếu bảo vệ Sài Gòn, và 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị, sử dụng cả bom CBU (loại sát thương hàng loạt tàn ác nhất ngoài vũ khí hạt nhân).

Có thể nói quân ngụy đã dùng đến mọi sức mạnh có thể tổng hợp được, dùng mọi thứ vũ khí có thể có để cố giữ cho được Xuân Lộc. Điều đó thật dễ hiểu vì Weyand - Tham mưu trưởng lục quân Mỹ được Tổng thống Mỹ cử sang Việt Nam thị sát tình hình đã trực tiếp chỉ thị cho ngụy, phải bằng mọi giá “cố thủ Xuân Lộc” vì mất “Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Không những ngụy cố giữ cho được Xuân Lộc, điểm trung tâm then chốt cho tuyến phòng ngự chiến lược cuối cùng, mà còn mong giành được thắng lợi tâm lý chính trị lớn trong thời điểm nguy nan này. Có lúc tưởng ngụy đã giữ được Xuân Lộc, hằng UPI của Mỹ đã nêu Xuân Lộc là “nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu quốc tế quân Nam Việt Nam”.

Tại Sở Chỉ huy Miền, mọi người đều chăm chú theo dõi từng diễn biến của mặt trận Xuân Lộc. Các ngày 9, 10/4/1975, báo cáo từ chiến trường có nhiều khẩn khởi. Nhưng đến cuối ngày 10/4/1975 lại được báo cáo tình hình thiếu đạn, thiếu quân số, có vị trí thay đổi chủ vài lần, có vị trí ta đã chiếm được phải bỏ lần lượt vì địch dùng bom Daisy cutter và CBU dội vào đội hình của ta. Các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng và Lê Đức Thọ đều rất lo lắng và đưa ý kiến rút bộ đội ra khỏi Xuân Lộc, tránh thương vong nặng. Tôi đề nghị cho tôi đến tận nơi để nắm rõ tình hình cụ thể, cùng các anh nghiên cứu cách đánh thắng lợi. Các anh đồng ý.

Chiều ngày 11/4, từ Lộc Ninh tôi vượt sông Đồng Nai đến sở chỉ huy quân đoàn tại bờ sông La Ngà. Đã cùng nhau trải qua hàng chục năm tiến hành nhiều chiến dịch tiến công địch từ Bình Giả, Đồng Xoài, Nguyễn Huệ..., tôi và anh em trong bộ chỉ huy quân đoàn nhanh chóng tìm được phương án tác chiến tối ưu để giành thắng lợi. Ta kịp thời chuyển hướng chiến dịch theo cách chiếm Xuân Lộc mà không đánh vào Xuân Lộc. Ta dùng Sư đoàn 6 tiêu diệt Chiến đoàn 52 ngụy, chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đứt tập đoàn quân ngụy ở thị xã Xuân Lộc với hậu phương độc nhất của chúng ở Biên Hòa. Bằng cách ấy Xuân Lộc mất tác dụng là điểm then chốt của Quân đoàn 3 ngụy và cả Sài Gòn lại bị vây hãm, có nguy cơ bị tiêu diệt. Hoảng hốt, địch ra sức phản kích từ hai phía Xuân Lộc và Trảng Bom nhưng đều bị bẻ gãy và thiệt hại. Đúng như ta phán đoán, Tư lệnh Vùng 3 chiến thuật địch phải ra lệnh rút chạy khỏi Xuân Lộc ngày 18/4, một số lượng rút chạy bằng trực thăng về tăng cường phòng thủ Biên Hòa. Đêm 20 rạng sáng ngày 21/4/1975, số tàn quân còn lại bí mật tháo chạy theo Đường 2 về Bà Rịa rồi lên Long Bình phòng thủ. Frank Snepp đã kể lại trong sách *Khoảng cách thời gian vừa phải*: “Rạng ngày 21/4, các tuyến phòng thủ cuối cùng của Chính phủ (Thiệu) tại Xuân Lộc sụp đổ”.

Thế là chỉ trong 10 ngày chiến đấu quyết liệt, Xuân Lộc - một khu vực phòng thủ chủ yếu và then chốt nhất, đóng vai trò quyết định trong toàn bộ chiến lược phòng thủ Sài Gòn đã bị tan rã. Thất thủ Xuân Lộc không những giáng một đòn quyết định đến chế độ Nguyễn Văn Thiệu tay sai Mỹ ở Sài Gòn mà còn làm tiêu tan tham vọng cuối cùng của Nhà Trắng và Lầu Năm Góc đối với miền Nam Việt Nam.

Ngày 18/4/1975, khi bắt đầu tháo chạy khỏi Xuân Lộc, Thiệu họp tướng lĩnh thì các tướng lĩnh đã chia làm hai phe, phần lớn trong đó có đủ mặt tướng lĩnh thân tín của Thiệu đều đánh giá tình hình là tuyệt vọng. Nguyễn Văn Đào - Tư lệnh Quân đoàn 3 ngụy đã báo cáo với Thiệu: “thực tế chiến tranh đã thất bại, không còn hy vọng giữ thêm 2, 3 ngày nữa”. Cùng ngày, Tổng thống Mỹ quyết định tăng tốc độ di tản người Mỹ khỏi Việt Nam.

Ngày 20/4/1975, Tổng thống Gerald Ford lại chỉ thị cho Martin - Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, người đã nhiều năm ủng hộ Thiệu, phải thân hành đến Dinh Tổng thống ngụy ép Thiệu phải từ chức để mưu cầu thương lượng. 35 tàu chiến Mỹ, trong đó có 4 tàu sân bay và hàng trăm máy bay Mỹ đã được huy động đến Việt Nam thực hiện cuộc di tản.

Ngày 21/4/1975, tại Dinh Tổng thống ngụy, đúng 22 giờ, trong tình trạng Sài Gòn thiết quân luật 24/24 giờ, Nguyễn Văn Thiệu đọc diễn văn với lời lẽ thống thiết: "...Tôi từ chức nhưng tôi không đào ngũ. Từ phút này tôi tự đặt mình dưới quyền của tân tổng thống (Trần Văn Hương) và đồng bào". Nhưng chỉ hôm sau Thiệu cùng gia đình và cả gia đình Trần Thiện Khiêm đã lên đường đi Đài Loan bằng chuyến phi cơ C118 đặc biệt của quân đội Hoa Kỳ¹. Chính quyền ngụy Sài Gòn đã mất dấu. Thiệu từ chức vào giờ chót để trút gánh nặng lại cho người khác và tháo chạy thoát lấy thân cùng của cải vơ vét được.

Ngày 23/4/1975, Tổng thống Mỹ G. Ford đọc diễn văn tại Nhà Trắng tuyên bố: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ”.

Và tiếp tục sau đó, ngày 28/4/1975, khi quân ta đã bao vây chặt từ mọi phía, ngay sát nách Sài Gòn, Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 ngụy ở Biên Hòa tháo chạy về Gò Vấp, các đường bộ, đường sông và đường không đều bị cắt đứt, biệt động đã chiếm cầu Rạch Chiếc và đài rada Phú Lâm ngay trung tâm Sài Gòn, Trần Văn Hương trí mòn sức cạn không còn chống chịu nổi, buộc phải nhường chức tổng thống cho Dương Văn Minh để Minh được đầu hàng vô điều kiện Quân đội ta trong ngày 30/4/1975 lịch sử.

1. Theo Nguyễn Văn Ngũ: *Những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa*, xuất bản ở Montréal, Canada, 1979.

20 năm qua đất nước có bao nhiêu biến đổi diệu kỳ. Xuân Lộc trong những ngày cuối cùng của chiến tranh bị tàn phá nặng nề, thị trấn không một ngôi nhà nguyên vẹn, thế mà hôm nay rừng cao su đã bạt ngàn, vườn cà phê, cây ăn trái đơm hoa kết trái đua sắc cả một vùng, thị trấn nhà cửa san sát khang trang, một cuộc sống mới đang vươn lên. Cuộc sống hòa bình, hạnh phúc hôm nay trên cơ sở của sự hy sinh cao cả của biết bao đồng bào, đồng chí.

Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh hôm nay đang chuyển mình mạnh mẽ trên cơ sở còn nguyên vẹn có sự đóng góp to lớn của biết bao chiến sĩ, đồng bào đã chiến đấu và chiến thắng trên chiến trường Xuân Lộc năm xưa.

Tháng 4/1995

VỚI CHIẾN THẮNG GIẢI PHÓNG MỘT TỈNH ĐẦU TIÊN, QUÂN DÂN PHƯỚC LONG ĐÃ CHỈ RA THỜI CƠ VÀ KHẢ NĂNG GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM VIỆT NAM

Quân và dân Phước Long đã làm nên một kỳ tích chiến lược trong chiến tranh chống Mỹ. Đúng như vậy, không có chiến thắng Phước Long thì chưa có Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam ngày 30/4/1975. Vì vậy, chiến thắng Phước Long không thể đánh giá như một chiến thắng chiến thuật hay chiến dịch mà là một chiến thắng ở tầm chiến lược. Ngày 30/4/1975 đi vào lịch sử vinh quang nhất của dân tộc ta phải chăng xuất phát từ ngày 06/01/1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Hãy ghi nhớ công ơn của những người con của dân tộc đã ngã xuống trên miền đất thiêng liêng này trong trận chiến Phước Long, những con người đã chết để có thực tế khai sáng trí tuệ của những người còn sống, để chỉ ra thời cơ đã chín và khả năng của ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thái độ và sức lực của địch trong giai đoạn này của chiến tranh.

Ngay sau tin chiến thắng Phước Long được báo trong cuộc họp của Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng đến các lãnh đạo và chỉ huy các chiến trường đang họp tại Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư đã vui mừng nói: Thực tế này nói rõ hơn hết khả năng của ta, sự phản ứng thế nào của ngụy và nhất là của Mỹ. Về sau đồng chí lại nói: Chiến thắng này đã mở ra tiền đề cho cách mạng miền Nam thần tốc tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong chiến tranh, đặc biệt là cuộc chiến tranh chống Mỹ của ta, sức lực đôi bên rất không cân xứng. Kẻ địch của ta là một cường quốc thế giới có dư bom đạn, vũ khí hiện đại, dư tiền của và có quyết tâm của một chiến lược toàn cầu, nên tình hình diễn biến vô cùng phức tạp trong suốt quá trình của cuộc chiến. Hiểu rõ địch, nhất là những âm mưu, kế hoạch của nó, hiểu rõ ta, nhất là khả năng thực tế

đến đâu, hiểu rõ tình hình đôi bên ở từng giai đoạn trên chiến trường là rất khó. Không thể căn cứ vào hiện tượng nhiều khi không thật, không thể căn cứ vào ý chí của ta. Sự việc thường diễn biến thuận hoặc nghịch lý, luôn vận động phát triển không ngừng, có lúc biểu lộ rõ nét, nhưng bao giờ cũng còn những ẩn số ngầm. Việc nắm bắt được kịp thời và chính xác thực chất của sự vật, chiều hướng phát triển của nó để có chủ trương chiến lược đúng thời cơ là yêu cầu cao nhất của lãnh đạo chỉ đạo chiến lược trong chiến tranh.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, sự đánh giá tình hình giữa ta và địch có nhiều ý kiến mâu thuẫn nhau. Hiệp định quy định quân Mỹ rút hết khỏi Việt Nam, nhưng Mỹ không những để hết vũ khí bom đạn lại cho ngụy, rút về trên nửa triệu quân tay không, mà còn chở thêm, cả bằng đường không, đường biển, trang bị vũ khí rất nhiều cho ngụy để ngụy giành thắng lợi cuối cùng trong “Việt Nam hóa chiến tranh”. Do đó có những đánh giá rằng Mỹ cút nhưng ngụy không nhào mà còn mạnh lên về mọi mặt còn ta thì yếu đi nhiều, cần sắp xếp lại thành hai vùng, rút hết quân đội ta từ vùng địch về vùng ta để củng cố nếu không sẽ bị tiêu diệt hết. Tất nhiên như vậy chiến trường sẽ phân tuyến, tự mình xóa thế xen kẽ da beo vô cùng lợi hại của chiến tranh nhân dân. May thay có Nghị quyết 21 của Trung ương chấn chỉnh và đề ra đường lối đúng đắn để ta tiếp tục giành thắng lợi. Mùa khô năm 1974, toàn bộ chiến trường B2 hoạt động đánh địch rất tích cực, đã giành nhiều thắng lợi cả ở đồng bằng và rừng núi. Qua hoạt động thực tế tại chiến trường ta đã hiểu địch và hiểu ta rõ hơn. Nhờ đó Trung ương Cục đã nhận định trong hội nghị tổng kết tháng 6: Qua mùa khô này nhân tố mới đã xuất hiện rõ: ta đang thắng lợi và phát triển đi lên, địch đang suy sụp đi xuống. Ta không được dừng lại, phải tiếp tục giành chiến thắng hơn. Mùa mưa này (1974) ta có rất nhiều thuận lợi hơn bất kỳ mùa mưa nào trước đây, hơn cả mùa khô vừa rồi. Bất chấp thời tiết khó khăn, phải đẩy mạnh hoạt động mọi mặt, tạo thế mới và lực mới, vật chất và tinh thần cho các quân khu, các tỉnh, cho địa phương và cho chủ lực để bước vào mùa khô 1974 - 1975 với khí thế mạnh, sung sức. Năm 1975, nhất là mùa khô 1975, ta có khả năng giành thắng lớn, làm chuyển biến tình hình, tạo ra bước ngoặt, một bước ngoặt có tính chất quyết định.

Quả thật mùa mưa năm 1974 ta thắng lớn, lại vượt mọi khó khăn do địch và thời tiết gây ra, vận tải vũ khí và đưa quân số bổ sung được cho đồng bằng sông Cửu Long và các đơn vị để sẵn sàng cho mùa khô.

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn về ta và địch qua thực tế cả năm 1974 như vậy, Bộ Chỉ huy B2 đặt kế hoạch hoạt động lớn ngay vào đầu mùa khô 1974 - 1975 cho

chiến trường B2. Trong kế hoạch đó, các quân khu 8 và 9 tiêu diệt địch, phá bình định, mở rộng vùng làm chủ, trọng điểm là trung tâm vùng đồng bằng: Các tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long. Còn chủ lực Miền thì đánh địch trên Đường 14 mở đầu bằng diệt chi khu Đồng Xoài, làm chủ ngã tư giao thông quan trọng này để dùng cơ giới tải đạn dược, lương thực qua phía bắc và phía đông Sài Gòn, chuẩn bị cho các mũi bắc và đông đánh vào Sài Gòn trong thời gian tới. Nếu điều kiện thuận lợi, do địch bị cô lập ở Phước Long hoang mang, ta sẽ giải phóng cả tỉnh. Trung ương Cục đã thông qua kế hoạch, một mặt báo cáo ra Trung ương, một mặt tích cực triển khai đánh địch ngay vào đầu tháng 12/1974 của đợt 1 mùa khô và chuẩn bị cho đợt 2 vào tháng 3.

Ngoài ra, Trung ương Cục còn đề nghị có cuộc họp của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và lãnh đạo chỉ huy các chiến trường để nhận định đánh giá đúng tình hình và có chủ trương kịp thời.

Nhưng Trung ương không chấp nhận kế hoạch B2, lệnh không được dùng chủ lực và binh chủng xe tăng, pháo, xe kéo trong năm 1975, để dành sức cho thời cơ quan trọng năm 1976. Năm 1975 chỉ được đánh nhỏ, chủ yếu hoạt động phá bình định ở đồng bằng sông Cửu Long. Chủ lực chỉ được dùng một bộ phận đánh Đức Lập, mở hành lang thông suốt vào miền Đông Nam Bộ để chuẩn bị cho các chiến dịch lớn, thời cơ lớn năm 1976.

Chính vì vậy mà B2 phải bỏ kế hoạch đánh Đồng Xoài, dùng Sư đoàn 3 mới tổ chức cùng quân địa phương và du kích đánh nhỏ trên Đường 14 vào khu vực Bù Đăng, bắc Đồng Xoài.

Điều này chứng tỏ các chiến trường không báo cáo được đầy đủ và kịp thời tình hình thực tế ra Trung ương hoặc báo cáo sai lệch. Không thể có dự kiến cho sắp tới, tiên tri cho tương lai trong khi thiếu những cơ sở thực tế của chiến trường được phản ánh đầy đủ.

Cuộc họp của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương có sự tham gia của lãnh đạo và chỉ huy các chiến trường toàn Miền từ ngày 18/12/1974 đến ngày 08/01/1975, đã bổ sung kịp thời những thiếu sót đó. Tình hình đã rõ, sự đánh giá đúng về ta và địch đã làm cơ sở vững chắc cho kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976. B2 được phép dùng chủ lực đánh và đã tiêu diệt gọn Đồng Xoài rồi giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long trong niềm vui sướng của mọi người. Quân ngụy bị rải ra giũ khắp miền Nam để thực hiện mệnh lệnh của Thiệu là không để một xã nào rơi vào tay Việt cộng. Rút cục không còn lực lượng dự bị nào phản ứng cứu nổi thất bại lớn lao này như nhận định của B2 trước khi đánh. Chúng chỉ

đưa được Liên đoàn biệt kích dù 81 vón vẹn khoảng 200 tên lên phản kích nhưng cũng bị tiêu diệt. Thiệu đành làm trò hề “ba ngày toàn quốc để tang cho Phước Long”. Còn Mỹ thì tuy cảm thấy sự kiện Phước Long có quan hệ đến sự sụp đổ của chế độ ngụy nhưng cũng chỉ đứng ngoài hăm dọa và gây áp lực từ xa như báo động khẩn cấp Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Okinawa, dọa ném bom trở lại nếu ta tiếp tục tấn công, cho tàu sân bay Enterprise từ Philíppin vào Biển Đông Nam Việt Nam. Mặc dù chính Tổng thống Thiệu đã van nài Đại sứ Mỹ Martin xin Mỹ can thiệp, Bộ Ngoại giao cái gọi là “Cộng hòa Việt Nam” chính thức gửi công hàm, tướng Khuyên - Tổng Tham mưu trưởng quân ngụy gọi điện cầu cứu khẩn cấp với Smith - Trưởng cơ quan tình báo quân sự Mỹ (DAO), Mỹ vẫn làm ngơ. Ngày 09/01/1975, Đại sứ quán Mỹ báo cho Thiệu biết “việc yểm hộ bằng máy bay Mỹ lúc này chưa được phép”, rồi ngày 22/01/1975, Tổng thống Ford tuyên bố: “Không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho Sài Gòn, sẽ không can thiệp vào miền Nam Việt Nam mà không thông qua thủ tục hiến pháp và lập pháp”. Và khi bị Quốc hội Mỹ chất vấn, tàu sân bay Enterprise được lệnh rút êm về Án Độ Dương.

Trong đợt 1 mùa khô, toàn B2 đã giành thắng lợi lớn. Mặc dù các chiến trường khác chỉ đánh nhỏ địch vẫn không thể tập trung cao độ đối phó vì thực sự chúng đã suy yếu nghiêm trọng. Ngoài chiến thắng Phước Long, ta đã giải phóng huyện Tánh Linh và một nửa huyện Hoài Đức thuộc tỉnh Bình Thuận, tiêu diệt và làm chủ đài quan sát và kỹ thuật thông tin ở núi Bà Đen dùng khống chế cả vùng Tây Bắc miền Đông Nam Bộ. Ở đồng bằng sông Cửu Long, ta diệt nhiều chi khu căn cứ và đồn bót địch, loại khỏi vòng chiến đấu 2 vạn tên, giải phóng gần 2 triệu dân.

Trong cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng kết thúc vào ngày 08/01/1975, căn cứ vào tình hình phát triển mới nhất đặc biệt là chiến thắng giải phóng toàn tỉnh Phước Long, hội nghị đã kết luận: Diễn biến cơ bản của tình hình trong gần 2 năm qua rõ ràng là ta đang ở thế thắng, thế đi lên, thế chủ động và thuận lợi. Dịch đang ở thế thua, thế đi xuống, thế bị động và khó khăn...; Chúng suy yếu một cách toàn diện với nhịp độ ngày càng tăng. Do hoạt động của ta và do khó khăn nội tại của chúng, địch có thể trải qua những bước xuống dốc nghiêm trọng...; So sánh lực lượng địch ta trên phạm vi cả nước cũng như trên chiến trường miền Nam đã có những chuyển biến cơ bản rõ rệt có lợi cho cách mạng, ta đã mạnh hơn địch...; Khả năng để quốc Mỹ can thiệp hiện nay đang gặp nhiều khó khăn...; Chúng ta đã đứng trước thời cơ chiến lược lớn... chưa bao giờ ta thấy đầy đủ điều kiện về quân sự và chính trị như hiện nay, thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thống nhất Tổ quốc...

Trên có sở nhận định và đánh giá tình hình như vậy mà Bộ Chính trị hạ quyết tâm về kế hoạch hai năm 1975 - 1976 giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Bộ Chính trị nhấn mạnh vấn đề thời cơ chiến lược: Cả năm 1975 là thời cơ, đòn tiến công quân sự mạnh tạo nên thời cơ, phong trào chính trị thúc đẩy thời cơ, tình hình thế giới và nội tại nước Mỹ là thời cơ; phải khẩn trương, phải đánh nhanh hơn.

Chiến thắng Phước Long là một thực tế làm rõ tình hình giai đoạn cuối của chiến tranh, giúp ta đánh giá đúng tương quan lực lượng đôi bên, hiểu rõ khả năng của ngụy, nhất là khả năng Mỹ có tái can thiệp vào Việt Nam hay không. Chiến thắng Phước Long đã giúp đánh giá thời cơ vô cùng quan trọng không được bỏ lỡ trong năm 1975 để kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đó là một chiến trường ở tầm chiến lược.

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ QUÂN KHU 7

(ngày 06/11/1976)

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Thưa các đồng chí phái viên của cấp trên về dự Đại hội Quân khu,

Từ khi Trung ương Đảng thông báo về việc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng sẽ khai mạc vào trung tuần tháng 12 sắp đến, làn sóng phấn khởi hân hoan đã tràn ngập khắp non sông đất nước ta, vì Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đáp ứng được kịp thời sự đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, đáp ứng được yêu cầu tha thiết của giai cấp công nhân ta, của toàn thể dân tộc ta và của mỗi một đảng viên chúng ta. Đảng bộ Quân khu cũng như toàn thể lực lượng vũ trang Quân khu đã nô nức hướng về Đại hội lần thứ IV của Đảng, thi đua lập nhiều thành tích trên mọi lĩnh vực để dâng lên Đại hội Đảng. Sau một thời gian khẩn trương chuẩn bị, hôm nay chúng ta vui mừng, phấn khởi chính thức bước vào khai mạc Đại hội.

Các đồng chí thân mến,

Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân khu chúng ta lần này với sự có mặt của 246 đại biểu chính thức và 13 đại biểu dự khuyết do đại hội các đảng bộ bầu cử về dự. Trong các đồng chí đại biểu có nhiều đồng chí là cán bộ cao cấp, trung cấp và có các đồng chí cán bộ cơ sở của các lực lượng vũ trang Quân khu. Có 8 đồng chí đại biểu là Anh hùng Quân đội trong đó có 2 đồng chí nữ, 44 đồng chí đại biểu là Chiến sĩ thi đua. Các đồng chí đại biểu đều là những đồng chí đảng viên đã trải qua cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ, ác liệt và vô cùng anh dũng trên các chiến trường B2 và Quân khu 7. Có đồng chí trưởng thành từ phong trào đấu tranh chính trị, từ cuộc Đồng khởi, các đồng chí tham gia xây dựng những đội vũ trang đầu tiên ở B2; nhiều đồng chí đã có mặt trong cuộc chiến tranh chống Pháp và

trong suốt các giai đoạn của cuộc chiến tranh chống Mỹ gay go ác liệt ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, có mặt trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân, hầu hết tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tất cả đều là cán bộ chủ trì ở các đơn vị, các binh chủng và cơ quan. Sự cấu tạo của thành phần kể trên nói lên chất lượng của đại biểu, đại diện được đầy đủ ý chí, trí tuệ cho toàn thể Đảng bộ và toàn thể lực lượng vũ trang trong Quân khu, là hình ảnh đẹp đẽ về đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt của đồng chí Ba Ban là một đồng chí cũ đã tham gia Đảng từ lâu và hiện nay là khách của Đại hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh 3 đồng chí mà Quân ủy Trung ương giới thiệu về dự Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân khu và ứng cử đại biểu Đại hội toàn quân tại Đảng bộ Quân khu.

Đại hội cũng nhiệt liệt hoan nghênh đoàn phái viên của Tổng cục Chính trị đến dự để theo dõi Đại hội chúng ta.

Đại hội chúng ta lần này vinh dự khai mạc ngay tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đã từng in vết chân Bác ra đi tìm đường cứu nước và là nơi chứng kiến ngày chiến thắng huy hoàng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nơi kết thúc thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta vô cùng xúc động, nhớ thương và tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Bác, người đảng viên cộng sản đã hoàn toàn quên mình và cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng nhân dân, thống nhất đất nước, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, người lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, của giai cấp công nhân, của lực lượng vũ trang và dân tộc Việt Nam.

Trong Đại hội này, chúng ta vô cùng thương nhớ đến bao đồng bào, đồng chí, các đồng chí cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã hy sinh anh dũng cho sự nghiệp đấu tranh chung và ngay trên Thành phố này.

Các đồng chí thân mến,

Qua việc nghiên cứu bản dự thảo Điều lệ (sửa đổi) ở các đại hội từ cơ sở gửi lên và đặc biệt là qua 3 ngày được tiếp cận dự thảo các văn kiện chủ yếu của Đại hội Đảng lần thứ IV, chúng ta càng nhận thức sâu sắc thêm ý nghĩa to lớn của Đại hội Đảng lần này.

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta đã trải qua 3 kỳ đại hội đại biểu toàn quốc, đó là những cột mốc lịch sử trên bước đường đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta. Nhìn lại đoạn đường đã qua, chúng ta vô cùng tự hào về Đảng ta, một đảng trăm trận trăm thắng, đã vận dụng một cách sáng tạo, tài tình đường lối chủ nghĩa Mác - Lê nin vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam, lãnh đạo nhân

dân giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà đỉnh cao là thắng lợi triệt để, trọn vẹn, có tính chất lịch sử và thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân cả nước ta vừa qua chính là thắng lợi của đường lối mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV này có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, là đại hội của một đảng, một dân tộc đã toàn thắng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc; là đại hội thống nhất nước nhà; là đại hội cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội Đảng lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối để đưa nhân dân ta, đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới. Kỷ nguyên đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ vĩnh viễn chế độ người bóc lột người, xây dựng một chế độ mới, một nền kinh tế mới, một nền văn hóa và con người mới, thực hiện ước mơ của giai cấp công nhân và nhân dân ta, của Hồ Chủ tịch và các đồng chí tiền bối, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, đem lại cho nhân dân ta một cuộc đời ấm no, văn minh và hạnh phúc.

Tiếp xúc với những nội dung các văn kiện của Đại hội, lòng chúng ta rộn lên niềm phấn khởi và tự hào vì thấy rõ đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu trong 5 năm mà Ban Chấp hành Trung ương đề ra thể hiện tinh thần sáng tạo và tinh thần táo bạo của Đảng ta, dựa trên quyết tâm cách mạng cao, đồng thời dựa trên cơ sở khoa học, dựa vào những kinh nghiệm quý báu của quá trình thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược cách mạng của 16 năm qua.

Các đồng chí thân mến,

Đại hội đại biểu Đảng toàn Quân khu phải làm tốt 2 nhiệm vụ sau đây:

1) Thảo luận và đóng góp ý kiến vào bản Báo cáo chính trị và bản Báo cáo xây dựng Đảng. Chúng ta hãy phát huy tinh thần trách nhiệm đào sâu suy nghĩ, phát huy tự do tư tưởng, dân chủ thảo luận phát biểu ý kiến đóng góp vào các văn kiện của Đảng, tập trung vào các vấn đề chủ yếu theo sự hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương.

2) Một trọng trách nữa mà chúng ta phải hoàn thành tốt đẹp trong Đại hội này là: Lựa chọn đại biểu xứng đáng để bầu làm đại biểu của Đảng bộ Quân khu đi dự Đại hội đại biểu Đảng toàn quân. Việc lựa chọn đại biểu xứng đáng đi dự đại hội cấp trên là sự đóng góp thiết thực vào thành công của Đại hội toàn quốc.

Các đồng chí thân mến,

Cách mạng là ngày hội của quần chúng. Đại hội Đảng lần thứ IV là ngày hội lớn

của nhân dân cả nước ta. Chúng ta đóng góp phần tích cực của mình vào sự thành công của Đại hội Đảng toàn quân và Đại hội Đảng toàn quốc chính là góp phần làm cho ngày hội của quần chúng càng thêm tưng bừng, sôi nổi.

Đại hội của chúng ta nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc một cách nghiêm túc và khẩn trương để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng bộ Quân khu giao phó cho mỗi đồng chí đại biểu chúng ta.

Chúc các đồng chí đại biểu nhiều sức khỏe.

Chúc Đại hội thành công.

PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII

(năm 1991)

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa toàn thể đại biểu,

Tôi xin phát biểu góp ý kiến vào các văn kiện của Đại hội về ba nội dung:

+ Đánh giá thực trạng tình hình đất nước và những mặt tồn tại trong bối cảnh của tình hình quốc tế hiện nay.

+ Chiến lược kinh tế - xã hội và mối quan hệ của nó với chiến lược chính trị, ngoại giao và an ninh quốc phòng.

+ Vấn đề chỉnh đốn Đảng và đối với sự lãnh đạo của Đảng.

I. Thực trạng kinh tế - xã hội và nguyên nhân của mặt tồn tại

Trước hết, tôi nhất trí về cơ bản những đánh giá về những thành tựu trên nhiều mặt trong quá trình đổi mới kể từ sau Đại hội VI như trong Báo cáo chính trị đã nêu. Đó là những thành tựu bước đầu, chưa vững chắc, nhưng rất quan trọng, khẳng định một cách có cơ sở khoa học và thực tiễn: Đường lối đổi mới về mọi mặt của Đại hội VI đã ra là đúng đắn, đã và đang phát huy tác dụng tích cực, bước đầu đưa đất nước ta lên con đường thoát khỏi một thời kỳ trì trệ kéo dài hàng thập kỷ do phạm nhiều sai lầm, chậm được phát triển và sửa chữa kịp thời.

Đó là những sai lầm về đường lối từ Đại hội IV, cả về đường lối chung cũng như đường lối kinh tế. Đường lối chung nhấn mạnh đầy mạnh cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (còn gọi là cách mạng về quan hệ sản xuất) với ý muốn tạo điều kiện nhanh chóng thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong lúc lực lượng sản xuất của ta còn rất nhỏ bé và lạc hậu. Đường lối xây dựng kinh tế lấy ưu tiên

phát triển công nghiệp nặng, tập trung đầu tư vốn liếng và mọi mặt vào đây trong lúc nhân dân ta vừa thoát khỏi một cuộc chiến tranh tàn phá kéo dài, kinh tế - xã hội xáo trộn, đời sống rất khó khăn, có nơi đói kém. Tuy Đại hội V đã chú ý phân tích rõ hơn đặc điểm nền kinh tế nước ta, xác định phải lấy nông nghiệp làm hàng đầu nhưng vẫn chưa dứt khoát với nội dung cơ bản của đường lối Đại hội IV, chưa kiên quyết phê phán nghiêm khắc những sai lầm cũ. Đến Đại hội VI, Đảng cũng tự phê bình không thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội V “lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu”, xác định thêm tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn như một quyết sách về chiến lược kinh tế. Nhưng cho đến nay chúng ta vẫn chưa thực sự tập trung vào nông nghiệp.

Sai lầm về đường lối cộng thêm tác hại của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và các chủ trương chính sách giá - lương - tiền... càng làm cho thực trạng kinh tế - xã hội nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kéo dài cho đến nay cũng chưa thoát ra khỏi.

Vừa qua, tuy đã bước đầu xây dựng một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có kiểm soát, đã kiểm chế một phần nạn lạm phát, khai thông lưu thông phân phối... nhưng tất cả đều chưa vững chắc, lại phát sinh những khó khăn mới không kém phần gay gắt. Đó là vì chúng ta chưa tập trung giải quyết một cách đồng bộ vấn đề phát triển sản xuất, khâu cơ bản nhất của nền kinh tế mà hầu như bị thu hút chủ yếu vào kinh doanh buôn bán, các hoạt động dịch vụ và giải quyết các vấn đề ngọn.

Về nông nghiệp, đến nay đã đầu tư mọi mặt cho nông nghiệp nhưng vẫn nhỏ giọt, phân tán, chưa tập trung đúng mức cho các vùng chuyên canh trọng điểm, có giá trị hàng hóa lớn, đáp ứng nhu cầu của cả nước và xuất khẩu. Nhiều chính sách đối với nông dân chưa được giải quyết đúng đắn, kịp thời như: Quyền sử dụng và sở hữu ruộng đất, chính sách trợ giá cho nông phẩm, cho vay tín dụng, thuế má, quan tâm đến vấn đề đời sống văn hóa - tinh thần và xây dựng nông thôn mới về mọi mặt.

Công nghiệp quốc doanh và tiểu thủ công nghiệp trừ một số cơ sở có điều kiện phát triển khá, nhìn chung, sản xuất đình đốn, nhiều cơ sở đứng trước nguy cơ phá sản do thiếu vốn, kỹ thuật lạc hậu, năng suất thấp, chất lượng kém, giá thành cao, trình độ quản lý không thích ứng với cơ chế thị trường. Điều đáng quan tâm là một số chủ trương, chính sách lớn về tài chính, ngân hàng, chính sách thuế má, cơ chế quản lý không khuyến khích và bảo đảm cho sản xuất, mà còn gây thêm ách tắc, có nguy cơ dẫn tới suy sụp nền kinh tế.

Trong khi thương nghiệp quốc doanh điêu đứng, nhiều nơi phải chuyển sang khoán doanh thu hoặc cho mướn cửa hàng, mặt bằng để sống thoi thóp thì hàng ngoại đủ loại nhập lan tràn, không kiểm soát nổi, tạo nên bộ mặt phồn vinh có phần

giả tạo, nạn đua nhau tham gia buôn lậu với nhiều hình thức, bất chấp kỷ cương, luật pháp càng gây rối loạn thị trường, giá cả không ổn định, làm đình trệ sản xuất hàng hóa trong nước.

Nghiêm trọng hơn, trực tiếp tác động xấu đến chính trị - xã hội là tệ nạn tham nhũng, hối lộ, xa hoa lãng phí, bất công xã hội phát triển, làm hư hỏng một bộ phận đáng kể đảng viên có chức có quyền, vô hiệu hóa các đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhưng chưa được kiên quyết ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Tình hình trên đây đã và đang gây ra tâm trạng bất bình chính đáng trong đông đảo quần chúng kể cả cán bộ, đảng viên sống lương thiện, trong sạch, làm giảm sút nghiêm trọng uy tín và lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và khả năng quản lý của Nhà nước. Đây là những vấn đề bức xúc nhất của thực trạng kinh tế - xã hội cần có biện pháp giải quyết một cách kiên quyết, triệt để nhất.

Đặc biệt trong thời gian qua, công cuộc đổi mới của ta nằm trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp. Các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bị khủng hoảng toàn diện và trầm trọng. Dưới chiêu bài dân chủ “đa nguyên chính trị, đa đảng”, các lực lượng cơ hội đổi lập đã thực hiện lật đổ chế độ, giành chính quyền, từ bỏ mọi giá trị trước đây, phủ nhận mọi thành quả cách mạng mà nhân dân đã đạt được. Khi lén cầm quyền rồi, họ xóa bỏ mọi dân chủ, truy lùng ngay những người cộng sản. Nhiều nước đã công khai tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội đi theo chủ nghĩa tư bản, các nước tư bản chủ nghĩa ra sức tiếp tay khuyến khích, hứa hẹn giúp đỡ đủ điều nhưng đến nay những khoản tín dụng khổng lồ mà các nước Đông Âu mơ ước để nhanh chóng chuyển sang nền kinh tế thị trường tự do vẫn chưa thấy đâu, trong khi đó nhân dân các nước ấy đang đắng cay sống trong hỗn loạn chính trị - xã hội, kinh tế suy sụp và đời sống ngày càng khó khăn hơn trước đây.

Ở nước ta, từ Đại hội VI, Đảng ta đã kịp thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện, chủ động thực hiện đổi mới từng bước cả chính trị và kinh tế, nhất là về kinh tế. Trong bốn năm qua, nhân dân ta mặc dù đã gặp nhiều khó khăn trong đời sống vật chất nhưng vẫn có điều kiện lao động sản xuất trong an ninh trật tự và ổn định chính trị. Đảng ta vẫn kiên định con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ đã dày công nghiên cứu và đề ra phù hợp với đất nước và dân tộc Việt Nam. Đó là thành công lớn nhất của Đảng ta trong những năm qua, chứng tỏ lập trường vững vàng và bản lĩnh lãnh đạo của toàn Đảng, của tập thể Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Giữ vững được ổn định chính trị vững vàng là nhân tố quyết định để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời phát triển kinh tế - xã hội, thiết thực nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân mới củng cố được ổn định chính trị vững chắc để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

II. Chiến lược kinh tế - xã hội và mối quan hệ với chiến lược chính trị, ngoại giao và an ninh - quốc phòng

Trước khi đề cập tới chiến lược kinh tế 5 năm tới, tôi thấy cần phân tích rõ bối cảnh quốc tế mới đang tác động sâu sắc đến mọi mặt tình hình đất nước ta.

- Với bản chất không thay đổi, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đã đề ra chiến lược “Vượt trên ngăn chặn” nhằm thực hiện “diễn biến hòa bình” tại các nước xã hội chủ nghĩa với tham vọng xóa sạch chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới vào cuối thập kỷ này. Được kích thích trước thành công nhanh chóng ngoài cả ước mơ ở Đông Âu, chúng có ý đồ chuyển mũi nhọn sang các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á mà Việt Nam là một trọng điểm. Ngoài các biện pháp cô lập, cấm vận, phá hoại ngầm về mọi mặt đối với đất nước ta, Mỹ đang đẩy mạnh chiến tranh chính trị - tâm lý bằng lập các đài “châu Á tự do” hướng vào Việt Nam, đài “Trung Quốc tự do” hướng vào Trung Quốc theo kiểu các đài “châu Âu tự do” hướng vào Đông Âu và Liên Xô hoặc “đài Mácti” hướng vào Cuba lâu nay. Lợi dụng thế tương quan cân bằng chiến lược trên thế giới đột ngột chuyển hóa bất lợi cho phong trào cách mạng, nhất là việc chấm dứt Hiệp ước Vácsava và cuộc khủng hoảng toàn diện nghiêm trọng ở Liên Xô, Mỹ thao túng Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc để ra nghị quyết tiến hành cuộc chiến tranh chống Irắc, một cuộc chiến tranh hủy diệt vô cùng tàn bạo nhằm “lập lại trật tự thế giới mới” ở Trung Đông theo kiểu Mỹ. Đây là khu vực giàu dầu lửa, chiếm trên 60% trữ lượng của toàn thế giới, bao gồm nhiều nước thuộc “thế giới thứ ba” phần lớn không ưa gì Mỹ, lại có vị trí địa lý vô cùng quan trọng ở ngã tư đường giữa ba lục địa Âu, Á, Phi. Khống chế được khu vực này, thiết lập sự có mặt thường xuyên của quân đội Mỹ trên thực tế thì Mỹ đã triển khai được một thế chiến lược mới cả về kinh tế, chính trị, quân sự có tính chất toàn cầu trực tiếp uy hiếp sườn phía nam Liên Xô, là đối tượng chủ yếu của Mỹ, đồng thời ở thế thượng phong với các đối thủ kinh tế là những đồng minh như: Tây Âu, Đức, Nhật. Sự kiện chiến tranh vùng Vịnh càng chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc không bao giờ từ bỏ sức mạnh bạo lực, với chúng, chân lý thuộc về kẻ mạnh nhất. Đáng chú ý, trong cuộc chiến tranh chống Irắc, Mỹ đã thử nghiệm thành công một loại hình chiến tranh cục bộ khu vực quy mô lớn bằng vũ khí thông thường nhưng rất hiện đại, rất tập trung, trong thời gian rất ngắn, có sức hủy diệt lớn, không cần sử dụng đến vũ khí nguyên tử.

Kể từ khi xuất hiện xu thế hòa dịu do có sự thỏa hiệp giữa các nước lớn, Mỹ đã liên tiếp dùng hành động quân sự xâm lược Grênađa, Libi, Panama rồi đến chiến tranh chống Irắc. Giới cầm quyền Mỹ đang hý hửng kết luận đã “xóa bỏ được Hội chứng Việt Nam”, tự coi mình là siêu cường độc nhất vô nhị trên thế giới.

Vậy sau vùng Vịnh, Mỹ sẽ nhắm vào đâu? Mỗi nước sẽ tự mình phân tích xu thế phát triển của tình hình chung để xác định đúng đắn chiến lược kinh tế - xã hội, chiến lược chính trị - ngoại giao và chiến lược an ninh - quốc phòng của mình cho phù hợp.

Nước ta nằm ở vùng trung tâm khu vực các nước Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, nơi có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế - chính trị - quân sự, là một vùng đông dân nhất thế giới với nhiều tài nguyên phong phú cả trên đất, dưới lòng đất, trên biển, dưới đáy biển, tất cả hầu như chưa được khai thác bao nhiêu so với châu Âu, châu Mỹ. Nhiều nhà chiến lược đã dự báo “Thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương”. Các nước tư bản phát triển nhất trên thế giới đều muốn dùng ưu thế tiền của và sức mạnh của mình để phân chia lại khu vực ảnh hưởng. Vì vậy các nước chậm phát triển không thể không cảnh giác để có chiến lược đúng đắn, bảo vệ quyền lợi và hạnh phúc cho dân tộc mình.

Hiện nay, Mỹ đã chuyển sự chú ý sang Đông Nam Á. Đối với Việt Nam, Mỹ vẫn ngoan cố đặt điều kiện buộc ta phải gây sức ép với bạn (CPC) chấp nhận những điều khoản bất lợi trong dự thảo hiệp định do 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đưa ra, không những can thiệp trắng trợn độc lập, chủ quyền của nhân dân Campuchia mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho bè lũ diệt chủng “Khmer đỏ” có thể quay lại tiếm quyền, có nguy cơ uy hiếp cả an ninh của đất nước ta. Rõ ràng Mỹ mượn cớ vấn đề Campuchia, vấn đề người Mỹ mất tích để ép ta phải chấp thuận theo sự áp đặt của chúng để đổi lấy việc hủy bỏ cấm vận và việc quan hệ bình thường giữa hai nước. Vậy phải chăng ta buộc cầu đến Mỹ bỏ cấm vận, tranh thủ đầu tư vốn liếng, kỹ thuật của người Mỹ bằng bất cứ giá nào thì dân tộc ta mới được sống còn, nhân dân ta mới được xây dựng ấm no, hạnh phúc? Cho nên chúng ta cũng phải hết sức cảnh giác với âm mưu của Mỹ và một số nước khác đang muốn thông qua con đường mở rộng hợp tác và bằng con mồi đôla hòng thực hiện “diễn biến hòa bình” khống chế Việt Nam, kể cả không loại trừ khả năng chúng có thể dùng biện pháp sức mạnh quân sự kiểu chiến tranh vùng Vịnh để lặp lại cái gọi là “trật tự thế giới của Mỹ” ở khu vực này.

Một lần nữa, quan điểm tự lực tự cường trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải được coi là nguyên tắc cao nhất bảo đảm nền độc lập, tự do của đất nước và xây dựng ấm no hạnh phúc cho nhân dân ta. Tất nhiên trong xu thế mới của quốc tế hiện nay, phải biết vận dụng kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại một cách khôn khéo, sáng tạo.

Sức mạnh của ta là tài nguyên phong phú, dồi dào, của đất - rừng - biển chưa được khai thác, là lực lượng lao động dồi dào, có tài năng, khéo léo. Sức mạnh của ta còn là truyền thống đoàn kết, yêu nước, có sự lãnh đạo của một đảng triệt để cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên trì đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cộng với sức mạnh của thời đại là khoa học kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiến tiến mà ngày nay nhiều nước kể cả các nước “thế giới thứ ba” đã vươn tới đỉnh cao, trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau và sự phân công hợp tác quốc tế vì lợi ích các bên ngày càng mở rộng. Đó là những thuận lợi rất cơ bản.

Muốn vậy, *chiến lược kinh tế của Đảng phải kiên quyết tập trung mọi nỗ lực một cách đồng bộ vào mặt trận hàng đầu là nông nghiệp* - coi đó là định hướng chiến lược kinh tế cho đến năm 2000 để bảo đảm có dồi dào lương thực thực phẩm, có đủ hàng tiêu dùng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Chỉ như vậy nước ta mới có điều kiện và khả năng bảo đảm tự lực tự cường trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn, phức tạp nào. Thực hiện chiến lược đó, tôi đề nghị chọn hai trọng tâm ưu tiên cho nền kinh tế nước ta:

+ Trọng tâm ưu tiên 1 là: *Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến* nhằm đáp ứng vững chắc nhu cầu về lương thực, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Phải phấn đấu trong một số năm, tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hóa nông sản ở mức cao đi đôi xây dựng nông thôn mới về mọi mặt. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể nói đến cải thiện đời sống nông dân (80% dân số) - quân chủ lực trong kháng chiến trước đây và cũng là quân chủ lực trong sản xuất hiện nay, từng bước rút ngắn khoảng cách đời sống vật chất, văn hóa - xã hội giữa nông thôn và thành thị, củng cố vững chắc khối liên minh công - nông - trí, nền tảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Muốn vậy phải tăng cường đầu tư đồng bộ cho mặt trận nông nghiệp cả về vốn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lượng, kết cấu hạ tầng, vật tư, lao động, giáo dục - đào tạo... Đầu tư cho nông - lâm - ngư nghiệp bao gồm từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến vận chuyển, thu mua. Nhà nước phải có chính sách trợ giá đối với hàng nông sản chủ lực lúc có khó khăn, không để nông dân bị thiệt thòi khi giá cả vật tư thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp có biến động (như phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu...) để khuyến khích nông dân yên tâm sản xuất. Chính sách ruộng đất phải bảo đảm quyền sử dụng đất đai canh tác ổn định trong thời gian dài (15 - 20 năm hoặc hơn nữa), kể cả quyền thừa kế và sang nhượng. Chính sách tài chính, thuế, ngân hàng phải nhằm phục vụ đẩy mạnh sản xuất hàng hóa nông - lâm - ngư. Việc đầu tư phải tập trung có trọng điểm nhu cầu chiến lược chung của cả nước, tránh tràn lan, nặng đầu óc cục bộ, địa phương, thiển cận.

+ Trọng tâm ưu tiên 2 là: *Công nghiệp dầu khí bao gồm công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến và hóa dầu*. Đây là một ngành kinh tế có triển vọng phát triển quy mô lớn, đang có sức thu hút nguồn đầu tư của nước ngoài. Phấn đấu đến sau kế hoạch 5 năm (1991 - 1996) giải quyết được một phần quan trọng nhu cầu về dầu khí, năng lượng và nhiên liệu cho cả nông - công nghiệp thì nền kinh tế của ta sẽ có cơ sở thuận lợi để phát triển mạnh hơn trong bước tiếp theo.

Ngoài ra, cần coi trọng và có chính sách cụ thể để khuyến khích nhân dân (cả thành thị và nông thôn) đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình dưới mọi hình thức. Hiện nay và cả trong một thời kỳ dài, kinh tế gia đình chiếm một tỷ trọng rất đáng kể trong thu nhập quốc dân, là nguồn thu nhập rất quan trọng trực tiếp góp phần cải thiện đời sống của từng gia đình trong tình hình đất nước còn nhiều khó khăn hiện nay. Đây không chỉ là chính sách kinh tế mà còn là chính sách xã hội góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một lực lượng lao động lớn, có tác dụng hạn chế bớt tiêu cực xã hội đồng thời huy động một phần vốn nhàn rỗi trong nhân dân vào sản xuất thêm của cải vật chất cho xã hội. Tiềm năng này ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam còn lớn, chưa được phát huy, trong khi số người thiếu việc làm và thất nghiệp đang có xu hướng tăng lên là điều rất quan tâm. Vấn đề là Nhà nước phải có chủ trương, chính sách cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển đúng hướng.

Kinh tế gia đình không chỉ là tự cấp tự túc mà là kinh tế hàng hóa, không chỉ là thủ công mà cả hiện đại, kỹ thuật nhỏ nhưng ở trình độ cao, không chỉ là kinh tế hộ gia đình cá thể mà tiến lên liên kết nhiều hộ mang tính chất tập thể từ nhỏ cho tới lớn. Kinh tế hàng hóa gia đình sẽ là thành phần quan trọng trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chắc chắn sẽ chiếm một tỷ trọng lớn trong giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp của cả nước.

III. Chính đốn Đảng

Tôi hoàn toàn nhất trí với quan điểm đặt vấn đề trong các Báo cáo chính trị là: Để lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn để có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu mới, khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và các mặt yếu kém, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân.

Chúng ta đều biết uy tín của Đảng đã bị giảm sút từ trước Đại hội VI. Sau Đại hội VI và khi tình hình đất nước đạt được một số tiến bộ về đổi mới kinh tế,

vấn đề lương thực thực phẩm, tiền tệ, giá cả..., nhất là ta giữ vững được ổn định chính trị thì uy tín của Đảng có khôi phục một bước. Nhưng hiện nay, khi những khó khăn trong sản xuất và đời sống tăng lên, nhất là nạn tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, xa hoa lãng phí, ô dù và một bộ phận quan trọng cán bộ, đảng viên sa ngã, mất phẩm chất không bị ngăn chặn và trừng trị thì Đảng ta rõ ràng đứng trước một thử thách hết sức nghiêm trọng. Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng của các tầng lớp nhân dân đang là vấn đề có ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của Đảng chứ không chỉ ảnh hưởng đến thành công hay thất bại về sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới...

Nếu từ năm 1975 trở về trước, Đảng ta đã có những kỳ tích vĩ đại, lãnh đạo thành công cách mạng dân tộc dân chủ và trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ là vì được các tầng lớp nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, vào Bác Hồ kính yêu, một lòng theo Đảng chiến đấu đến cùng. Bất cứ thời kỳ nào cũng vậy, tinh thần, ý chí và sức mạnh của lực lượng quần chúng nhân dân quyết định mọi thành bại. Vì vậy, đối với Đảng ta hiện nay, việc khôi phục lòng tin của nhân dân phải là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Muốn vậy Đảng phải thực sự trong sạch, vững mạnh và cách mạng. Tôi nhận thức sâu sắc và hy vọng Đại hội VII sẽ là đại hội tiêu biểu về xây dựng Đảng, một đảng trí tuệ và phẩm chất, một đại hội nhìn thẳng vào sự thật để tự đổi mới toàn diện.

Chúng ta có cương lĩnh đúng đắn, có chiến lược kinh tế phù hợp. Nhưng phải có lực lượng nhân dân hồi hồn, phấn khởi ra sức thực hiện dưới sự lãnh đạo của một Đảng đoàn kết và vững mạnh, thì dù khó khăn đến mấy, dù kẻ thù có nhiều mưu mô thủ đoạn thâm hiểm đến đâu, nhất định chúng ta cũng sẽ thành công. Đó là chân lý bất di bất dịch.

Nói đến Đảng là nói đến đội ngũ cán bộ các cấp mà trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, đặc biệt là Bộ Chính trị Trung ương Đảng và các cấp ủy ở cơ sở - cơ quan lãnh đạo cao nhất tại địa phương và cấp trực tiếp với quần chúng nhất. Bác Hồ dạy: "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém". Bác còn chỉ cách lựa chọn cán bộ: Ngoài các tiêu chuẩn đức và tài, Bác nhấn mạnh phải chọn: "Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh. Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng, luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ..."

Đội ngũ cán bộ Đảng ngày nay mà nhân dân nhìn vào đó, không bảo đảm giữ được uy tín của Đảng là một hiện tượng có thật. Vì sao? Đảng lẽ ra Trung ương và Bộ Chính trị chú ý đến đầy đủ hơn công việc xây dựng Đảng thường xuyên,

cơ quan tham mưu của cấp ủy về xây dựng Đảng là Ban Tổ chức Trung ương phải sâu sát thực tế, hiểu biết tổ chức và cán bộ, có kế hoạch cho các cấp ủy lãnh đạo... thì cho tới nay trong công việc này nhiều mặt vẫn rất trì trệ, cũ kỹ, có cả quan điểm không đúng đắn. Ngay từ Đại hội V đã đánh giá: “Công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trên các lĩnh vực... về nhiều mặt vẫn còn rất trì trệ”;... “Tình hình mất dân chủ, thiếu tự phê bình..., không xem trọng việc phân tích dư luận của quần chúng, những hiện tượng gia trưởng, độc đoán, thành kiến với cán bộ, trù dập cán bộ, đảng viên và quần chúng tốt dám phê bình khuyết điểm cũng không kém phần quan trọng”; rằng “nhiều người... đã đi đến chỗ bị biến chất trong lối sống, thoái hóa về chính trị...”. Về tổ chức, Đại hội V cũng đã phê phán: “Cơ cấu tổ chức của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở nói chung hiện nay là bộ máy tổ chức cồng kềnh, nặng nề mà hiệu lực lại thấp, chế độ trách nhiệm không rõ ràng”... Đến Đại hội VI cũng tiếp tục phê phán gần giống như vậy: Bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước “phình ra quá lớn, chồng chéo và phân tán”; “việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo một số quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức, không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của công việc... chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng”. Đại hội VI đi đến kết luận: “Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”.

Đại hội VII lần này nhìn lại công tác tư tưởng, tổ chức và cán bộ, cũng như bộ máy nặng nề, quan liêu, kém hiệu quả của Đảng và Nhà nước, kể cả phẩm chất cán bộ, đảng viên... So với các đại hội trước, tình hình chưa có gì thay đổi đáng kể, trái lại có mặt còn nặng nề, nghiêm trọng thêm. Theo tôi, “nguyên nhân của mọi nguyên nhân” vẫn còn đó. Chúng ta nói hàng chục năm nay nhưng chưa thật sự bắt tay làm. Thế mà chưa có công trình tổng kết kinh nghiệm nào về xây dựng Đảng; đi vào từng mặt công tác tư tưởng, công tác tổ chức hay công tác cán bộ *thật sâu sắc*. Cơ quan tổ chức đảng và những đồng chí trực tiếp chịu trách nhiệm về công tác tổ chức - cán bộ chưa hề thấy có việc tự phê bình một cách nghiêm khắc, vẫn chưa thấy rõ trách nhiệm to lớn của mình trước Đảng và nhân dân.

“Hãy trở về với Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Đây là khẩu hiệu cho toàn Đảng, toàn dân. Phải trở về với tư tưởng cách mạng vì dân, vì nước của Bác. Trở về với đạo đức cách mạng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” của Bác. Trở về với phong cách làm việc “Nói và làm đi đôi” của Bác. Trở về với tác phong giản dị, khiêm tốn của Bác.

Và nhất là trở về với bản *Di chúc* quý báu của Bác, vì nhân phẩm con người, vì đồng chí thân yêu, vì hạnh phúc của đồng bào, vì chủ nghĩa xã hội. Thực hiện *Di chúc* của Bác, chúng ta cần tiến hành chỉnh đốn Đảng ngay theo một kế hoạch thật chu đáo. Phải nhanh chóng loại ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, mất phẩm chất, tham nhũng, vì lợi ích cá nhân “một người làm quan cả họ được nhờ”. Phải làm cho Đảng trở nên thực sự trong sạch, vững mạnh, một đảng trí tuệ và phẩm chất.

Trước hết, Đảng phải có một Ban Chấp hành Trung ương xứng đáng, một Bộ Chính trị lãnh đạo có uy tín trong Đảng và quần chúng, có lập trường và bản lĩnh chính trị vững vàng, nhạy bén và năng động, đủ sức lèo lái con thuyền cách mạng của nước ta vượt qua mọi khó khăn trở lực, có đủ năng lực và đạo đức trong sáng, có khả năng đoàn kết toàn Đảng, toàn dân. Trong tình hình phức tạp hiện nay, thành phần Bộ Chính trị cần thể hiện tính thừa kế và phát triển, năng động nhưng vững vàng về chính trị, mở rộng dân chủ đi đôi với quyết đoán nhanh chóng.

Muốn thực hiện đổi mới Đảng, trước hết phải đổi mới bộ máy tổ chức, cán bộ của Đảng và những người làm công tác tổ chức - cán bộ. Trải qua ba kỳ đại hội, đã có đủ thời gian để thông qua hiệu quả của công tác tổ chức và cán bộ trong Đảng mà đánh giá tư tưởng, quan điểm, đạo đức, năng lực, uy tín của cán bộ phụ trách ngành này từ Trung ương đến cơ sở. Đã đến lúc phải kiên quyết khắc phục “nguyên nhân của mọi nguyên nhân” một cách nghiêm túc nhất để làm cho Đảng thật sự vững mạnh, lấy lại tín nhiệm của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Phải có chế độ bảo đảm thực hiện lãnh đạo dân chủ và tập trung, nhẹ nhàng nhưng có hiệu lực, tập thể đoàn kết nhất trí, có kiểm tra chặt chẽ, đủ quyền lực và trách nhiệm rõ ràng.

Cần có quy chế cụ thể về thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; nhân dân làm chủ qua các đoàn thể cách mạng của mình và các cơ quan dân cử.

Bộ máy nhà nước phải thực sự là của dân, do dân và vì dân, mọi quyết định phải vì quyền lợi của nhân dân lao động. Mọi tổ chức đặt ra đều là tối cần thiết, có hiệu lực thực sự, tiết kiệm người và tiền của. Phải sát tình hình thực tế và lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Kính thưa Đoàn Chủ tịch và toàn thể Đại hội,

Đất nước ta trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động rất phức tạp. Những năm còn lại cuối thế kỷ XX là thời kỳ thử thách đầy cam go của Đảng và nhân dân ta, nhất là trong vài ba năm

trước mắt. Nếu Đảng ta không có một sự nỗ lực vượt bậc về mọi mặt trên con đường tiếp tục đổi mới thì khó có thể hoàn thành được sứ mạng lịch sử của nhân dân giao phó.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII phải là đại hội tập trung trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, xây dựng cương lĩnh, đường lối, chiến lược kinh tế - xã hội nhằm thực hiện bằng được mong ước của Hồ Chủ tịch: Làm cho nhân dân ta ai cũng ăn no, mặc ấm, có việc làm, có giờ nghỉ, được học tập, tiến lên mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Phải quyết tâm tiến hành cuộc vận động cách mạng “chỉnh đốn Đảng” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm cho Đảng ta xứng đáng là Đảng lãnh đạo.

Với niềm tin vững chắc vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa, với truyền thống bất khuất, tự lực tự cường của dân tộc Việt Nam, với bản lĩnh và kinh nghiệm của Đảng trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, với tinh thần giàu lòng yêu nước và chịu đựng hy sinh gian khổ của nhân dân ta, chúng ta nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn trở lực để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Xin chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn tất cả đại biểu.

PHÁT BIỂU Ở ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LẦN THỨ V (ngày 23/10/1991)

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí tham dự Đại hội,*

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ V của chúng ta diễn ra trong một thời kỳ mà tình hình đất nước và quốc tế có những diễn biến rất nhanh và rất phức tạp. Từ sau Đại hội VII, trong lúc các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, rối loạn triền miên, đời sống nhân dân ngày càng xáo trộn và xuống thấp thì ở đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến hành đổi mới mọi mặt thành công bước đầu, giữ vững được ổn định chính trị, nâng cao có mức độ khác nhau, đời sống các tầng lớp nhân dân nói chung, tuy còn thấp và chậm. Quá trình đổi mới là một quá trình cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, những bước đi ban đầu có vô vàn khó khăn, có thành công cũng có thất bại, nhưng những thắng lợi là vô cùng quan trọng, đầy thử thách, sáng tạo và kiên trì. Nền móng ban đầu đã đặt đúng hướng và thành công, chúng ta tin tưởng vào bước đường phát triển tương lai. Tuy vậy, không thể không thấy hết những mặt tồn tại và những cái mới phát sinh. Chúng ta vẫn còn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất còn đình đốn, lao động thiếu việc làm, chế độ lương quá bất hợp lý. Đời sống của những người ăn lương, của một bộ phận nông dân và lao động bị giảm sút. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực và bất công xã hội tăng thêm. Lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, trụy lạc, hủ tục phát triển. Trong lúc đó, quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ. Trong xã hội còn không ít hiện tượng mất dân chủ, dân chủ hình thức, có nơi rất nghiêm trọng. Việc thực hiện pháp luật, kỷ cương chưa nghiêm. Không ít cán bộ, đảng viên không đủ năng lực và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ, thậm chí thoái hóa,

biến chất, không được quần chúng tín nhiệm. Đó là những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị mà ta cần chú ý.

Trước Đại hội vòng một của Thành phố đã xảy ra sự kiện vùng Vịnh Persique một cuộc chiến tranh cục bộ ác liệt do Mỹ tổ chức và cầm đầu để làm chủ một khu vực chiến lược quan trọng của thế giới. Sau đó Mỹ đã tuyên bố “xóa bỏ được Hội chứng Việt Nam” và xưng là siêu cường độc nhất, sẽ thiết lập “trật tự thế giới mới” kiểu của đế quốc Mỹ ở các khu vực chiến lược khác và trên toàn cầu. Rồi bảy giờ trước Đại hội vòng hai của Thành phố, lại xảy ra việc tan rã của Liên bang Xôviết - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và thực sự như là thành trì của phe xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Liên Xô, một đảng do V.I. Lênin sáng lập, từng kiên cường đấu tranh cách mạng hơn 70 năm qua đã bị những người cầm đầu phản động của Đảng giải tán và cấm chỉ hoạt động, hàng triệu đảng viên thất nghiệp và bị truy lùng. Được thể, Tổng Tham mưu trưởng Mỹ đã lên mặt tuyên bố rằng, Mỹ không từ bỏ đòn đánh trước bằng vũ khí hạt nhân, điều mà trước đây khi Liên Xô còn là một siêu cường hạt nhân, đối trọng có giá trị, Mỹ chỉ dám tuyên bố “đánh trả ô ạt”. Chủ nghĩa xã hội đang trải qua một thời kỳ thoái trào. Sự kiện Liên Xô đã ảnh hưởng lớn lao đến phong trào cách mạng toàn thế giới trong đó có Đảng ta và đất nước ta. Mặc dù chúng ta vẫn tin ở Đảng Cộng sản được trui rèn của Liên Xô, ở nhân dân Liên Xô, người đã đánh tan cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước tư bản lúc cách mạng còn trong trứng nước và đập tan chủ nghĩa phátxít Hitler, cứu cả nhân loại khỏi vòng nô lệ bạo tàn, nhưng ảnh hưởng tai hại là rất nặng nề.

Chúng ta khẳng định thắng lợi to lớn của ta vừa qua là giữ vững ổn định chính trị để đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội và kiên quyết đấu tranh giữ vững thế ổn định đó hiện nay và sắp tới. Tuy nhiên không thể không đếm xỉa đến tình hình mới là ta đang trải qua một thời kỳ còn ổn định về chính trị nhưng không ổn định về tư tưởng trong cán bộ và nhân dân ta. Đã có nhiều người hoài nghi con đường xã hội chủ nghĩa, con đường Bác Hồ đã vạch mà Đại hội VII toàn quốc đã khẳng định. Nhiều người hoài nghi rằng đất nước ta có đứng vững khi mà toàn bộ các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu kể cả Liên Xô đã sụp đổ và khi mà đế quốc tư bản do Mỹ cầm đầu đang ra sức chia mũi nhọn tấn công vào ta hòng thực hiện mơ ước xóa sạch chủ nghĩa xã hội trên quả đất vào cuối thập kỷ này. Sự đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đã trưởng thành và chủ nghĩa xã hội còn non trẻ hiện nay là hết sức gay gắt. Thời kỳ hiện nay của đất nước ta, của Đảng ta là thời kỳ thử thách nghiêm trọng nhất, tuy tính cách thử thách có khác nhau, nhưng không thua gì cuộc thử thách gay go nhất của chiến tranh chống xâm lược Mỹ vừa qua. Ta đã thắng trong chiến tranh bằng ý chí cách mạng tự lực, tự cường, ta cũng sẽ bằng ý chí đó mà thắng lợi trong xây dựng đất nước.

Hiện nay, để thực hiện âm mưu đánh quy chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam ta, Mỹ càng tăng cường phong tỏa ta, tiếp tục cấm vận, phá hoại bằng nhiều mặt. Cho dù đến lúc nào đó Mỹ có bỏ cấm vận đi nữa thì cũng không phải để giúp ta xây dựng chủ nghĩa xã hội mà là bằng thủ đoạn khác, dùng đầu tư và đòn chấn hàn, để “diễn biến hòa bình” đất nước ta mà thôi. Nếu chúng ta chủ trương mở cửa tranh thủ đầu tư của nước ngoài là để tranh thủ cùng có lợi và bình đẳng, chứ không phải mơ hồ và ảo tưởng, xin xỏ và nhân nhượng. Tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước là phương châm đúng đắn nhất trong tình hình khó khăn hiện nay để đứng vững và đi lên.

Một tình hình mới đang đến với chúng ta mà chúng ta cần hết sức quan tâm là nước láng giềng Campuchia sắp sửa là một nước theo chế độ đa đảng, với nền thị trường tự do, được tư sản hóa, ở sát nách chúng ta... Hàng mấy trăm cây số biên giới không còn là biên giới hữu nghị nữa mà sẽ để ra rất nhiều phức tạp cả về chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, thương mại, xâm nhập đủ loại. Điều đó ảnh hưởng mạnh mẽ đến Thành phố Hồ Chí Minh chúng ta, một trung tâm của cả khu vực phía Nam đất nước. Trong chiến tranh, chúng ta đã có quan niệm đúng đắn về chiến lược, ba nước Đông Dương là một chiến trường để có chủ trương và hành động chính xác phù hợp. Diễn biến thực tế cũng như vậy, các cuộc hành quân không quân chia địa giới, về sự liên hệ mật thiết giữa hai dân tộc, về giao thông kinh tế, trao đổi hàng hóa giữa các vùng, về giao thông vận tải và liên lạc... Ngày nay trong hòa bình xây dựng, sự ảnh hưởng qua lại tốt và xấu lẫn nhau sẽ là điều tất yếu xảy ra.

Trong phạm vi chúng ta, ta không có phận sự nhận định đánh giá rằng nhân dân ta đã đổ xương máu không ít trên chiến trường bạn nhưng kết cục cuối cùng ta đã thua hay được mà chú ý là trong kế hoạch xây dựng và lãnh đạo của toàn bộ miền Nam Tổ quốc và đặc biệt là của Thành phố Hồ Chí Minh, nếu ta không khẩn trương có biện pháp thích hợp và cảnh giác cao độ thì không tránh khỏi những bất ngờ và tai hại không nhỏ.

Còn điểm nữa là cho đến nay, Thành phố ta chưa làm tròn là một trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, giao lưu quốc tế... của cả khu vực phía Nam. Trung tâm nằm giữa một khu vực có tiềm năng dồi dào về nguyên liệu, về lao động, về tài nguyên thiên nhiên... nhưng chưa tận dụng được thế mạnh đó và cũng chưa phát huy thế mạnh của bản thân về công nghiệp, về lực lượng lao động kỹ thuật, về chất xám, về cơ cấu hạ tầng, về ngã tư giao lưu quốc tế của vùng Đông Nam Á để thúc đẩy sự phát triển của toàn khu vực. Từ lâu, Bộ Chính trị Trung ương Đảng cũng đã có nhận định về vị trí trung tâm của cả nước của Thành phố, nhưng hầu như Trung ương cũng chưa làm gì mấy để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của trung tâm đi trước để kéo theo sự phát triển các vùng khác của cả nước, hình như vẫn

xem Thành phố Hồ Chí Minh như bất cứ một thành phố nào khác hay một tỉnh vậy. Về chiến lược chiến tranh, cần xác định chiến trường chính để chỉ đạo, ảnh hưởng đến toàn cục, về chiến lược phát triển kinh tế cũng phải xác định khu vực chủ yếu mà tập trung đầu tư mọi mặt, không thể dàn đều, thiển cận mà giành thắng lợi được. Và bản thân trung tâm cũng cần nhận thức được trách nhiệm mình đối với toàn quốc mà hoạt động và có kế hoạch phù hợp.

Tóm lại, Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí rất quan trọng đối với cả nước. Đại hội chúng ta phải xây dựng một kế hoạch lãnh đạo và xây dựng phát triển trong nhiệm kỳ 5 năm trong một hoàn cảnh nhiều khó khăn phức tạp trong nước và ngay cả ở Thành phố, nhiều bất lợi trong tình hình quốc tế và xung quanh ta, trong hoàn cảnh mà kẻ thù đang tập trung mũi nhọn đánh phá ta quyết liệt. Rõ ràng đây là thời kỳ thử thách sống còn của Thành phố, của cả nước, thời kỳ của hành động khẩn trương và kiên quyết nhất.

Chúng ta đã có được cương lĩnh xây dựng đất nước đúng đắn nhất, đã có chiến lược kinh tế đến năm 2000 mà toàn Đảng, toàn dân đã tham gia đóng góp ý kiến một cách dân chủ và đã thành Nghị quyết của Đại hội VII của Đảng. Giờ đây là quyết tâm vượt mọi khó khăn trở ngại, mọi hoàn cảnh bất lợi để thi hành. Trách nhiệm là ở các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền từ Trung ương đến địa phương, trách nhiệm của toàn Đảng và toàn dân.

Để đương đầu với mọi thách thức, giành thắng lợi, tôi nghĩ có mấy điều mẫu chốt:

1) Cần một đảng lãnh đạo mạnh, đoàn kết và vững vàng. Đảng lãnh đạo là yếu tố quyết định của thắng lợi cách mạng. Tình hình càng khó khăn, sóng gió, thì Đảng cần phải mạnh, đoàn kết thành một khối và có uy tín trong quần chúng nhân dân. Nói Đảng là nói cán bộ ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở: Cán bộ quyết định tất cả. Vậy cán bộ phải trong sạch, có năng lực, một lòng vì dân vì nước, thì mới có uy tín với quần chúng. Lựa chọn cán bộ trở thành khâu then chốt: Nguyên nhân của mọi nguyên nhân cụ thể là như vậy. Cần chấn chỉnh Đảng, loại khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất, tham nhũng, hối lộ, quan cách, úc hiếp quần chúng, bất cứ ở cương vị nào. Muốn Đảng đoàn kết ngoài cương lĩnh đường lối đúng thì mở rộng dân chủ nội bộ, nâng cao phẩm chất đảng viên, nhất là đảng viên là cán bộ lãnh đạo cấp cao là rất quan trọng. Không thể để bọn cơ hội len lỏi lên cấp cao, giữ vị trí quyết định trong Đảng và Nhà nước. Bọn họ sẽ tiếp tay quân thù tìm mọi thủ đoạn hại các đồng chí trung kiên, hại Đảng, như bài học của một số đảng anh em, làm cho Đảng chia rẽ mất sức chiến đấu, thậm chí phá tan Đảng, chống Đảng. Mọi lơ là và nương nhẹ đối với chúng sẽ là một tai họa khó mà lường hết.

2) Công tác vận động quần chúng làm cho quần chúng đoàn kết quanh Đảng là vấn đề rất quyết định, quần chúng nhân dân là lực lượng cả trong sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, chế độ, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, chống lại phá hoại của kẻ thù. Các đoàn thể quần chúng cách mạng có vai trò rất lớn trong việc giác ngộ và đoàn kết nhân dân. Đảng cần có kế hoạch lãnh đạo khẩn trương củng cố tổ chức và hoạt động có hiệu lực các tổ chức đoàn thể và Mặt trận. Nghị quyết Trung ương 8 đã có nhưng ta chưa làm và chưa tạo điều kiện để làm, có khi còn có trở ngại nữa. Phải thực sự thực hiện việc dân tin Đảng và Đảng tin dân. Chính quyền cũng phải thực sự là của dân và vì dân. Tất cả các quyết định, các luật của Nhà nước phải vì quyền lợi của nhân dân, vì có lợi cho dân, cho xây dựng đất nước để dân tin tưởng là Chính phủ của mình, Đảng của mình.

3) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố phải chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội VII: "Phát triển nông lâm ngư nghiệp gắn với nông nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội". Thực hiện Nghị quyết ấy phải phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Thành phố là một trung tâm của cả khu vực, của cả nước. Cụ thể là đầu tư phát triển thâm canh về nông, lâm và công nghiệp chế biến ở các huyện ngoại thành như Bình Chánh, Củ Chi, Thủ Đức, Hóc Môn, về lâm, ngư nghiệp ở Duyên Hải, Nhà Bè, gắn liền với đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Như phát triển các mặt công nghiệp, doanh nghiệp, dịch vụ... ở các quận khác, đặc biệt chú trọng ngành cơ khí, điện tử, hóa, sinh học... phục vụ việc phát triển cho toàn khu vực.

Các vấn đề về đời sống, xã hội, văn hóa... ở một thành phố lớn đông dân cư và là một trung tâm quan trọng và rất phức tạp đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn và kịp thời. Các quyết định, chủ trương, chính sách của Nhà nước ảnh hưởng không nhỏ, tốt hay xấu đến Thành phố. Vì vậy chúng ta đề nghị Thành phố phải có tiếng nói có giá trị của mình, đóng góp với Nhà nước, với các ngành Trung ương, trước khi có quyết định hay cần điều chỉnh quyết định đã ra - đó là chính đáng.

Trong phạm vi thời gian hạn chế tôi chỉ xin trình bày rất vắn tắt.

Xin chúc Đại hội thành công.

Ngày 23/10/1991

BÀI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ QUẬN 3 LẦN THỨ VI (vòng 2)

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đại biểu,

Trước hết, tôi xin tỏ lòng tán thành về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới của quận đã nêu trong Báo cáo tổng kết và các báo cáo bổ sung đưa ra Đại hội. Đó là nhấn mạnh trước hết về sản xuất - vấn đề cơ bản của nền kinh tế - mà không phải như trước đây nêu vấn đề trước mắt là dịch vụ mà lại đổ xô vào dịch vụ du lịch. Mặc dù để ra không đúng như vậy nhưng mức tăng trưởng bình quân 11%/năm về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là một thành tích đáng kể. Điều đó chứng tỏ mới đây, xác định định hướng là công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, chủ yếu là tinh chế với chất lượng sản phẩm cao là hoàn toàn đúng đắn. Đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ, ta tích cực tranh thủ kỹ thuật cao và công nghệ tiên tiến với quy mô nhỏ và vừa để góp phần cùng với Thành phố và cả nước xây dựng công nghiệp nước nhà và khuyến khích việc phát triển dồi dào nguyên liệu nông - lâm - hải sản của các vùng khác. Nhằm tận dụng thế mạnh về khoa học kỹ thuật của Thành phố và trên cơ sở đã sẵn có, quận đầu tư phát triển ngành điện tử và cơ khí là rất phù hợp với xu hướng hiện đại hóa nền kinh tế chúng ta.

Về thành phần kinh tế, tôi nghĩ quận ta cố gắng củng cố một số xí nghiệp quốc doanh làm ăn tốt, tranh thủ lập các xí nghiệp và công ty cổ phần nhằm thu hút vốn và tài năng quản lý kinh doanh trong dân, phát triển dạng liên doanh, hợp doanh với các quận, huyện ngoại thành và cả các tỉnh nhằm khắc phục việc thiếu mặt bằng cũng như nguyên liệu. Liên doanh, hợp doanh với các công ty nước ngoài để tranh thủ kỹ thuật - công nghệ, vốn đầu tư và khoa học quản lý.

Nhưng trong việc xây dựng kinh tế làm giàu cho dân, cho nước thì vấn đề cơ bản hàng đầu là phải kinh doanh có lãi, phải có tích lũy cơ bản từ từng xí nghiệp, từng địa phương. Quận là đơn vị cơ sở lãnh đạo kế hoạch và xây dựng kinh tế phải làm nền móng vững chắc cho cả nước phát triển năng động và sáng tạo. Vì vậy, tất cả mở đầu là ở đây. Chính vì vậy, tôi đề nghị Đảng bộ quận ta giương ngọn cờ đầu về tư tưởng chỉ đạo.

Tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước. Đây chính là tư tưởng của Bác Hồ - người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người dựng nên nhà nước thống nhất, độc lập, dân chủ, và đi lên con đường xã hội chủ nghĩa ngày nay. Chính với tư tưởng tự lực tự cường, kiên cường bất khuất trước mọi kẻ thù cũng như mọi trở ngại, gian khổ, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư mà dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người và của Đảng ta, đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay, nếu muốn dân giàu nước mạnh thì toàn Đảng đi trước, toàn dân theo sau, theo đúng tư tưởng Bác Hồ là thực hiện “tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước”, lấy đó làm phương châm chỉ đạo cho mọi suy nghĩ và hành động của chúng ta.

Cụ thể là mọi người hãy cần cù, sáng tạo, lao động hết mình, làm ra thật nhiều của cải cho xã hội nhưng hết sức tiết kiệm trong tiêu dùng, tiết kiệm của từng cá nhân, từng gia đình và cả nước. Nếu chúng ta đã kiên cường chịu đựng gian khổ, hy sinh tất cả, kể cả thân mình, chiến đấu cho độc lập, tự do suốt hơn 30 năm thì sao ta không chịu đựng gian khổ, tiết kiệm tối đa tiêu dùng để Nhà nước tích lũy, Nhà nước tích lũy để xây dựng đất nước trong vòng 10 năm, 20 năm, sau đó dân ta sẽ giàu, nước ta sẽ mạnh. Đó phải là ý chí của cả một dân tộc, của cả nước, kiên trì trong một thời gian. Trước đây ý chí rửa nhục mất nước, nhục làm nô lệ suốt gần thế kỷ, dân tộc ta dũng cảm, thành công vô cùng rực rỡ, thì ngày nay ý chí rửa nhục nghèo nàn và lạc hậu chỉ trong vòng vài chục năm không không lẽ chúng ta không làm được. Quan trọng là có quyết tâm, có lãnh đạo của từng địa phương như trong một quận và trong cả nước.

Đây không phải là vấn đề viển vông. Ta phải học kinh nghiệm truyền thống của dân tộc ta và kinh nghiệm bổ ích của các dân tộc khác. Hãy lấy ví dụ về nước Nhật rất gần ta và cũng rất gần đây thôi. Năm 1945, nước Nhật thua trận, đầu hàng vô điều kiện Đồng minh, cả một dân tộc đã từng kiêu hãnh phải cúi đầu nhục nhã. Hơn thế nữa, cả nước đói khổ, nhiều người chết đói và khoảng 10.000 người chết dần chết mòn nhiều năm sau vì bom nguyên tử, hơn 100 thành phố chỉ còn là những đống tro tàn, cả Tokyo thành bình địa. Nhưng “nỗi tuyệt vọng và đói khổ đã không kéo dài. Rất nhanh chóng, dân tộc Nhật đã trở thành tấm gương mẫu mực

cho cả thế giới. Nước Nhật đã thua cuộc trong chiến tranh. Đúng! Nhưng họ đã thắng trong hòa bình". Đó là lời nhận xét của một nhà nghiên cứu Tây Âu Pierre Antoine Donnet trong cuốn sách *Nước Nhật mua cả thế giới* phát hành tháng 4/1991 (bản dịch do Nhà xuất bản Thông tin lý luận phát hành).

Họ đã thắng như thế nào trong hòa bình?

Quyển sách nghiên cứu vừa nói trên cho ta biết như sau:

Cả một dân tộc toàn tâm toàn lực cho công cuộc tái thiết đất nước. Chỉ 15 ngày, dân chúng dọn sạch Tokyo mà 90% đã bị san bằng, lập lại trật tự và cất lên những cái chòi ban đầu. Chưa đầy ba năm, đã có dáng dấp một đô thị con người. Cả chính phủ, các bộ đã sống và làm việc trong các lán bằng gỗ. Đến năm 1952, cả nước Nhật vẫn còn chìm ngập trong cảnh đói nghèo, cả Tokyo không có một con đường trải nhựa, thành phố không có xe hơi. Dân Nhật tuyệt đối không biết đến nghỉ lễ, trong ngôn ngữ Nhật không có từ này. Một tuần làm việc cả 7 ngày, không có chủ nhật. Bắt đầu từ năm 1959, mới áp dụng chế độ mỗi tháng nghỉ hai ngày chủ nhật. Năm 1965, số giờ lao động trung bình hằng năm của mỗi người Nhật là 2.400 giờ, hơn hàng trăm giờ so với các nước phương Tây. Với sức làm việc quên mình, một cường độ lao động rất cao và sự tiêu xài chỉ để sống, mười năm sau chiến tranh, nước Nhật đã lập lại được mức thu nhập bình quân đầu người của thời kỳ trước chiến tranh. Thực sự nước Nhật phát triển kỳ lạ trong 10 năm từ năm 1955 đến năm 1965. Trong thời gian đó, chỉ số tăng trưởng bình quân của tổng sản lượng quốc gia là 9,9%. Thu nhập quốc gia đầu người năm 1952 là 162 đôla Mỹ thì năm 1965 là 694 đôla Mỹ. Tổng sản lượng quốc gia năm 1952 là 17 tỷ đôla Mỹ thì năm 1965 là 84 tỷ đôla Mỹ, chiếm vị trí thứ 5 trên thế giới sau Hoa Kỳ, Cộng hòa liên bang Đức, Anh và Pháp. Năm 1965, Nhật Bản nghiêm níu nhập "câu lạc bộ các siêu cường".

Như vậy, chỉ 20 năm sau chiến tranh, từ đống tro tàn của đổ nát, từ tâm trạng nhục nhã, hận, căm thù thua trận, nước Nhật đã trở thành một siêu cường về kinh tế và ngày nay gần như đứng đầu cả thế giới về sự giàu có phát triển. Thực sự thì chủ yếu là trong 10 năm 1955 - 1965 vì 10 năm trước chỉ là hàn gắn vết thương chiến tranh và chuẩn bị mọi điều kiện. Và từ năm 1965 đến nay vẫn giữ vững sự phát triển thắng lợi vinh quang ấy.

Không những từ đống tro tàn đi lên mà nước Nhật lại còn là nước "hầu như không có những tài nguyên thiên nhiên và nguồn năng lượng. Nhật Bản nhập khẩu hơn 95% lượng dầu hỏa, gỗ và khoáng sản. *Thứ tài nguyên duy nhất của nước Nhật là lao động*".

Vì sao nước Nhật lại đạt được thành tựu phi thường như vậy? Trước hết phải nêu lên ý chí sắt đá và cao cả của cả một dân tộc muốn rửa cái nhục thua trận,

quyết tâm đưa đất nước Nhật lên thành một nước giàu mạnh, để dân Nhật có thể ngẩng cao đầu, tự trọng và hánh diện với thế giới. Cả nước đồng lòng cam chịu hy sinh cực khổ trong 10 năm để được sung sướng muôn đời. Phải chăng đó là phượng châm của họ?

Tác giả Pierre Antoine viết:

“Chấp nhận thiếu thốn, hy sinh một cách quả cảm, khi phượng Tây đang mải miết vui chơi và thưởng ngoạn những kỳ nghỉ tốn kém, thì dân tộc Nhật Bản miệt mài và tự nguyện đã thực hiện một nỗ lực phi thường. Một ý thức tập thể cao, một tôn ti trật tự nghiêm ngặt, ít có những xung đột xã hội, một kỷ luật sắt và một tinh thần lao động quên mình... Tất cả những điều ấy đã đưa nước Nhật lên ngang hàng các “siêu cường” trong thế giới công nghiệp...” và “trong khi các ông chủ Hòa Kỳ tự cho phép mình những mức lương kếch xù và các cổ đông bỏ túi những phần chia hậu hĩnh, thì ở Nhật Bản những khoản lợi nhuận bao giờ cũng được đưa vào túi đầu tư. Hơn nữa, trong khi dân Mỹ vui vẻ với cuộc sống hưởng thụ, thì người Nhật lại rất chí thú với cuộc sống cần kiệm. Tỷ lệ dành dụm của các gia đình Nhật chiếm đến 20% tổng thu nhập. Đó chính là các khoản vốn và các ngân hàng Nhật Bản đưa ra cho vay theo những ưu tiên của chính phủ nhằm đưa ra những khoản tái đầu tư mới có hiệu quả. Người Nhật thì tiết kiệm còn nước Nhật thì đầu tư cho sự phồn vinh và cho sự tiêu thụ trong tương lai!”.

Tôi chỉ trích ra những điều mà chúng ta cần và hoàn toàn có thể học hỏi để xây dựng đất nước hiện nay. Rất cần học ở các dân tộc khác, không phải học cái rởm, cái hưởng thụ tiêu xài quá phung phí khi nhân dân ta còn quá nghèo nàn, học cái tự do cá nhân bỉ ổi chỉ biết lo cho riêng mình, cho gia đình, bà con mình, mặc bất công vì đau thương của xã hội còn đầy rẫy. Bác Hồ luôn kêu gọi chống chủ nghĩa cá nhân, tất cả vì quyền lợi của nhân dân, của Tổ quốc. Trong cách mạng và chiến tranh trước đây, cả dân tộc Việt Nam đã làm được như vậy, nên đã đạt được thắng lợi vừa qua. Người Nhật đã cố thực hiện việc này trong một thời gian dài. Tác giả Pierre Antoine viết: “Ánh hưởng của Phật giáo ở Nhật cũng như ở Viễn Đông luôn khuyên bảo con người xóa bỏ tính cá nhân trước quyền lợi tập thể”. Đó là đạo đức, là lối sống, cách xử thế của con người phuong Đông từ ngàn xưa đã hun đúc và ngày nay được chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ giáo. Nhưng ngày nay lại có nhiều kẻ phỉ nhổ tính tập thể và chạy theo chủ nghĩa cá nhân, sống gấp, hưởng thụ, tự do tư bản phuong Tây. Tác giả quyển sách đã nói một đoạn ngắn về phuong pháp quản lý xí nghiệp như sau làm ta phải suy nghĩ kỹ: “Ở Châu Âu và Hoa Kỳ, quyền quyết định thuộc về giám đốc. Ở Nhật Bản, quyền quyết định thuộc về tập thể. Đó là sự nhất trí, một giá trị quan trọng của người Nhật.

Đôi khi sự nhất trí cũng cần trở sự ra quyết định vì tất cả các cán bộ và nhân viên có liên quan đến đều được hỏi ý kiến. Nhưng một khi quyết định đã được thông qua nó sẽ được áp dụng lập tức cho đến khi nào hoàn tất và cả những ai ký vào quyết định đều cảm thấy trách nhiệm của mình". Phải chăng giá trị của quyết định tập thể và tập thể thi hành đầy trách nhiệm là một trong những điều kiện giúp cho nước Nhật thành công rực rỡ trong xây dựng kinh tế cũng giống như ta vì thế mà thắng lợi vĩ đại trong chiến tranh.

Chính sách phát triển kinh tế của Nhật là một chính sách có chỉ huy nghiêm ngặt theo một chiến lược đã chọn và có kế hoạch. Pierre Antoine viết: "Trong khi Hoa Kỳ trở thành vương quốc của chính sách kinh tế tự do thì Nhật Bản đã trở thành một vương quốc chính sách công nghiệp chỉ huy", "mô hình độc đáo là sự tận tụy tuyệt đối của tất cả nhân viên, công nhân và cán bộ đối với cơ quan nơi mình làm việc... Toàn thể nhân viên đều đồng tâm dốc sức thực hiện bằng được mục tiêu đề ra. Tổ chức lao động đôi khi cũng mang dáng dấp quân sự". Bộ não chỉ huy là Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế (viết tắt là Miti). "Chính bộ này ngay sau chiến tranh, đã bắt tay vào việc tổ chức lại toàn bộ nền công nghiệp quốc gia..., đã kiên trì đeo đuổi một chính sách công nghiệp hướng đến việc phát triển một số lĩnh vực mũi nhọn". Hàng loạt các tổ hợp công nghiệp lớn được nâng đỡ, trợ cấp hỗ trợ và hướng dẫn... Miti đã dành ưu tiên cho các lĩnh vực lọc dầu, hóa dầu, tơ sợi nhân tạo, máy công cụ và nhất là ngành điện tử và xe hơi. "Luật Hải quan Nhật Bản cấm nhập khẩu các sản phẩm nước ngoài cùng chủng loại và bảo vệ chặt chẽ nền công nghiệp quốc gia". Ý chí sắt đá của người Nhật muốn đầu tư nhập khẩu kỹ thuật phương Tây. Ngay từ thời kỳ Minh Trị, nước Nhật đã có tham vọng muốn vươn lên ngang bằng với các cường quốc phương Tây. Và khi chiến tranh vừa chấm dứt, các nhà lãnh đạo Nhật Bản vẫn tiếp tục không từ bỏ ý muốn san bằng sự chậm trễ về kỹ thuật so với các nước công nghiệp khác. Đặc biệt trong giai đoạn 1955 - 1964, Nhật Bản đã dành một phần đầu tư đáng kể để mua lại các bí quyết và công nghệ mới từ các quốc gia công nghiệp để áp dụng vào sản xuất công nghiệp của nước mình. Không hài lòng với việc áp dụng các công nghệ này cho nhu cầu quốc gia, các nhà kỹ thuật và kỹ sư Nhật Bản đã lao động không mệt mỏi trong các phòng thí nghiệm của họ để không ngừng cải thiện các kỹ thuật nhập về.

"Một yếu tố nổi bật khác dẫn đến hiện tượng cất cánh kinh tế của Nhật Bản là một năng suất cao đi kèm với mức tiêu thụ nội địa thấp"... "Giảm chi phí sản xuất và tăng mức lợi nhuận"... "Một sự đam mê và dè xem mà người dân Nhật không bao giờ chối cãi". Đó chính là những điều kiện hội tụ để nước Nhật tích lũy

nhanh và tái đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Vòng tròn đã khép lại, những cải thiện và phát minh tuôn ra như thác, các sản phẩm trở nên tốt hơn và rẻ hơn, mức xuất khẩu tăng cao và giành được những khu vực thị trường mới.

Tất nhiên, ta ngược hẳn với Nhật Bản về chế độ chính trị và xã hội. Ta xây dựng nền kinh tế ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa để có một chế độ công bằng, hợp lý, hạnh phúc hơn cho toàn dân. Nhưng những điểm rút ra trên đây là những bài học rất quý cho ta hiện nay. Dân tộc Việt Nam ta từng chứng tỏ, ý chí độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, lao động sáng tạo, quên mình để xây dựng nên lịch sử quang vinh của mình. Nếu được lãnh đạo sáng suốt và vững vàng, rất có thể toàn dân toàn tâm nhất trí, chịu cực khổ, lao động có hiệu quả, chối từ mọi xa hoa, đua đòi, hưởng thụ, tiết kiệm từng đồng làm ra, trong vòng 10 năm, thậm chí 20 năm thì chắc chắn chúng ta không thua bất cứ ai, đạt tới dân giàu nước mạnh.

Lịch sử đã nói lên là dân tộc Việt Nam có ý chí cao, có kỷ luật nghiêm, có đức tính hy sinh, chịu đựng hiểm có và có quyết tâm kỳ lạ để giành thắng lợi cho mục tiêu đã đề ra. Vấn đề là vận động cách mạng toàn dân và lãnh đạo gương mẫu và kiên trì vì nghĩa lớn.

Trước mắt, tôi đề nghị kiên quyết quét sạch các điểm ăn chơi nhậu nhẹt sa đọa trong toàn Thành phố, số đó có đến hàng vạn. Riêng Quận 3 đã có 540 điểm, trong đó có 115 điểm sa đọa ghê tởm không thể tha thứ được. Nhiều quận, huyện có đến hàng nghìn điểm như Thủ Đức, Nhà Bè. Trong lúc đó tại Thành phố chúng ta có đến 40.000 trẻ em bụi đời, 60.000 trẻ em nghèo không thể đi học, có đến 43.481 nhà ở rách nát ổ chuột và rất nhiều người không nhà, ngủ ở lề đường. Không thể nói hết được bao nhiêu bất công xã hội còn đầy rẫy trước mắt mọi người. Kẻ thi xa hoa, sa đọa, một số đông thì lâm than, đói rách. Trách nhiệm về ai?

Ta cần kiểm lại năm 1990, với chủ trương năm du lịch, Thành phố đã đầu tư 100 tỷ đồng để xây dựng khách sạn, nhà hàng, như vậy đã đưa lại kết quả gì? Rất mỉa mai là khách ăn chơi ở các nhà hàng, điểm ăn chơi, lại không ít là cán bộ. Cần có cuộc vận động rộng rãi toàn dân tiết kiệm, *cần kiệm xây dựng đất nước*. Nghiêm trị tất cả những ai phung phí ăn chơi dù là của riêng mình, đả luận điệu “làm ra tiền thì được phép tiêu tiền”. Phải tuyên truyền vận động liên tục thành phong trào quần chúng tham gia ngăn chặn, trừu trị những kẻ vô trách nhiệm, mất gốc. Triệt hạ thẳng tay nạn tham nhũng và hối lộ. Những kẻ ấy bán nước ta, dân ta cho tư bản để quốc để lấy đồng đôla thôi. Mọi người cố làm ra nhiều nhưng ăn tiêu rất đe xén để tích lũy cho đầu tư sản xuất. Vốn đầu tư sản xuất phải là từ tích lũy nội bộ, từng gia đình, từng xí nghiệp, từng quận, huyện, vốn chính là từ trong nhân dân. Vốn đầu tư từ ngoài là cần nhưng không phải là chính, phải có chọn lọc, có lợi theo

hướng chiến lược phát triển của ta, không xin xỏ, không nhân nhượng quá mức để được bô cấm vận, để kéo đầu tư kẽm xù. Nạn tham nhũng và hối lộ là tai họa, làm mất lòng tin của dân đối với Đảng, với chế độ nhất là nhận hối lộ của công ty nước ngoài, của nước ngoài dẫn đến mất nước, bị nô dịch về kinh tế, xã hội, văn hóa và cả chính trị và tư tưởng. Pháp luật cần xử phạt nặng đối với bọn này kể cả tử hình một số tên giữ chức vụ quan trọng: Diệt một hổ dữ, cứu nhiều sinh mệnh.

Phải “tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước”. Đây là khẩu hiệu của từng người Việt Nam, tự trọng yêu nước, từng đảng viên, từng cán bộ trong mọi ngành, từng gia đình, từng địa phương cho đến cả nước. Cán bộ phải gương mẫu, cán bộ càng cao càng phải gương mẫu nhiều, gương mẫu là yếu tố giáo dục vận động tốt nhất phong trào quần chúng. Cần chăng một hội nghị đại biểu toàn dân để hạ quyết tâm vì Tổ quốc giàu mạnh giống như hội nghị chính trị đặc biệt quan trọng trong chống Mỹ do Hồ Chủ tịch chủ trì hay hội nghị Diên Hồng thời Trần.

Trên đây là nội dung tôi phát biểu trước Đại hội Đảng bộ một quận - Quận 3, nhưng mong rằng Quận ủy gửi lên để báo cáo với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và với Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 07 tháng 12 năm 1991

PHÁT BIỂU NHÂN DỊP 30/4

(do Quận ủy - Ủy ban nhân dân Quận 1 tổ chức ngày 30/4/1984)

Thưa các đồng chí lãnh đạo,

Thưa các đồng chí lão thành,

Thưa tất cả các đồng chí,

Tôi hết sức vui mừng được dự cuộc họp mặt để ôn lại truyền thống nhân ngày 30/4 này và cũng rất hân hạnh được phát biểu nhân danh một chiến sĩ cũ đã được tham gia chiến đấu trong Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Thành phố thân yêu của chúng ta.

Tưởng mới hôm nào Thành phố tưng bừng nỗi dậy, đỏ rực màu cờ mà đã qua 9 năm rồi. Đã 9 năm giải phóng nhưng mãi đến ngày nay, chúng ta vẫn phải đối phó với chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn hành trưởng câu kết với đế quốc Mỹ trả thù theo kế hoạch hậu chiến của chúng. Không những thế, chúng ta còn phải sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược lớn trong lúc ra sức xây dựng đất nước tiến lên.

Trước tình hình nền độc lập, tự do của ta còn có nguy cơ bị hăm dọa và đời sống vật chất của ta còn nhiều khó khăn, qua 9 năm trời, những cuộc họp mặt ôn lại truyền thống để tự hào, để tin tưởng, để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta thật là cần thiết và bổ ích.

Mỗi một ngày kỷ niệm đến, một cuộc mặt thân mật, được gặp gỡ bao đồng chí, bạn bè, càng làm cho chúng ta nhớ lại những ngày đấu tranh không sợ khổ, không sợ chết, hoàn toàn vô tư vì mục đích duy nhất là giải phóng đất nước, giải phóng nhân dân. Tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta trong những ngày chiến tranh ác liệt đều không hề nghĩ đến quyền lợi, địa vị riêng tư nhỏ bé của mình để cho lòng thanh thản xông vào lửa đạn quân thù không một chút dè dặt, chùn bước trước cái chết và cái sống. Có phải chăng đó là đạo lý của từng con người đảng viên, con người cách mạng bất cứ ở cương vị nào, bất cứ ở thời kỳ nào. Trong chiến tranh đã như vậy thì

trong hòa bình xây dựng cũng phải như vậy. Nếu tất cả đều vì lợi ích nâng cao nền kinh tế đất nước, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân như Đảng và Hồ Chủ tịch từng giáo dục, không một tính toán riêng tư, thanh thản xông vào mặt trận sản xuất, xây dựng, làm sai thì dũng cảm nhận, làm sai thì kiên quyết sửa, làm đúng thì cổ vũ, hoan nghênh. Nếu tất cả đều như vậy thì có lẽ mỗi năm ta lại lên một đỉnh cao của thành tựu, đời sống không ngừng được cải thiện, chúng ta sẽ thắng vẻ vang trong xây dựng cũng như đã thắng vẻ vang trong chiến tranh.

Có người cho rằng chiến đấu dễ hơn xây dựng hay xây dựng phức tạp hơn chiến tranh. Tôi cho rằng không phải như vậy. Mỗi cái có cái phức tạp, cái khó khăn của nó. Chỉ cần nắm vững thực tế khách quan và khoa học. Đảng ta không phải tự nhiên mà giỏi về lãnh đạo chiến tranh để đưa chiến tranh đến toàn thắng. Bọn đế quốc, bọn tư bản nói bậy rằng Đảng ta chỉ tài về chiến tranh mà không biết về kinh tế. Không, một đảng chân chính có lý luận Mác - Lênin, có hiểu biết đa dạng, có mục đích vì hạnh phúc của nhân dân, có khả năng về nhiều mặt với sự đoàn kết giúp đỡ của giai cấp công nhân quốc tế, chắc chắn sẽ giành thắng lợi trên mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có từng đảng viên có thể có chỗ kém cỏi, sai lầm, nhưng tập thể Đảng là sáng suốt đúng đắn. Đó là tất nhiên vì tất cả chúng ta đều là con người mà không phải là thần thánh. Cách mạng sẽ luôn luôn đi lên thắng lợi, lịch sử không dừng lại hay quay ngược lại.

Chúng ta ôn lại truyền thống đoàn kết một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng anh minh. Ngày 30/4 là tiêu biểu của sự đoàn kết đó: Hàng vạn bộ đội dũng mãnh tấn công, hàng triệu con người nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân. Đồng chí Thu Quận 1 đã báo cáo sự tấn công và nổi dậy ấy ở Quận 1. Toàn Thành phố chúng ta cũng như vậy. Những người dân cách mạng toàn Thành phố không phải chỉ nổi dậy ngày 30/4 mà trước đó nhiều, trong suốt 30 năm chiến tranh chống xâm lược. Và trước đó nữa đã có những người cộng sản đấu tranh kiên cường như Lý Tự Trọng, Nguyễn Thị Minh Khai...

Đó còn là truyền thống dũng cảm đấu tranh vì chân lý, chống áp bức bất công, kiên cường bất khuất trước mọi thế lực phản động. Trước họng súng của bọn xâm lược Pháp rồi Mỹ, thanh niên, học sinh, công nhân, trí thức, các tầng lớp đã đứng lên trong bao nhiêu cuộc biểu tình chống đàn áp, đòi tự do dân chủ, đòi công ăn việc làm... ngay ở Thành phố này. Không phải chỉ có lực lượng vũ trang mà thanh niên nam nữ cũng đã chiến đấu diệt thù ngay tại Thành phố suốt các thời kỳ cho đến ngày 30/4.

Đó là truyền thống nghĩa tình chung thủy với tấm lòng biết ơn sâu sắc những người đã ngã xuống cho đất nước đứng lên, những người đã cống hiến đời mình

cho dân cho nước. Tấm lòng nhân dân Thành phố đối với Bác Hồ thể hiện ở nhà lưu niệm Bến Nhà Rồng, đối với liệt sĩ ở những tấm bia ở các mục tiêu tấn công hồi Tết Mậu Thân, bia chị Lê Thị Riêng và anh Lê Văn Kiểu..., cho đến những nhà tình nghĩa ở Củ Chi. Trong những ngày khói lửa, từ các hội ủng hộ Vệ quốc đoàn trong 9 năm đến những sự bao bọc cho chiến sĩ biệt động trong chiến tranh chống Mỹ; rồi những hội cứu trợ đồng bào bị tai nạn trong khi Diệm đánh Bình Xuyên, giúp đỡ bà con bị Mỹ - Thiệu cào nhà đốt nhà..., đã nói lên sự đùm bọc thương yêu nhau, lá lành đùm lá rách.

Quý biết bao những truyền thống tốt đẹp đã qua, những quá khứ vang của người dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là giá trị tinh thần cao quý cho những người ngày hôm nay đang ra sức xây dựng cho tương lai đẹp đẽ mai sau.

Nhà văn hiện đại Liên Xô Aimatôp đã viết rất đúng rằng: Ký ức là thước đo nhân cách của con người, giá trị tinh thần của nó: Người nào không có ký ức, không có lịch sử, không có bản thư mục tinh thần được ghi lại... thì sẽ lâm vào tình trạng bần cùng hóa về mặt tinh thần, anh ta không được chuẩn bị để tiếp tục cuộc sống vô cùng phức tạp hiện nay... Người nào không có ký ức của quá khứ, không có kinh nghiệm lịch sử của dân tộc mình và các dân tộc khác thì sẽ nằm ngoài lịch sử vĩnh viễn và chỉ có khả năng sống bằng ngày hôm nay mà thôi.

Tôi mượn câu ấy để kết thúc câu chuyện truyền thống lịch sử hôm nay. Xin chúc các đồng chí khỏe mạnh và một mùa xuân đầy sức sống.

30 tháng 4 năm 1984

PHÁT BIỂU NHÂN HỘI NGHỊ KHOA HỌC LỊCH SỬ VỀ TẤN CÔNG NỐI DẬY XUÂN 1975

(ngày 18 - 19/3/1985)

Thưa Hội nghị,

Thưa các đồng chí,

Mười năm đã qua từ ngày Thành phố Hồ Chí Minh chúng ta cũng như toàn miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Và cũng là 10 năm kết thúc một cuộc chiến tranh mà thế giới cho là một trong ba cuộc chiến tranh lớn nhất ở thế kỷ XX này: Chiến tranh thế giới thứ nhất, Chiến tranh thế giới thứ hai và cuộc chiến tranh 30 năm của chúng ta. Đây là cuộc chiến tranh lớn của thế kỷ, khốc liệt nhất, dài nhất và kết thúc bằng trận quyết chiến, thắng lợi trọn vẹn ở thành phố Sài Gòn - thành phố lớn có đến gần 4 triệu dân, là một sự kiện có tầm cỡ quốc tế và có tính thời đại như Đảng ta đã từng nhận định. Sự thắng lợi đó lớn quá, tài tình quá mang tính chất rất đặc biệt, rất huyền diệu. Một đế quốc giàu nhất, mạnh nhất đứng đầu phe tư bản là Mỹ luôn tự cho là chưa thua bao giờ mà nay phải thua nhục nhã, thua triệt để thì lạ lùng thật, vì vậy cả thế giới đang nghiên cứu tìm hiểu vì sao ta thắng, Mỹ thua. Cả thế giới đã như vậy thì chúng ta, những người dân Việt Nam anh dũng đã tiến hành cuộc chiến tranh ấy dưới sự lãnh đạo của một đảng anh hùng, của lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh vô cùng sáng suốt, phải nghiên cứu giải thích sự thắng lợi vinh quang đó là việc hết sức cần thiết, là nhiệm vụ mà lịch sử giao phó. Vì vậy, tôi chắc rằng mọi người chúng ta rất hoan nghênh cuộc hội nghị khoa học lịch sử này. Cuộc hội nghị này sau 10 năm chiến thắng đã là muộn vì đáng lý phải sớm hơn do tầm quan trọng của vấn đề mà cả thế giới đang mong đợi. Nhưng là rất hợp thời vì nó mở đầu cho hàng loạt các hội nghị khoa học khác và có lẽ diễn ra nhiều năm sau này nữa mới có thể hiểu được hết những vấn đề khoa học của nó.

Vì là một sự kiện lịch sử rất lớn, có tầm cỡ quốc tế, có tính thời đại nên không thể kết luận vội vàng, hời hợt với sự hiểu biết nông cạn, một chiêu được, càng không thể hiểu rõ hết trong một cuộc hội nghị, mà phải bằng nhiều hội nghị, trong nhiều năm là như vậy. Cũng cần nhận rõ thật thà là ngay sau ngày thắng lợi, vì là thắng lợi vĩ đại quá, triệt để quá, nên phải chăng mỗi người chúng ta có một sự bàng hoàng, choáng ngợp nào đó trong sự tự hào chính đáng. Và bây giờ sau 10 năm rồi, bình tâm hơn, lắng đọng hơn, với nhiều sự việc thực tế đã được phát hiện và xác nhận, chúng ta có điều kiện hơn để nghiên cứu sâu sắc, khách quan mọi khía cạnh của chiến thắng vẻ vang của dân tộc.

Rất nhiều sự việc thực tế về hành động của quần chúng đang còn đó, nằm đọng ở mọi nơi trên chiến trường cũ, ở từng làng mạc, đường phố, ở từng cơ sở. Các chứng nhân lịch sử còn tồn tại bằng xương bằng thịt khá nhiều, mỗi người đã tham gia vào mỗi cương vị lúc đó, từ cương vị cao đến cương vị thấp, từ điều khiển đến hành động thực. Đó là của quý vô giá cho hội nghị khoa học lịch sử. Thực tế đã diễn ra bằng máu, đã tạo ra bằng trí tuệ tập thể của Đảng ta, bằng tinh thần bất khuất của nhân dân ta, bằng sức lực vạn năng của hàng triệu hàng triệu quần chúng cách mạng, của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Tôi nghĩ rằng, thực tế thường đi trước lý luận và lý luận chi phối lại thực tế và do đó thực tế bao giờ cũng là cơ sở đúng đắn nhất cho những công trình nghiên cứu có giá trị chân lý. Mà thực tế thì vô cùng phong phú và rất vĩ đại từ cái rất nhỏ, vì nó đẻ ra từ suy nghĩ và hành động của hàng triệu người yêu nước để đóng góp vào thắng lợi mà một người dù sáng suốt tài giỏi đến đâu cũng khó mà hình dung ra nổi.

Chúng ta có sẵn những thực tế đó chỉ cần sưu tầm tại thực địa. Chúng ta cũng có sẵn lý luận trong các nghị quyết và chỉ thị của Đảng lãnh đạo suốt quá trình chiến tranh. Đó là chủ trương của Đảng kiên quyết tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng kết hợp với khởi nghĩa vũ trang, đấu tranh bằng hai chân ba mũi, với lực lượng tổng hợp là lực lượng quân sự đủ loại, lực lượng chính trị quần chúng, lực lượng binh địch vận, lực lượng ngoại giao, lực lượng tinh thần và vật chất, lực lượng tổng hợp trong nước và cả trên thế giới của phe xã hội chủ nghĩa và của nhân loại tiến bộ trong tất cả các nước ngay cả ở nước Mỹ. Đó là kết hợp những quy luật của chiến tranh cách mạng và những quy luật của khởi nghĩa vũ trang, cả 2 loại quy luật đó tác động lẫn nhau, chi phối lẫn nhau trong hoàn cảnh cùng tiến hành song song cả chiến tranh cách mạng và cả khởi nghĩa vũ trang. Chúng ta đã tiến hành lặp đi lặp lại nhiều lần từ đơn giản đến phức tạp, từ nhỏ đến lớn, trên cả 3 vùng chiến lược đồng bằng, rừng núi và đô thị, trong một chiến lược tấn công, tấn công từ đầu đến cuối cuộc chiến tranh không thay đổi. Đó là tấn công và nỗi dậy, nỗi dậy

và tấn công tiêu diệt và làm chủ, làm chủ để tiêu diệt, tiến lên tấn công đồng loạt và nỗi dậy đồng loạt, đi đến tổng tấn công và tổng nỗi dậy hay gọi là tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, kết thúc cuộc chiến tranh toàn thắng.

Thưa các đồng chí!

Tôi nghĩ rằng chúng ta cần nắm vững quan điểm, đường lối chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, đối chiếu với các thực tế phong phú đã diễn ra ở chiến trường đồng bằng, rừng núi, đô thị, trong từng thời kỳ chiến tranh và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, để rút ra những bài học chính xác nhất, đúng đắn nhất, khoa học nhất.

Chúng ta hiện đang đứng trước một nguy cơ không nhỏ, nguy cơ chiến tranh hăm dọa nhân loại. Bọn bành trướng, bọn đế quốc vẫn chưa từ bỏ âm mưu áp đặt tư tưởng, lối sống của chúng lên đầu các dân tộc bằng phá hoại, lật đổ, bằng chiến tranh. Không những chiến tranh trên mặt đất bằng vũ khí quy ước và cả vũ khí hạt nhân, hóa học mà còn chiến tranh trên các vì sao.

Chúng ta nghiên cứu thắng lợi trong chiến tranh vừa qua, rút ra những bài học là để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ tự do và độc lập, bảo vệ chân lý cho ngày nay và cả mai sau. Mỗi thời đại sẽ khác nhau về kỹ thuật, về vũ khí, về cách tiến hành chiến tranh. Nhưng thời đại nào thì nhân dân vẫn quyết định và kinh nghiệm quý báu của nhân dân vẫn căn bản có giá trị xuyên suốt các thời kỳ.

Xin chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

PHÁT BIỂU NHÂN KỶ NIỆM NGÀY SINH NHẬT BÁC HỒ (năm 1985)

Thưa các đồng chí,

Thưa các bạn,

Hôm nay, chúng ta họp mặt ở đây để kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ vô vàn kính yêu và ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Ngôi ở vị trí bến Nhà Rồng hôm nay, sau hơn 10 năm giải phóng và thống nhất đất nước và cũng sau hơn 10 năm chồng chất khó khăn và hiện đang còn nhiều khó khăn của nhân dân ta, tôi có cảm giác như chúng ta tìm về đây suy tưởng những điều Bác Hồ - người thầy của cách mạng Việt Nam, người sáng lập ra Đảng ta và Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta, đã dạy cho lớp lớp cán bộ Việt Nam từ nửa thế kỷ nay, hầu tìm ra lời giải đáp đúng đắn nhất cho những điều mong mỏi của mỗi người chúng ta.

Tưởng nhớ Bác Hồ, chúng ta thấy ở Người tấm gương sáng chói về tài năng và đạo đức, về trí tuệ cao minh và hành động cách mạng dũng cảm, về lòng thương bao la đối với dân, đối với nước và phẩm chất tuyệt vời của một nhà cách mạng, một đảng viên cộng sản chân chính. Ở Người, lời nói luôn luôn đi đôi với việc làm, tư tưởng thống nhất với hành động. Những điều Người dạy cán bộ, đảng viên, nhân dân không mệt mỏi cũng là những điều Người thể hiện ở suốt cuộc đời mẫu mực, trọn vẹn từ khi làm cách mạng cho tới khi nhắm mắt từ giã cõi đời. Ngay từ lớp huấn luyện cán bộ cách mạng đầu tiên năm 1925 cho đến ngày Bác ra đi mãi mãi, Bác vẫn dặn dò ân cần cán bộ toàn Đảng là giữ vững đoàn kết, luôn nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình và thầm nhuần đạo đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Suốt đời Bác đã dạy cán bộ như vậy, ngày nay ta nhắc đi nhắc lại lời dạy của Bác trên báo chí, sách vở, trong các cuộc hội họp vẫn không bao giờ thừa mà lại rất cần thiết, nhất là khi Bác đã đi xa.

Bác viết trong *Di chúc*: “*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Đọc một đoạn ngắn này, đứng trước ảnh Bác, mỗi người chúng ta nên soi rọi lại mình xem ta đã làm được gì theo lời Bác dạy để lợi cho dân, cho nước. Thật là rộng lớn vấn đề phẩm chất đạo đức của con người cách mạng mà Bác đã đề cập. Trong thì giờ có hạn này, tôi chỉ xin nêu vài điều mà tôi nhớ một cách thầm thía, nhân dịp có phong trào tự phê bình và phê bình đang dấy lên ở Thành phố chúng ta.

Bác luôn nói và cũng luôn tự phê bình và phê bình một cách hết sức nghiêm chỉnh. Năm 1945 trong khi kiểm điểm công việc của Chính phủ, sau khi nêu các ưu điểm và khuyết điểm, Bác nói: “Có thể đổ cho rằng: những khuyết điểm đó vì thời gian còn ngắn ngủi, vì nước ta còn mới, hoặc vì lẽ này, lẽ khác. Nhưng không, tôi phải nói thật: những sự thành công là nhờ đồng bào cố gắng. Những khuyết điểm kể trên là lỗi tại tôi”.

Người đời không phải thần thánh, không ai tránh khỏi khuyết điểm.

Rồi đến khi có sai lầm trong cải cách ruộng đất. Bác đã đứng ra dũng cảm và thành thật tự phê bình công khai trước quốc dân đồng bào. Bác đã thẳng thắn phê bình và xử lý nghiêm minh những đồng chí phạm sai lầm, kể từ đồng chí lãnh đạo cao nhất trong Đảng trở xuống. Bác và Đảng lúc ấy không hề sợ mất uy tín và cũng không sợ địc lợi dụng phản tuyên truyền.

Quý báu xiết bao vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta. Công minh chính đại xiết bao người cầm lái con thuyền quốc gia vững vàng trong bão tố cũng như khi trời yên biển lặng.

Năm 1947, khi thăm một lớp bổ túc trung cấp, Bác bảo: “Tự phê bình rồi lại phải phê bình người khác nữa. Ví dụ: tôi làm điều xấu, các đồng chí trông thấy, phải phê bình cho tôi sửa chữa ngay. Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy cớ “nể Cụ” không nói, là tôi mang nhọ mãi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng nếu có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa túc là hại người”.

Trong quân đội có nếp kiểm điểm tự phê bình và phê bình sau mỗi mùa hoạt động, sau mỗi chiến dịch, sau mỗi trận đánh để phát huy ưu điểm sửa chữa khuyết điểm để ngày càng thắng lớn. Hồi kháng chiến chống Pháp, nhân cuộc kiểm điểm chiến dịch Đường 18 ở miền Bắc, Bác huấn thị, trong đó có đoạn: “Trước ta nói phê bình và tự phê bình, bây giờ phải nói tự phê bình và phê bình. Nói như thế là chú trọng phê bình mình trước, phê bình người sau, phê bình mình là chính, phê bình người là phụ...”.

Bác lại dạy: “Muốn tự phê bình và phê bình có kết quả, cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cao cấp phải làm gương trước...”

Bác luôn chú trọng làm gương trước rồi mới dạy người sau.

Không ai được sống gần Bác, được Bác dạy dỗ, được gặp Bác dù chỉ một lần thôi, mà không giữ những kỷ niệm khó quên về Bác, về tính giản dị, khiêm tốn, về tình thương và độ lượng bao la của Bác. Bác không những luôn tự rèn luyện mình mà còn rèn luyện cho cán bộ, đảng viên, mong cho các lớp học trò được như mình hay cao hơn cả mình. Tất cả chỉ có lợi cho dân, cho nước thôi.

Bác nói: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”. Bác luôn nhắc cán bộ là muốn lãnh đạo được nhân dân phải lấy đạo đức làm gốc. Bác nói: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

Bác dạy cán bộ muốn có đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư thì không bao giờ được nghĩ và làm do chủ nghĩa cá nhân mà luôn luôn vì lợi dân ích nước.

Bác nói: “Trong mọi việc, chúng ta chỉ có một mục đích, là phụng sự đồng bào, phụng sự Tổ quốc. Chúng ta chỉ có một phương châm, là chí công vô tư”.

Bác dạy cán bộ: “Thờ dân tròn đạo hiếu

Thờ nước vẹn lòng trung”¹.

Bác dạy bộ đội: Trung với nước, hiếu với dân thì nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Bác lại nói: “Nước lấy dân làm gốc”.

Mà: “Gốc có vững cây mới bền

Xây lâu thăng lợi trên nền nhân dân”.

1. Hai câu thơ này trích trong bài thơ Bác viết tặng cụ Võ Liêm Sơn - Chủ tịch Mặt trận Liên khu IV (xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.662 (B.T)).

Bác lại xác định thế nào là lãnh đạo. Bác viết:

“Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà viết kế hoạch, ra mệnh lệnh.

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của lãnh đạo của ta.
2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.
3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”.

Thế là Bác luôn chú trọng làm việc gì cũng phải sát quần chúng, nghe quần chúng, vì quần chúng.

Bác nói: Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên... Vì vậy việc gì cũng phải hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc và giải thích cho dân chúng.

Về việc lựa chọn cán bộ, Bác cũng bảo phải chọn những người liên lạc mật thiết với dân chúng, luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

Với cán bộ, Bác luôn nhắc nhở cần kiệm xây dựng quân đội, cần kiệm xây dựng đất nước.

Có lần, tôi được vinh dự đưa Bác đến thăm một đơn vị bộ đội miền Nam tập kết. Bác đi thăm từng nơi ở, bái tập, xem xét cả thức ăn và quần áo. Có vẻ Bác hài lòng. Khi đi qua hàng quân chào tiến Bác, Bác hỏi một chiến sĩ:

- Cháu bắn có giỏi không?
- Thưa Bác, cháu mới đạt loại khá.
- Như vậy là chưa được. Đất nước ta còn nghèo. Quân đội ta còn ít súng đạn. Phải tiết kiệm từng viên đạn. Mỗi chiến sĩ phải cố đạt cho được mỗi viên đạn là một quân thù. Viên đạn bắn trúng đích ngoài nghĩa tiết kiệm còn nhiều nghĩa quan trọng khác. Muốn vậy phải cân. Có chuyên cân tập luyện mới bắn giỏi. Cần kiệm đi đôi với nhau.

- Thưa Bác, cháu sẽ hết sức cố gắng tập bắn giỏi.

Xong, Bác quay qua tôi nói:

- Chú có biết rằng bộ đội thế nào thì cán bộ thế ấy? Chiến sĩ chưa cần kiệm tức là chỉ huy chưa cần kiệm. Chỉ huy càng cao trách nhiệm càng nặng.

- Thưa Bác, chúng cháu xin nhận khuyết điểm và sẽ nỗ lực đạt được cần kiệm như Bác dạy.

Sau đó một thời gian, gặp tôi Bác hỏi:

- Cháu Giang (tên người chiến sĩ Bác hỏi hôm nọ) tập bắn súng ra sao rồi chú Trà?

May quá, tôi đã thừa được với Bác rằng Giang đã là thiện xạ của đơn vị vì sau khi Bác về đã dấy lên một phong trào: “Mỗi viên đạn - là một quân thù” và toàn đơn vị ra sức tập bắn và đều đạt bắn giỏi. Giang là ngọn cờ đầu.

Bác luôn dạy cán bộ đừng bao giờ tham danh, lợi, chức, quyền. Khi giải thích chữ “liêm”, Bác cắt nghĩa: Không tham địa vị, tiền bạc, không tham sung sướng, không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa.

Bác cho rằng Bác làm Chủ tịch nước là nhiệm vụ mà nhân dân giao phó, phải gắng làm. Bao giờ nhân dân cho lui là Bác rất vui lòng lui. Năm 1946, Bác đã trả lời các nhà báo như sau:

“Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi cũng gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính dáng gì với vòng danh lợi”.

Như vậy có nghĩa là Bác không bao giờ tham quyền cố vị. Làm cũng là vì dân vì nước, mà lui cũng là vì dân vì nước. Đồng thời còn có nghĩa là Bác không bao giờ nghĩ là phải có Bác mới được mà Bác tin rằng theo quy luật tiến bộ, có nhiều học trò của Bác đủ sức thay Bác. Cho nên Bác mới rất vui lòng lui.

Năm 1947, khi làm bài thơ tả cảnh rừng Việt Bắc, Bác lại nhắc đến ý nghĩ trước sau như một của Bác với hai câu kết:

“... Kháng chiến thành công ta trở lại,

Trăng xưa, hạc cũ với Xuân này”.

Bác Hồ chúng ta vĩ đại quá, vĩ đại trong cái giản dị bình thường mà bất cứ cán bộ nào cũng có thể noi theo miễn là một lòng vì dân vì nước.

Năm 1985

BỘ ĐỘI CỤ HỒ*

Năm nay tháng 12 kỷ niệm 3 ngày lễ lớn: Ngày 19 - Toàn quốc kháng chiến; ngày 20 - thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và ngày 22 - ngày ra đời Quân đội nhân dân Việt Nam. Như vậy là bộ đội ta đã 44 tuổi. Chưa phải là năm kỷ niệm lớn (năm chẵn 5, 10 năm...), nhưng hai con số 4 đứng song song cũng đẹp, gợi tôi nhớ lại 4 năm về trước khi bộ đội ta tròn 40 tuổi (cũng những con số 4), tôi đã có một kỷ niệm vui mà buồn. Năm ấy, để ôn lại kỷ niệm sâu sắc, tôi về thăm một vùng căn cứ kháng chiến, nơi bắt đầu cuộc đời cầm súng của tôi. Tôi vào thăm một ông cụ, nhà đóng chỉ huy sở của tôi hồi ấy. Ông cụ nay tuổi đã cao, đầu tóc bạc phơ, nhưng người còn cứng cáp và đặc biệt là trí còn minh mẫn. Ông cụ nhớ ngay ra tôi nhưng không tỏ vẻ gì là vui mừng hay xa lạ. Hồi trước, cứ gà gáy canh tư là cụ đã dậy rồi, để pha trà uống và thế nào cũng kéo tôi cùng thưởng thức tách trà nóng ban mai, nói đôi câu chuyện thế sự. Vừa thấy tôi, cụ đã hỏi: “Ba đó hả? Anh vẫn là “bộ đội Cụ Hồ” hay đã....” Tôi ngạc nhiên chưa hiểu cụ muốn nói gì với câu hỏi bỗ lửng nửa chừng ấy. Một lúc cụ mới cười bảo: “Đó là tôi hỏi về cái chất ấy mà, anh vẫn như xưa hay khác xưa? Nếu vẫn như xưa thì mời vào và cùng uống với tôi tách trà, nói chuyện xưa, nay cho vui”. Tôi vỡ lẽ ra. Vừa vui vì gặp lại một cụ già “chí cốt”, vừa buồn vì phận mình bất lực trước sự đời.

“Bộ đội Cụ Hồ”, không biết từ lúc nào nhân dân ta đã gọi Quân đội ta như vậy. Một cách gọi đơn sơ mà súc tích, nó bao hàm nhiều nghĩa sâu tình nặng. Một cách gọi triều mến thân thương, quý trọng và khâm phục, khen ngợi và khích lệ. Không phải ngẫu nhiên mà nhân dân đã ghép lấy tiếng bộ đội vào với Cụ Hồ. Đành rằng ai cũng biết, Cụ Hồ là người đã lập ra bộ đội ta, nuôi dưỡng giáo dục, lãnh đạo và rèn luyện, chỉ đạo từng cách đánh và phương hướng chiến lược trong từng thời kỳ, dẫn dắt từng bước đi ban đầu khi mới ra đời còn nhỏ bé cho tới lúc trưởng thành hiện đại, lập nên những chiến công bất hủ, hoàn thành được mục tiêu giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì thế mà chúng ta ngày nay đều xem Bác Hồ là

* Bài viết nhân kỷ niệm 44 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1988).

cha đẻ, người thầy, người chỉ huy kính phục và người đồng chí, đồng đội thân yêu nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Thực tế trong xã hội, không phải bao giờ người con cha mẹ đẻ ra, nuôi dạy lớn lên cũng đáp ứng được những điều mong ước của bậc cha mẹ. Ở đây nhân dân đã đánh giá là đứa con - bộ đội, đã đáp ứng được mong mỏi của người cha đẻ - Cụ Hồ, cho nên mới tặng cho danh hiệu cao quý là “bộ đội Cụ Hồ”.

Trong lịch sử dân tộc ta, mỗi thời đại đều có những vị anh hùng xuất chúng, những lãnh tụ kính yêu cùng tập thể kiên trung có tài năng và đức độ đã đưa lại cho nhân dân cuộc sống hạnh phúc và phẩm giá con người. Đó là Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Hồ Chí Minh... “Cụ Hồ” của nhân dân ta là một người mà suốt cả cuộc đời chỉ vì dân vì nước. Từ suy nghĩ tới hành động, từ lời nói tới việc làm đều nhất quán trước sau, không một chút riêng tư. Vì vậy mà nghe và làm theo Cụ Hồ là nghe và làm theo lẽ phải, theo lương tâm, vì dân tộc, vì Tổ quốc. Một lời kêu gọi của Cụ Hồ được hàng triệu tấm lòng hưởng ứng. Tin theo Cụ Hồ nói, thực hiện điều Cụ Hồ bảo, làm theo Cụ Hồ làm là ích nước lợi nhà. Lòng tin yêu của nhân dân đối với Cụ Hồ là tuyệt đối.

Quân đội nhân dân chúng ta được Cụ Hồ dạy bảo, chỉ đạo, chỉ huy đã từ tay không mà trưởng thành, lớn mạnh, hiện đại, đã có phẩm chất cao quý vì nước vì dân, đã đánh thắng những kẻ địch lớn hơn, có tổ chức và trang bị hơn mình, đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì vậy mà được dân tin, dân yêu và thưởng cho danh hiệu quý vô cùng là “bộ đội Cụ Hồ”.

Ngay từ ngày đầu thành lập Bác Hồ đã dạy: Tính chất cuộc kháng chiến của chúng ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, khi nhân dân đã đứng dậy thì có sức mạnh vô địch, mỗi người dân Việt Nam đều có ít hay nhiều lòng yêu nước, trọng nhân nghĩa, quý điều thiện. Tập hợp toàn dân toàn quân thành lực lượng tổng hợp thì sẽ bách chiến bách thắng.

Đó là tư tưởng, là quan điểm chỉ đạo chiến tranh của Bác, chiến tranh nhân dân xuất phát từ tư tưởng và quan điểm đó mà có chiến lược, chiến thuật phù hợp với chiến tranh cách mạng. Trong cả hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bộ đội ta đã làm được như vậy. Bộ đội ta là lực lượng vũ trang được tổ chức chặt chẽ và trang bị ngày càng mạnh làm nòng cốt chiến đấu cho toàn dân, vận động toàn dân cùng mình chiến đấu trong mọi hoàn cảnh, bất cứ ở đâu. Nhờ đó giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Không hiểu nổi tư tưởng của Người và diễn biến thực tế của chiến tranh, có người hiểu sai lệch rằng thắng lợi vĩ đại của nhân dân vừa qua là do đòn sấm sét của quân đội có nhiều binh quân chủng mạnh và trang bị hiện đại áp đảo quân thù. Vì vậy mà họ phủ nhận những cuộc khởi nghĩa của

quân chúng. Lê-nin nói: Thật khó mà phân biệt được khởi nghĩa và chiến tranh. Cuộc chiến tranh nhân dân của chúng ta quyết chặt với khởi nghĩa.

Nhưng làm thế nào để vận động được toàn dân đánh giặc, làm thế nào cho dân tin, dân theo như Bác đã dạy: “dân chúng đồng lòng việc gì cũng làm được, dân chúng không ủng hộ việc gì cũng không nên”. Trong chiến tranh đã vậy, trong xây dựng hòa bình cũng vậy thôi. Trước hết phải xác định đúng mục đích việc làm của chúng ta. Bác nói: “Trong mọi việc, chúng ta chỉ có một mục đích, là phụng sự đồng bào, phụng sự Tổ quốc. Chúng ta chỉ có một phương châm là chí công vô tư”. Trong thời kháng chiến, bộ đội ta đã được giáo dục thường xuyên: “Mình đánh giặc là vì nhân dân... Tất cả quân nhân phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Muốn vậy, bộ đội phải giúp đỡ dân, thương yêu dân”. Đúng như vậy, thời ấy bộ đội ta đã tìm mọi cách giúp đỡ dân, đã hết lòng yêu thương dân và cũng được dân thương mến và giúp đỡ tận tình. Vì vậy mới có câu “Tình quân dân như tình cá nước”. Người quân nhân, người cán bộ cách mạng hiểu rõ chiến đấu là vì dân, vì nước nên không nề gian khổ, không sợ hy sinh, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn, không một ý nghĩ riêng tư. Bất cứ làm việc gì cũng không vì quyền lợi, địa vị cá nhân và gia đình mình, gây thiệt hại hay hà hiếp nhân dân mà “vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân” như Bác thường răn dạy. Bác đã nói và làm, gương mẫu như vậy, chiến sĩ và cán bộ chỉ huy cũng học tập và noi theo như vậy. Nhờ thế mà toàn quân một lòng, toàn dân một lòng, việc gì cũng thành công.

Bác Hồ chú ý đặc biệt là dạy dỗ, rèn luyện đội ngũ cán bộ. Bác xác định rõ: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Trong chiến tranh không phải toàn là thắng cả, đã có trận thua, thậm chí thua đậm. Đã có thời kỳ kém sút thất bại. Nhưng Bác đã hướng dẫn, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, thấy rõ đúng sai, kém cỏi của cán bộ mà anh dũng sửa chữa. Từ đó lại thắng lợi đi lên. Bác luôn rèn dạy cán bộ với một lòng độ lượng sâu rộng và tính nghiêm khắc cao, không bỏ sót một lỗi nhỏ mà không chỉ dạy, không bỏ sót một công nhở mà không khen thưởng, công minh chính đại. Vì quyền lợi chung của dân của nước, qua thực tế rèn rèn ở chiến trường, cán bộ nào không có khả năng, để thiệt hại cho bộ đội, cho nhân dân là thay đổi ngay, bất cứ cán bộ đó ở cương vị nào. Trong chiến tranh không hề có đặc quyền, đặc lợi, chỉ có trách nhiệm nặng nề và hy sinh cao cả nên việc thay thế cán bộ như vậy xem như tất yếu. Có cán bộ tự xét mình không thể hoàn thành nhiệm vụ chỉ huy ở cấp nào đó đã tự xin xuống cấp hay từ chối một chức vụ là chuyện nhẹ nhàng thoải mái, vừa có lợi cho bản thân vừa có lợi cho bộ đội.

Vì nhận thức công việc thành hay bại là do cán bộ nên Bác Hồ rất chú ý đến khâu lựa chọn cán bộ. Bác nói cán bộ phải là những người liên lạc mật thiết với dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ. Rõ ràng Bác rất chú trọng đến ý kiến của quần chúng, không thể áp đặt người nào đó làm lãnh đạo của nhân dân khi họ không thừa nhận. Đó là tiêu chuẩn hàng đầu của người cán bộ cách mạng.

Để cho bộ đội có phẩm chất cao quý phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân, trước hết Bác giáo dục rèn luyện cho cán bộ lãnh đạo, chỉ huy có phẩm chất cách mạng đó. Bác dạy: Cán bộ phải có nhân, nghĩa, trí, dũng; phải hết lòng yêu thương giúp đỡ đồng chí, đồng đội, đồng bào; thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói, không sợ uy quyền, không sợ bất lợi cho mình; phải có gan chịu cực, có gan nhận và sửa khuyết điểm sai lầm; nếu cần có gan hy sinh tính mệnh vì dân, vì Tổ quốc. Đó là đạo đức cách mạng. Không có đạo đức thì không làm nổi việc gì.

Bác luôn dặn cán bộ, chiến sĩ phải cần, kiệm, liêm, chính. Bác nói: Phải siêng năng chăm chỉ, dẻo dai; Tiết kiệm không phải là bùn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc lợi ích cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù hao bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng.

“Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm...

Dìm người giỏi để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị (đạo là trộm).

Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm là tham vật úy lạo.

Gặp giặc mà rút ra, không dám đánh là tham sinh úy tử.

Đều làm trái với chữ LIÊM”.

Phải thẳng thắn, đứng đắn, không tà, không tự kiêu, tự đại. Phải yêu quý, tôn trọng, giúp đỡ mọi người. Chớ nịnh hót người trên, xem khinh người dưới. Việc thiện nhỏ mẩy cũng làm, việc ác nhỏ mẩy cũng tránh.

Để xây dựng nội bộ quân đội thành một khối trên dưới nhất trí, chắt sống có nhau, Bác dạy phải chống chủ nghĩa cá nhân, không tâng công và dìm người, không lánchez nặng tim nhẹ, không trốn trách nhiệm khi thất bại, không vơ công vào mình khi thắng lợi. Mỗi chiến sĩ phải có kỷ luật nghiêm, tinh thần vững, chí khí quật cường tất thắng, có đạo đức có trí dũng¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.371 viết: “Về quốc quân, dân quân du kích phải luôn luôn phát triển cái kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khí quật cường tất thắng, cái đạo đức: trí, dũng, liêm, trung của Giải phóng quân” (B.T).

Cán bộ không có đội viên, lãnh tụ không có quần chúng thì không làm gì được. Vì vậy phải thương yêu đội viên, thương yêu quần chúng nhân dân. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói, bộ đội chưa đói mặc, cán bộ không được kêu mình rét, bộ đội chưa đói chõ ở, cán bộ không được kêu mình mệt.

Để có được đạo đức, phẩm chất cao quý đẹp đẽ đó của người chiến sĩ và cán bộ một đội quân cách mạng, thắng lợi mọi kẻ thù, điều cốt túy mà Bác dạy là khi đã một lòng trung với nước, hiếu với dân thì nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Quan niệm về Nước và Dân, Bác viết:

“Nước lấy dân làm gốc...

Gốc có vững cây mới bền

Xây lâu thăng lợi trên nền nhân dân”.

Quân đội nhân dân ta, suốt 30 năm chiến tranh giải phóng tuy chưa rèn mình được đúng y như Bác dạy, nhưng về cơ bản đã có được phẩm chất đạo đức cách mạng, nhờ nhân, nghĩa, trí, dũng mà hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang. Không có gì chính xác bằng sự đánh giá của nhân dân. Dân đã tặng danh hiệu “Bộ đội Cụ Hồ”. Đó là sự đánh giá sáng suốt của dân, là phần thưởng cao quý nhất không gì bằng. Mỗi cán bộ, mỗi chiến sĩ chúng ta suốt đời phải rèn luyện theo lời Bác Hồ để mãi mãi được nhân dân gọi “anh bộ đội Cụ Hồ”. Mỗi lần kỷ niệm ngày thành lập quân đội, mỗi chúng ta cần soi gương xem mình có còn như xưa, giữ vững phẩm chất người quân nhân cách mạng, mỗi người hãy xem nhân dân đánh giá mình thế nào. Quần chúng nhân dân đồng đảo là rất sáng suốt, đừng coi thường nhận xét của số đông, đừng bỏ ngoài tai “lời chửi” của quần chúng. Vinh dự cao nhất của đời người là được dân tin, dân thương.

Những người giữ được phẩm chất anh bộ đội Cụ Hồ có lẽ có những chiến sĩ đã suốt đời mình phục vụ trong quân ngũ và về già, sức yếu đã nghỉ hưu về với hàng ngũ nhân dân. Tất nhiên, không phải tất cả và mỗi người ở mỗi mức độ khác nhau. Muốn giữ được phẩm giá đó mãi mãi và dùng phẩm giá đó ảnh hưởng đến người cán bộ, chiến sĩ trẻ ngày nay không gì bằng có một đoàn thể để mà sinh hoạt giúp đỡ nhau: “Hội Cựu chiến binh Việt Nam”. Đây rõ ràng là một hội quần chúng, quần chúng đã có giác ngộ cách mạng khá cao, đã từng đem xương máu ra xây dựng chế độ dưới cờ của Đảng. Không ai hơn họ, sẵn sàng lại đem nấm xương tàn ra bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ và phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước. Sau 13, 14 năm hòa bình, nay vẫn chưa có Hội Cựu chiến binh là một thiếu sót không phải

chỉ về tổ chức mà là về quan điểm tư tưởng, trình độ nhận thức, lập trường cách mạng hay không cách mạng. Ai chịu trách nhiệm về vấn đề này? Đây là đòi hỏi bức thiết, là quyền lợi, là nhiệm vụ cuối cùng của những cựu chiến binh, các anh bộ đội Cụ Hồ. Chắc chắn là nhân dân ta đã từng giúp đỡ và sát cánh chiến đấu với bộ đội Cụ Hồ cũng sẽ hoan nghênh và đòi hỏi lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Và chắc chắn là nhân dân tiến bộ trên thế giới đã từng ủng hộ và hoan nghênh chiến thắng vang lừng của Quân đội ta cũng mong mỏi có Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” sẽ tồn tại vĩnh viễn với Quân đội ta, nhân dân ta.

Năm 1988

PHÁT BIỂU VỀ VIỆC VIẾT LỊCH SỬ CỦA QUÂN ĐOÀN 4

Đã phát biểu rồi, khi nhận được đề cương, tương đối cụ thể, nay tôi phát biểu thêm những điểm cơ bản hơn để góp một phần vào quan niệm viết lịch sử của Quân đoàn 4.

- Quân đoàn 4 là một quân đoàn chủ lực của chiến trường B2 - một chiến trường trọng điểm của cuộc chiến tranh chống Mỹ và tiếp tục nhiệm vụ ở phần phía Nam của Tổ quốc.

- Vì sự hình thành, quá trình trưởng thành và chấp hành nhiệm vụ chiến đấu chiến dịch của nó, lịch sử Quân đoàn 4 không thể tách rời lịch sử quá trình phát triển của cuộc chiến tranh chống Mỹ giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, lịch sử cuộc chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân phát triển cao độ, với đường lối cách mạng và chiến tranh của Đảng rất độc đáo và sáng tạo. Đây là một đơn vị chủ lực lớn vì cuộc chiến tranh cách mạng đó mà sinh ra và lớn lên, hoàn thành nhiệm vụ ở một chiến trường xen kẽ cao độ, hầu như không có tiền tuyến và hậu phương. Nó không giống bất cứ một đơn vị chủ lực nào khác của bất cứ một cuộc chiến tranh nào khác.

Vì vậy, lịch sử Quân đoàn 4 phải là một kho tàng quý giá về kinh nghiệm chiến tranh nhân dân nói chung, kinh nghiệm về xây dựng, bố trí và sử dụng chủ lực, kinh nghiệm về chiến thuật chiến dịch của chủ lực trong chiến tranh. Có những đặc điểm riêng biệt nổi bật:

+ Nằm ngay sát nách địch. Sát ngay đầu não chỉ huy chiến tranh của địch, thủ đô ngụy.

+ Gắn liền với sự phát triển chiến tranh, với quá trình đi lên của cách mạng, đi suốt chiều dài của những cuộc chiến tranh.

+ Diệt tiểu đoàn ngụy đầu tiên (Cop đen ở đồng bằng sông Cửu Long).

+ Đánh căn cứ sân bay của Mỹ có hiệu lực (pháo Biên Hòa).

- + Chiến dịch Bình Giả góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- + Chiến dịch Bàu Bàng, Dầu Tiếng với phát khởi chủ trương tác chiến kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn.
- + Đánh bại chiến dịch Junction City.
- + Tham gia Tết Mậu Thân ở Sài Gòn - thủ đô ngụy, đầu não Mỹ, tạo bước ngoặt chiến lược, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- + Mở vùng Lộc Ninh, tượng trưng cho thủ đô cách mạng và đi đến Hiệp định Pari.
- + Giải phóng Đồng Xoài - Phước Long, đòn trinh sát chiến lược có giá trị chuẩn bị tích cực cho Chiến dịch Hồ Chí Minh và tham gia vào hai hướng tiến công chiến lược là đông và tây nam Sài Gòn.
- Lịch sử Quân đoàn 4 không bắt đầu từ ngày thành lập nó.

Quân đoàn 4 được thành lập năm 1974 nhưng nó được tổ chức ra và rèn luyện trong thực tế chiến đấu và nhu cầu của chiến lược, từ năm 1961, nghĩa là ngay từ ngày đầu của “Chiến tranh đặc biệt”, thời kỳ mà cuộc cách mạng của quần chúng nhân dân chuyển lên thành chiến tranh của đôi bên đối địch.

Nó đã tìm tòi về chiến thuật, chiến dịch thích hợp đối với một số đối tượng trong một cuộc chiến tranh. Nó được sử dụng và bố trí trong một thế trận rất độc đáo và có hiệu quả của một cuộc chiến tranh nhân dân ở một chiến trường xen kẽ, sát nút mạnh nhất của địch. Nó kéo theo một loạt các sáng tạo về tổ chức hậu cần bảo đảm các mặt vật chất và kỹ thuật từ lúc còn đơn thuần là bộ binh đến khi thành binh chủng hợp thành nhất là bảo đảm cơ động và tác chiến chiến dịch trong khắp chiến trường, ở đâu cần bất cứ lúc nào, sáng tạo về nơi trú quân và căn cứ luyện quân, sáng tạo về các hình thức đối phó thắng lợi và tấn công chủ động một quân địch mạnh hơn nhiều và ưu thế tuyệt đối về hỏa lực nói chung và làm chủ hoàn toàn trên không...

Vì vậy, lịch sử Quân đoàn 4, đơn vị chủ lực mạnh nhất của một chiến trường trọng điểm là một bộ phận quan trọng của lịch sử một chiến trường, một cuộc chiến tranh.

Đi vào cụ thể lịch sử Quân đoàn 4 có thể và cần thiết phải bao gồm ba bộ phận: Bộ phận tổ chức và rèn luyện bắt đầu từ đơn vị nhỏ; bộ phận từ khi có quyết định là Quân đoàn 4 trong chiến tranh chống Mỹ; bộ phận sau chiến tranh chống Mỹ.

+ Bộ phận đầu có thể là bộ phận dài nhất, nó tổng kết giai đoạn sinh ra, rèn luyện trưởng thành, khẳng định sự tồn tại vững vàng và hiệu quả cống hiến trong chiến tranh.

Bộ phận này có thể chia làm 2 giai đoạn, giai đoạn còn chiến đấu mò mẫm từng D (tiểu đoàn), E (trung đoàn), F (sư đoàn) và giai đoạn chưa lập quân đoàn nhưng đã chiến đấu và tiến hành chiến dịch quy mô và hình thức quân đoàn có sự chỉ huy thống nhất chặt chẽ (chỉ huy tiền phương của Miền, 301).

- + Bộ phận thứ hai là từ khi lập Quân đoàn cho đến kết thúc chiến tranh chống Mỹ.
- + Bộ phận thứ ba là từ sau chiến tranh chống Mỹ, ở chiến trường Tây Nam.
- Quân đoàn 4 không giống các quân đoàn 1, 2, 3 do hoàn cảnh sinh ra và trưởng thành cũng như nhiệm vụ của nó ở chiến trường.

Quân đoàn 4 là một trong những hình ảnh khá nổi bật của một cuộc chiến tranh nhân dân hiện đại chống Mỹ, giải phóng dân tộc. Lịch sử Quân đoàn 4 sẽ bao gồm nhiều kinh nghiệm quý báu trong những giai đoạn hết sức khó khăn gian khổ, thể hiện sự đấu tranh kiên cường, mưu trí, sáng tạo và quyết thắng của dân tộc trong một thời đại nhất định.

Chúng ta cầu chúc cho sự thành công của công trình lớn lao này với điều kiện là tất cả những người đã chiến đấu và có liên quan đóng góp vào xây dựng và chiến đấu của Quân đoàn đều tham gia, không để chỉ riêng Bộ Chỉ huy Quân đoàn hiện nay.

Chúc các đồng chí thành công!

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃO THÀNH CÁCH MẠNG, HỮU TRÍ, CỰU CHIẾN BINH TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG THÀNH PHỐ

Trong 15 năm qua, lớp người lớn tuổi nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng đông. Lúc mới giải phóng chưa có điều kiện thực hiện chính sách, lại mới vừa kết thúc chiến tranh nên tại Thành phố chỉ có hơn 60 đồng chí lão thành cách mạng nghỉ hưu, nay đã lên gần 30.000 anh chị em.

Hầu hết các đồng chí nghỉ hưu đều đã trải qua từ 30 đến 60 năm cống hiến. Hơn 1.000 đồng chí đã hoạt động cách mạng từ những năm 1930 và trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Riêng trong đội ngũ anh chị em cựu chiến binh, trên 857 là đảng viên, hơn 20% đồng chí có 40-50 năm tuổi Đảng.

Tuổi cao sức yếu, ý chí cách mạng càng cao, lòng thiết tha với mục tiêu cách mạng càng sâu sắc vì cả cuộc đời mình đã gắn bó với Đảng, với dân qua từng thăng trầm, không hề tính toán thiệt hơn. Chính vì vậy mà 15 năm qua, các đồng chí lão thành cách mạng, cựu chiến binh và cán bộ hữu trí đều đã đem hết sức lực, trí tuệ còn lại cùng những kinh nghiệm tích lũy được tiếp tục đóng góp theo khả năng cho phép cùng Đảng bộ và nhân dân Thành phố vượt qua khó khăn, trở ngại, vấp váp tạo nên những bước chuyển biến tích cực trên con đường xây dựng và cải tạo Thành phố, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Nhìn lại quãng đường 15 năm qua, những người lớn tuổi nghỉ hưu tuy còn nặng trong lòng về những thất bại, những cái không đạt và chưa đạt nhưng rất vui mừng, tự hào vì đã toàn tâm toàn ý dốc sức, dốc lòng với Đảng, với dân trong những năm tháng khó khăn nhất, khó khăn chung và cả khó khăn riêng cho cuộc sống của mình.

Câu lạc bộ hữu trí Thành phố đến nay đã có hơn 3.000 hội viên, Ban Liên lạc hữu trí đã được tổ chức ở khắp 18 quận, huyện và hơn 100 xã, phường trong toàn

Thành phố. Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ tập hợp hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ đặc công, biệt động, bộ đội chủ lực, địa phương, du kích, cán bộ, nhân viên các ngành dân - chính - đảng trong hai cuộc kháng chiến. Hội Cựu chiến binh sinh sau đẻ muộn hơn nhưng với lòng mong đợi từ lâu, chỉ trong chưa đầy năm tại Thành phố đã kết nạp gần 10.000 hội viên gồm cán bộ, chiến sĩ ba thứ quân và công nhân viên quốc phòng đã nghỉ hưu hoặc phục viên, chuyển ngành. Đến cuối năm 1990 ở tất cả 18 quận, huyện và gần 90% phường, xã, thị trấn toàn Thành phố đã tổ chức Đại hội Cựu chiến binh bao các ban chấp hành chính thức.

Từ trước Cách mạng Tháng Tám đến hai cuộc kháng chiến, công, nông, thanh, phụ là những tổ chức quần chúng cơ bản vận động cách mạng trong dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ sau ngày giải phóng xuất hiện thêm nhiều tổ chức quần chúng cách mạng mới. Đặc biệt là Hội Cựu chiến binh bao gồm những chiến đấu viên vũ trang trước đây của chế độ. Đó cũng là sự phát triển tất yếu của yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới, cần có thêm những tổ chức mới thích hợp. Nếu Đoàn Thanh niên cách mạng là lực lượng hậu bị của Đảng lãnh đạo cách mạng thì khi nhân dân đã nắm chính quyền phải chăng Hội Cựu chiến binh là đội hậu vệ của chế độ. Tuy nhiên, dù trước đây hay bây giờ, các tổ chức quần chúng cách mạng của Đảng cũng chỉ có một mục đích chung cao nhất như Bác Hồ đã dạy: góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân đấu tranh cho độc lập, tự do, dân chủ, công bằng và hạnh phúc cho nhân dân trong đó có gia đình mình, bản thân mình.

Anh chị em cựu chiến binh và những cán bộ đã qua hai cuộc kháng chiến đều là lớp người lớn tuổi. Hầu hết anh chị em đều ít nhiều đã từng sống dưới chế độ cũ, đã thấu hiểu tình cảnh của một dân tộc mất nước, sống tủi nhục khôn cùng dưới ách nô dịch thực dân, được Đảng mở lối đưa đường cùng toàn dân đứng lên.

Ước mong lớn nhất họ đã thực hiện là động viên nhau nêu tinh thần gương trong sáng về lòng trung thành vô hạn với lý tưởng, với nhân dân, sống thanh bạch, đam bạc, kiên trì đấu tranh cho một chế độ dân chủ, công bằng, hạnh phúc.

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, mong ước cao đẹp của những cựu chiến binh, những người đã tham gia qua hai cuộc kháng chiến, những đồng chí nghỉ hưu là được có dịp gặp gỡ nhau để cùng ôn lại và động viên nhau phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, giúp đỡ nhau phần nào những lúc bệnh tật, khó khăn, lo giải quyết cho nhau việc thực hiện chính sách, chế độ còn tồn đọng. Những anh chị em trong kháng chiến từng cùng chiến đấu trong một đơn vị, công tác cùng một ngành, một cơ quan, một địa phương tự động họp mặt nhau định kỳ, dần dà trở thành những tổ chức mang tính chất quần chúng. Lúc đầu là để thỏa mãn

tình cảm đồng chí, đồng đội đã từng chết sống có nhau, nay cùng giúp nhau giải quyết những chuyện riêng tư. Nhưng mỗi người đều sống trong một gia đình, mỗi gia đình là một tế bào trong xã hội. Cách mạng bước sang giai đoạn mới, xã hội không ngừng phát triển và diễn biến phức tạp đụng chạm đến từng gia đình, từng người. Có những cái làm cho mỗi người thêm phấn khởi nhưng cũng có những cái làm cho mọi người đều lo lắng.

Đã mấy ai đứng ngoài thế cuộc nhất là những người cách mạng mà ý chí cuộc đời chưa hề có chế độ nghỉ hưu. Cũng chính từ nguyện vọng thiết tha của anh chị em và từ yêu cầu khách quan của tình hình mà các tổ chức câu lạc bộ hưu trí, câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, và gần đây Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã ra đời.

Những người về hưu, dù là lão thành cách mạng, cán bộ cao cấp, cấp tướng đến cán bộ bình thường kể cả đảng viên hay người ngoài Đảng không ai muốn sống ngoài tổ chức nhất là khi cảm thấy mình chưa tròn trách nhiệm với dân, với nước. Vì vậy khi có chủ trương cho tổ chức các câu lạc bộ, hội thì chỉ trong một thời gian ngắn đã có hàng vạn anh chị em tự nguyện tham gia.

Trước những diễn biến phức tạp về kinh tế - xã hội của đất nước, anh chị em không khỏi có nhiều suy nghĩ trăn trở trước những hiện tượng tiêu cực, bất công còn đầy rẫy, phải kiên quyết đấu tranh để loại trừ. Nhưng qua kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh lâu dài, họ hiểu rằng không có con đường nào luôn luôn bằng phẳng, mà có những khúc quanh co, gập ghềnh gian khổ nhiều khi hiểm nguy. Người cách mạng phải thông hiểu mà kiên trì, gương mẫu đấu tranh để vượt qua. Đó cũng chính là nhân tố quyết định để tiến lên giành thắng lợi. Đời sống vật chất của đa số những con người nghỉ hưu hiện nay thuộc loại thấp nhất trong xã hội, một cuộc sống dưới mức bình thường. Nhưng điều quý nhất là tuyệt đại đa số anh chị em vẫn sống đạm bạc, trong sạch, nêu một tấm gương sáng cùng mọi người chịu đựng để khắc phục vươn lên, mình vì mọi người.

Tuổi cao sức yếu, những người cách mạng lão thành, những người đã nghỉ hưu càng mong muốn đem hết sức lực, trí tuệ, kinh nghiệm góp phần xây dựng, củng cố Đảng, chính quyền, các đoàn thể và càng tích cực tham gia mọi hoạt động xã hội.

Cái vốn quý giá của những cán bộ lão thành hưu trí và cựu chiến binh ở Thành phố là rất nhiều đồng chí đã kinh qua những cương vị lãnh đạo, chỉ huy, điều hành các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp, trong quân đội, công an, các nhà trường, học viện, các cơ quan khoa học kỹ thuật từ Trung ương đến cơ sở. Hàng trăm đồng chí đã từng giữ cương vị ủy viên Trung ương Đảng, bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch các tỉnh, thành, trưởng, phó ban các cơ quan Trung ương, 50 cấp tướng,

trên 500 đại tá, 28 anh hùng, 17 nhà giáo và nghệ sĩ nhân dân, hàng trăm tiến sĩ, phó tiến sĩ, kỹ sư các ngành. Hầu hết các anh chị đều muốn đem cái vốn tri thức, kinh nghiệm tích lũy được góp phần bằng mọi cách vào sự phát triển của đất nước đang còn lắm khó khăn.

Lúc Thành phố mới giải phóng, Đảng bộ và chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở còn rất bõ ngõ, khó khăn, hầu hết các đồng chí trong diện nghỉ hưu đã tự nguyện đứng ra lãnh trách nhiệm xây dựng chính quyền mới và tổ chức cơ sở đảng. Lúc đầu, hơn 75% số đồng chí nghỉ hưu trực tiếp đảm nhận các chức danh chủ chốt về đảng, chính quyền, đoàn thể ở phường, xã và từng bước dùi dắt trao dần lại cho lớp đàn em kế tiếp nhiệm vụ. Nhiều đồng chí được nhân dân tín nhiệm bầu vào Hội đồng nhân dân các cấp, thậm chí cả tổ trưởng dân phố, tổ trưởng an ninh, tham gia xây dựng tế bào của xã hội mới, nơi trực tiếp thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cho đến nay, sau 15 năm, ở hầu hết các quận, huyện, nhiều anh chị em hưu trí, cựu chiến binh theo yêu cầu của địa phương vẫn còn tiếp tục tham gia hoạt động trong tổ chức đảng ở cơ sở và ban chấp hành các đoàn thể quần chúng cách mạng (từ Thành phố đến cơ sở phường, xã).

Trên lĩnh vực văn hóa và khoa học kỹ thuật, các cán bộ về hưu có trình độ và tích lũy nhiều vốn tri thức trong quá trình công tác cũng đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Thành phố. Một số đồng chí đã 70, 80 tuổi vẫn còn say sưa tìm tòi nghiên cứu và đưa ra ứng dụng những công trình khoa học có giá trị thiết thực đối với Thành phố và cả nước. Có một số đã nghỉ hưu do cống hiến tiếp tục của mình đã được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Một số đồng chí khác, không còn hoạt động trong các tổ chức kinh tế - xã hội của Nhà nước và tập thể nhưng để tăng thêm thu nhập cho gia đình đồng thời thiết thực góp phần làm ra của cải vật chất cho xã hội, đã tích cực tham gia các hình thức phát triển kinh tế gia đình như làm vườn, chăn nuôi, khai hoang trồng cây bạch đàn, gảy giống cây phong lan hoặc sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ...

Nêu cao trách nhiệm đối với vận mệnh của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân, anh chị em cán bộ nghỉ hưu và cựu chiến binh luôn chân tình và thẳng thắn đóng góp ý kiến, đề đạt với cấp ủy Đảng, chính quyền từ cơ sở đến Thành phố về những mặt chưa thật đúng, còn khiếm khuyết trong việc đề ra cũng như tổ chức thực hiện những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, luật lệ, chính sách, nhất là kiên quyết đấu tranh với tệ nạn tham nhũng, ức hiếp quần chúng và thực trạng tha hóa, biến chất của một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên.

Gần đây, trước tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, nhất là một số nước xã hội chủ nghĩa, những cán bộ lão thành cách mạng và anh chị em cựu chiến binh có nhiều băn khoăn, lo lắng. Nhưng tuyệt đại đa số đều xác định Đảng ta là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua cũng như trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, luôn kiên định một tư tưởng Hồ Chí Minh, một ý chí xây dựng xã hội dân chủ, công bằng và hạnh phúc cho toàn dân.

Quá trình hoạt động cách mạng, những cán bộ đã nghỉ hưu luôn gắn bó với nhân dân nay có điều kiện sống gần gũi nhân dân, hết lòng hết sức đấu tranh bảo vệ quyền lợi chân chính của nhân dân, là cầu nối vững chắc đáng tin cậy giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Những người cán bộ đã nghỉ hưu đang sống cuộc đời thường của người dân chan hòa trong mỗi khu phố, thôn xóm trên địa bàn Thành phố nên có điều kiện thường xuyên tiếp xúc rộng rãi với mọi tầng lớp nhân dân, trước đây cũng chính họ đã từng gắn bó, sống chung với nhân dân trong đấu tranh cách mạng, trong kháng chiến nên được dân hết lòng yêu mến và tin tưởng. Về phía nhân dân, khi có khó khăn, vướng mắc, tất yếu sẽ đến với họ như một chỗ dựa tinh thần hoặc tìm một lời khuyên bổ ích. Cũng qua đó đã bộc lộ hết tâm tư tình cảm kể cả những khúc mắc của người dân đối với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã ban hành.

Nhờ vậy, những cán bộ đã nghỉ hưu có thể thấu hiểu ngọn ngành những điểm chưa sát, chưa hợp lý trong một số chủ trương, chính sách hoặc những trường hợp thiếu công bằng, ức hiếp nhân dân của một số người trong các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp và có điều kiện phân tích một cách khách quan để kiến nghị lên trên những điều chỉnh, sửa đổi, khắc phục nhằm bảo vệ quyền lợi cho nhân dân. Đồng thời với vốn hiểu biết tường tận các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, anh chị em lại vận động, giải thích, thuyết phục nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung của mọi chủ trương, chính sách đã được ban hành. Ngoài ra còn tham gia giải quyết có kết quả những mối bất hòa, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, kể cả giữa nhân dân với cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Đây là chỗ mạnh của ta ở cơ sở hiện nay, nhất là trong tình hình cơ cấu tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng ở xã, phường chưa được củng cố, trong sạch vững mạnh. Thực tế cho thấy nơi nào đánh giá đúng vai trò và biêt triệt để phát huy tiềm năng của lực lượng ưu trí và cựu chiến binh thì phong trào ở đó có chiều sâu và ít nảy sinh các vấn đề nội bộ phức tạp. Vì lực lượng ưu trí và cựu chiến binh là thành phần nòng cốt trong các đoàn thể quần chúng

cách mạng, chõ dựa vững chắc của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương ở cơ sở.

Muốn được như vậy, nguyện vọng tha thiết của anh chị em cán bộ ưu trí và cựu chiến binh mà nay đã được thực hiện một phần là thường xuyên thông báo đầy đủ những thông tin cần thiết, kịp thời phổ biến các chủ trương, chính sách mới; thường kỳ có các cuộc họp mặt anh chị em với lãnh đạo các cấp để trao đổi bàn về những mâu thuẫn, khúc mắc trong nhân dân với tinh thần xây dựng và sự tin cậy hoàn toàn; đồng thời tạo điều kiện để anh chị em cán bộ ưu trí và cựu chiến binh có thể hoạt động thuận lợi trong các tổ chức được lãnh đạo chặt chẽ.

Tất cả những vấn đề nêu ra trên đây tuy chưa thật đầy đủ hoặc còn không ít vướng mắc nhưng là thành quả của một nỗ lực to lớn từ nhiều phía nhằm phát huy tiềm năng to lớn của một lực lượng quần chúng cách mạng đồng đảo với chất lượng đặc biệt, chõ dựa rất đáng tin cậy của Đảng và Nhà nước. Đối với anh chị em cựu chiến binh và cán bộ ưu trí cũng cần thấy rõ trách nhiệm và các mặt còn hạn chế của mình để vươn lên khắc phục và tự khẳng định. Dù trong tình huống nào, đội ngũ cán bộ lão thành ưu trí và cựu chiến binh vẫn kiên định vững vàng, một lòng một dạ đứng dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ đã chọn.

Năm 1990

CHO DÂN TỘC TRƯỜNG TỒN

Đã 45 năm, ngày 27/7 trở thành ngày thương binh liệt sĩ, ngày toàn dân ta nhớ ơn những người con thân yêu của non sông gấm vóc đã đổ máu cho dân tộc trường tồn và phát triển. Bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, lớp lớp cha ông ta đã hy sinh biết bao xương máu cho chúng ta ngày nay ngẩng cao đầu nhìn mặt trời sáng chói trên đất nước Việt Nam.

Khi còn sống, Bác Hồ kính yêu thường quan tâm đặc biệt đến anh chị em thương binh, bệnh binh. Bác thường xuyên chỉ thị cho các cấp lãnh đạo, các đoàn thể quần chúng và toàn dân phải hết lòng chăm sóc thương bệnh binh. Trong thư gửi Thường trực Ban Tổ chức ngày Thương binh toàn quốc tháng 7/1947, Bác căn dặn: “Thương binh là những người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào mà các đồng chí chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào, phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy”. Bác khẳng định: Họ là những người có công ơn với cách mạng, với Tổ quốc, với nhân dân cho nên bốn phận của chúng ta phải biết ơn, phải yêu thương và giúp đỡ họ. Đồng thời, Bác cũng nhắc nhở anh chị em thương bệnh binh phải giữ vững phẩm chất và danh dự cao quý của mình.

Bốn mươi lăm năm qua, thấm nhuần lời chỉ dạy ấy của Bác, Đảng và Nhà nước đã động viên mọi tầng lớp nhân dân, bằng nhiều chủ trương và biện pháp thích hợp, đã dấy lên một phong trào tình nghĩa thể hiện lòng thủy chung sâu nặng của mọi người dân đối với những người có công với Tổ quốc. Đồng bào trong cả nước đã coi việc yêu thương chăm sóc và giúp đỡ thương bệnh binh, gia đình có công với cách mạng là trách nhiệm thật sự và nghĩa vụ cao cả bằng tinh thần văn và truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Nhờ làm tốt công tác thương bệnh binh, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, Đảng ta đã tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa tiền tuyến với hậu phương, sự nhất trí cao về tư tưởng và chính trị, kinh tế và xã hội. Cũng nhờ vậy mà đã động viên tinh thần chiến đấu quả cảm của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân

cùng đồng bào các giới vượt qua mọi khó khăn, gian khổ đương đầu với những tên đế quốc sùng sở nhất, làm nên những chiến công oanh liệt, nâng dân tộc ta thành một trong những dân tộc tiên phong trên thế giới. Các liệt sĩ và anh chị em thương bệnh binh đã góp phần viết tiếp những trang sử chói lọi, nối tiếp bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của ông cha ta, làm nổi bật sự kết tinh hào khí ngời sáng của một dân tộc chưa hề biết khuất phục trước bất kỳ một kẻ thù hung bạo nào. Tinh thần quật cường không chỉ hun đúc trong đấu tranh chống xâm lược mà cả trong xây dựng hòa bình, chống chọi với thiên nhiên hà khắc, xây dựng và vun trồng sự sống, sự tồn vong của giống nòi. Đó là “sự kế tiếp những giá trị tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta từ mấy nghìn năm để lại”. Tinh thần quật cường đó đã kinh qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử: Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Quang Trung, Hoàng Hoa Thám, Trương Định, Phan Đình Phùng, Nguyễn Đình Chiểu truyền lại cho thế hệ Hồ Chí Minh đã làm nên vóc dáng Việt Nam. Một Việt Nam độc lập - tự do - tự cường vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội - một xã hội công bằng và hạnh phúc cho hết thảy mọi người.

Kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ năm nay, 27/7/1992, chúng ta nhớ đến tấm lòng nhân ái bao la, lời chỉ dạy ân tình của Bác Hồ đối với anh chị em thương bệnh binh. Người dạy: Các đồng chí đã anh dũng giữ gìn non sông, dũng cảm xả thân vì nước, nay trở về hậu phương cũng phải phát huy tinh thần đó. Bác mong rằng trong điều kiện sức khỏe đã được khôi phục, tùy thuộc khả năng mà các đồng chí tích cực tham gia sản xuất, góp phần tự lực cánh sinh chớ nên yêu cầu quá đáng mà ra về “công thần”. Phải hòa mình với dân, biết ơn sự chăm sóc của nhân dân, tôn trọng dân, không làm phiền dân. Vâng lời dạy của Bác, trong suốt những năm qua, cùng với toàn Đảng, toàn dân, anh chị em thương bệnh binh, những người con đã giữ vững lời nguyền son sắt: Tận trung với nước, tận hiếu với dân, quyết tâm tiếp tục con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn: phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Trước đây, trong chiến đấu chống quân xâm lược, anh chị em đã chiến đấu với tinh thần “cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”, với ý chí sắt đá “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; ngày nay anh chị em mãi mãi là một chiến sĩ tiên phong vững vàng tiếp bước con đường đã chọn: Độc lập, tự do gắn liền với ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội là ở đó.

Trước cuộc sống hằng ngày còn nhiều khó khăn, thử thách, việc thực hiện các chính sách còn có mặt hạn chế, chưa được đầy đủ, anh chị em thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân, gia đình có công với cách mạng vẫn giữ vững sự kiên trung và niềm tin với Đảng, kiên quyết tiếp tục thực hiện đổi mới theo

định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn, ổn định đời sống của gia đình, tích cực góp phần xây dựng cuộc sống mới của toàn xã hội.

Tiến lên theo con đường của Bác, toàn Đảng, toàn dân ta luôn luôn học tập tinh thần anh dũng của các liệt sĩ để vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ đã để lại. Càng tưởng nhớ đến công lao của anh hùng, liệt sĩ, của đồng bào, đồng chí đã ngã xuống, mọi công dân chúng ta hôm nay càng thắt chặt đoàn kết xung quanh Đảng, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Phía trước, con đường đi tới còn đầy cam go, thử thách, nhưng chúng ta tin tưởng, với tấm lòng biết ơn và thủy chung với lớp người đã hy sinh, với tinh thần trách nhiệm đối với thế hệ mai sau, ngày 27/7 sẽ mãi mãi là ngày hội truyền thống của toàn Đảng, toàn dân ta. Sự nghiệp cách mạng mà các thế hệ người Việt Nam đã gop xương máu xây dựng nhất định sẽ toàn thắng. Chủ nghĩa xã hội sẽ nở hoa, kết trái trên Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Ngày 27 tháng 7 năm 1992

PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI CỰU CHIẾN BINH²

Trước hết, thay mặt Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, gửi đến Đại hội lời chào mừng nồng nhiệt, lời chúc mừng thành công.

Gửi đến tất cả đại biểu tình thương yêu đồng chí đồng bào thăm thiết nhất.

Thưa các đồng chí,

Đại hội Cựu chiến binh quận đã được tiến hành sau khi các phường đã đại hội, là một sự tổng hợp đầy đủ nhất về mọi mặt của cựu chiến binh từ cơ sở trong toàn quận.

- Ba năm xây dựng và hoạt động của một hội quần chúng là một thời gian rất ngắn nhưng Hội ta đã được tổ chức hoàn chỉnh và hoạt động có kết quả đem lại uy tín trong dân và tín nhiệm của Đảng là một thành tích lớn. Đó cũng là nhờ tính tích cực của hội viên, sự giúp đỡ của Đảng ủy quận. So với thời gian đầu, đến nay về số lượng đã phát triển gần gấp ba lần và chất lượng vẫn bảo đảm như điều lệ quy định. Trải qua bao sóng gió của tình hình trong nước và ngoài nước, tinh thần hội viên vẫn vững vàng kiên định với lý tưởng của Đảng, với con đường xã hội chủ nghĩa của Bác Hồ lựa chọn, đã chứng tỏ sự rèn luyện và thử thách lâu năm từ trong chiến đấu gian khổ nguy hiểm từ khi còn trong quân ngũ, trong một quân đội do Bác Hồ tổ chức, giáo dục và lãnh đạo. Đó là quân đội cách mạng, cán bộ và chiến sĩ đơn vị này với đơn vị khác như anh em trong một nhà, chết sống có nhau, nguyện suốt đời phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Chính trên cơ sở như thế mà Hội Cựu chiến binh ngày nay được thành lập, hội viên phần lớn không còn sức trai ngày trước, sức đã yếu, đầu đã bạc, nhưng vẫn hăng hái tích cực đứng vào hàng ngũ của một tổ chức quần chúng cách mạng của Đảng chỉ vì mục đích:

- Bảo vệ thành quả cách mạng mà suốt đời đã đem xương máu góp phần.
- Bảo vệ con đường xây dựng một xã hội công bằng, xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công, xây dựng một xã hội hạnh phúc cho toàn dân mà đã định hình từ ngày đầu cầm súng.

Chính vì lẽ đó mà Hội Cựu chiến binh ra đời, chính vì lẽ đó mà tuổi già, sức yếu vẫn nguyện cống hiến trọn đời mình cho dân cho nước để tập hợp vào một hội quần chúng, không còn súng trong tay nhưng có tấm lòng kiên cường và kiến thức tích lũy được.

Cho nên nhiệm vụ chính trị đã ghi trong điều lệ Hội là nhiệm vụ hàng đầu quan trọng nhất của chúng ta.

Ngày nay chúng ta đang ở trong một tình hình rất khó khăn của cách mạng thế giới và trong nước.

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, đế quốc nhất là đế quốc Mỹ từng có thể làm bá chủ toàn cầu quyết ra sức xóa sạch chế độ xã hội chủ nghĩa trên quả đất này bằng “diễn biến hòa bình”, nhưng cũng không từ vũ lực, đặc biệt là chúng nhắm vào Việt Nam vì Việt Nam ở vào một vị trí chiến lược quan trọng ở vùng Đông Nam Á - Thái Bình Dương, là khu vực quan trọng của thế giới vào thế kỷ sau cả về kinh tế, chính trị, quân sự. Vấn đề Campuchia rõ ràng là bọn đế quốc và bènh trưởng xem là một bàn đạp tốt nhất đánh vào ta bằng nhiều cách. Bọn Khmer Đỏ sở dĩ hung hăng và ngoan cố vì có bọn đế quốc và bènh trưởng dẽ dại, dung túng, nuôi dưỡng để dùng đánh phá ta lâu dài mà thôi. Có tin Khmer Đỏ đã tập trung dọc biên giới với ta trên 3 sư đoàn và sẵn sàng hành động vũ lực. Không có âm mưu thâm độc nuôi dưỡng chúng thì chúng không thể tồn tại giết hại hàng loạt người Việt Nam. Chúng ta phải đề cao cảnh giác. Chúng đã dùng chính trị bạo loạn với ngón đòn lợi dụng mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, địa phương chủ nghĩa, luận điệu dân chủ cực đoan và nhân quyền kiểu đế quốc áp đặt.

Đất nước ta từ đường lối mới qua Đại hội VI, VII đến nay đã đưa lại một số thành tích đáng kể về kinh tế, nâng một bước đời sống nhân dân và từ đó giữ vững được ổn định chính trị, trật tự xã hội. Tuy vậy, ta còn nhiều khó khăn chủ quan và khách quan. Ta còn thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm quản lý. Nạn tham nhũng, buôn lậu và bao tệ nạn xã hội khác còn nhiều. Nhiệm vụ của Đảng ta, của nhân dân ta còn nặng. Chủ trương mở cửa, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhiều thành phần là đúng đắn nhưng mọi cái đều có mặt trái của nó mà ta luôn đề phòng. Rồi đây nếu Mỹ bỏ cấm vận thì ta có lợi là các nước đầu tư vào, thêm vốn, kỹ thuật..., nếu kinh tế có khả năng phát triển nhanh nhẹn, đồng thời có dịp cho chúng tuồn vào thứ rác rưởi tai hại để đánh phá ta, hướng ta đi lệch đường qua tư bản chủ nghĩa đầy bất công và tội ác.

Chỉ có đoàn kết, đoàn kết toàn dân chung quanh Đảng ta mới có sức mạnh đập tan mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của chúng. Trước hết, Hội Cựu chiến binh chúng ta bao gồm những đồng chí cùng chiến hào phải đoàn kết chặt chẽ mới trở thành một

tổ chức cách mạng thực sự của Đảng, đủ sức làm nòng cốt đoàn kết các tầng lớp nhân dân, vận động quần chúng giác ngộ, hành động cách mạng. Đây là nhiệm vụ quan trọng của một đảng chính trị, một hội quần chúng có tính chính trị - xã hội.

Muốn được như vậy, hoàn thành nhiệm vụ của mình, chúng ta quyết làm cho Hội vững mạnh, phát triển số lượng, nâng cao chất lượng một hội tổ chức theo nguyên tắc dân chủ, tập trung thống nhất thành một khối đoàn kết từ trên xuống dưới. Có như vậy, Hội Cựu chiến binh mới được là chỗ dựa của Đảng như nhiều đồng chí lãnh đạo mong muốn.

Có một đặc điểm của Hội Cựu chiến binh không giống các hội quần chúng khác. Đó là bao gồm phần lớn hội viên đã đem cả tuổi thanh xuân của mình cống hiến cho dân cho nước. Ngày nay trở về đời thường của một người dân thì sức khỏe đã sa sút nhiều, đời sống phần lớn vô cùng khó khăn. Do vậy, điều kiện hoạt động hạn chế mặc dù ý chí vẫn cao, một lòng vì dân vì nước. Nhiệm vụ của Hội, ngoài chăm lo đời sống tinh thần và vật chất, chăm lo bệnh vực quyền lợi của hội viên phải trở thành nhiệm vụ hết sức quan trọng ngay sau nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Có thực mới vực được đạo là một chân lý không chối cãi.

Ngoài việc trông cậy vào chính sách của Nhà nước chăm lo đến những người đã có đóng góp công sức cho chế độ, ngoài sự giúp đỡ của các cấp ủy Đảng và chính quyền đương chức ủng hộ, Hội chúng ta cần tự tin mình có biện pháp cụ thể chăm sóc đời sống hội viên, cần có điều tra cơ bản nắm chắc tình hình sức khỏe, tình hình kinh tế - xã hội của từng hội viên để có kế hoạch từ cơ sở. Nếu Đảng đến nay chủ trương xóa đói giảm nghèo là đứng đầu, thì Hội chúng ta phải lo xóa đói giảm nghèo ngay từ trong Hội. Giúp đỡ nhau khi có vướng mắc về tinh thần, tư tưởng, giúp đỡ nhau khi có khó khăn về đời sống vật chất, không chỉ hợp đạo lý con người, hợp tình đồng chí đồng đội, mà còn phù hợp với nhiệm vụ của một hội quần chúng cách mạng. Đặc biệt là biện pháp giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình, giúp vốn góp công để nâng cao đời sống của hội viên là điều rất cơ bản.

Chúng ta tin tưởng rằng qua Đại hội của quận, huyện, Hội chúng ta sẽ trưởng thành một bước vững chắc, ngày càng có khả năng hoàn thành nhiệm vụ mà tôn chỉ mục đích trong Điều lệ Hội đã ghi. Trong đó hai nhiệm vụ chủ yếu nhất là nhiệm vụ chính trị bảo vệ Đảng, bảo vệ nước, bảo vệ dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa mà trước hết là phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội và nhiệm vụ chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của hội viên.

Một lần nữa, xin chúc tất cả các đồng chí đại biểu sức khỏe và tiến bộ trong công tác của Hội, xin chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Năm 1993

MÙA XUÂN 1968: KỶ NIỆM TẾT MẬU THÂN 25 NĂM (1968 - 1993)

Đất nước ta là đất nước của những mùa xuân. Mỗi độ xuân về khắp mọi miền trăng hoa khoe sắc rực rỡ núi đồng. Dân tộc Việt Nam ta cùng phát triển qua bốn nghìn mùa xuân sáng chói. Có những mùa xuân hiển hách chiến công giữ nước bảo đảm cho dân tộc trường tồn. Như mùa xuân năm 1789 Tết Kỷ Dậu, dưới sự chỉ huy của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, quân ta đã quét sạch 20 vạn quân Thanh, giải phóng thành Thăng Long, thu non sông về một mối. Gần đây nhất, trong cuộc chiến tranh giải phóng chống quân xâm lược kéo dài 30 năm (1945 - 1975), riêng thời kỳ 21 năm chống Mỹ chúng ta cũng có 3 mùa xuân bất diệt. Xuân năm 1960 - Xuân Đồng khởi của nhân dân khắp miền Nam Việt Nam đã tạo ra một bước ngoặt chiến lược vô cùng quan trọng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà trước đó bị quân thù đàm áp dẫm máu tưởng chừng như thoái trào không gượng lại được. Mùa Xuân năm 1968, Tết Mậu Thân, quân dân ta đã giáng một đòn bất ngờ và sấm sét vào quân Mỹ - ngụy khắp các đô thành, thị trấn và tạo ra bước ngoặt chiến lược quan trọng nữa buộc quân Mỹ phải rút khỏi Việt Nam để cho mùa Xuân năm 1975 quân dân ta tiêu diệt hoàn toàn quân ngụy, đánh đổ hoàn toàn ngụy quyền Sài Gòn giành toàn thắng như Bác Hồ chỉ thị:

“Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào...

Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn”

Không thể đánh ngã một lúc cả hai kẻ thù, nhất là Mỹ đã có hơn nửa triệu quân trên đất miền Nam liên kết với quân ngụy và các nước chư hầu, ngoài ra còn có cả quân Mỹ ở Okinawa, ở Philíppin, ở Hạm đội 7 từ hướng đông và ở căn cứ tại Thái Lan từ hướng tây. Không thể lấy sức chơi với sức. Nhưng vì quyền lợi của nhân dân, của Tổ quốc nhất định ta phải thắng để giải phóng và thống nhất đất nước.

Truyền thống dân tộc Việt Nam từ nghìn xưa lấy yếu chẽ mạnh, lấy ít thắng nhiều chứng tỏ sức mạnh của trí tuệ đã nhân lên gấp trăm lần sức mạnh vật chất hạn chế của chúng ta. Phải có chiến lược, sách lược đúng đắn, phù hợp nhất cho mỗi hoàn cảnh chiến tranh và mỗi đối tượng chiến đấu. Vấn đề đặt ra lúc đó là phải đánh thế nào để đuổi hết quân Mỹ ra khỏi Việt Nam thì ta mới có điều kiện tiêu diệt hoàn toàn quân ngụy giành thắng lợi trọn vẹn.

Mùa xuân năm 1968, Tết Mậu Thân, là mùa xuân đúng vào thời điểm chiến lược của cuộc chiến tranh: Tổng thống Johnson đang ở ngã ba đường cần phải quyết định hoặc nghe Tư lệnh chiến trường Westmoreland được các tướng lĩnh chủ chốt của Mỹ ủng hộ tăng thêm 200 nghìn quân để mở rộng chiến tranh Đông Dương hoặc nghe theo “phe bồ câu” rút khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam và ngồi vào bàn thương lượng. Chúng ta cần phải gấp làm cho Johnson quyết định đúng hướng có lợi cho cả Mỹ lẫn Việt Nam. Tết Mậu Thân phải làm cho được nhiệm vụ ấy. Nếu Xuân Kỷ Dậu là nhằm giải phóng hoàn toàn đất nước thì Xuân Mậu Thân chỉ nhằm đuổi kẻ thù ra khỏi bờ cõi, mỗi mùa xuân có nhiệm vụ lịch sử của nó trong điều kiện lịch sử nhất định.

Năm 1968, cả đất trời, người đều như hợp đồng chuẩn bị vào xuân sớm. Mới những ngày 20 của tháng Chạp mà hoa ngàん ngạn đã nở rộ trắng xóa tùng lõm của núi rừng xen kẽ với cây xanh đậm chồi nảy lộc. Còn khắp đường qua nẻo lại thì mai vàng đã óng ánh như vội vàng chào đón Quân giải phóng trẩy hội đột nhập vô thành. Nhưng nhộn nhịp nhất vẫn là người. Người ở nội đô, người vùng ven nhộn nhịp nhưng lặng lẽ chuẩn bị cho một mùa xuân đặc biệt chưa từng có từ xưa đến nay, mùa xuân sấm sét vang dậy khắp các đô thành, đưa chiến tranh từ nông thôn vào thành thị.

Tết này cả đôi bên Quân giải phóng và Mỹ - ngụy đều cam kết hưu chiến ba ngày liên. Đồng bào vui mừng chuẩn bị ăn tết lớn. Nhà nào cũng nấu rất nhiều bánh tét để lên bàn thờ cúng ông bà và gia đình ăn không bao nhiêu, còn số nhiều thì bí mật bỏ xuống mương rạch quanh nhà để bảo đảm được lâu và làm lương ăn cho Quân giải phóng. Cuộc hành quân cần giữ tuyệt mật lại len lỏi qua bao nhiêu tuyến phòng ngự nhiều lớp của quân thù để đột nhập nội đô, không thể nặng nề mang theo lương thực thực phẩm nhiều ngày trong lúc phải có vô số đạn dược trên mình và một ít lương khô phòng bị. Vì là tết lớn nên năm nay, đồng bào nhà giàu cũng như nhà nghèo đều mua rất nhiều pháo. Từ chiều đến suốt đêm 30 Tết, để đón ông bà, pháo nổ giòn giã từ ngoại thành vào nội thành kéo dài cả những ngày sau đến nỗi giờ G ngày N, Quân giải phóng nổ súng tấn công mà địch cũng tưởng đó là tiếng pháo mừng xuân của nhân dân, ở đâu bị đòn ở đó chịu. Và cho

đến khi cuộc tấn công dồn dập tại mọi hướng, mọi mục tiêu thì địch lại tưởng hỏa lực đối phương quá mãnh liệt và đều khắp. Một sự hợp đồng quả thật đẹp đẽ nhiều mặt kể cả thanh niên nam nữ dẫn đường cho bộ đội len lỏi an toàn qua các đồn bót giặc, tái đạn tiếp tế phía trước, đưa thương binh về phía sau, treo cờ những nơi đã chiếm, cả tham gia chiến đấu, nổi dậy làm chủ từng nơi hay lính địch vận, trinh sát. Tất cả những điều đó chỉ có thể có trong một cuộc chiến tranh nhân dân. Trong Tết Mậu Thân, ở những mục tiêu quan trọng trong nội thành, các chiến sĩ đặc công biệt động là những khách đi đường làm ăn buôn bán hay đi thăm bà con thân thuộc, nhưng sắp tới giờ G thì đến nơi quy định, ở đó đã sẵn hầm bí mật chứa súng đạn và cất giấu từ trước, nhận vũ khí của mình và tổ chức tấn công. Có nơi ở vùng ven có cả một đại đội được trang bị vũ khí đã có mặt ở địa đạo nơi xuất phát tấn công trước ngày N một vài hôm an toàn và bí mật. Những hầm bí mật chứa vũ khí, những địa đạo do nhân dân tại chỗ đã công phu đào đắp và khéo léo ngụy trang cũng như đưa vũ khí vào cất hay đưa bộ đội vào nuôi giấu.

Trận đánh Mậu Thân mà chiến trường trải dài ngàn cây số, quy mô to lớn hẫu như thu hút toàn bộ lực lượng đôi bên, diễn ra đồng loạt ở hàng trăm thành phố, thị xã, thị trấn và kéo dài ác liệt nửa năm trời quả là một cách đánh độc nhất vô nhị từ xưa đến nay trong các cuộc chiến tranh. Trận đánh quy mô, sự chuẩn bị cũng quy mô, thế mà kẻ địch bị tấn công chỉ hay biết khi phát súng đầu tiên nã vào đầu kéo dài trong giờ G ngày N quy định. Sự bất ngờ, kinh ngạc đối với quân ngụy, quân Mỹ, của cả Bộ Tham mưu đồ sộ sử dụng máy tính điện tử tại “Lầu Năm Góc phương Đông”, tại ngay Nhà Trắng Hoa Kỳ từ ngày đầu đến ngày kết thúc Tết Mậu Thân. Bất ngờ về thời gian, địa điểm, về quy mô tác chiến, về lực lượng sử dụng, về năng lượng đối phương, về cách đánh chiến thuật, về vận động chiến lược... đã khiến cho Mỹ - ngụy hoàn toàn bị động cả về chiến thuật, chiến lược, đối phó lúng túng từ đầu đến cuối trong lúc lực lượng lớn gấp bốn, trang bị mạnh và hiện đại gấp bội đối phương.

Nhà sử học nổi tiếng Mỹ Gabriel Kolko đã viết trong quyển sách *Giải phẫu một cuộc chiến tranh xuất bản tại Mỹ* như sau:

“Tiến công Tết là một sự kiện quan trọng và phức tạp nhất của cuộc chiến tranh Việt Nam. Nó xảy ra như một cú sốc đối với Mỹ... Tết cho thấy rằng đã đến lúc phải quan tâm đến những giới hạn của Mỹ. Nếu theo được một quy mô leo thang mức cao hơn sẽ gây thiệt hại to lớn cho vị trí kinh tế của Mỹ ở trong nước cũng như ngoài nước, cho sức mạnh quân sự của Mỹ ở khắp nơi và cho đời sống chính trị của Mỹ. Cuộc tiến công Tết đã đưa những chỗ yếu trên đây của Mỹ nổi lên hàng đầu và như vậy là cách mạng đã đạt được thế lợi quyết định trong toàn bộ cuộc chiến tranh của mình”.

Thế lợi quyết định của cách mạng đó là: Tết Mậu Thân đã bắt buộc Tổng thống Mỹ Johnson lúc ấy phải cách chức Tư lệnh chiến trường Westmoreland, thay đổi chiến lược “tìm và diệt” thành “quét và giữ”, tiến hành “phi Mỹ hóa” rồi sau là “Việt Nam hóa chiến tranh”, lần lượt rút quân Mỹ về nước chấm dứt hoàn toàn vô điều kiện chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc, thực sự ngồi vào bàn đàm phán bốn bên tại Pari, công nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là một bên đối thoại có giá trị và cuối cùng là tự rút lui không ra tranh cử Tổng thống Mỹ một nhiệm kỳ nữa.

Xiết bao anh hùng, những người tham gia chiến trận Tết Mậu Thân lịch sử ấy, cả chiến sĩ và nhân dân, biết bao nhiêu hy sinh xương máu trong mùa xuân vĩ đại ấy. Tất cả chỉ vì “quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn” như Bác Hồ đã dặn:

*“Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn muời ngày nay”.*

Ngày nay, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất của ông cha ngày trước, bất khuất trước bất cứ kẻ thù nào, bất cứ khó khăn gian khổ nào, chắc chắn chúng ta sẽ có nhiều mùa xuân vĩ đại khác trong xây dựng đất nước, kiến lập một xã hội công bằng, hạnh phúc, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chắc chắn đất nước ta là đất nước của những mùa xuân huy hoàng.

NGHĨ VỀ NGÀY 30/4

Từ năm 1975 trở đi, ngày 30/4 đã trở thành ngày lịch sử vang nhất của dân tộc Việt Nam ta trong thời đại hiện nay. Đó là ngày chấm hết một kỷ nguyên đen tối nhục nhã mà nhân dân ta đã sống trong cảnh lầm than, nô lệ, nước mất nhà tan, kéo dài cả trăm năm, đồng thời cũng là những ngày mở đầu một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất tự mình xây dựng cuộc sống cho mình đi lên con đường ấm no, hạnh phúc, dân chủ, công bằng. Những người đã từng sống trong những thời kỳ trước ngày 30/4, thời kỳ nước không còn tên, người không ra người, hay gần hơn, thời kỳ chiến tranh ác liệt, hẳn thấy rõ giá trị những năm tháng sau ngày 30/4, hòa bình, lao động, học hành, xây dựng. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, câu nói bất hủ của lãnh tụ vạch ra phương châm cuộc sống của con người thật là anh minh. Mười tám năm qua, dải đất nước tươi đẹp nằm bờ Tây Bình Dương mang hình chữ S đã thật sự mang tên Việt Nam mà cả thế giới tôn trọng, ngưỡng mộ. Những con người sống trên dải đất nước trung tâm châu Á - Thái Bình Dương sáng chói mặt trời này, dân tộc Việt Nam từng được thế giới khâm phục về ý chí kiên cường bất khuất, về lòng dũng cảm vô biên, thà chết chứ không chịu cam tâm làm nô lệ bất cứ dưới hình thức nào.

Chúng ta biết bao tự hào về dòng máu anh hùng của dân tộc mà truyền thống trải dài bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Ngày 30/4 chỉ là sự tiếp nối sáng tạo và vươn cao của những ngày lịch sử hào hùng của Hai Bà Trưng, của nhà Trần chiến thắng oanh liệt quân Mông - Nguyên, của Lê Lợi, Nguyễn Trãi bình Ngô, của Quang Trung diệt quân Thanh giải phóng Thăng Long, của Điện Biên Phủ oai hùng... Người Việt Nam nào lại không tự hào vì: Nước ta có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà anh hùng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Ngày 30/4 là một lần ranh thời gian kỳ diệu. Trước ngày 30/4 là cả trăm năm bị đói hóp, nô dịch, đói rách và chiến tranh. Sau ngày 30/4 mới chỉ 18 năm hòa bình

xây dựng nhưng nạn ngoại xâm bị diệt, nạn đói triền miên giết chết hàng loạt dân ta đã qua rồi, nạn đói xói mòn dân trí ngày càng được khắc phục có hiệu quả. Dù ngày nay vẫn chưa thỏa mãn ước mơ dân giàu, nước mạnh nhưng cuộc sống của người dân thường đã khác xưa, cả thành thị và nông thôn đang thay da đổi thịt. Mười tám năm qua, mặc dù có những vấp váp sai lầm, có con đường nào luôn trơn tru thẳng tắp, cả trong chiến tranh thần thánh, có đâu chỉ thắng lợi vẻ vang. Nhưng rõ ràng không chối cãi là ta đang có những bước tiến lên ngang tầm thời đại. Dân tộc Việt Nam ta đầy thông minh và nghị lực, đã từng đứng vững trước sóng gió của thời cuộc năm châu, đã từng có lịch sử vẻ vang lâu dài, chắc chắn sẽ xây dựng thành công cuộc sống không phải chỉ cốt ấm no mà còn cao hơn: công bằng xã hội.

Có được ngày 30/4 ta phải trải qua cuộc đấu tranh đẫm máu dài hàng thế kỷ, hàng triệu hàng triệu con người Việt Nam đã ngã xuống để trả giá cho ngày 30/4 bất diệt, cho cuộc sống hôm nay. Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã đem hết tâm hồn và trí tuệ, hy sinh mọi lợi ích riêng tư cho mục đích cao cả: Đưa lại giá trị cao quý của người Việt Nam trên dải đất cao quý Việt Nam. Phải chăng thế kỷ XX đắp nền cho thế kỷ XXI xây lâu thăng lợi?

18 năm mới chỉ là khoảnh khắc của một công trình vĩ đại, là tuổi thành niên của cả một cuộc đời đang vươn lên đầy hứa hẹn. Kiên trì và sáng tạo, chúng ta quyết giữ vững giá trị lớn lao của ngày 30/4, không phụ xương máu của người xưa đã xây đắp cho ngày nay, kiến tạo một cuộc sống hạnh phúc và công bằng cho ngày mai. Mãi mãi vẫn là tinh thần ngày 30/4, Hồ Chí Minh Việt Nam.

Năm 1993

BÀI PHÁT BIỂU VỀ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN PHÁO BINH BIÊN HÒA

Đoàn pháo binh mang tên Biên Hòa là tổ chức pháo binh chiến dịch của Bộ Chỉ huy Miền thời kỳ chiến tranh chống Mỹ.

Sau phong trào Đồng khởi 1959 - 1960 của nhân dân miền Nam, Mỹ vội vã đưa một số đơn vị quân đội Mỹ vào miền Nam Việt Nam làm nòng cốt, hỗ trợ và phối hợp chiến đấu với quân đội ngụy quyền Sài Gòn, chủ yếu là thiết giáp và trực thăng, pháo và không quân. Cuộc chiến tranh của Mỹ gọi là “Chiến tranh đặc biệt” bắt đầu từ năm 1961. Và từ đó, nhân dân miền Nam Việt Nam buộc phải dùng chiến tranh cách mạng chống lại chiến tranh xâm lược. Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập năm 1963 và đi theo đó Cục Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Hậu cần, các binh chủng thông tin, công binh, pháo binh... lần lượt ra đời cùng với các đơn vị trung đoàn, sư đoàn bộ binh chủ lực của Quân giải phóng.

Tuy là pháo binh chiến dịch nhưng lúc đầu chỉ gồm toàn pháo nhẹ mang vác bao gồm cối, chủ yếu là cối 81-82 ly, pháo không giật ĐKZ 57-75 ly, rất ít bộ binh pháo 70 ly và sơn pháo 75 ly, với nhiều trọng liên 12,7 ly. Tất cả đều từ miền Bắc do tiền thân Đoàn 125 vận tải bằng đường biển vào. Cán bộ chỉ huy pháo các cấp như các đồng chí Đào Sơn Tây, Lương Văn Nho... từ lúc đầu ấy đều là những cán bộ miền Nam tập kết trở về. Các đồng chí đều được học tập, rèn luyện ở miền Bắc hậu phương lớn, về kỹ thuật, chiến thuật pháo mặt đất cũng như pháo cao xạ. Cán bộ các cấp, binh khí các loại, cũng như phương pháp tác chiến của Đoàn Pháo binh Biên Hòa xuất phát từ nguồn gốc của pháo binh chân đồng vai sắt Điện Biên Phủ năm xưa. Vì vậy từ khi mới thành lập, nó đã mang sẵn truyền thống kiên cường, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn và nhất là tinh thần quyết chiến thắng. Là một bộ phận của Quân giải phóng, “đứa em ruột thịt” của Quân đội nhân dân Việt Nam, không những nó kế thừa được truyền thống anh hùng, bất khuất, mà còn

mang tính cách mạng từ một gốc mà ra, luôn sáng tạo để giành thắng lợi trong bất cứ tình huống và hoàn cảnh chiến tranh nào.

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ vô cùng ác liệt, không có chiến tuyến, không phân hậu phương, tiền tuyến mà kẻ địch hoàn toàn làm chủ trên không, lại sử dụng tối đa và tập trung cao độ hỏa lực của mọi binh khí hiện đại; các binh đoàn tập trung cũng như các binh chủng nặng của ta như pháo binh, thiết giáp muôn hoạt động có hiệu quả được thật vô cùng khó khăn, phức tạp. Nó đòi hỏi không chỉ dũng cảm, quyết tâm mà phải tài năng, trí thông minh và óc sáng tạo.

Trận đánh vào sân bay Biên Hòa ngày 31/10/1964, trận ra quân lớn đầu tiên và giành được thắng lợi rất lớn đã biểu hiện rõ truyền thống, tài năng và sáng tạo của pháo binh Việt Nam. Và cũng qua trận thắng vang dội đó mà pháo binh của Miền được mang tên “Đoàn Pháo binh Biên Hòa” để ghi nhớ chiến tích vẻ vang làm nức lòng quân dân cả nước và cũng đã làm cho “Nhà Trắng” ngạc nhiên và đau đầu.

Trận đánh có 3 mục đích chủ yếu:

1. Bảo đảm và phối hợp cho chiến dịch Bình Giã. Đây là chiến dịch đầu tiên của Quân giải phóng tập trung hơn hai trung đoàn chủ lực cùng với pháo binh, công binh, đặc công của Miền và các lực lượng bộ đội địa phương, quân du kích vùng Biên Hòa - Bà Rịa, nhằm tiêu diệt một bộ phận quân tinh nhuệ của địch và đẩy mạnh phong trào kháng chiến của quân dân ta. Chủ trương của Bộ Chỉ huy Miền là đoàn pháo binh, trước khi đến chiến trường làm nhiệm vụ bảo đảm trực tiếp cho chiến dịch, phải tổ chức một trận đánh độc lập của binh chủng, tiêu hủy tối đa các máy bay của địch tại sân bay Biên Hòa - sân bay quân sự lớn nhất của địch lúc ấy. Phá hủy nhiều máy và cơ sở vật chất kỹ thuật, diệt nhiều giặc lái ở đây là cách rất tốt để giảm bớt uy lực không quân của Mỹ dùng chi viện cho quân ngụy trong chiến dịch sẽ mở tiếp ngay sau đó tại Bình Giã. Đây là căn cứ không quân chủ yếu của Mỹ - ngụy từ đó phản ứng lại và đánh phá tại vùng Bà Rịa và miền Đông Nam Bộ, mà trước mắt là chiến dịch Bình Giã.
2. Kịp thời đánh phủ đầu không quân Hoa Kỳ tại chiến trường miền Nam Việt Nam. Ta nắm được tin và biết địch xác rằng địch vừa đưa vào miền Nam, hạ cánh tại sân bay Biên Hòa 30 máy bay ném bom B.27 là loại máy bay mang được nhiều bom và có tầm hoạt động xa của thời kỳ đó. Nếu ta thực hiện được việc tiêu diệt lớn chúng ngay khi mới chân ướt chân ráo tới Việt Nam và còn dương dương tự đắc, tin là căn cứ không quân lớn được bảo vệ kỹ, bất khả xâm phạm, thì không chỉ là gây thiệt hại về vật chất mà còn đánh một đòn

tinh thần chí tử vào bọn giặc tự kiêu là chưa hề bị thua ai bao giờ. Đồng thời, ta còn gây được sự phấn khởi lớn cho quân và dân ta nói chung khi quân và dân ta đang bước vào một chiến dịch lớn đầu tiên.

3. Thực nghiệm một cách đánh của pháo binh Quân giải phóng trong một cuộc chiến tranh nhân dân mà chiến trường xen kẽ đến cao độ. Ta luôn luôn chủ động tấn công, tấn công quân địch bất cứ ở đâu, dù trong căn cứ kiên cố nhất, sâu nhất, bất cứ vào giờ nào, trong hoàn cảnh thời tiết nào. Pháo ta dù nhỏ, tầm ngắn, đạn không nhiều, nhưng sử dụng hết sức bất ngờ, thần tốc rất tập trung, rất trúng đích trong thời gian ngắn nhất, địch không chuẩn bị, không kịp phản ứng. Đây là trận đánh độc lập của binh chủng pháo binh có kết hợp với đặc công nghiên cứu rất tỉ mỉ, mục tiêu, nơi máy bay đậu, nơi giặc lái ngủ, kho đạn, xăng dầu..., các nơi có thể bố trí pháo, cối của ta gần mục tiêu nhất (sát rào căn cứ). Ta còn tiến hành đo đạc thật chính xác từ trận địa pháo đến mục tiêu cần diệt, tính toán sẵn các phần tử bắn, tốc độ gió..., quy định sẵn số đạn cho mỗi khẩu... Khi tới giờ G, có hiệu lệnh thống nhất, tất cả các khẩu pháo bố trí nhiều nơi đều dồn dập nhả đạn liên tục tập trung vào mục tiêu được phân công trong một thời gian ngắn nhất. Sau đó, bắn hết số đạn quy định, các đơn vị pháo rút lui theo kế hoạch đã định về nơi tập trung an toàn, để hành quân vào chiến dịch Bình Giả đúng giờ, đúng chỗ. Khi ta đã đi rồi, giặc tỉnh lại thì trong căn cứ xác máy bay ngổn ngang, xác giặc lái chết, kho đạn nổ, kho xăng cháy..., giặc không biết sấm sét từ đâu lại, đối phương đâu rồi. Đến nỗi Đại sứ Taylo của Mỹ từ Sài Gòn lên, ngơ ngác bàng hoàng giữa trận địa tơi bời khói lửa, bể bonen sắt thép.

Từ trận đánh thắng lợi thần kỳ như vậy, Đoàn Pháo binh Biên Hòa càng trưởng thành, phát triển cả về lực lượng, được tổ chức nhiều kiểu, làm các nhiệm vụ khác nhau, tiến hành tác chiến bằng nhiều phương thức ở tất cả các chiến trường rừng núi, đồng bằng, đô thị. Từ một đội pháo mang vác ít ỏi ban đầu đã đẻ ra hàng chục, rồi hàng trăm đội khác rải ra khắp các chiến trường, hoặc phối thuộc với các đơn vị bộ binh hoặc tác chiến độc lập. Từ cối nhẹ 81 ly tiến lên cối 120 ly tới 160 ly, từ pháo cổ điển đến pháo phản lực, từ pháo nhẹ mang trên vai chiến sĩ ra chiến trường đến pháo xe kéo, lựu pháo 105 ly, 122 ly, ca nòng 155 ly đến ca nòng 85 ly, 130 ly, nếu không kể pháo trên thiết giáp và xe tăng. Về cao xạ, từ pháo biển súng 12,7 ly đến lúc có hỏa tiễn cầm tay S7 và hỏa tiễn SAM II, SAM III trị giá B52 của Mỹ. Chỉ trên 10 năm, Đoàn Pháo binh Biên Hòa lớn nhanh như Phù Đổng, vừa lấp của địch đánh địch, vừa được cung cấp từ hậu phương lớn qua đường Trường Sơn danh tiếng hay lặng lẽ dọc Biển Đông.

Nhưng sự phát triển thần kỳ của pháo binh là phương thức sử dụng pháo, nghệ thuật tác chiến và hiệu quả lớn lao của nó trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Người ngoài cuộc rất khó hiểu và hầu như không tin rằng trong lúc quân đội Mỹ sử dụng tất cả những phương tiện và vũ khí hiện đại nhất, kiểm soát khắp nơi trên mặt đất và mặt nước như Tổng thống ngụy quyền Thiệu đã hô hào “không để một làng xã nào vào tay Việt cộng” và làm chủ hoàn toàn trên không với các loại máy bay chiến thuật, chiến lược, trút bom rải thảm quyết đưa Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá như một tên tướng không quân Mỹ tuyên bố, mà từng đơn vị pháo binh Quân giải phóng cỡ tiểu đoàn, trung đoàn vẫn ngang nhiên hành quân và chiến đấu cùng các sư đoàn rồi quân đoàn binh chủng hợp thành suốt bao nhiêu năm cho đến thắng lợi hoàn toàn vào năm 1975. Có thể nói nơi nào có địch, nơi đó không phải chỉ có dân, có du kích, bộ đội, mà còn có pháo binh. Các sân bay, hải cứ, các căn cứ sư đoàn Mỹ đều có các đội pháo cǎn cứ của Quân giải phóng bao vây tấn công liên tục. Các đường sông có tàu địch đi qua đều có các đội pháo săn tàu ngày đêm đánh địch. Thậm chí, các đô thị lớn ngay như Sài Gòn - đầu não của Mỹ - ngụy, cũng bị pháo binh cho ăn đòn. Pháo làm vành đai, pháo trụ vùng ven và pháo có ngay trong nội thành, có lúc từng khẩu cối từ nóc nhà trong Thành phố bắn điểm đã chọn. Thật là biến hóa vô cùng cả về tổ chức bố trí và chiến thuật của pháo binh Quân giải phóng của Đoàn Pháo binh Biên Hòa. Đó là theo đúng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, trước nhất là vì con người, do con người quyết định tất cả. Con người với lòng quyết tâm, trí thông minh và óc sáng tạo đã biết làm ra vũ khí thì cũng biết sử dụng vũ khí thế nào cho tốt nhất, hiệu quả nhất vì mục đích phụng sự con người chân chính. Cái quý nhất, cái truyền thống nhất của Đoàn Pháo binh Biên Hòa là những con người lớp này qua lớp khác, cán bộ và chiến sĩ chân đồng vai sắt, đã đem xương máu xây thành chiến tích, một lòng yêu nước, vì dân, đem trí óc thông minh sáng tạo vạch ra trăm nghìn cách đánh thần kỳ, biến pháo binh thông thường thành “thiên thần” trên mọi trận địa, góp phần xứng đáng vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

Ngày 10 tháng 10 năm 1993
Kỷ niệm truyền thống Đoàn Pháo binh Biên Hòa

NHÂN KỶ NIỆM NGÀY SINH QUÂN ĐỘI TA

Hàng năm, nhân dân ta kỷ niệm ngày sinh Quân đội mình. Ngày ấy đối với Quân đội là ngày vui mừng đặc biệt. Vui mừng bởi trân trọng coi đây là phần thưởng tinh thần vô giá của dân tộc, tưởng lệ đến quân đội mà tuổi sắp bước vào năm thứ 50 nhưng đã lập được những chiến công lịch sử. Mới 10 tuổi đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ vang lừng, giành nửa nước độc lập; 31 tuổi giành toàn thắng với Chiến dịch Hồ Chí Minh nổi tiếng thế giới, đưa lại độc lập, tự do và thống nhất đất nước, đưa dân tộc thoát khỏi ách nô lệ lầm than ngót thế kỷ.

Sở dĩ được như vậy vì Quân đội ta là một quân đội cách mạng, sinh ra và chiến đấu, trưởng thành và thắng lợi theo tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, mục đích là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Quân đội ta không phải chỉ có chiến đấu vũ trang mà còn là một quân đội chính trị. Quân đội đó có lý tưởng và vì vậy cán bộ và chiến sĩ đều sẵn sàng hy sinh tất cả, kể cả tính mệnh mình vì phục vụ quyền lợi nhân dân, vì lý tưởng. Nó khác xa với những quân đội nhà nghề, quân đội đánh thuê của đế quốc hay thứ quân đội không biết mình cầm súng để làm gì, bắn vào ai hay bắn bất cứ ai miễn được trả tiền hậu hĩnh và tha hồ hưởng lạc. Một số người ở một số nước hoặc vì tư tưởng phản động hoặc vì dốt nát mà hô hào phi chính trị hóa quân đội. Thậm chí có một số người còn vận động nhập cục cựu chiến binh của ta tức là những lão thành của lực lượng vũ trang cách mạng của ta với các cựu chiến binh người Việt trong hàng ngũ quân Pháp hay quân Mỹ đã từng bắn lại đồng bào ta. Chiến tranh là kế tục của chính trị bằng thủ đoạn khác nhau như một nhà lý luận quân sự Phổ xưa kia đã nêu. Quân đội tiến hành chiến tranh đó không thể không mang màu sắc chính trị mà nó kế tục.

Quân đội ta chỉ là một bộ phận của nhân dân ta, làm nòng cốt cho toàn dân chiến đấu trong chiến tranh nhân dân giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Quân đội đó chỉ biết phục vụ quyền lợi nhân dân ta, Tổ quốc ta mà không bao giờ là công cụ cho sự tranh giành quyền lực, địa vị cá nhân này hay nhóm nọ.

Có lẽ là một thiếu sót lớn nếu không nêu rõ một nghệ thuật quân sự ưu việt và là một truyền thống vẻ vang là Quân đội ta nhỏ mà luôn luôn phải đối đầu với một quân đội xâm lược lớn hơn nhiều nhưng kết thúc khi nào cũng là một thắng lợi lớn lao. Ông cha ta ngày xưa nổi bật là Trần Hưng Đạo, là Lê Lợi, Quang Trung cho tới thời đại Hồ Chí Minh đều như vậy. Nước ta nhỏ, người không đông lại nghèo nàn mà phải chiến đấu lâu dài về chiến lược 10 năm, 30 năm và hơn nữa, nhưng đã đánh thắng các nước to, người đông, giàu của cải vật chất. Ngoài đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, xây dựng quân đội cách mạng tướng sĩ dũng cảm, mưu lược và sáng tạo còn vấn đề vô cùng quan trọng là tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng lực lượng cũng như cần kiệm trong chiến đấu theo tư tưởng Hồ Chí Minh mà nhỏ đã thắng lớn, ít thắng nhiều, nghèo thắng giàu. Chúng ta đã mấy chục năm ròng sống kham khổ, chịu đựng mọi thiến thốn hiểm nguy, tiết kiệm từng hạt gạo, củ khoai, từng viên thuốc, từng viên đạn vì biết đó là do xương máu của nhân dân đóng góp mà có, nên mới đánh được dài ngày và mới thắng những kẻ giàu của cải và vũ khí hiện đại, và ta mới có được ngày nay. Thế mà ngày nay, hòa bình xây dựng, ta chưa sản xuất được bao nhiêu của cải, dân ta còn đói nghèo, nước ta chưa có tích lũy vốn để phát triển, mà lại có những người ăn chơi hoang phí, xa hoa trụy lạc, hối lộ, tham nhũng, cốt hưởng lạc cá nhân, không nghĩ gì đến dân đến nước. Họ không có một chút lòng tự trọng là con em nước Việt nói gì đến chí hướng vì dân giàu, nước mạnh. Họ ăn chơi trụy lạc, hối lộ, tham nhũng có khác nào là hút máu của dân vì tiền của đó là do dân làm ra, giống như bọn thực dân hút máu dân mình xưa kia mà ta phải hy sinh hàng triệu người mới diệt được chúng. Ngày nay đã bị thua nhưng kẻ thù chưa chịu khuất phục. Chúng còn nhiều âm mưu “diễn biến hòa bình”, lật đổ chế độ, chúng còn nhiều thủ đoạn đem đola mua chuộc cán bộ, hủ hóa cán bộ nhất là cán bộ có địa vị quan trọng hòng hủ hóa cả bộ máy Đảng và Nhà nước ta để dễ bê thòn tính đất nước ta.

Bởi là thành quả chung, độc lập, tự do là tài sản chung mà hàng triệu người đã phải trả giá bằng xương máu, sinh mạng mới tạo dựng được. Chính vì mục đích thiêng liêng cao quý đó mà vô kể những bà mẹ Việt Nam đã hy sinh những đứa con mang nặng đẻ đau của mình cho cách mạng, cho quân đội. Diễn hình như Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Rành ở Củ Chi, đã hiến dâng con cháu mình đến 9 người; mẹ Bùi Thị Tịnh ở Bình Mỹ, hy sinh vừa chồng vừa con, cháu đến 8 người.

Chính vì lý tưởng thiêng liêng cao quý đã ngấm vào máu trong từng chiến sĩ, nên đã dám vì nhân dân quên mình, dám đánh dám thắng. Dám lấp lỗ chậu mai như Phan Đình Giót, làm một nét son tô đẹp truyền thống quân đội. Thời chống Mỹ, Trù Văn Thố kế thừa, lấp lỗ chậu mai trận Cây Trường. Trận Cây Trường ít

nổi tiếng, song hành động của Trù Văn Thố vang danh. Ở hai đầu đất nước, hai thời điểm khác nhau, thế nhưng sự lặp lại giống hệt nhau về hành động xuất phát từ mệnh lệnh của chính trái tim mình. Tương tự như vậy còn có nữ anh hùng liệt sĩ Trung đội trưởng Lê Thị Hồng Gấm, bộ đội địa phương thuộc tỉnh Tiền Giang. Trên đường công tác ở vành đai Bình Đức cùng với hai chị cán bộ phong trào, bị trực thăng phát hiện, toan đổ quân bắt sống, Gấm bắn trực thăng, mở đường cho hai chị thoát khỏi, rồi một mình trụ lại chiến đấu, bắn rơi một trực thăng. Gấm bị thương nặng, vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Và trước khi trút hơi thở cuối cùng, Gấm đập gãy súng, thanh thản hy sinh trên cánh đồng Long Hưng quê nhà. Hay như anh hùng liệt sĩ Đoàn Đức Thái, thuộc Sư đoàn 3, Quân đoàn 4. Trong trận tấn công chi khu quân sự Bù Đăng, khi mở từ ngoài vào đến hàng thứ 6, đơn vị bị chặn lại bởi lớp rào này, nằm trên một sườn dốc, đã bốn lần đặt ống bộc phá, nhưng đều bị trôi tuột xuống. Kiên quyết giành thắng lợi cho trận đánh, Đoàn Đức Thái một tay giữ ống bộc phá một tay giật nụ xòe, giữ cho đến khi bộc phá nổ. Đoàn Đức Thái hy sinh, nhưng hàng rào cuối cùng đã được mở, chi khu Bù Đăng được giải phóng, mở màn cho chiến dịch Phước Long thắng lợi, tạo tiền đề cho Chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng. Những tấm gương tiêu biểu trên đây, tôi chỉ nhằm muốn nói một khía cạnh: khi đứng trước tình huống cực kỳ khó khăn nguy hiểm, người chiến sĩ chỉ nghĩ tới hoàn thành nhiệm vụ, đòi hỏi ứng xử nhanh, thì lúc bấy giờ chỉ biết chấp hành theo mệnh lệnh của trái tim! Một mệnh lệnh cao nhất, của chính mình, không ai khác; không một người chỉ huy nào dám ra lệnh như thế cho Giót, cho Thố, cho Gấm, cho Thái!... Đó là những trái tim đầy máu nóng tự nguyện hiến dâng cho một lý tưởng thiêng liêng.

Ngoài ra còn nhiều tấm gương tiêu biểu cho bản chất truyền thống Quân đội ta lấy ít thắng nhiều, được xuất hiện khá rõ nét ở cuộc chiến tranh nhân dân thời chống Mỹ. Có thể đơn cử anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Tư, với tổ du kích, vừa bao vây đồn bốt, vừa phối hợp với lực lượng chính trị, cắt đường giao thông chiến lược địch từ Bến Tre - Mỏ Cày bằng đắp mô, lập chướng ngại. Anh Tư đã sáng tạo nhiều vũ khí thô sơ như lựu đạn gài, hầm chông, mang tên, độc đáo hơn là phát minh cách đánh bằng ong vò vẽ, kết hợp với bù nhìn rơm, đem ong đi đánh địch phá mô, đánh địch tận trong đồn bốt. Chuyện anh Tư bắt ong, nuôi ong (nếu ong còn non), rèn ong đánh giặc, trở thành một phát minh chiến thuật, phổ biến khắp trong tỉnh rồi khắp miền đồng bằng sông Cửu Long. Anh được mệnh danh ông tổ đạo binh ong vò vẽ mà một thời nổi tiếng cả nước, cả giặc Mỹ với vũ khí hiện đại cũng từng nếm đòn “ong vò vẽ”, cũng đã có lần máy bay Mỹ cất cánh từ sân bay Tân Sơn Nhất đi ném bom “giặc ong”... Rồi truyền thống yêu thương đồng đội lúc thường cũng như khi ra trận, thì có thể đơn cử anh hùng Tạ Quang Tỷ. Sự thể hiện

tình thương ấy anh đã được anh em trong đơn vị tặng anh câu về truyền tụng: “Còn thương binh tử sĩ, Tạ Quang Tỷ chưa về”. Bao giờ sau trận chiến đấu, anh cũng ở lại sau cùng. Thế cho nên chiến sĩ rất tin yêu anh. Khi ra trận, anh đến đâu là chiến sĩ bám theo anh đến đó. Nhờ thế mà đại đội của anh đã lập nhiều chiến công xuất sắc. Sau mỗi chiến công, anh lại được tặng những biệt danh lý thú, như: “Đại đội trưởng chặn đầu” ở trận diệt chi đoàn xe M113 trên Đường 2 - Bình Giả; “Đại đội trưởng đột phá”, ở trận diệt chi khu quân sự Đồng Xoài; “Đại đội trưởng khóa đuôi” ở trận diệt trên 40 xe tăng và bọc thép của Sư đoàn “Anh cả đỏ” của Mỹ... Tạ Quang Tỷ được tuyên dương anh hùng là nhờ tấm lòng yêu nước thương dân, yêu thương đồng đội, gắn bó như keo sơn thành một khối sức mạnh tập thể, trên nền tảng tập thể anh hùng.

Nếu như không ngại bài viết kéo dài tôi có thể còn đơn cử nhiều nữa, nhiều lắm những tấm gương tiêu biểu. Tuy nhiên, bấy nhiêu cũng đã đủ để minh định: Từ những nét đẹp đẽ của truyền thống ấy chính là nét đặc trưng cho bản chất, đặc trưng cho lý tưởng hành động của Quân đội ta.

Không có lý tưởng, không thể nào dám quên mình, dám hy sinh vì nghiệp lớn. Nhưng đâu phải mọi hy sinh đều dẫn đến sự chết. Chẳng hạn trong khi có những người lo cuộc sống riêng, ích kỷ, đua đòi, tiện nghi, cung cố ngôi vị, thì chúng ta vì cuộc sống chung, chịu đựng gian khổ, thiếu thốn, phát huy truyền thống tự lực tự cường, dũng cảm vượt lên bi kịch của chính mình để vượt lên đầu thù giành độc lập, tự do cho dân tộc thì đó cũng là hàm ý nghĩa hy sinh anh hùng.

Suốt chiều dài lịch sử chiến đấu của Quân đội đã xuất hiện vô vàn tấm gương trung liệt, cùng với vô vàn tuổi thanh xuân đã trở về cát bụi mà ngày nay hài cốt hãi còn tọa lạc nhiều nơi, chỉ còn lưu lại tinh hoa trên đất nước này là thành quả mà những người đang sống hôm nay được thừa hưởng, cũng là tinh hoa tô thắm cho bản chất, truyền thống của Quân đội ta, của nhân dân ta. Truyền thống ấy được cô đúc thành 24 chữ vàng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng cho Quân đội ta là:

Trung với nước - Hiếu với dân

Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành

Khó khăn nào cũng vượt qua

Kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Phát huy truyền thống ấy đến hôm nay, Quân đội ta còn một năm nữa là bước sang tuổi ngũ tuần. Vừa đang xây dựng Quân đội tiến lên chính quy hiện đại, đủ sức bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, còn vừa làm nhiệm vụ quốc tế, đã gửi lại hàng bao nhiêu xương máu trên đất nước Chùa Tháp,

giải thoát nạn diệt chủng cho một dân tộc láng giềng. Một bộ phận quân đội đảm trách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó là Quân đoàn 4. Nhân một dịp tôi có trở lại thăm Quân đoàn, điều ghi nhận lâu bền trong tôi là niềm tin vừa tự hào rằng hiện nay hầu hết cán bộ trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn, sư đoàn đều là lớp trẻ trưởng thành từ phong trào Đồng khởi, hoặc từ “Tân binh C” miền Bắc vào sớm. Người tiêu biểu đó là Lê Văn Dũng, xuất thân là du kích xã ở Bến Tre, đi chủ lực miền Nam năm 1963, giờ là Thiếu tướng Tư lệnh Quân đoàn. Tôi rất xúc động khi nghe các đồng chí nói: “Thế hệ trẻ chúng em nguyện kế thừa một cách xứng đáng sự nghiệp cũng như truyền thống của Quân đoàn mà thế hệ đàn anh đã dày công xây dựng. Xin các anh hãy yên lòng mà nghỉ...”.

Vui mừng mà tin, mà tự hào thì hẳn. Nhưng yên lòng mà nghỉ thì... chưa! Bởi lẽ gió đông còn lạnh tới tận lòng meo dạ đói của những con người Việt Nam đã từng bất khuất với mọi kẻ thù gian ác và mọi cảnh gian nguy, bởi lẽ vẫn còn “thời tiết chính trị” dội lại tâm hồn mình như có người cho rằng không cần cách mạng, không cần hy sinh kháng chiến oanh liệt bao nhiêu năm cũng có thể độc lập như một số nước nào đó hay miền giàu có, nhiều đôla với mức sống cao thành rồng thành rắn cũng được cần gì phải công bằng xã hội, tránh bóc lột, đi lên chủ nghĩa xã hội! Lại có những kẻ làm chưa bao nhiêu mà đã tiêu xài hưởng thụ quá mức, từ đống xương khô của đồng bào đi lên mà trở mặt làm quan cách mạng, ức hiếp đồng bào! Sự nghiệp mới hoàn thành một nửa, chưa hoàn thành như Bác Hồ mong muốn, như dân Việt Nam ta ước vọng, thì nghỉ nhưng không yên. Bởi thế rất, rất nhiều cựu chiến binh xưa kia gian khổ, hiểm nguy, sẵn sàng hy sinh là vậy mà nay vẫn còn đói nghèo khổ cực, nhưng vẫn phát huy truyền thống tự lực tự cường, chịu đựng và vượt qua tất cả. Nhiều cựu chiến binh còn hăng hái đảm nhận các chức vụ của Đảng, của chính quyền, đoàn thể ở địa phương.

Toàn dân ta sao không nêu cao khẩu hiệu “tự lực tự cường”, cần kiệm xây dựng đất nước, xây dựng xã hội văn minh, công bằng. Sao không đồng tâm, nhất trí, tận lực làm ra nhiều của cải nhưng hết sức tiết kiệm, từng người tiết kiệm, từng gia đình tiết kiệm, cả xã hội tiết kiệm, cả nước tích lũy vốn tiết kiệm đó phát triển kinh tế trong 10 năm theo đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng thì dân tất phải giàu, nước tất phải mạnh. Nước Việt Nam yêu quý của ta, dân tộc Việt Nam đáng tự hào của ta, xứng đáng với tài năng của mình và đức độ phuơng Đông, với tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại nhất định sẽ không thua ai mà con cháu nghìn đời sau hạnh phúc mãi mãi.

Nhân ngày 22 tháng 12 năm 1993

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN NAM BỘ TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Tháng 8/1945, theo lời kêu gọi của lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh, nhân dân Nam Bộ nhất tề vùng dậy, tự vũ trang bằng bất cứ khí giới kiếm được, tiêu biểu là tầm vông vạt nhọn, đứng lên giành chính quyền từ tay Nhật và bọn bù nhìn tay sai của Nhật!

Dân quân du kích nổi dậy hồi mùa Thu ấy, kế thừa du kích Nam Kỳ năm 1940, thể dốc lòng tiếp tục chiến đấu bảo vệ quyền lợi cách mạng ngay khi quân Pháp được quân Anh giúp sức trở lại đánh chiếm Sài Gòn vào đêm 22 rạng sáng ngày 23/9/1945.

Đó là những chiến sĩ du kích của lực lượng công đoàn, của các tầng lớp thanh niên yêu nước và những người du kích nông dân trong các đoàn thể cứu quốc, đứng lên lập mặt trận, dựng chiến lũy, bao vây địch ở khắp cả nội ngoại thành Sài Gòn. Quân Pháp bung ra tới đâu bị vây đánh ở đó! Và cuộc kháng chiến đã bùng lên từ miền Đông đến miền Tây, lan ra khắp các tỉnh thành Nam Bộ...

Tình hình những ngày đầu ấy vô cùng gay go và hết sức phức tạp. Lực lượng du kích nội ngoại thành và các tỉnh là từ quần chúng có tổ chức và do cán bộ cách mạng chỉ huy. Nhưng lực lượng đông người, tập trung nhiều vũ khí nhất, lại là 4 sư đoàn “Dân quân cách mạng” (Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ Sư đoàn)! Họ bao gồm những đơn vị “bảo an binh” của Nhật - Pháp cũ... Thực chất, họ là lính cũ của Pháp, của Nhật, như đám “Thanh niên phòng vệ đoàn”, tổ chức thanh niên tay sai của Nhật, và được bổ sung thêm một số thanh niên, học sinh lúc bấy giờ... Ở 4 sư đoàn này không có một cán bộ Việt Minh, một đảng viên cộng sản nào trong hàng ngũ chỉ huy các cấp, hay làm nòng cốt trong các đơn vị chiến đấu. Không có chất cách mạng trong 4 sư đoàn gọi là “Dân quân cách mạng” ấy!

Ngoài số lực lượng trên còn có các đơn vị Bình Xuyên bao gồm phần lớn những người nghèo thành thị và vùng ven Sài Gòn, cả công nhân và công chức cũ.

Trong bối cảnh đó, vào tháng 10/1945, xuất hiện bộ đội “Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa” ở Gia Định. Đó là sự tập hợp lại của các đơn vị du kích tập trung ở các quận nói trên, theo nghị quyết của Xứ ủy (Giải phóng) và Tỉnh ủy Gia Định (Giải phóng)! Xứ ủy lúc đó xác định phải có lực lượng vũ trang trung kiên được giác ngộ cách mạng, có tổ chức, kỷ luật, đặt dưới sự chỉ huy của những đảng viên cộng sản kiên cường, có hệ thống chính trị viên để làm nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục cách mạng trong bản thân lực lượng và trong nhân dân, thì mới làm nòng cốt đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Đúng lúc khó khăn này, Trung ương đã phái các đoàn quân Nam tiến và một số cán bộ huấn luyện quân sự vào có tác dụng rất lớn cho tinh thần kháng chiến của Nam Bộ. Đặc biệt là đồng chí Nguyễn Bình được phái vào chỉ huy quân sự. Rồi từ uy tín và danh nghĩa của Trung ương, đồng chí đã góp sức chấn chỉnh được tình hình vô chính phủ ở miền Đông Nam Bộ.

Từ tháng 9/1945 đến tháng 3/1946 là thời kỳ thử thách nghiêm trọng đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Giặc Pháp có quân đội mạnh, trang bị vũ khí và phương tiện tối tân, tấn công nhanh và ác liệt, xem như chúng đã hoàn thành việc chiếm đóng Nam Bộ làm đầu cầu để chiếm lại cả Đông Dương! Chúng đã gây cho ta muôn vàn khó khăn trong buổi đầu thiếu kinh nghiệm ấy. Song, cũng chính tình thế đó, đã giúp sàng lọc cho trong sạch đội ngũ của cách mạng!

Những đơn vị vũ trang gồm cán bộ và chiến sĩ yêu nước thì tìm mọi cách để tồn tại và chiến đấu. Những đơn vị không được hoặc không chịu sự giáo dục của cách mạng và do bọn cơ hội phản động chỉ huy, thì tan rã và đầu hàng giặc. Những đơn vị còn lại không đồng lăm, nhưng có chất thực sự!

Hầu hết các tỉnh miền Đông, miền Trung, miền Tây đều có xây dựng lực lượng vũ trang. Từ cuối năm 1945, với sự chấn chỉnh của Khu trưởng Nguyễn Bình, một loạt các chi đội được hình thành, tuy mỗi chi đội không giống nhau về số lượng cũng như về trang bị. Đến năm 1946, từng chi đội lại đổi thành trung đoàn. Rồi về sau ghép lại thành “liên trung đoàn”. Mỗi trung đoàn thường ở một tỉnh hay một vùng nhất định, mỗi liên trung đoàn hoạt động trong vài ba tỉnh. Giống như bộ đội địa phương, tuy gọi là trung đoàn nhưng chiến đấu tập trung phổ biến cỡ đại đội hay tiểu đoàn và có lúc phân tán để kèm cặp du kích. Lấy chiến thuật phục kích, tập kích, đánh đồn bót bằng kỳ tập hay kết hợp địch vận mà tấn công giặc. Ngay tại Sài Gòn có tổ chức ra các ban công tác, thường xuyên đánh địch theo lối biệt động, hoặc phá hoại kho tàng, diệt ác ôn, bọn Việt gian

và sĩ quan Pháp. Sài Gòn cũng như các chiến trường khác, không bao giờ là hậu phương an toàn cho giặc!

Một sự kiện quan trọng trong thời kỳ này (1946 - 1947) là lực lượng vũ trang Nam Bộ được tăng cường bằng các đơn vị hải ngoại từ Xiêm về. Đó là con em của Việt kiều yêu nước ở Thái Lan, ở Lào..., những cán bộ từ mặt trận Lào dạt qua Thái Lan, được bí mật tổ chức, huấn luyện và trang bị mạnh bằng vũ khí mua sắm, kéo về nước tham gia chiến đấu. Ở Khu 7 có “Bộ đội Độc lập số 1”, ở Khu 8 có “Chi đội Trần Phú”, ở Khu 9 có “Bộ đội Quang Trung” và “Tiểu đoàn Cửu Long 2”. Những đơn vị này đã chiến đấu nhiều trận trên đường hành quân gian khổ vượt qua Campuchia về nước, tham gia tác chiến có hiệu quả. Về sau, hòa nhập vào các đơn vị Vệ quốc đoàn của ba chiến khu 7, 8, 9.

Từ năm 1947 trở đi, chiến trường Nam Bộ đã có được nhiều trận đánh lớn, tiếng tăm vang dội như: trận Cổ Cò, Giồng Dúa ở Khu 8, trận Tầm Vu ở Khu 9; trận La Ngà ở Khu 7... Hay trong trận đánh chìm tàu nổi tiếng ở sông Sở Thượng - miền Trung, ở Mương Điều - miền Tây, diệt các đoàn xe lửa ở Trảng Táo, Bàu Cá - miền Đông.

Cuối năm 1947 đầu năm 1948, Khu 8 đã có sáng kiến tổ chức các đơn vị đánh tập trung, đánh tiêu diệt. Tiểu đoàn 307 được thành lập, được huấn luyện, trang bị tốt, là tiểu đoàn độc lập cơ động trong toàn Khu 8, đánh độc lập hay phối hợp tác chiến với các trung đoàn trong khu, diệt từng đơn vị đại đội hoặc tiểu đoàn địch. Tiếp theo là ra đời các tiểu đoàn 308, 309, 311 của Khu 8, Tiểu đoàn 410 của Khu 9, các tiểu đoàn 302, 303, 304, 305... của miền Đông. Từ đó đã có những trận đánh đồn lớn thành công như trận Mộc Hóa (Tân An), La Bang (Trà Vinh)... và xuất hiện những chiến dịch tổng hợp thắng lợi như: chiến dịch Cầu Kè, Trà Vinh ở Khu 8, chiến dịch Lê Hồng Phong (Bến Cát) ở Khu 7, chiến dịch Long Châu Hà ở Khu 9. Đây là những sáng tạo xuất sắc của chiến trường Nam Bộ.

Đến năm 1950, Nam Bộ đã cố gắng ghép các tiểu đoàn lại thành lập được các trung đoàn chủ lực: Đồng Nai ở miền Đông Đồng Tháp, Cửu Long ở miền Trung và Tây Đô ở miền Tây.

Tác chiến của các trung đoàn cũng không hơn gì các tiểu đoàn. Không thể hình thành “chiến thuật trung đoàn”. Bởi vì ở Nam Bộ lúc bấy giờ không kiểm đâu ra vũ khí cấp trung đoàn để trang bị!

Thời kỳ ấy, tướng De la Tour của Pháp bung ra chiến thuật tháp canh do lính ngụy đóng để thay cho lính Pháp kiểm soát chiến trường Nam Bộ, rút lính Âu - Phi thiện chiến ra chiến trường Việt Bắc. Ta đã sáng tạo cách đánh đặc công độc đáo,

dùng người có kỹ năng cao và tinh thần quyết chiến đưa mìn và bôc phá vào tận đồn bót, tháp canh triệt hạ địch một cách chính xác và triệt để, buộc địch phải thu gọn về đồn lớn. Vùng ta làm chủ mở rộng (chiến thuật đặc công đã phát triển mạnh mẽ trong chiến tranh chống Mỹ thành một binh chủng tinh nhuệ của Quân giải phóng, làm kẻ địch khiếp sợ).

Đến giai đoạn cuối của chiến tranh chống Pháp, chiến trường Nam Bộ chia thành hai phân liên khu miền Đông và miền Tây, lấy sông Tiền làm ranh giới. Các lực lượng vũ trang đã trưởng thành vững vàng. Đông - Xuân 1953 - 1954, phối hợp với chiến trường chung, với Chiến dịch Điện Biên Phủ, Nam Bộ đã phát động một cuộc tấn công toàn diện bằng chiến dịch ngụy vận kết hợp với thọc sâu đánh hiểm vào vùng địch hậu. Ta thắng lớn. Nhiều đồn bót bị gỡ. Nhiều đại đội và cả một số tiểu đoàn địch bị diệt. Nhiều binh lính địch rã ngũ, chạy về nhà. Có đơn vị đại đội địch đem súng về với kháng chiến. Ta giải phóng nhiều nơi, cả những vùng sâu như Chợ Gạo, Gò Công...

Hiệp định Giơnevo được ký kết. Quân Pháp tập kết vào miền Nam. Đại bộ phận lực lượng vũ trang Nam Bộ xuống tàu ra miền Bắc, tổ chức lại thành hai sư đoàn chính quy: Sư đoàn 330 và Sư đoàn 338.

Một số lực lượng cán bộ quân sự không đi tập kết, ở lại, chuyển làm công tác vận động quần chúng đấu tranh chính trị, dự phòng khi kẻ địch phản bội Hiệp định. Quả nhiên Mỹ - ngụy đã xé bỏ Hiệp định, không chịu tổng tuyển cử, mà tiến hành đàn áp quân sự, cai trị miền Nam kiểu phátxít! Không thể chịu nổi, đồng bào miền Nam đứng lên làm cuộc Đồng khởi nổi tiếng 1959 - 1960. Theo lời kêu gọi khẩn thiết của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, hai sư đoàn Nam Bộ lần lượt trở về Nam chiến đấu, như những khung tiểu đoàn, trung đoàn Quân giải phóng và các cơ quan chỉ huy các cấp.

Ở chiến trường B2, từ hai khung Trung đoàn Q.761 (1961) và Q.762 (1962)... lực lượng chiến đấu này đã phát triển lên thành Sư đoàn bộ binh số 9 chủ lực đầu tiên của Quân giải phóng miền Nam (1965), và cho tới giai đoạn chót của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1974), lực lượng hùng hậu nhiều sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn đã hợp thành Quân đoàn 4 và Đoàn 232 đảm nhận 3 trong 5 mũi tiến công của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm - cuộc chiến hiện đại dài lâu và khốc liệt của Việt Nam anh hùng!

Và lực lượng hùng hậu ấy, lại tiếp tục lao vào cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam ngọt hàng chục năm trời nữa, để giữ yên cho Tổ quốc Việt Nam hòa bình và thịnh vượng.

BÀI PHÁT BIỂU TẠI CUỘC MÍTTINH KỶ NIỆM LẦN THỨ 49 NGÀY QUỐC KHÁNH (02/9/1945 - 02/9/1994)

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền và Mặt trận Thành phố,

Kính thưa quý vị đại biểu,

Kính thưa toàn thể đồng bào, đồng chí,

Hôm nay, Thành phố chúng ta tổ chức trọng thể mítinh kỷ niệm lần thứ 49 Cách mạng Tháng Tám và ngày Tuyên bố độc lập của nước nhà.

Đã 49 năm trôi qua, khí thế cách mạng sục sôi của mùa thu Tháng Tám năm 1945 vẫn còn in sâu đậm nét trong lòng mỗi một đồng bào, đồng chí chúng ta. 25 triệu đồng bào từ Bắc chí Nam, từ thành thị đến nông thôn, đã đồng lòng nghe theo tiếng gọi của lãnh tụ Hồ Chí Minh, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập hợp trong Mặt trận Việt Minh, nhất tề vùng lên như nước vỡ bờ, đập tan toàn bộ chế độ thực dân, đế quốc đã từng thống trị, đè đầu cưỡi cổ nhân dân ta ngót trăm năm. Cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại đó đã đưa dân tộc ta từ bùn đen nô lệ vươn lên thành nhân dân tự do của một nước độc lập, lập nên chính quyền thực sự của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Thật là một kỳ công trong lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước mà mỗi công dân Việt Nam ngày nay có quyền tự hào, không hổ thẹn với ông cha và núi sông đất Việt, ngẩng cao đầu sánh bước cùng các dân tộc tiên tiến trên thế giới. Lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc ấy chắc sẽ mãi mãi truyền lại cho con cháu mai sau.

Vinh dự được trực tiếp tham gia Cách mạng Tháng Tám ở Thành phố, hình ảnh nỗi dậy hào hùng của hàng triệu đồng bào mãi mãi không bao giờ phai mờ trong tâm trí. Chỉ trong đêm 24 rạng sáng ngày 25/8/1945, người người, lớp lớp, đồng bào nông thôn, các đoàn thể cứu quốc, từ ngoại thành, từ các tỉnh lân cận, kéo về

thành phố Sài Gòn hòa nhập vào các tầng lớp công nhân, lao động, trí thức, học sinh, thanh niên tiền phong... với rừng cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu, dao mác, tassel vông vặt nhọn, như những đợt sóng cuồn cuộn cuốn phăng toàn bộ hệ thống cai trị thực dân.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám đã để lại một bài học vô cùng quý giá về sức mạnh đoàn kết vĩ đại của dân tộc mà Bác Hồ kính yêu từng nêu lên: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Sức mạnh đoàn kết vĩ đại đó được đúc nên bởi sự lãnh đạo đúng đắn, dũng cảm và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với khát vọng sâu xa, bức xúc muôn đổi đời của mọi tầng lớp, lứa tuổi, các thành phần, các tôn giáo trong nhân dân trở thành động lực cách mạng dời non lấp biển, triệu người như một, quyết xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc và bảo vệ đến cùng nền độc lập, tự do đó.

Trong 30 năm kháng chiến cực kỳ gian khổ và ác liệt, chính bằng sức mạnh của toàn dân, với ý chí sắt đá “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, đã đứng vững dưới cờ lãnh đạo kiên cường của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc ta đã tiếp tục chiến đấu anh dũng và chiến thắng oanh liệt, viết tiếp những trang sử hào hùng của thế kỷ.

Thời đại các vua Hùng dựng nước được tiếp nối bởi thời đại nhà Trần thăng quân Mông - Nguyên toan đô hộ toàn thế giới, và nay, thời đại Hồ Chí Minh đã đập tan chủ nghĩa thực dân, đế quốc muốn làm bá chủ hoàn cầu. Đất nước và con người Việt Nam đã liên tục phát huy truyền thống anh hùng của mình.

19 năm qua, trước những khó khăn to lớn ở trong nước, những thử thách cực kỳ nghiêm trọng do tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, nhân dân ta lại phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết vĩ đại của mình, vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, vấp váp, nỗ lực tiến hành cuộc đổi mới sâu rộng và toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, đạt được những thành tích bước đầu rất quan trọng.

Năm nay, kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và ngày Độc lập của dân tộc và cũng là kỷ niệm 25 năm thực hiện *Đi chúc thiêng liêng* của Bác Hồ, trong tình hình cách mạng bước vào một thời kỳ mới “đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa” nhằm mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của toàn dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, chúng ta lại càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ vẫn còn mang tính thời sự nóng hổi: Độc lập, tự do rồi chưa đủ, còn phải phấn đấu cho dân giàu, nước mạnh, cho xã hội công bằng, cho dân ai cũng được ấm no, hạnh phúc, ai cũng được học hành.

Tiếp theo cuộc Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến thắng lợi, ngày nay là một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tình hình mới, ở tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đòi hỏi một sự nỗ lực phi thường của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng luôn luôn kiên cường và sáng tạo.

Đã từng chịu đựng vô vàn hiểm nguy và khó khăn tưởng chừng không vượt nổi qua cuộc đấu tranh lâu dài từ Cách mạng Tháng Tám đến những năm tháng chiến tranh, chúng tôi tin tưởng sắt đá rằng: Sức mạnh đoàn kết vĩ đại của toàn dân ta trở thành nhân tố quyết định sự thành công của Cách mạng Tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến, nhất định cũng sẽ thành công trong công cuộc đổi mới, xây dựng nước mạnh, dân giàu. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta, đặc biệt là thế hệ trẻ ngày nay, vốn mang trong mình dòng máu kiên cường, bất khuất của cha ông, lại được tiếp xúc với thế giới phát triển ngày nay, nhất định sẽ nắm lấy vận hội mới của đất nước, ra sức khắc phục mọi khó khăn, đẩy lùi mọi nguy cơ, vượt qua mọi thử thách, vươn lên thoát khỏi lạc hậu nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đưa đất nước ta tiến kịp các nước phát triển trong cộng đồng thế giới.

Kỷ niệm ngày hội lớn của dân tộc, là những người đã cống hiến trọn tuổi xuân vì độc lập, tự do của Tổ quốc, chúng ta nguyện cùng toàn dân phát huy cao độ truyền thống vẻ vang, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm quý báu của Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến vĩ đại, đem hết sức lực và trí tuệ còn lại góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân phấn đấu theo đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ giữ vững độc lập, tự do của Tổ quốc, làm cho đất nước ta giàu mạnh, xã hội ta công bằng và văn minh.

BÀI NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI HỌP MẶT TRUYỀN THỐNG CỰU CHIẾN BINH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Thưa các đồng chí lãnh đạo và quý vị đại biểu,

Thưa toàn thể các đồng chí,

Hôm nay, trong không khí cả nước tưng bừng kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, chúng ta tổ chức cuộc họp mặt truyền thống đầu tiên của các cựu chiến binh Điện Biên Phủ đã nghỉ hưu hoặc đang công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước hết, tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Thành phố nhiệt liệt chào mừng toàn thể các đồng chí cựu chiến binh Điện Biên Phủ có mặt tại đây, đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người chiến sĩ số 1 của Điện Biên Phủ anh hùng, Chủ tịch danh dự của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Tôi xin nhiệt liệt chào mừng đồng chí Nguyễn Văn Linh - Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Xứ ủy viên Nam Bộ, đã cùng với các đồng chí khác trong Xứ ủy lãnh đạo quân và dân Nam Bộ chiến đấu phối hợp có hiệu quả với Chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần quan trọng vào thắng lợi to lớn của chiến thắng Đông - Xuân 1953 - 1954.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với đồng chí đại diện Thành ủy, đối với các đồng chí đại diện các ban, ngành, đoàn thể của Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Quân đoàn 4, Bộ Chỉ huy quân sự Thành phố và các quý vị đại biểu khác đã đến tham dự cuộc họp mặt thân mật này.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Hội Khoa học lịch sử Thành phố, hai tổ chức đã cùng Hội Cựu chiến binh Thành phố phối hợp tổ chức cuộc hội nghị khoa học kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ sẽ khai mạc vào ngày mai 20/4/1994.

Tôi xin gửi lời thăm hỏi ân cần đến đại diện gia đình các đồng chí Hoàng Văn

Thái, Lê Liêm, Lê Trọng Tấn, Vương Thừa Vũ, Vũ Lăng..., những cán bộ tiêu biểu của các cơ quan và đơn vị tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ đã qua đời, nhưng hình ảnh vẫn mãi mãi cùn đậm nét trong tâm khảm của chúng ta!

Tôi đề nghị các đồng chí để 1 phút mặc niệm các liệt sĩ đã hy sinh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ và trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, để ngày nay đất nước được độc lập và thống nhất hoàn toàn.

Thưa các đồng chí!

Đánh giá chiến thắng Điện Biên Phủ, Bác Hồ kính yêu đã nói: “Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lăn xuống dốc và tan rã đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới dâng cao lên đến thắng lợi hoàn toàn”.

Gần đây, trong bài “Điện Biên Phủ, 40 năm sau nhìn lại...” đăng trên báo *Nhân dân* ngày 15/4/1994, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã viết: “Điện Biên Phủ là chiến thắng vang dội đầu tiên của một dân tộc vốn là thuộc địa, đánh thắng quân đội hiện đại của một đế quốc phương Tây. Đây cũng là một trận tiêu diệt chiến lớn điển hình nhất trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống quân đội xâm lược nước ngoài, mở đầu thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới”.

Các đồng chí có vinh dự lớn là những người đã trực tiếp góp phần làm nên chiến thắng lịch sử, mong các đồng chí mãi mãi xứng đáng với vinh dự đó.

Cuộc họp mặt truyền thống đầu tiên này không chỉ tạo điều kiện cho nhiều đồng chí gặp lại nhau sau nhiều năm xa cách, để cùng nhau ôn lại những kỷ niệm đẹp đẽ của tình bạn chiến đấu năm xưa, mà còn giúp cho Hội Cựu chiến binh hiểu rõ thêm đội ngũ của mình. Qua con số cựu chiến binh Điện Biên Phủ đã đăng ký và đến dự họp hôm nay mà chắc chắn là chưa đầy đủ, có thể thấy là sau Thủ đô Hà Nội, thì có lẽ Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố thứ hai có nhiều cựu chiến binh nhất. Điều đáng quý là đại đoàn nào, trung đoàn nào, binh chủng nào, cơ quan nào cũng có, mặc dù số lượng khác nhau. Đây là một kho tư liệu sống về chiến dịch lịch sử mà chúng ta cần khai thác để hiểu biết thêm về Điện Biên Phủ dưới nhiều góc độ. Đây là một trong những vốn quý của đội ngũ cựu chiến binh Thành phố chúng ta. Nhiều chiến sĩ Điện Biên Phủ đã tiếp tục chặng đường chiến đấu của mình, tham gia bảo vệ miền Bắc hoặc giải phóng miền Nam trong chiến tranh chống Mỹ. Thẩm nhuần lời dạy của Bác Hồ trong thư khen ngày 08/5/1954 “...thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”, các đồng chí đã từ

Chiến dịch Điện Biên Phủ ở Tây Bắc, qua Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không năm 1972, đến Chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại ở miền Nam thân yêu, giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc sau 21 ngày đầy hy sinh, gian khổ. Không ít đồng chí còn tiếp tục làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia. Nhiều đồng chí đã trưởng thành, trở thành những tướng lĩnh của quân đội nhân dân, hoặc cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước, nhiều đồng chí đã nghỉ hưu...

Các đồng chí thân mến,

Ngày nay, cả dân tộc ta đang ra sức phẩn đấu để thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, thực hiện lý tưởng và ước mơ mà chúng ta hằng ấp trong suốt cuộc đời chinh chiến của mình.

Điều đáng mừng là chúng ta kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và 19 năm giải phóng miền Nam trong tình hình đất nước đang có bước chuyển biến đi lên, sự nghiệp đổi mới do Đảng đề ra đã thu được những thành tựu bước đầu quan trọng. Chúng ta đang đứng trước vận hội mới để đưa đất nước sớm thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu, tiến kịp đà phát triển của nền kinh tế thế giới. Mặt khác, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức và nguy cơ mới, đặc biệt là nguy cơ “diễn biến hòa bình”. Không chiến thắng được quân và dân ta bằng súng đạn, kẻ thù đang tìm mọi cách đánh bại chúng ta bằng sức mạnh của đồng tiền, bằng các thủ đoạn chính trị và văn hóa thâm độc. Chúng ta cần tích cực góp phần để cao cảnh giác cho toàn dân, kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng của hơn nửa thế kỷ đấu tranh với biết bao hy sinh và tổn thất!

Rất mong các đồng chí cựu chiến binh Điện Biên Phủ nói riêng cũng như toàn thể cựu chiến binh của thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại, quan tâm giáo dục truyền thống anh hùng của Điện Biên Phủ, của 30 năm kháng chiến cho thế hệ trẻ, tham gia bồi dưỡng lớp người kế tục thế hệ của chúng ta, góp phần bảo đảm cho đất nước mãi mãi đi theo cách mạng, con đường mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe sống lâu, gặp nhiều may mắn trong công tác và cuộc sống.

Xin cảm ơn tất cả các đồng chí!

Năm 1994

PHÁT BIỂU TRONG CUỘC HỌP ĐỒNG HƯƠNG NGHĨA BÌNH - XUÂN BÌNH DÂN

Thưa đồng bào, đồng chí và các bạn,

Ban Liên lạc đồng hương tỉnh Nghĩa Bình có nhã ý cho phép tôi được thay mặt anh em phát biểu lời chúc Tết đến bà con cô bác, những người con thân yêu của Nghĩa Bình và là những người dân tận tụy của Thành phố Hồ Chí Minh vinh quang.

Trước hết, tôi xin tỏ lời biết ơn các đồng chí đại diện cho Thành phố, quận, phường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và đến dự cuộc họp mặt thân mật này. Đồng thời, tôi cũng xin nói lên sự cảm động của tất cả bà con về sự có mặt của các đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cùng nhiều đồng chí khác và các nghệ sĩ tỉnh Nghĩa Bình đã không quản đường xa, vào tận đây để thăm hỏi, khuyến khích và vui Xuân với bà con.

Thưa đồng bào, đồng chí,

Ngày Tết âm lịch là ngày vui cổ truyền của dân tộc. Cuộc sống hiện đại đã có nhiều đổi thay, việc tổ chức Tết sẽ ngày càng đơn giản. Nhưng hương vị ngày đầu Xuân vẫn mãi mãi ở trong ta. Nhất là những ngày Xuân lại gắn liền với những truyền thống vang báu diệt của dân tộc, của tinh thần và của Thành phố thân yêu mà ta đang sống. Tự hào biết bao khi ta gọi ngày xuân này là Xuân Quang Trung. Tự hào biết bao khi ta xem mình là con cháu của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn, người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, chỉ biết thắng không biết bại và có công to trong việc thống nhất giang sơn về một mối, đoàn kết trăm họ trong một Tổ quốc yêu thương. Chúng ta càng tự hào với truyền thống bất khuất của anh hùng Trương Định thà chết vinh không chịu sống nhục, với truyền thống Ba Tơ khởi nghĩa hào hùng, với Tết Mậu Thân và ngày toàn thắng 30/4 bất diệt.

Được họp mặt vui xuân ngày nay trên mảnh đất Thành đồng, trên Thành phố Hồ Chí Minh vinh quang này, chúng ta còn tự hào được là con cháu của Bác Hồ vô vàn kính yêu, người đã trọn đời từ thời thanh niên cho đến khi nhắm mắt,

luôn luôn một lòng một dạ vì dân vì nước, luôn luôn chỉ có một mục đích cao cả trong sáng là đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân, tương lai huy hoàng cho đất nước.

Vui xuân họp mặt hôm nay trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn gian khổ của mỗi người, mỗi gia đình và cả dân tộc cần được khắc phục và chiến thắng, chúng ta vẫn tin tưởng vào ngày mai xán lạn. Ngày xuân huy hoàng sẽ thay thế cho ngày đông tàn rũ như Bác Hồ đã từng viết: “vì không có cảnh đông tàn, thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân”.

Vui họp mặt ôn truyền thống, vững lòng tin, chúng ta nguyện cùng nhau ra sức lao động, sản xuất, học tập, công tác để xứng đáng là người dân của Thành phố Hồ Chí Minh quang vinh, người con của tỉnh Nghĩa Bình yêu mến.

Nhân Xuân Bính Dần, xin chúc tất cả đồng bào, đồng chí, bà con cô bác dồi dào sức khỏe và nghị lực, một cuộc sống tươi vui, lành mạnh, một lòng tin vững chắc ở tương lai.

QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ VẺ VANG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Quân đội nhân dân Việt Nam tròn 50 tuổi. Suốt chặng đường dài nửa thế kỷ, lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” không ngừng tung bay đỏ thắm khắp giang sơn đất Việt. Lịch sử vẻ vang của nó gắn liền với lịch sử oai hùng của dân tộc. Chiến công bất hủ của nó bắt nguồn và lập nên tư tưởng cách mạng, tư tưởng quân sự của người cha đẻ ra nó: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó kế thừa và phát triển đầy sáng tạo tài năng dũng lược của ông cha ta suốt bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Nó mang trong mình dòng máu bất khuất, kiên cường của quân đội “phụ tử” thời Trần do Trần Quốc Tuấn chỉ huy, “dĩ đoàn chế trường”, ba lần đánh bại quân Mông - Nguyên phá tan âm mưu đô hộ toàn thế giới. Nó thấm nhuần tính nhân nghĩa của nghĩa binh Lam Sơn do Lê Lợi - Nguyễn Trãi dựng cờ, từng thắng bạo tàn của quân nhà Minh xâm lược. Nó học hỏi nghệ thuật đánh giặc thần tốc và thắng lợi kỳ diệu của Nguyễn Huệ, chỉ một trận dẹp xong giặc Xiêm phía Nam, chỉ một chiến dịch tiêu diệt 20 vạn quân Thanh phía Bắc, giữ độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Quân đội nhân dân Việt Nam đã là một đội quân cách mạng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Cán bộ và chiến sĩ được giác ngộ cách mạng, “có phẩm chất trong sáng, tận tâm tận lực, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cứu nước, vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì cách mạng”. Đó là đội quân “kỷ luật nghiêm như sắt, tinh thần vững như đồng, ý chí quật cường tất thắng, có đạo đức trí, dũng, hiếu, trung”, như sự rèn đúc của Hồ Chủ tịch. Đó thực sự là một đội quân đi vận động cách mạng quần chúng, hô hào nhân dân cùng chiến đấu với mình và làm nòng cốt cho toàn dân chiến đấu. Chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân, thời nào cũng vậy. Quân đội của ta là quân đội nhân dân, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Thời kỳ tiền khởi nghĩa, tháng 12/1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã chỉ thị thành lập đội quân chủ lực trên cơ sở các đoàn thể cách mạng quần chúng trong Mặt trận Việt Minh và các đội du kích đã phát triển rộng rãi nhiều nơi. Đó là đội “Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân” bao gồm 34 người trong đó có 3 nữ, trang bị 34 súng các loại. Họ là những cán bộ, chiến sĩ được giác ngộ cách mạng cao, kiên quyết và dũng cảm, tuyển chọn trong các đội du kích Cao - Bắc - Lạng. Trong ngày lễ thành lập (22/12/1944), họ đã tuyên đọc dưới lá Quốc kỳ mười lời thề danh dự, thể hiện bản chất một quân đội nhân dân cách mạng tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, đoàn kết một lòng, sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân.

Trong chỉ thị thành lập, lãnh tụ Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đòn anh, mong cho chóng có những đội đòn em khác. Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiềm đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”.

Đúng như vậy, từ một đội quân nhỏ bé, nó đã lớn lên nhanh như “Phù Đổng Thiên Vương”, từ vùng núi Cao Bằng hiểm trở nó đã xuất hiện khắp đất nước Việt Nam tươi đẹp. Chỉ sau hai ngày thành lập, chấp hành chỉ thị “phải đánh thắng trận đầu”, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã mưu trí, táo bạo tiêu diệt gọn đồn Phai Khắt và đồn Nà Ngần (thuộc tỉnh Cao Bằng), thu vũ khí, bắt tù binh, mở đầu truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Quân đội ta. Sau khi thống nhất với Cứu quốc quân thành Việt Nam giải phóng quân, đoàn quân cách mạng đã tiến vào Thủ đô trong cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại của dân tộc và trở thành Vệ quốc đoàn, Quân đội nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Giặc Pháp lại trở lại xâm lược đất nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và của Đảng, Quân đội nhân dân từ Bắc chí Nam đã chiến đấu và chiến thắng, đã vượt mọi gian khổ và trưởng thành. Từ thành công bảo vệ căn cứ Việt Bắc, phát động du kích chiến tranh mạnh mẽ ở Trung Bộ và Nam Bộ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã thắng lợi vẻ vang ở biên giới Cao - Lạng, mở đầu thời kỳ giành chủ động chiến lược trên chiến trường. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 tấn công địch trong toàn quốc mà đỉnh cao chiến thắng Điện Biên Phủ là mốc son chói lọi trong lịch sử vẻ vang của Việt Nam. Điện Biên Phủ đã dẫn đến Hiệp định Giơnevơ, giải phóng hoàn toàn nửa nước phía Bắc, đồng thời đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân xâm lược thế giới.

Một chặng đường vẻ vang đã qua nhưng nhiệm vụ của Quân đội nhân dân Việt Nam chưa hoàn thành: nửa nước còn bị giày xéo dưới gót sắt của thực dân

xâm lược mới. Như mong đợi của Bác Hồ và cũng là của dân tộc, đội quân đòn anh chóng có những đội quân đòn em khác, vì cách mạng còn cần. Quân giải phóng miền Nam, một đội đòn em đã được thành lập tại núi rừng Tây Ninh để tiếp bước đội đòn anh dấy binh từ núi rừng Cao Bằng thuở trước. Là “con một cha, nhà một nóc”, cùng cơ sở tư tưởng cách mạng, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, từ phong trào cách mạng của quần chúng mà ra để phục vụ lợi ích của nhân dân, của đất nước, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã ra đời.

Sau Hiệp định quốc tế Gioinevơ năm 1954, đại bộ phận Quân đội nhân dân ở miền Nam tập kết ra miền Bắc, học trau dồi bản lĩnh và nghệ thuật đánh giặc, một số ít ở lại miền Nam chuyển sang đấu tranh chính trị và cảnh giác đề phòng sự tráo trở của đối phương. Phản bội sự cam kết quốc tế, tự ý xé bỏ Hiệp định, bỏ tổng tuyển cử dân chủ, giặc đã dùng bạo lực quân sự, phátxít để chống lại chính trị và hòa bình, đòn áp đẫm máu nhân dân miền Nam. Không khuất phục trước bất cứ bất công nào, đó là truyền thống của dân tộc, nhân dân miền Nam lại tiến hành cuộc “khởi nghĩa” nổi tiếng giành chính quyền từng phần. Chiến tranh du kích đồng hành với khởi nghĩa quần chúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một lần nữa phát khởi và lan rộng khắp miền Nam Việt Nam một cách thắng lợi. Đế quốc xâm lược không hiểu nổi sức mạnh vô địch của nhân dân giác ngộ, một lần nữa gây chiến tranh quyết chiếm miền Nam Việt Nam làm thuộc địa kiểu mới. Những chiến sĩ Vệ quốc đoàn năm xưa còn lại, cùng các đội viên du kích trong Đồng khởi, kết hợp với “chiến sĩ mùa thu” - những cán bộ tập kết ra miền Bắc trở về - hợp thành những đơn vị Giải phóng quân kiên cường với ý chí không lay chuyển: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Sự nghiệp cứu nước, cứu dân, “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” của Quân đội nhân dân lại tiếp bước bởi Quân giải phóng miền Nam trong cuộc chiến tranh chống xâm lược Mỹ vô cùng ác liệt và khó khăn, một cuộc chiến tranh rất không cân sức, đẫm máu nhất và kéo dài nhất trong lịch sử hiện đại. Quân dân Việt Nam ở thế kỷ XX trong thời đại Hồ Chí Minh lại phải chống lại một kẻ địch khổng lồ muốn làm chúa tể cả thế giới, giống như quân dân nhà Trần ở thế kỷ XIII chống quân Mông - Nguyên toan đô hộ cả hoàn cầu. Lịch sử vẻ vang của dân tộc lại lặp lại, ít thắng nhiều, nhỏ thắng lớn. Trái tim và khối óc con người Việt Nam đã đè bẹp cỗ máy sắt thép khổng lồ với uy lực của sấm sét tàn bạo chưa từng có.

Mở đầu là trận Ấp Bắc vùng Đồng Tháp Mười sinh lầy đã thử sức Quân giải phóng trước chiến thuật tân kỳ trực thăng vận và thiết xa vận của Mỹ - ngụy, qua đó xác định khả năng dùng chiến tranh cách mạng chống lại được chiến tranh

xâm lược. Tiếp theo là chiến dịch Bình Giả ở khu vực rừng núi, chứng tỏ năng lực quân sự của nhân dân và Quân giải phóng có thể thắng giặc, bất cứ chúng là ai.

Từ “Chiến tranh đặc biệt” qua “Chiến tranh cục bộ” là một cuộc leo thang ghê gớm của máu và lửa, một thách thức đối với ý chí và tài năng, một cuộc đọ sức thần kỳ giữa lương tri và tàn bạo.

Trận Vạn Tường là trận đánh quy mô đầu tiên đánh thắng vào quân viễn chinh Mỹ được sự hỗ trợ của tàu chiến, xe tăng và máy bay các loại, cho đến trận Bàu Bàng, Quân giải phóng “lai vô ảnh, khứ vô tung” đã tiêu diệt một đoàn quân “Anh cả đỏ” tự kiêu chưa từng chiến bại của chúng. Đây là những đòn phủ đầu có hiệu quả nâng cao tin tưởng của ta và hạ thấp uy danh của địch. Với “binh hùng, tướng mạnh”, giặc tập trung cao độ binh lực được chi viện của pháo bấy, “thần chiến tranh” với đại bàng sắt các loại tối tân, kể cả B52 chiến lược, dùng chất độc hóa học, vũ khí giết người hàng loạt như bom CBU, thực hiện chiến lược “tìm và diệt” qua hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967. Chúng tưởng có thể làm cỏ cả quân ta và nhốt hết dân ta vào ấp chiến lược - những trại tập trung khổng lồ. Núi rừng Tây Nguyên lại vang lên tiếng súng diệt thù. Trận Pleime, lần đầu tiên Quân giải phóng đối đầu với sư đoàn kỵ binh bay số một của Mỹ một cách có hiệu quả. Đây là sư đoàn hiện đại nhất mà tất cả binh lính, vũ khí, kể cả pháo binh chi viện chiến đấu đều bay lên trời để nhanh chóng đổ ập xuống đầu đối phương bất cứ ở đâu. Nhưng “địch trên trời thì ta dưới đất”, rốt cuộc địch cũng phải xuống đất để chịu những đòn nhớ đời.

Năm 1967, các tướng Mỹ chủ trương mở chiến dịch Junction City nhằm tiến hành trận quyết chiến chiến lược, tiêu diệt quân chủ lực, cả đầu não lãnh đạo và chỉ huy của Quân giải phóng để kết thúc chiến tranh thắng lợi cho Mỹ vào cuối năm. Đây là trận đánh lớn nhất, tập trung toàn bộ các đơn vị thiện chiến của Mỹ, được chi viện tối đa pháo binh, xe tăng, không quân chiến thuật và chiến lược trên một phạm vi chiến trường không rộng ở Bắc Tây Ninh. Quân Mỹ đã rơi vào một trận đồ du kích rất mạnh, du kích có kiến thức và kỹ thuật, được trang bị rộng rãi súng chống tăng nhẹ, trung tiểu liên và mìn các loại, có mặt khắp rừng, ở từng gốc cây bụi cỏ nhưng không bị trông thấy, đón diệt từng tên lính, từng chiếc xe tăng, bắn hạ trực thăng và phi cơ của Mỹ, gây cho chúng nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Chiều tối khi nghỉ, địch đóng quân hay hành quân tập trung đều bị những đòn tiêu diệt chí tử của chủ lực Quân giải phóng một cách bất ngờ. Chiến trận Junction City đã kết thúc sớm hơn dự định và chịu một thất bại nhục nhã bởi không “tìm và diệt” được Việt cộng trái lại luôn bị Việt cộng tìm và diệt cả ngày đêm khắp khu vực chiến trận.

Đi “tìm và diệt” tận hang ổ Việt cộng bị thất bại ê chề thì đầu năm 1968, Việt cộng lại tìm vào tận hang ổ của Mỹ - ngụy, đánh một đòn chiến thuật và chiến lược

mà cả Lầu Năm Góc phương Đông và Nhà Trắng phương Tây đều choáng váng vì không thể nào tưởng tượng nổi. Đó là Quân giải phóng mưu mẹo và anh dũng đã thực hiện tài tình sự chỉ đạo của Bác Hồ: “đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ”, “phải có cách đánh chủ động đi tới chỗ nó rút ra...”.

Quả thực, quân Mỹ đã phải rút dần từng bước, xuống thang chiến tranh, nhưng lại mưu mô rút trong thắng lợi. Chiến lược tấn công “tìm và diệt” được thay bằng chiến lược phòng ngự “quét và giữ” với chủ trương “Việt Nam hóa chiến tranh”. Mỹ ra sức tăng cường mọi mặt cho quân ngụy để chúng thành quân đội mạnh nhất Đông Nam Á. Để bảo đảm cho ngụy thắng, Mỹ mở rộng chiến tranh Việt Nam thành chiến tranh Đông Dương, nhằm triệt để bao vây phong tỏa Việt cộng để đi đến tiêu diệt. Nhưng Mỹ - ngụy đánh lên Campuchia thì vùng giải phóng Campuchia lại được mở rộng. Nâng quân Lon Nol lên mạnh để thêm một lưỡi dao bén đâm sau lưng Quân giải phóng thì quân Lon Nol lại bị diệt lớn trong các chiến dịch Chenla I và II. Ở phía Bắc, hàng rào điện tử Mc Namara dùng kỹ thuật quân sự hiện đại nhất kết hợp với cả chiến tranh hóa học và sinh học đều không bịt được “đường mòn Hồ Chí Minh” trên dãy Trường Sơn hùng vĩ, con đường sống còn cho Quân giải phóng. Chiến tranh lan qua Lào, ở Đường 9 Nam Lào năm 1971, lại bị đánh bại nặng nề, hàng chiến đoàn ngụy bị diệt và bị bắt sống, xe tăng và trực thăng, máy bay Mỹ cũng chịu chung số phận. Đường chiến lược 559 không hề bị tắc mà còn được củng cố bằng những chiến công oanh liệt vừa chiến đấu vừa vận chuyển hàng, lại còn được nối dài đến xuyên suốt Đông Dương.

Sau đòn Mậu Thân, Mỹ đã phải chịu xuống thang chiến tranh, chấm dứt vô điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc để ngồi vào đàm phán hòa bình ở Pari. Nhưng “chết nết vẫn không chữa”, mong xâm lăng đế quốc chưa bỏ. Mỹ cố kéo dài hòa đàm để có thời giờ cho ngụy gượng dậy đủ sức cuối cùng thắng Việt cộng. Tại Pari, Kissinger lại còn thách thức Lê Đức Thọ: Các anh đã có mảnh đất nào hoàn chỉnh ở miền Nam đâu. Quân giải phóng phải giải đáp sự mong đợi của Kissinger vậy. Chiến dịch Quảng Trị và Chiến dịch Nguyễn Huệ đã giải phóng hai vùng hoàn chỉnh gồm nhiều huyện bắc Quảng Trị và nhiều huyện gần Sài Gòn hơn, tây bắc Đông Nam Bộ. Lộc Ninh giải phóng được xem như thủ phủ của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đứng hiên ngang chỉ cách Sài Gòn nơi chúa đầu não chiến tranh Mỹ - ngụy hơn 100km. Mặc dù vậy, chỉ sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam cùng nhân dân miền Bắc, nhân dân Hà Nội, Hải Phòng dũng cảm và tài tình đánh bại cuộc tấn công hủy diệt vô cùng độc ác 12 ngày đêm của không quân Hoa Kỳ với các loại máy bay tối tân và B52 chiến lược thì Hiệp định Pari mới được ký kết. Hai đoàn đại biểu của Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân giải phóng miền Nam tạm thời rời chiến trường vào nghị trường ở Sài Gòn

và một số thành phố khác trong các Ban Liên hiệp quân sự bốn bên rồi hai bên, mong cùng Mỹ - ngụy thảo luận thực hiện các nghị định, đem lại hòa bình cho đất nước. Nhưng ngụy quyền Sài Gòn lại chỉ muốn thắng lợi quân sự. Cuộc chiến đấu của Quân giải phóng lại tiếp tục, các trận đánh trả và trừng trị các vụ vi phạm ngày càng lan rộng và nghiêm trọng. Chúng ta đã tìm mọi cách để giữ vững hòa bình nhưng kẻ địch lại buộc ta phải tiến hành chiến tranh. Không thể dùng chính trị, hòa hợp dân tộc, đi đến có chính phủ liên hiệp rồi thống nhất đất nước trong hòa bình mà phải chiến tranh thì tất nhiên phải kết thúc chiến tranh bằng chiến thắng quân sự. Không có con đường nào khác.

Đầu năm 1975, lần đầu tiên Quân giải phóng miền Nam đã giành được một chiến thắng lớn, giải phóng hoàn toàn một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng không xa Sài Gòn: tỉnh Phước Long. Đây là một vùng đồi núi rộng lớn nối liền với căn cứ cách mạng bắc Đồng Nai (Khu A), cửa ngõ tiến về Sài Gòn đã được mở rộng. Đây lại là một vùng nằm sát phía nam Tây Nguyên, cắt Tây Nguyên với Sài Gòn khiến Tây Nguyên của địch chỉ còn thông với ven biển miền Trung và mở rộng đầu cuối đường Trường Sơn của ta. Một sự kiện quan trọng như vậy, một thất bại nặng nề như vậy nhưng ngụy quân, ngụy quyền đã tỏ ra hoàn toàn bất lực, đã không giữ được và cũng không đủ sức phản công. Ngụy quyền đành làm trò: để 3 ngày quốc tang cho Phước Long thất thủ. Tang cho Phước Long cũng là tang cho chế độ ngụy sắp đến vậy. Còn một mặt khác đáng chú ý nữa là: Mỹ cũng im phăng phắc khiến cho ngụy càng mất tinh thần, càng thấy Mỹ không có cách nào cứu ngụy khi lâm nguy. Phải thôi, lúc Mỹ còn trên nửa triệu quân tại chiến trường còn chịu thất bại, nay đã rút ra rồi liệu có ngoan cố kéo trở vào thì đã làm được gì cho ngụy và cả cho Mỹ. Thắng lợi của Quân giải phóng ở Phước Long rõ ràng là một thắng lợi nhân gấp ba, có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Sự kiện giải phóng Phước Long giống như một máy đo chính xác nhất sức mạnh và khả năng của đôi ba bên tham chiến, cho phép các bên hiểu rõ mình, hiểu rõ địch và tự phán đoán được tình hình chiến tranh cho đến lúc đó và là căn cứ để hạ quyết tâm tiếp theo.

Chuyện phải đến đã đến, cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 tiến hành như vũ bão, thần tốc cuốn phăng và đập nát mọi thế lực Mỹ - ngụy khắp miền Nam, chỉ trong 55 ngày đêm, giai đoạn chót của cuộc chiến tranh 21 năm chống xâm lược Mỹ của nhân dân Việt Nam. Để tạo ra cơn bão tố sấm sét đó, vấn đề quan trọng then chốt là chọn đúng điểm bấm nút ban đầu: Trận đánh Buôn Ma Thuột thắng lợi của Quân giải phóng. Bộ Tham mưu quân ngụy dồn lực lượng phòng thủ ở Kon Tum và Pleiku nơi có công sự phòng ngự vững chắc, tưởng đối phương đột phá tấn công vào đây. Bất ngờ, hậu phương trực tiếp của chúng, Buôn Ma Thuột thất thủ, mất luôn Đường 21 sống còn. Toàn bộ Tây Nguyên chỉ còn dựa vào Đường 19 dài dằng dặc,

uốn khúc lượn quanh các sườn núi hiểm trở. Quân ngụy hoang mang, hỗn loạn rút lui theo đường hẹp, cuối cùng chui hết vào rọ hổng săn của Quân giải phóng. Toàn bộ Tây Nguyên được giải phóng. Tiếp theo là Huế rồi Đà Nẵng, quân ngụy muối chạy về Nam nhưng không kịp, đành chịu bị tiêu diệt và tan rã toàn bộ trên bờ Biển Đông.

Tưởng có thể cố thủ ở khu vực Nam Bộ, ngụy ra sức phòng ngự ở khu vực Sài Gòn do Quân đoàn 3 và lực lượng tổng trừ bị của chúng đảm nhận. Các đơn vị còn tương đối sung sức của ngụy quân tập trung giữ Xuân Lộc, cửa ngõ phía đông của Sài Gòn, xem “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn” theo sự hướng dẫn của chủ Mỹ. Tiền tiêu phòng ngự cho điểm then chốt này là ở Phan Rang. Chiến dịch đánh chiếm thủ đô quân ngụy là Chiến dịch Hồ Chí Minh của Quân giải phóng đã hình thành thế bao vây chặt Sài Gòn từ mọi phía. Trận Xuân Lộc trở thành trận chiến cuối cùng. Đây là trận đánh đẫm máu nhất và cũng là trận đánh quyết định của Chiến dịch Hồ Chí Minh. Quân ngụy đã phải dùng đến bom uy lực mạnh, giết người hàng loạt là bom CBU mà Mỹ đã để lại cho khi quân Mỹ rút về nước.

Nhưng khi tập đoàn phòng ngự Xuân Lộc bị tiêu diệt và rút chạy, Xuân Lộc mất thì Sài Gòn coi như không còn cách gì giữ nổi. Mỹ tuyên bố hết trách nhiệm ở Việt Nam. Tổng thống ngụy quyền từ chức, chạy sớm, nhường lại con bài “thương lượng” giờ chót coi như chút hy vọng mong manh cuối cùng để vớt vát sự thảm bại hoàn toàn. Nhưng sáng kiến mộng mơ này của những kẻ nước ngoài không đi đến đâu. Sự quyết định là do Quân giải phóng miền Nam và nhân dân Sài Gòn đã đổ máu suốt 30 năm chinh chiến. Ngày 30/4/1975 trở thành ngày lịch sử vang nhức, giải phóng vĩnh viễn dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ ngoại bang.

Quân giải phóng miền Nam tiếp nối con đường, sự nghiệp gian khổ nhưng vinh quang của Quân đội nhân dân Việt Nam, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vì dân, vì nước.

Hồ Chí Minh - vị cha già dân tộc, người vạch ra con đường cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn nhất, người sáng lập ra Quân đội cách mạng Việt Nam, giáo dục và chỉ đạo theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, đã từng nói: Quân giải phóng là người em oanh liệt của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điện Biên Phủ - Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh - Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Đó là những chiến công thời đại, tiếng vang vượt không gian, sống với thời gian, đưa Việt Nam tiến bước vào thế kỷ tiếp theo hòa bình và thịnh vượng.

ĂN TẾT GIỮA “BẦY SÓI” - THỜI KỲ CHIẾN TRANH

Đây là một cái Tết rất đặc biệt, cả đời người hẵn chỉ có một lần. Đó là Tết Quý Sửu năm 1973.

Ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari được ký kết, quy định thành lập Ban Liên hiệp quân sự bốn bên (Mỹ, ngụy Sài Gòn, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) để bàn việc thi hành Hiệp định. Tôi được quyết định làm Trưởng đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Hai đoàn quân sự của ta do Mỹ đón bằng máy bay từ Hà Nội và Lộc Ninh vào Sài Gòn để ăn ở và họp ở đấy, tại trại lính cũ - trại Đavít trong sân bay Tân Sơn Nhất. Tuy tới chậm theo quy định, nhưng đến ngày 01/02 chúng tôi đã đủ mặt để ngày 02/02 họp phiên đầu. Mỹ đòi họp tiếp ngày 03/02 nhưng Đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phản đối và cả đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và ngụy Sài Gòn cũng đồng tình, thống nhất là phải nghỉ ngày ấy vì là ngày mồng Một Tết âm lịch, truyền thống của dân ta. Mỹ phải chịu. Việt Nam đoàn kết đã thắng 1 điểm.

Đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam chúng tôi đã ăn Tết trước ở Lộc Ninh rồi, nhưng vì sau bao nhiêu năm chiến tranh, lần đầu tiên sống ở đất Sài Gòn thân yêu của mình, chúng tôi muốn được tận hưởng những giờ phút bình yên nhất bên cạnh tách trà và một ít bánh mứt đem theo, để nhớ công đức ông cha đã tạo dựng được xứ sở đẹp đẽ này cho ta sẵn sàng đem xương máu ra giữ nó.

Đêm giao thừa. Chúng tôi đi chúc Tết lẫn nhau, cả hai đoàn (từ miền Bắc vô và từ chiến khu đến). Một không khí đầm ấm, vui tươi. Một xã hội cỏn con chan hòa tình cảm, thống nhất tâm tư, trong vòng thành và lô cốt “bảo vệ” của kẻ địch. Mùi khói thuốc Thăng Long quyện với hương cà phê Lộc Ninh ngọt ngào lan tỏa. Nhưng cả trại chỉ có một gốc đào Ngọc Hà cưỡi máy bay C130 vào và một cành mai vàng mang trên trực thăng từ rừng cắn cứ. Đầu lăm rồi hương vị một mùa xuân.

Từ một góc nào đó, anh em đã mở nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, một giọng thơ ngân dài:

*"Ta lại về ta, những đứa con
Máu hòa trong máu, đỏ như son
Sài Gòn ơi, Huế ơi! Xin đợi
Tái hợp huy hoàng, cả nước non!"*

Khoảng 3 giờ sáng ngày mùng Một Tết, tôi đang ngủ say thì bị lay dậy: báo cáo “địch đang uy hiếp bằng trực thăng vũ trang và bao vây bằng xe bọc thép. Anh Hòa (Thiếu tướng Lê Quang Hòa - Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) đã phản đối với sĩ quan liên lạc nhưng không có kết quả mà địch càng lồng lộn, điên cuồng”. Hồi rõ đầu đuôi, tôi mới biết rằng một đồng chí thông tin của đoàn anh Hòa cao hứng treo lá cờ đỏ sao vàng trên cột ăngten để ăn Tết. Toàn bộ các vọng gác của địch xung quanh nhộn nhịp. Bốn trực thăng quần thảo, rà sát gầm rú trên nóc nhà, chiếu đèn pha vào trại sáng rực. Ngoài cổng 6 xe bọc thép rít bánh sắt xuống đường, các xe lớn đổ quân bao vây trại, súng ống cắm lưỡi lê lóe lửa. Xe quân cảnh rú còi inh ôi. Tất cả náo động một vùng như có một trận đánh lớn.

Đối bên đang thảo luận về các thủ tục như dùng cờ, giấy chứng minh đi lại... chưa ngã ngũ. Vì vậy thấy cờ đỏ sao vàng xuất hiện, chúng hoảng hốt phản ứng mạnh đòi rút cờ. Anh em ta thì cứng nhắc không nghe.

Tôi phải gặp anh Hòa thuyết phục. Chưa nhất trí thì không treo cờ. Chúng đã cứng ta lấy mềm mà xử, chúng như lửa ta lấy nước mà dập tắt. Đây chỉ là chuyện nhỏ, nhân nhượng một chút không là gì cả. Thi hành Hiệp nghị như ngừng bắn... mới là chuyện lớn cần giữ vững nguyên tắc. Nghe ra, anh em ta rút cờ. Thế là mọi việc êm thầm. Chúng rút lui mọi lực lượng. Không khí trở lại yên bình để anh em vui Tết trọn vẹn ngày mùng Một.

Qua ngày sau họp 4 trưởng đoàn, hai trưởng đoàn ta phản đối mạnh mẽ. Các ngài quen dùng vũ lực tàn bạo để đe dọa những kẻ yếu bóng vía. Bom đạn của Mỹ nhiều thật nhưng đã bất lực rồi, chúng tôi vào đây chỉ để nói chuyện hòa bình, hòa giải, không phải để chiến đấu. Các ngài có biết rằng nếu Quân giải phóng chúng tôi, chỉ quanh sát Sài Gòn đây thôi, biết rằng các ngài đón khách kém văn hóa, kém văn minh, láo xược và thô bạo như vậy thì sẽ nghĩ và làm gì không?

Tướng Út Uốt - Trưởng đoàn Mỹ, giả hay thật không rõ, tỏ ra ngơ ngác, không biết có chuyện xảy ra, ngó qua Ngô Du - Trưởng đoàn ngụy Sài Gòn. Du lúng túng đổ cho lực lượng sân bay của không quân, vì họ có trách nhiệm bảo vệ. Để qua đi

sự việc này, tôi nhấn mạnh chúng tôi yêu cầu những hành động khoa trương sức mạnh súng đạn không bao giờ xảy ra nữa.

Chúng tôi ăn Tết Quý Sửu 1973 giữa Sài Gòn trong vòng vây của địch như vậy đó. Vừa đánh địch đau đớn ở chiến trường nay vào tận sào huyệt của chúng nói chuyện hòa bình. Chúng tức khí đáy thôi. Kẻ địch đã mê muội không hiểu ngay sức lực của mình, không hiểu cha đõ đâu Mỹ đã mất hết ý chí xâm lược. Vì vậy, chúng ta phải tạo ra những mùa xuân thực sự hòa bình và hạnh phúc, những mùa xuân rực rõ sau ngày 30/4.

NHIỆM VỤ NÀO CŨNG HOÀN THÀNH

(người lính Việt Nam)

“Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua”, đó là khẩu hiệu của người lính Việt Nam thế kỷ XX. Họ xuất phát từ Việt Bắc trong những ngày đen tối của dân tộc, tiến về Hà Nội, xé dọc Trường Sơn ra tận biển Tây Nam, về Biển Đông, trên một chặng đường dài ngót nửa thế kỷ. Họ đã cùng nhân dân giành lại được đất nước, bây giờ còn phải giữ đất nước. Đó là mệnh lệnh của Tổ quốc, của lãnh tụ Hồ Chí Minh anh minh của dân tộc, người đã sinh ra, giáo dục, chỉ huy một kiểu quân đội hoàn toàn mới, với ý chí và niềm tin, dũng cảm và sáng tạo, để tiến hành chiến tranh chính nghĩa và chỉ chiến tranh chính nghĩa thôi.

Tạo hóa thật bất công. Có dân tộc nào phải chịu bao thử thách gian nguy quá lớn như dân tộc Việt Nam. Một nước nhỏ, dân không đông, nghèo nàn và lạc hậu trong cảnh bị nô dịch lầm than ngót trăm năm, cố đứng dậy mưu cầu một cuộc sống tự do độc lập, hòa bình lại bị buộc phải tiến hành 4 cuộc chiến tranh ác liệt liên tiếp gần 40 năm. Có người lính nào trên thế gian này như người lính Việt Nam, vì nghèo khổ nên nhỏ con, mỏ đầu bằng đi chân đất, cầm gậy tẩm vông, ăn đói mặc rách, vẫn sẵn sàng hy sinh chống lại những người khổng lồ và đã thắng lợi vẻ vang. Sau một thời gian dài khó khăn giành và giữ nước, hoàn thành nhiệm vụ, vẫn nghèo, vẫn khổ, vẫn sẵn sàng hy sinh để giữ an cho dân, cho nước.

Ngày khởi đầu từ chỉ huy đến chiến sĩ, họ là những thanh niên, tóc xanh thịt bắp, với một tấm lòng, ra đi thể chưa tan giặc chưa trở về. Ngày nay hòa bình rồi, một số không ít đã nằm lại đâu đó trên mảnh đất quê hương, số còn lại trở về thì tai ụ, tóc bạc nhưng lòng tự hào, mãn nguyện, chí hướng đã thành. Họ như những cánh chim về tổ, rải rác khắp đô thị, ruộng đồng. Nhân dân biết ơn họ, thanh niên mến phục họ, làng xã đùm bọc họ, với ý nghĩa “uống nước nhớ nguồn”. Cuộc sống tinh thần thoái mái đẹp đẽ giữa nhân dân là phần thưởng quý giá khi trở về với đời thường. Nhưng không phải không có những trực trặc. Không phải người nào, nơi nào cũng hiểu và đối xử với họ như vậy. Cũng có những thanh niên ngày nay đang

giữ trách nhiệm ở rải rác một số vùng, đặc biệt là ở nông thôn, chưa hề biết cảnh nô lệ của người dân mất nước, đã coi thường họ, đối xử không tốt và không công bằng đối với họ. Đây không phải số nhiều nhưng đã đủ để làm cho một số cựu binh dày dặn tủi lòng và đau khổ. Nhưng đáng chú ý nhất là đói sống vật chất của họ, của gia đình họ. Sức lực thời trai đã cống hiến cho đất nước rồi. Giờ đây “về vườn”, lực tàn sức yếu, làm gì được để nuôi mình, nuôi gia đình, vợ con nheo nhóc. Thời chiến, họ tình nguyện tham gia chiến đấu vì hiểu rõ “nước mất thì nhà tan”, không giành lại được nước thì không thể nào bảo vệ được nhà. Người quê miền Nam, trong cảnh khói lửa chiến tranh đành phó mặc gia đình cho làng xóm, đem mình hy sinh cứu nước. Người ở miền Bắc xung phong ra mặt trận, ở nhà có hợp tác xã đùm bọc vợ con. Hợp tác xã hồi đó, có lẽ làm ăn không tốt, sản xuất không lên, mặt kinh tế tồi, nhưng mặt tinh thần và trách nhiệm đối với người ra đi cứu nước thật là tuyệt diệu, làm yên lòng họ ở chiến trường. Ngày nay, không còn kiểu hợp tác xã như vậy nữa, kinh tế bắt đầu phát triển, tình thương con người, làng xóm vẫn vậy, mà khả năng “lá lành đùm lá rách” của từng cá nhân làm sao bằng tập thể. Xã hội Việt Nam vẫn còn nghèo, cơ chế thị trường tác động, những người thiệt thòi nhất, những người nghèo nhất vẫn là những người cựu chiến binh, ở nông thôn cũng như thành thị, không còn sức bươn chải làm ăn. Không thiếu những cảnh đau lòng. Nhiều người cùng gia đình bữa rau bữa cháo với đồng lương hưu ít ỏi. Bà mẹ Nguyễn Thị Rành ở Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) có 8 con tất cả ra đi đều không trở về, nay cùng bà con xóm làng nương náu tuổi già. Nhà nước Việt Nam không hề bỏ qua những hoàn cảnh hậu quả chiến tranh này. Đã có những chính sách ưu đãi những người có công với nước, những gia đình thương binh, liệt sĩ. Đã có phong trào nhân dân “đền ơn đáp nghĩa”, quyên góp cho quỹ “xóa đói giảm nghèo”. Đã có các cuộc vận động giúp xây “nhà tình nghĩa” (đã có hàng nghìn) cho những người có công với nước mà nhà cửa không còn. Nhưng một đất nước đã phải dốc sức ra và gánh chịu gần nửa thế kỷ chiến tranh tàn phá, nhân dân và nhà nước còn nghèo, làm sao một mai một chiều xóa bỏ hết được những ngang trái.

Hàng triệu cựu chiến binh, hàng triệu gia đình vì chiến tranh mà nghèo khó như vậy trong cả nước, họ nghĩ gì và làm gì hôm nay khi nước nhà độc lập, hòa bình? Dân Việt Nam vốn chịu khó và cần cù, trong chiến tranh cũng rèn cho họ tinh thần tự lực và óc sáng tạo. Không ngồi chờ chết, mỗi người bằng cách này hay cách khác lao động mà sống “tự cứu mình trước khi trời cứu”. Khi còn chế độ kinh tế tập trung bao cấp, làm ăn quá khó khăn, không ít người đã bất mãn với mình, bất mãn với Nhà nước, với lãnh đạo. Họ làm không đủ sống, lõi lã, có thể do không vốn, ít vốn, thiếu tài, nhưng cả xã hội như vậy, cả nước cũng vậy không thể hiểu nổi. Họ là thành phần nòng cốt trong dân, tinh thần họ không ổn thì

nhân dân không ổn. Các tầng lớp lao động, trí thức, đều có tâm tư, đều nêu những ý kiến không thỏa mãn với tình hình và cả những ý kiến tìm lối thoát. Cả một dân tộc, cả một Đảng lãnh đạo trong chiến tranh đã chứng tỏ ý chí tài năng và óc sáng tạo để thắng hung tàn và chết chóc, không thể ngồi nhìn tàn lụi trong đói nghèo. Rồi chủ trương đổi mới toàn diện cả tư duy và phương pháp hành động mọi mặt mà trước nhất là về kinh tế do Đảng đề ra được hưởng ứng nhiệt liệt. Những cựu chiến binh mà nhân dân gọi họ là những “Bộ đội Cụ Hồ”, “cựu” nhưng không cũ, mà thành nòng cốt cho đoàn kết và đổi mới. Giờ đây, họ tình nguyện tập hợp vào tổ chức của họ - Hội Cựu chiến binh - tham gia tích cực vào mọi mặt sinh hoạt chính trị và xã hội ở nông thôn cũng như thành thị. Đã có những cựu chiến binh còn chút sức lực đã nâng cao đời sống gia đình bằng mảnh đất nhỏ của mình. Đã có người làm giàu từ V.A.C (vườn + ao + chuồng). Đã có thương binh ở Bình Thạnh (Thành phố Hồ Chí Minh) từ hai bàn tay trắng xây dựng được một xưởng cơ khí do mình làm giám đốc, có những sản phẩm sáng tạo về kỹ thuật. Đã có những cựu chiến binh còn trẻ, khỏe được chuyển ngành qua các ngành nghề kinh tế tiếp tục cống hiến sức lực, tài năng để phát triển đất nước. Họ là những người giàu lòng nhân ái, đã giúp đoàn kết và tương trợ nhau trong xóm, phường. Hơn ai hết, họ tha thiết với hòa bình và hiểu rõ giá trị ổn định cho một xã hội để phát triển đi lên. Nếu trước kia họ là người lính xung phong ngoài mặt trận thì nay họ là chiến đấu viên kiên cường cho trật tự an ninh, cho công bằng, chống mọi tệ nạn tham nhũng cũng như tội ác trong xã hội. Tất nhiên, không tránh khỏi có một bộ phận trong họ đã để mất phẩm chất, tha hóa. May thay, số ấy không nhiều nhờ sự giáo dục rèn luyện trong bao năm chiến tranh theo đức độ Bác Hồ. Cuộc sống của họ thật phong phú tuy về vật chất vẫn còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, không đói nhưng vẫn còn nghèo khổ, nhọc nhằn. Trong cảnh sống thanh bình, họ không quên những người bạn chiến đấu năm xưa khi ngã xuống họ là những người vội vàng chôn cất. Họ tổ chức từng đoàn, lại ba lô lên vai - đôi dép cao su vạn dặm, đi đến tận nơi, tìm đưa bạn về nghĩa trang liệt sĩ. Nghĩ đến những trẻ em bất hạnh vì mồ côi, vì khuyết tật khi sinh do cha mẹ bị ảnh hưởng chất độc màu da cam của quân đội Mỹ, những trẻ em bị thiệt thòi trong lúc đất nước còn nghèo, họ cố làm một việc gì đó để xoa dịu bớt nỗi đau tồn đọng của chiến tranh trong những tâm hồn trẻ. Như nữ Nghệ sĩ nhân dân và là cựu chiến binh Trương Tường Vi trong thiếu thốn khó khăn đã tổ chức ra câu lạc bộ nghệ thuật tình thương bồi dưỡng tài năng trẻ khuyết tật, được mọi người cảm động, hoan nghênh. Trong xóm làng, họ là những người có tuổi được tin yêu kính trọng. Họ đã giáo dục lớp trẻ bằng đức độ gương mẫu của mình và bằng những câu chuyện truyền thống hào hùng của ông cha đi trước; đã động viên thanh niên tiếp bước cha anh xây dựng lực lượng

bảo vệ Tổ quốc, “Thời bình khẩn trương, chịu đựng khắc khổ như thời chiến” đúng như lời dạy của Hồ Chủ tịch. Tuy nhiên, “người lính Cụ Hồ”, năm xưa đánh giặc và ngày nay giữ nước là cốt vì độc lập, tự do, vì một xã hội công bằng và hạnh phúc. Võn kiên cường và sáng tạo trong chiến đấu mà thắng, nay họ ra sức ủng hộ công cuộc đổi mới về kinh tế, về chính trị để luôn luôn sáng tạo cái mới phù hợp với quy luật khách quan cho đất nước đi lên trong xây dựng hòa bình. Vì vậy, không phải đổi mới đã đem lại một kết quả khả quan về kinh tế, đời sống nhân dân đã được nâng cao một bước mà họ đã yên tâm. Vì chính sách kinh tế mở, nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã giúp đưa nền kinh tế đất nước phát triển khả quan, nhưng cũng để ra những vấn đề khác. Sự phân hóa nhanh giàu nghèo trong xã hội, sự cách biệt lớn giữa nông thôn và thành thị là những việc đáng lo ngại. Chính sách xã hội đối với những người già cô đơn do con cái đã hy sinh trong chiến đấu, những người thương tật, mất sức, những gia đình neo đơn, thiếu lao động do mất mát trong chiến tranh là những vấn đề làm họ băn khoăn, lo nghĩ. Vì vậy, một mặt tán thành và ủng hộ đổi mới, mặt khác họ luôn theo dõi chặt chẽ những bước đi sao cho không chêch hướng dẫn đến một xã hội mất công bằng. Không phải làm giàu với bất cứ giá nào nhằm thỏa mãn một thiểu số người, mà phải là “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” như Bác Hồ đã mong mỏi. Một đất nước đang phát triển với nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có chỉ đạo thì có người giàu kẻ nghèo, còn có bóc lột và bị bóc lột là tất nhiên trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Họ chỉ muốn cùng toàn dân giám sát sự đi lên dân giàu nước mạnh hướng đến xây dựng một xã hội ngày càng công bằng hơn, hạnh phúc hơn cho mọi tầng lớp nhân dân. Dân tộc Việt Nam còn nghèo về của cải vật chất nhưng vốn giàu về tình thương yêu con người, “thương người như thể thương thân”. “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời chiến cũng như thời bình cố noi theo đức độ người “cha đẻ” Hồ Chí Minh, sẵn sàng gánh chịu về mình mọi hy sinh, cực nhọc cho Tổ quốc mình độc lập, nhân dân mình hạnh phúc, cả nhân loại người với người là bạn.

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN ĐÀI TRUYỀN HÌNH CHILÉ

1. Ngài nhớ gì về Chủ tịch Hồ Chí Minh? Chủ tịch Hồ Chí Minh có để lại di sản gì cho nhân dân Việt Nam?

Nhớ về Chủ tịch Hồ Chí Minh thì nhiều lắm vì Chủ tịch là người đã vạch ra, tạo nên và lãnh đạo nhân dân làm nên lịch sử vẻ vang nhất trong thế kỷ XX này, cũng là người góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân bị áp bức trên thế giới. Chí hướng của Người không phải chỉ là giành độc lập, tự do mà còn đưa đất nước lên giàu mạnh, nhân dân ấm no, hạnh phúc, như vậy con đường Người vạch ra không những là phải hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ mà phải tiếp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, Người đã mất đi nhưng tư tưởng của Người còn nguyên vẹn đã soi sáng cho tương lai. Mỗi một giai đoạn lịch sử, mỗi một thời kỳ tiến triển trong một thế giới phức tạp lại làm cho ta nhớ một cái gì về Người.

Trước tình hình khó khăn của chúng tôi hiện nay trong xây dựng đất nước, trước tình hình phức tạp của thế giới như một loạt các nước xã hội chủ nghĩa kể cả Liên Xô bị tan rã, tôi nhớ nhất về Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

- Ý chí kiên cường, cách mạng vững vàng trong mọi tình huống.
- Tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức sáng tạo của mình mà tiến lên phía trước.

* *Nói gọn lại, di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho nhân dân Việt Nam là tư tưởng và sự nghiệp của Người.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tư tưởng của Người là gắn liền lý luận với thực tế. Người dựa vào lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin áp dụng sáng tạo và đúng đắn vào thực tế tình hình đất nước và nhân dân, tình hình thế giới trong mỗi thời kỳ lịch sử. Vì vậy mà luôn luôn sáng tạo và đổi mới. Sáng tạo và đổi mới để đứng vững và tiến lên phía trước vì tự do, hạnh phúc của con người, vì dân chủ và công bằng xã hội, đó là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp của Người là những gì Người đã vạch ra và đã thực hiện. Trước nhất là “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, điều này đã thực hiện và đang giữ vững. Độc lập, tự do phải tiến lên cơm no, áo ấm, điều này chúng tôi đang tiếp tục thực hiện. Để có cơm no, áo ấm phải xây dựng một xã hội dân chủ và công bằng, không có người bóc lột người, đó là chế độ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh là một người của quá khứ, của hiện tại và cả của tương lai. Nhân dân Việt Nam hiện nay trung thành với tư tưởng của Người, tiếp tục phấn đấu kiên cường theo sự nghiệp của Người để lại, nối tiếp chí hướng của Người, đưa nước Việt Nam lên giàu mạnh, nhân dân Việt Nam có đủ hạnh phúc, xã hội Việt Nam tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Con đường Người đã vạch, chúng tôi đi theo đến cùng. Đó là tiếp nối di sản Người để lại.

2. Sau khi nhân dân Việt Nam đánh bại Mỹ, tất cả nhân dân thế giới đều nghĩ rằng đó là sự suy tàn của đế quốc Mỹ. Ngày nay Mỹ được coi là một nước lớn và cường quốc duy nhất. Ngài suy nghĩ gì về vấn đề này?

Sự vật trên đời luôn luôn biến động. Cuộc đời một con người, sự tiến triển của một xã hội, một đất nước, sự phát triển của thế giới loài người, lúc thịnh, lúc suy, khi lên khi xuống là lẽ thường. Nhưng tất cả những cuộc vận động ấy đều theo chiều hướng tiến bộ, vươn lên cái chân, thiện, mĩ.

Trước cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ nghĩ rằng Mỹ chỉ có thắng, không có bại, đưa vũ khí hăm dọa mọi người, làm sen đầm quốc tế. Sau Việt Nam, nhân dân toàn thế giới đều hiểu rằng một nước nhỏ nghèo như Việt Nam vẫn có thể đánh bại Mỹ - một nước khổng lồ và không ai chịu để cho Mỹ muốn làm mưa làm gió gì cũng được. Chế độ thuộc địa cũ cũng như mới hầu như tan rã, đó mới là cái thực chất thay đổi. Sau khi Liên Xô không còn, một đối trọng chủ chốt không còn nên Mỹ tưởng rằng ngày nay chỉ còn một siêu cường độc nhất làm chủ trái đất là Mỹ. Không phải như vậy. Thế giới đang chuyển động vào thế đa cực và một thăng bằng mới đang dần dần hình thành trên cơ sở mỗi dân tộc đều giác ngộ quyền tự làm chủ vận mệnh của mình trong một thế giới hòa bình và hữu nghị. Tư tưởng, tinh thần con người làm chủ quả đất chứ không phải sức mạnh vũ khí làm chủ.

3. Người Mỹ đã chiến đấu và chiến thắng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, ở Panama, ở vùng Vịnh... Vì sao họ thất bại ở Việt Nam?

Mỹ đã cùng Đồng minh chiến thắng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng Mỹ lại thua ở Việt Nam. Đây là điều bất ngờ đối với Mỹ và cả thế giới.

Mỹ cho đây chỉ là sai lầm do Pháp đã kéo dài chiến tranh nên gây ra sự kiện Panama, đánh nhanh thắng nhanh. Chưa yên tâm, Mỹ gây ra sự kiện vùng Vịnh,

dùng sức mạnh tập trung của vũ khí trong thời gian ngắn, hủy diệt tất cả. Mỹ tưởng đó là thắng lợi nện vội vàng tuyên bố xóa bỏ hội chứng Việt Nam. Thật sự không phải như vậy. Irắc còn đó, dân tộc Ả Rập còn đó.

Trong chiến tranh Việt Nam, chúng tôi không đánh theo cách của Chiến tranh thế giới thứ hai, không đánh như ở Panama cũng như ở Kuwait và Irắc, chúng tôi không dùng vũ khí chơi lại vũ khí, không dùng quân đội chơi lại quân đội. Chúng tôi dùng chiến tranh nhân dân chống lại xâm lược, dùng sức mạnh vũ khí và quân đội, dùng chính nghĩa chống lại phi nghĩa. Vì vậy, chúng tôi đã thắng. Nếu sau này xảy ra chiến tranh, chúng tôi cũng sẽ thắng bằng chiến tranh nhân dân dựa vào sức mạnh của trí tuệ con người, vào sức mạnh của toàn dân giác ngộ vai trò của mình.

Đứng về chính nghĩa bảo vệ sự sống của mình và dùng chiến tranh nhân dân có sự lãnh đạo vững vàng thì dân tộc nào cũng sẽ thắng như Việt Nam.

4. Người Mỹ đang tìm kiếm những người Mỹ mất tích ở Việt Nam. Ngài đánh giá gì về cuộc tìm kiếm đó?

Chúng tôi cho rằng người Mỹ lo việc tìm kiếm những người của mình bị mất tích trong chiến tranh là đúng. Đó là việc phải làm. Chúng tôi thông cảm với sự mất mát to lớn của các gia đình có người mất tích vì chúng tôi còn bị mất mát nhiều hơn Mỹ gấp bội do bom đạn tàn phá của Mỹ.

Chính vì vậy, Chính phủ Việt Nam cũng như nhân dân Việt Nam sẵn sàng làm mọi cách giúp Mỹ tìm kiếm những người mất tích trong chiến tranh.

Nhưng thứ nhất là Mỹ nên biết rằng số người mất tích của Việt Nam còn gấp chục, trăm lần của Mỹ, số gia đình Việt Nam đau khổ cũng nhiều gấp bội so với gia đình Mỹ mất mát để có hành động đúng.

Thứ hai là không nên dùng vấn đề người mất tích làm thủ đoạn chính trị để ép chúng tôi vì như vậy là biến một việc đúng, việc tốt thành việc xấu.

Đây là vấn đề nhân đạo, vấn đề chính sách và nghĩa vụ không nên biến nó thành vấn đề chính trị.

TRẢ LỜI BÁO CHÍ TRONG CUỘC HỌP BÁO CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU HỘI CỰU CHIẾN BINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH LẦN THỨ I NĂM 1992

Dại hội Cựu chiến binh lần thứ I sẽ kiểm điểm mọi mặt hoạt động của Hội trong hai năm qua (1990, 1991), để ra công tác trong 5 năm tới, bầu Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Thành phố và bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Dưới đây là biên bản nội dung cuộc họp báo chuẩn bị Đại hội do Thượng tướng Trần Văn Trà chủ trì:

Thượng tướng Trần Văn Trà: Tôi xin giới thiệu vài nét về Hội Cựu chiến binh Thành phố. Ngay sau khi có quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, có giấy phép của Hội đồng Bộ trưởng, thông tri của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố được thành lập vào tháng 6/1990. Chỉ trong hơn 2 tháng, Hội đã kết nạp hơn 8.000 hội viên, bầu xong ban chấp hành từ quận, huyện đến phường, xã. Sự ra đời của Hội đã đáp ứng yêu cầu của cựu chiến binh và nguyện vọng của nhân dân đã từng cưu mang nuôi dưỡng người con của mình trong suốt bao nhiêu năm chiến đấu. Cần nói thêm, trong chỉ thị thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam của Ban Bí thư, Bộ Chính trị có nêu nhiệm vụ chuẩn bị tích cực, nhanh chóng tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Được chỉ thị đó, tất cả hội cựu chiến binh các tỉnh, thành trong cả nước tiến hành gấp rút kết nạp hội viên và xây dựng tổ chức hội. Chính vì thế, hội cựu chiến binh từ xã, phường trở lên nhanh chóng tổ chức đại hội cơ sở đến quận, huyện, tiến tới đại hội cựu chiến binh tỉnh bầu cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Chỉ trong hai tháng, việc kết nạp hội viên, tổ chức đại hội cơ sở thành phong trào rầm rộ khắp nơi. Cho tới nay, Hội Cựu chiến binh Thành phố đã quy tụ hơn 10.000 hội viên gồm nhiều thế hệ,

3 thứ quân, nhiều binh, quân chủng đã từng chiến đấu ở các chiến trường Trung, Nam, Bắc đang về nghỉ hưu, chuyển ngành trên địa bàn Thành phố.

Mới thành lập được hai năm, tuy tuổi Hội còn rất trẻ nhưng tuổi đời, hoạt động chiến đấu cách mạng của hội viên đều đã trải qua thử thách. Hội có hơn 100 đảng viên trên 50 tuổi đảng, 1.600 đảng viên trên 40 tuổi đảng, 44 cấp tướng và thứ trưởng, bộ trưởng, 800 đại tá, 1.065 trung tá, thiếu tá. Không ít cựu chiến binh đã tốt nghiệp các học viện quân sự trung, cao cấp trong và ngoài nước, đã tốt nghiệp đại học và trên đại học các ngành y dược, khoa học kỹ thuật.

Hội ra đời trong lúc đất nước có nhiều khó khăn gay gắt về kinh tế - xã hội, trong tình hình quốc tế biến động cực kỳ phức tạp và mau lẹ. Các cựu chiến binh luôn luôn tu dưỡng học hỏi để vươn mình tiếp cận với sự đổi mới của đất nước. Nhờ có sự gắn bó máu thịt với nhân dân trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, Hội đã cùng với các đoàn thể cách mạng khác, góp phần cùng cấp ủy và chính quyền giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện đổi mới mọi mặt, phát triển kinh tế, xây dựng đất nước giàu mạnh. Với động cơ trong sáng và hành động thiết thực, Hội đã tự khẳng định mình là một đoàn thể quần chúng cách mạng với chức năng hoạt động chính trị - xã hội, đóng góp kinh nghiệm và hiểu biết của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Thành phố xứng đáng là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giao lưu quốc tế của cả nước, một thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu.

Hoạt động của Hội đã được sự chỉ đạo của Thành ủy, sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Thành phố từ khi Hội mới được thành lập. Nhân dịp Đại hội Cựu chiến binh Thành phố lần thứ I sẽ được tiến hành, các báo, đài Trung ương và Thành phố đã góp phần đưa tin, bài viết để cổ vũ cựu chiến binh như trước đây trong chiến tranh đã gắn bó với chúng tôi trong từng trận đánh, từng chiến dịch. Xin cảm ơn tất cả các đồng chí.

Cho đến nay, Điều lệ của Hội Cựu chiến binh đã được thảo luận từ cơ sở trở lên. Ở đại hội tỉnh, thành phố và đại hội toàn quốc Hội Cựu chiến binh sẽ thảo luận và thông qua. Điều lệ của Hội không những được cựu chiến binh thảo luận mà còn được Trung ương góp ý kiến. Rõ nhất là bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười lúc đồng chí đến thăm và nói chuyện tại Hội nghị thường kỳ lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Đồng chí đã nêu đầy đủ tính chất, mục đích, nhiệm vụ và vai trò, vị trí của Hội Cựu chiến binh trong thời kỳ hiện nay. Bài nói chuyện của đồng chí Tổng Bí thư là chỉ thị đầy đủ nhất về mọi mặt cho Hội Cựu chiến binh. Sau này chắc chắn các đại hội khi thảo luận Điều lệ đều căn cứ chỉ thị của đồng chí Tổng Bí thư

Đỗ Mười đã nêu ra (bài nói của đồng chí Tổng Bí thư sẽ cung cấp cho các báo, đài). Mong các đồng chí hỗ trợ, giúp đỡ Hội Cựu chiến binh, bởi vì tiếng nói của báo chí đối với nhân dân, đối với cán bộ, các ngành là thông tin có giá trị nhất. Hội Cựu chiến binh chúng tôi cũng có khuyết điểm trong việc tuyên truyền vận động, chưa làm được bao nhiêu, đề nghị các đồng chí nhiệt tình giúp đỡ Hội Cựu chiến binh. Trước hết xin hoan nghênh, sau đây các đồng chí có ý kiến gì hỏi xin nêu ra trao đổi.

Hỏi: Đồng chí có thể ước lượng được Hội Cựu chiến binh Thành phố có bao nhiêu cựu chiến binh trong các cơ quan, xí nghiệp?

Việc thành lập Hội Cựu chiến binh từ khi có chỉ thị của Đảng đến nay, như mọi tổ chức khác, lúc đầu cũng gặp nhiều khó khăn, trực tiếp. Vì thế cho nên việc tuyên truyền và tổ chức Hội Cựu chiến binh cũng không được liên tục. Có thời kỳ đầu bị gián đoạn, phân tán tư tưởng trong cựu chiến binh, do đó trắc trở, khó khăn về mặt này mặt khác, phát triển hội viên không được đồng đều. Ở Thành phố kết nạp tất cả các đồng chí đã từng chiến đấu trong các cuộc chiến tranh vừa qua bất cứ ở đâu, chiến trường nào, đơn vị, quân binh chủng nào có mặt ở Thành phố, bao gồm 3 thứ quân, không chỉ chủ lực mà cả bộ đội địa phương, vùng ven đến nội thành, biệt động, đặc công đã từng hoạt động ở Thành phố. Tuy nhiên, số lượng chúng tôi chưa nắm được chắc. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp và trong suốt 30 năm nay đã có nhiều người tham gia chiến đấu nên số lượng đó khá đông và rất quý vì nằm trong lòng nhân dân. Nhưng do năm chưa chắc nên việc phát triển hội viên còn rất ít. Ở Thành phố mới được trên 10.000 người, chúng tôi ước tính có thể phát triển hơn 10 lần, nay mới tổ chức được như thế là một điều thiếu sót.

Những cựu chiến binh chuyển ngành khá đông, ở trong tất cả các ban ngành của Thành phố đã từng chiến đấu trong chiến tranh, ở mọi cương vị, nhưng chưa kết nạp được. Trong các xí nghiệp ở Thành phố có một số cựu chiến binh đề nghị tổ chức Hội và kết nạp hội viên, như ở Công ty Điện lực 2 từ đồng chí giám đốc đến công nhân có rất nhiều cựu chiến binh, chúng tôi đang tính toán, chưa tổ chức được. Trong lúc đó, ở Đồng Nai đã tổ chức được Hội Cựu chiến binh ở Công ty Cao su Đồng Nai, tương đương Hội Cựu chiến binh của một quận, huyện. Số lượng là như thế, tổ chức chưa được bao nhiêu là một thiếu sót. Ngay trong các đồng chí báo chí ngồi đây cũng đã từng công tác, chiến đấu trong các cơ quan báo chí trước đây, nhưng chưa tổ chức được. Tôi mong rằng sau Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh Thành phố lần thứ I có thể tổ chức hội và phát triển rộng rãi hơn.

Hỏi: Đề nghị đồng chí đánh giá khái quát Hội Cựu chiến binh Thành phố tham gia phát triển kinh tế - xã hội, nhất là công tác bảo đảm an ninh quốc phòng, những khó khăn hạn chế trong hoạt động của Hội?

Các phường, xã đều có cựu chiến binh, cựu chiến binh luôn luôn gắn bó với nhân dân. Nếu trước kia các đơn vị muôn chiến đấu được phải dựa vào dân, không chỉ một mình bộ đội mà phải vận động nhân dân cùng tham gia chiến đấu để giải phóng đất nước. Nay giờ cựu chiến binh cũng nằm trong nhân dân, gắn bó với nhân dân, vận động nhân dân cùng thực hiện đường lối, chấp hành đúng đắn các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đó là vấn đề quan trọng. Cựu chiến binh mong rằng mình là viên gạch nối giữa Đảng và nhân dân, trở thành một người đoàn kết được trong xóm ấp, cùng với nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, cùng nhân dân giải quyết những khó khăn, chăm lo quyền lợi của nhân dân. Đây là một vấn đề lớn.

Còn có một nhiệm vụ hết sức khó khăn là góp phần chống tiêu cực. Nếu không làm được thì làm sao quần chúng gắn bó với Đảng, gắn liền với nhau, làm thế nào quần chúng tín nhiệm Đảng ta. Nêu ra vấn đề chống tiêu cực, tham nhũng, ức hiếp nhân dân, đó là vấn đề nhức nhối của Đảng, của chính quyền ta. Người cựu chiến binh phải đóng góp làm sạch xã hội, trong sạch Đảng để có uy tín đầy đủ như trong chiến tranh. Nay giờ, uy tín của Đảng không bằng trong chiến tranh, cho nên chống tiêu cực là một nhiệm vụ quan trọng của cựu chiến binh. Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười rất rõ: Các tổ chức hội cựu chiến binh ở cơ sở phải bám sát nhiệm vụ ở địa phương, tham gia xây dựng củng cố địa phương về mọi mặt, nhất là các công tác quốc phòng và an ninh, góp phần ổn định tình hình chính trị, bảo vệ trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tích cực tham gia phát hiện, đấu tranh đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, chống tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, ức hiếp quần chúng. Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư là giao nhiệm vụ cho cựu chiến binh phải làm. Cho nên Hội Cựu chiến binh coi chống tiêu cực là một nhiệm vụ quan trọng. Nhưng không dễ dàng, còn hết sức khó khăn. Đây là một vấn đề rất lớn. Đến bây giờ không phải chưa làm mà đã làm, đã đạt được một số kết quả nhưng làm được còn ít lăm, vì nó rất tê nhị.

Nhiệm vụ của Hội tham gia giáo dục truyền thống của dân tộc cho thế hệ trẻ, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười có nêu: Trẻ là thế nào? Không phải những người còn đang đi học mà còn là giới trẻ trong các ngành đang làm nhiệm vụ hiện nay. Cựu chiến binh là những người lớn tuổi, có những đồng chí cách mạng lão thành,

tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ là một trong những nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh có điều kiện làm vì đã từng tham gia trong sự phát triển của cách mạng.

Vai trò, nhiệm vụ của cựu chiến binh là như thế, nhưng không thể làm một mình được, phải đoàn kết, phối hợp với các đoàn thể khác để làm tròn nhiệm vụ của mình, đặc biệt trong thời kỳ khó khăn nhất. Phải phát huy truyền thống kiên cường trong chiến đấu.

Sau Đại hội, chúng tôi sẽ kiên quyết thực hiện các nhiệm vụ đã nêu với tinh thần trách nhiệm cao.

Hỏi: Thưa đồng chí, tôi ở Đài Phát thanh Thành phố, xin hỏi một câu đơn giản: Đại hội tổ chức ở đâu, quy mô thế nào, thành phần tham dự. Đại hội Cựu chiến binh các quận, huyện đã tiến hành chưa?

Cho đến nay, đại hội các phường, xã, quận, huyện đã tổ chức gấp rút, được tiến hành rất tốt. Và đang chuẩn bị gấp rút tiến hành Đại hội Cựu chiến binh Thành phố để kịp Đại hội Cựu chiến binh toàn quốc. Do các đại hội cựu chiến binh được tiến hành trong thời kỳ Hội mới được thành lập cho nên chúng tôi quan niệm đây là một phong trào cách mạng. Đại hội Cựu chiến binh không những tạo phấn khởi trong cựu chiến binh mà cả trong nhân dân, vì cựu chiến binh là những người chỉ mang về cái balô ở trên rừng chiến đấu không nề hy sinh cùng nhân dân đánh giặc, bây giờ thành lập Hội nên nhân dân tin rằng Hội có thể làm một cái gì đó. Tuy nhiên, tổ chức Hội có lúc phải tạm đình lại nên phong trào cũng có bị sương một thời gian.

Đại hội Cựu chiến binh Thành phố được tiến hành vào hai ngày 28 và 29/4/1992, sau đó toàn thể Đại hội sẽ tham gia cùng nhân dân và các ban ngành dự cuộc mít tinh kỷ niệm ngày 30/4 cũng tại Dinh Thống Nhất. Đây là quyết định của Thường vụ Thành ủy.

Có thể nói Hội Cựu chiến binh Thành phố từ khi được chỉ định thành lập đến bây giờ qua 2 năm được chỉ đạo và giúp đỡ rất nhiệt tình của Thành ủy và Ủy ban các quận, huyện và cơ sở đã tạo mọi điều kiện cho chúng tôi làm tốt nhiệm vụ của cựu chiến binh. Tất cả mọi việc chuẩn bị Đại hội đều thông qua Thành ủy vì Hội Cựu chiến binh là một hội quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng tại địa phương. Do đó, mọi mặt chuẩn bị cho Đại hội chúng tôi đều báo cáo với Thành ủy, được Thành ủy thông qua, chỉ thị cho các ban, ngành giúp đỡ. Cựu chiến binh suốt đời chiến đấu giải phóng dân tộc. Hội của những người như thế, có nhiều đại biểu 40, 50 tuổi Đảng trở lên, được rèn luyện và thử thách trong chiến đấu. Vì vậy,

Đại hội Cựu chiến binh được tổ chức tại Dinh Thống Nhất là một vinh dự lớn cho cựu chiến binh.

Đại hội Cựu chiến binh Thành phố có 300 đại biểu từ các quận, huyện cử lên, ngoài ra còn mời đại biểu Hội Cựu chiến binh các tỉnh ở phía Nam và đại diện Thành ủy, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đại diện các ban ngành, đoàn thể Thành phố. Trước khi tiến hành đại hội, đoàn đại biểu đại hội đến dâng hoa ở tượng đài Bác Hồ trước trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố, vì các cựu chiến binh là người ở trong các lực lượng vũ trang được Bác Hồ, lãnh tụ của cả dân tộc giáo dục, dạy dỗ.

Hỏi (Nhà báo Đinh Phong): Người ta nói Hội Cựu chiến binh là những người nghỉ hưu, còn chúng tôi cũng là những cựu chiến binh chưa nghỉ hưu, nhưng không ai nói chúng tôi cả. Cuộc chiến tranh của miền Nam không chỉ có bộ đội và du kích mà còn có chính quyền, nhưng những người trong chính quyền tham gia chiến đấu không được gọi là bộ đội. Chúng tôi tự hào là người lính, mà lính là cựu chiến binh. Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam còn khuyết một chỗ như chúng tôi có được tham gia Hội Cựu chiến binh không? Chúng tôi gửi gắm Đại hội bàn thế nào để những người lính chưa về hưu cũng là cựu chiến binh, được là hội viên Hội Cựu chiến binh?

Chuẩn bị về tổ chức, Ban Chấp hành lâm thời Hội Cựu chiến binh Thành phố, theo sự chỉ đạo của trên, về nhân sự Ban Chấp hành có thành viên ở ba thế hệ lớn tuổi và trẻ hơn. Tuy vậy, số trẻ cũng đã về hưu rồi, ít thấy các đồng chí còn đương chức, có một số là bí thư đảng ủy. Kinh nghiệm nhiều nước, ba thế hệ kết hợp với nhau. Tất nhiên nhân sự Ban Chấp hành tùy thuộc vào Đại hội bầu.

Đồng chí Đinh Phong đặt vấn đề muốn vào Hội Cựu chiến binh cũng như chúng tôi từng hoan nghênh đồng chí Nguyễn Văn Linh: “Tôi cũng là cựu chiến binh vì từng là Chính ủy của Bộ Chỉ huy Miền”. Vì vậy, các đồng chí muốn là hội viên cựu chiến binh chúng tôi rất hoan nghênh, rồi đây Hội Cựu chiến binh phải phát triển lực lượng bao gồm các đồng chí xứng đáng là cựu chiến binh. Hiện nay còn có nhiều khó khăn. Đồng chí Đinh Phong đã từng lăn lộn trong chiến tranh mà tôi từng gặp ở Chiến khu Đ và nhiều nơi khác, không có lý do gì không phải là cựu chiến binh. Ở đây, đồng chí Tường - Tổng Biên tập cũng là cán bộ ở Báo Giải phóng, đồng chí Quế cũng đã ở trong bộ đội. Nhưng có chính thức xin vào Hội không, thái độ đối với cựu chiến binh như thế nào. Như đồng chí N.Đ.B cũng là cựu chiến binh, từng là chủ nhiệm hậu cần nhưng thái độ đối với Hội Cựu chiến binh như thế nào là một chuyện, kết nạp hay không chúng tôi còn phải xét. Nhiệt tình như đồng chí Đinh Phong thì chúng tôi rất hoan nghênh.

Nhiều đồng chí trong bộ đội, chuyển ra chính quyền, các ban, ngành kinh tế, dịch vụ đều có, nhưng hiện nay kết nạp vào Hội còn ít lăm. Như anh Quảng cũng là Chính ủy Sư đoàn ra làm Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng ở trong Ban Chấp hành lâm thời Trung ương Hội. Bộ đội chuyển ngành ra ngoài còn nhiều lăm nhưng chưa tổ chức được. Tới đây trong Đại hội chú ý đặc biệt hai thành phần du kích, biệt động tại chỗ đã từng chiến đấu qua các cuộc chiến tranh, những bộ đội chuyển ngành để có đầy đủ thành phần như Điều lệ đã nêu. Xí nghiệp công hay tư mà có nhiều cựu chiến binh sẽ tổ chức Hội Cựu chiến binh cơ sở như ở Công ty Cao su Đồng Nai.

TRẢ LỜI PHỎNG VẤN CỦA ĐÀI PHÁT THANH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NHÂN ĐẠI HỘI CỰU CHIẾN BINH TOÀN QUỐC LẦN THỨ I

(từ ngày 19 đến ngày 20/11/1992)

1. Từ Thủ đô Hà Nội, Đại hội Cựu chiến binh toàn quốc lần thứ I đã làm xúc động mọi người. Xin Thượng tướng vui lòng cho biết kết quả nổi bật và ấn tượng sâu sắc sau Đại hội?

Đại hội Cựu chiến binh toàn quốc lần thứ I diễn ra tại Hội trường Ba Đình thực sự là một đại hội vô cùng phấn khởi, đoàn kết một lòng của những đại biểu đầu bênh bởi bom đạn và thời gian, đại biểu cho hàng triệu những đầu xanh năm xưa từng kề nhau trong chiến hào trên khắp chiến trường khói lửa của đất nước. Cả Đại hội xúc động khi đồng chí Phạm Văn Đồng - người học trò thân cận nhất của Bác Hồ xưa kia nay đã gần 90 tuổi vẫn đến dự và đứng trên bục vui mừng nói: “A! Anh bộ đội Cụ Hồ đã trở lại. Anh bộ đội Cụ Hồ trở lại thì mọi việc đều làm được. Các đồng chí trở lại với tư cách bộ đội Cụ Hồ, trở lại với dân, trở lại với phong trào cách mạng địa phương thì nhất định mọi việc sẽ thành công”. Câu nói thốt lên từ tấm lòng của một lão thành cách mạng của Đảng, chứa đựng cả tính chất, mục tiêu, nhiệm vụ của một đoàn thể nhân dân làm nhiệm vụ chính trị - xã hội: Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Câu nói thốt lên biểu lộ một sự vui mừng cao độ của một lão đồng chí tuổi cao sức yếu nhưng tấm lòng trong sáng vẫn lo lắng cho Tổ quốc non sông và nhân dân còn cực khổ, biểu lộ một sự tin tưởng và cổ vũ đối với những người cựu chiến binh, gần suốt đời cầm súng vì dân vì nước, ngày nay không còn cầm súng thì dùng trí tuệ và ý chí đấu tranh cho một xã hội hạnh phúc và công bằng. Đại hội cũng trang trọng biết bao khi đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đến dự, phát biểu nêu rõ nhiệm vụ cho Hội và khen: “Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt biểu dương Hội Cựu chiến binh

Việt Nam và toàn thể anh chị em cựu chiến binh trong cả nước về những thành tích đó (tức những thành tích gần 3 năm qua). Các đồng chí rất xứng đáng với lòng yêu thương và sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta". Đại hội còn vui mừng và tự hào biết bao khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp - "người anh Cả" của lực lượng vũ trang Việt Nam như lời Bác Hồ trong thư gửi quân đội nhân ngày lễ 22/12/1949, nhận lời mời của Đại hội đứng vào hàng ngũ cựu chiến binh Việt Nam, làm Chủ tịch danh dự của Hội.

Đại hội đại biểu lần thứ I Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực sự vững tin ở tôn chỉ mục đích của Hội, vững tin ở sức mạnh đoàn kết và ý chí cách mạng của mình khi hâu như đồng đảo khách mời đại biểu Đảng, Nhà nước, các ngành, chính quyền và Mặt trận, các đoàn thể, các cán bộ cách mạng lão thành, các tướng lĩnh và anh hùng quân đội nhân dân, các đại biểu thân nhân liệt sĩ đều đã tới dự cũng như các đoàn đại biểu thanh niên trong quân đội và ngoài quân đội, các cháu thiếu nhi Thủ đô đến chào mừng và dâng những lẵng hoa tươi thắm tỏ lòng tin yêu và gửi gắm.

2. Đất nước ta đang bước vào giai đoạn mới, do đó ở Đại hội Cựu chiến binh toàn quốc đề ra những mục tiêu gì để phù hợp với tình hình hiện nay, thưa Thượng tướng?

Đúng là đất nước đang bước vào giai đoạn mới mà quốc tế có những biến động nhanh chóng và phức tạp, trong nước công cuộc đổi mới đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng nhưng còn nhiều khó khăn, vẫn còn trong tình trạng nghèo nàn lạc hậu, các thế lực thù địch đang không ngừng phá ta, còn nhiều mưu đồ xâm lăng và "diễn biến hòa bình". Vì vậy, Hội Cựu chiến binh sẽ luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào quyết tâm xóa đói, giảm nghèo, vươn lên cuộc đời hạnh phúc của nhân dân mà trai rèn ý chí cách mạng của mình, lấy độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, giữ vững và xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, công bằng, văn minh làm mục tiêu phấn đấu. Trước mắt là giữ vững ổn định chính trị để phát triển, giữ vững đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Bác Hồ kính yêu.

3. Thưa Thượng tướng, triển khai nhiệm vụ từ Đại hội Cựu chiến binh toàn quốc, vậy đối với Hội Cựu chiến binh Thành phố sẽ có những nhiệm vụ trọng tâm nào trong thời gian tới?

Trong thời gian tới, Hội Cựu chiến binh Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh sẽ ra sức thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ I cũng

như Nghị quyết của Đại hội đại biểu Cựu chiến binh Thành phố nhằm củng cố và phát triển Hội thành một hội vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là ở cơ sở, làm cho Hội luôn luôn là hạt nhân đoàn kết nhân dân trong địa phương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ động phối hợp với các đoàn thể và nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Thành phố.

Hội Cựu chiến binh sẽ cố gắng quan tâm đến sinh hoạt chính trị tư tưởng và tình cảm; đáp ứng thiết thực về vật chất và tinh thần của hội viên, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên. Hội còn là những người đáng tin cậy của nhân dân phấn đấu cho lợi ích và công bằng của nhân dân, gắn chặt quyền lợi của hội viên với quyền lợi của nhân dân.

MỘT GIỜ VỚI THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ - CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM: “TUỔI TRẺ SỐNG PHẢI BIẾT KIÊN TRÌ VÀ KIÊN ĐỊNH Ý CHÍ...”*

Luôn bận rộn bởi trăm công nghìn việc, vì thế phải hẹn đến lần thứ ba, chúng tôi mới gặp được Thượng tướng Trần Văn Trà tại nhà riêng để thực hiện cuộc phỏng vấn này.

PV: *Thưa Thượng tướng, nhân ngày 22/12, xin Thượng tướng vui lòng cho biết một vài suy nghĩ của mình về những chặng đường oanh liệt của Quân đội ta?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Kể từ ngày thành lập đến nay, Quân đội nhân dân Việt Nam vừa tròn 50 tuổi. Nửa thế kỷ trôi qua, một khoảng thời gian tương đối dài, nếm trải rất nhiều thử thách trong cuộc chiến tranh đầy ác liệt, cách mạng Việt Nam luôn giành được thắng lợi, đây là kỳ công của quân đội và nhân dân ta. Kỳ công vĩ đại này có thể so sánh với những kỳ công trong lịch sử chiến tranh thế giới, mà có lẽ cũng rất hiếm...

Cái gì đã khiến cho Quân đội ta làm được điều thần kỳ này? Tôi còn nhớ hồi mới ra đời, bộ đội ta hầu hết chưa biết cây súng là gì, vậy mà phải đương đầu với những đội quân nhà nghề rất hiện đại. Vì thế, nếu không có một tư tưởng đúng đắn thì không thể hành động đúng đắn để đi đến thắng lợi. Đầu xung kích vẫn là tư tưởng, trước nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho dân tộc muốn thoát khỏi vòng nô lệ và bảo vệ mình thì “không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Và ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền

* Bài phỏng vấn đăng trên Báo *Thanh Niên*, số 151, Chủ Nhật, ngày 25/12/1994.

giải phóng quân được thành lập đã xây dựng quanh mình một lực lượng đồng đảo, từ yếu trở thành mạnh, nhanh chóng nắm bắt khoa học kỹ thuật tiên tiến, sử dụng thành thạo vũ khí hiện đại, đứng lên đánh đuổi Pháp - Nhật - Mỹ giành độc lập, tự do. Con đường 50 năm ấy vô cùng lớn lao. Nay giờ hòa bình, ngồi nghĩ lại thấy thành quả đạt được thật vĩ đại, diệu kỳ. Có lẽ từ trước tới nay, Quân đội ta chưa khuất phục bất cứ một nước mạnh nào, không ham muốn bất cứ sung sướng nào, quyền lực nào mà chỉ vì nghĩa lớn cứu nước, cứu dân.

PV: *Thưa Thượng tướng, dấu thời gian nhiều năm đã trôi qua nhưng kỷ niệm về những ngày đầu bước vào quân ngũ hẳn Thượng tướng không bao giờ quên?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Ô! Đúng vậy. Đó là những năm hồn nhiên của tuổi 12. Sống dưới chế độ áp bức, bắt công ngay từ nhỏ, tôi đã suy nghĩ phải làm gì và làm như thế nào để thoát khỏi lầm than, cực khổ. Chỉ có theo Đảng. Nghĩ vậy mà tôi tìm đến cách mạng, hăng hái tham gia những hoạt động phong trào, hai lần bị Pháp bắt về tội hoạt động chính trị. Đến khi Cách mạng Tháng Tám thành công, cứ tưởng mọi việc sẽ xong. Ai ngờ Pháp tiến hành cuộc xâm lược nước ta một lần nữa, lúc ấy bằng tẩm vông vặt nhọn, tôi chuyển sang chiến đấu trên mặt trận Sài Gòn. Từ đây, cuộc đời tôi gắn liền với quân đội, chấp nhận biết bao gian nan, khổ cực.

PV: *Thế nhở đâu mà Thượng tướng vẫn đứng vững để thực hiện lý tưởng?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Có thể nói suốt cả quá trình tham gia cách mạng, tôi phải trải qua rất nhiều khổ nguy, hai lần tù tội, nhiều lúc đứng giữa sự sống và cái chết cách nhau gang tấc. Nhưng rồi đã quyết làm thì làm. “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, lời Bác Hồ kính yêu luôn luôn là kim chỉ nam cho cuộc đời tôi. Và tôi cũng nhận ra rằng: Mọi thành công mình đạt được hôm nay đều nhờ vào ý chí. Tuổi trẻ sống phải biết kiên trì, kiên định... thì mọi trở ngại đều có thể vượt qua hết.

PV: *Kỷ niệm nào để đời mà Thượng tướng nhớ nhất?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Nhiều lắm. Vui có, buồn có, nguy hiểm sinh mạng có, sung sướng thắng lợi có. Mỗi lần chứng kiến sự hy sinh anh dũng của biết bao đồng đội trên chiến trường, có lúc hàng loạt, tôi đã khóc vì xúc động, đau xé tận tâm can. Và thế là ý chí càng thôi thúc phải đạp bằng mọi hiểm nguy, trả thù cho bè bạn.

PV: *Nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Thượng tướng có lời khuyên nào dành cho giới trẻ?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Tôi luôn luôn muốn thế hệ thanh niên, nhất là

những thanh niên sinh ra sau ngày 30/4/1975, chưa từng trải qua chiến tranh, phải nên biết rằng: Để có được ngày hôm nay, ông cha chúng ta đã từng đổi biết bao mô hôi xương máu, mà từ đó tạo chí hướng cho bản thân, góp phần đưa đất nước ta thoát khỏi đói nghèo tụt hậu, vững bước đi lên trong sự nghiệp đổi mới.

PV: Xin chân thành cảm ơn Thượng tướng đã dành cho một cuộc trao đổi thẳng thắn và thú vị. Kính chúc Thượng tướng sức khỏe, hạnh phúc.

Lê Công Sơn thực hiện

VIỆC KẾT HỢP GIỮA QUÂN ĐỘI, CÔNG AN VÀ CỰU CHIẾN BINH LÀ CẦN THIẾT*

PV: *Thưa Thượng tướng, trong tình hình chung của đất nước năm vừa qua, Thượng tướng quan tâm và băn khoăn điều gì nhất?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Trong năm 1994 vừa qua, đất nước được ổn định, nền kinh tế tăng trưởng. Đó là điều mừng lớn. Bất cứ quốc gia nào cũng mong muốn bảo đảm được lương thực và năng lượng. Nước ta chẳng những đã bảo đảm được lương thực mà còn thừa để xuất khẩu. Ngành dầu khí đã giải quyết được một phần quan trọng cán cân xuất nhập khẩu và còn nhiều hứa hẹn. Nếu nông nghiệp được công nghiệp hóa, thu hút đầu tư ngoại quốc vào nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển thêm một bước ngành dầu khí thì con đường tiến lên của đất nước sẽ vững chắc và thuận lợi.

Nói tóm lại, năm 1994 là một năm phấn khởi và mừng vui.

Đó là điều mừng. Còn điều lo? Cũng lo lắm chứ. Bộ máy quản lý không đủ mạnh và chưa đáp ứng được sự phát triển kinh tế. Tham nhũng, hối lộ, buôn lậu chưa có dấu hiệu giảm. Nếu tệ nạn này cứ phát triển thì làm sao dân giàu, nước mạnh? Kỷ cương, pháp luật của Nhà nước chưa được bảo đảm, ngành tòa án yếu, xử không hết các vụ án và xử chưa nghiêm. Bộ máy nhà nước còn cồng kềnh và quan liêu, chức trách từng bộ phận không rõ ràng, có quá nhiều khâu. Hơn lúc nào hết, để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, cần có một nhà nước mạnh. Mỗi lo thứ hai là giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển kinh tế trong khi đáng lý phải đi trước một bước. Con người là vốn quý và là yếu tố quyết định, là lực lượng hàng đầu. Rõ ràng là muốn hiện đại hóa đất nước phải đầu tư nhiều hơn nữa, có kế hoạch hơn nữa cho giáo dục và đào tạo. Nếu không, chính giáo dục và đào tạo sẽ kìm hãm bước phát triển.

* Bài phỏng vấn đăng trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Xuân Ất Hợi 1995.

PV: *Thưa Thượng tướng, để đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới, quân đội, lực lượng cựu chiến binh và lực lượng công an cần có quan hệ, hợp đồng công tác như thế nào để bảo vệ tốt an ninh và trật tự xã hội?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: An ninh chính trị là gốc. Không có ổn định chính trị thì không thể xây dựng được và nước ngoài sẽ không dám bỏ vốn đầu tư. Các ngành lo về vấn đề này cần đồng bộ kết hợp chặt chẽ.

Kinh tế mạnh, quân đội cũng phải mạnh, hiện đại và nắm vững truyền thống chiến tranh nhân dân.

Sự kết hợp giữa quân đội và cựu chiến binh là cần thiết để lớp trẻ - được đào tạo tốt hơn nhưng thiếu thực tế chiến đấu - kế thừa kinh nghiệm, kiến thức giữ nước của lớp đàn anh. Năm vừa qua đã có kết hợp tốt nhưng chưa đủ.

Trong cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, chúng ta phải thừa nhận một số hình thức bóc lột kinh tế. Tội phạm kinh tế cũng vì thế mà gia tăng.

Công an cần nỗ lực rất nhiều để bảo đảm an ninh, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng công an và lực lượng cựu chiến binh chính là kết hợp giữa quyền lực và quần chúng nhân dân vì cựu chiến binh là một tổ chức quần chúng rộng khắp và là một chỗ dựa rất lớn và rất tốt cho công an và quân đội. Trong lĩnh vực trị an, việc kết hợp giữa quân đội, công an và cựu chiến binh là cần thiết và sẽ đem lại nhiều hiệu quả.

PV: *Thưa Thượng tướng, về năm 1995, Ất Hợi...?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Năm 1994 là năm có nhiều thành tựu căn bản, chắc chắn năm 1995, năm Ất Hợi sẽ là năm tiếp tục đà phát triển vững chắc hơn trong sự nghiệp đổi mới của toàn dân.

PV: *Trân trọng cảm ơn Thượng tướng.*

GẶP GỠ VỊ TƯ LỆNH MỘT THỜI LỪNG DANH: THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

Thượng tướng Trần Văn Trà là một trong những tướng lĩnh tài ba của Quân đội ta. Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Quảng Ngãi của miền Trung giàu truyền thống yêu nước, tên tuổi Trần Văn Trà gắn liền với hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, ông từng giữ chức Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam và là Chủ tịch Ủy ban quân quản Sài Gòn - Gia Định khi đất nước vừa được hoàn toàn thống nhất. Giữa những ngày tháng Tư lịch sử này, chúng tôi tìm đến một căn nhà trên đường Pasteur, Thành phố Hồ Chí Minh để thăm Thượng tướng. Khó ai ngờ rằng, vị Tư lệnh một thời vào sinh ra tử này, sức khỏe vẫn còn hết sức tráng kiện khi tuổi đã sắp bát tuần.

* Thưa Thượng tướng, một ngày bình thường của Thượng tướng bây giờ là gì?

- Một phần thời gian tôi lo việc ở Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh và cả Hội Cựu chiến binh Việt Nam nữa. Các địa phương, cơ quan cũng liên tục mời tôi dự lễ, nói chuyện. Nhưng thời gian chủ yếu hiện nay tôi dành cho việc nghiên cứu lịch sử về tư tưởng, chiến lược, chiến thuật quân sự. Tôi viết cuốn hồi ký *Những chặng đường lịch sử của B2 Thành đồng*. Năm 1982, tôi đã cho xuất bản tập 5, gần đây thì Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in tiếp tập 1 và cuốn sách nghiên cứu *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Các tập còn lại của cuốn hồi ký sẽ ra mắt thời gian tới.

* Với tư cách là Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam thời chống Mỹ, xin Thượng tướng cho biết vài nét về xây dựng lực lượng vũ trang chính quy lúc bấy giờ?

- Khi đó ở trong Nam nhiều người còn bám chủ trương chiến tranh du kích và khởi nghĩa vũ trang nhân dân, không cần quân đội chính quy. Mặc dù lúc đó

* Bài phỏng vấn đăng trên Báo Phú Yên, số 10, tháng 4/1995.

Mỹ đã tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” trên khắp miền Nam, kể từ năm 1961. Tôi vào Nam năm 1963, thay anh Trần Văn Quang, thành lập Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi bắt đầu xin Trung ương Cục cho tuyển thanh niên và chuyển vũ khí do Trung ương đưa vào tích lũy ở các bến miền Tây về Sông Bé, Tây Ninh để xây dựng bộ đội chủ lực.

* *Còn đường mòn Hồ Chí Minh trên Trường Sơn và trên biển, Thượng tướng được Trung ương giao thực hiện từ lúc nào?*

- Đó là vào năm 1959, sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, tiến hành tổ chức lực lượng cán bộ tập kết ra Bắc trở vào Nam chiến đấu. Tôi và anh Nguyễn Văn Vịnh để đạt ý kiến với Tổng Bí thư và được chấp thuận. Tôi được giao nhiệm vụ tổ chức Đường 559, đường mòn Hồ Chí Minh, mà trước hết là vào đến Khu 5. Vì vậy, tôi mời anh Võ Bẩm, là người Khu 5, giao cho anh ấy công việc thực hiện trực tiếp, cụ thể kế hoạch.

Nói đến đường mòn Hồ Chí Minh trên Trường Sơn thì cũng phải nhớ đến đường Hồ Chí Minh trên biển. Cùng với Đường 559, tôi đồng thời giao cho anh Võ Bẩm mở Đường 759 tổ chức vận tải đường biển cho Khu 5, nhưng bị thất bại, phải tạm ngừng. Đến năm 1960 - 1961, Trung ương Cục miền Nam cho các tỉnh phái các chiếc thuyền nhỏ ra Bắc xin vũ khí. Nhưng có chiếc đi đến đích, còn có chiếc bị nạn hay bị bắt. Vì lẽ đó, tôi lại được Trung ương giao nghiên cứu, tổ chức lại con đường biển. Cho đến năm 1963, tôi vào Nam chiến đấu thì giao nhiệm vụ này lại cho Bộ Tổng Tham mưu.

* *Thưa Thượng tướng, là người trực tiếp tham gia vạch kế hoạch và chỉ huy cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, chiến thắng bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, xin Thượng tướng cho biết những bước chuẩn bị cơ bản lúc đó?*

- Bấy giờ tôi, là Tư lệnh Miền, trực tiếp phụ trách chiến trường B2. Thực tế đối đầu với quân ngụy tại chiến trường chủ yếu, chúng tôi đã hiểu rõ địch, rõ ta, hiểu rõ tương quan lực lượng và nhất là thời cơ chiến lược giành thắng lợi hoàn toàn. Sau mùa xuân năm 1974, Trung ương Cục miền Nam đã có hội nghị nhận định tình hình và ra nghị quyết Trung ương Cục để thông qua kế hoạch mùa khô năm 1974 - 1975 của Bộ Tư lệnh Miền, nhằm đánh lớn thắng lớn. Tháng 9/1974, Trung ương Cục đã nhận định tình hình sẽ diễn biến nhanh, nguy hiểm nguy hiểm đang suy yếu rõ rệt. Nếu xảy ra đột biến về quân sự, chính trị Sài Gòn, chiến trường B2 phải tự mình hành động tấn công trận cuối cùng vào sào huyệt địch, kết thúc chiến tranh mà không để lỡ thời cơ. Cũng từ tháng 9/1974, Trung ương Cục đã dự kiến chủ lực Miền đánh giải phóng Sài Gòn và các tỉnh thuộc B2 phải xây dựng

lực lượng ngay, mạnh từ hai đến ba lần, để lúc ấy hợp đồng tinh giải phóng tinh, huyện giải phóng huyện và xã giải phóng xã.

* *Vậy còn kế hoạch cho cả miền Nam lúc ấy, ngoài chiến trường B2 thì sao?*

- Lúc bấy giờ Trung ương Cục, Quân ủy Miền đã gửi báo cáo ra Hà Nội và đề nghị Bộ Chính trị triệu tập cuộc họp bàn với đại diện tất cả các chiến trường để bàn kế hoạch thống nhất toàn miền Nam. Tháng 11/1974, tôi và anh Phạm Hùng ra Bắc họp. Hội nghị của Bộ Chính trị mở rộng có lãnh đạo và chỉ huy chiến trường tham dự vào tháng 12/1974 đã hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Ta phải đánh mạnh vào năm 1975, kết thúc thắng lợi vào năm 1976. Thời cơ nằm vào năm 1975 chứ không phải năm 1976. Quyết tâm này được củng cố khi ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, mà Bộ Chính trị đã đánh giá Phước Long như một đòn “trinh sát chiến lược” để ta hiểu rõ Mỹ và ngụy và hiểu rõ ta hơn. Cần phải nắm kín thời cơ để chủ động là mấu chốt của thành công.

* *Thượng tướng có cảm xúc gì khi đặt chân tiếp quản Sài Gòn?*

- Thật phấn khởi và tự hào. Tôi trở lại Sài Gòn nơi tôi từ đó ra đi kháng chiến 30 năm về trước. Và Sài Gòn là nơi tôi có nhiều kỷ niệm trong những ngày làm nhiệm vụ Trưởng đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên, tại sân bay Tân Sơn Nhất vào năm 1973. Nhưng lần này hạnh phúc thật trọn vẹn. Ngày 30/4/1975 là một trong những ngày đẹp và ý nghĩa nhất của đời tôi, tôi cùng đoàn quân giải phóng tiến về Sài Gòn - Thành phố thực sự đã mang tên Bác Hồ, trong niềm hân hoan của hàng chục triệu đồng bào, đồng đội. Nhưng cũng chính trong giờ phút thiêng liêng này, hơn bao giờ hết lòng tôi bồi hồi nhớ đến những đồng đội như Trung tướng Nguyễn Bình, Huỳnh Văn Nghệ, Trần Đình Xu, người em ruột Nguyễn Việt Châu và biết bao chiến sĩ khác đã dũng cảm ngã xuống lấy máu mình tô điểm cho lá cờ độc lập của dân tộc.

H. Hòa Đồng thực hiện

TRẬN ĐÁNH LONG KHÁNH LÀ TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC ĐẦM MÁU NHẤT, OANH LIỆT NHẤT, THẮNG LỢI LỚN NHẤT TRONG TOÀN BỘ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH*

Thượng tướng Trần Văn Trà, nguyên là Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hiện nay, Thượng tướng là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh. Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng Long Khánh và sắp tới là Biên Hòa, Thượng tướng đã dành cho phóng viên Báo Đồng Nai một cuộc phỏng vấn.

PV: *Thượng tướng đánh giá như thế nào về vị trí chiến lược và thành tích của Biên Hòa và Long Khánh trong chiến tranh chống Mỹ, cứu nước?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Thành phố Biên Hòa và huyện Long Khánh thuộc tỉnh Đồng Nai nằm trong vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong chiến tranh và có lẽ cả trong hòa bình xây dựng. Biên Hòa là nơi Mỹ - ngụy thành lập Sở Chỉ huy Quân đoàn III để bảo vệ cho miền Đông Nam Bộ và đặc biệt cho Sài Gòn - trung tâm đầu não chiến tranh của Mỹ - ngụy. Liên quan đến thành phố Biên Hòa, có huyện Long Khánh. Trước đây vì tầm quan trọng và vị trí chiến lược, nên Mỹ - ngụy đã tách riêng thành tỉnh Long Khánh. Đây là cửa ngõ bảo vệ Biên Hòa và cả Sài Gòn.

Vị trí chiến lược quan trọng như vậy, Mỹ - ngụy càng ra sức đánh phá ác liệt. Nhưng nhân dân và các lực lượng vũ trang của ta không khuất phục, chiến đấu anh hùng. Trên mảnh đất Biên Hòa - Long Khánh, có lẽ xương máu của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã đổ ra là khá lớn, đồng thời cũng làm nên những chiến

* Bài phỏng vấn đăng trên Báo Đồng Nai.

tích đặc biệt. Chẳng hạn trận đánh đầu tiên đánh Mỹ là ở Biên Hòa, trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa làm thiệt hại nặng nề cho kẻ thù, các trận đánh vào kho Long Bình... làm rúng động đến cả nước Mỹ. Tất nhiên, Biên Hòa trở thành điểm nóng, địch đối phó quyết liệt. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, Mỹ - ngụy đã đưa nhiều lực lượng dày đặc đến để bảo vệ Long Khánh. Trận Long Khánh trở thành trận chủ chốt để bắt đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh. Sau Long Khánh, ta phải diệt cho được Sở Chỉ huy Quân đoàn III, chiếm lĩnh kho Long Bình, xóa sổ sân bay Biên Hòa. Do vậy, có thể nói thành tích của lực lượng vũ trang và nhân dân thành phố Biên Hòa và Long Khánh là vô cùng lớn. Có thể nói đây là nơi tập trung tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng thời đại Hồ Chí Minh, đồng thời cũng tiêu biểu cho hào khí Đồng Nai...

PV: Xin Thượng tướng cho biết ý nghĩa của trận quyết chiến chiến lược 12 ngày đêm để mở cánh cửa thép Long Khánh trong toàn bộ cuộc chiến tranh giải phóng?

Thượng tướng Trần Văn Trà: Chính việc xác định vị trí chiến lược quan trọng của Long Khánh nên Weyand - Tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã ra lệnh cho ngụy xây dựng Long Khánh thành chốt kiên cố nhất để bảo vệ Sài Gòn. Mất Long Khánh thì không thể giữ Sài Gòn. Chính vì vậy Long Khánh trở thành một cái chốt vô cùng trọng yếu. Trận đánh của ta ở Long Khánh cốt để đập tan kế hoạch phòng thủ của Mỹ - ngụy ở Sài Gòn. Đây là trận đánh quyết chiến chiến lược vô cùng lớn lao, đẫm máu nhất nhưng cũng oanh liệt nhất, thắng lợi to lớn nhất trong toàn bộ Chiến dịch Hồ Chí Minh. Long Khánh mất, kẻ địch xáo trộn, hệ thống phòng ngự Sài Gòn tan vỡ. Trận đánh Long Khánh trở thành trận mấu chốt để phá tan khu vực phòng ngự vững chắc của Mỹ - ngụy và tiến công đánh chiếm Sài Gòn.

PV: Trong những ngày giữa tháng 4/1975, khi thị sát mặt trận Long Khánh, Thượng tướng với tư cách là Tư lệnh Miền, đã chỉ đạo quân chủ lực của ta rút ra khỏi ngoại ô thị xã. Ý nghĩa của sự chỉ đạo đó như thế nào?

Thượng tướng Trần Văn Trà: Khi ta đánh chiếm, giải phóng Long Khánh (đã vào cầm cờ trên Dinh tổng trưởng), địch phản ứng một cách quyết liệt và điên cuồng bằng cách sử dụng loại bom CBU 55, cho nên ta tạm thời rút ra. Tuy nhiên, rút ra song ta lại đánh chiếm ngã ba Dầu Giây. Chiếm được ngã ba Dầu Giây, xem như Long Khánh mất tác dụng. Từ đây ta có thể đánh thẳng vào Trảng Bom và Biên Hòa. Khi chiếm được Dầu Giây, quân ta đã kiên cường giữ vững và tiêu diệt những đợt phản kích của địch. Cuối cùng bọn địch ở Long Khánh phải rút chạy.

PV: Xin cảm ơn Thượng tướng.

MÙA XUÂN 20 NĂM TRƯỚC*

Nhân dịp Xuân mới, phóng viên Báo Lao động - Xã hội đã được Thượng tướng Trần Văn Trà kể lại những mẩu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, từ lúc hình thành ý đồ chiến lược đến khi quân ta tiến vào Sài Gòn. Dưới đây xin giới thiệu một phần cuộc nói chuyện này.

PV: *Thưa Thượng tướng, đã tròn 20 mùa xuân trôi qua, 20 năm trước, đúng vào thời gian này, Thượng tướng và đoàn quân của mình đã đón một cái Tết thật đặc biệt?*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Đúng là một cái Tết rất đặc biệt. Có thể nói đó là một cái Tết kháng chiến cuối cùng không có Tết! Một cái Tết cuối cùng của đời người lính chiến ở chiến địa. Nói là không có Tết thì chưa đúng vì chúng tôi đang tập trung tâm trí cao độ cho một chiến lược quyết định. Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt tiến vào Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước! Đó thật sự là Tết của người lính hăng mong đợi.

PV: *Thưa Thượng tướng, theo truyền thống dân tộc thì dù sao bộ đội ta cũng phải tổ chức ăn Tết, đón giao thừa...*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Không! Chúng tôi ăn Tết rất sơ sài và hẫu như là không có sự chuẩn bị ăn Tết, vì như đã nói, chúng tôi đang dồn tâm trí, sức lực chuẩn bị đánh trận cuối cùng! Cho đến tận bây giờ, tôi cố nhớ mà không sao nhớ nổi lúc giao thừa năm ấy như thế nào? Chỉ nhớ là vào mấy ngày Tết năm ấy, Bộ Tư lệnh B2 của chúng tôi đang đóng ở căn cứ Tà Thiết (Lộc Ninh). Chúng tôi đang chuẩn bị cho giai đoạn hai, đó là giai đoạn *Tấn về Sài Gòn...*!

PV: *Thưa Thượng tướng, có thể so sánh với cuộc hành binh thần tốc của vua Quang Trung - Nguyễn Huệ ngày xưa? Quang Trung đã hẹn với đoàn quân của mình lùi ngày ăn Tết lại đến mồng 7 và quả nhiên là như vậy¹!...*

Thượng tướng Trần Văn Trà: Quang Trung - Nguyễn Huệ là một thiên tài

* Bài phỏng vấn đăng trên Báo Lao động - Xã hội, Xuân 1995.

1. Trưa mồng 5 Tết Kỷ Dậu (1789), đại quân của vua Quang Trung tới Thăng Long (B.T).

quân sự độc đáo. Chúng tôi cũng muốn học tập tấn công *thần tốc* được bằng người anh hùng kiệt xuất của dân tộc. Nghĩ kỹ, ông cha ta quả là anh hùng, lớn lao. Các đời sau còn phải học tập nhiều! Có lẽ chúng tôi đã học được tư tưởng thần tốc của Quang Trung - Nguyễn Huệ bằng chuẩn bị sớm, kỹ và nghệ thuật tấn công nên tôi và Bộ Tư lệnh chiến trường B2 đã vạch ra một kế hoạch tác chiến là phải đánh mạnh, đánh lớn và đánh nhanh trong mùa xuân năm ấy. Và chúng tôi đã làm những động tác chuẩn bị từ mùa mưa. Thật là gian khổ vất vả nhưng chúng tôi tin tưởng rằng năm 1975 sẽ là năm có tính chất quyết định, ta sẽ giành thắng lợi lớn và tiến tới giờ phút quyết định.

Kế hoạch tác chiến mùa xuân ấy của chúng tôi mở đầu là: đánh tiêu diệt căn cứ Đồng Xoài bởi đây là cái nút giao thông quan trọng của ta, cửa ngõ vào Sài Gòn. Kế hoạch được gửi ra Trung ương và chúng tôi đề nghị Trung ương triệu tập một cuộc họp có mặt tất cả các chiến trường để nhận thức các thời cơ chiến lược và có kế hoạch thích hợp. Trung ương triệu tập đồng chí Bí thư Trung ương Cục (Phạm Hùng) và Tư lệnh chiến trường B2, là tôi. Lực lượng đánh Đồng Xoài đã được triển khai, nhưng chưa ra tới Hà Nội thì nhận điện của Trung ương chưa chấp thuận kế hoạch đánh Đồng Xoài. Anh em ở nhà rút về đánh nhỏ Bù Đăng... Ra tới Hội nghị, tôi trình bày kỹ kế hoạch tác chiến đánh Đồng Xoài và được chấp thuận. Tôi điện cho anh em triển khai. Đúng như dự đoán, địch không đủ sức phản công chiếm lại, ta đánh tiếp Phước Long, lần đầu tiên ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh. Trung ương kết luận đó là một chiến dịch có tính “trinh sát chiến lược” và quyết định cho đánh lớn trong năm 1975, điều mà trước đây chưa có...

Đây là những vấn đề lớn của nghệ thuật quân sự, khó mà nói hết trong một bài báo dành cho số Tết như thế này! Vì thế, tôi chỉ xin kể lại những chi tiết xúc động nhất: Khi quyết định cho đánh Đồng Xoài rồi Phước Long, tôi bị chấn thương khá nhiều, phải bảo vệ kế hoạch tác chiến rất vất vả... Nhưng khi tin thắng trận bay ra thì cả Hội nghị hoan hô như pháo nổ và bắt tay chúc mừng nhau rất nồng nhiệt! Những giờ phút đó đối với người lính chiến thật quý giá!...

PV: Xin Thượng tướng kể vài nét lớn của giai đoạn quân ta tiến vào Sài Gòn?

Thượng tướng Trần Văn Trà: Tôi sẽ nói kỹ vào dịp khác, bây giờ chỉ nói vắn tắt thế này. Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột của chiến trường Tây Nguyên, chúng tôi tiến hành những trận đánh để mở rộng hành lang phía tây, phía bắc rồi phía đông Sài Gòn, tạo bàn đạp cho quân chủ lực tấn công Sài Gòn. Vào ngày 09/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã được mở màn bằng các trận đánh cắt đứt Sài Gòn với các vùng xung quanh, bao vây triệt để, trong đó có trận đánh căn cứ Xuân Lộc với ý định bao vây Sài Gòn.

Nói đến đây, Thượng tướng Trần Văn Trà dừng lại hồi lâu và sau đó ông cho biết vì Xuân Lộc là trận đánh quyết định lớn nhất, đẫm máu nhất... Chúng tôi và ông cùng nghĩ tới những người chiến sĩ đã ngã xuống, không cùng chúng tôi đón Xuân, ăn Tết hôm nay... Chúng ta hãy mặc niệm tưởng nhớ đến những liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Thượng tướng Trần Văn Trà: Chiều ngày 30/4/1975, tôi cùng đoàn quân vào Sài Gòn, địch hầu như không còn đủ sức kháng cự và đã tháo chạy tán loạn. Cuộc chiến tranh của chúng ta sở dĩ nói là *Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt* vì không chỉ có lực lượng Quân giải phóng tiến vào Sài Gòn mà lực lượng tại chỗ cũng nổi dậy tạo thành sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Đó chính là lý do tại sao quân địch lại thất bại nhanh chóng như vậy.

Đêm 30/4, tôi đã đi một vòng quanh Sài Gòn và thật bối rối xúc động bởi 30 năm qua đi nay mới trở lại, bởi con đường mà tôi tiến vào Sài Gòn cũng chính là con đường 30 năm trước tôi đã tạm biệt Sài Gòn ra đi bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ... Những giờ phút thiêng liêng ấy, thật là không thể nói thành lời.

Sáng ngày 01/5/1975, tôi vào Dinh Độc Lập, gọi Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Huyền và Vũ Văn Mẫu ra, thay mặt Chính phủ cách mạng tuyên bố chấm dứt chính quyền Sài Gòn!

Cuộc nói chuyện rất cởi mở và sôi nổi của Thượng tướng và phóng viên Báo *Lao động - Xã hội* đến đây thì có khách (một nhà báo đến làm việc về cuốn sách *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh* của Thượng tướng). Rồi có mấy cú điện thoại và cuối cùng là một đoàn phim đến phỏng vấn Thượng tướng. Cuộc nói chuyện liên tục bị gián đoạn vì phải “nhường” Thượng tướng cho đoàn quay phim. Chúng tôi xin cáo từ ra về đem theo hình ảnh rất đẹp về một vị tướng - anh bộ đội Cụ Hồ cởi mở, giản dị, rất lính, mà cũng rất trí thức.

Xin chúc Thượng tướng một năm mới dồi dào sức khỏe và ăn một cái Tết gấp 20 lần cái Tết 20 năm trước.

Đỗ Ngọc Thạch thực hiện

MỘT CHIỀU VỚI THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

Từ một cậu bé miền Trung sớm ý thức được nỗi đau của quê hương dưới gót giày định nô lệ, Trần Văn Trà đã giác ngộ hoạt động cách mạng, trở thành một vị tướng được nhân dân, đồng đội tin yêu, bạn bè nể trọng. Cuộc đời và tên tuổi Thượng tướng Trần Văn Trà gắn liền với chiến trường B2 máu lửa trong hai cuộc kháng chiến. Tuổi thanh xuân đi qua trong đạn bom. Nay giờ đến tuổi “cổ lai hy”, vị Tư lệnh lừng danh năm xưa đang thảnh thoảng sống hạnh phúc bên cạnh người bạn đời, bà Lê Thị Thoa, cùng con cháu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bằng giọng nói âm vang của một tâm hồn nhạy cảm, một trí nhớ phi thường, Thượng tướng đưa chúng tôi trở về với những kỷ niệm gian lao mà anh dũng của dân tộc, của bản thân ông hơn 20 năm về trước...

* Thưa Thượng tướng, một đời lăn lộn với chiến trường, bí quyết nào giúp Thượng tướng vẫn giữ được sức khỏe tốt như vậy?

- Không có bí quyết nào cả. Tôi đi nhiều, làm việc nhiều, tập thể dục và ăn uống điều độ. Thế thôi.

* Thượng tướng có ăn kiêng không?

- Không. Do ở vùng biển miền Trung từ nhỏ nên tôi rất thích ăn cá, ăn rau.

* Còn thú tiêu khiển?

- Đánh cờ. Hồi còn ở trong rừng thỉnh thoảng chơi túlơkhơ (cười). Tôi cũng rất thích chơi ánh.

* Hiện nay công việc bình thường hằng ngày của Thượng tướng là gì?

- Một phần thời gian dành cho Hội Cựu chiến binh, thỉnh thoảng tiếp các đoàn khách trong và ngoài nước, còn chủ yếu là nghiên cứu lịch sử, về tư tưởng chiến lược, chiến thuật quân sự và viết lại những bài học kinh nghiệm trong chiến tranh.

* Bài phỏng vấn đăng trên Tạp chí *Kiến thức* ngày nay, số đặc biệt kỷ niệm ngày 30/4 & 01/5/1995.

Ngoài ra, tôi cũng tranh thủ thường xuyên theo dõi tin tức qua báo đài. Tạp chí *Kiến thức ngày nay* của các bạn thì tôi không bỏ số nào (ông vừa nói vừa đưa tay chỉ về giá sách được xếp rất cẩn thận, ngăn nắp).

* *Thời gian tới Thượng tướng có dự định cho xuất bản tác phẩm mới nào không?*

- Tôi có viết cuốn hồi ký *Những chặng đường lịch sử của B2 Thành đồng*. Năm 1982, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh đã in tập 5 - *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*. Gần đây, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in thêm tập 1 - *Hòa bình hay chiến tranh* và sách nghiên cứu *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Các tập còn lại đang chuẩn bị ra mắt độc giả.

* *Trong lịch sử chiến tranh của Việt Nam cũng như thế giới, vị tướng nào đem lại cho Thượng tướng sự khâm phục lớn lao?*

- Quang Trung - Nguyễn Huệ. Tôi chưa thấy vị tướng nào trên thế giới bách chiến bách thắng như ông. Chỉ cần một trận đánh ở Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Huệ đã đuổi quân xâm lược Xiêm ra khỏi bờ cõi, giải quyết xong một cuộc chiến tranh. Rồi chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, thần tốc, Nguyễn Huệ lại đánh tan quân Thanh xâm lược... Cả cách hành quân, cách đánh, nghệ thuật chỉ huy cũng khó ai sánh bằng, rất mưu lược và sáng tạo.

* *Cả một đời vào sinh ra tử, bây giờ nhìn lại Thượng tướng có cảm thấy hối tiếc điều gì không?*

- Không. Tôi rất thỏa mãn về cuộc đời mình, vì đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Tổ quốc, nhân dân giao phó.

* *Xưa Nguyễn Công Trú ở tuổi “cổ lai hy” khi nghe tin bờ cõi bị xâm lấn, vẫn thanh gươm yên ngựa sẵn sàng ra trận. Còn bây giờ, nếu đất nước lại lâm nguy, Thượng tướng có sẵn sàng đi Nam về Bắc như xưa không?*

- Sẵn sàng. Đó là trách nhiệm thiêng liêng của một người lính, một công dân.

* *Thế sao Thượng tướng lại không tham gia chính trường?*

- Có lẽ điều này do tôi chịu ảnh hưởng tư tưởng Bác Hồ.

“Kháng chiến thành công ta trở lại

Trăng xưa, hạc cũ với Xuân này”.

Nhiệm vụ do nhân dân, đất nước giao phó, mình hoàn thành được nhiệm vụ nào trong giai đoạn nào của lịch sử cũng đều rất quý, chỉ vì nhiệm vụ, không nên vì danh lợi, địa vị, chức quyền. Vì lẽ đó mà cuộc sống bây giờ của tôi rất thư thái. Cuộc đời con người ai cũng đến lúc nghỉ ngơi, nhưng nghỉ thế nào, lúc nào cho trọn vẹn, cho thanh thản mới là điều quan trọng.

* *Thưa Thượng tướng, tên tuổi Trần Văn Trà không xa lạ gì đối với nhân dân Việt Nam, bạn bè thế giới lẫn cả đối phuơng trong hai cuộc trường kỳ kháng chiến. Nhưng để bắt đầu sự nghiệp gian khổ và anh hùng của mình, tuổi thơ Thượng tướng đã gắn bó nơi đâu?*

- Đó là một vùng quê nghèo khó nhưng giàu tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau ở vùng duyên hải miền Trung, một vùng mà phong trào cách mạng rất cao, kể cả thời Văn thân cho đến phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tôi sinh năm 1919 ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Gia đình tôi không có ruộng. Cha tôi là thợ xây, còn mẹ tôi buôn gánh bán bưng nuôi anh em tôi ăn học. Cha tôi tham gia phong trào cách mạng 1930 - 1931. Do chịu ảnh hưởng của phong trào cách mạng đó và đọc thơ văn của các bậc tiền bối yêu nước, nên tôi luôn mơ tưởng làm được việc giải phóng dân tộc. Mơ ước tuổi thơ ấy cũng chính là lý tưởng của cả đời tôi. Và bốn câu thơ:

“Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc
Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày!
Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ
Ngựa hí vang lừng trận gió may”.

không biết tác giả là ai nhưng nó có tác động đến tâm hồn lâng mạn cách mạng của tôi. Nó diễn tả được tâm trạng và mơ ước tuổi thơ. Vì vậy, khi được cầm súng chiến đấu vì độc lập, tự do, tôi như thỏa mãn được ước vọng.

* *Và xuất phát từ đây, Thượng tướng bắt đầu hành trình binh nghiệp của mình?*

- Năm 1936, tôi thi vào Trường Kỹ nghệ Huế¹. Tôi tham gia phong trào học sinh yêu nước. Năm 1938, tôi được Chi bộ Đảng nhà trường kết nạp vào Đảng Cộng sản. Năm 1939, tôi vô Sài Gòn làm công nhân hỏa xa và tiếp tục hoạt động cách mạng. Sau đó, tôi bị thực dân Pháp bắt. Ra tù hoạt động bí mật, lại vào tù lần hai. Ngày 22/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim phóng thích tù chính trị. Ra khỏi tù tôi tham gia tổng khởi nghĩa, giành chính quyền ở Sài Gòn. Tôi bắt liên lạc với Xứ ủy và được phân công về Kỳ bộ Việt Minh do anh Nguyễn Văn Nguyễn phụ trách.

Ngày 23/9/1945, quân Pháp tái chiếm Nam Bộ. Kháng chiến bùng nổ. Tôi trở thành người lính tham gia trận đầu tiên giữ mặt trận Cầu Bông trong nội thành Sài Gòn. Mặt trận Sài Gòn vỡ. Cơ quan lãnh đạo ta về Mỹ Tho. Tôi xin ở lại

1. Trường Kỹ nghệ thực hành Huế (B.T).

Sài Gòn chiến đấu. Trung ương tăng cường cho Nam Bộ lực lượng Nam tiến. Anh Nguyễn Bình vào chỉ huy Khu 7, Đào Văn Trường chỉ huy Khu 8 và Vũ Đức (người dân tộc Tày) chỉ huy Khu 9. Dù vậy, tình hình vẫn hết sức khó khăn. Sau đó tôi đưa một bộ phận “Giải phóng quân liên quận” về tăng cường chấn chỉnh Khu 8. Tôi cùng anh em lập ra Chi đội 14 (chi đội bằng trung đoàn sau này), tôi làm Chi đội trưởng và bắt đầu xây dựng căn cứ địa Đồng Tháp Mười. Tháng 9/1946, tôi được Trung ương chỉ định làm Khu trưởng Khu 8, anh Trương Văn Giàu làm Khu phó, còn anh Nguyễn Văn Vịnh là Chính trị viên. Cuối năm 1947, đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên của Nam Bộ được thành lập, đó là Tiểu đoàn 307, Khu 8. Các khu khác cũng lần lượt được thành lập những tiểu đoàn chủ lực. Tiểu đoàn 307 sau này rất nổi tiếng và đi vào thơ, nhạc đấy. Giữa năm 1948, tôi cùng Đoàn đại biểu quân - dân - chính Nam Bộ được cử ra Việt Bắc báo cáo tình hình với Trung ương. Lần đầu tiên, tôi được gặp Bác Hồ - đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà khi còn hoạt động bí mật trước năm 1945 tôi từng biết qua tài liệu và tiếng tăm.

Nam Bộ có bộ đội chủ lực, lại được phát triển củng cố các lực lượng địa phương và dân quân du kích, nên đã đánh thắng những trận vang dội như trận Cổ Cò, Giồng Dứa, Tầm Vu, La Ngà... Nhiều chiến dịch được mở ra. Bấy giờ anh Nguyễn Bình là Tư lệnh Nam Bộ, còn tôi là Phó Tư lệnh. Năm 1950, tôi về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1951, anh Nguyễn Bình ra Bắc và hy sinh trên đường đi. Lúc đó Nam Bộ cũng được chia làm hai phân khu: Miền Đông gồm các tỉnh tả ngạn và miền Tây gồm các tỉnh hữu ngạn sông Tiền. Miền Đông tôi làm Tư lệnh, anh Phạm Hùng làm Chính ủy, anh Nguyễn Văn Vịnh làm Phó Tư lệnh. Miền Tây thì anh Lê Hiến Mai làm Tư lệnh, anh Phan Trọng Tuệ làm Chính ủy. Sau Hiệp định Geneva, tôi chỉ huy lực lượng tập kết ra Bắc và làm Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam.

* *Lúc đó Thượng tướng mới vừa tròn 35 tuổi?*

- Vâng. Cho đến năm 1956 - 1958, tôi sang học ở Liên Xô cùng với các anh Nam Long, Vũ Lăng, Vũ Yên, Nguyễn Văn Minh, Đỗ Đức Kiên. Đây là đoàn cán bộ Việt Nam đầu tiên sang học ở Học viện cao cấp Liên Xô. Nhưng rồi bị bệnh tôi phải về. Năm 1960 - 1961 mới sang học lại. Từ năm 1959, sau khi có Nghị quyết 15, tôi đã xin vào Nam chiến đấu, nhưng bệnh chưa lành, không được đi. Năm 1963, tôi mới thực hiện được mong ước của mình là trở về chiến trường xưa với đồng bào Nam Bộ.

* Được biết Thượng tướng còn là người trực tiếp vạch kế hoạch và chỉ đạo việc mở đường 559 - đường mòn Hồ Chí Minh, mà báo chí phương Tây gọi là “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”?

- Vâng. Năm 1959, việc tổ chức lực lượng cán bộ tập kết ra Bắc trở vào Nam được đặt ra. Tôi và anh Nguyễn Văn Vịnh đề đạt với Tổng Bí thư và được chấp thuận. Tôi được Trung ương và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ chọn, huấn luyện, đưa cán bộ tập kết trở về chiến đấu và tổ chức con đường này, trước nhất là vào đến Khu 5. Tôi mời anh Võ Bẩm, người Quân khu 5, đến giao thực hiện cụ thể kế hoạch... Và nói đến đường mòn Hồ Chí Minh trên Trường Sơn thì cũng phải nhớ tới đường mòn Hồ Chí Minh trên biển. Cùng thời gian làm Đường 559, tôi cũng giao cho anh Võ Bẩm tổ chức vận tải đường biển cho Khu 5 lấy tên Đường 759. Nhưng rồi bị thất bại. Cho đến năm 1960 - 1961, nhờ một số đồng chí và ghe thuyền do Trung ương Cục phái ra xin vũ khí, tôi nghiên cứu phương án khả thi và cho tổ chức đường 759 trên biển trở lại. Chuyến đầu đi bằng tàu gỗ, khởi hành năm 1962, chở 30 tấn vũ khí, cập bến Rạch Gốc thuộc Cà Mau thành công. Sau mới đóng tàu sắt chở 100 tấn. Tôi mời anh Nguyễn Văn Đảnh - Cục trưởng đường biển, trước làm việc ở Ba Son, tham gia vào cuộc đóng tàu. Tôi đã trực tiếp lo tổ chức vận chuyển người và vũ khí trên cả hai đường 559 và 759 cho đến năm 1963 khi tôi trở vào Nam mới giao cho Bộ Tổng Tham mưu phụ trách.

* Thưa Thượng tướng, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, khi chuẩn bị bước đầu, trong tâm tưởng Thượng tướng có khi nào nghĩ rằng sẽ gặp thất bại hoặc chỉ thắng lợi ở mức độ nào đó, chứ không thắng lợi hoàn toàn?

- Thực tế, đối đầu với quân ngụy tại chiến trường chủ yếu, chúng tôi đã hiểu rõ địch, hiểu rõ ta, hiểu rõ tương quan lực lượng và nhất là thời cơ giành chiến thắng hoàn toàn. Sau mùa mưa năm 1974, Trung ương Cục miền Nam đã có hội nghị nhận định tình hình và ra nghị quyết Trung ương Cục để thông qua kế hoạch mùa khô 1974 - 1975 của Bộ Tư lệnh Miền, nhằm đánh thắng lớn. Tháng 9/1974, Trung ương Cục đã nhận định tình hình sẽ diễn biến nhanh, nguy hiểm, nguy quyền đang suy yếu trông thấy. Nếu xảy ra đột biến về quân sự, chính trị ở Sài Gòn, chiến trường B2 phải tự mình tiến hành tấn công trận cuối cùng vào sào huyệt địch, kết thúc chiến tranh mà không để lỡ thời cơ. Cũng từ tháng 9/1974, Trung ương Cục đã dự kiến chủ lực Miền đánh giải phóng Sài Gòn và các tỉnh thuộc B2 phải xây dựng lực lượng ngay, mạnh gấp 2-3 lần, để lúc ấy hiệp đồng tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện và xã giải phóng xã. Tình hình lúc

ấy sẽ cho phép như vậy. Và thật ra, đây là kế hoạch chúng tôi ôm ấp từ lâu, bắt đầu từ khi chuẩn bị kế hoạch Tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân năm 1968.

* *Thế lúc ấy kế hoạch của miền Nam, ngoài B2 thì thế nào, thua Thượng tướng?*

- Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã gửi báo cáo ra Hà Nội và đề nghị Bộ Chính trị triệu tập cuộc họp với đại diện tất cả các chiến trường để bàn kế hoạch thống nhất toàn miền Nam. Tháng 11/1974, tôi và anh Phạm Hùng ra Bắc họp. Hội nghị của Bộ Chính trị mở rộng có lãnh đạo và chỉ huy các chiến trường tham dự vào tháng 12/1974, đã hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Ta phải đánh mạnh vào năm 1975 mới kết thúc thắng lợi vào năm 1976. Thời cơ năm vào năm 1975, chứ không phải năm 1976. Quyết tâm này được củng cố sau khi giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, mà Bộ Chính trị đánh giá trận Phước Long như một đòn “trinh sát chiến lược” để ta hiểu rõ Mỹ - ngụy và hiểu ta hơn. Cần phải nắm bắt thời cơ để hành động là mấu chốt của thành công, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh, là trí tuệ của lãnh đạo.

* *Thượng tướng đánh giá thế nào về sự đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh?*

- Có nhiều người nghĩ rằng Dương Văn Minh đầu hàng để tránh cho Sài Gòn đổ nát, điều đó hoàn toàn sai lầm. Thật ra lúc ấy, Mỹ vận động Nguyễn Văn Thiệu từ chức là ý muốn nhường ngay ghế tổng thống Sài Gòn cho Dương Văn Minh, để Minh điều đình với ta. Nhưng Thiệu không chịu, mà muốn cờ theo Hiến pháp nhường cho Phó Tổng thống Trần Văn Hương lên thay. Trần Văn Hương lên cuối ngày 21/4/1975 đến ngày 28/4/1975 mới giao chức tổng thống cho Dương Văn Minh. Đó là ý đồ của Đại sứ quán Mỹ và Đại sứ quán Pháp tại Sài Gòn, mong Dương Văn Minh có thể nói chuyện được với Việt cộng nhằm tránh cái thua triệt để.

Về phía ta, ta hiểu rõ mưu đồ của địch dùng ngoại giao để chặn bớt thắng lợi của ta, không để ta thắng lợi triệt để. Vì vậy, ta đánh mạnh đánh nhanh, thời gian là lực lượng, để địch không còn gì mà nói chuyện. Dương Văn Minh chỉ rủi ro hứng lấy sự đầu hàng vô điều kiện.

* *Khi chỉ huy Quân giải phóng tiến vào Sài Gòn, Thượng tướng có nghĩ rằng sẽ tránh cho Sài Gòn khỏi sự đổ nát?*

- Kế hoạch tấn công chiếm Sài Gòn đã dự kiến chiếm Sài Gòn nguyên vẹn, thần tốc tấn công mãnh liệt không để cho địch kịp tổ chức kháng cự, bằng 5 mũi dũng mãnh thọc vào trung tâm từ 5 hướng, chiếm cùng lúc 5 mục tiêu trọng yếu.

Đó là nghệ thuật quân sự cách mạng theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, bảo vệ tối đa sinh mệnh của nhân dân, tiết kiệm tối đa máu của chiến sĩ ta và giảm tối đa sát hại binh lính địch.

* *Thượng tướng có cảm nghĩ gì khi vào tiếp quản Thành phố?*

- Trở lại Sài Gòn nơi tôi từ đó ra đi kháng chiến 30 năm về trước, rồi nhận nhiệm vụ Trưởng đoàn quân sự Chính phủ cách mạng làm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên tại sân bay Tân Sơn Nhất vào năm 1973. Ngày 30/4/1975 là ngày hạnh phúc và đẹp nhất đời tôi. Giấc mơ đời tôi đã thành hiện thực. Nhiệm vụ đã hoàn thành. Và hơn bao giờ hết, lòng tôi chạnh nhớ đến hàng triệu đồng bào, đồng đội đã hy sinh để có được ngày vinh quang. Đó là hình ảnh Trần Đình Xu - người chỉ huy bình tĩnh, kiên cường trong mọi tình huống, đã hy sinh anh dũng trong lúc đang là Tư lệnh Khu Sài Gòn năm 1969. Đó là Sư đoàn trưởng Nguyễn Thế Truyện dũng cảm vô song; là Hai Nhỏ (Nguyễn Văn Nhỏ) - Phó Tư lệnh Quân khu 8, một con người coi thường gian khổ hiểm nguy. Đó còn là hình ảnh Sáu Tâm (Nguyễn Việt Châu), người em ruột thân thương đã hy sinh anh dũng ở Cần Thơ năm 1969...

* *Thưa Thượng tướng, cả đời gắn bó với chiến trường, vậy còn có khoảng thời gian nào Thượng tướng lo cho gia đình?*

- Khoảng thời gian trở thành tướng về hưu (cười). Gia đình thì có bà nhà lo...

* *Thượng tướng gặp bà lúc nào?*

- Vào năm 1949, khi tôi từ Việt Bắc trở về. Lúc đó vừa xảy ra trận càn lớn của quân Pháp ở Đồng Tháp Mười. Cụ Lê Đình Chi - Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ bị hy sinh cùng một người con gái ruột của ông. Cụ là một trí thức yêu nước cùng thế hệ với Phạm Văn Bạch, Nguyễn Văn Huởng, đã tham gia giành chính quyền ở dinh Gia Long, Sài Gòn trong tổng khởi nghĩa. Sau cụ làm Trung đoàn trưởng chiến đấu ở Tây Ninh. Rồi Trung tướng Nguyễn Bình mời cụ về phụ trách quân pháp Nam Bộ. Trước tình cảnh mất mát của cụ và gia đình, tôi vô cùng xúc động. Tôi gấp gối và chia buồn với bà Lê Đình Chi (tức Lê Thị Tường Lan, nay là Bà mẹ Việt Nam anh hùng vì có thêm một người con trai hy sinh trong chống Mỹ) và với người con gái đầu lòng còn lại của cụ, cô Lê Thị Thoa. Không biết tự lúc nào hai bên cảm tình nhau. Phải chăng tình cảm riêng tư cũng bắt nguồn từ tình cảm chung yêu thương những người biết xả thân vì nước. Rồi cô ấy chuyển xuống rừng U Minh miền Tây học ngành y. Tôi lên nhận nhiệm vụ ở miền Đông. Lúc ấy, tôi cũng chưa nghĩ tới việc lập gia đình. Mãi cho đến năm 1954, anh em miền Tây mới đánh tiếng mai mối giữa chúng tôi. Thế rồi

đám cưới được tổ chức ở chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh). Mấy tháng sau, cả gia đình tập kết ra Bắc. Cô ấy vừa nuôi dạy con vừa công tác và hết sức nhẫn耐, đã học lấy bằng Phó Tiến sĩ khoa học vào năm 1972. Bây giờ cũng đã về hưu. Chúng tôi có 3 con, 2 gái, 1 trai và 4 cháu nội, ngoại đang sống hạnh phúc bên nhau.

* Xin cảm ơn Thượng tướng. Kính chúc Thượng tướng cùng bà luôn hạnh phúc và trường thọ.

- Cảm ơn anh. Qua *Kiến thức ngày nay* cho tôi gửi lời chào trân trọng đến tất cả đồng bào, đồng đội nhân ngày 30/4 lịch sử này.

Thượng tướng đứng lên và tiến tôi ra về. Nghe ông nói, nhìn dáng đi với mái tóc bạc phơ cùng đôi mắt sáng quắc của ông, không hiểu sao, tôi như thấy ẩn hiện đâu đây hình ảnh vị Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định hùng dũng năm nào.

Phan Hoàng thực hiện

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ: “TÔI TIN VÀO LỰC LƯỢNG THANH NIÊN CÓ KIẾN THỨC RỘNG, CÓ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ CHA ÔNG CỦA CHÚNG TA”*

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Thượng tướng Trần Văn Trà - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, nguyên Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, sẽ gặp gỡ với sinh viên, học sinh để ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, chiến thắng lịch sử 1975, đồng thời gửi đến các bạn thanh niên tình cảm chân thành, tin cậy về tương lai tươi sáng của Việt Nam.

- **Hỏi:** Thưa Thượng tướng, 20 năm đã trôi qua, phải chăng vấn đề “Mỹ thua ở Việt Nam” vẫn còn là đề tài tranh luận sôi nổi của giới học giả Mỹ và phương Tây?

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Đúng là cho đến nay, giới học giả Mỹ và phương Tây vẫn còn tìm hiểu: Mỹ giàu, quân đội mạnh, nhưng tại sao lại thua một nước, một dân tộc nhỏ bé và vũ khí thiêng? Đến ngày nay, họ vẫn chưa giải đáp được. Về phía chúng ta, chúng ta quá rõ điều này:

Ta tiến hành chiến tranh hoàn toàn chính nghĩa. Cốt là giải phóng đất nước khỏi sự xâm lược nước ngoài đem lại tự do cho nhân dân ta. Trong lúc đó, cuộc chiến tranh của Mỹ nhằm đỡ hộ nước khác áp đặt tư tưởng và lối sống của mình vào dân tộc khác.

Ta tiến hành cuộc chiến tranh với tư tưởng, chiến lược theo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Cuộc chiến tranh của ta là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Nếu nói về so sánh lực lượng với đôi bên thì Mỹ đưa qua đất nước Việt Nam trên nửa triệu quân. Còn ta đối đầu với trên nửa triệu quân Mỹ là hàng chục triệu người của nhân dân và quân đội. Tư tưởng chính trị ta hơn hẳn Mỹ, về số

* Bài phỏng vấn đăng trên Tạp chí *Sinh viên và thời đại*, tháng 3/1995.

lượng, về con người đối đầu ta cũng hơn hẳn. Về cách đánh, ta đánh theo chiến thuật, chiến lược của một cuộc chiến tranh nhân dân. Ta tấn công trên khắp các chiến trường, cả đô thị, cả vùng nông thôn và cả rừng núi. Một người dân của ta cũng có thể tiêu diệt một đơn vị của địch. Đó là cách đánh “thiên biến vạn hóa”.

Trong lúc đó, quân đội Mỹ chiến đấu theo một kiểu cách, theo chiến lược chiến thuật của cuộc chiến tranh quy ước. Từ tính chất đến phương pháp thực hiện chiến tranh và chiến đấu đều khác nhau hoàn toàn. Có thể nói tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là ưu việt, là “bách chiến bách thắng”.

- **Hỏi:** Trước đây Thượng tướng có nhấn mạnh: “Biết mình biết ta, trăm trận trăm thắng” là yếu tố rõ nét mà chiến tranh nhân dân Việt Nam áp dụng rất sáng tạo, độc đáo binh pháp Tôn Tử vào Đại thắng mùa Xuân năm 1975, xin Thượng tướng nói rõ hơn chiến lược, chiến dịch của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975?

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Không chỉ binh pháp Tôn Tử mà tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nêu rõ “phải hiểu mình, hiểu người thì mới đánh thắng”. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 cho thấy điều này. Cụ thể một điểm để hiểu rõ hơn. Trận đánh giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long đã làm cho Bộ Chính trị, Đảng ta thấy rõ lực lượng quân sự của ta là mạnh hơn lực lượng quân sự của địch vào thời điểm đó. Ta đánh chiếm một tỉnh quan trọng như vậy mà ngụy vẫn không đủ sức đối phó đành phải chịu mất. Và Mỹ cũng phải “đứng ngoài mà ngó” quân ngụy hoàn toàn sụp đổ ở một tỉnh dù có khả năng và rất muốn can thiệp. Hiểu địch, hiểu ta vào một thời điểm, vào một giai đoạn để thấy rõ thời cơ đánh đòn quyết định là mấu chốt của thành công Xuân năm 1975.

Nếu không nắm vững thời cơ, để thời cơ đi qua thì chiến tranh có thể diễn biến khác. Chính vì vậy có quyết định của Bộ Chính trị về chiến cuộc Tây Nguyên và cũng chính vì vậy có việc chọn điểm chiến dịch là Buôn Ma Thuột. Cũng có thể nói, chọn điểm Buôn Ma Thuột mở màn chiến dịch Tây Nguyên, không những là một quyết định vô cùng sáng suốt mà ở đây còn thể hiện *nghệ thuật quân sự* ưu việt của ta. Từ thắng lợi Buôn Ma Thuột dẫn đến thắng lợi hoàn toàn Tây Nguyên, dẫn đến thắng lợi các tỉnh miền Trung và thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh là tất yếu.

- **Hỏi:** *Bức điện* mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp thông báo cuộc họp ngày 31/3/1975 của Bộ Chính trị (nhận định về thời cơ chín muồi Tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định sau khi phân tích tình hình so sánh lực lượng ta địch) gửi đến các đồng chí Đại tướng Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Thượng tướng Trần Văn Trà có tác dụng như thế nào đến tinh thần Bộ Chỉ huy Chiến dịch?

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Không phải chỉ nhận định thời cơ đánh vào Sài Gòn mà còn thúc đẩy chiến trường B2 tự lực với lực lượng của mình đánh vào

Sài Gòn ngay không đợi lực lượng các hướng vào đầu bởi vì “thời gian là lực lượng”. Chính vì thế, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam đã quyết định: với lực lượng hiện có tại chiến trường bắt đầu đánh vào Sài Gòn từ ngày 09/4/1975. Lúc đó chưa có Bộ Chỉ huy Chiến dịch do Bộ Chính trị chỉ định.

Trong ngày 09/4/1975, các hướng đều mở đầu những trận đánh để bao vây Sài Gòn tạo đà cho việc tấn công giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Chẳng hạn như bộ đội đồng bằng sông Cửu Long cắt đứt Đường 4 ra từng mảnh, chia cắt Vùng 4 và Vùng 3 Đông Nam Bộ. Đường 15 ra Vũng Tàu và đường sông Lòng Tàu thì do các lực lượng địa phương và đặc công khống chế để không cho địch liên hệ từ biển với Sài Gòn. Phía bắc Sài Gòn, tỉnh Bình Long với một phần lớn Bình Dương và một phần Tây Ninh, cả tỉnh Tuyên Đức, Di Linh đều được giải phóng. Và phía đông, trận đánh quan trọng nhất - Xuân Lộc cũng bắt đầu để tiêu diệt tập đoàn quân ngụy mạnh nhất bảo vệ Sài Gòn.

- **Hỏi:** Xin Thượng tướng nhấn mạnh nét đẹp và sự trong sáng của Quân đội nhân dân Việt Nam những ngày mới tiếp quản Sài Gòn?

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Khi vào tiếp quản, vấn đề to lớn cả thế giới đều thấy - đó là tính kỷ luật rất cao của một quân đội cách mạng và chí hướng rất cao của quân đội nhân dân: đoàn kết với nhân dân, bảo vệ nhân dân rất rõ nét. Nhiều người nước ngoài tưởng tượng cuộc tiến quân vào Sài Gòn sẽ gây ra cuộc tắm máu và sự cướp bóc hỗn loạn. Nhưng hoàn toàn ngược lại. Điều đó nói lên sự nghiệp cách mạng của Đảng vì nhân dân, Quân đội ta vì hạnh phúc nhân dân mà chiến đấu.

- **Hỏi:** Thượng tướng có dự định viết hồi ký? Những cuốn sách đã xuất bản cũng như những cuốn sắp xuất bản có lẽ có nhiều điều mới mẻ, lý thú chứng minh sức mạnh chiến tranh nhân dân Việt Nam?

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Tôi định có năm tập hồi ký chiến tranh chống Mỹ. Đã xuất bản tập 1 và tập 5. Còn 3 tập “ở giữa” chưa ra. Tất nhiên đi vào những sự kiện thật thì cho đến bây giờ chưa có dịp nói hết. Do đó có những cái mới chưa đưa ra!

- **Hỏi:** Thượng tướng có điều gì nói với thế hệ trẻ trong ngày hội lớn của dân tộc?

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Có thể nói bốn nghìn năm lịch sử của dân tộc, thắng lợi của nhà Trần với quân Mông - Nguyên hồi thế kỷ XIII là thắng lợi lớn mà cả thế giới đều biết đến vì nó giúp cho các dân tộc khác trên thế giới khỏi bị quân Nguyên đô hộ. Ngày nay, **thời đại Hồ Chí Minh**, ta thắng liền hai đế quốc lớn không chỉ giải phóng cho dân tộc mình mà còn giải phóng cho dân tộc khác khỏi bị

chủ nghĩa thực dân đô hộ. Trong thời đại nguyên tử ngày nay, thắng lợi vang dội như thế là thắng lợi rất lịch sử. **Cả thế giới đều phải ngạc nhiên trước cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh của chúng ta.** Thắng lợi đó bắt nguồn từ lòng yêu nước, thắng lợi do sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc Việt Nam, do tư tưởng cách mạng, do tư tưởng quân sự đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và do sự lãnh đạo kiên quyết nhất, sáng suốt nhất của một đảng hoàn toàn cách mạng vì quyền lợi của nhân dân. Bài học Việt Nam trong chiến thắng đó còn là tính kiên cường, bất khuất, tự lực tự cường, luôn luôn sáng tạo, không sợ hy sinh vì nghĩa lớn, không sợ khó khăn như câu nói của Bác Hồ:

“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên”

Thanh niên ngày nay thoát được sự áp bức của nước ngoài, có điều kiện học tập, nâng cao tri thức, nâng cao hiểu biết, do đó cần hiểu biết lịch sử của cha ông ta, thẩm nhuần những truyền thống của dân tộc ta thì có thể xây dựng nên tất cả. Nếu ông cha ta ngày trước hy sinh giữ vững độc lập - tự do, thì thanh niên ta ngày nay tiếp tục xây dựng: Nước mạnh, dân giàu và một xã hội công bằng, văn minh. Tôi tin vào lực lượng thanh niên của chúng ta, vừa có kiến thức rộng, vừa có truyền thống của ông cha ta thì chắc chắn sẽ làm nên lịch sử. Mỗi thanh niên Việt Nam cần có chí hướng đúng đắn, kiên định để không phụ lòng người đi trước.

Xin cảm ơn Thủ tướng. Kính chúc Thủ tướng sức khỏe và hạnh phúc.

Trương Văn Ngọc thực hiện

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ VỚI SỐNG VUI KHỎE*

Thượng tướng Trần Văn Trà là một tướng lĩnh có tên tuổi của nhân dân Việt Nam. Quê ở Quảng Ngãi, ông lớn lên và học tập ở Huế, tốt nghiệp Trường Bách công - Kỹ nghệ Huế (thời Pháp thuộc). Ông tham gia cách mạng rất sớm, là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương từ khi còn học ở Trường Bách công. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông trở thành anh bộ đội Cụ Hồ cho đến suốt cuộc đời mình. Hiện nay, ông đã nghỉ hưu, sống với gia đình tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn không ngưng hoạt động cách mạng. Ông đang giữ chức Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

Một chiều cuối năm, hai chúng tôi, Tổng Biên tập và một biên tập viên của Tạp chí Sống vui khỏe, có dịp tới thăm Thượng tướng Trần Văn Trà. Buổi gặp gỡ rất chân tình, cởi mở xoay quanh đề tài sống vui khỏe. Dự định vài chục phút, nhưng rồi vui chuyện đến non hai tiếng đồng hồ. Phép giữ gìn sức khỏe, chống bệnh tật của Thượng tướng cũng có những nét kỳ lạ có tính chất “tướng”. *Sống vui khỏe* sẽ có dịp giới thiệu những kinh nghiệm quý này.

Dưới đây là ghi nhanh vài nét buổi trò chuyện thân mật vừa rồi.

- *Ở tuổi 75, đã trải qua bao phen vào sanh ra tử, trong mấy chục năm chiến tranh ác liệt, với cương vị một tướng lĩnh cao cấp của quân đội vậy mà trông anh vẫn tráng kiện, sung sức như còn ở tuổi trung niên. Thật đáng mừng. Anh có thể cho biết vài bí quyết trong cách sống của anh?*

- Thời trẻ, tôi cũng khỏe mạnh bình thường như bạn bè. Sau một thời gian hoạt động cách mạng gian khổ, tôi mắc nhiều bệnh, nặng nhất là bệnh phổi. Cả thời trai tráng, tôi không được khỏe lắm. Được nhu bây giờ, tôi nghĩ là do tôi chịu khó tìm hiểu, đọc sách về sức khỏe, rồi tạo được cho mình cách sống, chịu khó rèn luyện. Nếu có thể cho đó là bí quyết thì, nói gọn là: *Tinh thần luôn tin tưởng, lạc quan,*

* Bài phỏng vấn đăng trên Tạp chí *Sống vui khỏe*, số 3-4, tháng 01/1995.

thoải mái trong mọi điều kiện, hoàn cảnh; thường xuyên lao động, cả trí óc lẫn chân tay, biết cách ăn uống hợp lý.

Quan trọng hơn hết là tinh thần. Phải luôn vui vẻ, không để cho những mối lo buồn chi phối. Nếu đâu óc cứ miên man lo lắng thì không tránh khỏi bệnh. Phải biết quên đi những cái căng thẳng, rối loạn (các cú sốc - stress), biết xóa đi những lôi thôi rắc rối, phiền muộn lớn nhỏ, những ham muốn quá khả năng mình, biết tự hào khi hoàn thành nhiệm vụ.

- *Hằng ngày anh làm việc, luyện tập như thế nào?*

- Tôi đọc sách báo, học ngoại ngữ. Nhiều chuyện muốn biết, đã có trong các sách ngoại ngữ người ta đưa đến cũng khá nhiều, tên sách rất hay. Học nói khó thì tôi học đọc để hiểu. Tôi nghiên cứu và viết hầu như không lúc nào đủ thời giờ, tự mình đặt ra và nhiều tổ chức yêu cầu, không làm không được. Những công việc ấy đem lại cho tôi niềm vui. Tôi về hưu, nhưng chưa thấy mình đã nghỉ ngơi, vẫn làm việc nhiều như khi đương chức.

Thời trẻ tôi học võ, đánh bốc, chơi thể thao. Trong chiến tranh, tôi đi bộ nhiều vô kể không thể tính được mấy ngàn kilômét. Chỉ nói từ Nam Bộ ra Việt Bắc thôi cũng mấy lần, vượt mấy đèo cao trong nước. Tôi nghĩ đi bộ như vậy, giúp cho tôi ngày nay khỏe ra. Còn bây giờ, buổi sáng luyện tập khoảng 1 giờ, chọn một số động tác yoga thích hợp, nhất là tập xương sống, thở sâu, thư giãn, cuối cùng là xoa bóp toàn thân. Bận mấy thì bận, mỗi tuần, tôi cố thực hiện cho được 3 buổi rèn luyện như vậy. Tôi coi trọng thở lâu, thở sâu ở mọi nơi mọi lúc.

- *Anh có hút thuốc lá không?*

- Tôi nghiên cứu nhiều năm và hút loại thuốc lá nặng, thích thuốc Gò Vấp. Bệnh phổi nặng ở Hà Nội, ở Mạc Tư Khoa khi chữa cũng như khi mới lành bệnh, biết thuốc lá là có hại mà vẫn không bỏ được.

Năm 1965, tôi hạ quyết tâm bỏ thuốc. Bỏ thuốc lúc đang có một thời gian dài, trên bàn đầy rẫy mọi thứ thuốc ngon, thơm, không mất tiền mua, không hút người ta vẫn cứ đưa đến. Không bỏ từ từ. Rập một cái là bỏ luôn, từ ngày ấy đến nay không hút một điều nào nữa, mặc dù xung quanh thuốc lá luôn luôn cám dỗ tôi. Phải thừa nhận rằng thuốc lá rất khó bỏ, nhưng tôi hạ quyết tâm cương quyết đấu tranh với bản thân và tôi đã bỏ được. Qua đó tôi nghiệm ra rằng: Làm những việc rất khó, phải có quyết tâm cao mới thành công được.

- *Về ăn uống anh thích dùng những thứ gì?*

- Tôi ăn rau, ăn trái cây nhiều. Ăn cá nhiều hơn, chỉ ăn thịt ít thôi, không uống trà búp chỉ uống chè xanh. Ít ăn đường và đã bỏ hẳn cà phê. Thích ăn đậu phụ,

đậu nành. Mỗi bữa chỉ ăn một bát cơm, dùng nhiều thức ăn. Tôi thấy vẫn no, vẫn khỏe vẫn làm việc được nhiều.

Tự theo dõi sức khỏe, hàng tháng thấy tăng cân hay giảm cân, tôi điều chỉnh cách ăn để giữ cơ thể luôn luôn ổn định.

- *Xuân mới Ất Hợi, anh nhẫn gì cho bạn đọc Sống vui khỏe và những người lớn tuổi?*

- Sức khỏe là vấn đề trọng đại của mỗi người, mỗi gia đình, của dân tộc ta. Đừng coi là chỉ của mình thôi, đừng coi thường. Muốn thành đạt bất cứ cái gì, điều cần phải có là sức khỏe.

Tuổi trẻ ngày nay, một số khá nhiều mê vui, ham rượu chè, nghiện thuốc lá, thuốc lào... Thanh niên nông thôn uống rượu nhiều quá. Những điều đó rất tai hại.

Phải sống điều độ, cả vật chất và tinh thần. Luôn luôn quan tâm giữ sức khỏe cho mình, cho gia đình, cho con cháu, cho dân tộc mình. Duy trì và tạo ra nòi giống khỏe mạnh, thông minh đó là nghĩa vụ của mỗi người chúng ta.

Ta là một người của xã hội, không phải chỉ sống cho mình. Sức khỏe ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của dân tộc. Tôi mong tuổi trẻ nhận thức đúng tầm quan trọng của sức khỏe để tìm và xây dựng cho mình một cách sống lành mạnh.

Xin chúc tất cả một mùa xuân mới, một năm mới sống vui khỏe.

Song Lê ghi

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ VỚI TRẺ EM PHẠM PHÁP

Phóng viên: Là người thường ưu tư đến tiền đồ dân tộc, Thượng tướng nghĩ thế nào về hiện tượng trẻ em phạm pháp trong mấy năm gần đây đã liên tục xảy ra ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và trên cả nước nói chung?

Thượng tướng Trần Văn Trà: Phải sớm có biện pháp để gấp rút ngăn chặn. Muốn ngăn chặn trước hết phải tìm nguồn gốc phát sinh. Theo tôi, nguyên nhân tác động đam trẻ hư hỏng phát sinh trong 3 môi trường: *Gia đình, nhà trường và ngoài đường phố*. Trước hết là cha mẹ quản lý con em lỏng lẻo, nuông chiều quá mức; nhà trường thờ ơ vấn đề giáo dục môn đạo đức học, thường để xảy ra những vụ học sinh đánh lộn, gây thương tích cho nhau trước cổng trường; đường phố thì đam trẻ mặt non choẹt, phỏng xe 100 phần khối lạng lách làm rối trật tự. Chưa nói đến đua xe, mà cảnh sát gác đường cũng nhăm mắt làm ngơ. Tôi nghĩ, chính ba môi trường đó đã dung dưỡng thói hư tật xấu của đam trẻ hư hỏng, dần dà trở nên mối nguy lớn của xã hội là phá rối trật tự, cướp của, giết người...

Phóng viên: Theo Thượng tướng, muốn ngăn chặn trạng huống này, ta phải làm sao?

Thượng tướng Trần Văn Trà: Trước nhất phải từ trong gia đình. Bố mẹ phải có trách nhiệm, theo dõi con em, đừng để con mình tự ý theo bạn bè bỏ học rủ nhau đi chơi 5-7 bữa, khi biết được chỉ la rầy qua quýt rồi thôi, sau đó chúng nó được trốn lại dấn thêm bước nữa, trầm trọng hơn là rủ nhau đua xe, cướp bóc, gây án mạng. Nghĩa là các bậc cha mẹ không chịu diệt mầm xấu từ trong trứng nước, vô tình dung dưỡng cái xấu đó trở thành ung nhọt lớn gây tác hại cho xã hội.

Đó là gia đình, còn sau là đến nhà trường. Hiện nay, tôi thấy vấn đề đạo đức và kỷ luật học đường quá lỏng lẻo. Học sinh đánh nhau trước cửa trường, phụ huynh học sinh xông vô lớp hành hung thầy cô giáo, không phải xảy ra ở những trường hẻo lánh, mà ngay những trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. Điều đó cho ta thấy chính những nơi giáo dục - đào tạo con người mà đầy rẫy những

gương xấu cho thanh thiếu niên là mầm non, là rường cột tương lai để nối tiếp ông cha xây dựng đất nước! Nguy cơ này giới hữu trách phải có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Nay nói đến đường phố. Tôi được biết có nhiều tổ dân phố đã có sinh hoạt khá tốt, xây dựng điển hình những hộ có nếp sống văn hóa mới, thành lập lại chi đoàn thanh niên để quy tụ và thu hút các thanh thiếu niên vào những sinh hoạt lành mạnh. Nếu các cấp lãnh đạo biết nắm lấy đó để nhân rộng ra, phổ biến khắp Thành phố, thì xã hội ta nhất định sẽ tốt.

Tôi xin nhắc lại, muốn bài trừ trạng huống thanh thiếu niên hư hỏng hiện nay, chúng ta phải đặt trách nhiệm cho người lãnh đạo từ ba nguồn trong gia đình, trong nhà trường và ngoài khu phố. Phải diệt cái xấu từ trong trứng nước, phải phát huy cái tốt điển hình và nhân rộng ra.

Phóng viên: Hiện nay trong xã hội ta đang nổi cộm vấn đề những vị có chức quyền và thừa tiền, quá nuông chiều con cái, sắm cho xe phân khối lớn, tạo phương tiện cho chúng đua xe lạng lách quấy rối trật tự đường phố, gây án mạng, rồi đi đến chỗ rủ nhau đi cướp của giết người, khi con phạm pháp thì gọi điện thoại, viết thư tay đến can thiệp, bảo lãnh. Có những đứa được bảo lãnh đến 5, 7 lần, mỗi lượt được bảo lãnh về vẫn gây án, tội càng nặng hơn. Theo Thượng tướng, chúng ta có biện pháp nào để ngăn chặn không?

Thượng tướng Trần Văn Trà: Tôi nghĩ vấn đề này giống như vấn đề tham nhũng mà các cấp lãnh đạo đang đấu tranh để chống lại. Vấn đề này phải được đặt ra cho những ông to bà lớn, phải thấy rằng, nếu mình đã bất lực trong việc giáo dục con cái để đến nỗi chúng phạm tội, thì phải buông nó ra cho pháp luật trừng trị, không nên cậy quyền, ý thế - có thể nói đây cũng là một hình thức ô dù đầy - bao che tội lỗi cho con và xem thường pháp luật.

Tôi đề nghị là từ nay, cán bộ cấp dưới đang xử lý một trẻ em phạm pháp, nếu có thư tay bảo lãnh hay có điện thoại can thiệp, thì lập tức công khai hóa thư tay, hoặc cú điện thoại ấy cho báo chí biết. Chắc vài lần sau đó sẽ không còn tình trạng ấy nữa, vì ít ra những ông to bà lớn ấy cũng còn có chút liêm sỉ chứ!

Lê Phương Chi thực hiện

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ NÓI VỀ QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐIỆN ẢNH QUÂN KHU 8*

- **Phóng viên:** *Thưa đồng chí, có phải đồng chí là một trong những người sáng lập Điện ảnh Quân khu 8?*

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Các bạn không nên nói thế. Tôi là một người chỉ huy quân sự. Tuy nhiên, tôi cũng sẽ nói những điều mình biết. Nói thật. Và có lẽ những điều tôi kể cũng sẽ có ích cho các bạn trẻ ngày nay yêu điện ảnh.

Thời nào cũng thế, có lẽ sau này cũng vậy. Cuộc chiến tranh nào của Việt Nam cũng không đi chệch ra ngoài bốn chữ: “Toàn dân đánh giặc”. Muốn chiến thắng thì cần có sức mạnh tổng hợp... Khi tôi gặp đồng chí Lê Duẩn ở Hóc Môn và nhận nhiệm vụ về Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ Khu 8 cùng với anh Nguyễn Văn Vịnh, thì chúng tôi đã nghĩ ngay đến việc tập hợp lực lượng “Ai có gươm dùng gươm, ai có súng dùng súng. Ai không có súng thì dùng cuốc xuồng, gậy gộc...”. Bác Hồ đã kêu gọi như thế. Vậy thì những nhà điện ảnh ban đầu của các bạn, như Mai Lộc, Khương Mẽ, Vũ Sơn... xách máy vào chiến khu thì cũng là lẽ đương nhiên.

...

- **Đồng chí Bảo Định Giang hỏi Thượng tướng Trần Văn Trà:** *Đề nghị anh Ba nói lại do đâu mà các anh tán thành ý kiến các anh em cho thành lập điện ảnh sớm như vậy? Điện ảnh khó lăm, mà trong tình hình Đồng Tháp Mười khó khăn muôn vàn như vậy, bộ đội còn khó khăn, mà các anh cho ra đời Tổ Điện ảnh?*

- **Thượng tướng Trần Văn Trà:** Đấy cũng là vấn đề thú vị đấy. Cái cơ bản là chúng tôi lúc đó mới xây dựng lực lượng thì cũng nghĩ rằng đúng như Bác Hồ

* Trích từ bande video tư liệu do Câu lạc bộ Nhũng người hoạt động điện ảnh lâu năm ghi năm 1997.

nói kháng chiến là của toàn dân, người nào có khả năng, bất cứ việc gì, cũng có thể chiến đấu để chống kẻ địch. Cho nên không phải chỉ cầm súng, mà ngoài súng ống ra, còn nhiều chuyện nữa kể cả văn nghệ, tất cả các ngành nghề. Có lẽ từ quan điểm đó mà Bộ Chỉ huy Khu 8 nhất trí phát triển nhiếp ảnh. Về điện ảnh thì có lẽ nó xuất phát từ ngày lễ Độc lập 02/9/1947. Ngày đó, các anh còn nhỏ, đồng đảo nhân dân Đồng Tháp Mười khắp cả vùng giải phóng cho tới các khách Sài Gòn, Mỹ Tho, Cai Lậy, Cao Lãnh vào dự. Triển lãm có nhiều thứ, nhưng người ta chăm chú nhiều các bức ảnh của Tổ Nhiếp ảnh Khu 8: Tây đi càn, đốt nhà, giết hại nhân dân. Nhất là các trận Vầm Nước Trong, Ba Tri - Tân Xuân, Giồng Dứa. Người ta thích thú vì đây là sự thật không thể chối cãi được. Đây là thành công lớn của ngày lễ của chúng ta.

Sau đó, tôi nhớ có một hôm, tôi và anh Vịnh đang làm việc, anh Vịnh đưa ra một ý kiến: Anh em Tổ Nhiếp ảnh tha thiết muốn từ Tổ Nhiếp ảnh tiến lên xây dựng điện ảnh. Anh em rất nhiệt tình, say mê điện ảnh. Anh em gợi ý làm thế nào cho có điều kiện làm điện ảnh cách mạng. Anh Vịnh nói đây là vấn đề khó, trong lúc mà ta còn thiếu thốn mọi bề, bộ đội thiếu ăn, thiếu mặc, súng ống đạn dược còn thiếu, bây giờ ta lại đi xây dựng điện ảnh thì không biết ra sao. Tôi phân vân rất nhiều. Tôi chưa trả lời ngay bởi vì tôi thấy đây là vấn đề táo bạo đấy. Dám nghĩ tới điện ảnh trong lúc ta còn thiếu thốn tất cả: Phương tiện làm gì có, tiền nong cũng là thiếu rồi, mà làm ở trung tâm Đồng Tháp thì khó lắm, chắc có làm được không? Anh Vịnh nói nếu ta quyết tâm, tôi tin anh em nhiếp ảnh làm được, anh em vừa yêu nghề, vừa có mối giao thiệp và có người có khả năng.

Sau những trao đổi, thì kết luận là lúc chúng tôi lên giường ngủ (ngủ chung một màn). Khi tắt đèn, trong cảnh tối âm u, tôi nói với anh Vịnh có lẽ ta cố gắng được. Đầu tiên, ta bỏ một số tiền vào đó, rồi vận động nhân dân, đồng bào giúp đỡ, cả những đồng bào ở thành thị cũng có thể có điều kiện làm. Nếu làm được thì hiệu quả của nó rất lớn. Chúng tôi thỏa thuận với nhau là đồng ý phát triển điện ảnh. Từ nhiếp ảnh đi lên mà tổ chức thêm điện ảnh thì đó là vấn đề rất thích thú, rất là tốt trong tuyên truyền kháng chiến.

Vài ngày sau, chúng tôi ra quyết định tổ chức Điện ảnh K8 khoảng vào đầu tháng 10/1947.

Anh em rất thích thú, nhưng mà giải quyết phương tiện thế nào đây, trong tay không có gì hết. Phải về thành phố, phải liên hệ với đồng bào thành phố, phải có người hiểu biết máy móc cần thiết. Khu có Ban Tiếp liệu đi mua bán, đi liên hệ thì người ta lại không biết nghề. Thế thì phải phái một người hiểu nghề, có khả năng

tìm những cái mà người ngoài nghề không thể biết được. Cho nên phái KhuƠng Mẽ về thành. Nhưng mà KhuƠng Mẽ đã ở trong căn cứ, biết nhiều chuyện trong căn cứ, nay đưa về thành là phải suy nghĩ rất nhiều. Tuy rằng giải quyết vấn đề một người nhưng ảnh hưởng đến căn cứ. Nhưng phải tin anh em. Do đó, phải để KhuƠng Mẽ về mua các thứ đồ đặc.

Đầu tiên, thực hiện một phim là phim *Trường Quân chính* rồi sau đó ra mặt trận quay phim đầu tiên là *Trận Mộc Hóa*.

Phim *Trận Mộc Hóa* có kết quả rồi thì từ đó là cái đà đi lên của Điện ảnh K8.

THƯ GỬI BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, THƯỜNG VỤ QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: Bộ Chính trị Trung ương Đảng,
Thường vụ Quân ủy Trung ương,

Tôi trân trọng trình bày với Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Thường vụ Quân ủy Trung ương một nguyện vọng riêng để mong được chấp thuận:

Từ năm 1978, tôi đã định yêu cầu Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cho tôi được nghỉ hưu. Tôi suy nghĩ: Từ lúc được giác ngộ tham gia hoạt động cách mạng, nguyện vọng duy nhất của tôi là dân tộc và giai cấp được giải phóng, Tổ quốc được độc lập, tự do và thống nhất. Suốt hơn 40 năm theo Đảng đấu tranh, trên 30 năm trong quân đội mà 21 năm trực tiếp chiến đấu ở chiến trường, ngày nay nguyện vọng ấy đã đạt được trọn vẹn trong niềm vui chung của đất nước. Đây là hạnh phúc tuyệt đỉnh rồi. Tất nhiên còn bao nhiêu việc phải làm để đưa đến dân giàu nước mạnh. Nhưng tuổi tôi đã cao (lúc ấy 59 tuổi và nay đã 61 tuổi rồi), sức cũng đã yếu. Mỗi giai đoạn của cách mạng lại có nhiệm vụ và yêu cầu mới, hết lớp người này lại đến lớp người khác tiến lên thay thế, tre già măng mọc. Tôi tự nghĩ hãy tránh vào lề đường dưỡng sức để nhường cho lớp lớp thanh niên ưu tú vượt lên. Họ là những người của thời đại, họ được học, được hiểu và có đủ sức lực để giương cao ngọn cờ của dân tộc, của giai cấp. Dũng chàng ràng cản bước tiến của họ. Dũng để cho tổ chức khó khăn trong việc bố trí công tác của mình. Cũng đừng làm cho bộ máy quân đội, bộ máy nhà nước quá công kẽm, nặng nề, lăm quan, nhiều tướng mà không có hiệu quả, trong lúc đó đời sống nhân dân, cán bộ, công nhân viên ngày càng khó khăn, trật tự an ninh, trộm cắp, hối lộ ngày càng tồi tệ.

Suy nghĩ như vậy, lúc ấy tôi đã quyết tâm xin Quân ủy và Trung ương được nghỉ hưu.

Nhưng tình hình lại diễn biến phức tạp. Hiểm họa chiến tranh mới lại đe dọa đất nước. Kẻ thù phương Bắc lại một lần nữa muốn giày xéo non sông này

mà hàng triệu người đã phải ngã xuống tưới nhuộm máu đào lên mảnh đất quê hương mới giành được như ngày nay. Tôi lại tự nhủ lòng hãy nán lại đã, hãy làm bất cứ một công việc gì có thể làm được miễn góp một phần nhỏ vào việc bảo vệ Tổ quốc, gìn giữ thành quả cách mạng. Tôi đã cố gắng hoàn thành mọi công việc được giao cho tới hôm nay.

Hôm nay đã qua hết mùa khô căng thẳng, sẵn sàng chiến đấu của năm 1979 - 1980. Kẻ thù phương Bắc đã không mở được cuộc tiến công tức đã bị chặn đứng một phần, chiến tranh cũng đã bị đẩy lùi một bước. Công cuộc phòng thủ đất nước cũng đã một bước được củng cố, tình hình không còn đến nỗi bấp bênh gây lo âu nữa. Tôi nghĩ đã đến lúc thực hiện chủ trương từ trước của mình “xin lui về vườn”. Hơn nữa gần đây sức khỏe của tôi lại giảm sút. Nhiều lúc đang làm việc, tôi thấy bị chóng mặt, mọi vật xung quanh quay tròn, tôi phải nhắm mắt một lúc lâu mới mở ra được. Cứ làm việc, nghiên cứu, suy nghĩ không đầy một tiếng đồng hồ thì đầu có cảm giác nóng lên, không còn nhớ gì nữa, óc từ chối làm việc. Tôi nghĩ đầu óc đã thế này mà còn cứ bám lấy công việc chắc không tránh khỏi có những giải quyết sai lầm nguy hiểm, có khi gây thiệt hại cho quân đội, cho nhân dân. Tuy công việc mình làm không có gì gọi là quan trọng, lớn lao nhưng công việc lớn thì hại lớn, mà nhỏ thì cũng có hại nhỏ.

Với những suy nghĩ như đã trình bày trên đây, chí đã quyết, tôi viết thư này tha thiết yêu cầu Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương cho phép tôi được nghỉ hưu.

Với những ngày còn lại, tôi sẽ cố gắng bồi bổ lại sức khỏe, kiên trì tập luyện, lao động để mong tuổi ngày càng cao nhưng sức lực vẫn giữ được và tinh thần càng sáng khoái. Rồi nếu thực sự dân tộc ta lại không tránh được chiến tranh một lần nữa thì tôi xin sẵn sàng được động viên trở lại làm bất cứ việc gì có thể làm được. Còn nếu vì lý do gì mà không được động viên thì tôi cũng tình nguyện chiến đấu như một người du kích chân chính ở nơi mình đang nghỉ.

Tôi đã báo cáo gọn và đủ điều thỉnh cầu của tôi và nguyên do của điều thỉnh cầu ấy, rất mong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chấp thuận, tôi vô cùng cảm kích.

Hiện nay, vì lẽ sức khỏe không thể làm việc được, tôi buộc lòng phải nghỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh, số nhà 161 đường Nguyễn Thị Minh Khai và đang nhờ Bệnh viện Thống Nhất theo dõi sức khỏe và điều trị.

Rất mong nhận được sự chấp thuận sớm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/4/1980

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN LINH - TỔNG Bí THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Kính gửi: Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư Trung ương Đảng

Tôi xin viết gọn lại những vấn đề đã trình bày với anh dịp Tết Mậu Thìn:

Sau một năm Đại hội VI, đến nay tình hình kinh tế đất nước không được cải thiện mà càng thêm trầm trọng, đời sống nhân dân lao động, cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang càng thêm khó khăn hơn trước. Công bằng xã hội càng bị vi phạm, các hiện tượng tiêu cực tiếp tục phát triển. Giá cả ngày càng tăng, tiền mất giá, thiếu tiền mặt nghiêm trọng, lạm phát nghiêm trọng. Tình hình kinh tế xấu đi càng kéo theo tình hình xã hội diễn biến phức tạp, uy tín của Nhà nước ta và của Đảng tiếp tục xuống thấp. Nếu tình hình này kéo dài sẽ có tác động xấu đến tình hình chính trị.

Chúng ta đang đứng trước một tình thế cấp bách, đòi hỏi Đảng phải có lãnh đạo cương quyết, khẩn trương, không thể chần chờ, Chính phủ phải đi vào thực hiện ngay một loạt các biện pháp về kinh tế, làm chớ không nói, không chờ. Sau Nghị quyết 2, Trung ương giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, đáng lý từ Nghị quyết 3 trở đi là giải quyết tập trung vấn đề sản xuất - sản xuất khi nào cũng là gốc của kinh tế - mà ngay trước mắt là sản xuất nông nghiệp thì mới ổn định được tình hình mà trước hết là tình hình lương thực. Vì sao sau một năm có Nghị quyết Đại hội mà 3 chương trình lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu không được ráo riết thực hiện? Trước Đại hội và ngay sau Đại hội, nhân dân chờ đợi những gì mới xuất hiện để củng cố lại lòng tin nhưng chỉ thấy mới trên lời nói, tương lai còn mù mịt. Chắc chắn tình hình kinh tế - xã hội còn khó khăn kéo dài, vậy cần ngay những hành động đúng hướng của Đảng và Chính phủ để nhân dân có hy vọng mà chờ đợi. Vì quá sốt ruột lo lắng cho tình hình - không riêng tôi mà của hầu hết cán bộ cách mạng lão thành - nên tôi xin góp ý kiến thiết yếu mong anh không bỏ qua:

1) Lo ngay vấn đề sản xuất nông nghiệp

Đây là nói nông nghiệp toàn diện: nông, lâm, ngư. Sản xuất và chế biến. Muốn có lương thực, nguyên liệu cho hàng tiêu dùng, xuất khẩu đều phải từ nông nghiệp. Ta phải làm giàu từ nông nghiệp, phải tích lũy vốn cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa từ nông nghiệp. Phải cải thiện đời sống của nhân dân, của cán bộ, công nhân viên, từ đó mà ổn định tình hình, ổn định xã hội cũng từ sản xuất nông nghiệp, từ lo trước tiên cho nông dân - nước ta trên 80% là nông dân ai cũng biết và nhân dân ta sống nghìn đời nay bằng lúa gạo ai cũng biết. V.I. Lê nin đã nói: “Phải bắt đầu từ nông dân. Người nào không hiểu điều đó, người nào có ý coi đưa vấn đề nông dân lên hàng đầu như thế là một sự “tù bỏ” hoặc tương tự như sự từ bỏ chuyên chính vô sản, thì chẳng qua chỉ là vì người đó không chịu suy nghĩ kỹ càng vấn đề đó và bị lời nói trống rỗng chi phổi. Chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản với tư cách là giai cấp lãnh đạo, thống trị, phải biết hướng chính sách vào việc giải quyết trước tiên vấn đề cấp thiết nhất, “mấu chốt” nhất. Vấn đề cấp thiết nhất hiện nay là dùng những biện pháp có thể để phục hồi ngay những lực lượng sản xuất của kinh tế nông dân. Chỉ có *bằng con đường ấy* chúng ta mới có thể cải thiện được đời sống của công nhân, tăng cường được liên minh công nông, củng cố được chuyên chính vô sản”¹.

Chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh “làm lại từ đầu” sau 13 năm giải phóng, giống như ở Nga năm 1921 khi mà V.I. Lê nin nói những lời này. Và chúng ta chỉ có một con đường đó đi lên mà thôi, cần khẳng định điều này.

Muốn lo vấn đề sản xuất nông nghiệp trước tiên cần xác định các khu vực kinh tế cho rõ cũng như về quân sự tổ chức và phân chia các chiến trường, tập trung vào chiến trường chính. Khu vực kinh tế nông nghiệp trù phú có nhiều tiềm năng to lớn, có những thợ nông giỏi, quen thạo trong sản xuất hàng hóa, của nước ta là đồng bằng sông Cửu Long. Phải tập trung mọi nỗ lực cao độ vào đây ngay lập tức. Không phải ta sản xuất tự túc của thời cổ sơ để mà trải rộng ra mọi nơi. Tập trung đầu tư vốn liếng, năng lực, vật tư trước tiên là phân bón và thuốc trừ sâu, rồi cơ khí máy móc, điện, thủy lợi, khoa học kỹ thuật, v.v. vào khu vực chủ yếu này. Phải làm ngay mới kịp thời vụ năm nay để không bỏ lỡ đi một năm. Đó là thi hành nghiêm túc Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của các hội nghị Trung ương khác. Phải thực hiện, phải làm mà không bàn cãi mãi nữa. Phải dám quyết và chịu trách nhiệm vì đất nước vì nhân dân.

1. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, t.43, tr.263.

Nhưng muốn nâng sản xuất nông nghiệp lên nhanh phải có những chính sách, biện pháp đồng bộ nữa về:

- *Điều chỉnh ruộng đất*: Ở đồng bằng sông Cửu Long ruộng đất được phân phối cho đến nay chưa phù hợp, cần phải điều chỉnh theo nguyên tắc nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao sản lượng lương thực và nguyên liệu cần thiết. Trong nông thôn, trung nông là người biết cách làm ăn, biết cách sử dụng ruộng đất có hiệu quả cao nhưng nhiều nơi đã lấy bớt ruộng đất của họ chia cho những người không biết sản xuất nông nghiệp, sử dụng manh mún vào công việc khác và không có hiệu quả. Đất phải vào tay những người biết cách sử dụng làm ra lương thực và các nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Tất cả cho sản xuất đó cũng là nguyên tắc phân phối lại ruộng đất. Đừng sợ trung nông giàu lên và đi theo hướng tư bản. Ta có nền chuyên chính vô sản kia mà. Cốt có nhiều sản phẩm nông nghiệp đã - ít nhất trong 5 năm, sau đó sẽ nghiên cứu lại.

- *Giá cả thu mua trao đổi*: Tất cả giá cả phải được định lại cho thực tế nhằm chủ yếu khuyến khích sản xuất ra nhiều lương thực - thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và chế biến. Muốn khuyến khích sản xuất ra nông phẩm nào thì nâng cao giá nông phẩm ấy và ngược lại. Giá cả được quy định theo nguyên tắc ấy sát với thực tế của đồng ruộng của nông dân chứ không phải tính toán giữa bốn bức tường của tòa nhà quan liêu.

- *Chấn chỉnh thuế nông nghiệp*: Cũng để thúc đẩy sản xuất, vừa có lợi cho người nông dân, vừa có lợi cho Nhà nước. Thậm chí có một số nào đó bỏ thuế, bớt thuế, cốt nâng cao sản lượng. Ổn định thuế má cũng như giá cả hàng hai chiêu trong một thời gian nhất định, tối thiểu là 5 năm. Cần đi xuống dưới tận xã, huyện để điều tra, nghiên cứu những thuế má giá cả nào hợp lý và không hợp lý và cần quyết định sớm.

- *Cải tạo quan hệ sản xuất*: Lâu nay, ta cải tạo quan hệ sản xuất theo lối mong muốn mau lên cộng sản chủ nghĩa mặc thực tế ra sao thì ra. Lực lượng sản xuất còn quá thấp, sản lượng sản phẩm quá ít mà đã muốn quan hệ sản xuất lý tưởng, điều đó đi ngược lại mong muốn và càng làm cho sản xuất đình trệ. Tôi đề nghị xem lại toàn bộ các hợp tác xã và tập đoàn, cái nào tốt, làm ăn có hiệu quả thì giữ, không những giữ mà còn tìm mọi biện pháp giúp nó phát triển để làm nòng cốt cho sản xuất và cho hợp tác hóa sau này. Các tập đoàn và hợp tác xã tồi tệ, lỗ lã, nông dân than phiền thì mạnh dạn giải tán hết, cho cá thể sản xuất. Không phải khuyến khích cá thể sản xuất mà là xem như giai đoạn đầu này hình thức đó đang còn cần thiết, rất cần thiết nữa là khác để có nhiều sản phẩm. Vì vậy tích cực giúp cho họ sản xuất như vật tư, khoa học kỹ thuật, một loạt các chính sách

phù hợp và khuyến khích phát triển sản xuất. Có thể lập ra một số trạm máy kéo và các máy móc nông nghiệp của Nhà nước để làm ăn trực tiếp với nông dân cá thể và tập thể.

- *Chăm lo đời sống kinh tế, văn hóa và quyền lợi cho nông dân:* Tất cả thuế má nộp cho Nhà nước..., chỉ chiếm một tỷ lệ ít của cải sản xuất ra của nông dân, ví dụ cỡ 30% còn lại 70% của cải làm ra là hoàn toàn nông dân có quyền sử dụng tự ý, buôn bán tự do, lưu thông tự do. Nhà nước cần có hàng tiêu dùng thiết yếu bán cho nông dân với giá phải chăng, đổi sản phẩm như vải vóc, thuốc men, vật liệu xây dựng...

Đây chỉ nêu một số vấn đề lớn, tất cả đồng bộ là nhằm nâng cao sản xuất nông nghiệp, thi hành Nghị quyết Đại hội VI về ba chương trình lớn, nhằm ổn định tình hình, nâng cao đời sống, nó ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề xã hội đã quá tệ và ngăn chặn những vấn đề phức tạp về chính trị.

Tôi nghĩ là cần làm ngay không cần chờ, không thảo luận rồi để đó. Cần phải giải quyết và bắt tay vào việc - ra nghị quyết và thể chế hóa, chỉ đạo thực hiện.

2) Bộ máy tổ chức thực hiện

Tôi cho là bộ máy Trung ương hiện nay, cả bên Đảng và bên Chính phủ đều không có khả năng tổ chức thực hiện. Như vậy tất cả nghị quyết, chính sách chỉ là trên giấy mà tình hình thì cứ ngày càng xấu đi nguy hiểm đáng báo động. Phải cải tổ lại bộ máy lãnh đạo và quản lý nhà nước một cách mạnh bạo, cách mạng chớ không phải dè dặt, cài lương, vì tình hình không chờ chúng ta. Vì sao bên Nhà nước có ban bộ gì thì bên Đảng cũng có ban bộ đó? Rõ ràng hình thành hai bộ máy chồng lên nhau và vô hiệu hóa lẫn nhau, làm rối loạn thêm. Phải rõ ràng cụ thể, lãnh đạo của Đảng ra lãnh đạo, Chính phủ quản lý ra quản lý. Cả hai bộ máy đều nặng nề, công kẽm, quan liêu, giấy tờ, không có hiệu quả. Quá xa rời thực tế, mệnh lệnh, thiếu dân chủ, càng xuống cấp dưới càng tệ, nhân dân oán ghét thực sự. Bộ máy như vậy không chỉ là ngốn ngân sách mà thôi mà còn làm hại rất nhiều cho công việc, không làm mà phá, chèo kéo nhau, bản vị, vô hiệu hóa lẫn nhau.

Trung ương có đến 40 đầu mối tỉnh thành, thêm 60 đầu mối bộ, tổng cục... làm sao sát, điều hành? Vì vậy, anh em nói rằng mỗi tỉnh là một "vương quốc", vì tỉnh muốn làm ra tiền của phải giấu Trung ương, báo cáo không đúng, Trung ương không thể nào biết, thanh tra không có kết quả gì cả. Ngay mỗi xí nghiệp cũng là một "vương quốc" rồi, làm và phân phối, chi tiêu theo cách riêng, trở thành bất công trong phân phối. Cũng là thợ, nơi này lương tháng không đầy chục ngàn, nơi khác thu nhập có thể cao gấp bội. Địa phương nhỏ lớn có xí nghiệp,

các bộ, tổng cục có xí nghiệp... Rốt cuộc chỉ có Nhà nước là ngày càng sát nghiệp thôi, trả nợ không nổi lấy đâu ra mà tích lũy.

Tôi đề nghị tổ chức ra 4 cấp: Trung ương, khu, tỉnh, xã. Trừ hai thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh, cấp huyện chỉ là một cấp trung gian rất nhẹ để giúp tỉnh nắm sát một số xã.

- *Trung ương*: chỉ là lãnh đạo, chủ trương, ra nghị quyết, ra những chính sách cần thống nhất toàn quốc - bên Đảng rất nhẹ hơn bên Chính phủ. Tăng cường việc kiểm tra, đi xuống dưới đôn đốc thực hiện và nghe nhìn về báo cáo khách quan, thực, sát, nhanh. Chỉ tổ chức một số ít bộ mà bộ chỉ là nghiệp vụ, không tổ chức và nắm các xí nghiệp gì cả, tất cả giao cho khu trên có các viện nghiên cứu giúp Trung ương và Chính phủ ra quyết định, theo dõi việc thực hiện để kịp thời sửa chữa uốn nắn... Trung ương như vậy chỉ trực tiếp có chừng 10 đầu mối cấp khu là cùng, đủ sức quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, sát với thực tế bên dưới.

- *Khu*: Là một cấp tổ chức thực hiện. Không phải lãnh đạo, ra nghị quyết gì nữa mà là thực hiện nghị quyết của Đảng và quyết định của Chính phủ. Đây là một cấp toàn diện có toàn quyền là một cấp hành chính có thực quyền chấp hành nghiêm chỉnh ý định của Trung ương và nắm chắc sát cõi chục tỉnh. Đây là một cấp quản lý kinh tế, xã hội chặt chẽ, có trách nhiệm nặng nề trước Đảng, Chính phủ và nhân dân.

Mỗi khu vực là một đơn vị kinh tế công - nông nghiệp hoàn chỉnh phù hợp với tính chất một vùng kinh tế. Tùy theo tính chất đất đai, tài nguyên, khí hậu, con người... mà quy hoạch các khu giống như quy hoạch các vùng kinh tế trong toàn quốc. Mỗi khu có cái chung giống như quy hoạch có các đặc điểm riêng của nó, nhưng mỗi khu là một vùng kinh tế công - nông nghiệp có đầy đủ điều kiện để phát triển kinh tế phù hợp với phạm vi đất đai mình phụ trách.

Tổ chức ra khu tưởng như là để thêm một cấp, thực tế là đã đáp ứng ý định trước đây đã có là xây dựng một khu vực hoàn chỉnh công - nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, công nghiệp hóa... nhưng lại tổ chức ra tinh to, không phù hợp với ý định. Nó cũng đáp ứng mong muốn giảm bớt đầu mối để quản lý cho Trung ương và để quản lý chặt các tỉnh không để mỗi tỉnh là một vương quốc nữa.

- *Tỉnh*: tỉnh vừa phải không lớn lắm, vừa sức quản lý thực hiện. Trước đây nhập tỉnh lớn như ở Trung Bộ, tỉnh rất dài, có huyện muôn lên tinh phải đi cả trăm cây số trong lúc giao thông xe cộ ta không thuận tiện, thành ra tinh không xuống được huyện, để ra quan liêu, không sát thực tế, nói gì sát tới xã. Đó là chưa nói đến dụng chạm vào truyền thống lâu đời của mỗi địa phương, mất đoàn kết triền miên, gây ra

định trệ chứ không phải giúp cho xây dựng. Cần tách các tỉnh đã nhập ra, bắt đầu từ Trung Bộ như Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình, Phú Khánh... Nhập tỉnh đã sai rồi thì phải sửa sai thôi, tách tỉnh ra nhỏ và thành lập khu là phương án hợp lý nhất, nó bảo đảm việc tổ chức và thực hiện.

Tỉnh cũng là một cấp thực hiện, cũng có toàn quyền trong phạm vi mình về mọi mặt nhưng không thể là một đơn vị công - nông nghiệp hoàn chỉnh được như khu. Khu sẽ nắm rất chắc tinh và tùy theo tính chất kinh tế, xã hội của mỗi tỉnh mà khu tổ chức, bố trí sản xuất và các mặt khác.

3) Dân là gốc

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Lâu nay nói nhiều những câu này nhưng cho tới nay nó vẫn còn là một khẩu hiệu suông. Trong vận động cách mạng thời còn bí mật chưa có chính quyền, trong thời kỳ chiến tranh cũng vậy, Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng hoàn toàn không phải và không thể mệnh lệnh được mà là tuyên truyền, vận động và tổ chức nhân dân lại để làm cách mạng. Bài học về lòng cách mạng này, mấu chốt thành công của cách mạng này bỗng nhiên quên đi từ khi có chính quyền, từ khi hoàn toàn thắng lợi mọi việc đều ra mệnh lệnh, hành chính, bắt dân phải làm. Cán bộ trở thành quan lớn, quan nhỏ. Thậm chí các đoàn thể quần chúng cũng quên mất bài bản tuyên truyền giáo dục và vận động nhân dân làm, quên mất chăm sóc quyền lợi cho đoàn viên, bảo vệ và lãnh đạo đoàn viên đấu tranh chống bất công, áp bức mới, chống tiêu cực xã hội, làm hại cho nhân dân, cho Nhà nước. Các đoàn thể cũng trở thành quan liêu, mệnh lệnh. Trước đây Đảng lãnh đạo nhân dân qua các đoàn thể quần chúng, bây giờ Đảng lãnh đạo chỉ qua bộ máy lãnh đạo quan liêu, mệnh lệnh của mình, qua chính quyền, dùng công cụ công an, vũ trang. Vì vậy quên các đoàn thể quần chúng.

Cần củng cố ngay các đoàn thể quần chúng nhất là công đoàn, hội nông dân, thanh niên, phụ nữ đúng như trước đây. Tổ chức dân chủ, vận động quần chúng, bênh vực quyền lợi đoàn viên. Đảng dùng các đoàn thể để vận động thực hiện các ý định, nghị quyết của Đảng, để giám sát chính quyền, để hiểu biết tâm tư nguyện vọng quần chúng, để sát với nhân dân, sát với thực tế xã hội.

Đoàn thể quần chúng cách mạng vững vàng nhất, chí cốt nhất, trung thành nhất với Đảng, với cách mạng là Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Đó là gồm toàn quần chúng giác ngộ cách mạng cao, đã từng đổ xương máu vì Đảng, vì chế độ, vì cách mạng trong một thời gian dài, có người hy sinh cả thân suốt cuộc đời mình. Những người đó chắc chắn sẽ bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng tới cùng,

bảo vệ những gì là tiến bộ, là cách mạng, là đổi mới, bảo vệ cái đúng, cái tốt và đấu tranh tới cùng chống cái xấu, tiêu cực, chống bất công, cái hại, người hại cho cách mạng, cho Đảng. Vậy vì sao cho đến nay không thành lập, có lúc định thành lập rồi lại đình lại, nay còn do dự. Có phải Đảng không còn tin những đứa con yêu quý của mình, những đứa con luôn trung thành sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp của Đảng đã được chứng tỏ từ 30-40 năm nay? Đảng chân chính, những người lãnh đạo cách mạng chân chính không bao giờ nghi ngờ hoặc sợ quan chúng nhân dân, ngại những đảng viên cựu chiến binh. Hội Cựu chiến binh sẽ là chỗ dựa của Đảng, là cánh tay đắc lực của Đảng trong mọi trường hợp, sẽ là lực lượng quần chúng hùng hậu của Đảng để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong quần chúng. Lời nói và việc làm của cựu chiến binh sẽ có ảnh hưởng mạnh trong dân, sẽ bảo vệ uy tín của Đảng, của cách mạng. Hội Cựu chiến binh sẽ động viên, giáo dục thanh niên bảo vệ đất nước, ủng hộ và xây dựng quân đội có hiệu quả nhất, củng cố nền quốc phòng toàn dân đắc lực nhất. Đối với quốc tế, Hội Cựu chiến binh Việt Nam sẽ có tiếng nói có giá trị bảo vệ hòa bình, bảo vệ tình hữu nghị giữa các dân tộc, giữ vững uy tín của nhân dân Việt Nam, của Tổ quốc Việt Nam. Hội Cựu chiến binh Việt Nam sẽ có sự giúp đỡ, ủng hộ về nhiều mặt của các đoàn thể quần chúng các nước xã hội chủ nghĩa cũng như tư bản chủ nghĩa, sẽ đem lại nhiều điều lợi cho thương binh ta đang gặp nhiều khó khăn về thương tật cũng như đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa...

Vì vậy đề nghị cho thành lập ngay Hội Cựu chiến binh Việt Nam, thành phần của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Phải là một hội quần chúng cách mạng có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, có ban lãnh đạo các cấp được đề cử, ứng cử và bầu cử hoàn toàn tự do dân chủ từ dưới lên trên. Không được và không thể áp đặt, chỉ định người một cách thiếu dân chủ hoặc giả dân chủ. Tất cả do quần chúng quyết định.

Để xúc tiến nhanh việc thành lập đề nghị cử một số anh em cựu binh, những người có uy tín được anh em tin làm Ban Trù bị lập hội. Ban ấy sẽ lo mọi việc tổ chức cụ thể từ điều lệ đến việc thành lập các cơ sở của hội từ dưới lên từng cấp cho đến Trung ương. Các cấp lãnh đạo sẽ do đại hội cấp ấy bầu ra. Khi bầu xong ban lãnh đạo ở Trung ương thì Ban Trù bị giải tán. Ban Trù bị phải bao gồm cựu binh ở Thủ đô, ở Thành phố Hồ Chí Minh và ở Đà Nẵng để dễ làm việc trực tiếp với từng vùng.

Quá trình vận động và thành lập Hội Cựu chiến binh cũng là gây một phong trào tin tưởng không những trong cựu binh mà cả trong nhân dân, tin tưởng vào dân chủ, vào cái mới, vào cách mạng, vào tương lai vậy.

4) Nếu để đạt ba ý kiến trên về kinh tế, tổ chức bộ máy, tổ chức quản lý mà không nêu ra ý kiến thứ tư là vấn đề trí thức, vấn đề văn hóa - văn nghệ thì không đúng

Vì xây dựng đất nước đi lên không phải chỉ là vấn đề kinh tế mà phải toàn diện mới thúc đẩy lẫn nhau. Chú ý tầng lớp trí thức nói chung, cả trí thức xã hội chủ nghĩa, cả trí thức chế độ cũ và các nguồn khác nữa. Cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt mà. Thượng tầng kiến trúc sẽ ảnh hưởng không nhỏ và có khi đi trước hạ tầng cơ sở nữa. Văn hóa - văn nghệ là loại trí thức có tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng đi lên của đất nước, của nhân dân. Tôi rất hoan nghênh cuộc nói chuyện của anh với văn nghệ sĩ Thủ đô vừa qua. Đề nghị anh chú ý nhiều hơn nữa đến việc thổi một luồng gió mới vào sáng tác, vào xuất bản sách, báo theo tư duy mới đã mở đầu. Đừng để tình trạng viết và xuất bản theo “gu” của lãnh đạo, viết phải lách cho khéo, lách riết thành cơ hội. Đừng để những cái “vô danh” “vô hình” treo lơ lửng trên đầu nữa. Dân chủ là cái chìa khóa tiến bộ.

Tôi nhắc lại là tình hình đã đến lúc báo động, lòng dân xáo động lắm rồi. Cần hành động ngay.

*Kính mến
Trần Văn Trà*

THƯ GỬI CÁC CHÁU THIẾU NHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(nhân ngày hội quân tại Trường Phổ thông cơ sở Ngô Sĩ Liên)

Đã 10 năm, Thành phố chúng ta được giải phóng khỏi ách đô hộ thực dân, cùng với cả nước hướng độc lập, tự do và thống nhất. Các cháu đã là những học sinh dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, được thương yêu chăm sóc, dạy dỗ bởi các cô thầy vì sự nghiệp tương lai của đất nước. Các chú, các bác, các anh chị, là lớp người đi trước, là những người dân, người chiến sĩ, đã đóng góp phần bé nhỏ của cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng, đang mong đợi các cháu, con em của một dân tộc anh hùng, nối tiếp truyền thống cha anh, đảm nhận vai trò xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho toàn dân. Tiếc không đến dự hội được với các cháu, chúc xin chúc các cháu sẽ trở thành những thanh niên Việt Nam trí dũng, có kiến thức, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tình thương quê hương và con người, xứng đáng là những cháu ngoan của Bác Hồ vĩ đại.

Đất nước ta, dân tộc ta đang kỳ vọng vào các cháu. Hãy tiến lên giành lá cờ toàn thắng!

Thành phố Hồ Chí Minh, Xuân 1985

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ CỰU CHIẾN BINH HÀ NỘI

Thân gửi các anh trong Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Hà Nội,

Tôi xin viết thư này cho các đồng chí biết những suy nghĩ và lo lắng của tôi trên tinh thần một đảng viên cựu chiến binh và trách nhiệm với tổ chức, với Đảng, với nhân dân.

Cuối cùng qua đấu tranh kiên trì và đúng đắn, Hội Cựu chiến binh của chúng ta mới được tổ chức và đi vào hoạt động đúng với vai trò, vị trí phải có của nó. Ngày nay, đồng chí Tổng Bí thư và Ban Bí thư mới xác định rõ trong Thông báo số 07/TW ngày 04/11/1991. Và căn cứ vào đó đã ra chỉ thị về công tác của Hội đăng trên Báo *Quân đội nhân dân* ngày 03/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng. Chúng ta đã có điều kiện để làm đại hội các cấp tỉnh, thành và toàn quốc.

Hôm Hội nghị thường kỳ Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư ở Hà Nội, đồng chí Tổng Bí thư đã đến và phát biểu rất tốt, và như vậy là Đảng đã giao nhiệm vụ cho Hội và nhiệm vụ rất nặng nề.

Nhưng đến lúc nhiệm vụ được giao như mong đợi đã có và thời điểm cần phải phát huy đầy đủ khả năng của Hội để làm đúng vai trò của mình thì Hội lại thấy chúng ta không đủ uy tín, trí tuệ và lòng nhiệt thành để hoàn thành nhiệm vụ khi cần... Vì chúng ta một lòng theo Đảng, bảo vệ chế độ xã hội mà chúng ta kiên quyết xây dựng. Nhất là trong năm 1992, 1993 tới mà tôi nghĩ là thời kỳ hết sức phức tạp và khó khăn. Yên chí ở châu Âu rồi, chắc chắn ngày nay Mỹ và bọn tư bản sẽ chuyển đánh vào châu Á mà trọng tâm là Đông Dương, đặc biệt mũi nhọn chĩa vào Việt Nam, cửa đột phá vào Đông Dương đã mở ở Campuchia. Campuchia sẽ là một nước theo chế độ tư sản, đa đảng về chính trị và kinh tế tư bản chủ nghĩa, thị trường tự do... Ta có mấy trăm cây số biên giới không rõ rệt với Campuchia, từ đó chúng đánh vào Việt Nam và Lào, đặc biệt là vào Thành phố Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức rất dễ dàng. Chắc chắn chúng sẽ dùng đôla, hàng hóa lậu,

gián điệp..., kết hợp phá hoại, hăm dọa, gây rối và sức ép về quân sự để chuyển biến hòa bình. Mỹ sẽ bỏ cấm vận khi chuẩn bị đầy đủ điều kiện và lực lượng trong nước ta và chỗ đứng tốt nhất là Campuchia. Hiểu như vậy, tôi cảm thấy lo lắng khi Mỹ bỏ cấm vận hay gần tới ngày bỏ cấm vận, khác với nhiều người mong chờ Mỹ bỏ cấm vận. Khi bỏ cấm vận Mỹ sẽ đầu tư ô ạt, tung đòn ra và tạo rối loạn đi đến lật đổ. Chừng ấy Hội Cựu chiến binh phải là cột trụ cho đoàn thể nhân dân cách mạng thành sức mạnh đoàn kết quanh Đảng ta, đập tan bọn phản động, giữ vững cách mạng, ổn định tình hình để tiếp tục xây dựng chế độ công bằng và hạnh phúc cho nhân dân ta. Liệu ta đủ sức hoàn thành nhiệm vụ nặng nề và vinh quang đó không? Tôi tin rằng Hội ta có thể làm được nếu có một ban lãnh đạo vững vàng và có đủ uy tín, hiệu triệu hàng triệu cựu chiến binh, tập hợp được hàng chục triệu nhân dân đứng dưới lá cờ của Đảng. Ban lãnh đạo Trung ương hiện nay không đủ sức làm được như vậy. Thế thì phải làm thế nào? Phải ráo riết chuẩn bị Đại hội toàn quốc của Hội, tới đây phải xây dựng, đưa ra được một ban lãnh đạo đủ uy tín và năng lực.

Tôi nghĩ mãi, thấy rằng phải mời cho được anh Văn (Giáp) ra và bầu làm Chủ tịch của Hội. Điều này chỉ có cựu chiến binh Hà Nội của các anh mới làm được. Nếu các anh đồng ý như tôi thì các anh tìm mọi cách kết nạp anh Giáp vào hội viên phường, rồi quận và thành phố Hà Nội, bầu anh làm đại biểu của Hà Nội đi dự Đại hội Trung ương. Chắc chắn sẽ đề cử và bầu anh vào Trung ương và Chủ tịch Hội. Cần làm cho được việc này trước khi làm Đại hội ở Hà Nội, lại gần ngày 07/5, ngày Điện Biên Phủ, vừa đủ thì giờ, vừa có ý nghĩa lịch sử...

Được vấn đề này rồi thì đến việc lớn thứ hai cũng quan trọng không kém. Đó là phải có một tổng thư ký có khả năng điều hành công việc, giúp anh Văn lãnh đạo công việc, và có một ban thường vụ vững vàng và đoàn kết, nhất trí. Việc này cũng chỉ có cựu chiến binh Hà Nội mới làm được. Đề nghị các anh nghiên cứu, lục tìm người làm Tổng thư ký. Tôi nghĩ nếu anh Trần Văn Quang nghỉ việc thì anh Quang có thể lãnh được nhiệm vụ này, vì anh Quang là một đồng chí cũ lâu năm, lập trường vững và có thể tin cậy được và còn sức khỏe để điều hành công việc hằng ngày. Vậy các anh xem, không có anh Quang thì các anh nghiên cứu tìm người, có thể hỏi thêm ý kiến anh Văn. Cuối cùng, cả hai anh ấy không được thì có thể anh Hồng Kỳ hoặc Thanh Tâm đảm nhận tổng thư ký vậy. Vai trò tổng thư ký rất quan trọng vừa có khả năng, có uy tín và có sức khỏe, và tất nhiên phải ở Hà Nội.

Ngoài ra phải có Ban Thường vụ đoàn kết và thống nhất ý chí. Thường vụ phải chọn trong các anh em ở Hà Nội mới làm việc thường xuyên được. Vì vậy cũng chính các anh mới chọn và bầu đi dự Đại hội toàn quốc thì mới được.

Rõ ràng bộ phận lãnh đạo ở Trung ương Hội phải chọn từ cựu chiến binh Hà Nội mà ra. Đề nghị các anh chọn và vận động những anh em có khả năng, uy tín còn chưa vào Hội hoặc ở hội phường, quận đưa vào và đưa lên để chuẩn bị cho tốt rồi sẽ làm Đại hội Thành phố Hà Nội. Đại hội Hà Nội thành công như dự định thì Đại hội Trung ương mới thành công. Trung ương là dựa vào Hà Nội. Chúng tôi ở xa không làm được mà chỉ hết lòng ủng hộ các anh thôi. Riêng tôi chỉ xin ở Thành phố Hồ Chí Minh thôi, và giúp Trung ương vận động anh em các tỉnh phía Nam.

Mong các anh suy nghĩ và hành động tích cực để xây dựng Hội đúng như mong mỏi của cựu chiến binh, của nhân dân và ngay của Đảng.

Có gì tôi viết chưa rõ xin các anh hỏi anh Nam Long, vì tôi đã nói kỹ với anh Nam Long rồi.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04/01/1992

THƯ GỬI BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9 VÀ TỈNH CẦN THƠ

Tôi rất vui mừng nhận được thư mời dự Hội thảo về chiến thắng Chương Thiện năm 1973. Nhưng rất tiếc rằng những ngày 20, 21/4 này, tôi phải dự cuộc Hội thảo khoa học về chiến thắng Điện Biên Phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm kỷ niệm 40 năm Điện Biên Phủ nên không thể tham dự được. Xin các đồng chí thứ lỗi cho.

Chiến công đánh thắng 75 tiểu đoàn ngụy, phá vỡ kế hoạch lấn chiếm Chương Thiện vi phạm Hiệp định Pari của ngụy Sài Gòn là rất quan trọng, có tính lịch sử. Vì cũng ở thời điểm đó, ngụy đã lấn chiếm được khu vực Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) nối liền Đường 1 chiến lược xuyên Trung Bộ, cũng như lấn chiếm vùng giải phóng của ta hai bên Đường 4 chiến lược ở khu vực Mỹ Tho, củng cố giao thông xuyên đồng bằng sông Cửu Long của chúng.

Chiến thắng Chương Thiện là một thực tế về sự nhận định đúng đắn tâm xé bỏ Hiệp định Pari của ngụy và hành động dũng cảm kiên quyết đánh trả địch của quân dân Quân khu 9. Trong lúc ở một số nơi khác theo một vài sự chỉ đạo hưu khuynh sai lầm không cho dùng quân sự sơ vi phạm Hiệp định, chỉ dùng chính trị và binh vận để giữ ổn định tình hình. Đó là một thực tế để bác bỏ những nhận thức đánh giá sai lầm rằng sau Hiệp định Pari, Mỹ cút nhưng ngụy không nhào mà lại mạnh hơn về mọi mặt. Còn ta thì suy yếu hơn địch nên cần phải gấp rút ổn định tình hình 2 vùng, rút bỏ bộ đội ta từ vùng địch về vùng ta để củng cố nếu không muốn bị tiêu diệt.

Xin chúc cuộc hội thảo khoa học thành công và rút ra được những bài học hữu ích, những nét truyền thống cách mạng tốt đẹp của nhân dân ta cho hôm nay và cho mai sau.

Thành phố Hồ Chí Minh, 1994

BẢN GÓP Ý CHO TÀI LIỆU HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC HẬU CẦN CHIẾN TRƯỜNG B2 TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

(Từ ngày 29/9 đến ngày 11/10/1980)

Sau khi đọc lại toàn bộ nội dung bản tổng kết công tác hậu cần chiến trường B2 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tôi thấy có một số vấn đề chưa sát với thực tế tình hình chiến trường. Hôm nay, tôi tập trung phát biểu một số điểm, không thể nói hết. Tôi căn cứ vào những chỗ trong bản tổng kết nêu lên chưa hoàn toàn đúng hoặc chưa rõ mà nói, không theo một trật tự của một dàn bài nào.

Trước khi đi vào nội dung đó, tôi có ý kiến chung quanh vấn đề phương pháp hay cách viết tổng kết. Theo tôi, tổng kết còn quan trọng hơn viết sử, bởi vì tổng kết yêu cầu tính khái quát, quy nạp rất cao, nâng lên thành những vấn đề có tính lý luận, nguyên tắc, có đúc kết thành quy luật phổ biến, thành những bài học kinh nghiệm quý, nội dung hết sức súc tích, ngắn gọn. Còn viết sử là ghi chép lại các sự kiện xảy ra trong quá trình lịch sử một cách chân thực, khách quan. Do đó, tổng kết còn phải tôn trọng thực tế khách quan, tìm ra cho được diễn biến đúng đắn chân thực, thấy cho được chỗ đúng chỗ sai, thấy ưu điểm đồng thời mạnh dạn nêu lên khuyết điểm, nhược điểm, thấy rõ được những nguyên nhân, nguồn gốc sâu xa của nó thì công trình mới có chất lượng, mới giúp ích cho việc chỉ huy, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, trước mắt và lâu dài.

Vì vậy, nên hết sức tránh lối làm tổng kết trước đây là từ trên làm xuống, tức là trên nêu lên một số phương hướng, đọc một số văn bản chỉ thị, nghị quyết rồi tiến hành viết tổng kết. Từ đó đưa ra những sự việc, diễn biến, những thực tế phù hợp với nó, cố gắng chứng minh, gò vào cho phù hợp với nghị quyết. Cuối cùng viết ra thành bài học. Viết xong đọc lại các bản tổng kết các chiến trường, các cuộc chiến tranh cũng đều giống như nhau cả thôi.

Và từ chỗ sai sự thật, không phản ánh được thực tế khách quan, nên những nội dung tổng kết, những bài học rút ra không nêu lên được đầy đủ những kinh nghiệm thực tế vốn có của nó, mà chỉ là một số suy luận viển vông hay tưởng tượng ra mà thôi, nếu không nói là xuyên tạc lịch sử. Do đó, theo tôi, tổng kết là phải đi từ dưới lên, tổng kết chọn lọc những sự kiện đúng nhất đưa ra phân tích, xác định, rút ra kinh nghiệm thì công trình tổng kết mới có giá trị lý luận và thực tiễn cao.

Tuy rằng, bản tổng kết này cho thấy anh em đã tập trung nhiều công phu, sưu tầm tư liệu, hệ thống, đúc kết lại như thế là tương đối tốt. Có thể nói là một công trình đã đỗ nhiều công sức ra làm có hệ thống, có giá trị nghiên cứu. Tóm lại là một công trình nghiên cứu tổng kết công phu nhưng cần đi sâu hơn nữa để có giá trị lớn hơn.

Qua đọc nghiên cứu kỹ bản tổng kết này, tôi thấy cần phải chỉnh lý, sửa đổi một số nội dung cho đúng với thực tế tình hình và sự kiện của nó. Trong bản tổng kết này có nêu lên, căn cứ vào nghị quyết của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Tổng cục Hậu cần về chỉ đạo công tác hậu cần chiến trường B2 chẳng hạn, cái đó chưa hẳn là như vậy. Thực ra công tác hậu cần chiến trường nào thì phải do Bộ Chỉ huy chiến trường ấy trực tiếp chỉ đạo tổ chức bảo đảm, nếu nêu rằng Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương trực tiếp chỉ đạo có lẽ sẽ không phản ánh đúng thực tế tình hình chiến trường. Bởi vì Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương cũng chỉ đi vào những vấn đề lớn thuộc về phương châm, nguyên tắc, còn người tư lệnh chiến trường mới quyết định cụ thể anh phải làm gì, làm ở đâu, bao giờ, việc làm đó phù hợp với cái gì... Những cái đó không thuộc về sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Tổng cục Hậu cần. Chả lẽ có ai đó bảo tổ chức hậu cần ở chỗ này, người trực tiếp nắm quân lại điều bộ đội đi đánh chỗ khác, hoặc người nào đó bảo dự trữ 2 tấn đạn trong vòng 6 tháng phải đủ số lượng trên, trong lúc đó người chỉ huy lại cần ngay trong tháng sau, mà là 1 tấn đạn súng cối phục vụ trực tiếp cho chiến trường thì sao? Thật là khôi hài! Không phải thế.

Có thể nói suốt cả cuộc chiến tranh lâu dài chống Mỹ trên chiến trường B2, Tổng cục Hậu cần cũng chỉ có thể chi viện, giúp đỡ nhiều về vật chất, kỹ thuật và chỉ đạo một số phương châm này khác như là: Tổ chức gọn nhẹ, quản lý tiết kiệm, nâng cao chất lượng... thế thôi, chứ không thể quy định gì cụ thể đối với hậu cần chiến trường được. Thế nhưng trong bản tổng kết này có chỗ dường như theo “công thức”, trở nên “sáo”. Ví dụ: Viết đoạn nào thì cũng dựa vào nghị quyết này, chỉ thị kia, rồi diễn biến thế này, nhưng thực tế nó lại không nhất thiết hoặc không phải thế.

Điều đơn giản, dễ hiểu là bất cứ nước nào, trong chiến tranh, muốn tổ chức bảo đảm hậu cần cho cấp nào, ngoài việc cấp trên cung cấp vật chất kỹ thuật, thì người chỉ huy cấp đó phải trực tiếp chỉ thị và tổ chức cụ thể. Ví dụ: Muốn bảo đảm

hậu cần cho quân đoàn thì người tư lệnh quân đoàn phải lo, chứ Bộ Tổng Tham mưu không thể nắm hết và không thể trực tiếp chỉ đạo hậu cần cho từng quân đoàn được. Nếu không phải là người chỉ huy trực tiếp chỉ đạo tổ chức hoạt động cụ thể, thì không có ai chỉ đạo đúng và phù hợp được với ý định của người chỉ huy. Thực tế nó là như thế, mà trong cách viết, cách thể hiện nội dung, ta lại gò vào nghị quyết này, chỉ thị kia, làm cho người đọc thấy “gò bó”, hoặc cố làm “vừa lòng” cấp trên, có khi vô tình lại xuyên tạc sự thật, để cố chứng minh nghị quyết. Dĩ nhiên, khi đặt vấn đề tổng kết là phải có chỗ dựa, phải có căn cứ, để có lập luận vững chắc, bằng cả lý luận và thực tiễn, không thể nêu vấn đề “đại khái”, chung chung được. Nhưng dựa vào chỉ thị, nghị quyết của trên, còn phải đề cập đến chủ trương và biện pháp của cấp mình, không thể lấy cái chung từ Trung ương đưa vào cho địa phương mình, cho đơn vị mình được.

Để dẫn chứng, tôi nêu lên một sự thật cụ thể đã diễn ra. Trước hết, mọi hoạt động của chiến trường dù cụ thể đến đâu, cũng phải xuất phát từ đường lối chiến lược chiến tranh, chiến lược của ta là chiến lược “tấn công”, mà tấn công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, đô thị), mà nói tấn công trên cả ba vùng bằng cả hình thức quân sự, chính trị tất yếu phải đi tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Qua đường lối này rõ ràng là không phải đánh nông thôn trước rồi mới tấn công vào đô thị, còn đánh đô thị thì đánh đô thị nhỏ trước rồi mới đánh đô thị lớn sau.

Từ chiến lược chung đó, phương hướng chỉ đạo cụ thể về xây dựng lực lượng, bố trí chiến trường, tổ chức hậu cần bảo đảm như thế nào cho phù hợp, cũng từ cái gốc về đường lối mà định ra tất cả, nếu nắm sai, hiểu sai thì trong công tác cụ thể sẽ sai, không phù hợp với đường lối chiến lược chung. Nhưng không phải ngay từ đầu mà đã định ra được đường lối chiến lược chung đầy đủ mà phải qua quá trình đấu tranh cách mạng của quần chúng, Trung ương mới đúc kết để ra chủ trương, phương hướng chung, hoàn chỉnh để chỉ đạo phong trào hành động cách mạng. Ví dụ: Như đường lối đấu tranh cách mạng miền Nam, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III năm 1960 đã chỉ rõ ta tiến hành hai chiến lược cách mạng: Cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Mà muốn hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam thì phải tiến hành đấu tranh quân sự, chính trị, bằng cuộc chiến tranh cách mạng chống lại tập đoàn tay sai phản cách mạng, giải phóng miền Nam, bằng chiến lược tấn công trên cả ba vùng chiến lược. Cái này ban đầu chưa nêu rõ, mãi đến năm 1963 mới đúc kết thành nghị quyết rõ ràng hơn. Tấn công trên cả ba vùng chiến lược có những điểm khác thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mà cũng hoàn toàn khác thuyết chiến lược chiến tranh của Trung Quốc hay bất cứ một nước nào khác.

Tình hình thực tế cách mạng miền Nam của ta diễn ra như thế nào, tôi nêu lướt qua một ít: Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, thi hành những điều khoản đã ký kết, ta chuyển quân tập kết ra Bắc, chờ 2 năm sau tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Mọi người hoặc phần lớn đều tin là như thế. Hầu hết lực lượng đều tập kết ra Bắc, còn để lại ở miền Nam số ít cán bộ quân sự, chính trị, chôn giấu một số vũ khí, đạn dược, để chuẩn bị cho kế hoạch tiếp nối, đề phòng khi địch phản bội Hiệp định. Số vũ khí này chỉ được phép sử dụng khi có lệnh của Trung ương, vì vậy đã xảy ra những cảnh thương tâm, có những anh em cầm súng trong tay mà đành để cho địch nó bắt, nó giết, không dám dùng vũ khí tự vệ vì chưa có lệnh của Trung ương, cái đó không phải là cá biệt. Qua đó cho thấy ta đã phạm phải sai lầm hữu khuynh nặng, cứ tin ở đường lối đấu tranh chính trị hòa bình và kẻ địch sẽ thi hành Hiệp định, cho nên phong trào bị tổn thất không nhỏ. Cái này phải nói là chủ trương và trách nhiệm của Trung ương về chỉ đạo chiến lược cách mạng, không thể nói đồng chí này hoặc địa phương khác hữu khuynh. Rõ ràng là sau 2 năm (1954 - 1956), địch ra mặt phản bội, hủy bỏ điều khoản hiệp thương tổng tuyển cử, định chia cắt lâu dài đất nước ta, sang năm 1957 vẫn chưa có chủ trương gì mới, sang năm 1958 vẫn thế, mãi đến năm 1959 mới ra được Nghị quyết Trung ương 15. Từ năm 1954 đến năm 1959, gần 6 năm trời đấu tranh cho cách mạng miền Nam, ta chỉ có chủ trương một chiều, đấu tranh đòi thi hành triệt để Hiệp định Giơnevơ, để cho kẻ địch dùng lực lượng quân sự và bộ máy hành chính đàn áp, khủng bố phong trào, ta đấu tranh chống lại một cách yếu ớt.

Tình hình chung của bọn ngụy quyền miền Nam lúc này ra sao? Nếu ta có dịp ngồi đọc lại những ghi chép của những tên tướng ngụy, thì sẽ thấy từ năm 1954 - 1957, nội bộ bọn chúng vô cùng rối ren, phái thân Mỹ, phái thân Pháp, giáo phái nổi lên khắp nơi, chúng khó lòng ổn định mà xây dựng, củng cố, nhưng rồi chúng ta vẫn cứ để yên, chỉ có đấu tranh chính trị, để cho chúng tha hồ đàn áp, khủng bố cách mạng qua các đợt tố cộng, diệt cộng. Ta chỉ có đấu tranh chính trị với lực lượng quân chúng tay không, theo tôi đó là sai lầm lớn trong thời kỳ này. Mãi đến năm 1959 mới có Nghị quyết Trung ương 15, nhưng nội dung Nghị quyết Trung ương 15 về đường lối đấu tranh vẫn chưa thỏa đáng, vẫn coi đấu tranh chính trị là chính, có đấu tranh vũ trang cũng để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị mà thôi. Trong lúc kẻ thù đã phát xít hóa cao độ, lê máy chém đi khắp xóm làng miền Nam, ta vẫn để ra đấu tranh chính trị là chính, vũ trang chỉ là hỗ trợ! Sở dĩ trong Nghị quyết Trung ương 15 có đề cập đến đấu tranh vũ trang là vì vấn đề bức bách sống còn của đồng bào, cán bộ, của phong trào đòi hỏi. Thực ra, trong chiến trường, từ năm 1956, đã có tổ chức vũ trang nhỏ lẻ chống địch dưới danh nghĩa “lực lượng giáo phái”, có nhiều trận đánh nổi lên như: Minh Thạnh, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh... Nguyên nhân chủ yếu

là quân chúng cách mạng và cán bộ, đảng viên ta chịu đựng không nổi nữa rồi, phải tự vũ trang chống địch. Đó là tự động của quân chúng, vì chưa có chủ trương của Trung ương, nhưng không còn cách nào khác được.

Đến năm 1963, mới có bức điện bổ sung của đồng chí Lê Duẩn, có đề cập đến đấu tranh chính trị, quân sự tương xứng, chưa nói rõ đấu tranh quân sự, chính trị song song. Đó là nội dung, chủ trương của Nghị quyết Trung ương 15 và thực tế tình hình chiến trường là như thế. Khi đã nói đến đấu tranh vũ trang dù là hỗ trợ hay nâng lên một bước thì đấu tranh vũ trang thế nào, thành chiến tranh chưa? Tổ chức chiến trường, tổ chức bối trí lực lượng vũ trang ra sao, mức độ và cách đánh thế nào... Một loạt vấn đề phải đặt ra trước mắt nhưng lại chưa có chỉ thị, nghị quyết thì lấy đâu làm căn cứ để mà tổ chức hậu cần, nếu không phải là cán bộ tự suy nghĩ và làm, rồi thực tế dần sẽ sáng ra và trên sẽ căn cứ vào đó mà chỉ đạo tiếp, để ngày càng hoàn chỉnh thêm.

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 15, để bảo đảm cho chiến trường miền Nam, ta tổ chức Đường 559. Chủ yếu là cho Khu 5 (lúc này tôi chịu trách nhiệm trước Quân ủy Trung ương lo công tác đó). Tôi mời đồng chí Võ Bẩm về bàn bạc, giao tổ chức Đường 559. Lúc đó chỉ mới là đường mòn, hay đúng hơn chưa dám để có dấu mòn, từ ngoài vào băng qua Đường 9, phải chui qua cống mà đi, không để lại một dấu vết gì, nay đi đường này mai đi đường khác, không để cho kẻ địch lần ra mối đường. Lúc này, ta chủ trương đưa số ít cán bộ ta vào Tây Nguyên vũ trang tuyên truyền, xây dựng vùng căn cứ đứng chân cho lực lượng cách mạng, tăng cường cán bộ cho Khu 5. Băng con đường mòn này, băng rừng vượt suối, luồn lách, mang vác trên vai được một số vũ khí và ít đồ dùng cần thiết, thuốc men cho số cán bộ hoạt động ở đây, cũng khó khăn, vất vả lắm rồi.

Trong bản tổng kết hậu cần có ghi, ta tổ chức hai tuyến tải chiến lược 559 và 759 để trực tiếp chi viện cho miền Nam, nhưng thực ra chưa được gì. Tuyến 759 dùng đường biển, cũng tổ chức nhỏ lẻ, đi ven bờ, đưa số ít vũ khí vào đến Khu 5 thôi, nhưng vẫn không làm được, mãi đến năm 1960 mới đưa được ít vũ khí súng trường, tiểu liên mà phải nạo xóa sạch nhẵn hiệu nước ngoài (Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp).

Ý định chúng tôi muốn đưa vũ khí chống tăng loại B40 vào chiến trường, nhưng chưa biết làm cách nào đưa được. Nhân có cuộc diễn tập trung đoàn tấn công ở Hà Đông (1961), tôi cố ý mời cho được anh Ba Duẩn đi dự xem cuộc diễn tập này, anh nhận lời cùng đi. Chúng tôi ngồi trên chiếc B.T.R quan sát cuộc diễn tập. Anh em tiến quân có mang theo súng B40, tôi chỉ và nói với anh Ba Duẩn: “Anh có thấy anh em mang loại vũ khí gọn nhẹ tựa “khúc củi” kia không, súng B40 đấy, mang vác thì rất nhẹ nhàng nhưng uy lực sát thương thì rất lớn, chỉ cần bắn trúng

một phát thì xe tăng nào cũng hạ được... Nhân đó tôi nhắc lại trong kháng chiến chống Pháp, trên chiến trường Nam Bộ, với một chiếc xe thiết giáp cũ kỹ ta hay gọi là xe “nồi đồng” với khẩu canon bôpho 40 ly mà thằng địch làm mưa làm gió, ta không làm gì được. Còn bây giờ ta đã có B40 với một phát đạn trúng thì không loại tăng nào chịu nổi. Cái này mà đưa vào miền Nam thì anh đỡ tốn bao nhiêu xương máu. Tôi thuyết phục mãi, anh Ba Duẩn bảo để suy nghĩ đã. Vấn đề này còn phức tạp, khó khăn lắm, mãi đến năm 1966 - 1967 mới đưa được loại B40 vào chiến trường, lần đầu tiên ta sử dụng rộng rãi trong chiến dịch đánh trả cuộc tấn công Junction City của địch.

Trong bản tổng kết có đoạn ghi là năm 1960 - 1961, Trung ương chỉ thị cho Nam Bộ đưa thuyền ra Bắc nhận vũ khí chở về, không phải thế, Trung ương đâu biết trong này có khả năng đưa thuyền ra Bắc được mà chỉ thi, cái đó hoàn toàn do Trung ương Cục trong này thấy cần thiết quá nên quyết định tổ chức. Việc này do đồng chí Ba Đường (có chân trong Trung ương Cục) ở miền Tây (U Minh) trực tiếp tổ chức thuyền vượt ra Bắc nhưng đã bao lần thất bại; cũng có chuyến vượt được, nhưng không đưa vào được. Có lần anh Hai Địa (sau này là Anh hùng lực lượng vũ trang) với chiếc thuyền buồm đi khơi, ra đến miền Bắc. Chúng tôi đã gấp và trao đổi cặn kẽ, tỉ mỉ. Sau khi làm việc, nắm lại tình hình từ đồng chí Hai Địa, chúng tôi nảy ra một số suy nghĩ, nếu không dùng đường vận chuyển trên biển, mà chỉ dựa vào đường bộ 559 bằng cách mang vác trên vai thì không tiếp tế được gì cho chiến trường Nam Bộ. Muốn vào đến chiến trường Nam Bộ chỉ có đường biển là có điều kiện thuận lợi hơn cả, vận chuyển được nhiều, chở loại nào cũng được. Từ những suy nghĩ đó, tôi bàn với anh Hai Địa một số phương án: Một là, anh về chọn một hòn đảo hoang nào bên ngoài mà địch ít để ý, tàu ra có thể mang hàng vào cất giấu ở đó, sau dùng thuyền nhỏ bí mật đưa vào đất liền (tôi chỉ một số đảo nhỏ, kể cả bên vịnh Thái Lan). Hai là, tàu ta đi gần bờ cách độ 2-3m nước, bỏ hàng xuống nước, sau ra lặn lấy mang về. Ba là, chọn đoạn sông rạch nào có đường nước mà tàu nhỏ có thể cập bến được, bốc vũ khí lên bờ cất giấu. Đây là ba phương án có thể, anh về cân nhắc nghiên cứu, tính kỹ rồi ra báo cáo lại. Anh trở về miền Nam bằng đường bộ công khai. Sau khi đã làm xong việc điều tra nghiên cứu, ra báo cáo lại, anh bảo tàu có thể vào được khu vực Gành Hào, Rạch Gốc. Tôi đồng ý theo phương án cho tàu cập bến Gành Hào. Chuyến đầu tiên bằng thuyền gỗ chỉ chở được 30 tấn vũ khí (chiếc thuyền gỗ này lúc ra chạy bằng buồm, khi vào có gắn thêm máy đẩy để có thể sử dụng được khi buồm khi máy).

Đây là chuyến đi thử đầu tiên, vào đến nơi an toàn, mở ra triển vọng cho công tác vận tải bằng đường biển, tiếp tế chi viện cho chiến trường Nam Bộ. Sau đó thì

không dùng tàu gỗ nữa, mà dùng tàu sắt với trọng tải 100 tấn, đã đi được nhiều chuyến trót lọt, mãi sau này mới bị lộ, vì chuyến hàng vào Vũng Rô, Khu 5, địch phát hiện được.

Tôi nói thêm vài chi tiết chung quanh việc thiết kế, đóng tàu sắt có trọng tải 100 tấn. Thực ra, vấn đề không giản đơn. Vì muốn đóng tàu sắt đi trên biển phải mất hai năm thiết kế, tính toán, thử đi thử lại nhiều lần, vì tàu đi xa, hoạt động dài ngày trên biển. Thông thường phải mất 3-4 năm mới thiết kế và đóng hoàn thành một chiếc tàu cỡ đó, nhưng ta lại cần gấp, chỉ trong vòng mấy tháng. Lúc này, có anh Năm Danh người quê Hóc Môn (Anh hùng Lao động), trong kháng chiến chống Pháp, anh phụ trách ngành quân giới Nam Bộ (trước đây, là công nhân sửa chữa tàu ở xưởng Ba Son, đã từng lắp đại bác trên tàu cho Pháp), sau tập kết ra Bắc, anh phụ trách xưởng đóng tàu Bạch Đằng. Tôi mời anh lên bàn việc đóng tàu trọng tải 100 tấn. Sau khi bàn bạc, thảo luận kỹ, anh nhất trí làm được, làm nhanh, nhưng phải có máy tàu bảo đảm, và phải làm cho kỹ sư thiết kế thông suốt mới tiến hành nhanh được. Tôi trả lời, tôi sẽ cùng lo. Tôi đến bàn với anh Phạm Hùng, lúc này anh là Phó Thủ tướng và Thường trực Chính phủ, anh trả lời trong kho có máy diézen của Đức với cỡ đó được, anh sẽ ra lệnh xuất. Thay mặt cho Bộ Quốc phòng, tôi mời anh Năm Danh cùng 2 kỹ sư thiết kế tàu biển lên, tôi nói rõ nhiệm vụ: Hiện nay, Bộ Quốc phòng đang cần những tàu biển cỡ đó để phục kích dài ngày trên biển, đón đánh tàu biệt kích từ trong Nam ra xâm nhập vùng biển Bắc Bộ và vịnh Hạ Long. Tàu phải chịu đựng được sóng cấp 7 và hoạt động ngoài khơi dài ngày, cái này rất gấp. Yêu cầu thiết kế không cần bền chắc lâu dài, làm ít lần rồi bỏ được, miễn là hoàn thành nhanh. Cân nhắc mãi, anh Năm Danh có ý kiến thêm, các đồng chí kỹ sư xin có thời gian suy nghĩ, bàn bạc, trao đổi thêm với nhau. Phân tích, thuyết phục mãi các đồng chí kỹ sư đồng ý, quyết tâm thực hiện cho kỳ được yêu cầu của Bộ Quốc phòng. Công việc tiến hành hết sức khẩn trương, vừa thiết kế vừa đóng xong trong vòng 4-5 tháng, chạy thử rất tốt. Anh em thiết kế khá đẹp, mình lại phải thuyết phục giám bót những bộ phận tiện nghi không cần thiết, để tàu rộng chỗ, tăng trọng tải. Sau này, Trung Quốc biết, ta phải nói thật, họ rất phục tài thiết kế của ta và đề nghị theo mẫu thiết kế này, đóng tàu viện trợ cho ta, chỉ khác là họ lắp 2 máy cho bảo đảm.

Có tàu rồi, đưa cái gì vào chiến trường, còn phải đắn đo cân nhắc, vì nó liên quan đến đường lối, chủ trương của cuộc đấu tranh cách mạng và dự kiến sự phát triển của tình hình. Lúc này, ta đã có chủ trương đấu tranh quân sự ngang hàng với đấu tranh chính trị, chuyển vũ khí vào chiến trường được rồi, rất cần thiết, nhưng cần chuyển những loại gì trước, loại gì sau. Nói đến bảo đảm hậu cần cung cấp vật chất kỹ thuật

cho một cuộc chiến tranh là phải đồng bộ, phức tạp nhiều loại, ưu tiên cái gì trước, sau, là phải tính toán khoa học, để biến ít thành nhiều, biến thiếu thành đủ, sớm phát huy được tác dụng. Do đó, ta tập trung đưa vũ khí, còn lương thực và các nhu cầu khác, chiến trường cố gắng tự lo lấy, những thứ mà tại chỗ tự mua sắm được.

Đồng chí Hai Địa đi thử chuyến đầu tiên chở 30 tấn vũ khí vào đến Nam Bộ an toàn, trót lọt. Tôi báo cáo với Quân ủy Trung ương, xin tiếp tục đưa vũ khí vào Nam. Anh Giáp có hỏi tôi: “Anh có bảo đảm thành công được 50% không?”. Tôi trình bày những yếu tố mà tôi đã nắm được và bảo đảm đạt trên 50%, tối thiểu cũng phải đạt 50%. Các anh trong Thường vụ Quân ủy Trung ương đồng ý. Bắt đầu tổ chức đoàn vận tải đường biển, đó là tuyến tải chiến lược đường biển, có giá trị bảo đảm cho sự phát triển của phong trào du kích chiến tranh ở Nam Bộ, và nhanh chóng xây dựng ba thứ quân cho B2.

Khi đã nói đến quân sự, đấu tranh vũ trang là nói đến vấn đề chiến tranh, mà nói đến chiến tranh thì công tác bảo đảm hậu cần quân đội là vấn đề chiến lược, mà cấp nào cũng phải quan tâm, suy nghĩ. Nói đến bảo đảm hậu cần cung cấp là phải nói ngay đến vấn đề vận chuyển tiếp tế, vì vậy, đường vận tải chiến lược trở thành công tác hàng đầu, là đầu cầu nối liền giữa hậu phương và tiền tuyến, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Cái này chúng ta có kinh nghiệm nhiều trong kháng chiến chống thực dân Pháp, không thể kêu gọi chung chung là cứ đấu tranh đi, mà muốn đấu tranh thì phải nói đến lực lượng, nói đến công tác bảo đảm, mà khi đã tổ chức lực lượng rồi thì công tác bảo đảm phải đi kèm theo đồng bộ, nghĩa là phải có ăn, có mặc, có vũ khí, phải cứu chữa được người bị thương, ốm đau...

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa là căn cứ địa cách mạng chung của cả nước, làm thế nào phát huy được vai trò căn cứ địa ấy để chi viện tích cực cho tiền tuyến, ai cũng nghĩ đến điều đó. Nghĩ là điều tốt rồi, làm được điều này phải có óc sáng tạo và khả năng hành động của tập thể quần chúng.

Thực tế qua thành công về đường vận tải chiến lược trên biển, rõ ràng đây là sự đóng góp của quần chúng, nếu không có thực tế hành động đầy mưu trí, dũng cảm của bao nhiêu người, thì cũng không ai có tài giỏi gì ngồi nghĩ ra cái gì khác được. Trước khi đồng chí Hai Địa đưa được chuyến tàu về Nam an toàn, mở ra tuyến đường vận tải chiến lược trên biển thì đã có bao nhiêu người, bao nhiêu chiếc thuyền vượt tuyến ra Bắc. Tôi còn nhớ ở Cà Mau, Bến Tre, Trà Vinh đều có tổ chức đi, chuyến được chuyến mất và chỉ có tính chất nhỏ lẻ, cũng từ nhỏ lẻ này, tạo tiền đề cho tổ chức mở đường vận tải trên biển với trọng tải lớn. Muốn thực hiện được vấn đề này, lại còn phải tính đến đội ngũ cán bộ, chiến sĩ quê ở các tỉnh ven biển Nam Bộ tập kết ra Bắc, quen thuộc địa hình, nhận dạng được luồng lạch, bến bờ

của từng khu vực ngay cả trong đêm, và sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình, tình nguyện làm thuyền trưởng, thủy thủ, dám xông vào nơi gian nan, nguy hiểm, vì quê hương, vì đồng bào, đồng chí ruột thịt, vì cách mạng, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tôi nói tiếp vấn đề đưa vũ khí vào chiến trường. Đã đến lúc phải đưa vào, rất cần thiết, như tôi đã nói trên, nhưng đưa cái gì vào, cho trước mắt và cho cả lâu dài, cần thiết phải có sự tính toán, có tính chất chiến lược. Vì ý định chiến lược chiến tranh như thế nào, về quy mô và hình thức chiến thuật, mà định ra vấn đề tổ chức, bố trí lực lượng, đưa vũ khí vào thích hợp, sớm phát huy được tác dụng.

Trong lịch sử chiến tranh, qua các thời đại khác nhau, khi còn sử dụng giáo mác thô sơ, đến lúc dùng súng và chất nổ, nhất là khi có súng liên thanh xuất hiện, thì đội hình chiến đấu, hình thức chiến thuật đã khác rồi, chiến tranh đã chuyển giai đoạn rồi. Tình hình trên chiến trường trong những năm 1960 - 1963, ta nên tiến hành chiến tranh trên quy mô như thế nào, đó thuộc về đường lối chiến lược, mà muốn chủ trương phải phân tích, dự kiến được hết sự phát triển của tình hình. Khi có chỉ thị của anh Ba Duẩn về đấu tranh vũ trang ngang với đấu tranh chính trị, thì tổ chức lực lượng vũ trang ra sao? Nếu dựa vào kinh nghiệm trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ta hình thành ba thứ quân, thì trong chống Mỹ mỗi thứ quân tổ chức như thế nào cho phù hợp với tình hình, đặc điểm chiến trường và đối tượng tác chiến. Sau Nghị quyết Trung ương 15, có chỉ thị bổ sung nhưng nói không rõ. Ngay như nói đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đấy, nhưng chưa xác định có mục tiêu đấu tranh vũ trang ra sao, chiến lược, chiến thuật thế nào, xây dựng lực lượng... Vấn đề xây dựng lực lượng bây giờ cũng khác trước. Khi kháng chiến chống Pháp, ta tổ chức dân quân du kích rộng mạnh, rồi mới có chủ lực, tuần tự như thế. Đó là từng chiến trường tự lực, từ không đến có, từ nhỏ đến lớn. Bây giờ thì ta có nửa nước đã độc lập, đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, là căn cứ địa, hậu phương lớn của cả nước, với tinh thần cả nước đánh giặc, có phải xây dựng lực lượng tuân tự như trước kia nữa không? Tận dụng miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội chi viện cho miền Nam như thế nào? Vì vậy, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta không nhất thiết phải xây dựng dân quân du kích rộng mạnh rồi mới có địa phương quân, khi bộ đội địa phương trưởng thành rồi mới xây dựng chủ lực, mà ta phải xây dựng cùng một lúc. Muốn xây dựng lực lượng vũ trang phải có các yếu tố: một là đội ngũ cán bộ chỉ huy, hai là bảo đảm vật chất kỹ thuật, ba là huấn luyện chiến đấu. Dựa vào những yêu cầu này thì ta đã có gì? Cán bộ thì đã được miền Bắc đào tạo, cung cấp, có hàng vạn cán bộ, chiến sĩ tập kết sẵn sàng trở về chiến đấu ở quê hương; vật chất kỹ thuật thì dựa vào tại chỗ và từ hậu

phương miền Bắc đưa vào; còn quân thì lấy ở địa phương bổ sung (lúc đầu). Nếu cứ tuần tự xây dựng như cũ thì đến bao giờ mới có lực lượng để giải quyết chiến tranh, và cuộc chiến tranh ở miền Nam có lẽ phải kéo dài đến năm 2000, hoặc bị dập tắt tự bao giờ rồi!

Nhân đây tôi nói thêm vấn đề cán bộ tí nữa. Năm 1958, tình cờ tôi có nghe bản tin của đài BBC phát ra, chuyện là ở vùng Đồng Tháp Mười giáp Long Xuyên, Châu Đốc có trận đụng độ giữa du kích “Việt cộng” với quân của chính quyền ông Diệm, trận đánh kéo dài trong 2 tiếng đồng hồ. Cuối cùng đôi bên cùng rút lui, không để lại một vết tích gì, không ai thương vong. Nghe qua, tôi nghĩ rất lạ, đánh nhau trong 2 tiếng đồng hồ, với lực lượng cỡ trung đội cuối cùng đôi bên cùng rút, không ai thương vong, không để lại vết tích gì, nghĩa là thế nào? Hay là phát hiện từ xa, nổ súng từ xa, hoặc không biết bắn, bắn không chính xác. Vì thực ra anh em mình đã được huấn luyện bắn súng đâu mà bắn chính xác. Tôi đem vấn đề này trao đổi với anh Nguyễn Văn Vịnh, hai anh em bàn với nhau, ta có nhiều cán bộ chiến sĩ tập kết đã được học nhiều trường lớp chính quy, làm gì lại không chọn được một số đưa về huấn luyện cho anh em trong đó. Lúc này chưa có chủ trương gì về đấu tranh vũ trang, nhưng ở chiến trường đã xuất hiện “du kích” rồi. Muốn đưa cán bộ vào thì ai quyết định? Tôi cùng anh Vịnh “đột kích” tới anh Ba Duẩn, nói lại đầu đuôi câu chuyện như vậy, và ý định muốn chọn chừng 100 cán bộ miền Nam tập kết, đã qua trường lớp, có khả năng hiểu biết, đưa vào trực tiếp huấn luyện, nếu lực lượng tại chỗ mà được huấn luyện tốt thì hiệu quả chiến đấu sau này sẽ lên rất cao. Anh Ba Duẩn kéo lại tấm bản đồ bảo chỉ cho anh khu vực xảy ra chiến sự, anh suy nghĩ mãi (lúc này khoảng cuối năm 1958 đầu năm 1959), anh nói rằng, chưa có chủ trương gì, đưa ra Bộ Chính trị chưa chắc đã đồng ý, đưa người vào khó đấy, không được đâu. Thôi thì nên như thế này, tôi chịu trách nhiệm, đồng ý cho các anh chọn người đưa vào, nhưng chỉ đưa được số rất ít. Nghe qua chúng tôi rất mừng, nhưng đưa số ít là bao nhiêu, khoảng 50 người được không, anh tiếp tục suy nghĩ và cuối cùng quyết định lấy 25 người và dặn dò phải hết sức bí mật không để lộ tí gì ra ngoài. Thế là chúng tôi chọn rút người và tổ chức cho anh em vào chiến trường chuyển đầu (trong đó có Tư Chương, Hai Nhỏ là số đã học qua trường lục quân), sau đó mới tiếp tục đưa các khung cấp tiểu đoàn rồi trung đoàn lần lượt bổ sung vào. Từ hậu phương miền Bắc đưa cán bộ và các khung vào, không phải chờ đào tạo ở chiến trường, mà ở chiến trường làm sao đào tạo nổi. Rõ ràng hậu phương căn cứ địa miền Bắc hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định cho toàn bộ cuộc chiến đấu ở chiến trường miền Nam, trong cả cuộc chiến tranh. Số anh em được điều động trở về lại chiến trường lên đường rất phấn khởi, vì được trở về chiến đấu trên mảnh đất quê hương.

Đấy là vấn đề đầu tiên về cán bộ cho chiến trường, trước khi có lực lượng vũ trang, có chủ lực, càng về sau càng thấy giá trị của cán bộ từ hậu phương vào, không như ban đầu, một số đồng chí ở lại chiến trường đã chế giễu là “Đại tá Việt Minh” có làm nên trò trống gì đâu!

Bây giờ tôi chuyển sang việc đưa vũ khí vào, cân nhắc mãi, gửi gì vào cho phù hợp, đáp ứng được tình hình hoạt động nhỏ lẻ ban đầu và còn phải chuẩn bị cho lâu dài, khi tình hình phát triển, mặc dù lúc này chưa có chủ lực, chưa tổ chức được bộ đội địa phương, lại chưa có đường lối chỉ đạo cho một cuộc chiến tranh.

Tôi suy nghĩ rằng, đã có đấu tranh vũ trang thì ngày càng quyết liệt, càng lớn ra, thành chiến tranh cách mạng. Đã có chiến tranh, mà cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp là phải có ba thứ quân. Địch là Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, không phải thực dân Pháp trước đây, quy mô chiến tranh sẽ lớn, tốc độ sẽ nhanh. Điều kiện địch ta đều khác trước, như vậy phải nhanh chóng tổ chức lực lượng vũ trang ba thứ quân, ta phải mạnh, phải nhanh mới đáp ứng kịp sự phát triển của tình hình.

Vì vậy mỗi chuyến gửi vào đều có cả súng trường, tiểu liên, trung liên, súng cối, DKZ 57, DKZ 75, bộ binh pháo 70 ly, sơn pháo 75 ly, kẽm cát điện dài, phương tiện chỉ huy... Các loại này có thể trang bị một phần cho du kích và bộ đội địa phương và dành cho chủ lực sau này. Các chuyến sau này cũng lần lượt như vậy, chỉ có ban đầu tỷ lệ vũ khí cho du kích địa phương nhiều hơn, sau thay dần tỷ lệ, có những thứ cất giấu, sau này mới sử dụng đến. Lúc này, tôi lại được điện của Trung ương Cục yêu cầu gửi vũ khí nhẹ trang bị cho du kích thôi, nhiều súng trường càng tốt, không nên gửi các loại nặng, chiếm mất trọng tải, không vận chuyển, cất giấu, không có người trông coi bảo quản. Tôi điện trả lời, các anh hết sức cố gắng tổ chức tiếp nhận, vũ khí đưa vào đã được bảo quản dầu mỡ cẩn thận, ta lại có rừng kín đáo, làm kho cất giấu được, thời gian sử dụng đến nó cũng không xa lăm đâu! Hiện nay, còn có điều kiện có phương tiện ta không tranh thủ đưa vào, sau này khó khăn làm sao chuyển được. Vừa điện, vừa tiếp tục gửi vào, nếu không sẽ mất thời cơ. Rõ ràng là chưa có nghị quyết, chỉ thị gì của Bộ Chính trị, của Quân ủy Trung ương, chứ không phải do Trung ương chỉ đạo, chẳng lẽ ta cứ ngồi chờ sao, mà phải làm, phải tính toán trước.

Trên lĩnh vực lý luận, ta nêu lên cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, của tất cả mọi người từ dưới lên trên, trên chỉ đạo cho dưới tổ chức thực hiện đấu tranh. Sở dĩ V.I. Lenin viết nhiều và có nhiều tác phẩm lý luận đấu tranh rất sắc sảo là vì trong thời kỳ đó V.I. Lenin đã trực tiếp đấu tranh không khoan nhượng với nhiều xu hướng đối lập khác nhau, từ đó đã ra lý luận.

Ta cũng thế, qua thực tế đấu tranh, đến năm 1963 mới ra được Nghị quyết Trung ương 9. Đây cũng là nghị quyết cơ bản nhất, toàn diện nhất cho cuộc đấu tranh

cách mạng ở miền Nam. Nghị quyết Trung ương 9 có nêu lên đấu tranh quân sự, chính trị song song trên cả ba vùng chiến lược, mà đấu tranh quân sự, chính trị song song tất yếu dẫn đến tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Nội dung chỉ đạo là đấu tranh “hai chân, ba mũi”, “ba vùng”. Không phải tự dừng mà Nghị quyết Trung ương 9 đề ra đầy đủ, toàn diện như vậy. Đây là sự tổng hợp kinh nghiệm từ phong trào đấu tranh của quần chúng, nếu không có sự lăn lộn của cán bộ trong đấu tranh và phong trào cách mạng của quần chúng thì không thể có được, không thể ngồi ở Hà Nội mà nghĩ ra đấu tranh “hai chân, ba mũi”, “ba vùng” được. Vấn đề là từ thực tế tình hình, nâng lên đúc kết thành lý luận, rồi chỉ đạo lại thực tiễn, đó cũng là nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Tôi nói sang một vài ý trong vấn đề chỉ đạo chiến lược, vì đây là vấn đề lớn, quyết định thành bại của một cuộc đấu tranh cách mạng. Nói đến chỉ đạo chiến lược là phải có tầm nhìn xa, phải đi trước, và đề xuất vấn đề rất sớm, vấn đề chiến lược mà thiển cận thì rất nguy hiểm, sẽ không kịp xoay chuyển tình thế, sẽ bỏ lỡ thời cơ, nhất là thời cơ lớn. Đi sâu vào vấn đề hậu cần, tôi sẽ đề cập đến vấn đề hậu cần chiến lược, tức là hậu cần chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh, bao giờ cũng phải được chuẩn bị trước, xuất phát từ ý định xây dựng và phát triển lực lượng, quy mô tác chiến, dự kiến phát triển của cuộc chiến tranh mà chuẩn bị hậu cần chiến lược, không như vậy thì sẽ không kịp thời. Ví dụ: Khi ta chưa có đủ lực mà ta đã đưa vũ khí lớn và phương tiện chỉ huy vào, trong điều kiện tuyến đường vận tải trên biển còn cho phép...

Đây là cả quá trình suy nghĩ, mò mẫm, bằng nhiều dự kiến, bằng bám sát thực tế diễn biến của cuộc đấu tranh, phân tích tình hình hết sức khách quan, khoa học, nắm và vận dụng quy luật chung, nó sẽ dẫn đến, đề xuất đi trước vấn đề, nhiều khi phải hết sức sáng tạo, tự động, dám làm với nhiệt tình và trách nhiệm.

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 9 (1963), Trung ương mới có quyết định tổ chức Bộ Chỉ huy Miền. Trước đó là Ban Quân sự của Trung ương Cục, giúp cấp ủy chỉ đạo về quân sự (có anh Trần Văn Quang, Trần Lương, Phạm Văn Xô (Hai Già). Ban Quân sự cũng như các ban khác thuộc Trung ương Cục (kinh tài, dân vận...). Khi thành lập Bộ Chỉ huy Miền, Quân ủy Trung ương quyết định tôi là trưởng và anh Trần Văn Quang là chỉ huy phó (anh Trần Lương sang công tác dân vận, anh Hai Xô sang kinh tài). Lúc này đã có Mặt trận Giải phóng, có lực lượng vũ trang, Quân ủy Trung ương quyết định lấy tên là Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Khi đã hình thành Bộ Chỉ huy lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam (gọi tắt là Bộ Chỉ huy Miền) thì các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần cũng được thành lập, tương đương cấp cục; ở các quân khu tổ chức các cơ quan

tham mưu, chính trị, hậu cần thành phòng. Các cục tham mưu, chính trị, hậu cần giúp Bộ Chỉ huy Miền triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và tác chiến trong suốt cả cuộc chiến tranh.

Tôi đi sâu nói về tổ chức hậu cần chiến trường B2. Vì sao nó thành một tổ chức hậu cần lớn như thế, và vì sao lại có hậu cần khu vực? Trong bản tổng kết có nêu lên nhưng chưa rõ, chưa nói hết được nội dung tinh thần của nó, cũng có thể các anh chưa hiểu hết vấn đề. Vì trước đây chưa có và cũng chưa có ai tổ chức thành hậu cần khu vực cả. Sau này, còn có tổ chức không là còn tùy, nhưng nó là một kinh nghiệm, thực tế đã đem lại thành công lớn.

Vì sao lại tổ chức hậu cần khu vực, còn gọi là Đoàn hậu cần? Nó lại nằm trong lý luận quân sự và thực tế đặc điểm, tình hình chiến trường. Khu vực hậu cần được hình thành từ cuối năm 1964, bắt đầu phát triển từ năm 1965, cho đến khi kết thúc chiến tranh. Một điều giản đơn, dễ hiểu sở dĩ lực lượng hậu cần chiến trường B2 phát triển ngày càng lớn là vì lực lượng vũ trang, đặc biệt là lực lượng chủ lực, được tổ chức và phát triển. Tổ chức hậu cần Miền chủ yếu là lo cho chủ lực; các lực lượng khác do hậu cần quân sự địa phương khu, tỉnh lo; trên này có lo cho dưới cũng chỉ là chỉ đạo việc tổ chức, phương châm và chi viện một số vật chất quan trọng như vũ khí, thuốc men mà thôi. Thế thì tổ chức chủ lực của chúng ta phát triển ra sao? Cụ thể: Năm 1961, ngoài kia đưa vào khung Trung đoàn 261, năm 1962, đưa tiếp vào khung Trung đoàn 262 sau này bổ sung thành E1, E2 của Sư đoàn 9, tiếp đó thành lập E3, E4, E5. Thành lập Sư 9 rồi tiếp tục tổ chức Sư 5, những năm tiếp theo có Sư 7 và Sư pháo cùng các đơn vị binh chủng đặc công, thông tin, công binh và các trung đoàn độc lập. Ý định ngoài kia đưa các khung trung đoàn cùng với vũ khí vào để nhanh chóng tổ chức các trung đoàn chủ lực, tác chiến tập trung, kịp đối phó với mọi tình huống phát triển của chiến trường. Năm 1963, tôi vào, các khung trung đoàn vẫn còn nguyên, chưa được bổ sung người và vũ khí gì cả. Thế là hai năm đã qua, tình hình phát triển khá nhanh, cuối năm 1963, tướng ngụy đã đảo chính lật Diệm, rồi liên tục rối loạn về chính trị, nhưng lực lượng ta còn yếu quá, tận dụng tình hình không kịp.

Ngay từ khi chuẩn bị đưa người và vũ khí vào chiến trường, tôi đã trực tiếp thảo điện hướng dẫn rất kỹ về đường vận tải. Vì tôi biết các anh trong này như anh Quang, anh Lương, anh Hai Già, anh Mười Cúc cũng không ai am hiểu, thông thạo địa hình toàn Nam Bộ như tôi. Trong nội dung bức điện, tôi viết: "Giờ đã đưa vũ khí cho các anh được đến U Minh, các anh cần thành lập trạm chuyển tiếp ở Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre; đưa tàu vào Thạnh Phú (Bến Tre) tổ chức đường dây vận chuyển nhỏ từ Bến Tre qua Gò Công lên Rừng Sác (Lý Nhơn), băng qua Đường 15

lên Hắc Dịch, tổ chức kho đầu cầu ở Hắc Dịch, nối liền Hắc Dịch với Chiến khu Đ. Từ Bến Tre, Gò Công, Rừng Sác, các anh dùng ghe xuồng thuận lợi, chuyển vũ khí về được. Đoạn khó là đoạn từ Rừng Sác qua lộ 15 đến Hắc Dịch, nhưng là đoạn đường ngắn, mang vác một phần, dùng xe bò một phần, có thể huy động xe bò trong nhân dân địa phương. Đưa hàng lên dự trữ tại Hắc Dịch, chưa có lực lượng chuyển lên khu A, khu B được thì các anh cho đơn vị xuống lấy, trang bị tại chỗ đưa về căn cứ". Tôi viết điện rất cụ thể, chỉ từng điểm một, kể cả đường đi và phương tiện vận tải. Điện đi, tôi hỏi đi hỏi lại nhiều lần, xem trong này các anh đã nhận được chưa. Đến năm 1963 tôi vào chiến trường thì khung vẫn còn nguyên, vũ khí còn nằm ở Bến Tre; đường dây chuyển tiếp chưa có; các khung trung đoàn thì người chưa được bổ sung, vũ khí chưa được trang bị! Tôi hỏi nguyên do thì các anh trả lời khó khăn này nọ, thực ra quan điểm lúc đó còn là cho "du kích" trước, chủ lực chưa cần thiết. Lúc này, du kích và bộ đội địa phương hoạt động khá tốt, có những trận đánh giỏi, chủ lực chưa làm ăn được gì. Anh Hai Lê và anh Trần Đình Xu có than phiền với tôi. Tôi đến Hội nghị Trung ương Cục nghe anh em kháo với nhau, chế giễu chủ lực là "C.L", nhất là trong tổ của Thành ủy Sài Gòn. Tôi mới phân tích, chủ lực là đơn vị hoàn chỉnh, muốn nó hoạt động được phải có quân số, trang bị, huấn luyện đầy đủ, chưa nói đến chỉ huy. Ở ngoài kia mới đưa khung vào, chỉ có trang bị số vũ khí nhẹ để phòng thân làm sao đánh được. Chúng ta phải lấy thanh niên người địa phương bổ sung quân số, trang bị vũ khí, huấn luyện chiến đấu cho nó thì mới sử dụng chiến đấu được. Lúc bấy giờ khung toàn cán bộ còn nguyên quân số, trang bị chưa có. Đã không làm cho nó đủ mạnh, lại còn chế giễu như vậy là không phải! Từ đó, tôi bàn với các đồng chí trong Trung ương Cục, qua nhiều lần các anh mới đồng ý rút người lên bổ sung cho chủ lực. Đồng thời, tổ chức ngay bộ phận mở đường chuyển tiếp vũ khí từ Bến Tre lên Hắc Dịch (Bà Rịa) do đồng chí Lâm Quốc Đăng phụ trách. Thật là tốn bao nhiêu công phu, hết sức khẩn trương mới tải được vũ khí từ miền Bắc vào chiến trường, 2 năm trời vẫn nằm ở Bến Tre, Trà Vinh, Cà Mau, trong lúc đó lực lượng chưa được bổ sung, trang bị. Qua đó cho ta thấy rằng, mọi vấn đề không phải dễ dàng thông suốt, chỉ giải quyết một khâu nào đó là được việc, mà phải qua một quá trình đấu tranh thuyết phục mới có sự nhất trí và bắt tay vào hành động. Được bổ sung quân và trang bị vũ khí, cuối năm 1963 đầu năm 1964, các trung đoàn chủ lực từng bước được kiện toàn. Trận ra quân đầu tiên của E2 đã diệt tiểu đoàn "cọp đen" của ngụy ở Đường Long (Long Nguyên), là tiểu đoàn đầu tiên bị diệt gọn. Trước đó E1 đã có trận phục kích trên Đường 13 kéo dài đoạn Tây Ninh - Tàpăngrôbông. Tiếp theo là trận hiệp đồng pháo với bộ binh san bằng đồn Bầu Cỏ. Từ đó uy tín của chủ lực bắt đầu có. Trận pháo kích Tua Hai (bằng bộ binh pháo 70 ly và súng cối) gây cho địch thiệt hại

nặng, hết sức hoang mang, lo sợ. Sau trận này có đồng chí lại cho rằng, ta còn có ít đạn pháo cối sử dụng không đúng. Do đó, lại phải giải thích các hình thức chiến thuật, tác chiến hợp đồng binh chủng với chiến thuật của từng binh chủng độc lập, không dùng lực lượng bộ binh, tùy điều kiện và tình huống vẫn tiêu hao tiêu diệt, gây sát thương phá hoại địch, đạt được mục đích nhất định.

Kế đến là trận kết hợp đặc công với pháo binh, chủ yếu là pháo, tập kích sân bay Biên Hòa, gây thiệt hại nặng nề cho địch, có tiếng vang lớn. Tên tướng Mỹ Taylor phải đích thân đến tận nơi xem xét tình hình.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, ta mở chiến dịch Bình Giã, là chiến dịch đầu tiên của B2 và cũng là của toàn Miền. Chiến dịch mở ra nhiều vấn đề mới về khả năng hoạt động tác chiến tập trung của chủ lực B2. Đến lúc này, các đồng chí đã chế giễu chủ lực là “C.L” không còn nói nữa mà chuyển sang hướng khác.

Qua đó ta thấy mở được đường vận tải chiến lược có giá trị cho toàn bộ cuộc chiến tranh trên chiến trường biết chừng nào, nếu đưa vũ khí vào chỉ có bảo đảm hoạt động du kích ở đồng bằng sông Cửu Long kết hợp với ong “vò vè” thôi thì đâu có giá trị chiến lược lớn cho cả chiến trường B2.

Ban đầu mới xây dựng chủ lực, địa bàn hoạt động cũng chỉ quanh quẩn ở vùng căn cứ khu B (Long Nguyên, Bến Cát, Củ Chi, Hố Bò, An Nhơn Tây qua bắc Tây Ninh), chưa sang được khu A, đồng Quốc lộ 13 với lực lượng lớn, hoạt động dài ngày được, vì công tác bảo đảm hậu cần còn rất hạn chế. Đặt vấn đề làm thế nào cho bộ đội ta còn ít, có thể cơ động nhanh gọn, hoạt động trên một địa bàn rộng, giữ được bí mật ý định tác chiến? Muốn vậy phải tổ chức hậu cần lót ém sẵn lương thực, súng đạn, các trạm quân y, trên một số hướng địa bàn được chuẩn bị sẵn, bộ đội hành quân gọn nhẹ, đến nơi có thể nhận lịnh bổ sung để đánh được ngay, đánh xong có bộ phận thu dọn chiến trường, giải quyết thương binh, bộ đội lại được bổ sung sau chiến đấu, tiếp tục cơ động phát triển chiến đấu, có thể đối phó được với quân địch phản ứng nhanh. Như vậy, rõ ràng chủ lực ta tuy ít, nhưng rất cơ động, phát huy cao hiệu lực tác chiến, tạo bất ngờ đối với địch. Từ ý nghĩ ban đầu để từng bước hình thành tổ chức hậu cần khu vực, một khu vực hậu cần phải cố gắng tổ chức đồng bộ, ít ra cũng phải có lực lượng vận tải làm nhiệm vụ mở đường, vận chuyển, kho tàng, bốc xếp, phải có bộ phận thu mua, tiếp liệu, tạo cơ sở vật chất, phải có kho tàng dự trữ, phải có cơ sở quân y, trạm sửa chữa... Nơi có điều kiện tổ chức hậu cần khu vực là khu A rồi sang khu B ở miền Đông. Lúc này, chủ lực B2 đã có E1, E2, E3, đang xây dựng tiếp E4, E5, quân số được bổ sung. Thanh niên từ đồng bằng sông Cửu Long lên đường tòng quân, nhập ngũ khá rầm rộ. Khi chủ lực đã hình thành, phát huy được tác dụng trong chiến đấu, từ trận đánh phải nâng

lên chiến dịch, bằng nhiều trận chiến đấu nối tiếp nhau, nhằm vào các mục tiêu lớn hơn, để phát huy được vai trò của chủ lực. Muốn thế hậu cần phải tổ chức thế nào cho phù hợp với tác chiến chiến dịch, không phải ở những trận đánh lẻ nữa. Từ đó quyết định mở chiến dịch đầu tiên là chiến dịch Bình Giã. Vì sao lại chọn hướng Bà Rịa để mở rộng chiến dịch, vì ở đây địch còn nhiều sơ hở, lực lượng địa phương của chúng yếu, nhưng cái chủ yếu quan trọng là vũ khí, đạn dược ta để tại kho Hắc Dịch, mặt khác có thể huy động được khả năng vật chất tại địa phương phục vụ chiến dịch, có thể liên hệ được với thương buôn, tư sản ở Sài Gòn, dùng số có cảm tình với ta, mua gạo chuyển ra cho ta ở hướng này theo Đường 1 một cách hợp pháp nên địch khó phát hiện, ngăn chặn được.

Mục tiêu của chiến dịch là đánh quận ly Đức Thạnh trên Đường 2, kéo địch tiếp viện để tiêu diệt chúng (trên Đường 2 lại có điểm Bình Giã). Cùng lúc với mở chiến dịch, ta hợp đồng ngoài kia chi viện cho B2 một chuyến vũ khí khoảng 80 tấn nữa vào “vành” cửa sông Ray (Bà Rịa), đánh xong xuống mang về và bổ sung tại chỗ cho chủ lực.

Lần đầu tiên chiến trường mở chiến dịch, công tác chuẩn bị hậu cần chiến dịch ban đầu còn gặp nhiều khó khăn về các mặt, nhưng có sự tập trung chỉ đạo, bàn biện pháp khắc phục. Trong đó hai vấn đề lớn nổi lên ban đầu là lương thực và đạn dược. Lúc này đồng chí Năm Thi và Mười Bị được giao nhiệm vụ liên hệ, mốc nối mua gạo ở Sài Gòn đưa ra Bà Rịa. Mua xong, dùng ôtô vận tải chuyển ra để ở một số điểm trên Đường 1, hai bên đường là rừng còn kín đáo, để chỗ nào cũng được, ta đưa lực lượng chuyển tiếp về kho cất giấu. Để tổ chức bảo đảm kịp thời, Bộ Chỉ huy Miền quyết định tổ chức cơ quan hậu cần chiến dịch và đơn vị quân nhu trực tiếp, lấy tên là quân nhu Khu E, huy động mọi khả năng bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho chiến dịch đầu tiên giành thắng lợi. Kế hoạch phục vụ cho chiến dịch là phải chuẩn bị cho được từ năm đến bảy trăm tấn gạo, đạn dược và các đội pháo cơ động bám sát bộ đội. Kết quả hậu cần bảo đảm tốt cho chiến dịch Bình Giã.

Sau chiến dịch Bình Giã là tập kích Biên Hòa, Khu 5 đánh Ba Gia, Pleiku, có tiếng vang lớn, địch phản ứng dữ dội, Johnson ra lệnh ném bom miền Bắc, quân ngụy đã ở trong thế thua, Mỹ phải đưa quân ồ ạt vào miền Nam, thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với thuyết quân sự cơ động nhanh và hỏa lực mạnh.

Quân Mỹ thông thường cơ động lực lượng bằng trực thăng, lính Mỹ mang theo rất gọn nhẹ, đổ quân nhanh chóng, các mặt bảo đảm tiếp tế đều do trực thăng vận chuyển từ lương ăn, nước uống, vũ khí đạn dược đến chuyển thương binh. Qua hoạt động cơ động tác chiến của Lữ dù 173 và Sư Anh cả đỏ đều thấy như thế. Tất cả mọi nơi trên chiến trường Nam Bộ từ miền Đông, đến Đồng Tháp Mười,

rừng U Minh, sau vài giờ, địch có thể đổ quân được ngay, khác quân Pháp trước đây. Trước kia quân Pháp không vào nổi vùng Đồng Tháp Mười và vùng U Minh vì phải hành quân bộ, mang vác nặng.

Vì vậy, trong chiến tranh với Mỹ, không thể gọi nơi nào là hậu phương được, vì hậu phương có thể phút chốc trở thành bãi chiến trường.

Thuyết hỏa lực mạnh của Mỹ cũng là vấn đề lớn. Chúng sử dụng nhiều loại hỏa lực, kết hợp giữa hỏa lực mặt đất và trên không. Đánh nhau với Mỹ, bầu trời không mấy khi êm á, chúng dùng cả bom, pháo, xe tăng, kể cả chất độc hóa học. Địch dựa vào thế mạnh về cơ động mạnh và hỏa lực mạnh để áp đảo và uy hiếp, ngăn chặn, hòng tiêu diệt ta, buộc ta phải đối phó từ mọi phía.

Để đối phó với cuộc chiến tranh không cân sức này, ta lấy gì để đối抗 với khả năng cơ động và hỏa lực của Mỹ. Ta không có trực thăng, hỏa lực lại rất có hạn, sử dụng phải tính toán từng viên đạn. Ta muốn cơ động hơn địch chỉ bằng cách là bố trí lực lượng rộng khắp, và bố trí sẵn hậu cần tại chỗ theo từng khu vực. Đến đâu địch cũng vấp phải phong trào “du kích” chiến tranh, trong mạng lưới chiến tranh nhân dân rộng khắp, có lực lượng của nhân dân du kích, của bộ đội địa phương. Chủ lực cơ động gọn nhẹ, đánh trên địa bàn được chuẩn bị sẵn cả về mọi mặt, kể cả về hậu cần. Như vậy, rõ ràng là ta cơ động hơn địch, chứ không phải địch cơ động hơn ta. Địch muốn đánh phải đổ quân, vận tải hậu cần, ta có sẵn tại chỗ, địch đến đâu lập tức bị đánh trả ngay ở đấy.

Do đó, hậu cần cũng phải tổ chức theo hướng này, tổ chức hậu cần chiến trường phải thành một hệ thống từ Miền đến khu, tỉnh, huyện, bao gồm: Hậu cần chủ lực, hậu cần khu vực, hậu cần quân sự địa phương và các tổ chức hoạt động hậu cần trong nhân dân (hội đồng cung cấp, ban và tổ tiếp tế xã ấp). Có như vậy mới đảm bảo được cho bộ đội ta cơ động trên mọi địa hình, với nhiều hình thức tác chiến, với từng quy mô khác nhau, từ phân tán nhỏ đến đánh tập trung theo hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

Đối phó với vấn đề hỏa lực mạnh của Mỹ, ta giải quyết cả tư tưởng chiến thuật, đánh nhanh, mạnh, bất ngờ, “nắm thắt lưng địch mà đánh”, làm vô hiệu hóa hỏa lực tầm xa, cỡ lớn của địch. Hỏa lực ta ít mà tập trung, đánh hiểm, đánh vào các mục tiêu quan trọng, diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, làm cho địch không lường được hết. Qua các trận chiến đấu lớn, các chiến dịch, ta dần dần có kinh nghiệm tổ chức bảo đảm hậu cần trong cuộc chiến tranh đánh Mỹ, từng bước kiện toàn tổ chức hậu cần hoàn chỉnh, đồng bộ, kể cả biên chế và khả năng vật chất kỹ thuật. Tổ chức hậu cần khu vực vừa bảo đảm tính vững chắc, cơ động cao, còn giữ được bí mật ý đồ hoạt động, không phải tốn nhiều thời gian chuẩn bị, hoặc phải

chuẩn bị ô ạt cập rập; thực hiện bảo đảm thường xuyên, khi cần mở chiến dịch thì tăng thêm lực lượng dự trữ bổ sung cần thiết trong quá trình chiến đấu. Việc giữ được bí mật ý đồ hoạt động quân sự quan trọng lắm, vì kẻ địch có đầy đủ phương tiện, điều kiện cần thiết để phát hiện, ngăn chặn, phá kế hoạch chuẩn bị của ta.

Từ những vấn đề trên ta thấy tổ chức hậu cần khu vực là vấn đề chiến lược để đảm bảo cho chiến dịch, chiến thuật. Vừa có tính lý luận lại vừa hết sức thực tiễn, nó hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan, phù hợp với chiến trường, với đối tượng tác chiến, không phải theo ý muốn chủ quan của một ai muốn đẻ ra nó.

Tổ chức hậu cần khu vực ở chiến trường B2 là cả vấn đề lý luận quân sự, không đơn thuần về lý luận hậu cần, nó là một bộ phận trong tổ chức bố trí chiến trường theo một kế hoạch chiến lược nhất định, nó là vấn đề chiến lược trong chiến tranh.

Giải quyết được hậu cần khu vực là giải quyết được khâu quan trọng về chiến lược, chiến dịch và cả cho chiến thuật, cho nên hậu cần gắn chặt với tham mưu là như thế. Phải do người chỉ huy chiến trường trực tiếp chỉ đạo và giải quyết mọi việc trong công tác hậu cần, ngành hậu cần và cán bộ hậu cần là tham mưu giúp cấp ủy và thủ trưởng là người tổ chức thực hiện các chỉ thị, mệnh lệnh về công tác bảo đảm hậu cần ở cấp mình.

Tổ chức hậu cần khu vực phải thành thố liên hoàn và ngày càng hoàn chỉnh, có thể chi viện được cho nhau giữa các khu vực, thành một thế trận hậu cần từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, hình thành các tuyến, nó làm được cả nhiệm vụ hậu cần chiến lược, chiến dịch và chiến đấu, mới phát huy được hết tác dụng. Tổ chức được hậu cần khu vực rồi, phải mở cho được hành lang và tuyến vận tải nối liền giữa các khu vực, nối liền được với Trung ương, với các khu, tỉnh, trên các hướng, các địa bàn hoạt động của bộ đội. Tổ chức hậu cần không những ở tuyến sau, mà cả tuyến trước, nằm sâu trong vùng địch, có những nơi chưa có bộ đội đến đã cấy và xây dựng cơ sở hậu cần rồi, có như vậy mới thực hiện được: “nơi nào có bộ đội hoạt động là nơi đó có tổ chức hậu cần đảm bảo...”.

Xây dựng khu vực hậu cần còn gắn rất chặt với việc xây dựng căn cứ địa, kể cả khu căn cứ và lõm căn cứ. Xây dựng được khu căn cứ là nơi bố trí các cơ sở hậu cần: Bệnh viện, kho tàng, cơ xưởng, nơi dự trữ vật chất. Dựa vào nhân dân, dựa vào điều kiện địa hình mà xây dựng các cơ sở bảo đảm hậu cần. Khu căn cứ càng bảo đảm, càng được củng cố và mở rộng là điều kiện thuận lợi để xây dựng khu vực hậu cần ngày càng vững chắc thêm.

Vấn đề này, do chưa hiểu hết đầy đủ và nắm thực tế chiến trường, cho nên có lúc có ý kiến phản đối cho hậu cần chiến trường B2 tổ chức nặng nề, công kẽm, tỷ lệ phục vụ quá lớn so với quân số chiến đấu. Thực ra không tổ chức ra bộ máy hậu

cần như thế thì không thể bảo đảm cho lực lượng vũ trang ở một chiến trường xa hậu phương, xa sự chi viện của trên, xây dựng các tác chiến lớn được. Làm sao bảo đảm mở các chiến dịch với quy mô cần thiết ở không gian và thời gian theo yêu cầu của từng thời kỳ chiến lược? Ở B2 vấn đề là không tập trung quân mở chiến dịch được vì công tác hậu cần không đảm bảo được!

Khi đặt vấn đề này, đầu tiên là phải suy nghĩ chiến lược đánh Mỹ, phá thế mạnh của địch là cơ động và hỏa lực, chúng làm chủ trên không và mặt đất bằng mọi phương tiện kỹ thuật chiến tranh hiện đại. Giải quyết vấn đề này là giải quyết một phần quyết định thành bại của cuộc chiến tranh, phát huy sức mạnh chiến đấu của bộ đội ta. Mọi cuộc chiến tranh đều mang theo tính chất khác nhau. Đã nhiều lần trên các điện nhắc đi nhắc lại rằng, tổ chức hậu cần cồng kềnh, ngốn quân số nhiều quá, tỷ lệ giữa quân chiến đấu và quân phục vụ không phù hợp. Chúng tôi đã chấp hành, một mặt rút gọn biên chế, tiết kiệm quân, mặt khác vẫn cương quyết giữ vững hệ thống tổ chức hậu cần, có nơi phải mở rộng theo yêu cầu cần thiết. Đến giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, trên 3 vạn cán bộ, chiến sĩ hậu cần mới đủ sức phục vụ trên các hướng tấn công của các binh đoàn chủ lực, như trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Thực ra hậu cần chiến trường B2 không làm nhiệm vụ đơn thuần là đảm bảo hậu cần quân đội, mà làm cả chức năng của hậu phương nhà nước tại chiến trường, là cơ quan kinh tế, thu mua, tạo ra vật chất, mở đường, vận tải, giúp đỡ nhân dân, sản xuất tự túc, xây dựng căn cứ địa, nuôi dưỡng thương bệnh binh tại chiến trường, chiến đấu bảo vệ hậu phương, bảo vệ cơ sở hậu cần... Vì vậy, tổ chức của nó phải tương xứng với nhiệm vụ mới hoàn thành được mọi việc mà nó phải tự gánh vác.

Tất nhiên đi vào tổ chức cụ thể, có nơi có lúc chưa hoàn toàn hợp lý, nơi thừa, nơi thiếu phải chấn chỉnh. Vì vậy, về lý luận và thực tiễn, tôi cho rằng tổ chức hậu cần khu vực để thực hiện bảo đảm tại chỗ là một sáng tạo lớn, có tầm cỡ chiến lược.

Tôi nói sang chiến dịch Tây Nguyên mùa khô 1974 - 1975 một tí. Khi mà ta định mở chiến dịch Tây Nguyên, có ý kiến là nên bắt đầu đánh vào Kon Tum. Vì đánh Kon Tum có nhiều cơ sở thuận lợi về địch, ta, hậu cần bảo đảm, tiện việc triển khai xe pháo..., nói chung là phát huy được mọi yếu tố ban đầu để tấn công địch. Đánh vào Buôn Ma Thuột khó triển khai được các mặt nói trên. Do đó cho rằng đánh Kon Tum mới đúng chiến lược và điều kiện chiến dịch...

Đứng về phía địch, chúng cũng phán đoán rằng muốn đánh Tây Nguyên trước tiên ta tấn công Kon Tum, với lý do trên mà địch sơ hở phía sau, dồn sức ra Pleiku - Kon Tum, chỉ huy sở đặt tại Pleiku, Buôn Ma Thuột chỉ là hậu cần với lực lượng lẻ, thiếu bảo vệ.

Nếu là đầu óc thông thường đều nghĩ rằng nên đánh Kon Tum, nhưng nếu phân tích kỹ tình hình, vượt ra ngoài dự kiến, phán đoán của địch thì nên đánh ngay vào Buôn Ma Thuột. Đánh vào Buôn Ma Thuột tức là chặt cây từ gốc, đỗ cả cây!

Tây Nguyên dựa vào các trục đường: 14, 19, 21, 7, 5. Đường 14 từ Phước Long ra, Đường 21 từ Ninh Hòa lên, Liên tỉnh lộ 7 từ Tuy Hòa lên, Đường 19 từ Quy Nhơn lên và Liên tỉnh lộ 5 từ Sơn Tịnh, Quảng Ngãi lên. Liên tỉnh lộ 5 và 7 lâu ngày không sử dụng đến, như vậy là còn lại 3 con đường huyết mạch: 14, 19, 21 và 2 sân bay Pleiku và Hòa Bình. Sau khi ta giải phóng Phước Long, Đường 14 bị cắt, địch còn lại Đường 19, 21 và 2 sân bay, có thể vận chuyển tiếp tế cho Vùng chiến thuật 2 và 3 tỉnh Tây Nguyên. Nếu ta đánh vào Buôn Ma Thuột, cắt luôn Đường 21, chiếm sân bay Hòa Bình, địch chỉ còn lại Đường 19 và sân bay Pleiku. Tây Nguyên lập tức bị cắt rời khỏi toàn bộ chiến trường, đặc biệt là miền Đông và Sài Gòn, nơi đâu nǎo và hậu phương của địch, rất nguy hiểm!

Thế thì thắng nào ở đó mà không sợ bị cô lập, không sợ bị thắt cổ họng, nếu Việt cộng cắt Đường 19 và khống chế sân bay Pleiku. Mà Đường 19 xuyên qua khu vực núi đèo hiểm trở lại bị cắt từng đoạn. Do vậy, không có tên tướng nào dám bám trụ và cố thủ ở đó hết. Cho nên chủ trương rút khỏi Tây Nguyên của địch là đúng, có cái là nó rút chậm. Mặt khác trong việc tính toán chiến lược có cái ngu xuẩn là muốn giữ tất cả, không để mất một xã ấp nào. Kế hoạch rút lại tối, chỉ huy quá kém, hốt hoảng nên chọn Liên tỉnh lộ 7 để rút quân với binh khí kỹ thuật hiện đại. Nhìn chung là toàn bộ đều ngu xuẩn kể cả chiến lược, chiến dịch nên Mỹ - ngụy phải lâm vào thế thua, thế bị động trước kẻ địch thông minh, kiên cường.

Thế là Mỹ - ngụy thua, thua từ toàn bộ chiến lược của chiến tranh phi nghĩa, chủ quan, ngoan cố trong việc tính toán tương quan lực lượng, không lường hết được sức người, sức ta. Không phải thua là do Thiệu quyết định rút khỏi Tây Nguyên như Mỹ nói để trút trách nhiệm lên đầu Thiệu. Mỹ - Thiệu thua ta vì đường lối chiến lược chiến tranh của ta đúng, ta tiến hành chiến tranh chính nghĩa. Ta quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên đúng thời cơ, chọn hướng Buôn Ma Thuột rất hay, rất đúng. Cái gốc là ở chỗ này. Nếu nói địch sai lầm về chiến lược trong việc rút khỏi Tây Nguyên là không đúng, không hiểu về chiến lược. Công tác bảo đảm hậu cần trong chiến dịch Tây Nguyên, mà trận điểm huyệt là Buôn Ma Thuột, đã đóng góp một phần không nhỏ trong chiến thắng mùa Xuân năm 1975.

Tôi nói rõ thêm việc mở hành lang Tây Ninh (bản tổng kết có nêu lượt qua, chưa rõ). Cuối năm 1974, ta mở cuộc tấn công vào Bến Cầu, Quέo Ba nhằm ý định mở đường xuống phía tây, tây nam Sài Gòn. Đoàn hậu cần 240 được chuẩn bị thêm

trên hướng đó để phục vụ cho một cánh quân lớn quan trọng trong kế hoạch tấn công Sài Gòn.

Trước tiên phải đánh vào Tân An, cắt Quốc lộ 4, không cho địch rút chạy, vây co cụm ở đồng bằng sông Cửu Long, cũng không cho lực lượng địch ở đồng bằng sông Cửu Long cứu viện cho Sài Gòn, cô lập Sài Gòn từ phía tây; đồng thời đảm bảo tấn công từ hướng tây nam vào Sài Gòn, đánh từ Hậu Nghĩa, Phú Lâm vào Biệt khu thủ đô, Tổng nha Cảnh sát...

Vấn đề mở một con đường vận tải, nhất là đường vận tải chiến lược có liên quan đến bao nhiêu ý định về chiến lược, chiến dịch. Việc đánh giá này không chỉ riêng ta mà kẻ địch đã nói và nói rất nhiều. Chủ trương đánh phá hậu cần, cắt đường vận tải là một âm mưu có tính chất chiến lược lâu dài của kẻ địch. Vì thế Mỹ đã bỏ ra bao nhiêu tiền của, bao nhiêu kỹ thuật, để dựng lên hàng rào điện tử Mc Namara hòng ngăn chặn hành lang và tuyến đường vận tải của ta, nhưng không làm được. Địch mở các cuộc hành quân lớn đánh ra Đường 9 - Nam Lào, đánh lên Campuchia, cũng nhằm đạt cho được mục đích cắt đường vận tải chiến lược của ta từ Bắc vào Nam.

Đối với ta, hậu phương, căn cứ địa miền Bắc làm tròn nhiệm vụ cung cấp cho các chiến trường phải có các tuyến tải chiến lược, bằng cả đường bộ và đường thủy. Trên hai tuyến vận tải này, kẻ địch luôn ngăn chặn đánh phá, nên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu vận chuyển vật chất đến các chiến trường, đặc biệt là các chiến trường xa hậu phương như B2. Năm 1965 - 1966, bằng chính trị, ngoại giao, ta tranh thủ được Chính phủ Vương quốc Campuchia (nay Campuchia cũng thấy phải dựa vào ta mới đứng vững được), đã mở ra được tuyến đường trên đất Campuchia từ cảng Sihanúcvin về Phnôm Pênh đến các căn cứ của ta dọc biên giới Việt Nam - Campuchia.

Địch mở rộng chiến tranh sang Campuchia, cắt đường Sihanúcvin, đường biển kiểm soát gắt gao, bên cạnh đó, tập trung đánh phá tuyến đường 559 rất dữ; nếu ta không có tổ chức tốt thì hậu phương lớn rất khó lòng mà vận chuyển chi viện cho chiến trường, trong lúc đó cuộc chiến đấu phát triển trên quy mô ngày càng rộng lớn.

Tuyến đường 559 lúc này chỉ mới thông suốt tới Hạ Lào và Tây Nguyên, nối từ B3 vào B2 rất khó, hạn chế việc đi cơ giới. Mất đường biển Sihanúcvin, sự sống còn của hậu cần chiến trường B2 chỉ còn dựa vào tuyến đường 559. Đường 559 đối với B2 là đường chiến lược độc nhất, có giá trị đảm bảo cho cuộc chiến tranh phát triển và giành thắng lợi. Tuyến đường này không được củng cố, giữ vững và phát triển vươn sâu vào B2, thì chiến trường B2 sẽ gặp vô vàn khó khăn,

cuộc chiến đấu có cơ động đi từ mức độ giảm dần, đến tàn lụi, như mong muốn của Mỹ. Vì vậy nói hậu cần, tiếp tế vận tải có liên quan đến quy mô và tốc độ của chiến tranh là như thế.

Muốn nối liền được với tuyến 559 thì phải giải phóng miền Đông Campuchia, dựa vào trực đường thủy bộ trên đất Campuchia nối liền giữa tuyến 559 với B2, mở thông được tuyến đường quan trọng chiến lược này nối liền từ hậu phương lớn vào đến chiến trường Nam Bộ. Muốn giải phóng Campuchia phải có lực lượng của nhân dân Campuchia và sự giúp đỡ tích cực của Việt Nam. Lúc này, lực lượng vũ trang Campuchia chỉ mới có đội du kích vài trăm người, già trẻ, gái trai, với mẩy khẩu súng trường, chưa đánh được. Cùng lúc đó thì lực lượng vũ trang của ta có sẵn, nắm dọc tuyến biên giới, có điều kiện giải phóng vùng rộng lớn ở Campuchia, giải phóng các tỉnh Stung Treng, Kratié, Ratanakiri, Mondulkiri, nối tuyến đường 559 từ Hạ Lào qua Mondulkiri đến Stung Treng, xuống Kratié, Kampong Chàm về Phước Long, Tây Ninh...

Nhưng lúc đó lại phát sinh ra 2 vấn đề: Một là nhận thức Đông Dương là một chiến trường; hai là việc dùng lực lượng vũ trang của ta giải phóng vùng Đông Bắc Campuchia, nối liền tuyến đường 559.

Lúc này, Campuchia lại là một khâu của địch, lực lượng không có gì đáng kể, ta dùng lực lượng có sẵn, có điều kiện giải phóng Campuchia. Một mặt, nhân thời cơ này giúp cách mạng Campuchia tiến nhanh, cùng ta giành chiến thắng, mặt khác, Campuchia được giải phóng mới tạo điều kiện đảm bảo ta giành thắng lợi, đặc biệt là ở B2, ta mở rộng được địa bàn căn cứ và các điều kiện khác về hậu cần, nhất là nối liền tuyến đường 559 vào bến B2.

Sau đảo chính Sihanúc ngày 18/3/1970, ban đầu, Trung ương chỉ thị cho B2 dùng một bộ phận lực lượng giải phóng 7 tỉnh phía đông sông Mê Kông. Trung ương Cục và Quân ủy Miền rất mừng, hoàn toàn nhất trí và tổ chức thực hiện nhanh chóng, để chớp thời cơ, làm thất bại âm mưu thâm độc của Mỹ.

Nhưng sau đó lại được điện không cho đánh sâu vào Campuchia, chỉ mở một rẽ dọc theo biên giới làm căn cứ đứng chân cho ta mà thôi. Lý do là ta không “xuất cảng cách mạng” và ta còn có việc của ta ở miền Nam Việt Nam.

Giải phóng Campuchia trong điều kiện tình hình và thời cơ như thế, trên quan điểm ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đoàn kết đấu tranh như một, và cả Đông Dương là một chiến trường mà nói rằng ta “xuất cảng cách mạng” là một quan niệm rất máy móc, sách vở, không đúng với thực chất quyền lợi của ba dân tộc và thực tế tình hình cách mạng của ba nước Đông Dương trong thời điểm đó.

Tuy có sự bất đồng nhưng trong này chúng ta dựa vào chỉ thị đầu tiên, quán triệt tinh thần Đông Dương là một chiến trường, vì cách mạng của bạn, vì sự sống còn của ta, ta sử dụng một phần nhỏ lực lượng vũ trang, chuẩn bị giải phóng một vùng rộng lớn 7 tỉnh ở phía đông Campuchia và mở rộng sang cả phía tây sông Mê Kông. Mặc dù có liên tiếp bao nhiêu điểm chỉ đạo, nhưng thực tế rõ ràng đây là vấn đề sống còn của cả chiến trường Việt Nam - Campuchia và cũng không thể để cho thời cơ qua đi. Dựa vào chỉ thị cơ bản ban đầu là ta phải đánh, giải phóng mở rộng càng nhanh càng tốt, làm cho địch chưa kịp đối phó, tạo nên bước ngoặt mới cho cách mạng Campuchia, tạo thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, cho cả chiến trường Nam Đông Dương giành toàn thắng.

Bên cạnh đó, ta giải phóng được Kratié, Stung Treng và một số đô thị, thị xã, thị trấn khác thì có được Đường 13 kéo dài qua các tỉnh đó và dùng được đường sông Mê Kông, nối liền được với hậu phương lớn qua tuyến đường 559, tạo điều kiện cho việc vận chuyển chi viện chiến trường B2, giúp cho cách mạng Campuchia.

Từ những chủ trương đó, tôi ra lệnh cho đồng chí Tư Võ - Phó Chủ nhiệm Cục Hậu cần Miền, chuẩn bị xe vận tải chở bộ đội nhanh chóng vào giải phóng Kratié, rồi tiến thẳng lên Stung Treng trong thời gian ngắn nhất. Mọi việc chuẩn bị đâu đay đã sẵn sàng chờ lệnh xuất quân, lại được điện ngoài kia hoãn không cho đánh. Chỉ cho phép bao vây, địch vận gọi hàng! Thế là phải dừng lại, lại điện xin được đánh, nếu không đánh thì B2 sẽ bị cô lập, không có đường vận tải tiếp tế chiến lược. Đánh thì bảo đảm thắng không có vấn đề gì, kể cả chính trị quân sự. Ngoài kia trả lời không đồng ý đánh, nhắc lại là không “xuất cảng cách mạng”. Lại điện tiếp, trình bày báo cáo hết sức cụ thể tình hình, cuối cùng mới đồng ý cho đánh, cũng may mà vẫn chưa muộn!

Được lệnh, ta dùng lực lượng nhỏ cỡ trung đoàn thiêu tiến vào giải phóng Kratié, Stung Treng, sau đó nối liền được với tuyến vận tải chiến lược 559 từ hậu phương lớn vào bằng đường cơ giới đến B2 qua đất Campuchia. Tuyến tải này dùng được cả Đường 13 và đường sông Mê Kông. Ta lại mở thêm đường xe hơi phía đông song song với Đường 13, để đảm bảo bí mật và không bị gián đoạn. Cũng nhờ tuyến đường này mà xe tăng ta vào được đến chiến trường tham gia cuộc tấn công lớn năm 1972 trong Chiến dịch Nguyễn Huệ. Trong đàm phán tại Pari, Kissinger đã nói với anh Sáu Thọ là: “Chúng tôi bị bất ngờ khi xe tăng của các ông xuất hiện tại Lộc Ninh”.

Lúc này ở hướng đông bằng Quân khu 9 cũng gặp khó khăn, thiếu thốn đạn dược, Miền chi viện cho Quân khu 9 cũng rất trở ngại. Quân khu tổ chức cho tàu ra Bắc chuyển vũ khí vào, về phương thức có thay đổi để che mắt địch. Cũng trong

thời gian này, Miền tổ chức đường vận tải trên sông vòng qua Dungsen - Biển Hồ, Campuchia đưa vũ khí, đạn dược cho Quân khu 9, giao cho Đoàn 195 (đơn vị đầu cầu tiếp nhận của Quân khu 9 ở Túc Mía trong năm 1970 - 1971).

Về sau, chính quyền Pôn Pốt làm khó, ta chủ trương mở chiến dịch giải phóng Bù Bông - Tuy Đức. Các tuyến vận tải về đất miền Nam bảo đảm vận chuyển liên tục, chuyển hàng từ hậu phương vào B2 và chuyển gạo muối, xăng dầu, vải vóc từ B2 ra cho B3 (Tây Nguyên). Để tổ chức tiếp nhận khối lượng ngày càng lớn của Trung ương chuyển vào chiến trường, Miền tổ chức Đoàn hậu cần 770, đơn vị đầu cầu tiếp nhận. Lúc này đồng chí Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần đề nghị B2 giải quyết cho điểm Đức Lập để mở thông đường, không phải đi vòng, nhưng đó không phải là phạm vi B2, lực lượng B2 không phải quay về phía Tây Nguyên mà phải hướng về Sài Gòn, do đó đánh Đức Lập sẽ sử dụng lực lượng khác.

Để mở thông đường phía tây nam, ta đánh Tàpăngrôbông, Bến Cầu, Quéo Ba, cốt là để mở được tuyến tải trên đất K, không để cho bọn Pôn Pốt làm khó dễ. Ý định mở con đường này với quy mô lớn, đào kênh lấy đất đắp đường ôtô, dưới kênh, xuồng ghe vẫn vận chuyển được. Nhưng tình hình diễn biến nhanh quá, không thực hiện ý định này nữa, mà dùng các tuyến giao thông của địch khi ta mở rộng vùng giải phóng. Sau năm 1974, Miền đã chỉ thị cho hậu cần mở rộng tuyến đường Bà Rịa, chuyển vật chất phương tiện, chuẩn bị cho hướng Đông, vì ở đây cánh hậu cần chưa đủ mạnh, để bảo đảm cho binh đoàn lớn hoạt động dài ngày. Muốn đánh vào Sài Gòn không thể không có mũi tiến công từ phía đông được, vì vậy phải tăng cường lực lượng vật chất cho Đoàn 814. Cho nên nói mở đường vận chuyển, tổ chức hậu cần bảo đảm gắn rất chặt với tác chiến, phù hợp với ý đồ chiến lược chung và ý định chiến dịch chiến đấu. Cũng từ đó, mọi người, mọi cơ quan, mọi lực lượng đều có trách nhiệm, đều phải lo nghĩ đến công tác giao thông vận tải và công tác bảo đảm hậu cần nói chung, vì nó là vấn đề sống còn của các lực lượng cách mạng đang hoạt động trên chiến trường, nó góp phần quan trọng quyết định quy mô và tốc độ tác chiến.

Tôi nhắc lại tí nữa về chiến trường Đông Dương. Ngay từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Xứ ủy và Trung ương Cục chịu trách nhiệm chỉ đạo chung cho cả Nam Bộ và Campuchia, từ việc sắp xếp cán bộ, đưa quân tình nguyện sang, đến kế hoạch hoạt động của từng vùng..., vì lúc này lực lượng cách mạng của bạn còn non yếu. Bọn thực dân Pháp đã sử dụng lực lượng của Campuchia và Việt Nam để đánh phá cách mạng, ta cũng dùng lực lượng cách mạng của hai nước để chống lại chúng. Trên hai chiến trường, lực lượng ta và bạn gắn bó rất mật thiết, không tách ra được. Ta mở hành lang từ Việt Nam qua Campuchia, đi xuống đồng bằng

sông Cửu Long, từ Tây Ninh qua Soài Riêng xuống Mộc Hóa, hoặc qua Soài Riêng xuống Pêemcho đi về Quận khu 9. Ta cũng dựa vào đất Campuchia, tổ chức đường dây sang Thái Lan mua vũ khí. Trong thời điểm Nam Bộ thiếu lương thực (1952), ta lại lên Campuchia mua gạo mang về. Trong kháng chiến chống Pháp, ta và bạn hết lòng giúp đỡ nhau, gắn bó mật thiết với nhau, cùng chiến đấu giành độc lập cho cả hai nước.

Đến năm 1954, sau Hiệp định Giơnevơ, ta chuyển quân tập kết, ngụy quyền Sài Gòn ra sức đánh phá phong trào và các cơ sở cách mạng, trong lúc khó khăn quá, Xứ ủy phải chuyển sang Campuchia, đứng chân ở Phnôm Pênh, tiếp tục chỉ đạo phong trào cách mạng ở miền Nam, đến sau này mới về chiến khu Bắc Tây Ninh. Tuy ta đã trở về đất miền Nam nhưng các tổ chức cơ sở cách mạng trong Việt kiều yêu nước ở Campuchia còn khá đông, nhân dân Campuchia rất thương mến ta, ảnh hưởng chính trị của ta đối với các tầng lớp xã hội ở đây khá tốt. Ta đã tranh thủ được các nhà tư sản, các tổ chức kinh doanh, kể cả lực lượng sĩ quan và binh lính quân đội hoàng gia Campuchia hỗ trợ cho công tác vận chuyển hàng hóa cho ta, từ Cảng Sihanúcvin về Phnôm Pênh và đi các căn cứ hậu cần dọc tuyến biên giới.

Với truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm của hai dân tộc, việc giúp Campuchia giải phóng, đẩy nhanh phong trào cách mạng của Campuchia là vấn đề hết sức thiết thân đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta nói chung, trên chiến trường B2 nói riêng.

Đây là hành động chính nghĩa, vì sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc, vì tự do độc lập, vì sự sống còn của cả Đông Dương...

Bây giờ ta nói sang công tác hậu cần gắn liền với chiến trường. Công tác hậu cần ở chiến trường nào thì người chỉ huy ở đó phải trực tiếp nắm lấy, cán bộ hậu cần không thể hình dung được hết ý định phương án của người chỉ huy, kể cả chủ trương chiến dịch và ý định chiến dịch, do đó người chỉ huy phải nắm và chỉ đạo hậu cần. Ở mỗi giai đoạn, thời điểm của cuộc chiến tranh, do tình hình phát triển của chiến trường ta phải có ý định triển khai tổ chức bảo đảm hậu cần kỹ thuật cho bộ đội để phù hợp với ý định, phương án, kế hoạch xây dựng và tác chiến. Vì vậy, công tác tổ chức bảo đảm cũng theo từng thời gian mà thay đổi, có khi thu hẹp lại ở khu vực này mà bung ra ở khu vực khác, theo yêu cầu nhiệm vụ, không phải từ đầu đến cuối, hậu cần chiến trường B2 luôn đứng chân chung quanh Sài Gòn mà phải theo địa bàn khu vực hoạt động tác chiến của chủ lực. Điều quan trọng là hậu cần phải gắn rất chặt với ý đồ chiến lược, gắn chặt với chủ lực trong từng thời kỳ chiến lược, căn cứ vào đó mà chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Từ năm 1963, ta đã có Nghị quyết Trung ương 9 nêu lên đấu tranh quân sự chính trị song song, cả hai đều có tính chất quyết định, tất yếu dẫn đến tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Từ đó không thể có quan niệm rằng, phải dựa vào nông dân bao vây thành thị, giải phóng nông thôn trước rồi tấn công đô thị mà phải tấn công trên cả ba vùng chiến lược: Rừng núi, đồng bằng, đô thị. Cũng do năm không vững đường lối chiến lược, nên mới có đồng chí phát biểu: “Làm cách mạng là ở đâu có dân mới có cách mạng. Đồng bằng là nơi đông dân, các anh lại lấy thanh niên từ đồng bằng lên xây dựng lực lượng ở rừng núi làm gì? Đánh ai? Ở đó chỉ có gỗ và đá....” Nếu nói ở đâu có dân mới có cách mạng thế thì lực lượng vũ trang ba thứ quân phải chui vào xã mà đánh, bởi vì thành trì của cách mạng là ở xã. Vùng đồng bằng đông dân, phải xuống đó xây dựng lực lượng và quần nhau với địch ở xã ấp. Đó cũng là một lối lập luận, phù hợp với lý luận chiến tranh lấy nông thôn bao vây thành thị, sau đó mới giải phóng thành thị. Đó là quan điểm chiến lược quân sự của Mao¹!

Không những thế, trong năm 1963 - 1964, lại còn có sáng kiến nêu ra là: “Lập và phá áp chiến lược, càn và chống càn là quy luật của cuộc chiến tranh ta hiện nay”. Chúng tôi đã kiên quyết đập tan ý kiến này, nếu không thì ba thứ quân của ta chuyên môn đi phá áp chiến lược, chống càn, còn đâu mà tấn công về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu, trên cả ba vùng chiến lược.

Lực lượng vũ trang của ta gồm ba thứ quân, mỗi thứ quân đều có chức năng rất riêng của nó, hoạt động xây dựng, tác chiến theo sự chỉ đạo tập trung thống nhất. Có đơn vị hoạt động phân tán, nhỏ lẻ, làm nòng cốt cho phong trào du kích chiến tranh, cũng có những đơn vị chủ lực tập trung đánh lớn, tiêu diệt lớn, hỗ trợ cho việc đánh phá bình định, giải phóng dân, giải phóng đất, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng.

Cũng từ nhận thức chưa thật đầy đủ này mà phải đấu tranh giằng co mãi trong việc xây dựng lực lượng chủ lực, nêu ra mãi rằng: “quân sự sai đường lối...”, dùng dằng việc lấy quân lên tổ chức chủ lực, đánh ở rừng núi... Cần thấy rằng, chủ lực rất khó mà tập trung lớn, nhất là binh khí kỹ thuật, khó phát huy được hết tác dụng ở đồng bằng, vì trong thế địa hình bất lợi, kẻ địch thì có phi pháo mạnh, khống chế các đường giao thông và cả bầu trời, thì ta phải hoạt động ở chiến trường rừng núi, ở đây là nơi có điều kiện tiêu diệt địch lớn, hơn nữa rừng núi ở miền Đông Nam Bộ là địa bàn bao vây Sài Gòn và các mục tiêu chiến lược quan trọng, đầu não của địch. Ở chiến trường này cũng cho phép ta triển khai xây dựng lực lượng lớn, xây dựng các cơ sở hậu cần lớn, nơi có điều kiện dự trữ chiến lược

1. Mao Trạch Đông (B.T).

về các mặt vật chất kỹ thuật. Do đó nên tập trung phần lớn các đoàn hậu cần khu vực ở miền Đông. Ở các quân khu tổ chức hậu cần đủ bảo đảm cho các lực lượng vũ trang quân khu hoạt động.

Để chuẩn bị cho tổng công kích và tổng khởi nghĩa, mục tiêu quan trọng là Sài Gòn, từ năm 1964, ta đã tính đến công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến lược này. Ta tổ chức hình thành 5 mũi tiến công, 5 tiểu đoàn mũi nhọn và các tổ chức đặc công biệt động hoạt động nội thành. Bên cạnh ý định chuẩn bị về kế hoạch quân sự, ta đã triển khai hình thành thế bố trí của các đoàn hậu cần khu vực phục vụ cho 5 hướng tấn công và các đơn vị luồn sâu vào các mục tiêu quan trọng trong đô thị.

Chủ trương thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân năm 1968 là rất nhạy bén, chọn đúng thời cơ. Bởi vì sau hai mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967, địch liên tiếp bị thất bại, mà tiêu biểu là sau cuộc phản công lớn trong chiến dịch Junction City bị bẽ gãy, tổn thất nặng nề, quân Mỹ ê ẩm lăm răm! Rõ ràng đòn Mậu Thân là bước ngoặt của chiến lược chiến tranh, buộc địch phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào đàm phán, mà cũng từ đó phải nghĩ đến việc rút quân, không bàn đến việc tăng quân Mỹ vào chiến trường miền Nam hơn nữa.

Đứng về ta mà nói, quân dân toàn Miền quyết tâm và khí thế rất cao, nỗ lực chiến đấu và phục vụ, không ngại hy sinh, quyết giành thắng lợi lớn, giải phóng miền Nam trong năm 1968. Tôi cho rằng, quyết định Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968 là đúng. Đánh vào tất cả các thành phố, tấn công đồng loạt từ Nam chí Bắc trên toàn bộ chiến trường là một cú tấn công chiến lược, phối hợp chiến lược, chiến dịch vô cùng lớn, giỏi và chính xác, có một không hai trong lịch sử chiến tranh từ trước đến nay. Tòa Bạch Ốc¹ và cả nước Mỹ choáng váng. Nhưng có cái sai ở chỗ là không tính toán tương quan lực lượng giữa ta và địch cụ thể, không thấy sức ta đến đâu, khả năng địch còn mạnh, để ra yêu cầu quá cao, theo kiểu ước muốn chủ quan nên ta bị thiệt hại nặng, nhất là khi địch tổ chức phản công lại.

Qua tấn công đợt đầu, đợt tiếp theo cứ ghim vào đó dứt điểm là sai, hao quân, tổn thương mà không giải quyết được gì. Nếu ngay từ đầu ta tính toán tương quan lực lượng, cân nhắc mọi cái, tấn công đồng loạt vào các thành phố, thị xã, thị trấn, làm rối loạn, buộc chúng phải lo chống đỡ. Ta lại quay ra giải phóng nông thôn, tiếp tục mở rộng và có kế hoạch bảo vệ, giữ vững, đẩy mạnh du kích chiến tranh, phát triển xây dựng lực lượng ta về mọi mặt thì tuyệt vô cùng!

1. Nhà Trắng.

Cũng có ý kiến cho rằng ta tiếp tục chủ trương tấn công đợt hai vào tháng 5/1968 là “khát nước”. Vấn đề không phải như vậy, vì đây là sự phối hợp chiến trường toàn Miền, ở B2 và các hướng khác, cả Khu 5 và Trị Thiên, nếu không có đợt hoạt động tiếp thì không thể được. Trong lúc anh em ta chiếm và cố thủ ở thành Huế, địch huy động lực lượng để phản kích, anh em lại rút lui không đánh tiếp để chia lửa cho nhau, thì anh là kẻ phản bội, phá bỏ hiệp đồng tác chiến. Đó là chưa nói đến chỉ thị của trên là: “...khi một thành phố ta đã chiếm được, thì các thành phố khác phải đánh mạnh để hỗ trợ...” chỉ đợt đầu thôi rồi tự động rút lui, không có chủ trương thống nhất thì rõ ràng là “sọc dưa”, là phải thi hành kỷ luật. Ở đây, điều cần phải nói là một quyết định nào đó đều có cả trên và cả dưới, đúng sai đều có dưới có trên, lâu nay ta thường thiếu tự phê bình nghiêm túc, khi thắng lợi thì vỗ ngực là do ta, khi thất bại thì đổ trên đổ dưới, chứ không ai dám nhận trách nhiệm chủ yếu thuộc về mình.

Trong phạm vi này, tôi không đi sâu vào chủ trương chỉ đạo chiến dịch Mậu Thân năm 1968, mà đề cập đến công tác tổ chức bảo đảm hậu cần. Rõ ràng là quân ta đánh vào Sài Gòn, bằng nhiều hướng trong mấy tháng liền, việc bảo đảm hậu cần tiếp tế lương thực, đạn dược, nhờ được tổ chức trước, khá công phu, giữ được bí mật, nên đã bảo đảm được khá tốt. Có cánh phía bắc, ta đã dùng xe vận tải đưa được đạn dược vào tiếp tế cho bộ đội ở sát sân bay Tân Sơn Nhất và rút thương binh về. Không có tổ chức hậu cần đảm bảo như vậy thì đợt 1 cũng không làm được, nói gì đợt 2, rồi sau đó là chuyển ra phục vụ đợt 3 ở rừng núi Tây Ninh, hậu cần vẫn liên tục bảo đảm tốt.

Đến sau năm 1968, địch tăng số quân lên cao nhất trong cuộc chiến ở miền Nam, tổ chức phản kích lại ta quyết liệt bằng chiến dịch bình định “cấp tốc”, dùng lực lượng quân sự cùng với bom pháo dày đặc, đẩy ta ra xa Sài Gòn đến tận biên giới Việt Nam - Campuchia. Quan trọng hơn cả là chúng tập trung đánh phá các cơ sở hậu cần tiếp tế, đánh liên tục, dồn dập, gần như hủy diệt. Phải nói là kho dự trữ hậu cần chiến lược của ta xây dựng khá công phu, cả kho lương thực, vũ khí, bệnh viện, cơ xưởng đều được để dưới hầm, có hầm làm rất kiên cố, nhưng địch đã đánh phá, làm tê liệt gần hết. Có nơi địch vừa phá hủy, vừa đưa quân ô ạt lấn chiếm, cướp mang đi, nhiều đơn vị phải rời căn cứ do bom pháo, chất độc hóa học nhưng ở khu A và khu C có một số anh em, một số cơ sở hậu cần, kể cả quân y, vẫn kiên cường bám trụ tại chỗ tiếp tục phục vụ cho số đơn vị nhỏ lẻ hoạt động.

Hậu cần bị đánh bật, thì chủ lực không có điều kiện để đứng chân hoạt động được mà phải dạt qua biên giới Campuchia. Ta dựa vào đất Campuchia, tập trung

củng cố, xây dựng chủ lực, triển khai các khu hậu cần mới, tạo vật chất bảo đảm cho chủ lực tiếp tục xây dựng và tác chiến trên đất Campuchia và bộ phận ở miền Nam.

Lúc này có quan điểm: Một là, đòi chủ lực trở lại hoạt động ở nội địa miền Nam, không đánh lớn được thì phân tán đánh nhỏ, đánh du kích, không được bồ chiến trường. Nhiều địa phương, quân khu, tỉnh đều đòi được bổ sung quân số, cho rằng bộ đội địa phương và dân quân du kích yếu, không phân tán chủ lực hỗ trợ cho đánh phá bình định mà chạy dài lên Campuchia là không được. Trung ương điện vào, bảo phải đưa quân trở lại chiến trường. Thực tế, đưa quân về chiến trường lúc ấy thì chủ lực phải phân tán, đánh nhau cấp trung đại đội trở xuống, E16 hoạt động ở vùng Củ Chi phải phân tán đánh từ B, A, đánh du kích, nhưng cũng rất khó khăn. Bên cạnh đó, cũng cần nhắc lại, năm 1965 khi mà Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, quân Mỹ có trang bị vũ khí hiện đại, bắt đầu chuyển hướng từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sang “Chiến tranh cục bộ” với quy mô lớn, cũng đã có ý kiến thứ hai cho rằng giữ chủ lực bây giờ có còn hợp lý nữa không? Hay phải chuyển sang “trường kỳ du kích”, tư tưởng đó đến năm 1970 vẫn còn tồn tại. Cho nên ý kiến nêu lên là không được bồ chiến trường, phải về sống chết với đồng bằng, với cách mạng (làm như chủ lực đang đứng chân trên đất Campuchia là không cách mạng). Đánh bằng chủ lực không được, thì phân tán đánh du kích, hoạt động nhỏ lẻ theo kiểu địa phương. Do đó, chủ lực buộc phải về lại chiến trường trong điều kiện khó khăn như vậy.

Chúng tôi kiên quyết giữ chủ lực, lúc bấy giờ chưa về được thì cho một bộ phận chủ lực ở lại cùng địa phương và du kích chống phá “bình định” vì đưa lực lượng lớn không đảm bảo được. Nếu phân tán nhỏ chủ lực thì sau này không dễ gì tập trung lại được trong thời gian ngắn, xây dựng lại thành đơn vị chủ lực tác chiến tập trung là việc không giản đơn, do đó mà kiên quyết giữ các sư đoàn chủ lực trên đất Campuchia, tiếp tục củng cố, bổ sung, xây dựng, tạo điều kiện trở về, mà trở về với khí thế chủ lực. Đó là một chủ trương mà bây giờ nghiên cứu kỹ và được thực tế chiến trường chứng minh là đúng, nếu không làm như thế thì không có một cuộc tấn công lớn vào năm 1972, mà đánh được năm 1972 là do năm 1971 ta đã tìm ra được cách đánh ở Suông, Chúp, Snoul khi tác chiến ở chiến trường Campuchia.

Vấn đề nữa là không phải vì hậu cần bị đánh phá ở miền Nam mà xây dựng hậu cần trên đất Campuchia, chủ lực ta đứng chân trên đất Campuchia xây dựng và tác chiến, thì hậu cần cũng phải tổ chức cho phù hợp với nhiệm vụ đó. Cho nên

tổ chức các đoàn hậu cần 340, 500, 770, hoạt động sâu trên đất Campuchia cùng với các khu vực hoạt động của C20, C30, C40 là thích hợp. Tuy vậy, không phải hậu cần rút hết lên Campuchia, mà ở nội địa miền Nam vẫn còn bố trí một số bộ phận cùng các cơ sở hậu cần quân sự địa phương bảo đảm cho các đơn vị bộ đội và đặc công biệt động hoạt động. Phía đông Đường 13 còn có Đoàn 814, phía tây Đường 13 có bộ phận quân nhu Đoàn 83, cùng một số kho quân giới, có tiền phương C20, có hậu cần Thành đội Sài Gòn - Gia Định...

Do quyết định tổ chức như vậy nên hậu cần đã phát huy được tác dụng lớn, vừa khai thác, tạo ra lượng vật chất dồi dào, kể cả ở miền Nam và trên đất Campuchia, vừa tổ chức tiếp nhận, vận chuyển hàng từ trên, vừa bảo đảm cho chủ lực hoạt động trong chiến dịch Đông Bắc Campuchia: Đầm Be, Suông, Chúp, phá cuộc hành quân lớn đánh ra đường 6 trong chiến dịch Chenla 1 - Chenla 2 và chuẩn bị mọi mặt cho đòn tấn công của chủ lực trong năm 1972 và miền Nam trong Chiến dịch Nguyễn Huệ. Như thế, hoạt động hậu cần theo một chủ trương chiến dịch, theo yêu cầu hoạt động của chủ lực, từ biên chế tổ chức, bố trí, là theo yêu cầu của nhiệm vụ quân sự, theo ý định của Bộ Chỉ huy chiến trường nhằm hoàn thành mọi nhiệm vụ, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho bộ đội đánh thắng.

Tôi nói sang một số vấn đề chung quanh chiến cuộc mùa khô năm 1974 - 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn.

Mùa mưa, vào khoảng tháng 7/1974, Quân ủy - Bộ Tư lệnh Miền và Trung ương Cục họp bàn kế hoạch hoạt động trong 2 năm 1975 - 1976. Nội dung của kế hoạch đó là: Năm 1975, ta đánh mạnh giành thắng lợi lớn, để kết thúc chiến tranh trong năm 1976, nhất là các hoạt động quân sự trong mùa khô 1974 - 1975. Nếu mùa khô 1974 - 1975, ta thắng to, tình thế phát triển thuận lợi thì có thể kết thúc chiến tranh trong năm 1975.

Vì thế, cuộc ra quân trên chiến trường B2, trong mùa khô 1974 - 1975, với khí thế tấn công mới. Các nơi đều phối hợp hoạt động, các quân khu đều đánh mạnh. Chủ lực dự kiến đánh Đồng Xoài, Phước Long. Nếu ta liên tục thắng lớn, địch thua to, suy sụp, rệu rã nhanh thì phát triển tấn công liên tục, tạo thời cơ kết thúc chiến tranh.

Từ chủ trương chiến lược này, hậu cần khẩn trương triển khai về mọi mặt cả về tổ chức lẫn vật chất, tăng cường cho các đoàn, cánh hậu cần phía đông và tây Sài Gòn đủ mạnh, có lượng dự trữ vật chất đủ sức bảo đảm cho cánh quân phía đông và phía tây. Ta ráo riết chuẩn bị với phương án là B2 tự lực mở chiến dịch tấn công giải phóng Sài Gòn.

Để thực hiện ý định này, B2 xin Trung ương 12.000 tấn vũ khí đạn dược, theo tính toán kế hoạch. Trên chỉ duyệt cho 4.000 tấn, vì năm 1975 không phải đánh to, mà đánh nhỏ, tích trữ lực lượng để chuẩn bị cho kế hoạch năm 1976.

Trên còn nhắc lại, năm 1975 không được dùng chủ lực, không được sử dụng binh khí kĩ thuật lớn, chưa cho tấn công Đồng Xoài... Ngoài kia định năm 1975, ở B3 mở chiến dịch tấn công giải phóng Đức Lập để nối hành lang thông suốt từ ngoài vào B2, vận chuyển, dự trữ vật chất kĩ thuật, còn các chiến trường khác đánh nhỏ phối hợp với B3. B2 cũng đánh nhỏ, đưa một F (FBB7) và E đặc công 429 lên đánh Quảng Đức để bảo đảm thắng lợi cho hướng chính là Đức Lập.

Khi nghe kế hoạch sử dụng lực lượng đánh Đức Lập, tôi có hỏi tại sao đánh vào một thị trấn chi khu như Đức Lập lại sử dụng lực lượng gồm 3 sư đoàn với cả tăng pháo nhiều như vậy thì có ý kiến trả lời rằng, vừa đánh Đức Lập và kéo địch đến đây để tiêu diệt. Thực tế, địa hình không cho phép, hai bên là núi cao, đường độc đạo, địch không dại gì đưa quân vào chỗ chết, mà khả năng là sẽ dùng phi cơ oanh tạc, ta không thể kéo địch đến đó mà tiêu diệt được. Vì vậy tấn công Đức Lập không cần lực lượng lớn như thế. Hơn nữa lúc này không phải là lúc đánh Đức Lập để mở hành lang, mà giai đoạn chiến lược này là phải tấn công địch quyết liệt, lực lượng ta nên hướng về Sài Gòn, càng gần Sài Gòn càng tốt, nên chúng tôi không nhất trí rút Sư đoàn bộ binh số 7 và Đoàn 429 đặc công tham gia chiến dịch Đức Lập (nguyên nhân không cho đánh Đồng Xoài có lẽ là để rút Sư đoàn bộ binh số 7 tham gia đánh Quảng Đức). Đấu tranh mãi không rút F7 mà rút Đoàn 429. Cuối cùng, Bộ Chính trị quyết định đánh Buôn Ma Thuột, nên xoay lại chuẩn bị và tấn công Buôn Ma Thuột.

Trên chiến trường B2, ta đánh chi khu Đồng Xoài, giải phóng xong Đồng Xoài và chuyển sang tấn công giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Dịch phản ứng yếu ớt.

Được báo cáo của B2 về tình hình phát triển chiến dịch giải phóng Đồng Xoài - Phước Long, Bộ Chính trị nhận định rằng, với lực lượng không đủ 2 sư (không phải là sư mạnh), xe pháo không có bao nhiêu mà tấn công giải phóng được Phước Long, về mặt tổ chức phòng ngự thì Phước Long không kém Buôn Ma Thuột, đã đánh Phước Long thì có điều kiện đánh vào Buôn Ma Thuột. Vả lại, đánh Phước Long, Mỹ - ngụy không có phản ứng gì lớn, do đó cũng là cơ sở để Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên, mở màn bằng trận tấn công Buôn Ma Thuột. Tôi nói rõ, việc sử dụng lực lượng và quyết định đánh Đồng Xoài - Phước Long là được sự đồng ý của anh Ba Duẩn, sau khi anh Phạm Hùng và tôi trình bày rõ cụ thể, Bộ Tổng Tham mưu không biết việc này, Bộ Tổng Tham mưu vẫn giữ lệnh không được dùng xe tăng và pháo lớn.

Để chuẩn bị cho kế hoạch chiến cuộc mùa khô 1974 - 1975, thế bối trí hậu cần từ năm 1974 đã hình thành thế vây quanh, áp sát Sài Gòn và các mục tiêu quan trọng bao quanh Sài Gòn.

Tóm lại, việc tổ chức, bố trí hậu cần chiến trường B2 có thể chia làm các giai đoạn: giai đoạn 1963 - 1969 thì đứng chân trên đất miền Nam; giai đoạn tiếp theo 1970 - 1972 mở rộng lên đất Campuchia; và giai đoạn cuối 1972 - 1975 rút về miền Nam. Giai đoạn cuối là giai đoạn mà tổ chức và bố trí hậu cần bao quanh áp sát Sài Gòn để chuẩn bị cho kế hoạch tấn công chiến lược và chuẩn bị cho thời cơ lớn.

Trong kế hoạch chuẩn bị cho mùa khô 1974 - 1975, B2 xin 12.000 tấn vũ khí đạn dược, Bộ cho 4.000 tấn. Tổng cục Hậu cần rất thông cảm và tin tưởng ở chiến trường, phải có thời gian chuẩn bị trước, chuẩn bị sớm, nhưng xét duyệt phải do Bộ quyết định, Tổng cục Hậu cần không thể tự động thực hiện được, muốn chuyển vào chiến trường khối lượng lớn một cách hợp pháp chỉ còn cách vay tạm ứng trước, sau trù vào kế hoạch duyệt cấp. Anh Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần mách cho anh Sáu Thọ biết là kho sẵn có nhiều mặt hàng, nằm trong kế hoạch dự trữ cho các chiến trường. Anh Sáu Thọ trực tiếp kiểm tra và hội ý anh Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục làm lệnh xuất kho, thêm mấy nghìn tấn nữa. Thế là B2 được 6.000 hoặc 8.000 tấn gì đó. Do tranh thủ chuẩn bị được như thế nên khi vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, kế hoạch bảo đảm cần 6 vạn tấn, B2 đã có dự trữ tại chỗ được 4 vạn tấn, cần trên điều động bổ sung, và các đơn vị hành quân vào chiến trường mang theo thì mới có thể bảo đảm kế hoạch 6 vạn tấn trước giờ tấn công, giải phóng Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta tổng kết được đầy đủ, đánh giá đúng thực chất tình hình, rút ra được những ưu khuyết điểm trong quá trình chỉ đạo chiến tranh, đúng ý nghĩa của nó thì có nhiều cái hay, nhiều bài học quý giá, vô cùng phong phú. Trong chỉ đạo cách mạng nói chung, ngành hậu cần nói riêng, có cái đúng cái sai, đúng là chủ yếu, cho nên cách mạng thành công giành thắng lợi, như thế cũng không phải là hoàn toàn chỉ có đúng mà không có cái sai.

Sở dĩ ta giành được thắng lợi lớn, toàn thắng là vì ta có chủ trương, đường lối đúng, chính xác, mà chủ trương, đường lối đó cũng không phải là do một bộ óc thần thánh nào, đó là của một tập thể lãnh đạo, của quần chúng nhân dân, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Khi có sai lầm, thiếu sót cũng thế, chẳng phải tại trên hoặc tại dưới, đừng đổ lỗi mà phải kiểm điểm nghiêm túc, hết sức khách quan,

tìm được nguyên nhân mà ra sức khắc phục, nếu chỉ giành cái đúng về mình, cái sai, cái dở về người thì nguy hiểm lắm, cái đó không thuộc về tác phong và nguyên tắc tự phê bình và phê bình của Đảng.

*
* * *

Chung quanh các bài học rút ra từ tổng kết hậu cần mà trong văn bản đã nêu, tôi thấy được, nhưng có chỗ cũng chưa nói rõ.

Nhất là bài đầu: Quán triệt đường lối, quán triệt nhiệm vụ phải nắm thật vững, đúng rồi, nhưng còn một vấn đề quan trọng nữa là hậu cần còn phải nắm vững ý định của người chỉ huy trực tiếp, cái đó mới là chủ yếu. Công tác hậu cần của một chiến trường mà chỉ đề cập đến quán triệt đường lối, chủ trương chung chung thì không đầy đủ vì trên không thể trực tiếp tổ chức chỉ đạo cụ thể được, mọi việc chỉ thị cụ thể phải do Bộ Chỉ huy chiến trường quyết định.

Còn kinh nghiệm tổ chức hậu cần khu vực là một vấn đề rất sáng tạo, là một thành công, là một vấn đề rất mới, ra đời trong kháng chiến chống Mỹ trên chiến trường B2, cần đi sâu thêm, xem cái nào là sáng tạo, cái nào hợp lý, cái gì chưa hoàn chỉnh, nêu lên rồi đi đến kết luận, cần đi sâu thêm, rút ra thành lý luận, nguyên tắc.

Các bài học kinh nghiệm khác, đi sâu vào chuyên môn nghiệp vụ hậu cần, tôi không có gì nói thêm.

Tôi cũng nhắc lại là tổng kết là phải căn cứ vào sự việc cụ thể, thực tế ở chiến trường đã diễn ra, cả cái hay và cái dở, cái được và cái mất, tổng hợp lại, phân tích, suy luận, khái quát nâng lên thành bài học, không nên gò vào, quan điểm của trên thế này, chỉ đạo thế kia, rồi dẫn chứng thực tế, rút ra bài học. Rốt cuộc tất cả tổng kết, các bài học của các cuộc chiến tranh đều giống nhau như một khuôn đúc, không nên!

Cuối cùng, phải nói rằng Tổng cục Hậu cần đã giúp cho B2 rất nhiều, nhiều lắm, các anh rất thông cảm và tin tưởng ở chiến trường, tạo mọi điều kiện bảo đảm vật chất kỹ thuật cho B2 hoàn thành nhiệm vụ trên một hướng chiến lược quan trọng.

Chủ yếu cuộc nói chuyện này tôi nêu vấn đề chung quanh tổng kết hậu cần chiến trường trong chiến tranh chống Mỹ, nhưng có vấn đề dính líu đến công tác chỉ đạo, quân sự, chính trị... Sau đây, các đồng chí cần hỏi gì thêm, tôi sẵn sàng trả lời tiếp.

LỜI GIỚI THIỆU SÁCH LỊCH SỬ CHIẾN KHU Đ

Trong tác phẩm *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết: “Nói đến đấu tranh vũ trang, đến xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng thì không thể không nói đến vấn đề căn cứ địa cách mạng, vấn đề hậu phương của chiến tranh cách mạng”. Đó là “những vùng giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, lấy đó làm nơi xuất phát để mở rộng dần ra, cuối cùng tiến lên đánh bại kẻ thù lớn mạnh, giải phóng hoàn toàn đất nước. Căn cứ địa là chỗ đứng chân của cách mạng, đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng” (Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 89-90).

Đảng ta trong quá trình chỉ đạo chiến tranh giải phóng luôn coi trọng vấn đề xây dựng căn cứ địa kháng chiến, xây dựng hậu phương cho cuộc kháng chiến. Ở Nam Bộ, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, trước kẻ thù lớn mạnh gấp bội, các lực lượng kháng chiến buộc phải tạm thời rời khỏi các đô thị và nhiều vùng nông thôn quan trọng, rút về dựa vào những địa bàn có địa hình thuận lợi để bảo toàn, củng cố lực lượng, xây dựng, phát triển mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài. Từ đây, những vùng tự do rộng lớn cùng với các căn cứ du kích, căn cứ lõm được Đảng ta từng bước xây dựng thành một hệ thống liên hoàn, xen kẽ nhau trên toàn bộ các chiến trường, vừa trở thành hậu phương cách mạng tại chỗ, vừa tạo nên thế uy hiếp trực tiếp và thường xuyên đối với kẻ thù.

Chiến khu Đ là một trong những căn cứ địa như thế.

Nằm trên triền rừng bạt ngàn nối từ cao nguyên miền Trung và biên giới Campuchia xuống giáp cận thành phố Sài Gòn và những đô thị lớn thuộc tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, địa hình hiểm trở, Chiến khu Đ là một khu vực lý tưởng cho việc xây dựng căn cứ, cất giấu lực lượng, dự trữ kho tàng và phát triển mọi hoạt động của một căn cứ kháng chiến. Chiến khu Đ vừa án ngữ một vị trí chiến lược nổi tiếng chiến trường ở Nam Bộ và là một trạm trung chuyển quan trọng

từ miền Bắc vào miền Nam; vừa có ưu thế về một bàn đạp quân sự đối với các mục tiêu chính trị, quân sự, kinh tế của địch ở Sài Gòn và nhiều tỉnh miền Đông Nam Bộ. Đây lại là một địa bàn mà nhân dân trên đó - chủ yếu là nông dân bị khát kiệt ruộng đất mới di cư đến, công nhân cao su và đồng bào dân tộc thiểu số. Phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục suốt từ giữa thế kỷ thứ XIX trở đi. Bên cạnh những ưu điểm trên, vùng đất này cũng có không ít nhược điểm đối với việc xây dựng căn cứ địa như: khí hậu khắc nghiệt, không dồi dào sức người sức của, thiếu thốn lương thực. Trong bối cảnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày càng gắn chặt với cách mạng hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia, cách mạng nước ta trở thành một bộ phận không thể tách rời của cách mạng 3 nước Đông Dương, chiến khu Dương Minh Châu và toàn bộ vùng căn cứ Bắc Tây Ninh có những điểm thuận lợi hơn về yếu tố vị trí địa lý.

Tuy vậy, Chiến khu Đ vẫn giữ được một vị trí không thể bỏ qua hay thay thế trong công cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Điều này biểu hiện rất sâu sắc trong diễn biến hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Chiến khu Đ tồn tại như một trung tâm kháng chiến ở miền Đông Nam Bộ, nơi xây dựng một hình mẫu xã hội mới trong tiềm thức của toàn thể nhân dân miền Đông, cả với những người vào khu di kháng chiến và những người bị địch kìm kẹp trong các vùng tạm bị chiếm. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, nói đến lịch sử ra đời và phát triển của lực lượng chủ lực Miền không thể không nói đến Chiến khu Đ. Đó là một căn cứ quân sự quan trọng, nơi ra đời, đứng chân hoạt động và là bàn đạp tiến công của lực lượng vũ trang miền Đông và toàn Nam Bộ.

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay và mai sau, vùng đất Chiến khu Đ xưa, với những ưu điểm địa lý và nhân văn của nó, chắc chắn còn giữ một vai trò hết sức quan trọng. Việc nghiên cứu biên soạn một cuốn lịch sử về Chiến khu Đ, vì thế, không chỉ để giáo dục truyền thống cho các thế hệ mới lớn, mà còn nhằm đúc rút kinh nghiệm, tìm ra những vấn đề có ý nghĩa lớn về lý luận và thực tiễn, đặng từ đó đề ra chính sách xây dựng nền quốc phòng một cách hợp lý. Điểm nữa, tôi sẽ không đi quá khi nói rằng, không một ai từng hoạt động trên địa bàn miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến lại không có những kỷ niệm dù ít dù nhiều gắn bó với Chiến khu Đ, hoặc giả không thuộc ít nhất một câu thơ của chiến sĩ - nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ nói về Chiến khu Đ. Ở đó, mỗi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã sống và chiến đấu với niềm tin và lòng thủy chung son sắt với sự nghiệp cách mạng của Đảng, đã sống và chiến đấu với tinh thần chịu đựng gian khổ và ý thức vươn tới chiến thắng mãnh liệt đến lạ lùng, đã sống và chiến đấu trong tình đồng chí, đồng bào trong sáng và

thân thiết như tình máu mủ. Ghi lại lịch sử Chiến khu Đ chính là ghi lại những điều ấy, thỏa mãn phần nào lòng mong mỏi của hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào giờ đây - khi cuộc chiến tranh giải phóng đã lùi xa vào dĩ vãng - lòng vẫn canh cánh nhớ đến một thời chiến đấu hy sinh.

Trên ý nghĩa ấy, việc nghiên cứu biên soạn và cho ra đời cuốn *Lịch sử Chiến khu Đ* là một việc làm rất đáng trân trọng. Mặc nhiên, cuốn sách sẽ còn phải thêm, bớt và chỉnh sửa điểm này điểm khác, nhưng về cơ bản, đây là một công trình được thực hiện một cách cật lực, thận trọng, có sự đầu tư lớn và đạt được những yêu cầu đề ra trong hội nghị chuyên đề biên soạn cuốn *Lịch sử Chiến khu Đ* của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và hai tỉnh Đồng Nai, Sông Bé triệu tập hồi tháng 4/1984 mà tôi được tham dự.

Với lòng biết ơn sâu sắc toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đã làm nên lịch sử Chiến khu Đ, biết ơn Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Tỉnh ủy hai tỉnh Đồng Nai, Sông Bé và các tác giả cuốn sách, tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn *Lịch sử Chiến khu Đ* cùng toàn thể bạn đọc.

Ngày 30 tháng 4 năm 1987

ĐÔI LỜI VỀ HỒI KÝ CỦA NGUYỄN VĂN TÀO

Cuộc chiến tranh Việt Nam chống xâm lược Mỹ là một cuộc chiến tranh hiện đại vô cùng ác liệt và phức tạp. Nếu chỉ tính đến sức mạnh vật chất thôi thì có sự chênh lệch quá mức khó mà tưởng tượng nổi giữa hai đối thủ. Một bên là một trùm đế quốc giàu mạnh nhất trong phe tư bản, có một quân đội lớn và được trang bị dư thừa và hiện đại nhất của thời đại hạt nhân, từng tự hào là chỉ có thăng mà chưa bao giờ bại. Một bên là một dân tộc nhỏ và rất nghèo nhưng có một tinh thần kiên cường bất khuất kèm theo trí tuệ và nhân từ từng chứng thực qua truyền thống bốn nghìn năm lịch sử. Đây là một sự đổi đấu quyết liệt diễn biến qua từng thời kỳ về mọi phương diện, đầy gay cấn và hào hùng.

Cả cuộc chiến tranh đã vậy, riêng sự kiện Tết Mậu Thân lại càng phức tạp và đẫm máu hơn bất cứ thời kỳ nào trong cuộc chiến. Trong Tết Mậu Thân, Sài Gòn là chiến trường chủ yếu ảnh hưởng đến chiến lược toàn cục, vì vậy những sự kiện xảy ra ở đây càng muôn hình muôn vẻ.

Tất cả đều do con người tạo ra, hàng triệu người từ phía bên này cũng như phía bên kia, từ địa phương này đến địa phương khác, từ nông thôn đến thành thị. Nhưng tất cả đều nhịp nhàng, chủ động theo một ý định giống như toàn bộ nhạc cụ của một dàn nhạc lớn đang diễn một bản giao hưởng anh hùng.

Đồng chí Đại tá Nguyễn Văn Tào đã ghi lại những hành động và suy nghĩ rất thực của những con người quanh vài đơn vị nhỏ, ở vài điểm của Sài Gòn trong Tết Mậu Thân, của chiến sĩ cũng như người dân cách mạng yêu nước vô biên. Sự dũng cảm, trí thông minh, hành động kiên quyết và hy sinh quên mình không một tinh toán riêng tư của họ diễn ra có vẻ nhịp nhàng, tự nhiên, thoải mái bất cứ trong trường hợp bình thường cũng như gay go, là đặc tính chung của những con người trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại.

Mong có hàng nghìn, hàng vạn ghi chép như vậy, những chuyện thực hoàn toàn diễn ra trong mọi thời điểm, khắp đất nước thân yêu, may ra mới hợp lại thành một bức tranh sinh động đầy màu sắc của cuộc chiến tranh 30 năm không

được bao giờ để cho quên lãng. Và cũng chỉ như vậy mới liên kết được những con người đã ngã xuống hôm qua (hàng triệu dòng máu thân yêu) với những con người của các thế hệ mai sau sẽ thừa hưởng di sản quý báu này và phát huy truyền thống vẻ vang bất tận.

Trước hết là chúng ta có cái mà ngẫm lại mình để luôn luôn xứng đáng với họ, những người đã hy sinh vì chúng ta, xứng đáng là những con người Việt Nam chân chính.

Viết tại Thành phố Hồ Chí Minh, mùa hè năm 1988

LỜI GIỚI THIỆU SÁCH *GỎI NGƯỜI ĐANG SỐNG*

(Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1990)

Những năm tháng cuối đời, con người hay làm cái việc hối tuởng để rút ra nhiều điều gì từ kiếp sống của chính mình. Ai ai cũng như vậy. Để giả dụ như phải làm một cuộc đời, thời mình sẽ chọn cho mình điều hay nhất, tránh những gì dở nhất. Cái gọi là “hối tuởng” đó, con người nghĩ trong ý nghĩ hay sẽ nói ra bằng lời, viết ra bằng chữ viết, rồi dặn dò, rồi gửi gắm với mọi lý lẽ phải trái mà con người đã kinh qua, đã nếm trải. Và cũng chưa lúc nào con người thấy yêu đời bằng lúc đời mình sắp bước vào đoạn cuối. Người có tâm huyết lớn với cuộc sống, còn mong muốn nhẫn gửi lại cho cuộc sống của mai sau nhiều hơn. Người từng xả thân cho cuộc đời luôn luôn mơ ước rằng đời sau sẽ đẹp hơn bằng cách chọn những mẫu đời tốt đẹp đã qua để làm điểm tựa cho bước đường đời đi tới.

Chung lại, là một sự nặng nợ với đời của con người trước khi từ giã cõi đời. Và mọi cái ấy - cái mà người sắp phải ra đi mong muốn gửi lại - có thể đúng, có thể chưa được đúng, có thể sai và có thể không hoàn toàn, nhưng nhất thiết nó là bài học - bài học đã trải qua thực tiễn của đời người - bài học những điều hay và bài học trong lẽ dở. Bài học nào cũng đều có ích. Bài học được phản ánh dưới dạng văn học để gửi lại cho người đang sống, bất kỳ ở thế hệ nào của hôm nay và của mai sau.

Cựu chiến binh là những người đã trải sức lao động bằng cuộc đời của người lính. Người lính cho sự nghiệp giành lại đất nước và giữ gìn đất nước. Lao động của người lính là thứ lao động bằng mạng sống. Nó là lao động máu! Thứ lao động không đơn thuần theo nghĩa vụ, mà cao cả hơn, mà vinh quang hơn. Đó chính là tự nguyện. Tự nguyện xả thân cho mục đích trong sáng, cho sự nghiệp thiêng liêng, cho lý tưởng đẹp đẽ... Không phải xả thân cho riêng mình, mà để cho công bằng xã hội, để cho ấm no hạnh phúc, cho độc lập, tự do, cho trường tồn và phát triển, cho cái đẹp được hằng mãi mãi!

Chỉ một điều tự nguyện - tự nguyện chết cho Tổ quốc sống - riêng một nét ấy thôi của người cựu chiến binh năm xưa, thế hệ trẻ ngày nay cũng đã có thể hình dung hoặc cảm giác được nổi - tuy có khó khăn. Vậy thì cả cuộc đời chiến đấu của những cựu chiến binh trong suốt ba thời kỳ đánh giặc há chẳng giúp được gì trong việc dựng nước và giữ nước cho cháu con ta hôm nay và mai sau hay sao!

Và nghiêm túc mà soát lại, cho đến ngày giờ này, mọi nguyện ước cao đẹp ấy đã có được một nửa rồi - cứ xem như vậy - mà những người cựu chiến binh thì lại lần lượt phải ra đi. Âu cũng là lẽ đương nhiên của đất trời. Con người là ngẫu nhiên trong hư vô mà có, thời sự trở về với cõi hư vô của mỗi người là điều tất yếu, lần lượt. Ở đây không có trường hợp ngoại lệ.

Do vậy, tập sách này là một ý định tốt đẹp của những người cựu chiến binh Việt Nam của chúng tôi, không có một mục đích nào khác - kể cả của riêng ai. Chúng tôi chọn những chuyện hay nhất, sâu sắc nhất, cảm động nhất, thực với sự thật nhất của từng người cựu chiến binh, để nói lại với người đang sống, về chiến tranh, về quân đội, về người lính, về tình cảm nồng nàn thiết tha thân ái của người dân, của các tầng lớp đồng bào đối với vận mạng của đất nước, về sự bất khuất của con người Việt Nam trước kẻ thù, về tình yêu mãnh liệt với quê hương, về lòng tự hào chính đáng về truyền thống dân tộc, về sự vị tha, về lòng nhân nghĩa đại lượng đối với người... Tất nhiên cuốn sách cũng không tránh né những gì cần phải tránh né của con người, tỉ dụ như tránh cái dở, tránh cái bất nhân, cái phản bội, cái ác, cái đê tiện... để nhằm hoàn thiện con người trên hành tinh này, mà trước nhất là người Việt Nam chúng ta đứng giữa bốn biển năm châu, trong sự vươn lên hạnh phúc cao nhất của loài người.

“GỎI NGƯỜI ĐANG SỐNG” - Cuốn sách cựu chiến binh viết và viết về cựu chiến binh, tôi xin trân trọng được viết lời mở sách trên đây với niềm hy vọng lớn của tôi: “GỎI NGƯỜI ĐANG SỐNG” sẽ là cuốn sách có ý nghĩa và ý nghĩa này sẽ được sống mãi với thời gian.

Sài Gòn, mùa thu kháng chiến bốn mươi lăm năm
23/9/1990

LỜI GIỚI THIỆU TẬP HỒI KÝ CỦA ĐỒNG CHÍ HUỲNH CÔNG THÂN (1994)

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam Việt Nam, Long An là một trong những chiến trường sôi động và ác liệt từ đầu đến cuối. Tỉnh Long An với địa hình phức tạp và vị trí chiến lược quan trọng của nó, mang cả hai tính chất của hai chiến trường miền Đông và miền Tây Nam Bộ - là gạch nối liên giữa đồng bằng sông Cửu Long đông người, nhiều cửa với chiến trường chính miền Đông và là cửa ngõ phía tây vào Sài Gòn, đầu não lãnh đạo và chỉ huy của Mỹ - ngụy. Vì vậy, để dễ đánh phá và hành động, địch đã chia nhỏ mảnh đất này ra nằm trên 3 tỉnh: Hậu Nghĩa - Long An - Kiến Tường. Về phần ta, tùy theo giai đoạn kháng chiến do yêu cầu của chiến lược cũng đôi lần thay đổi tổ chức chiến trường. Qua mấy thời kỳ bình định, địch đều lấy đây làm trọng điểm. Ngoài Sư đoàn 25 ngụy, Mỹ có Sư đoàn 25 hoạt động ở Hậu Nghĩa và khi Mỹ muốn chiếm phần quan trọng của đồng bằng sông Cửu Long thì Mỹ nhảy vào đóng chốt ở Rạch Kiến rồi mới xuống Đồng Tâm (Tiền Giang) cho có thể vững chắc.

Do vậy mà quân, dân Long An đã phải chịu đựng vô vàn khó khăn, nguy hiểm, bám trụ chiến đấu anh dũng, hy sinh nặng nề. Nhất là thời kỳ Tết Mậu Thân và sau đó năm 1969 - 1970. Trên chiến trường đẫm máu này cả 3 thứ quân của ta bao gồm con em đồng bào khắp cả nước đều có mặt, kiên cường đánh địch vì Long An và vì cả nước. Quân dân Long An đã tỏ rõ lòng kiên trung, bất khuất, anh hùng suốt các thời kỳ, đã được tặng danh hiệu: "Trung dũng, kiên cường, toàn dân đánh giặc", và đã đóng góp không nhỏ vào toàn thắng của dân tộc.

Trong số lãnh đạo và chỉ huy của chiến trường này, đồng chí Huỳnh Công Thân là người chỉ huy quân sự chủ chốt xứng đáng là người con của nhân dân Long An anh hùng. Đồng chí Thiếu tướng Huỳnh Công Thân không được học quân sự một cách cơ bản, không biết nhiều về chiến lược - như đồng chí đã nói, nhưng lại là một người chỉ huy chiến đấu giỏi, rất sáng tạo về chiến thuật. Đồng chí là một người

rất thực tế, sâu sát, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, gần gũi yêu thương cán bộ và chiến sĩ, được mọi người yêu mến, kính phục. Với tư tưởng tấn công cách mạng, quyết chiến và quyết thắng, đồng chí đã có những suy nghĩ và hành động khá táo bạo, nhưng chín chắn và vững chắc. Đồng chí đã lập được nhiều chiến công oanh liệt trên chiến trường của mình.

Tôi hân hạnh giới thiệu với bạn đọc tập hồi ký ghi lại những gì đồng chí Huỳnh Công Thân đã làm và đã suy nghĩ, cũng có nghĩa là một phần nào thực tế chiến đấu cách mạng của những con người trên đất Long An anh hùng trong cuộc chiến tranh tranh nhân dân thần kỳ giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và cho dân tộc.

Thành phố Hồ Chí Minh, Xuân 1994

LỜI GIỚI THIỆU TẬP SÁCH

TRẠI GIAM TÙ BINH PHÚ QUỐC

Tôi cầm bút viết những dòng giới thiệu này mà lòng quặn đau khôn tả. Đau vì đạo đức loài người đã có thời quá thoái hóa để đối xử giữa người với người như những súc vật hoang dã hay còn hơn thế nữa. Mà thời ấy cách đây hơn 20 năm thôi, và bây giờ có khi chưa thay đổi hẳn, nơi này hay nơi khác trên quả đất chúng ta. Đây là người thật, việc thật của trại giam tù binh Phú Quốc do những người còn sống sót kể lại và nhiều người phía bên này và phía bên kia vẫn còn sống đó.

Thú thật tôi mới đọc được một phần “Đàn áp và đấu tranh” của tập sách và không đọc thêm được nữa vì quá xúc động. Thế mà sự việc đối với tôi không xa lạ gì vì năm 1971, khi là Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, tôi đã tiếp một tổ đại diện của tù binh Phú Quốc vừa thoát trại tìm về. Các đồng chí đã kể cho tôi nghe sự việc của “địa ngục trần gian” này và tôi đã tạo điều kiện cho các đồng chí trở lại hoạt động chống địch và giúp đỡ cho đồng đội trong tù ở Phú Quốc.

Vậy mà giờ đây đọc lại những sự việc kể trên, tôi cảm thấy rợn người và thấy mình có tội với các đồng chí, cả với những đồng chí đã hy sinh rất anh hùng và những đồng chí còn sống sót đã chứng kiến và chịu đựng, cũng rất anh hùng. Tôi và những đồng chí có trách nhiệm đã có lỗi thực sự vì đã để các đồng chí lọt vào tay địch và để cho địch hành hạ man rợ các đồng chí quá dài ngày.

Hỡi bạn bè và các đồng chí, hỡi các tầng lớp nhân dân cả nước, các bạn thanh niên đang xây dựng cuộc sống hôm nay, hãy đọc và ngẫm nghĩ tập sách này, một khía cạnh nhỏ mà lớn của lịch sử đất nước của dân tộc ta vừa qua. Đọc và nguyện ra sức xây dựng nước mạnh dân giàu nhưng là một xã hội công bằng và nhân đạo, xã hội xã hội chủ nghĩa đạo đức và nhân văn, chứ không phải là một xã hội bóc lột và tội ác chỉ biết có đồng tiền và quyền lợi, đối xử tàn tệ giữa

người và người. Hồi những người đang sống hôm nay hãy biết ơn những người đã chịu đựng bao gian khổ, chết chóc và hy sinh cho ta có ngày nay. Những người đã hy sinh là những bậc anh hùng đáng tôn thờ, nhưng những người có may mắn hơn còn sống qua chiến đấu, cũng anh hùng không kém, chỉ khác là không bị hy sinh. Đừng bị mê hoặc bởi đồng tiền, quyền lực, danh vọng, địa vị và cũng đừng nghĩ rất sai trái như có người đã nghĩ rằng tất cả những anh em không may bị Mỹ - ngụy bắt trong chiến tranh đều ít nhiều có dính líu với địch mà đối xử vô ơn bạc nghĩa, hổ đồ trai với sự thật, với đạo đức Việt Nam. Đối với tôi, báo cáo về trại giam Phú Quốc năm 1971 của đại diện các đồng chí vượt trại đã tiếp thêm nguyên liệu nung cao ý chí chiến đấu của tôi, đã thôi thúc tôi đấu tranh đòi địch phải trao trả hết người của ta bị bắt khi tôi làm Trưởng đoàn quân sự trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên ở Sài Gòn năm 1973. Cũng như vậy, nó thôi thúc tôi chiến đấu để góp phần quét sạch quân thù vào ngày 30/4/1975. Tôi thật sự cảm ơn về gương đấu tranh bất khuất trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn của các đồng chí.

Với những nhà nước, những nhân dân thế giới đã từng quan tâm nêu lên vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, ta trân trọng mời họ hãy đọc quyển sách để biết thế nào là “chuồng cọp kẽm gai”, là “lộn vỉ sắt”, “đánh bằng chày vồ”, “gậy bở cháo”, “roi cá đuối”, “gõ thùng”, “bẻ răng và lấy móng tay móng chân”... Hãy tha thiết mời họ đến thăm Phú Quốc - khu di tích trại giam và hãy gặp tên quản tù của ngụy Sài Gòn, tên thượng sĩ nhất Nhu. Tên Nhu hiện nay đang sống đầm ấm với gia đình như một con người thực sự, giữa đồng bào Việt Nam của mình, cũng ở Phú Quốc nơi mà trước đây khi còn là nhân viên của Mỹ và ngụy Sài Gòn, hắn hoàn toàn mất hết tính người, đã hành hạ man rợ và giết chết man rợ nhiều đồng chí chúng ta, đồng bào Việt Nam của hắn.

Qua đó, qua một con người mà so sánh giữa hai chế độ của Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, xem ai, chế độ nào biết quý trọng con người, tôn trọng nhân quyền thực sự. Một con người, trên cùng một mảnh đất, trở thành một con thú man dã hung hăng, dưới một chế độ công rắn cắn gà nhà, ruốc voi giày mả tổ, và lại trở lại thành người với đầy đủ tính người trong một xã hội nhân văn Việt Nam, có nền văn hóa lâu đời: “Thương người như thể thương thân”.

Tôi đặc biệt giới thiệu tập sách này với bạn đọc đồng đảo trong nước. Bạn đọc Việt Nam hãy đọc để hiểu sâu hơn nữa ý nghĩa cao sâu của cuộc kháng chiến thần thánh 30 năm của dân tộc. Đọc để mình hiểu mình hơn, hiểu truyền thống kiên cường bất khuất của Việt Nam mình, tính nhân văn lòng rộng mở, lấy ân báo oán

của xã hội Việt Nam để mà xây dựng nên một đất nước cao đẹp văn minh và công bằng, giữ đúng bản sắc dân tộc. Và các bạn nước ngoài đọc để hiểu rõ hơn con người Việt Nam, rõ hơn chế độ Việt Nam hiện nay biết quý trọng con người, trọng nhân quyền như thế nào.

Rất cảm ơn các tù binh Phú Quốc đã kể lại những chuyện thật, tuy không đẹp lắm nhưng lại rất đẹp và rất bổ ích cho con cháu ta hiểu thêm về truyền thống đấu tranh của ông cha.

Thành phố Hồ Chí Minh, những ngày tháng 4 năm 1995

LỜI GIỚI THIỆU SÁCH TRUNG ĐOÀN 96

NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN -

PHÁO BINH MIỀN ĐÔNG NAM BỘ (tập 2)

Pháo binh của Quân đội nhân dân là một binh chủng được xây dựng rất sớm. Pháo binh được vinh dự nổ những phát đạn đầu tiên mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong cả nước, là người bạn thân thiết và tin cậy của bộ binh trong hầu hết các trận chiến đấu. Đặc biệt pháo binh đã lập công lớn trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, pháo binh có bước tiến vượt bậc về trang bị vũ khí, cũng như trình độ kỹ thuật, chiến thuật. Pháo binh giữ vai trò quan trọng “hỏa lực mặt đất chủ yếu của lục quân và của quân đội”, được Bác Hồ tặng thưởng tấm chữ vàng truyền thống “chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng”, được Nhà nước trao tặng danh hiệu vẻ vang “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Pháo binh của lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam hình thành trong những điều kiện đặc biệt của một chiến trường ác liệt xa hậu phương lớn, lúc đầu địch mạnh ta yếu. Cũng như các binh chủng khác, pháo binh đã đứng vững trên nền tảng cuộc chiến tranh nhân dân phát triển mạnh mẽ, và phát huy đến độ cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Quân đội ta, cho nên đã khắc phục được khó khăn nhược điểm, sáng tạo ra nhiều cách đánh đạt hiệu quả cao.

Bác Hồ cũng đã khen ngợi pháo binh Quân giải phóng miền Nam “tài giỏi anh hùng”. Từ đó, pháo binh miền Nam đã xây dựng nên truyền thống “xung kích, toàn năng, đánh giỏi, bắn trúng, khoa học, sáng tạo, tự lực, tự cường”. Đoàn pháo binh Biên Hòa là đơn vị tiêu biểu cho truyền thống đẹp đẽ và quang vinh đó. Từ một số đơn vị nhỏ, pháo binh Quân giải phóng đã phát triển thành đơn vị tương đương cấp sư đoàn và đã có mặt trong tất cả các chiến dịch, các trận đánh lớn của Quân giải phóng. Pháo binh ta đã lập nên những chiến công được ghi trong lịch sử như

trận tập kích hỏa lực vào sân bay Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất và hàng loạt căn cứ quan trọng của Mỹ - ngụy ở miền Đông Nam Bộ. Ngoài ra, pháo binh của bộ đội địa phương và của du kích cũng phát triển rộng rãi.

Thành tích của pháo binh Miền, của Đoàn pháo binh Biên Hòa là chiến công chung của nhiều đơn vị, của nhiều tập thể cán bộ và chiến sĩ, trong đó có Trung đoàn 96 - vác pháo hỏa tiễn ĐKB. Từ chiến trường Tây Nguyên (Khu 5), Trung đoàn được gấp rút thành lập và khẩn trương cơ động vào miền Đông Nam Bộ tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968. Cũng bằng “đôi vai trា́m cân, đôi chân ngàn dặm”, Trung đoàn bộ binh 96 mang vác pháo đi khắp chiến trường miền Đông Nam Bộ, từ biên giới đến tận Vũng Tàu, từ Bình Long, Phước Long đến tận ven đô Sài Gòn, Gia Định. Trung đoàn 96 đã liên tục chiến đấu, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ được giao, đánh vào những mục tiêu quan trọng trong thành phố Sài Gòn, tập kích các căn cứ Mỹ ở Dầu Tiếng, Lai Khê, Phú Lợi, Phước Vĩnh..., đánh tàu chiến trên sông Mê Kông, trên sông Lòng Tàu...

Trung đoàn 96 cùng với các đơn vị pháo binh mang vác khác đã thể hiện một khả năng cơ động rất cao, ngang dọc trên nhiều chiến trường rộng lớn, kịp thời giáng trả những đòn nặng nề, khiến cho chúng bất ngờ và không thể nào chống đỡ nổi. Khả năng cơ động tại chỗ đã giúp cho Trung đoàn 96 kịp thời đáp ứng yêu cầu đánh địch ngay trên địa bàn đúng chân hay phản kích lại địch những đòn đau và có thể lùi sâu vào vùng sau lưng địch đánh những đòn ác hiểm, rất trúng đích.

Các đơn vị pháo binh Miền cũng như Trung đoàn 96 đã phối hợp, chi viện đắc lực cho bộ binh, như một lực lượng hỏa lực chủ yếu trong các chiến dịch dài ngày hay ngắn ngày. Tất cả đều đạt hiệu quả chiến đấu cao, đưa lại niềm tin cho bộ binh, gây khủng khiếp cho kẻ thù. Các đơn vị pháo hỏa tiễn mang vác còn chứng minh khả năng độc lập chiến đấu mạnh mẽ, linh hoạt, tự mình tấn công, tập kích, hay thực hành bao vây các căn cứ địch, hoặc phục kích đánh tàu trên sông, đánh bộ binh vận chuyển, cắt đứt đường giao thông liên lạc của chúng, đánh quân ứng cứu trên bộ, trên không, bắn máy bay địch... Đó là các đơn vị đã góp phần quan trọng “biến Mê Kông thành Bạch Đằng của thời đại”, đã sáng tạo ra những cách đánh ít thấy trong hoạt động của pháo binh của cả nước.

Cán bộ, chiến sĩ Đoàn pháo binh Biên Hòa và Trung đoàn 96 luôn thực hiện theo yêu cầu của cấp trên là “một đơn vị bộ binh được trang bị pháo”, luôn chiến đấu đạt hiệu quả cao và bảo tồn được lực lượng. Các đồng chí đã thể hiện tinh thần chiến đấu anh dũng có bản lĩnh cao, nhiều đơn vị đã dùng súng bộ binh đánh lui nhiều đợt xung phong phản kích của địch, bảo vệ được trận địa, bảo vệ pháo. Đơn

vị cũng tỏ rõ một tinh thần chịu đựng gian khổ, khó khăn đáng quý, đã trải qua nhiều ngày tháng đói cơm, lạt muối thực hiện khẩu hiệu “bát cơm cho pháo, bát cháo cho ngày N”. Dù cơ động không ngừng, đơn vị vẫn tự tải gạo, tải đạn và thực hiện tăng gia sản xuất tự túc trong những năm dài chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ.

Trung đoàn 96 rất xứng đáng được nhận cờ thưởng luân lưu “Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược” của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và cờ “Thi đua quyết thắng” của Liên hiệp Công đoàn giải phóng. Trung đoàn 96 cũng có 2 đơn vị, Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 5 được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang. Đại đội 7 của Tiểu đoàn 6 được hai lần phong tặng danh hiệu cao quý nói trên và người Đại đội trưởng của Đại đội 7, Vi Văn Vinh, cũng là một trong hai Anh hùng của Đoàn pháo binh Biên Hòa.

Sau công trình *Đoàn pháo binh Biên Hòa, pháo binh Miền* do Bộ Tư lệnh Quân khu 7 xuất bản, Ban Liên lạc cựu chiến binh Trung đoàn 96 đã tổ chức ghi lại quá trình chiến đấu và trưởng thành của Trung đoàn 96 pháo binh miền Đông Nam Bộ. Đây là một công trình tập thể, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của các đồng chí cựu chiến binh đối với đơn vị cũ nói riêng, cũng như đối với binh chủng pháo binh Quân giải phóng nói chung. Trong chừng mực nhất định, cuốn sách mà nội dung của nó được viết lên qua thực tiễn chiến đấu và xây dựng của một trung đoàn, góp phần làm phong phú thêm lịch sử chiến đấu và trưởng thành cũng như kho tàng lý luận và nghệ thuật quân sự của Quân đội ta.

Ghi lại những ngày trước trung thực, cụ thể và phần nào sinh động, cuốn sách không những giúp người trong cuộc ôn lại quá khứ hào hùng, tăng thêm lòng tự hào chính đáng, mà còn giúp cho thế hệ kế tiếp thấy được cha anh mình trước đây từng sống và chiến đấu như thế nào, tìm thấy trong đó những bài học quý báu. Vì vậy tôi nhiệt liệt hoan nghênh và trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01/1996



Đại hội Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh

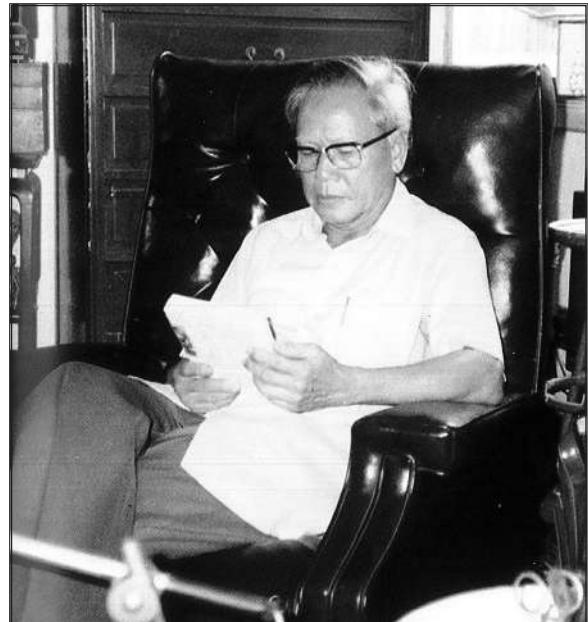
PHẦN PHỤ LỤC

DƯ ÂM....



Ra từ hai bàn tay trắng
Tạo vẽ một dải giang san.
Trắng xưa, hạc cũ, dòng sông lâng
Mây nước yên binh, thiên mả thang

(Thơ của Thượng tướng TRẦN VĂN TRÀ)



Tháng 4/1996, ngay sau ngày trái tim thượng tướng Trần Văn Trà ngừng đập, đã có rất nhiều người trong cả nước bày tỏ cảm xúc tiếc thương, ngưỡng vọng, nhắc nhở những kỷ niệm, gửi gắm những tình cảm yêu mến, kính trọng đến ông...

Trong sổ tang tưởng nhớ Thượng tướng Trần Văn Trà còn lưu lại bút tích của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngày 21/4/1996, xin được trích dẫn lại sau đây:
"...Anh để lại một tấm gương sáng cho các thế hệ. Trần Văn Trà, người đảng viên trung kiên, người chỉ huy kiên cường và quyết đoán".



Chủ tịch Hồ Chí Minh đang xem bức tranh do họa sĩ Diệp Minh Châu lấy máu mình
vẽ Bác Hồ và ba em bé Bắc - Trung - Nam
(Đoàn của đồng chí Trần Văn Trà mang ra Bắc tặng Bác Hồ)

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN TRUNG, MỘT TƯỚNG LĨNH CÓ ĐỨC ĐỘ VÀ TÀI BA CỦA QUÂN ĐỘI TA

Đồng chí Trần Văn Trà đã trọn đời chiến đấu cho lý tưởng cách mạng, góp phần xứng đáng cho sự nghiệp của Đảng, của dân tộc.

Sinh ra tại vùng đất Quảng Ngãi giàu truyền thống cách mạng, đồng chí là một thanh niên sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1936, 17 tuổi đồng chí đã tham gia phong trào dân chủ ở Huế. Năm 1938 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 02/1939, hoạt động ở Sài Gòn bị địch bắt đưa ra giam tại nhà lao Huế, sau 5 tháng lại bị đưa về quản thúc tại quê nhà. Tháng 3/1941, đồng chí trốn vào Đà Lạt, Phan Thiết rồi Sài Gòn và bắt liên lạc với tổ chức đảng để tiếp tục hoạt động. Được giao phụ trách tờ báo *Giải phóng*, phát hành bí mật. Tháng 11/1944, đồng chí lại bị bắt lần thứ hai, bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn. Hai lần bị địch bắt, tại nhà tù, đồng chí đã tuyên truyền giác ngộ được một số thường phạm theo cách mạng.

Sau Cách mạng Tháng Tám, là Ủy viên Kỳ bộ Việt Minh, được Xứ ủy Giải phóng giao tập hợp, tổ chức đơn vị và làm Ủy viên chính trị Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, đơn vị vũ trang tập trung ban đầu ở miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp do Đảng tổ chức và trực tiếp lãnh đạo. Anh Trà là một vị tướng có công đầu trong vấn đề xây dựng bộ đội chủ lực ở Nam Bộ.

Tháng 3/1946, theo sự phân công của tổ chức, đồng chí cùng đồng chí Nguyễn Văn Vịnh củng cố hệ thống chỉ huy và phát triển các đơn vị vũ trang Khu 8, xây dựng Tiểu đoàn 307 - đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên ở Nam Bộ. Tiểu đoàn đã lập nhiều chiến công vang dội ở Mộc Hóa, La Bang. Đồng chí trực tiếp chỉ huy trận phục kích ở Giồng Dứa trên Quốc lộ 4, diệt nhiều địch.

Đồng chí Trần Văn Trà là một trong những người tổ chức Hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời và Ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ.

Năm 1948, lần đầu tiên tôi được gặp đồng chí Trần Văn Trà, lúc đồng chí làm Trưởng đoàn đại biểu quân - dân - chính - đảng thay mặt nhân dân Nam Bộ ra gặp Trung ương và thăm Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc. Tôi nhớ mãi buổi tiễn đoàn về Nam, đồng chí đã vinh dự được gặp Bác Hồ. Bác giao cho đồng chí thanh gươm và dặn dò: “Bác trao cho chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù”. Thật là vinh dự to lớn đối với đồng chí Trần Văn Trà, một cán bộ chỉ huy trẻ tuổi, yêu nước, nhiệt tình, một người con tiêu biểu của “Nam Bộ Thành đồng Tổ quốc” ra Việt Bắc báo cáo với Trung ương và Bác Hồ.

Về Nam Bộ, đồng chí Trần Văn Trà được giao nhiều trọng trách: Năm 1949 làm Khu trưởng kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Khu trưởng Khu 7 rồi Phó Tư lệnh Nam Bộ, Tư lệnh Phân liên khu miền Đông Nam Bộ. Trong điều kiện chiến trường cực kỳ gian khổ, ác liệt, lại xa Trung ương, đồng chí đã cùng với đồng chí Phạm Hùng - Chính ủy, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh - Phó Tư lệnh... lãnh đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang vượt qua thời kỳ khó khăn nhất lúc bấy giờ, tiếp tục chiến đấu giành nhiều thắng lợi, phối hợp các chiến trường, nhất là trong Đông - Xuân 1953 - 1954, phối hợp rất tích cực với mặt trận Điện Biên Phủ, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Năm 1954, tập kết ra miền Bắc, đồng chí được giao nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại các lực lượng vũ trang miền Nam tập kết, được bổ nhiệm làm Phó Tổng Tham mưu trưởng kiêm Giám đốc Học viện Quân chính và Chánh án Tòa án quân sự Trung ương. Sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, đồng chí được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương bổ nhiệm làm Phó Bí thư Quân ủy Trung ương. Với chức vụ mới, đồng chí Trần Văn Trà đã giúp Quân ủy ra bản chỉ thị quan trọng “phải đập tan 2/3 áp chiến lược”. Đồng chí Nguyễn Văn Vịnh kiêm chức Chủ nhiệm Ban Thống nhất Trung ương thuộc Ban Bí thư. Trên cương vị mới, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh và đồng chí Trần Văn Trà đã đề nghị với Quân ủy Trung ương đề xuất với Bộ Chính trị chủ trương mở đường Trường Sơn 559 và đường vận tải biển 759. Đồng chí Vịnh và đồng chí Trà đã giúp Quân ủy chỉ đạo việc đưa người và vũ khí, trang bị theo hai đường này vào các chiến trường miền Nam.

Đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa III (1960) và Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV (1976), đại biểu Quốc hội khóa VI. Cuối năm 1963, đồng chí lại được điều về Nam làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Ủy viên Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân ủy Miền. Hơn 10 năm ở chiến trường trọng điểm của miền Nam, đồng chí cùng với đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Lê Trọng Tấn, về sau cùng đồng chí Phạm Hùng và Hoàng Văn Thái (từ cuối 1967 làm Chính ủy và Tư lệnh), và các đồng chí khác trong Bộ Chỉ huy Miền đã lãnh đạo

xây dựng các lực lượng vũ trang chiến trường B2, đặc biệt xây dựng bộ đội chủ lực Miền từ hai trung đoàn phát triển thành nhiều trung đoàn tinh nhuệ, lập nhiều chiến công xuất sắc ở Bình Giã, Phước Long, Đồng Xoài, Dầu Tiếng. Khi Mỹ chuyển sang “Chiến tranh cục bộ”, ô ạt đổ quân vào miền Nam, đồng chí đã cùng các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Miền thực hiện quyết tâm đánh Mỹ của Đảng, chỉ huy lực lượng vũ trang Miền lúc này đã phát triển thành nhiều sư đoàn chủ lực mạnh, kịp thời đánh thắng quân Mỹ ngay trận đầu ở Đất Cuốc, Bàu Bàng, Bông Trang, Nhà Đỏ. Tiếp đó đã liên tục đánh bại các cuộc phản công chiến lược của quân Mỹ trong các mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967. Đặc biệt trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, theo sự chỉ đạo của Trung ương và Trung ương Cục, đồng chí đã cùng Bộ Chỉ huy vạch kế hoạch quân sự tiến công Sài Gòn. Đồng chí được chỉ định phụ trách Tư lệnh Bộ Chỉ huy tiền phương Miền. Trong thời điểm quyết định, đồng chí đã rời Sở Chỉ huy tiền phương lên phía trước trực tiếp chỉ huy các đơn vị đánh Sài Gòn, ép sát thành phố từ phía bắc. Năm 1970, lợi dụng tình hình quân Mỹ và ngụy Sài Gòn mở rộng chiến tranh sang Campuchia, thực hiện chủ trương của Trung ương và Trung ương Cục, đồng chí Trần Văn Trà cùng các đồng chí Bộ Chỉ huy Miền kịp thời liên lạc với lãnh đạo nước bạn, dùng một bộ phận quân chủ lực Miền vượt biên giới tiến công sang Campuchia đánh bại quân Mỹ - ngụy, giải phóng 7 tỉnh đông bắc Campuchia, mở ra thắng lợi chiến lược cho cách mạng nước bạn. Năm 1972, đồng chí được phân công trực tiếp chỉ huy Chiến dịch Nguyễn Huệ trên địa bàn các tỉnh Bình Long, Phước Long, Tây Ninh, Bình Dương.

Theo Hiệp định Pari về Việt Nam (ký kết ngày 27/01/1973), thành lập Ban Liên hiệp quân sự bốn bên (Mỹ và ngụy Sài Gòn, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), đồng chí Trần Văn Trà được Bộ Chính trị cử làm Trưởng đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, một sứ mệnh ngoại giao quan trọng mà đồng chí đã thực hiện thành công.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đồng chí được cử làm Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch. Sau chiến thắng ngày 30/4/1975, được cử làm Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định, đồng chí đã góp phần quan trọng nhanh chóng ổn định tình hình thành phố.

Trở về đời thường, đồng chí góp phần quan trọng tổ chức xây dựng Hội Cựu chiến binh Việt Nam, được cử làm Phó Chủ tịch Trung ương Hội, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố cho đến lúc qua đời.

Đồng chí Trần Văn Trà là một tướng lĩnh có đức độ và tài năng, luôn hoàn thành mọi trọng trách được Đảng, Bác Hồ và quân đội giao cho, là người đã gắn bó với chiến trường Nam Bộ gần trọn 30 năm chiến tranh giải phóng. Đồng chí là một cán bộ chỉ huy dũng cảm, mưu trí, tính cương trực, chân tình, sâu sát thực tế và từ thực tế tình hình địa phương mình, mạnh dạn đề đạt với Trung ương những kiến nghị có tầm chiến lược. Là một cán bộ quân sự nhưng quan tâm lãnh đạo toàn diện các mặt công tác quân sự, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, kinh tế, ngoại giao. Dù ở cương vị nào, đồng chí cũng hòa mình với quần chúng, gương mẫu, thương yêu, đoàn kết, tôn trọng cán bộ, chiến sĩ, được đồng đội và nhân dân quý mến.

Thượng tướng Trần Văn Trà là một người cộng sản kiên trung lúc gặp khó khăn càng tỏ rõ bản lĩnh vững vàng trung thành với Đảng, là một tướng lĩnh tài ba của Quân đội ta. Cuộc đời hoạt động cách mạng và chiến đấu của đồng chí là một tấm gương cho các thế hệ cán bộ, chiến sĩ. Đối với tôi, đồng chí Trần Văn Trà là người đồng chí, người bạn chiến đấu thân thiết, tình nghĩa thủy chung.

Tôi nhớ mãi anh Trà.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

GỬI TRUNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Hôm qua chớp lửa sân bay
Hờn căm đốt cháy đêm rày Lộc Ninh.
Hôm nay trời đất yên bình
Tiễn người vào đấy một rừng cờ hoa.
Sài Gòn ơi mấy thiết tha
Người vào cho gửi lòng ta vào cùng.
Ngày mai non nước tươi hồng
Đã nghe chim hót vang rừng chiến khu.

*Sân bay Lộc Ninh, 1973
Lưu Ngọc Vang*

THƯ GỬI VÀO MIỀN NAM

Anh Trà,

Đã nhận được thư anh viết ngày mồng 01/5, ngày 08 và 16/5/1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi không được sống những giờ phút lịch sử ấy ở tuyến đầu Tổ quốc, nhưng thư anh đã truyền cảm khá mạnh... Tưng bừng và khẩn trương! Nhớ Bác và tự hào! Thắng lợi to lớn và khó khăn còn nhiều! Phải cố gắng lắm mới xứng đáng!... Anh viết ngắn gọn. Chúng tôi hiểu...

Trong thư, anh nhắc lại những lần gặp Bác, có ý báo cáo với Bác thắng lợi ngày nay. Anh bảo trong mỗi người chúng ta đều có Bác, khi suy nghĩ đúng, khi làm việc có kết quả...

Theo anh dặn, chúng tôi đã gửi vào nhiều bộ ảnh Bác Hồ với miền Nam, sau đó, rút kinh nghiệm, chúng tôi đã gửi ngay những bộ phim, gồm 100 kiểu ảnh về Bác, có chủ thích rõ và đẹp, để các anh cho in và phóng to, thỏa lòng mong mỏi của cán bộ và nhân dân.

Anh còn dặn, nhân dịp 19/5 này, kể chuyện về Bác Hồ cho các đồng chí trong đó, đặc biệt cho các anh, các chị vừa phá tung tù ngục, trở về với Tổ quốc độc lập và tự do.

Chúng tôi đã đề nghị gửi vào nhiều sách báo viết về Bác Hồ, nhất là cuốn tiểu sử và sự nghiệp, cuốn *Những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* do Nhà xuất bản Sự thật in, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 55 ngày sinh của Bác Hồ.

Biết kẽ làm sao cho hết được tình cảm của Bác Hồ đối với đồng bào, đồng chí miền Nam! Niềm vui chung ngày nay bắt nguồn từ niềm tin của Bác, từ khi ra đi tìm đường cứu nước. Những ngày này, ai cũng nhớ Bác và tự hào có Bác! Nhiều người đêm nằm mơ gặp Bác...

Tháng 9/1945, khi đọc Tuyên ngôn độc lập, Bác ngừng lại hỏi: Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Tháng 9/1969, lúc mệt nặng, Bác Hồ lại thường hỏi: Hôm nay, miền Nam đánh thắng ở đâu?

Những câu hỏi rất tự nhiên, nhưng gần gũi, thân thiết làm sao! Ba mươi năm về trước, cả Quảng trường Ba Đình đã đồng thanh trả lời: Có!... Ngày nay, cả nước ta đều trả lời: Thưa Bác, toàn thắng đã về ta!

Bác Tôn đã vào gặp đồng bào, đồng chí miền Nam ngay tại Thành phố Hồ Chí Minh của Thành đồng Tổ quốc. Vinh quang thay, rạng rỡ thay nhân dân Việt Nam anh hùng làm theo lời Bác!

Anh Trà thân mến, Đảng và Nhà nước ta đã chuẩn bị đầy đủ tất cả, đã quyết định giữ gìn thi hài của Bác và xây dựng Lăng Hồ Chủ tịch.

Các anh có thể nói với tất cả là: thi hài của Bác Hồ đã được gìn giữ tốt nhất, đầy đủ trách nhiệm với đồng bào, đồng chí miền Nam, với cán bộ và nhân dân cả nước, kể cả những lúc giặc Mỹ điên cuồng đem B52 đánh phá miền Bắc!

Râu tóc Bác Hồ vẫn bạc phơ và từ ấy đến nay không hề rụng một sợi. Vầng trán Bác Hồ sáng rạng, không một nếp nhăn tu lỵ. Bác đã chuẩn bị sẵn cả, muốn tránh cho “đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”.

Bác Hồ nằm nghỉ như vừa chợp mắt. Đôi môi tươi tắn đang thấy điều mong muốn được thực hiện. Hai tay Bác Hồ không buông xuôi, bàn tay đặt trên bụng, những ngón tay dài thuôn thuon. Bác rất giản dị như thường ta gặp Bác, gần gũi và thân thiết!

Trong Lăng, phía đầu Bác nằm, trên mặt tường đá ghép, có cả đá quý miền Nam, nổi lên hình cờ Đảng và cờ đỏ sao vàng.

Anh Trà thân mến, cả nước vui niềm vui thắng lớn của miền Nam! Sau 30 năm đánh giặc, cả nước càng hiểu miền Nam còn nhiều công việc, còn nhiều khó khăn. Nhưng chắc chắn ngày 02/9 sắp tới, Đoàn đại biểu miền Nam ruột thịt sẽ có mặt tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, dự lễ khánh thành Lăng Hồ Chủ tịch.

Ba Đình, ngày 27/5/1975

Thân yêu

Vũ Kỳ

CHUNG THỦY

tặng Chấn¹, người lính già thân yêu

Giữa nanh vuốt quân thù
Sông Sài Gòn ngày xưa xác người trôi giạt,
Nón lá che đầu, anh bước vào bí mật,
Mang trái tim Xứ ủy, anh về với nhân dân.

Những ngày đâu kháng chiến gian nan,
Ôi gian khổ miền Đông! Tay không chống giặc.
Tù ngọn tầm vông đến những binh đoàn thép,
Giồng Dứa trận đấu, quân thù khủng khiếp,
Đồng mông mênh mà sấm sét ai hay!
Đi suốt cuộc trường chinh nửa thế kỷ này,
Anh vẫn giữ một tâm hồn tươi trẻ.

Dòng sông ấu thơ bên bối bên lở,
Tiếng bờ xe ru hát ngày đêm,
Anh về thăm làng cũ, đứng trên thềm,
Mái nhà mẹ ngày xưa đâu còn nữa.
Anh xuống ngựa, lặng thầm đi trên cỏ,
Bóng trắng xanh thủ thi bên mình,
Mẹ mất rồi, không kịp chờ anh,
Sông Trà Khúc vẫn còn nguyên sóng đỗ...

Gửi mẹ cho quê hương, anh đi vào khói lửa,
Ba thế hệ quân thù chết gục dưới chân,
Gắn bó đời mình với mảnh đất miền Nam,

1. Tên thật của Thượng tướng Trần Văn Trà là Nguyễn Chấn (B.T).

Đôi mắt người lính già đầu bạc
Như ánh trăng trong vắt
Vẫn soi sáng dòng đời.
Vinh quang lớn nhất của đời người
Là tình yêu của nhân dân, của bạn bè đồng chí.

Mỗi sáng mai, gió về bên song cửa,
Hương phong lan nhẹ nhẹ bay vào,
Làn hương và ngọn gió cứ xôn xao
Nói với anh về tình yêu chung thủy ấy...

*Tháng 8/1985
Nguyễn Viết Lãm*

CHIỀU RỘNG 23/9*

“Mùa thu rồi ngày hăm ba, ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến... Rền khắp trời lời hoan hô dân quân Nam nhịp chân tiến đến trận tiền...”. Bài ca Nam Bộ kháng chiến hào hùng ấy đã vang lên trên những vùng đất phía Nam Tổ quốc cách đây gần nửa thế kỷ. Những người đã đi theo tiếng gọi thiêng liêng ấy, bây giờ, ngoài bao nhiêu người đã ngã xuống, giờ đây những người còn lại tóc đã bạc trắng.

Dù đã nghỉ hưu hay đang còn tại chức, mỗi băn khoăn, lo lắng của họ là dành cho thế hệ trẻ, trước hết là cho chính con, cháu của mình. Sự nghiệp cách mạng, tương lai đất nước sẽ do thế hệ trẻ tiếp nối xây dựng.

Nhưng lo cho con cháu như thế nào? Không tránh khỏi có người lấy công lao cách mạng của mình làm “bệ phóng” cho con cháu, tạo nên một lớp người ỷ lại, kiêu căng, thậm chí đua đòi xa hoa, phung phí. Có thể nào xây dựng được đất nước với những con người chỉ biết dựa vào “thế lực” của cha, ông mình để đi lên? Rất may mắn, những trường hợp này không nhiều lắm. Đại đa số các đồng chí cán bộ cách mạng lão thành đã biết biến ngọn lửa cách mạng đã rực cháy trong lòng mình ngày nào thành sức mạnh của tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý chí tự lực, tự cường cho con cháu. Chính từ sức mạnh ban đầu ấy, con cháu họ đã đi vào cuộc sống bằng trái tim và khối óc của chính mình và tạo nên sự nghiệp.

Trong một cuộc họp mặt truyền thống, chúng tôi đã đến gặp và nghe tâm sự của người cha, người mẹ có công lao lớn trong kháng chiến nhưng vẫn xây dựng cho con, cháu của mình một cuộc sống tự lập trong sáng.

Thượng tướng Trần Văn Trà có người con trai út độc nhất là Việt Chi. Từ hồi học phổ thông, Việt Chi được bạn bè xem như một loại người có “ưu thế” trong tương lai. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Việt Chi thi vào Đại học Quân sự, dù là con một vị tướng nhưng vẫn cứ rớt. Việt Chi lại thi vào trường công nhân kỹ thuật.

* Bài viết đăng trên Báo Người lao động, ngày 23/9/1991.

Sau khi tốt nghiệp, Việt Chi về làm việc tại Xí nghiệp xe du lịch với nhiệm vụ khiêm tốn bình thường: Công nhân sửa chữa trực tiếp. Việt Chi tâm sự: “Ba tôi là tướng về hưu, tôi muốn noi gương cha tôi tự đi vào cuộc sống bằng chính đôi chân và năng lực của mình. Thật bất công nếu tôi dựa vào ưu thế của ba tôi để chiếm một vị trí xã hội không do tôi mà có. Tôi muốn bình đẳng với mọi người trong cuộc sống hôm nay”.

Bác Nguyễn Cao năm nay 76 tuổi, nguyên Cục phó Cục xây dựng cơ bản miền Nam thuộc Trung ương Cục kể: “Bác có hai đứa con gái đều là “người nhà nước” cả. Đời sống khó khăn lắm. Con chị làm việc tại Văn phòng Huyện ủy Nhà Bè, vẫn phải làm thêm ngoài giờ để kiếm sống, nuôi 5 đứa con. Đứa thứ hai có khá hơn, hai thằng cháu đều học Đại học Bách khoa”. Bác cười: “Được như vậy cũng là vui rồi”. Bác kể tiếp: “Thằng cháu lớn con đứa con gái thứ hai thông minh, học giỏi nhưng nhiều lúc cũng bướng bỉnh. Nó là đứa bác nuôi từ nhỏ, sau 75, nhưng nhiều lúc ông cháu cũng không hiểu nhau”.

Đồng chí Lê Đình Nhơn - Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh cũng kể lại với chúng tôi về những người con của mình: “Trong thời gian tôi đi kháng chiến, bốn đứa con sống với mẹ tại Sài Gòn, được ăn học chu tất. Ba người con gái tốt nghiệp đại học. Tôi chỉ có đứa con trai độc nhất, nhưng khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra tôi cũng đã động viên nó nhập ngũ. Hiện nay, nó đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và đang công tác tại một xí nghiệp ở Thành phố. Cả bốn đứa đều tự phấn đấu vươn lên, không dựa vào cha. Hai cô gái lớn khi tốt nghiệp ra trường đều có thời gian công tác tại huyện Duyên Hải như bạn bè cùng khóa”. Đồng chí tâm sự tiếp: “Từ nhỏ các con tôi thiếu sự chăm sóc giáo dục của cha, nhưng tôi rất mừng là hiện nay tất cả đã trưởng thành và trở thành những công dân tốt”.

Còn đây là lời kể của má Lê Thị Nguyệt - công nhân công binh xưởng Phân khu miền Đông thời kỳ Nam Bộ kháng chiến: “Sau 75, má con tui còn phải “ở đâu” Nhà nước vài năm, sau “ra riêng” tự làm ăn kiếm sống, hổng có nhờ vả ai hết. Nhờ, kỳ lắm. Bốn đứa con lớn của má, một người làm nghề uốn tóc, một người chạy xe lam, một đứa đi hợp tác lao động ở Tiệp. Riêng đứa con út hiện học năm cuối trường Đại học Y được Thành phố Hồ Chí Minh. Nó là đứa sướng nhất, không khổ như anh chị nó phải theo mẹ, theo cha vô rừng kháng chiến”.

Đành rằng, sanh con ai dẽ sanh lòng, song có người làm cha mẹ nào không xót xa và nhận một phần trách nhiệm của chính mình khi con cái mình hư hỏng. Đối với các cán bộ cách mạng có công lớn trong kháng chiến, điều đó càng là

mối bận tâm, lo lắng. Công lao kháng chiến của cha ông bao giờ cũng là niềm tự hào, là sức mạnh tinh thần động viên con, cháu đi vào cuộc sống với ý chí tự lực, tự cường. Nhưng nếu công lao kháng chiến trở thành “ô dù” cho con, cháu núp bóng, ý lại thì “thần tượng” kháng chiến ấy sẽ sụp đổ ngay chính trong lòng con, cháu của ta.

Bài ca Nam Bộ kháng chiến hào hùng vẫn mãi mãi vang trong lòng những người lính già đầu bạc. Và ngọn đuốc ngày 23/9 sẽ soi sáng đường đi tới cho thế hệ trẻ hôm nay.

Nhóm phóng viên thời sự

TÂM TÌNH VỊ TƯ LỆNH TRỞ VỀ THÀNH PHỐ NGÀY ĐẦU GIẢI PHÓNG*

9 giờ 30 phút sáng ngày 01/5/1975, Thành phố vẫn náo nhiệt như từ đêm qua, chiều qua, không, mà từ trưa qua khi các đoàn quân giải phóng từ năm ngả đường ngoại vi tiến về hội tụ tại Dinh Độc Lập của ngụy quyền. Cờ đỏ sao vàng, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ tờ mờ sáng đã phấp phới khắp các nóc nhà, các cổng ra vào, trên những chiếc xe hơi lớn nhỏ, xe lam, xe honda, xe đạp..., trên các tàu thuyền. Hình như đêm qua, cả Thành phố may thêm cờ, viết thêm khẩu hiệu chằng ngang các ngả đường... Và, cờ còn cầm trong tay các anh chị, các cháu bé đi dập dìu trên các hè đường và cả ngay giữa lô. Người ta cười nói, người ta hả hê... Trước các cơ quan, các trụ sở, các căn cứ quân sự của Mỹ - ngụy để lại, người ta chen nhau đông đặc để được nghe một anh cán bộ, một chiến sĩ Giải phóng quân đang nói những chuyện gì đó trên đường hành quân, ở chiến trường...

Một đoàn xe Jeep Liên Xô còn mới, dưới ánh nắng nhìn rõ cả những chiếc gai của những chiếc bánh xe dù đã phủ đầy bụi đỏ đường trường. Từ trên xe bước xuống trước bến Nhà Rồng là một đoàn cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng với quân phục chỉnh tề, mũ tai bèo, dép râu, khoan thai bước đi và dừng lại trước mớn nước. Đoàn cán bộ quân sự này bước đi theo hàng dọc và sau đó dàn thành hàng ngang trên mép sông với đủ gương mặt già có, trẻ có nhưng hình như họ không có gì khác nhau từ cách đi đứng, trò chuyện. Có khác chăng là có người mang tiểu liên, có người mang súng ngắn. Gió sông Bến Nghé lồng lộn thổi, tất cả mọi người đều hất nón tai bèo ra phía sau để mặc cho tóc xõa qua làn gió và như muốn hít vô lồng ngực tất cả khí trời của một buổi ban mai trong lành của đất nước đã hoàn toàn giải phóng. Nhìn kỹ, người ta thấy trong đoàn quân ấy có tướng Trần Văn Trà - Tư lệnh chiến trường B2 kiêm Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam. Một vị tướng, với trọng trách như vậy nhưng sao gương mặt

* Bài viết đăng trên Báo Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, số 479, ngày 01/5/1987.

anh không có gì căng thẳng với bao nhiêu công việc đang chờ. Trái lại, đôi mắt anh, nụ cười của anh như hồ hồi, rạng rỡ hẳn lên. Anh nhìn đăm đăm ra sông nước mênh mông lồng lộng gió dưới ánh nắng rực rỡ của một ngày đẹp trời chưa từng có. Nhưng bỗng, hai hàng nước mắt anh trào ra. Bất chợt, giật mình, anh lặng lẽ lấy khăn lau mặt và kín đáo rút từ túi áo chiếc kính mát đeo lên mắt.

Bác Hồ ơi, hơn 60 năm trước, Bác đã từ đây ra đi, đất nước còn chìm trong cảnh lầm than nô lệ. Có lẽ Bác ra đi, lòng quặn đau nhìn lại đất trời quê hương, ước mong một ngày giải phóng cho toàn thể non sông, dân tộc. Hôm nay, mơ ước ấy của Bác đã được thực hiện. Chúng con đã tiếp bước Người, nhìn lại dấu chân Bác vào cái năm 1911 đây tui nhục ấy, qua 30 năm chiến tranh giải phóng, đầy hy sinh, gian khổ, từ Bắc đến Nam, để thực hiện di chúc của Bác. Nhưng Bác ơi, Bác không còn nữa để nhìn thấy đất trời Tổ quốc Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất từ đây. Chúng con mang một lối, một ân hận lớn nhất trong đời là khả năng có hạn không thể giải phóng miền Nam được sớm hơn để đón Bác về với đồng bào, đồng chí miền Nam, để Bác trở lại thăm bến cũ, nơi Bác đã ra đi chịu đựng muôn vàn gian khổ tìm đường cứu nước...

Đồng chí Trần Văn Trà lặng đi trong tâm tình của một người con trung hiếu, tâm niệm suốt đời nghe lời Cha dạy. Nhớ lại năm 1948, 27 năm về trước, tại Việt Bắc, khi tiễn phái đoàn của anh trở lại miền Nam chiến đấu, Bác Hồ đã kêu lại, Người đưa ra một thanh gươm rất đẹp và nói với một giọng ấm áp, tới hôm nay còn vang lên trong tiềm thức anh:

- Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng...

Có thể nào đồng chí Trần Văn Trà lại có thể không nhớ tới lời dạy bảo ân cần đó. May chục năm đã qua, những khi chiến trường miền Nam nghiêng ngửa nhất, gian khổ nhất, lời dạy của Bác Hồ lại vang lên trong tâm hồn anh như một điệp khúc ân cần mà thôi thúc làm sáng tỏ những phương án, những kế hoạch tác chiến, hành quân, dưỡng quân, động viên, khuyến khích anh em, cháu, đồng bào... Hôm nay, Cha già đã yên nghỉ. Anh mong có được một ngày trở lại Thủ đô trình lên trước lăng Bác thanh gươm quý và báo cáo với Bác rằng nhiệm vụ Bác trao, anh cùng đồng bào, đồng chí đã hoàn thành, có ưu, có khuyết nhưng đó là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của cuộc đời anh được Bác giao phó...

Chính ra đồng chí Trần Văn Trà, mới sáng qua đây thôi, khi các cánh quân của Chiến dịch Hồ Chí Minh đang ào ạt tiến vào ngoại vi Thành phố, chưa có kế hoạch

sáng nay phải có mặt ở Thành phố mới được giải phóng này. Đây là một điều bất ngờ trong nhiều bất ngờ lớn trong cuộc đời chiến đấu của anh: Từ đầu tháng 4, theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, đã dự liệu tất cả. Một kế hoạch tỉ mỉ của Ủy ban quân quản cũng như các ban tiếp quản các cơ sở, các ngành ở Thành phố đã được thông qua. Nhiều phái đoàn, nhiều cán bộ từ các ngành ở Hà Nội và Trung ương đã được phái vào tăng cường để đủ sức triển khai công tác với khối lượng cực kỳ to lớn. Chủ tịch Ủy ban quân quản và Trưởng ban Tiếp quản không phải là tướng Trần Văn Trà. Chỉ tới chiều 30/4/1975 mới có điện từ Trung ương trao trách nhiệm cho đồng chí Trần Văn Trà làm Chủ tịch Ủy ban quân quản. Chấp hành mệnh lệnh nghiêm túc và anh đã chuẩn bị suốt đêm để trời chưa kịp sáng cùng với đoàn cán bộ bổ sung lên đường. Lá cây rừng còn đẫm sương, phía trời đông chỉ mới ánh lên lờ mờ, chim chóc còn như vẫn trong giấc ngủ say, đoàn xe commăngca đã chuẩn bị xong. Các anh nhìn lại những căn hầm, những lán trại, những tàn cây... nơi các anh nghỉ ngơi, làm việc suốt từ khi mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh như để chia tay lần cuối. Vui, nhớ, hô hởi, thương, yêu, lưu luyến bước chân các anh. Cả Chỉ huy sở như cũng không ngủ, vây lấy đoàn xe tiễn đưa các anh. Đoàn xe rồ máy. Những bàn tay vẩy, những lời hò hẹn gặp lại nhau trong thành phố giải phóng...

Đoàn xe xuyên rừng cao su Dầu Tiếng, vượt sông Sài Gòn tới Bến Củi, ra Trảng Bàng theo Quốc lộ 1 tiến về Sài Gòn qua Củ Chi, Tân Phú Trung, Hóc Môn, Bà Quẹo... Tâm tình tướng Trần Văn Trà thật ngốn ngang, bồi hồi và xúc động. Thật không ngờ, đây là con đường 30 năm về trước anh đã từ Sài Gòn ra đi mùa Thu rồi, ngày 23 năm ấy... Anh đã ra Gò Vấp, Bà Quẹo rồi quanh quẩn ở Hóc Môn, Bà Điểm, An Nhơn Tây, Củ Chi, Đức Hòa, Mỹ Hạnh... để lại sau lưng Thành phố thân yêu bị thực dân Pháp phản bội, dựa vào quân đội Anh tới giải giáp phátxít Nhật để khởi hấn, đánh chiếm nước ta lần thứ hai. Lúc đó, cách mạng còn trong trứng nước, lực lượng yếu kém... Có ai ngờ chúng ta đã chiến đấu vừa đúng 30 năm để giành thắng lợi ngày hôm nay. Hôm nay lực lượng ta đã hùng mạnh, hiện đại, có cả một miền Bắc xã hội chủ nghĩa, có lý tưởng của Bác Hồ để xây dựng một đời sống ấm no, hạnh phúc cho toàn dân thống nhất về một mối... Ôi, những vườn cây ăn quả, những rặng trúc, bờ tre, những đám ruộng bìa làng, những vườn rau xanh... sao mà quen, thân. Anh như người con xa quê lâu ngày nay mới được trở lại, ấm lòng và hạnh phúc. Đoàn xe bon bon trên đường nhựa thẳng tắp, hối hả với một tốc độ hành quân khẩn trương nhưng sao như anh đã nhìn thấy rõ từng gương mặt của các bà má, các ông già, những thanh niên nam, nữ, các cháu bé như đã gặp được ở đâu đó, đã từng trò chuyện thân tình. Họ đi hai bên đường bằng đủ các loại xe hoặc đi bộ, hoặc vui cười ở những đường phố, những xóm chợ, hình như cũng

đang nhìn anh để tìm lại gương mặt nào quen biết và tươi cười với anh. Nếu không vì đang hành quân trong nhiệm vụ mới chắc chắn anh đã yêu cầu ngừng xe lại dọc đường để thăm hỏi, chúc mừng, ôm hôn từng gương mặt. Như một người tham lam, anh muốn ghi nhận tất cả hình dáng của mọi người, khung cảnh của đất trời, thôn xóm... Ba mươi năm bị bọn xâm lược o ép, đánh phá, chia cắt, xuyên tạc, rẽ chia... hôm nay mới được bộc lộ lại tâm tình, hình thái của những con người cùng chung lý tưởng chiến đấu, cùng chung lời thề sắt son ngày ra đi chiến đấu 30 năm trở về trước ấy để càng thương yêu, quý mến với nhau như người cùng chung ruột thịt, con cháu Âu Lạc, Hùng Vương...

Trong 30 năm ấy, đây không phải là lần đầu tiên đồng chí Trần Văn Trà trở lại Sài Gòn. Năm 1973, anh đã trở lại Thành phố này trong Phái đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để tham gia Ban Liên hiệp quân sự bốn bên, sau Hiệp định Pari. Lúc đó, Mỹ đã phải đưa trực thăng ra Lộc Ninh để đón Phái đoàn quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam do tướng Trần Văn Trà làm Trưởng đoàn. Anh vô Sài Gòn lúc ấy với một trách nhiệm nặng nề trong cuộc đấu tranh chính trị, ngoại giao gay cấn giữa vòng vây quân thù lúc nào cũng tìm mọi cách, kể cả những thủ đoạn đê hèn nhất để phá hoại Hiệp định Pari. Sáu mươi ngày ở Sài Gòn, trong vòng rào của trại Đavít giữa sân bay Tân Sơn Nhất lúc nào cũng gầm thét lên bởi các loại máy bay của Mỹ - ngụy và cái nóng khủng khiếp dưới mái tôn nhà trệt, Phái đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cũng như Phái đoàn quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuy chưa thắng lợi hoàn toàn nhưng cũng đã kết hợp được với chiến trường buộc đế quốc Mỹ thi hành Hiệp định Pari rút hết quân đội của chúng và bè lũ chư hầu ra khỏi đất nước Việt Nam, chấm dứt đánh phá miền Bắc và hiểu thêm được những mưu đồ đen tối của chúng để chuẩn bị cho ngày giành toàn thắng hôm nay...

Hôm nay, khác hẳn với 30 năm về trước, phái đoàn của tướng Trần Văn Trà trở về Thành phố trong tư thế của đoàn quân chiến thắng đã “*Danh cho Mỹ cút, danh cho ngụy nhào*”. Các anh đi trên mặt đất, tất cả đã thuộc về ta, cả ngọn cỏ, tấc đất, vườn rau, cả bầu trời xanh trong ngọn gió mát lành, trên gương mặt của tất cả mọi người công dân không nhiều thì ít cũng đã đóng góp cho ngày vέ vang chưa từng có này. Từ ngã tư Bảy Hiền đoàn xe các anh cán lên từng đống quần áo, giày mũ của ngụy quân hốt hoảng trút bỏ lốt Việt gian để trà trộn vào đống bào kiếm một lối thoát thân. Hàng cây số dài không biết bao nhiêu những loại trang phục dơ bẩn ấy vẫn vãi suốt dọc đường. Rồi, cả súng, bình toong, những băng đạn, hàng thúng lựu đạn chỗ này, chỗ khác như những rác rưởi đang cần quét dọn đi cho sạch sẽ...

Các anh tới thăng Dinh Độc Lập, trụ sở của Ủy ban quân quản, thông báo có mặt và yêu cầu được đi thăm Thành phố.

Sau khi thăm Bến Nhà Rồng, theo bản đồ, các anh tới những địa điểm mà cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân đã diễn ra trên Thành phố này. Len lách qua các đoàn người dân Thành phố áo quần đẹp như trẩy hội, các anh trùm mền nhìn các chiến sĩ Quân giải phóng đang làm nhiệm vụ canh gác các công sở, các kho tàng. Nhiều người đang chuyện trò vui vẻ với đồng bào... Những chiến sĩ anh dũng của Quân giải phóng đã nhiều lần chiến đấu trên những đường phố này đây. Trong các anh, ai còn, ai mất, phần mộ các anh ở đâu? Đồng chí Trần Văn Trà bùi ngùi nhớ lại từng gương mặt những đồng đội thân yêu của anh. Trong những chiến dịch, những trận chiến đấu lớn do anh chỉ đạo, không lần nào anh không đi thăm các chiến sĩ. Những gương mặt đáng yêu ấy, còn rất trẻ, có anh từ các địa phương miền Bắc, miền Trung, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long đã nghe theo lời kêu gọi của Bác Hồ lên đường chiến đấu, đạp bằng mọi gian lao, nguy hiểm. Anh như nhớ mọi con người trước hàng quân, tươi trẻ, thông minh, hồn nhiên và dũng cảm. Có người có bằng cấp, có người mới qua đánh vẫn xuôi. Có người mang súng trung liên, đại liên, tiểu liên, có người trong biên chế của một kíp trọng pháo, của một kíp xe tăng, có người trinh sát, giao liên, nuôi quân, y tế... Đội ngũ cách mạng Việt Nam mới hùng hậu làm sao, lớp này ngã xuống lập tức lớp khác đã xông lên bổ sung quân số, lớp lớp cha anh, em cháu cùng chung ý chí giết giặc, diệt thù giải phóng quê hương... Hôm nay chắc chắn nhiều người không còn, nhiều người đang có mặt trong những đơn vị tiến về Thành phố, tiếp quản các cơ sở, canh gác các ngả đường, bảo đảm an ninh trật tự xã hội ngay ngày đầu thắng lợi này...

Các anh đã tới trực đường Minh Phụng thuộc Quận 11. Nơi đây trận đánh ác liệt, đợt 2 Xuân Mậu Thân 1968 đã diễn ra, còn ghi lại đậm nét trong sử sách cũng như những địa chỉ đỏ nổi lên ở Dinh Tổng thống ngụy, sứ quán Mỹ, Đài Phát thanh, Bộ Tổng Tham mưu ngụy, cầu Chữ Y... Cũng không phải chỉ có những chiến sĩ vũ trang mà còn biết bao nhiêu đồng bào yêu nước thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, anh chị em học sinh, sinh viên, các cháu thiếu nhi đã đóng góp công sức, xương máu mình trong suốt các thời kỳ cho đất nước...

Nơi đây, hai gương mặt cán bộ đã hiện rõ lên trong trí nhớ Trần Văn Trà: Đồng chí Hai Hoàng và nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn. Đồng chí Hai Hoàng là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Gironde đã chỉ huy thắng lợi trận Ấp Bắc nổi tiếng đầu năm 1963, chống lại có hiệu quả chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận” đầu tiên của giặc Mỹ trên đất này. Năm Mậu Thân ấy, đồng chí là chỉ huy trưởng cánh quân của tỉnh Long An đánh vào đây đã tiêu diệt nhiều tên Mỹ - ngụy và đã hy sinh ngay

ở trung tâm Chợ Lớn này. Và, nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn, người đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị, trong đợt 2 Xuân Mậu Thân ấy đã chiến đấu như một người chiến sĩ anh hùng tới viên đạn cuối cùng để bảo vệ đồng đội... Lúc đó, từ Chỉ huy sở sát rìa phía bắc Thành phố, đồng chí Trần Văn Trà đã được báo cáo hằng giờ về các trận đánh và chỉ đạo các mũi tiến công đã hình dung ra những trận chiến đấu vô cùng dũng cảm của chiến sĩ, cán bộ Quân giải phóng và ngậm ngùi thương tiếc từng đồng chí đã hy sinh.

Trời đã về chiều. Cảnh náo nhiệt của ngày hội giải phóng vẫn chưa ngớt. Bà con vẫn tấp nập trên các nẻo đường, những đoàn xe các loại vẫn dồn dập hối hả, cờ, phướn vẫn ngọ nguội tung bay. Ở các giao lộ, các thanh, thiếu niên vẫn kiên nhẫn đứng giữ trật tự cho bà con và các loại xe qua đường...

Đồng chí Trần Văn Trà cảm thấy thời gian đi nhanh quá. Anh còn chưa kịp đi thăm hết các điểm chiến đấu của những năm qua trong thành phố này. Nhưng, hình như có góc đường nào, có xóm nhà nào, có căn cứ nào của địch mà không phải là mục tiêu của các chiến sĩ Quân giải phóng tấn công địch từ mọi phía, bằng mọi cách... Anh nhìn đồng hồ. Chỉ còn vài giờ nữa thôi, anh sẽ phải trở về trụ sở với trọng trách mới đang chờ. Anh thầm xin lỗi đồng bào, đồng chí đã hy sinh, chưa có thể đi được khắp, hỏi thăm, cảm ơn tưởng nhớ... Đành để một dịp khác.

Tướng Trần Văn Trà ngồi trước mặt tôi, không khác mấy với lần tôi đã gặp anh lần đầu 40 năm về trước. Đó là dịp kỷ niệm ngày Độc lập 02/9/1947. Tướng Trần Văn Trà lúc đó đã là Tư lệnh Khu 8, chỉ huy cuộc duyệt binh đầy hào hứng tại Thiên Hộ Dương... Đồng Tháp Mười năm 1947 ấy thật vui, đã tập trung hầu hết các cơ quan đầu não của Nam Bộ, của Khu 8, hội tụ khá đông các nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ... Trên bờ, dưới kênh, thuyền ghe, người đi lại tấp nập, nhiều đồng bào, gia đình chiến sĩ, trí thức, nhân sĩ ở Sài Gòn xuống, Mỹ Tho qua, Cần Thơ lên. Sau buổi lễ có chiêu đãi bộ phim đầu tay của điện ảnh Khu 8: Trận Mộc Hóa.

Tư lệnh Trần Văn Trà, trong hàng quân, chưa tới 30 tuổi, với bộ đồ quân phục bằng vải ú đen trông có vẻ một sinh viên trí thức hơn là một cán bộ quân sự...

Hôm nay, gương mặt anh vẫn đầy đặn, tươi cười tuy mái đầu đã điểm bạc. Giọng nói anh trong trẻo, tình cảm với những lập luận, dẫn chứng đầy thuyết phục, bộc lộ một tâm hồn chân thành, cởi mở. Trong câu chuyện, tôi cho anh biết khi ý nghĩ của anh muốn ôm hôn tất cả đồng bào, đồng chí gặp đọc đường bữa trả lại Thành phố ngày đầu giải phóng ấy trùng hợp với câu thơ của Chế Lan Viên: “Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn”, thì anh cười:

- Đồng bào, đồng chí mình cùng một lý tưởng, một ý chí, yêu thương Tổ quốc, quyết giành lấy độc lập, thống nhất cho nước nhà xây dựng chủ nghĩa xã hội thì cùng chung một tâm tình là chuyện tất nhiên của mỗi chúng ta.

Nghe anh nói, tôi chợt nhớ tới những lần gặp trước anh đã nói với tôi: Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng tôi cách mạng hơn người khác. Có khác chẳng chỉ là năng lực công tác. Mỗi người trong chúng ta được phân công ở mỗi vị trí cách mạng khác nhau, hoàn thành được nhiệm vụ dù ở cương vị thấp nhất, cũng vang và đáng tự hào như nhau...

Tâm tình của tôi trong những giờ phút rung cảm ấy cũng giống như tất cả đồng bào, đồng chí mình thôi. Cũng như trong ngày đầu giải phóng trở về Sài Gòn, làm sao tôi không đi thăm lại căn nhà đầu tiên 35 năm trước tôi được Kỳ bộ Việt Minh bố trí cho ở và công tác, sau khi tôi bị bắt ở Huế và trốn thoát cảnh quản thúc của địch...

Tướng Trần Văn Trà đã tả cho tôi nghe về căn nhà ấy. Nó nhỏ có một cái sân xinh xắn và kín đáo. Đó là trụ sở tuyên truyền của Kỳ bộ Việt Minh năm 1941, ngay gần cầu Kiệu ở Tân Định bây giờ. Căn nhà ấy không còn nữa. Một xóm nhà khang trang khác đã mọc lên trên khu vực đó. Nhưng anh vẫn hình dung ra được hình ảnh của căn nhà đáng nhớ ấy từ cái cánh cửa, từng lối đi, từng nơi cất giấu tài liệu, đồ dùng ẩn loát. Anh là người vừa làm biên tập, vừa in tài liệu và phát hành. Tờ *Giải phóng* ấy in bằng bột nếp và mực tím giới thiệu 10 chính sách của Việt Minh, tin tức thế giới, trong nước và những lời kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ hải ngoại gửi về, hoặc đăng lại những bài vở của Báo *Cứu Quốc* ở Việt Bắc được liên lạc đưa tới. Cho tới một ngày có một cán bộ do Trung ương phái vô làm việc (đồng chí Nguyễn Hữu Ngoạn, em trai đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến). Đồng chí Ngoạn chê tờ *Giải phóng* của Kỳ bộ in không đẹp. Đồng chí bảo: “Ở trong rừng Việt Bắc, người ta còn in được bằng chữ chì, bằng litô, vậy mà ở Sài Gòn in bằng bột, bằng xu xoa thì kém quá”.

Đồng chí Trần Văn Trà rất suy nghĩ về lời phê bình của đồng chí Ngoạn và tìm cách cải tiến công việc in ấn. Nhờ sự chỉ vẽ của đồng chí Ngoạn, đồng chí Trần Văn Trà và người em ruột là Nguyễn Việt Châu (tức Sáu Tâm đã hy sinh ở mặt trận Cần Thơ) đi mua bàn đá, viết chữ và in thử, không lần nào thành công. Đồng chí Trần Văn Trà đã nghĩ ra một cái mẹo là tới tham khảo ngay một nhà in lớn ở Sài Gòn, học tay nghề của họ. Anh mượn được một bộ đồ tay rất sang, ung dung bước vào nhà in Nguyễn Văn Của sát nách Sở Mật thám đường Catinat. Anh cho người chủ nhà in biết rằng anh là một sinh viên Trường Mỹ thuật Hà Nội mới tốt nghiệp, nay kế tục sự nghiệp của người cha để quản lý nhà in. Anh muốn thay đổi hàng loạt

máy in, chữ và kỹ thuật in ấn để nghề in của Hà Nội cạnh tranh với nghề in của Sài Gòn. Người chủ nhà in thấy được một món khách giàu, niềm nở đón tiếp và mời đi thăm nhà máy. Khi tới một phân xưởng in litô, anh dừng lại hỏi tì mỉ người quản đốc về các quy trình kỹ thuật. Sau đó anh hứa hẹn với người chủ nhà in sẽ quay trở lại làm các bản thống kê, tính toán việc chi phí để anh điện ra Hà Nội gửi tiền vô. Nhưng anh không trả về nhà, anh chờ cho hết giờ làm việc, đón người quản đốc mời vô nhà hàng và phàn nàn rằng tại nhà in của cha anh ở Hà Nội, việc in litô rất kém, không đạt kỹ thuật. Người quản đốc đã cho anh biết nhiều bí mật nhà nghề và những chất hóa học cần thiết cho việc in litô dù làm bằng thủ công hay bằng máy. Về sau anh còn gặp người quản đốc này nhiều lần và ông ta đã tặng cho anh một chai dung dịch hóa chất để “đưa về Hà Nội làm thử”.

Hai anh em anh xoay xở thực hiện theo những lời chỉ dẫn của người quản đốc và đã thành công. Tờ *Giải phóng* của Kỳ bộ Việt Minh in trên đá đẹp, rõ ràng, làm nức lòng các bạn đọc bí mật đang chờ đợi. Cho tới năm 1944, trụ sở in ấn tờ *Giải phóng* bị địch phát hiện và hai anh em anh đã bị bắt trong một đêm mưa ấy. Tên chánh mật thám Bazin đã nhốt các anh ngay trong khám Catinat sát vách nhà in Nguyễn Văn Của. Chúng tra tấn, đánh đập, dụ dỗ, mua chuộc nhưng các anh đều im lặng không khai. Cuối cùng tên Bazin đã hăm dọa anh. Hắn nói: Tao bắt được các cơ sở in ấn của cộng sản cũng nhiều. Tao chưa thấy nơi nào in đẹp như cơ sở bọn bây. Như vậy là bây có tay nghề giỏi. Bây chịu theo tao thì bây sẽ sung sướng, có nhà in cho bây tha hồ hành nghề... Còn nếu bây ngoan cố thì bây biết đó... Cứng đầu như Trần Phú là cùng... Lãnh án tử hình, chớ có ân hạn...

Đồng chí Trần Văn Trà chỉ im lặng. Chúng đành nhốt anh trở lại trong khám. Nhưng ngày Nhật đảo chính Pháp đã tới, thực dân Pháp chưa kịp giở thủ đoạn đê hèn với các anh thì đã phải tìm phương thoát thân...

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã sôi sục khắp nơi, từ Việt Bắc tới Cà Mau. Hai anh em anh lại hòa nhập với đồng bào, đồng chí trong các tổ chức cách mạng chuẩn bị cho ngày khởi nghĩa giành chính quyền...

Nhưng đó lại là một trang đời khác của tướng Trần Văn Trà suốt 30 năm đã đóng góp phần công lao không nhỏ cùng với đồng bào, đồng chí cả nước làm nên ngày chiến thắng giải phóng hôm nay.

Tháng 3/1987
Phạm Tường Hạnh

MỪNG HỌC TRÒ CŨ ĐẾN THĂM THẦY

Viết Lãm, Văn Trà với Khánh Cao,
Ba người trò cũ, bạn tâm giao.
Thăm thầy, cùng rủ đi chung đến,
Nghĩa cũ, tình nồng quý xiết bao!
Việc nước, người tài theo chí hướng,
Quân cơ, kẻ dũng luyện binh đao.
Thầy mừng tuổi trẻ cao tài đức,
Lập được danh thơm, chí khí hào.

Thu Cảnh Ngọ (tháng 10/1990)

Bút sơn Nguyễn Tấn Đức cảm đề thân tặng:

- Thượng tướng Trần Văn Trà
- Đạo diễn Nguyễn Khánh
- Thi sĩ Nguyễn Viết Lãm

Khi quý anh đến thăm, tôi muốn đọc bài thơ *Tự vịnh* của tôi, nhưng vì xúc cảm, quên đầu quên đuôi, đọc lỡ dở, và nguyên văn như thế này:

TUỔI GIÀ TỰ VỊNH

Yếu tướng¹ mà sao lại sống lâu?
Tiên đơn âu hẩn nắm cơ mầu.
Trường xuân bí quyết, ai truyền lại?
Bất lão linh đan, lấy ở đâu?

1. Hồi tôi còn nhỏ, có người chê tôi yếu tướng.

Điều độ¹, kiệm cần là yếu quyết,
Dưỡng sinh², bảo thọ ấy nhu cầu.
Thanh tâm, quả dục³ vui ngày tháng,
Mừng nước, mừng nhà, vuốt bộ râu⁴.

Nguyễn Tân Đức

26/12/1990

-
1. Bí quyết sống lâu của tôi.
 2. Bí quyết sống lâu của tôi.
 3. Bí quyết sống lâu của tôi.

4. Câu tôi thích nhất, nói lên hậu vận của tôi: Thỏa chí bình sinh, sống an nhàn (nhàn lai vô sự tiễn thần tiên).

BIÊN BẢN HỌP CHI BỘ 11 PHƯỜNG 6 QUẬN 3

Buổi họp khai mạc vào hồi 14 giờ ngày 24/02/1993.

Địa điểm tại nhà đồng chí Thoa.

Tổng số đảng viên: 44 đồng chí, có mặt 33 đồng chí.

Vắng mặt: 15 đồng chí có lý do.

Nội dung buổi họp

Phần thứ I: Thông qua bản tự kiểm điểm của đồng chí Trần Văn Trà

Sau khi nghe đồng chí Trà đọc bản tự kiểm điểm, ý kiến của Chi bộ bổ sung như sau: Nhất trí với bản tự kiểm điểm của đồng chí Trà và bổ sung thêm các điểm sau đây:

- Là một cán bộ cao cấp về hưu song đồng chí luôn luôn chấp hành nghiêm túc kỷ luật của Đảng.
- Cuộc sống rất giản dị bình thường, chan hòa, cởi mở với đồng chí và anh em.
- Với chức vụ một Thượng tướng mà đồng chí Trà không hề thể hiện mình là một cán bộ cấp cao, ngược lại đồng chí Trà rất gần gũi mọi người, sống chân thật, thẳng thắn, hòa nhã và hết lòng thương yêu bà con anh chị em nghèo. Đây là một đức tính rất đáng quý của một đồng chí có nhiều năm cống hiến tuổi xuân cho Tổ quốc.
- Tuy tuổi đời đã trên bảy mươi nhưng đồng chí Trà vẫn giữ được phẩm chất đạo đức của anh bộ đội Cụ Hồ là trung thực thẳng thắn, không xu nịnh cấp trên, hết lòng thương yêu và thông cảm với anh em cấp dưới, đồng cam cộng khổ với đồng đội từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp cho đến nay.
- Lập trường tư tưởng vững vàng, trước sóng gió, tin tưởng vào Đảng, vào con đường và tư tưởng của Bác Hồ đã chọn, mặc dù trước mắt đất nước còn gặp nhiều khó khăn, tình hình khối Đông Âu cũng như thế giới có nhiều xáo trộn.

- Đồng chí Trà và gia đình luôn có một cuộc sống giản dị bình thường, nhưng rất nền nếp, ngăn nắp gọn gàng và luôn chia sẻ giúp đỡ bà con trong phường cũng như chăm lo nâng đỡ cho các đoàn thể của đường phố 11 có kinh phí hoạt động, đưa phong trào dần dần vào nền nếp mà các phong trào đó trước đây hầu như bị lăng xuống (đó là gia đình đồng chí Trần Văn Trà cho thuê nhà một mặt để tu sửa ngôi nhà đã bị xuống cấp mặt khác lấy số tiền đó ủng hộ trên 200 triệu cho các cơ quan đoàn thể trong phường và thành phố).

- Đức độ trong sáng, cuộc sống chân thật giản dị của đồng chí Trà là tấm gương sáng trong Chi bộ cũng như nhân dân, rất xứng đáng với danh hiệu Gia đình cách mạng gương mẫu cấp thành phố.

- Do bận rộn nhiều công việc lớn hơn nên đồng chí tham gia được ít vào công tác đường phố. Chúng tôi chỉ mong nếu Đảng còn yêu cầu, đề nghị đồng chí đảm đương những việc trọng trách hơn để có lợi cho dân cho nước.

* Ý kiến đồng chí Trà: Xin tiếp thu những ý kiến đóng góp quý báu của chi bộ...

Buổi họp bế mạc vào hồi 16 giờ cùng ngày.

*Thay mặt Chi ủy Chi bộ 11
Thư ký*

Phạm Thị Xuân

TẾT KHÁNG CHIẾN

Những cái Tết “Quang Trung” ở chiến trường

Trong cuốn hồi ký *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*, Thượng tướng Trần Văn Trà đã viết về cảm xúc của mình trong buổi Bộ Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam tổ chức ăn Tết trước để tiến đồng chí vào Sài Gòn làm nhiệm vụ Trưởng phái đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam - một cương vị hoàn toàn khác với công việc của một tư lệnh chiến trường. “Đây cũng là sự việc đã diễn ra trong lịch sử chiến đấu của dân tộc ta. Quang Trung - Nguyễn Huệ đã khao quân ăn Tết trước, Tết Quý Dậu (1789) đại phá quân Thanh làm nên chiến công hiển hách. Mùa Xuân năm 1968, toàn miền Nam cũng đã ăn Tết trước, Tết Mậu Thân, tiến hành cuộc tổng tấn công và nổi dậy đập tan ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ. Mùa xuân này, Xuân Quý Sửu, chúng tôi lại ăn Tết trước để vào tận giữa sào huyệt của quân thù đòi chúng thi hành đúng đắn Hiệp định”.

Vinh dự lớn cho tôi, cả hai lần được đón Tết trước trên chiến trường miền Nam: Năm 1968 ăn Tết trước ở chiến khu để cùng đồng đội hành quân xuống kế cận Sài Gòn phục vụ Tiễn phuơng Bộ Tư lệnh Miền do đồng chí Trần Văn Trà trực tiếp chỉ huy trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy tại hang ổ đầu não của Mỹ - ngụy. Một cái Tết “Quang Trung” mà quân dân ta trên toàn miền Nam đã làm kinh hoàng Nhà Trắng, mất mặt Lầu Năm Góc, làm lung lay tận gốc ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Trong chương “Mặt trận mới” của tập hồi ký *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*, Thượng tướng Trần Văn Trà đã kể lại đầy đủ, sinh động cuộc đấu tranh trên mặt trận mới này. Tôi chỉ xin kể lại một chi tiết mà tôi được đại diện Báo Quân giải phóng miền Nam Việt Nam dự buổi tiễn Trung tướng Trần Văn Trà vào Sài Gòn. Vâng, tiễn Trung tướng Trần Văn Trà mà không phải là tiễn đồng chí Tư Chi hay Tư Nguyễn, bí danh thường dùng ở Bộ Tư lệnh Miền. Trong cuốn hồi ký, đồng chí Trần Văn Trà đã viết: “Giờ đây, trước một nhiệm vụ mới, tôi xuất hiện đối mặt với

đối phương, tất nhiên phải lấy một cái tên nào đó. Hầu như không suy nghĩ tôi lấy tên Nguyễn Việt Châu - người em ruột vô cùng thân thiết đã hy sinh năm 1969 trong lúc đang chủ trì cuộc họp của Đảng ủy thị xã Cần Thơ... Nhưng rồi một hôm tôi sực nhớ ra rằng mình về Sài Gòn không như một người xa lạ lại mang một cái tên khác thực là bất tiện". Chính từ những đắn đo suy nghĩ, đồng chí Trần Văn Trà đề nghị Trung ương Cục và Trung ương nhất trí đồng chí vào Sài Gòn với cái tên và cấp bậc Trung tướng Trần Văn Trà. Trong những ngày đấu tranh tại Hội nghị bốn bên, với cái tên công khai Trần Văn Trà "danh chính ngôn thuận" đã tạo nên thế chủ động cho phái đoàn ta, đẩy đối phương vào thế bị động đối phó, trong đó có những quan chức cao cấp, tướng lĩnh ngụy từng biết, từng được tiếp xúc với đồng chí như Thủ tướng ngụy Trần Thiện Khiêm, Thiếu tướng ngụy Lâm Văn Phát vốn tốt nghiệp Trường quân sự Pháp ở Đà Lạt, năm 1947 ra Đồng Tháp Mười xin vào bộ đội lúc đồng chí Trần Văn Trà là Khu trưởng, nhưng rồi không chịu nổi gian khổ, không có tinh thần yêu nước đã quay lại phục vụ quân đội xâm lược Pháp rồi lại trở thành tay sai cho đế quốc Mỹ. Tết "Quang Trung" năm 1973, cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị đã phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với cuộc chiến đấu oanh liệt của quân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đã "đánh cho Mỹ cút" tạo thế, tạo lực tiến lên "đánh cho ngụy nhào" mùa Xuân 1975, thực hiện trọn Lời chúc Tết mang tầm chiến lược của Bác Hồ kính yêu năm 1969.

Nguyễn Viết Tá

VẪN CÒN NHỮNG BĂN KHOĂN RAY RÚT TRONG NGƯỜI MỸ*

Đã gần 20 năm, quân đội Mỹ rời khỏi Việt Nam, hơn 15 năm chính quyền và quân đội do Mỹ dựng lên ở miền Nam Việt Nam sụp đổ, nhưng người Mỹ vẫn chưa dứt được những nỗi băn khoăn về cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Tính đến năm 1990, ở Mỹ đã xuất bản khoảng 7.000 quyển sách về cuộc chiến tranh này. Và cho đến nay vẫn còn những cuộc tranh luận gay gắt, cả trong quân đội, các giới nhân dân, học giả và báo chí. Cả hai phía chính quyền và nhân dân Mỹ đều rất muốn biết đích xác vì sao Mỹ thua trận, để rút ra những điều cần thiết. Những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chưa phải đã hết.

Nói về nguyên nhân thua trận, giới quân sự (phái hữu) Mỹ thường cho đó là do Quốc hội, Chính phủ và báo chí Mỹ bị lung lay trước một số khó khăn, và nhất là phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ. Quyển sách giáo khoa về cuộc chiến tranh ở Việt Nam (tác giả là Đại tá Marry Suminer) đang được giảng dạy ở các trường đại học ở Mỹ cho rằng đây là một cuộc chiến tranh như mọi cuộc chiến tranh thông thường khác giữa hai bên đánh nhau, chứ không có bên nào chính nghĩa hay phi nghĩa gì cả. Và thua là thua về chiến lược (do sự điều khiển sai) chứ trong các trận đánh quân đội Mỹ không thua trận nào!

Đông đảo dư luận Mỹ và nhiều nhà nghiên cứu không đồng tình với cách đánh giá đó nhưng cũng chưa rõ được nguyên nhân đếch thực.

Chính vì vậy, bà Jayne Warner - Phó Giáo sư tại Đại học Long Island, đồng thời là cán bộ nghiên cứu của Đại học Columbia (nổi tiếng ở Mỹ) và một số bạn Mỹ đã bàn với ta tổ chức cuộc hội thảo thứ hai về lịch sử chiến tranh Việt Nam tại Niu Yoóc, trên cơ sở những kết quả tích cực của hội thảo lần thứ nhất tổ chức ở Hà Nội

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng, ngày 01/12/1990.

năm 1988. Và họ đã mời Thượng tướng Trần Văn Trà, người mà họ cho là có thể giải thích cho các học giả và dư luận Mỹ.

Hội thảo được tổ chức ngay tại Đại học Columbia trong 2 ngày 16 và 17/11/1990, do bà Jayne Warner làm chủ tọa. Đến dự có 20 học giả theo xu hướng tự do và một số thành viên phong trào chống chiến tranh ở Việt Nam. Trong số đó có ông Roger Hilsman (cựu Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ thời Kennedy, đã từ chức khi Kennedy leo thang chiến tranh, và đã giảng dạy ở Đại học Columbia), các ông Ronald Spector, Larry Berman, George Herring - giáo sư đại học chuyên nghiên cứu về Việt Nam, vừa dự hội thảo về chiến tranh Việt Nam do Học viện Không quân Mỹ tổ chức ở Columbia; ông Jeffrey Clarke - sử gia cao cấp của quân đội Mỹ; ông David Elliott - giáo sư đại học, đã từng tham chiến ở Việt Nam, thạo tiếng Việt, có vợ người Việt, đã dịch quyển “Không còn con đường nào khác” của bà Nguyễn Thị Định...

Về phía ta, cùng với Thượng tướng Trần Văn Trà còn có đồng chí Lưu Doãn Huỳnh - chuyên viên cao cấp Bộ Ngoại giao, Đại sứ Trịnh Xuân Lãng - Trưởng đoàn đại diện nước ta ở Liên hợp quốc, và Đại sứ Nguyễn Cang - Phó đoàn.

Trong lời khai mạc, Giáo sư Alfred Stepan - Hiệu trưởng Trường Đào tạo trên đại học về quan hệ quốc tế (thuộc Đại học Columbia) cho biết ông vừa đi Hà Nội về, đã gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch. Ông tỏ ý hy vọng quan hệ trao đổi học giả giữa hai nước sẽ phát triển.

Có 23 bài tham luận đã được trình bày, nội dung có nhiều ý tốt nhưng còn nhiều điểm chưa rõ. Và phần quan trọng hơn cả chính là phần trao đổi, tranh luận hoặc giải đáp tại chỗ.

Chẳng hạn, đánh giá chiến lược Việt Nam, một số học giả Mỹ cho rằng đó là phỏng theo quan điểm chiến lược của Trung Quốc (3 giai đoạn, lấy nông thôn bao vây thành thị...); hoặc thậm chí chỉ là đánh du kích rồi khi mạnh thì đánh chính quy chứ không có chiến lược gì cả...

Thượng tướng Trần Văn Trà giải đáp: Việt Nam có chiến lược riêng, cách đánh riêng, không giống Trung Quốc, cũng không giống Liên Xô. Chiến tranh của Việt Nam là chiến tranh cách mạng. Cách mạng là tiến công. Chiến lược của Việt Nam là tiến công từ đầu tới cuối, bằng lực lượng tổng hợp: Du kích, địa phương, chính quy, cả chính trị và quân sự, cả ở nông thôn, rừng núi và thành thị. Các phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mỹ và thế giới được coi là lực lượng hỗ trợ đắc lực.

Trong chiến lược của Việt Nam có sách lược là không nhằm tiêu diệt toàn bộ hoặc đại bộ phận quân Mỹ mà là nhằm đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, khiến Mỹ phải rút quân, để Việt Nam dễ dàng đối phó với quân ngụy.

Các giới quân sự và nhiều học giả Mỹ cho rằng sau Tết Mậu Thân, Quân giải phóng bị suy yếu, phải quay trở lại đánh du kích, thất bại nặng về quân sự, nhưng thắng về chính trị (tác động vào chính quyền và dư luận Mỹ). Họ cho rằng từ năm 1969 đến năm 1975 lực lượng chính trị và quân sự của Mặt trận Dân tộc Giải phóng không hề phục hồi lại được, và miền Bắc Việt Nam đã lợi dụng để đưa quân ô ạt áp đặt ý chí của mình cho miền Nam Việt Nam...

Thượng tướng trả lời: Cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân chỉ nhằm làm cho Mỹ mất ý chí xâm lược, phải thay đổi chiến lược, phải rút quân. Quân giải phóng bị thiệt hại nặng, nhưng đã giành được thắng lợi lớn, đánh dấu sự thất bại của Mỹ, tạo bước ngoặt cho cuộc chiến tranh. Thực tế sau đó, với điều kiện vật chất sẵn có, chỉ sau 1 - 2 tháng, Mỹ đã trang bị lại đầy đủ cho quân Mỹ và ngụy. Còn lực lượng chính trị và quân sự của Mặt trận Dân tộc Giải phóng phải tới năm 1971 mới được phục hồi và năm 1972 mới sung sức. Các đơn vị được huấn luyện từ miền Bắc vào đều được đặt dưới sự chỉ huy của Quân giải phóng. Sự chỉ huy chiến lược đều thống nhất từ Trung ương, không có sự phân biệt giữa hai miền.

Tại hội thảo, đồng chí Lưu Doãn Huỳnh đã phát biểu một số ý kiến về “Chiến tranh Mỹ trong ký ức nhân dân Việt Nam”. Đồng chí nêu rõ: Nhân dân Việt Nam sung sướng và tự hào về chiến thắng, nhưng nhiệm vụ là xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, khó khăn do chiến tranh để lại còn nhiều, nhân dân Việt Nam rất trân trọng phong trào chống chiến tranh ở Mỹ và qua đó rất quý trọng nhân dân Mỹ...

Những người tham dự tỏ ý rất hài lòng về kết quả hội thảo lần này, mà họ cho rằng cao hơn lần trước. Cách giải đáp có hiệu quả của Thượng tướng Trần Văn Trà, cả về lý luận và những sự việc cụ thể, với thái độ thẳng thắn, cởi mở, khách quan, lời lẽ đúng mực, đã giúp làm sáng tỏ nhiều điều cơ bản, quan trọng. Điều này có ý nghĩa quan trọng, vì nhiều người đến dự là các học giả và nhà nghiên cứu của quân đội Mỹ, thường tham gia các hội thảo của quân đội và Chính phủ Mỹ.

Sau hội thảo, các bạn Mỹ còn mời Thượng tướng Trần Văn Trà đến nói chuyện và đối thoại với các giáo sư và sinh viên ở hai trường đại học Coocne và Benhamton. Và cũng rất được hoan nghênh. Nhiều người đã đến xin gặp, xin chụp ảnh chung và xin chữ ký lưu niệm.

PhuỚc Sanh

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ DỰ HỘI THẢO VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM TẠI MỸ*

Nhận lời mời đích danh của các nhà sử học Mỹ, tháng 11/1990 Thượng tướng Trần Văn Trà đã rời Thành phố Hồ Chí Minh lên đường đi Niu Yoc dự hội thảo Mỹ - Việt về cuộc chiến tranh Việt Nam. Đây là cuộc hội thảo thứ hai được tổ chức theo sáng kiến của bà Jayne Warner - Phó Giáo sư Trường Đại học Long Island kiêm giảng sư bộ môn sử học Trường Đại học Columbia (Cuộc hội thảo thứ nhất xoay quanh đề tài này đã được tổ chức tại Hà Nội hồi tháng 8/1988 theo đề nghị của Tổ chức hòa giải Mỹ - Đông Dương).

Cùng dự cuộc hội thảo với Thượng tướng Trần Văn Trà còn có Đại sứ Trịnh Xuân Lãng - Trưởng đoàn đại diện nước ta tại Liên hợp quốc, đại sứ Nguyễn Cang - Phó đoàn, đồng chí Lưu Doãn Huỳnh - chuyên viên cấp cao Bộ Ngoại giao ta. Về phía Mỹ, có hơn 20 nhà nghiên cứu phần lớn đều là các nhà sử học đang giảng dạy tại nhiều trường Đại học nước Mỹ, trong đó có một số là cựu chiến binh đã từng tham gia cuộc chiến tranh Việt Nam. Cuộc hội thảo đã được tổ chức tại Trường Đại học Columbia. Trong hai ngày 16 và 17/11/1990, 23 bản tham luận đã được đọc. Về phía Mỹ có nhiều bản nghiên cứu khá công phu, tuy nhiên vẫn còn nhiều nhận định chưa rõ hoặc chưa đúng về nguyên nhân thất bại của chính quyền Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Có một số tham luận cho rằng sở dĩ Mỹ thua trận là do phong trào phản đối chiến tranh tại hậu phương nước Mỹ, chứ không phải do thất bại trên chiến trường. Có nhà nghiên cứu, khi đề cập đến chiến lược, chiến thuật của Việt Nam còn nhận định đây là chiến lược, chiến thuật áp dụng từ kinh nghiệm của Trung Quốc...

Với tư cách là một nhà quân sự đã hoạt động lâu năm từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp và là người chỉ huy cao cấp trực tiếp chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Thượng tướng Trần Văn Trà bằng những lý lẽ

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Việt Nam*, tháng 01/1991.

sắc bén có dẫn chứng cụ thể, đã giới thiệu với các nhà sử học Mỹ đường lối đúng đắn và nghệ thuật quân sự độc đáo của Việt Nam, tính chất phong phú đa dạng, tất thắng của cuộc chiến tranh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân với nền quốc phòng toàn dân, hậu phương lớn chi viện tiền tuyến lớn, với phương thức tác chiến hai chân, ba mũi, trên ba vùng chiến lược, làm sáng tỏ nhiều vấn đề mà các nhà sử học Mỹ đang quan tâm. Nhiều nhà sử học Mỹ đã công khai phát biểu vạch rõ những sai lầm của nhà cầm quyền Mỹ đáng lẽ tránh được cuộc chiến tranh nhất định thất bại ở Việt Nam. Họ cho rằng cuộc hội thảo rất bổ ích, làm tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc.

Các nhà sử học Mỹ cũng cho biết, từ năm 1961 là khi Mỹ bắt đầu trực tiếp dính líu vào chiến tranh Việt Nam cho tới cuối năm 1990, đã có gần 7.000 cuốn sách xuất bản ở Mỹ viết về cuộc chiến tranh Việt Nam. Có một số sách tốt thể hiện thiện chí của người viết, nhưng cũng có nhiều cuốn cố tình xuyên tạc sự thật. Những cuộc hội thảo giữa hai bên là những dịp tốt để tăng cường hiểu biết sự thật lịch sử, góp phần cải thiện quan hệ giữa hai nước.

Sau khi kết thúc cuộc hội thảo tại Trường Đại học Columbia, Thượng tướng Trần Văn Trà đã nhận lời mời tới nói chuyện tại một số trường đại học, gặp gỡ và đối thoại với nhiều nhà nghiên cứu lịch sử, nhiều sĩ quan trong tổ chức cựu chiến binh Mỹ. Nhiều người Mỹ tỏ ý mong muốn nhanh chóng thúc đẩy quan hệ bình thường giữa hai nước Mỹ và Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều cuộc tiếp xúc tiếp theo giữa các cựu chiến binh Việt - Mỹ cũng như các tổ chức khác trên các lĩnh vực.

Nguyễn Lâm

GẶP THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ CHUYỆN KỂ VỀ MỘT THỜI TUỔI TRẺ*

... “Các bạn bây giờ thường xuyên phải trả lời những câu hỏi “Tại sao?” trong toán học, văn chương, nhất là các câu hỏi cho địa lý, sử, ngoại ngữ. Nhưng với chú, 11 tuổi, chú đã loay hoay nhức nhối với câu TẠI SAO, rất lớn”. Thượng tướng Trần Văn Trà ngồi như thấp hẵn đi trước bàn viết đầy sách vở. Thời giờ của ông thật hiếm hoi. Ngày thường ông tiếp tục viết sách về cuộc chiến tranh. Những ngày lễ kỷ niệm tới gần, ông càng bận. Các nhà báo nước ngoài phỏng vấn, báo chí trong nước đặt bài, gấp gáp. Ngay lúc ông tiếp chúng tôi, cũng phải dừng lại để nhận bộ quân phục tướng sẽ mặc trong ngày lễ 30/4.

Ông nhớ lại, cố thoát ra khỏi cái bận rộn xung quanh. “Hồi ấy chú 11 tuổi nhưng quê ở Quảng Ngãi, nơi có phong trào chống sưu thuế rất mạnh. Năm 1930, chú đã tham gia rải truyền đơn. Tại sao dân mình khổ thế? Đấy là câu hỏi TẠI SAO đã đến với chú sớm nhất. Tất cả những ai hiểu biết chút đỉnh rồi đều đặt câu hỏi đó”.

Ông kể lại lần chứng kiến khủng khiếp khi còn là học sinh nhỏ. Ngôi trường ở ngay cạnh lô, đoàn biểu tình từ xã lên huyện, đã đi qua. Lính khố đỏ, lê dương đặt súng liên thanh giữa đường, chặn lại. Súng xả thẳng vào đoàn người. Trường cho nghỉ học, nhưng tất cả ngôi im trong lớp, nhìn ra. Người chạy dạt ra hai bên đường, xuống ruộng. Lúc tan học, chú bé 12 tuổi ấy đi dọc các hàng xác chết đẫm máu...

“Chú không có tuổi thơ như các cháu bây giờ. Hoàn cảnh khác nhau lắm. Vậy biết kể gì cho gần gũi với các bạn đây”. - Vị tướng phong trần qua mấy cuộc chiến tranh, trông như một người ông hiền từ đang cố gắng tìm chuyện kể cho con cháu.

“Năm 1936, đang học, chú tham gia Đoàn Thanh niên Dân chủ. Tuy là vào một đoàn thể, nhưng ngày đó dễ tù lầm. Chú đã mùng rõ ký ngay nhận bản án tù. Vì khi

* Bài viết đăng trên đặc san Báo Hoa học trò, ngày 25/02/1994.

ở Huế chú tham gia, rồi vào Sài Gòn. Không ngờ bể ở Huế, tất cả bị bắt, mọi giấy tờ, bản án đã xong, chúng vào bắt “nốt” chú còn ở Sài Gòn. Thấy án 6 tháng tù, thật may. Chú ký liền. Nó không biết chú đã vào Đảng năm 1938.

Gay go nhất là lúc trốn vào Sài Gòn trong khi vẫn bị quản thúc tại quê sau khi ra tù. Ba mất, má thương con không muốn con đi. Bà dỗ: Nước mình đông người làm cách mạng lăm. Nhà mình khổ sở, người không có. Thôi thì để người ta tham gia... Nhưng rồi má cũng cho đi.

Để chú kể lần tù thứ hai, nơi bị nhốt chung với thường phạm giết người. Chú trẻ khỏe, thường bảo vệ anh em. Vì bị bắt cùng toàn bộ tài liệu in Báo *Giải phóng*, cơ quan của Xứ ủy Nam Kỳ, nên chú bị đánh nhiều lăm. Chính cò Bazin khét tiếng đã đánh chú. Nó đánh chú và nói: Mày giỏi chịu được như tao đã đánh Trần Phú thì tao mới thua mày. Nó không bao giờ hiểu được chính câu nói đó đã tiếp thêm sức cho chú chịu đựng noi gương Trần Phú”.

Khi đó ông bị bắt là do một người của Trung ương vào, bị bắt đã phải khai ra. Khi ông bị giặc dẫn vào cho nhìn thấy thân hình người đó, lòng ông cũng xót thương và hiểu tại sao anh ấy phải khai. Không còn ra hồn người nữa. Sau đó anh ấy chết.

“Chú đã vận động số tù thường phạm. Và trong số đó có nhóm tướng cướp Bình Xuyên khét tiếng đã được giác ngộ. Trong đó có anh Bảy Rô, bạn chú, mới mất cách đây một tuần. Anh Bảy Rô sau này tham gia cả hai cuộc kháng chiến rất trung kiên. Anh ấy còn nổi tiếng vì năm nào cũng làm giỗ Bác Hồ, mời rất đông đồng đội...”.

Vị tướng ngồi lặng đi nhớ bạn. Ánh mắt ông như đang nói: Còn biết bao điều không kể hết được...

Những mẫu chuyện vắn tắt thời trẻ của vị tướng, từ tuổi thơ, đoạn ở tù, những ngày diện comlê giả làm con chủ nhà in xin vào học kinh nghiệm ở nhà in để về cơ sở bí mật cải tiến in báo... Ông không viết ra ở đâu cả, dù ông viết rất nhiều sách. Công trình năm tập mới xong tập 1 và 5 còn lại tập 2, 3, 4. Mà liên tục truyền hình Anh, Úc, Nhật, Canada... đến làm phim về ông, cũng không có đoạn thời trai trẻ này. Người ta, cũng như ông, quan tâm đến tổng kết và nhìn lại diễn tiến của chiến tranh.

Khác với nhiều người thường nói tuổi trẻ bây giờ có nhiều điều kiện sung sướng, vị tướng đôn hậu này nói rất chân thật: “Thuở của chú có hoàn cảnh tốt hơn, quê hương có truyền thống cách mạng, được người lớn giáo dục, sớm có một ý chí rất lớn”. Tuy vậy, ông dặn các bạn trẻ:

“Ngày nay các bạn không qua hoàn cảnh đó. Ngay các bạn 20 tuổi là đã không biết chiến tranh. Các bạn đang nỗ lực cho nhiệm vụ hôm nay. Nhưng các bạn phải nhớ tìm hiểu lịch sử các thời kỳ của dân tộc. Nếu không thì các bạn sẽ không hiểu mình là ai, ở một dân tộc như thế nào”.

Nguyễn Thị Ngọc Hải

CUỘC GẶP GỠ GIỮA NHỮNG ĐỐI THỦ CŨ*

Ngày 31/3/1995, một phái đoàn gồm 18 cựu binh Mỹ bắt đầu hành trình 8 ngày trở lại thăm Việt Nam. Các thành viên trong đoàn, trung sĩ có, thiếu úy có, đại úy có, trước đây lần lượt phục vụ trong Trung đoàn thiết kỵ không vận 11 của quân lực Mỹ từ năm 1967 đến năm 1970. Đơn vị này có quân số khoảng 5.000 người, thường đóng quân và hành quân ở Biên Hòa, Long Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc Vùng 3 chiến thuật trước đây. Gần 30 năm sau khi khói lửa chiến tranh đã qua đi, họ lại cùng nhau trở lại thăm chiến trường xưa.

Không còn những chiến xa M113, tăng M48 và cũng đã hết những B40, AK47 “đón” họ như trước. Lần này họ đến không chỉ để thăm chiến trường cũ mà quan trọng hơn, theo phát biểu của Dave Gallo (Trưởng đoàn đồng thời là viên chức của Công ty Peace Patrols Unlimited) là để “tìm hiểu về đất nước Việt Nam, con người Việt Nam, tham quan các di tích văn hóa - lịch sử, tất cả những điều tốt đẹp mà chúng tôi không hề được biết trong lần trước đến đây, không may là trong tư thế người lính và trong thời chiến”.

Khi đoàn cựu binh của Trung đoàn thiết kỵ 11 Hắc Mã đến Việt Nam thì việc đầu tiên của họ là xin được đến thăm Thượng tướng Trần Văn Trà. Tại Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, sáng ngày 31/3 qua, trong sự ngạc nhiên, tò mò pha lẫn xúc động, họ đồng đứng bật dậy, giương cao máy ảnh chụp hình vị tướng chỉ huy các đơn vị “Việt cộng” từng làm họ khiếp đảm ở Mặt trận B2. “Ông tướng trông vẫn khỏe quá. Cứng cáp và tráng kiện hơn chúng tôi nhiều dù chúng tôi ít tuổi hơn ông”, một cựu binh to béo cầm video quay mãi không thôi nói nhỏ với chúng tôi.

“Đối với chúng tôi, hòa bình là rất quý giá. Hơn bất cứ dân tộc nào khác, chúng tôi biết giá trị của hòa bình. Có hòa bình, chúng ta mới có dịp ngồi với

* Bài viết đăng trên Tạp chí *Kiến thức Ngày Nay*, số 172, năm 1995.

nhau trong bầu không khí thân thiện, nồng ấm như thế này”, Thượng tướng mở lời cho buổi gặp gỡ đáng ghi nhớ đó. Đây ghế bên này là các cựu binh Mỹ mà cách đây 20 năm đã là những kẻ bại trận và bên dãy đối diện với họ là những cựu binh “Việt cộng”, những người thắng trận. Họ gặp nhau lần này trong không khí hòa bình để xây dựng tình bạn và để bàn định các kế hoạch hợp tác trong các lĩnh vực du lịch, kinh doanh, bảo tồn và trùng tu các di tích chiến tranh, dạy nghề và chăm lo sức khỏe cho thương binh, khuyến khích các chương trình mang tính nhân đạo... Donald Johnson, một thành viên của đoàn cho biết Hội Cựu chiến binh Trung đoàn thiết kỵ 11 đang đề nghị thành lập thêm một ủy ban thứ sáu, Ủy ban cựu binh Mỹ - Việt, chuyên lo về hợp tác giữa cựu binh hai nước Việt - Mỹ. “Trong chương trình trở lại thăm Việt Nam, đoàn chúng tôi sẽ đến dâng hoa tại Nghĩa trang liệt sĩ Tây Ninh, thăm các trường học, Thánh thất Cao Đài...”, ông cho biết thêm. Sau đó, ông ngỏ lời mời Thượng tướng Trần Văn Trà sang thăm Mỹ.

Thượng tướng Trần Văn Trà hoan nghênh việc cựu binh Mỹ trở lại thăm Việt Nam với mục đích hợp tác vì hòa bình và hy vọng nhiều cựu binh khác cũng sẽ đến Việt Nam. “Cựu binh của Sư đoàn 1 bộ binh, vẫn quen với tên gọi là Anh cả đỏ, Sư đoàn 25 bộ binh Tia chớp nhiệt đới, Lữ đoàn 1 kỵ binh bay đều rất quen thuộc đối với chúng tôi, những người lính của B2 cũ. Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp gặp lại họ trong bầu không khí thân ái và hòa bình như thế này”. Tướng Trà tặng cho các thành viên trong đoàn những chiếc đèn dầu nhỏ làm bằng khí tài chiến tranh Mỹ và nói: “Với những chiếc đèn tỏa ra những tia ánh sáng nhỏ bé này mà trong bao nhiêu năm chiến tranh chúng tôi đã thắp sáng màn đêm. Nay gửi tặng các bạn để làm vật kỷ niệm”. Những chiếc đèn nhỏ bằng duralumin ấy đã thắp sáng niềm tin vào chính nghĩa và dẫn đường cho “Việt cộng” đến chiến thắng - một cựu binh Mỹ nhận xét sau khi nhận món quà đầy ý nghĩa từ tay tướng Trà. Từng người một, họ lần lượt tiến đến bắt tay và chụp ảnh chung với vị tướng đối phương từng là nỗi kinh hoàng của họ cách đây hơn 1/4 thế kỷ.

Trong đoàn cựu binh của Trung đoàn thiết kỵ 11, tôi chú ý đến một người râu tóc bạc trắng, trông giống một “tổ phụ” hơn là một cựu binh. Ông là Gordon Livingstone, trước đây là bác sĩ quân y của đơn vị này. Ông là một con người can đảm, một trong những người lính Mỹ sớm hiểu ra mặt trái của cuộc chiến tranh Việt Nam. Một ngày chủ nhật cận lễ Phục sinh năm 1969, vị bác sĩ quân y này đã truyền tay cho các chiến binh bài thơ ông sáng tác với nội dung châm biếm mục tiêu “sát thương đối phương càng nhiều càng tốt” của các cấp lãnh đạo Mỹ, mà đại biểu nhiệt tình nhất chính là sĩ quan chỉ huy Trung đoàn Hắc Mã.

Vì hành động “phản chiến” này, Thiếu tá Bác sĩ Gordon Livingstone suýt bị đưa ra tòa án binh, nhưng do lo ngại vụ án sẽ có tiếng vang không tốt cho mục tiêu quân sự Mỹ tại Việt Nam, người ta đưa ông về nước và ra khỏi quân ngũ sớm. Lúc lên đường về Mỹ, động lòng thương một bé trai Mỹ da đen lai Việt Nam mồ côi, Bác sĩ Livingstone nhận em làm con nuôi và đưa về Mỹ sống. Trở lại Việt Nam lần này, người con nuôi ấy cũng đi theo ông. “Tôi sang đây với mục tiêu tìm lại mẹ tôi. Năm nay mẹ tôi đã hơn 60 tuổi rồi mà tôi chưa bao giờ biết mặt”, Michael Livingstone cho biết.

Ngay khi ra khỏi quân ngũ, tháng 9/1969, Bác sĩ Gordon Livingstone đã viết bài báo “Giải thích sai lầm của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam”. Bài được đăng ngày 20/9/1969 trên tờ *Saturday Review*. Qua bài báo, người ta thấy ông “sớm có cái nhìn phản chiến” dù ông được đào tạo chính quy, công phu để trở thành một sĩ quan quân đội Mỹ chính hiệu. Ông viết:

“Tôi là sĩ quan tốt nghiệp Học viện Quân sự Mỹ (US Military Academy, USMA). Trước khi ra trường, tôi đã có ý định trở thành bác sĩ. Vào thời đó, binh chủng bộ binh Mỹ cho phép sĩ quan tốt nghiệp USMA được theo học trường y với điều kiện phải chọn ngành quân y. Tuy nhiên, điều kiện đầu tiên là người lính ấy phải trải qua 2 năm với tư cách sĩ quan trong một “đơn vị tác chiến”. Vì thế, tôi học để tốt nghiệp khóa đào tạo biệt động quân, nhảy dù rồi sau đó là trung úy bộ binh thuộc Sư đoàn dù 82 (nổi tiếng từ Thế chiến thứ hai), đóng tại Fort Bragg, North Carolina. Sau 2 năm, tôi nộp đơn xin nghỉ phép 5 năm để theo học y tại trường y của Quân y viện John Hopkins và tốt nghiệp bác sĩ năm 1967. Năm 1968, tôi tình nguyện sang Việt Nam.

Trước khi lên đường sang Việt Nam, tôi cũng xoay xở để được tham dự khóa học của Viện hoạt động đối ngoại (Foreign Services Institute) thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ gồm 6 tuần nghiên cứu về chính trị, tôn giáo, văn hóa và lịch sử Việt Nam cũng như các hoạt động quân sự và dân sự của Mỹ tại đó. Sau đó là 5 tuần tập trung học tiếng Việt, rồi 5 tuần đào tạo bác sĩ quân y tại Fort Rucker, bang Alabama. Tôi đặt chân lên đất Việt Nam vào tháng 11/1968, với quân hàm thiếu tá và được cử làm bác sĩ quân y của Trung đoàn thiết kỵ Hắc Mã. Sĩ quan chỉ huy đơn vị có 5.000 quân này là Đại tá George S. Patton III, con trai của tướng Patton thời Thế chiến thứ hai. Trong những tháng sau đó, tôi có điều kiện biết Patton rất rõ. Là thành viên cán bộ chính của Trung đoàn, tôi ăn tối chung bàn với Patton và tham dự các buổi họp đêm điểm qua tình hình trong ngày do ông chủ trì. Ở một khía cạnh nào đó, Patton là biểu trưng của những hành động và thái độ - nguồn gốc của sự thất bại của Mỹ trong chiến cuộc Việt Nam.

Sự thật hiển nhiên đối với tôi là, hầu hết lính Mỹ không quan tâm đến người Việt Nam. Thái độ của chúng ta, những người hoạt động dân sự và những người hoạt động quân sự tại Việt Nam, là một sự khinh thường. Thái độ hống hách ấy được biểu lộ bằng nhiều hình thức, từ việc không phân biệt bạn thù, mặc sức tàn phá sự sống và tài sản, đến hành động được gọi là hoạt động vì xã hội và nhân đạo theo kiểu bối thí. Người Việt Nam, một dân tộc thông minh và nhạy bén, đã nhận biết rất rõ sự thiếu vắng thái độ thân ái của chúng ta. Ngược lại, chúng ta cứ tạo ra ảo tưởng là đang gặt hái kết quả tốt bằng việc cứ đưa ra những số liệu vô nghĩa để làm chứng cho những dự đoán về các thành quả đạt được mà sau đó cho thấy là hoàn toàn sai lạc. Và việc giết chóc cứ tiếp tục mãi. Có rất nhiều thí dụ về thái độ xem thường người Việt Nam của chúng ta. Tôi đã từng thấy cảnh chúng ta dùng trực thăng rượt đuổi gây ra cái chết cho hai phụ nữ Việt Nam đang di chuyển trên xe đạp, lái xe dây xích vào ruộng lúa, từ trên xe đang phóng nhanh ném khẩu phần lương khô xuống cho trẻ em... Trong hoạt động y tế - xã hội, có lệnh là không bao giờ cho bệnh nhân người Việt phần thuốc quá hai ngày do chúng ta sợ số thuốc có thể sẽ rơi vào tay Việt cộng. Những lần đến khám bệnh tại các làng xã xa xôi là rất hân hữu, do đó việc cung ứng, chăm lo y tế - sức khỏe cho người Việt chỉ là ảo tưởng (...).

Người ta chỉ cần lắng nghe những mẩu đối thoại giữa các lính Mỹ với nhau là có thể nhận ra ngay thái độ xem thường người Việt Nam. Dù bạn hay thù, người Việt Nam được chúng ta gọi bằng những từ ngữ thô tục, khinh chế như gook, slope, dink. (...). Ở nhiều trường hợp, thái độ của chúng ta là thái độ phân biệt, kỳ thị chủng tộc. (...).

Đại tá Patton đã nhận được rất nhiều huân chương, bằng khen khi kiên trì thực hiện bằng được yếu tố quan trọng mà theo đó người ta đánh giá một cấp chỉ huy: đếm số đối thủ bị hạ sát (body count). Ông ta có thể nói nhiều về tầm quan trọng của những hành động dân sự vì sự tốt đẹp cho xã hội Việt Nam nhưng chưa bao giờ ông lại thành thực hơn cái đêm ông nói với các sĩ quan thuộc cấp rằng “tỷ lệ 90% giết hại và 10% bình định hóa mà chúng ta tiến hành hiện nay là vừa đúng”. Theo tôi, Patton không phải là sĩ quan xuất sắc nhất, cũng không phải là tồi nhất trong giới quân đội Mỹ tại Việt Nam. Ông ta đơn giản chỉ là sản phẩm của tư tưởng sai lầm cho rằng việc kiên quyết tàn phá (đối phương) phải được tưởng thưởng thật nhiều. Thậm chí trong lời cầu nguyện đọc trước đoàn quân, viên tuyên úy của Trung đoàn còn khấn cầu Thượng đế “ban cho chúng con sự khôn ngoan dò tìm ra bọn khốn nạn để tiêu diệt chúng, xin cho chúng con sức mạnh để tiếp tục chiến đấu...”.

Quan điểm (phản chiến) của tôi, không ai trong Trung đoàn không biết. (...) Và cuối cùng tôi cảm thấy mình phải phản đối. Thời cơ tự nó đến vào Chủ nhật

lễ Phục sinh trong buổi nghi thức chuyển quyền chỉ huy của Đại tá Patton có sự tham dự của Đại tướng Abrams và khoảng 20 vị tướng khác. Buổi lễ ấy đúng là một cuộc khiêu vũ của thần chết khi mà Patton thuật lại những chiến công của mình và tướng Abrams thì trao cho ông ta Huân chương Legion of Merit và gọi ông ta là “một trong những sĩ quan chỉ huy trẻ xuất sắc nhất của tôi”. Khi nghi thức đang kết thúc với việc viên tuyên úy xin Thượng đế ban phép lành cho đoàn quân, tôi rảo ngang các hàng quân và phát ra khoảng 200 bản in lời cầu nguyện mà tôi đã sáng tác. Phản ứng tức khắc. Tôi bị ngưng công tác và giam vào xe - nhà trong 48 giờ, sau đó được đưa đi giám định tâm lý (bước khởi đầu của mọi quá trình dẫn đến việc đưa một binh sĩ hay sĩ quan ra tòa án binh). Rồi người ta tiến hành điều tra. Kết quả là thay vì bị đưa ra tòa án binh, tôi chỉ nhận một thư khiển trách và bị thuỷ chuyển đến Bệnh viện dã chiến 93 tại căn cứ Long Bình. Tôi làm việc tại đây trong một tháng cho đến khi vị tổng chỉ huy quân lực Mỹ tại Việt Nam (USARV) quyết định chuyển tôi về Mỹ vì tôi tỏ ra là một “mối rắc rối cho công tác chỉ huy”. Tôi trở về Mỹ ngày 17/5/1969. Trước ngày ra đi không lâu, thật nực cười, vì một hành vi dũng cảm trước đó bốn tháng, tôi được trao tặng (trong một nghi thức kín) Ngôi sao đồng. Ngay sau khi đến Mỹ, viện lý do sẽ lên tiếng với công chúng - dù còn trong hay ngoài quân đội - phản đối (chiến tranh), tôi đệ đơn xin được ra khỏi quân đội. Và mặc dù tôi còn đến hơn 4 năm tuổi lính đã ký phải theo, tôi cũng đã được cho xuất ngũ vào ngày 17/7.

Trích Lời cầu nguyện của Hắc Mã do Thiếu tá Gordon Livingstone soạn và phát cho đoàn quân vào dịp chuyển quyền chỉ huy của Đại tá George S. Patton III:

“Lạy Thượng đế, đấng ngự thiên, xin hãy nghe lời cầu xin của chúng con. Chúng con xin ngài giúp chúng con trở thành những người lính giỏi hơn. Xin cho chúng con khẩu súng bắn 10.000 viên đạn/phút, quả bom napalm cháy trong cả tuần. Xin hãy giúp chúng con đem cái chết đến mọi nơi chúng con đi qua. Chúng con xin cảm ơn ngài vì đã cho chúng con cuộc chiến tranh này, dù nó không là cuộc chiến hay nhất nhưng như thế vẫn hay hơn là không có cuộc chiến nào khác (...). Xin ngài cũng không quên những đứa con của ngài đang trốn chúng con trong rừng sâu, hãy đem chúng đến dưới bàn tay ban ân huệ của chúng con hầu chúng con chấm dứt cho chúng khỏi phải chịu đựng thêm các nỗi đau. Xin phù trợ chúng con vì chỉ có ngài ra tay, chúng con mới tiêu diệt được nguy cơ hòa bình mãi đe dọa chúng ta. Tất cả những lời nguyện xin trên, chúng con xin dâng lên nhân danh con của ngài, George Patton. Amen”.

P. Nguyễn Dũng

XIN KẾ CHUYỆN TÌNH NÀY

Một lần tiếp xúc với Thượng tướng Trần Văn Trà, tôi may mắn được ông kể một việc ngoài lề công việc chung. Một chuyện tình. Gần nửa thế kỷ trôi qua, chuyện không hề cũ. Người nghe là tôi vẫn khắc sâu trong tâm khảm và khắc khoải suy ngẫm về lẽ sống, về nhân cách những người đang yêu, được yêu...

Người lính già đâu bạc đó kể:

Cuối năm 1948, ông từ Nam Bộ ra Việt Bắc dự Hội nghị Quân sự toàn quốc. Trước ngày ông trở về chiến trường cũ, Kỹ sư quân giới Phan Văn Diên đến nhờ ông khi đi qua Quảng Ngãi chuyển giúp một lá thư. Người nhận là Trần Thị Cúc Hoa - giáo viên toán Trường Trung học Lê Khiết. Thời gian gấp gõ không lâu, anh Diên chỉ cho biết qua hồi đầu Cách mạng Tháng Tám, anh và chị Cúc Hoa cùng tham gia phong trào trí thức ở Huế. Rồi anh vào bộ đội, được điều động ra Bắc xây dựng ngành quân giới lúc này còn rất nhiều khó khăn. Khi cuộc kháng chiến sắp bùng nổ, chị xin thôi dạy ở Trường Nữ sinh Đồng Khánh chuyển về Quảng Ngãi với gia đình. Nhưng anh chị đã đính hôn với nhau, hai cụ anh Diên đã chính thức thưa chuyện với hai cụ chị Cúc Hoa.

Ông vui vẻ nhận giúp anh Diên và tự coi mình là sứ giả tình cảm của đôi vợ chồng chưa cưới đó, do hoàn cảnh kháng chiến nên họ tạm thời phải cách trở như “sen mùa hạ, cúc mùa thu”. Sau một tháng hành quân bộ, ông đặt chân đến Quảng Ngãi, một tỉnh vùng tự do Liên khu 5, cũng là mảnh đất quê hương từ đây ông dẫn thân đi làm cách mạng. Nhưng một sự việc đau lòng xảy ra mới hai hôm trước. Lúc 15 giờ ngày 21/3/1949, hai máy bay khu trực của quân Pháp đến ném bom xuống trường Lê Khiết. Mười tám giáo viên và học sinh thiệt mạng, trong đó có cô Trần Thị Cúc Hoa. “Ôi, giá mà mình đến sớm một chút... mang lại niềm vui cho người đó trước khi vĩnh biệt cõi đời...”. Lòng ông tràn ngập xót thương, tiếc nuối. Thời gian lưu lại Quảng Ngãi chỉ một ngày một đêm, ông đến chia buồn với cụ giáo Trần Thanh - thân phụ cô Cúc Hoa, đồng thời ông đến thăm nhà thơ Nguyễn Viết Lãm - bạn đồng môn hồi tiểu học. Nhà thơ cũng rất đau buồn trước cảnh tang tóc

địch vừa gây nén, ngậm ngùi đọc bài thơ *Giặc ném bom trường Lê Khiết* mới sáng tác, trong đó có đoạn:

“...Hai mươi tuổi thăm màu hoa cúc,
Mắt chưa nhìn vui đã khép rồi.
Tiếng khóc học trò đau đứt ruột,
Thương cô giáo trẻ sớm lìa đời!”.

Còn ông Trần Văn Trà cũng ngậm ngùi không kém, trao đổi với bạn: Chiều nay trước khi đến thăm cậu, mình đã viếng cô giáo Cúc Hoa. Trước ngôi mộ, cỏ chưa kịp nhú, mình thắp một nén nhang thơm và đọc lá tâm thư của Phan Văn Diên cho cô nghe. Rồi mình đốt thư, rải tàn lên mộ...

Ba, rồi bốn thập kỷ đi qua... Câu chuyện trên theo năm tháng chìm sâu vào thăm thăm thời gian, tưởng chừng chỉ còn như một kỷ niệm vừa đau buồn vừa đẹp đẽ. Nhưng không phải vậy. Trước thềm Xuân 1992, nhờ nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh cho biết địa chỉ, anh Phan Văn Diên đã viết thư nhờ anh Nguyễn Việt Lãm chép cho mình bài thơ cũ *Giặc ném bom trường Lê Khiết*. Rồi trở thành người thân của anh Lãm, trong những lá thư tiếp theo anh Diên có dịp tâm sự tỉ mỉ:

Hồi chia tay ở Huế, hai anh chị Diên - Hoa xiết bao lưu luyến bùi ngùi. Nhưng ý thức công dân đối với đất nước đang lúc nước sôi lửa bỏng không cho phép nặng tình riêng. “Anh rất muốn theo Cúc Hoa về Quảng Ngãi, nhưng lúc này chưa thể được”. - “Đành vậy thôi, anh yêu. Nếu sau này có điều gì không may xảy ra trong tình yêu của chúng ta, em xin vui lòng chịu”.

Năm 1947, Cục trưởng Quân giới Trần Đại Nghĩa bàn chuyện chuyển anh Diên vào Liên khu 5 để hợp lý hóa gia đình. Nhưng Quân đội ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng đói súng, đói đạn, anh Diên xin ở lại tiếp tục làm trợ thủ đắc lực cho Cục trưởng một thời gian nữa. Rồi đầu năm 1949, đồng chí Phạm Văn Đồng đại diện Chính phủ Trung ương tại miền Nam Trung Bộ và đồng chí Cao Văn Khánh - Khu trưởng Khu 5, trước khi ra Trung ương nhận nhiệm vụ mới, đều có ý định giúp chị Cúc Hoa chuyển ra Bắc. Chị đã xin ở lại, vì trước mắt cha mẹ già và đàn em nhỏ đang cần chị đỡ đần. Vậy là những cơ hội cho sự sum họp đều đi qua, cho đến tấm thảm kịch chiêu ngày 21/3 đó...

Một thời gian sau, nhân ra dự Đại hội Thanh niên toàn quốc, một đại biểu của Liên khu 5 là Khôi đã tìm gặp Phan Văn Diên trao cuốn nhật ký của chị Cúc Hoa để lại. Anh còn cho biết thêm một chi tiết nao lòng là lúc hấp hối chị không ngót gọi tên anh Diên, gọi cho đến lúc lịm hẳn.

Chuyện cũ nay được tỏ tường thêm, anh Lãm thấy mình có trách nhiệm an ủi người trong cuộc, an ủi “nỗi đau không thể nào phai nỗi” theo lời anh Diên nói. Nỗi đau của Phan Văn Diên lớn lao đến nỗi anh không dám giở lại chồng thư cũ của Cúc Hoa, không dám đọc lại những gì người yêu ghi trong nhật ký, cũng không dám đọc lại nhiều lần bài thơ anh Lãm chép gửi cho!

Cũng không phải chờ đợi lâu, ngay trong năm 1992, nhà thơ Nguyễn Viết Lãm tái ngộ Thượng tướng Trần Văn Trà và kể lại những điều trên. “Nhớ rồi, mình vẫn nhớ chú, hồi đầu xuân năm ấy...”, vị tướng vừa vỗ trán vừa đáp lời bạn. Hai bậc cao niên đều đã trên tuổi thất tuần, dành một khoảnh khắc triền miên theo dòng suy ngẫm. Rồi nhà thơ nói trước:

- Chỉ tiếc tôi không có khả năng viết tiểu thuyết để có thể tái hiện một hiện thực phong phú và bi hùng, với những con người đáng quý mến và đáng khâm phục nhường kia.

Vị tướng tiếp lời:

- Có thể hiện nay anh Diên đã có một tổ ấm, vợ con, cháu chắt để huề. Nhưng mối tình đầu... Anh là một nguyên mẫu rất đẹp của một tình yêu đôi lứa thật trong sáng, cao thượng và một tấm lòng chung thủy hiếm có.

Mồng Hai Tết Bính Tý (1996)

Trương Nguyên Tuệ

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ ĐÃ TỪ TRẦN*

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh và gia đình thương tiếc báo tin Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần hồi 11 giờ 50 phút ngày 20/4/1996.

Thượng tướng Trần Văn Trà (tức Nguyễn Chấn) sinh năm 1919 trong một gia đình nông dân lao động, ở làng Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1936, khi còn học ở Trường Kỹ nghệ Huế, ông đã hăng hái tham gia phong trào học sinh yêu nước, hoạt động trong Đoàn Thanh niên dân chủ Huế. Tháng 8/1938, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 12/1939, ông bị địch bắt tại Sài Gòn, chúng đưa về giam tại nhà lao Huế và nhà lao Thủ Thiêm; sau năm tháng ông được trả lại tự do, nhưng bị quản thúc vô thời hạn tại quê. Tháng 3/1941, ông lên Đà Lạt tiếp tục hoạt động, rồi về Nha Trang, sau đó trở lại Sài Gòn thì bắt được liên lạc với Đảng. Ông được giao phụ trách tờ báo Giải phóng và cơ quan ấn loát của Kỳ bộ Việt Minh. Tháng 11/1944, ông bị địch bắt lần thứ hai, bị giam tại Khám Lớn Sài Gòn.

Đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ông là Ủy viên Kỳ bộ Việt Minh, sau đó lần lượt được giao giữ các chức vụ: Ủy viên chính trị Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, Khu trưởng Khu 8, Xứ ủy viên, Phó Tư lệnh Nam Bộ kiêm Tư lệnh và Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Khu ủy viên, Tư lệnh Phân liên khu miền Đông Nam Bộ... Ông còn là một trong những người tổ chức hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ.

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, với những cương vị được giao, ông cùng tập thể cấp ủy và đảng bộ địa phương lãnh đạo quân dân miền

* Đăng trên Báo Tuổi trẻ, ngày 23/4/1996.

Đông Nam Bộ, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, xây dựng căn cứ kháng chiến, mở các chiến dịch để phối hợp với các chiến trường toàn quốc, giành nhiều thắng lợi trong chiến đấu và xây dựng.

Từ năm 1955 đến năm 1962, ông giữ chức vụ Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, kiêm Giám đốc Học viện Quân chính và Chánh án Tòa án quân sự Trung ương. Năm 1963, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở miền Nam ngày càng ác liệt và mở rộng, ông được Trung ương cử vào miền Nam đảm nhiệm các chức vụ: Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Ủy viên Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân ủy Miền. Năm 1973 ông là Trưởng đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Năm 1975, là Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, ông đã góp phần cùng Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Trung ương Cục và Quân ủy Miền lãnh đạo quân và dân miền Nam liên tục tiến công diệt nhiều địch, giành nhiều thắng lợi quan trọng, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau ngày giải phóng miền Nam, ông là Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); sau đó là Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7. Năm 1978, ông được bổ nhiệm giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Quân ủy Trung ương.

Ông được bầu làm Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa III và Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, đại biểu Quốc hội khóa VI.

Ông được Nhà nước phong quân hàm Trung tướng năm 1959 và Thượng tướng năm 1974.

Năm 1982, ông được Nhà nước cho nghỉ hưu.

Tuy đã nghỉ hưu, ông vẫn tích cực tham gia công tác xã hội. Năm 1992, tại Đại hội lần I Hội Cựu chiến binh Việt Nam, ông được bầu làm Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, sau đó kiêm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

Do những cống hiến xuất sắc, ông đã được Đảng, Quốc hội và Nhà nước tặng thưởng hai Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

Linh cữu Thượng tướng Trần Văn Trà quàn tại Hội trường Quân khu 7. Lễ viếng từ 7 giờ đến 18 giờ ngày 23/4/1996. Lễ truy điệu và đưa tang hồi 8 giờ ngày 24/4/1996. Đồng chí được an táng tại nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Hà Nội, lễ viếng và truy điệu được tổ chức cùng ngày tại trụ sở Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA MỘT DANH TƯỚNG*

Đúng một tuần trước đó, chú Tư đã được đưa đi Xingapo để chữa bệnh nhồi máu cơ tim. Cùng đi với chú có thím Tư và người con rể. Chương trình bố trí chú sẽ chữa bệnh trong một tuần. Ở Xingapo, tại Bệnh viện Elizabeth, chú được các bác sĩ nổi tiếng tập trung điều trị. Sau ba ngày, chú đã được bình phục hoàn toàn. Các bác sĩ điều trị đã đồng ý cho chú xuất viện. Thím Tư mừng rỡ khuyên chú trở về nước ngay. Nhưng chú không nghe. Chú nói còn công việc phải làm. Trong những ngày còn lại ở Xingapo, chú đã cật lực liên hệ với nhiều tập đoàn để tìm cho được một đơn vị bàn chuyện liên kết với Hội Cựu chiến binh Thành phố xây dựng một bệnh viện hiện đại như bệnh viện mà chú đã điều trị. Chú nói với thím: “Bao nhiêu cựu chiến binh, bao nhiêu người dân được điều trị ở nước ngoài như mình. Cần phải có một bệnh viện hiện đại trong nước”. Chú đã tìm được hai tập đoàn và trong thời gian ngắn ở Xingapo, chú không có được chút thời gian rảnh rỗi. Chú ngồi suốt trong phòng họp để bàn với hai đối tác. Cơ bản cả hai tập đoàn đã có những thỏa thuận ban đầu: Một đồng ý xây dựng một bệnh viện; một đồng ý góp 500.000USD. Đến sáng thứ bảy ngày 20/4/1996, chú còn họp phiên cuối cùng với một tập đoàn trước khi ra sân bay về nước. Xong cuộc họp, chú trở về khách sạn và cùng gia đình vội vã ra sân bay. Khi chiếc thang máy của khách sạn dừng lại, chú bước ra và nói: “Chóng mặt...”. Chú chỉ kịp bước ra khỏi thang máy và dựa lưng vào tường, đưa tay vào túi quần (có lẽ chú muốn lấy lọ thuốc trợ tim). Thím Tư đỡ chú, kéo tay chú ra và lấy được lọ thuốc. Thím cố nhỏ những giọt thuốc vào miệng chú, nhưng hàm răng chú đã cắn chặt lại và người chú ngã xuống trên tay thím. Mấy phút sau chú được đưa ngay đến một bệnh viện gần khách sạn. Các bác sĩ ở Bệnh viện Elizabeth đã điều trị cho chú trước đó, tức khắc đã có mặt. Tất cả đã dùng những phương tiện tốt nhất để cấp cứu cho chú ròng rã hai tiếng đồng hồ, nhưng...

* Bài viết đăng trên Báo Tuổi trẻ, ngày 23/4/1996.

Như vậy, theo chương trình, chú trở về trễ mất một ngày. Nhưng không, chú đã ra đi. Chú ra đi nhưng chú lại về, về với lòng người, lòng dân, lòng bạn bè, đồng chí...

Tại tư gia của chú, ngay sau khi chú về, dù chưa có thông báo về lễ tang, nhưng đã có quá nhiều người dân, đồng đội, bạn bè đến viếng chú. Trên quan tài của chú, Thiếu tướng Tô Ký đã ghi dòng chữ lớn: “Vô cùng thương tiếc đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà - một vị tướng luôn có mặt ở chiến trường nóng bỏng từ ngày 23/9/1945 đến ngày toàn thắng 30/4/1975”. Bà con ở tổ đường phố 11 Phường 6 Quận 3, nơi chú cư trú, đã ghi vào sổ tang: “Anh Trà ơi, anh không còn nữa... nhưng những cử chỉ, những tình cảm của anh đối với bà con, với từng đảng viên trong tổ vẫn còn mãi, khó ai quên được....”

Những người bạn chí thiết của chú đã tức thì có mặt bên chú và dành cho chú những lời lẽ thống thiết, đau thương:

“Vô cùng thương tiếc anh, người chiến sĩ, người cán bộ đã suốt đời chiến đấu anh dũng để giải phóng đất nước, bảo vệ và xây dựng đất nước - Đồng chí Nguyễn Văn Linh, người bạn thân thiết”.

“Anh Trà ơi, sao anh ra đi đột ngột thế? Đối với các bạn chiến đấu, đối với bản thân tôi và gia đình, anh ra đi là một sự mất mát lớn không gì bù đắp được. Tôi nhớ mãi những ngày cùng chiến đấu trong bối cảnh gian khổ và hào hùng cho đến những ngày thắng lợi. Anh để lại một tấm gương sáng cho các thế hệ. Hình ảnh của anh sống mãi trong lòng người bạn chí thiết của anh - Đại tướng Võ Nguyên Giáp”.

“Kính viếng hồn anh Trần Văn Trà, một thượng tướng, một vị tướng tài ba, từ buổi thiếu thời đến giờ phút lâm chung đã xả thân cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Than ôi, từ đây, các bạn bè thân thiết, nơi xóm vắng, làng thưa, nơi bưng sâu rùng rậm, nơi các bãi chiến trường xưa vẫn còn ghi mãi hình ảnh, chiến tích của anh. Đời là thế! Từ xưa đến nay, những trang hèo kiệt mấy ai là người tránh được buổi chia tay ngậm ngùi thương tiếc. Từ đây âm dương lưỡng lộ, nhưng tấm gương cao đẹp, hình ảnh của anh vẫn lắng đọng thâm sâu trong lòng bạn bè thân thiết, nhân dân... Bạn thân thiết với anh - Tô Ký”...

Trước quan tài của chú, Đại tá Hồ Thị Bi sụt sùi khóc. Bà nói: “Anh Tư đã có mặt từ lúc tiếng súng kháng địch ở mặt trận cầu Tham Lương nổ ra... Hình ảnh của anh khó ai mà quên được, thời kháng chiến gian khổ, anh chỉ mặc chiếc quần đùi, chiếc áo bà ba, đội chiếc mũ da cũ xù xì đi khắp các mặt trận, xuống tận đơn vị của anh em. Khi cô đánh trận đầu tiên ngày 12/12/1945, tướng Trà đã vô tận xă

Thới Tứ tìm đơn vị của cô và tặng cây súng 675 với 24 viên đạn... Anh Tư lúc nào cũng quan tâm đến đời sống anh em. Khi dự thành lập các lực lượng vũ trang ở Tân Uyên về, anh cũng mặc chiếc quần đùi, chiếc áo bà ba và tự tay chống một chiếc xuồng chở đầy lương thực về cấp cho các đơn vị ăn Tết... Có một lần khi về Khu 8, qua đồng Chó Ngáp, anh em ai cũng mệt, anh đã lấy balô của anh em bỏ lên một chiếc xuồng và tự mình đẩy đi”.

Anh Võ Thành Công, người từng công tác với chú, kể lại: “Nhớ anh lắm, lúc nào anh cũng gương mẫu trong sinh hoạt. Có lần tôi bố trí anh nằm trên giường, chúng tôi nằm dưới đất, anh không chịu và cùng chung nằm dưới đất”.

Nghĩa tình, thủy chung là điều luôn gắn với chú Tư. Ai cũng nhắc đến điều ấy! Ông Nguyễn Thọ Chân nói: “Anh sống nghĩa tình, thủy chung, chân thành với các đồng chí, bè bạn... Và con cháu anh sẽ sống như anh....”.

Hàng Chúc Nguyễn

VĨNH BIỆT MỘT CON NGƯỜI HẠNH PHÚC!*

Với một con người, ra đi vào tuổi 77 thì cũng là chuyện thường tình. Nhưng tin Thượng tướng Trần Văn Trà từ trần đỗi với chúng tôi vẫn cảm thấy thật là đột ngột. Bởi vì chỉ cách đây nửa tháng, khi Tạp chí Xưa và Nay tổ chức cuộc gặp mặt kỷ niệm tròn 2 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh (08/4/1996), nhận được giấy mời, anh Tư Chi (tên gọi thân mật theo phong cách Nam Bộ) cho người nhắn với chúng tôi rằng, sức khỏe của anh sau lần điều trị bằng phương pháp mới rất tốt nhưng vì chuẩn bị đi nước ngoài kiểm tra lại nên bác sĩ yêu cầu hạn chế hoạt động. Anh cũng không quên gửi những lời chúc tốt đẹp đỗi với Tạp chí. Anh không đến dự nhưng có mặt của hai vị họ Trần: Trần Văn Giàu và Trần Bạch Đằng (Tư Ánh) nên chúng tôi không cảm thấy thiếu vắng vì hy vọng sẽ gặp lại anh nhiều lần khác.

Nhớ lại cách đây một năm, khi Tạp chí Xưa và Nay tổ chức ra mắt tại Thành phố, Giáo sư Trần Văn Giàu mệt không dự được, anh Tư Chi và anh Tư Ánh cùng đến một lúc. Gặp ban tổ chức, các anh báo trước rằng: “Chúng mình chỉ đến dự với các cậu chừng một tiếng thôi và phải đi dự ở nơi khác nhé”. Có người ghé vào tai chúng tôi nói nhỏ: “Hôm nay một tờ báo thuộc loại lớn nhất của thành phố cũng có cuộc gặp mặt, hai vị này thế nào cũng phải qua”. Với chúng tôi, một tờ tạp chí nhỏ vừa trình làng từ Hà Nội vào, được các anh đến dự đã là vui lắm rồi. Nào ngờ, cuộc gặp mặt diễn ra được một lát, hai anh bảo nhau: “Thôi, ta ở lại với đám này cho vui”. Và hôm đó, tại nhà khách của Ba Son, cả hai anh ở trọn cho đến lúc tất cả chia tay ra về khi trời đã tối.

Đó là những kỷ niệm hạnh phúc của chúng tôi trên bước đường làm báo. Không những vậy, anh Tư Chi còn tin cậy cho phép Tạp chí Xưa và Nay đăng một bài phỏng vấn trong đó anh tâm sự về cuộc đời chinh chiến đầy gian lao và cuộc sống thanh thản cuối đời với một mối quan tâm khiến anh càng trở nên gần gũi với chúng tôi, đó là viết sử. Trong cuốn sách *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* xuất bản

* Bài viết đăng trên Tạp chí Xưa và Nay, 24/4/1996.

cách đây đã 14 năm (1982) từng gây tiếng vang trong dư luận, anh có nói những điều rất đáng chép vào sổ tay nghề nghiệp của những người viết sử:

“...tôi đã tự đề ra cho mình một quy định: Viết đúng sự thật hoàn toàn, những sự thật có người đã biết, cũng có người chưa hề biết, có người thích cũng thích có người không thích. Vì lịch sử khi nào cũng công minh sẽ loại trừ không thương tiếc những gì sai sự thật, không hôm nay thì cũng ngày mai” (Viết mùa Xuân 1980).

Dẫu biết rằng, có một điều khi ra đi anh chưa thật toại nguyện, bộ sách viết về B2, chiến trường máu thịt của anh, cũng là chiến trường đầy vinh quang và xương máu của dân tộc, chưa ra mắt bạn đọc trọn bộ 5 tập như anh hằng mong ước, nhưng chắc chắn anh là một con người hạnh phúc vì như anh đã tâm sự trên mặt báo *Xưa và Nay*:

“Hạnh phúc một đời người...

- Sau thắng lợi hoàn toàn mùa Xuân năm 1975, tôi làm việc thêm ít năm nữa rồi xin được nghỉ hưu, thanh thản vui sống những ngày cuối đời với con cháu, tự hào về thời đại Hồ Chí Minh thực sự “mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn nghìn thu” cho nước nhà và dân tộc Việt Nam.

Ngẫm lại suốt đời theo con đường của Bác Hồ, của Đảng, tôi sung sướng và tự hào đã cống hiến sức lực và tài năng, tuy hạn chế, cho nước cho dân. Đời binh nghiệp của tôi bắt đầu giống như bút cứ thanh niên nào cùng thời có lòng yêu nước: Khi nước nhà bị xâm lược mọi người Việt đều đứng lên cầm vũ khí đuổi thù. Tôi đã đi trọn 30 năm chống xâm lược Pháp - Mỹ, trong đó 21 năm lăn lộn ở chiến trường. Quả thực bom đạn đã tránh mình để cho kẻ chinh chiến lại chiến thắng trở về đúng nơi mình đã ra đi 30 năm về trước. Đó là niềm hạnh phúc lớn nhất của người lính.

Nhân dân có thể giúp mình và cùng mình làm nên những việc mà chính mình cũng không ngờ... Ngày nay tôi sung sướng mà tin rằng đã làm trọn nhiệm vụ của một người “lính Cụ Hồ” trong lúc nước nhà cần đến sức lực và tài trí của mỗi người. Chính vì thế mà nay tôi đã sống khỏe về thể chất và thư thái về tâm hồn, gác ra ngoài mọi điều quyền rũ của danh và lợi. Đó là hạnh phúc của một đời người”.

Xin vĩnh biệt một con người hạnh phúc!

THƯƠNG TIẾC ANH TƯ NGUYỄN*

“Cả nước đã giành được độc lập trọn vẹn và tự do thật sự... Toàn thể dân tộc Việt Nam là người chiến thắng... Bất cứ ai còn mang dòng máu Việt Nam đều có quyền tự hào về chiến thắng chung của cả dân tộc... Mỗi người Việt Nam biết nghĩ đến dân, đến nước không thể không mừng vui sâu sắc trước tiên đồ rộng mở của quê hương đất nước”.

Anh Tư Nguyễn (tên gọi của Thượng tướng Trần Văn Trà trong thời kháng chiến) đã tuyên bố như thế trước hàng chục vạn đồng bào thành phố trong lễ ra mắt Ủy ban quản lý Sài Gòn - Gia Định ngày 07/5/1975.

Gần tròn 21 năm sau, anh Tư đột ngột vĩnh biệt chúng ta ở tuổi 77 trong niềm thương tiếc của đồng bào, đồng đội.

Anh Tư Nguyễn quê ở miền Trung - xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi - nhưng anh gắn bó với Nam Bộ nói chung, với Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong gần hai phần ba cuộc đời!

Sinh ra trên một vùng đất giàu truyền thống yêu nước, anh sớm giác ngộ cách mạng. Năm 19 tuổi, anh được kết nạp vào Đảng ngay khi còn ngồi trên ghế Trường Kỹ nghệ Huế.

Lần đầu tiên đặt chân lên đất Sài Gòn (năm 1939), anh làm công nhân Nhà máy xe lửa. Nhưng chỉ nửa năm sau, thực dân Pháp bắt anh, giam anh 6 tháng ở Huế rồi đưa về Quảng Ngãi quản thúc vô thời hạn. Chẳng bao lâu sau, anh trốn vào Sài Gòn, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Giữa lúc đang phụ trách tờ báo *Giải phóng* của Xứ ủy và Kỳ bộ Việt Minh Nam Kỳ, anh lại bị bắt (5/1944). Mãi đến tháng 8/1945, lúc pháo xít Nhật sắp sụp đổ, anh mới được trả tự do. Vừa ra khỏi nhà tù, anh tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

* Bài viết đăng trên Báo *Người lao động*, ngày 24/4/1996.

Khi Pháp tái chiếm thành phố, anh tham gia chiến đấu ở các mặt trận Cầu Bông, Bà Chiểu, Phú Nhuận... Anh cùng một số đồng chí trong Tỉnh ủy Gia Định lập Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, được cử làm chính trị viên. Từ đó, anh khoác áo “bộ đội Cụ Hồ” cho đến cuối đời.

Cuộc đời binh nghiệp của anh phát triển theo yêu cầu của kháng chiến. Anh được chỉ định là Chi đội trưởng Chi đội 14 (tương đương với trung đoàn trưởng ngày nay), rồi làm Khu trưởng Khu 8.

Giữa năm 1948, anh được cử làm Trưởng đoàn đại biểu quân - dân - chính Nam Bộ từ chiến khu Đồng Tháp Mười đi bộ dọc theo dãy Trường Sơn, leo núi trèo đèo, vượt sông vượt suối, có những đoạn vượt biển (Cam Ranh - Nha Trang), suốt sáu tháng trời không nghỉ mới đến căn cứ địa Việt Bắc để báo cáo với Trung ương về tình hình kháng chiến trong Nam. Ba mươi bốn năm sau, hồi tưởng lại lần đầu tiên được gặp Bác Hồ, anh xúc động kể: “Người có vầng trán cao, có chòm râu phơ phất, có cặp mắt sáng ngời, một vẻ mặt hiền từ và một dáng người mảnh khảnh ung dung... Chỉ nhìn Người, ta bỗng thấy ngay lòng ta tin yêu vô hạn, kính trọng mà gần gũi muôn phần”. Trong bữa cơm tiễn biệt phái đoàn trước ngày trở về Nam, Bác Hồ trao cho anh một thanh gươm rất đẹp và nói: “Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng”.

Lực lượng kháng chiến ngày càng lớn mạnh. Anh lần lượt được cử làm Phó Tư lệnh Nam Bộ, Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, rồi Tư lệnh Phân liên khu Miền Đông Nam Bộ.

Kháng chiến chống Pháp thành công, anh chỉ huy lực lượng bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, anh được cử làm Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Mỹ - Diệm nhen lại ngọn lửa chiến tranh trong Nam. Anh muốn về ngay miền Nam chiến đấu nhưng sức khỏe không cho phép. Đến năm 1963, khi chữa lành bệnh, anh được Trung ương cử làm Chỉ huy trưởng các Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Trước khi anh vào chiến trường, Bác Hồ gọi anh đến nhà Bác ăn cơm. Bác tặng anh một hộp xì gà Cuba (do Chủ tịch Fidel Castro biếu Bác) và nói: “Khi hút thì nhớ tấm lòng thiết tha của Bác đối với miền Nam”. Lúc chia tay, Bác còn dặn: “Cố gắng để Bác có dịp vào thăm đồng bào miền Nam”.

Anh đã góp phần trực tiếp chỉ huy nhiều trận thắng lợi, như chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng (1965), phá tan tuyến phòng ngự của địch ở Tây Ninh - Xa Mát (1971), Chiến dịch Nguyễn Huệ giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp (1972)...

Đầu năm 1973, Mỹ phải ký Hiệp định Pari và rút hết quân viễn chinh về Mỹ. Từ Lộc Ninh, anh dẫn phái đoàn quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đáp máy bay trực thăng vào Sài Gòn làm việc tại Ban Liên hiệp quân sự bốn bên. Hàng Thông tấn Mỹ UPI ngày 01/02/1973 nhận xét: “Với những đôi dép cao su giản dị, họ hiện ngang đặt chân xuống Tân Sơn Nhất, đi vào thủ đô Sài Gòn của Việt Nam Cộng hòa lần này cũng vẫn bằng những đôi dép cao su như hồi Tết Mậu Thân 1968”.

Trước những vụ vi phạm trắng trợn Hiệp định Pari của đối phương, một lần nữa ngọn lửa đấu tranh lại bùng lên. Anh được cử làm Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, chiến dịch mang tên Bác Hồ - Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, anh từ Sở Chỉ huy chiến dịch về Sài Gòn làm Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố. Anh nói: “Vô tình mà đường tôi tiến vào Sài Gòn hôm nay gần như trùng hợp với đường tôi đã từ Sài Gòn ra đi kháng chiến tháng 9/1945”. Sau 30 năm ra đi, anh đã về đến đích.

Nhìn lại chặng đường chiến đấu của mình, anh tâm sự: “Đời binh nghiệp của tôi bắt đầu giống như bắt cú thanh niên nào cùng thời, có lòng yêu nước: Khi nước nhà bị xâm lược, mỗi người Việt đều đứng lên cầm vũ khí đuổi thù. Tôi đã đi trọn 30 năm chống xâm lược Pháp, Mỹ, trong đó 21 năm lăn lộn ở chiến trường... Ngày nay tôi sung sướng mà tin rằng mình đã làm tròn nhiệm vụ của một người lính Cụ Hồ”.

Anh vĩnh biệt chúng ta, nhưng tên tuổi của anh đã được ghi lên những trang sử đấu tranh của dân tộc và trong lòng quý mến của đồng bào, đồng đội.

4/1996

Phan Văn Hoàng (Năm Trầm)

CÒN MÃI TRÊN ĐỜI

Ở tuổi bảy mươi bảy, Thượng tướng Trần Văn Trà ra đi vì một căn bệnh hiểm nghèo. Bao nhiêu thương tiếc, bao nhiêu kỷ niệm gắn bó với người còn sống ghi đầy mực cuốn sổ tang, hàng mực trăm lời điếu ghim trên những vòng hoa tươi... Và cả những giọt nước mắt sụt sùi, những lời thơ thึng thiết: “Non sông tiễn biệt người con quý....”

Rồi thời gian sẽ trôi qua, người ra đi mãi vào cõi vĩnh hằng. Nhưng phải chăng trái đất này chỉ là nơi trú tạm của anh? Không, không, hình ảnh vị tướng tài danh vẫn còn đọng mãi trong lòng đồng chí, đồng đội và đồng đảo đồng bào. Tổ quốc ghi công đức anh. Lịch sử không quên anh. Nhân dân còn nhắc hoài anh, một đảng viên kiên trung, một nhà cầm quân sáng suốt và dũng cảm, một người bạn chiến đấu thủy chung, trung thực!

Khoảng mươi lăm năm nay kể từ khi về hưu, anh sống cuộc đời như mọi người bình thường và càng có điều kiện chan hòa với bà con lối xóm. Cùng trao đổi bàn bạc những vấn đề nóng bỏng về quốc kế dân sinh trong các cuộc họp Chi bộ Đảng, Chi hội Cựu chiến binh. Trải qua mấy lần bệnh tình thập tử nhát sinh. Và cũng trải qua những nỗi vui buồn, day dứt không thể tránh khỏi của thế thái nhân tình.

Mười lăm năm, anh rất ý thức về quỹ thời gian không còn nhiều của mình. Chính vì vậy, ngoài phần công việc ở Trung ương Hội và Thành hội Cựu chiến binh, có thể nói toàn bộ tâm trí của anh dồn hết cho việc tổng kết ba mươi năm chiến tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975) mà cũng là những năm tháng đáng ghi nhớ nhất đời anh. Anh đến dự và góp ý ở hầu hết các hội nghị tổng kết, biên soạn lịch sử của các tỉnh, huyện và một số xã, từ Ninh Thuận, Bình Thuận đến Sóc Trăng, Minh Hải... Anh tự thấy có phần trách nhiệm góp phần đúc kết các bài học thiết thân về các phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân, quan hệ giữa khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, vai trò của bộ đội chủ lực, cách sử dụng lực lượng... Có những điều anh đã viết thành văn, có những điều anh chỉ mới kịp

trao đổi với bạn hữu. Với lòng kính yêu vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh nhận trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng tổ chức cuốn hồi ức *Chiến sĩ miền Nam với Bác Hồ*; cùng một số đồng chí cộng sự viết cuốn *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Anh là một trong những đồng chí chỉ đạo công trình nhiều tập *Mùa thu rồi ngày hăm ba...* Những bài học lịch sử rút ra từ thực tiễn đấu tranh cách mạng là vô giá, cần thiết cho cả hôm nay và mai sau, anh hăng tâm huyết như vậy và mong muốn được “làm tròn nhiệm vụ của một cán bộ chỉ huy cũ” - như anh có lần tâm sự. Những điều anh đã viết, đã nói, dù chưa hết, đều rất quý và còn mãi trên đời này.

Sinh ra ở núi Ân sông Trà của miền Trung Trung Bộ, nhưng anh gắn bó gần hết cuộc đời với Nam Bộ Thành đồng. Giờ đây đất Nam Bộ, đất thành phố mang tên Bác Hồ ôm ấp anh vào lòng. Sớm chiều ngọn gió mát từ sông Sài Gòn thổi đến nghĩa trang ru giấc ngàn thu của anh... Anh ra đi, nhưng những gì anh để lại cho đời còn mãi.

Sáng 24/4/1996, trước lễ an táng Thủ tướng Trần Văn Trà
Thư ký của anh: Trương Nguyên Tuệ
Kính viếng

“TRỞ VỀ, MỘT DẢI GIANG SAN...”*

(*Ghi chép buổi tiễn đưa Thượng tướng Trần Văn Trà
về nơi an nghỉ cuối cùng*)

“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mây thăng”.

Khi thím Tư, người vợ cận kề trên 40 năm của chú Tư Trà, đọc đến những dòng thơ đó thì cả hội trường rộng thênh thang của Quân khu 7 đồng kín người bỗng nổi lên những tiếng sụt sùi. Có quá nhiều người đã không cầm được nước mắt... Thím Tư nhắc lại đó là những dòng thơ chú ghi lại và yêu cầu gia đình khắc vào tấm bia đặt trên mộ chú, chôn nơi một bờ sông im vắng...

Đời người rồi ai cũng phải đến giờ phút lâm chung. Nhưng với Thượng tướng Trần Văn Trà, sự ra đi đã để lại quá nhiều đau thương, luyến tiếc cho nhiều người, cho nhiều tầng lớp nhân dân, quân đội. Lễ viếng của chú tổ chức chính thức từ 7 giờ đến 18 giờ ngày 23/4/1996 tại hội trường Quân khu 7. Ấy vậy mà ngay từ chiều 21/4, khi chiếc quan tài của chú được đưa từ Tân Sơn Nhất về nhà, đã có rất nhiều cá nhân, cơ quan, đơn vị đến viếng chú. Riêng trong ngày 23/4 đã có trên 700 đoàn, cá nhân và đơn vị đến viếng. Gần 10 giờ đêm vẫn còn những cá nhân, đơn vị từ xa đến xin được thắp nén hương cho chú. Hai tập đoàn mà những ngày cuối cùng ở Xingapo chú đã làm việc cũng tức tốc cử đại diện qua viếng. 18 giờ 20 họ đến sân bay Tân Sơn Nhất và đi thẳng vào Quân khu 7. Thím Tư cũng nhắc đến nguyện ước cuối cùng của chú: Xây được một bệnh viện hiện đại, đặc biệt là khoa tim mạch, dành cho cán bộ lão thành, cựu chiến binh và nhân dân lao động nghèo... “Cũng vì mong muốn đó - thím đọc trong dòng nước mắt - mà anh mải lo công việc và

* Bài viết đăng trên Báo Tuổi trẻ số 47, ngày 24/4/1996.

quên đi tình trạng sức khỏe của mình không cho phép, đã dẫn đến sự ra đi mãi mãi của anh...". Điều đó ai cũng hiểu. Càng hiểu càng thấm đậm về phẩm chất, nhân cách, tình cảm của một vị tướng tài ba. 8 giờ 20 ngày 24/4: Lễ động quan. Chiếc quan tài của chú được đưa từ Quân khu 7 ra đường Nguyễn Văn Trỗi đi về nghĩa trang thành phố. Đoàn xe và đoàn người nối đuôi nhau dường như bất tận. Hai bên đường phố, nhiều nơi, bà con, cán bộ, công nhân viên đã ra đứng bên đường tiễn đưa vị danh tướng về nơi an nghỉ cuối cùng.

Rồi cũng phải đến giờ vĩnh biệt chú Tư... 10 giờ 30 những nắm đất đầu tiên được bỏ xuống. Trước đó mấy phút, có một cụ già mặc áo cà sa bước tấp tấp vào nghĩa trang giữa hai đoàn quân chào, đến trước chiếc quan tài của chú lạy. Một vị trong ban tổ chức lễ tang đã dìu cụ vào trong. Đó là cụ Nguyễn Thị Liên, 85 tuổi, ở đường Pasteur. "Thấy tôi già yếu ai cũng cản không cho đi. Nhưng tôi nói phải đi, một ông tướng như vậy mà không tiễn đưa sao được?". Cụ nói thêm: "Tôi quy y theo Phật, không được khóc, nhưng xem tivi, biết được tin, không cầm được nước mắt. Tôi biết tướng Trà từ lâu lắm rồi...". Trong đoàn người đứng dọc hai bên đường vào nghĩa trang có nhiều sinh viên các trường Đại học Nông lâm, Đại học Tổng hợp... Nguyễn Thu Thủy, sinh viên Đại học Nông lâm, nói: "Sáng nay tụi em đã bỏ học để tiễn đưa chú. Đợi từ sớm tới giờ...". Nhiều người dân ở Thủ Đức cũng đến dự lễ hạ huyệt. Anh Nguyễn Bá ở thị trấn Thủ Đức đã đạp xe đến tận nghĩa trang đưa tiễn chú Tư... Mộ chú đã lấp đầy đất và trên mộ chất cao những vòng hoa. Đi quanh mộ để vĩnh biệt chú, ai cũng chậm nước mắt. Một cụ già tóc bạc dừng lại, xin gửi bài thơ *Vĩnh biệt danh tướng*:

"Lưu danh muôn thuở tướng Trần Trà
Trung hiếu vẹn toàn dệt gấm hoa...
Giang sơn thương xót người con quý..."

Đó là bác Nguyễn Triệu, cán bộ ưu trí, người đã ngưỡng mộ chú Tư Trà từ tuổi thanh xuân...

Ngoài những người đến viếng Thượng tướng, những bức điện từ khắp nơi trên đất nước đã gửi về. "...Vĩnh biệt người bạn chiến đấu đã cống hiến cuộc đời đấu tranh cho sự nghiệp của Đảng, của toàn dân đến ngày thắng lợi..." (*điện của Đại tướng Văn Tiến Dũng*). "Các đồng chí, bạn bè, nhân dân nhớ đến anh với tình cảm vô cùng thương tiếc, về một người con ưu tú của Đảng, về một cán bộ đầy tài năng về một đồng chí, một người anh đầy nghĩa tình..." (*Nguyễn Thị Bình - Phó Chủ tịch nước - sổ tang*). "Kính viếng hương hồn anh với tấm lòng thương tiếc vô hạn..." (*GS. Viện sĩ Trần Đại Nghĩa - sổ tang*). "Gần như toàn bộ cuộc đời cách mạng và

chiến đấu của anh gắn chặt với Nam Bộ Thành đồng, với miền Đông gian lao mà anh dũng, với Sài Gòn - Gia Định kiên cường, bất khuất... Anh mất đi để lại trong chúng ta hình ảnh tốt đẹp về người đảng viên cộng sản kiên trung, người đồng đội, đồng chí, người chỉ huy dũng cảm, thông minh, kiên quyết... Vô cùng thương tiếc và vĩnh biệt anh... (Võ Trần Chí - Bí thư Thành ủy - sổ tang)...

Hàng Chức Nguyễn

TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

NGƯỜI THỦ TRƯỞNG CHÂN TÌNH VÀ BAO DUNG*

Chiều 20/4/1996, một tin điện từ Xingapo cho biết anh Trần Văn Trà đã từ trần. Tôi thật bất ngờ. Cách đây chưa lâu, tới thăm, anh vẫn khỏe mạnh, nước da hồng hào, nụ cười luôn luôn nở trên môi. Anh sôi nổi trao đổi với tôi những kỷ niệm của hai cuộc kháng chiến cứu nước, đã hơn 50 năm mà tưởng cứ như mới đây. Hơn một tiếng đồng hồ, tôi từ giã ra về, anh còn đưa chân tôi tới tận cổng để nói nốt câu chuyện, vậy mà...

Anh qua Xingapo lần này không phải chữa bệnh như lần trước mà chỉ để kiểm tra về bệnh tim. Chị Thoa - vợ anh cùng đi để chăm sóc anh. Sau thời gian kiểm tra, bác sĩ xác định bệnh tình của anh không có gì đáng ngại. 13 giờ 15, anh chị ra sân bay trở về Thành phố Hồ Chí Minh, tới chân cầu thang máy bay anh Trần Văn Trà gục xuống¹. Người ta vội đưa ngay anh trở lại bệnh viện. Sau hơn hai giờ rưỡi tận tình cứu chữa, các bác sĩ đành bó tay. Biết nói như thế nào về sự qua đời đột ngột này dù tuổi anh cũng đã cao. Bởi, cuộc đời anh đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm. Theo tôi, anh Trần Văn Trà là một thủ trưởng hiếm thấy. Lúc nào đối với thuộc cấp cũng chân tình, cởi mở và độ lượng, bao dung...

Tôi gặp anh lần đầu tại Thiên Hộ Dương, vùng Đồng Tháp Mười trong buổi lễ kỷ niệm Quốc khánh 02/9/1947. Trong buổi lễ này có nhiều điều đáng ghi nhớ: Trước buổi lễ bà con các nơi kéo về xem triển lãm, chính Diệp Minh Châu đã trích máu trong cánh tay mình nhỏ xuống một chiếc chén kiểu, dùng vẽ trên lụa bức tranh Hồ Chủ tịch và ba cháu nhỏ Bắc - Trung - Nam, ngay tại phòng triển lãm này. Tới chiều là cuộc mítinh có duyệt binh. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh Nam Bộ Phạm Văn Bạch đọc một bài diễn văn quan trọng nói lên quyết tâm của quân dân Nam Bộ vững lòng nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

* Bài viết đăng trên Báo *Sài Gòn giải phóng*, thứ Tư, 24/4/1996.

1. Theo người thân Thượng tướng kể lại, khi vừa bước ra khỏi thang máy khách sạn, ông bị đau tim đột ngột. Dù nhanh chóng được cấp cứu nhưng ông vẫn không qua khỏi (B.T).

kháng chiến chống Pháp đến cùng, giành thắng lợi đem lại độc lập cho toàn dân tộc và đất nước. Sau bài diễn văn, Tư lệnh Trần Văn Trà dẫn đầu cuộc duyệt binh. Anh mặc một bộ quân phục bằng vải ú đen, đầu đội chiếc nón cối thả quai xuống cầm, gương mặt rắn rỏi, bước đi hùng dũng... Nhưng nhìn kỹ con người anh, thấy giống một sinh viên hơn là một vị tướng cầm quân của một quân khu. Người anh nhỏ, nét mặt đẹp hồng hào, cười rất tươi. Nếu anh có dáng quân sự thì chỉ nhờ cái nịt da to bản ngang bụng trên bộ quân phục và chiếc súng ngắn đeo xệ bên hông. Đến tối, trong buổi chiêu đãi, biết chúng tôi từ Khu 7 xuống dự mítinh, anh nói vui: "Mítinh thì xong rồi bây giờ đến lượt các nhà báo". Ba đoàn nhà báo quân đội Nam Bộ: Tiếng súng kháng địch của Khu 9, Tổ quốc của Khu 8 và Tiền đạo của Khu 7 nâng ly chúc mừng và anh Trần Văn Trà đã vui vẻ uống với anh em...

Khi anh Trần Văn Trà được điều động về miền Đông giữ nhiệm vụ Chính ủy kiêm Tư lệnh, một hôm anh gặp anh chị em chúng tôi đang hành quân trong rừng, dừng lại hỏi thăm. Anh trông thấy một chiếc cáng vội chạy tới hỏi coi ai bị thương. Khi mở chiếc chiếu che nắng phủ trên chiếc cáng thấy một chú bé nằm giữa đống balô, anh mỉm cười hỏi: Con ai đây? Tôi nói cho anh biết đó là con của chúng tôi. Vợ tôi cũng cười trả lời anh về việc chăm nuôi cháu. Anh hỏi rất tỉ mỉ về sữa cho cháu và cháu ăn dặm như thế nào.

Sau đó anh cùng ngồi nghỉ với chúng tôi, nói vui:

- Như vậy là mỗi khi hành quân thì đưa cháu lên võng với các thứ balô và các cô chú cùng ba má cháu luân phiên cáng cháu và balô đi!

Mọi người đều cười vui vẻ. Sau đó anh trầm ngâm một chút, hỏi:

- Anh chị có ai là bà con ở Sài Gòn không?

Chúng tôi trả lời:

- Bà con gần thì không chở bà con xa thì có.

- Nếu bây giờ ta đem cháu về Sài Gòn gửi thì có người bà con nào họ chịu giúp không?

Vợ tôi trả lời:

- Cũng có thể có...

Anh nói:

- Anh chị nên đưa cháu về Sài Gòn gửi. Rồi đây chiến trường sẽ ác liệt, không thể ngày nào cũng cáng cháu đi hành quân như thế này.

Sau đó anh trình bày về tình hình chính trị, quân sự của Khu rồi viết một cái lệnh cho Phòng Tham mưu yêu cầu cử ngay một liên lạc nữ đưa vợ tôi về Sài Gòn gửi cháu và sau đó có trách nhiệm vào Sài Gòn đưa vợ tôi ra, trả lại cho đơn vị.

Lúc đó tôi thấy cử chỉ của anh cũng bình thường. Là người lãnh đạo ai gấp hoản cảnh đó cũng hành động như vậy. Sau này thì tôi hiểu một người cán bộ cấp trên phải có tấm lòng thương yêu, quý mến cán bộ cấp dưới như thế nào mới có được tình cảm chân tình với con người như vậy.

Hồi anh còn ở Khu 8, tôi cũng đã nghe nói tấm lòng của anh với Nguyễn Bính. Nguyễn Bính rất khó tính. Tác phẩm của Nguyễn Bính không ai dám chữa. Đến Bảo Định Giang cũng không bao giờ đụng tới một chữ. Có những bài trường ca phải in hàng tập, Nguyễn Bính đưa thẳng tới nhà in không thông qua cơ quan. Anh Trần Văn Trà biết vậy đã nhắc nhở anh Bảo Định Giang về sự lãnh đạo tế nhị đối với Nguyễn Bính. Nguyễn Bính sau này biết chuyện đó và anh rất cảm động, tôn trọng Bảo Định Giang, cấp lãnh đạo trực tiếp của anh.

Hoặc như đối với Khương Mẽ trong lúc cần cù, kiên nhẫn tìm cho được kỹ thuật điện ảnh để có thể sản xuất những bộ phim của Khu 8, anh Trần Văn Trà đã hết sức quan tâm. Không một đề nghị nào của Bảo Định Giang yêu cầu với Khu cho công tác của Khương Mẽ được thuận lợi mà không được anh Trần Văn Trà đáp ứng đầy đủ.

Sau này, trong một cuộc họp truyền thống, anh Trần Văn Trà đã tới cùng anh chị em. Chúng tôi có người cảm ơn anh rằng trong những ngày đất nước mới đầu xây dựng nền văn nghệ cách mạng đã nhờ sự giúp đỡ tận tình của anh, nay anh chị em nhiều người đã trưởng thành, có nhiều tác phẩm cống hiến cho đất nước, trở thành những nghệ sĩ tài năng được nhân dân yêu mến.

Anh Trần Văn Trà đã khiêm tốn từ chối lời cảm ơn và nói, đại ý rằng đó là trách nhiệm của anh phải làm. Lúc đó, dù ở cấp lãnh đạo cao nhưng anh cũng chập chững trong cương vị của mình như những anh em khác. Anh chỉ nhập tâm lời dạy của Bác Hồ trong ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946: “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc”.

Anh Trần Văn Trà nghĩ rằng anh chị em làm công tác văn nghệ, không cầm gươm, cầm súng, không có gậy gộc, giáo mác thì anh chị em làm thơ, viết văn, vẽ, diễn kịch, đánh đàn.... cũng là phương tiện góp vào việc đánh giặc cứu nước. Vì vậy anh đã hết lòng, hết sức giúp cho anh chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ trong vị trí chiến đấu của mỗi người.

Sau giải phóng, anh Trần Văn Trà muốn đi thăm lại những trận địa trước đây đã ghi dấu những trận đánh, những nơi anh chị em đã hy sinh. Một lần anh

Trần Văn Trà rủ tôi đi thăm một căn nhà là nơi ở cũ của anh trước khi bị bắt, cũng là nơi ở cuối cùng của anh trước khi Cách mạng Tháng Tám thành công. Đó là một căn nhà nhỏ gần cầu Kiệu thuộc Tân Định. Đây là trụ sở của Kỳ bộ Việt Minh năm 1941. Phía ngoài căn nhà có một cái sân cũng nho nhỏ và cây mận đỏ. Nơi đây anh Trần Văn Trà phụ trách in tờ báo Giải phóng bằng xu xoa. Anh cứ tha thẩn mãi nơi góc đường Trần Nhật Duật ấy như muốn tìm lại vết tích căn nhà xưa. Anh hơi ngậm ngùi nhìn những dãy phố lâu, tiếc mãi cái nơi kỷ niệm không còn nữa. Lần theo bản đồ, anh đã trở lại những địa điểm mà cuộc Tổng tấn công năm Mậu Thân đã diễn ra trên thành phố này. Anh đã tới trực đường Minh Phụng mà trận đánh đợt 2 Mậu Thân đã diễn ra cực kỳ ác liệt. Anh Hai Hoàng và nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn đã hy sinh tại đây. Hai Hoàng - Tiểu đoàn trưởng Gironde đã nổi tiếng khi chỉ huy thắng lợi trận Ấp Bắc, tiêu diệt chiến thuật trực thăng vận và chiến xa vận lâm đầu tiên Mỹ vận dụng cho mặt trận tỉnh Tân An và toan tính mở rộng ra các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Còn Nguyễn Ngọc Tấn tức Nguyễn Thi thì nhiều người đã biết là một nhà văn tài năng và nổi tiếng của chúng ta. Anh hy sinh tại đây trong khi cầm cự với địch cho đồng đội rút lui, như một người anh hùng trong chiến đấu.

Anh Trần Văn Trà ngậm ngùi và rất tiếc thương Nguyễn Ngọc Tấn. Anh nói: “Khi gửi những bản thảo của Tấn ra Hà Nội, tôi rất hồi hộp, chỉ sợ thất lạc mất. Rất may chỉ ít lâu sau thì tôi được đài thông báo đã xuất bản tiểu thuyết *Ở xã Trung Nghĩa* của Tấn. Tôi mừng quá, có được những tác phẩm của Tấn để lại thì cũng như Tấn vẫn còn sống với chúng ta”.

* * *

Những năm sau này, anh Trần Văn Trà nghỉ hưu. Thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm anh, trao đổi tài liệu về hai cuộc kháng chiến và những nhân vật. Anh nói chuyện với tôi thật thoải mái, có khi tranh luận về một nhân vật cần đánh giá sao cho đúng. Có lúc tự anh lục tìm tài liệu cho tôi trong tủ sách của anh hay giới thiệu với người cần gấp.

Khi tôi xuất bản được mấy tập sách, anh rất vui, động viên tôi nhiều. Tôi tặng sách cho anh tới tập thứ hai, anh yêu cầu được đóng góp với tôi. Tôi cương quyết từ chối. Tới tập thứ ba, anh cầm cuốn sách tôi tặng, nhìn gương mặt tôi, nói:

- Hạnh có khỏe không, sao có vẻ mệt mỏi?
- Tôi vẫn bình thường, chỉ khi nào làm việc thì quên hết mọi việc, có khi quên cả bữa ăn.
- Phải cẩn thận, phải bồi dưỡng.Bạn mình lớn tuổi cả rồi, sức khỏe là không thể lường trước được đâu.

Trước khi từ giã ra về, anh nói tôi chờ anh một chút. Anh vào trong phòng cầm ra một cái phong bì có ba triệu bạc, bảo:

- Hạnh cầm lấy để bồi dưỡng thêm cho sức khỏe mà làm việc, được biết Hạnh còn đang tiếp tục tới cuốn thứ tư nữa mà.

Tôi cương quyết từ chối, anh rút lấy một triệu, nói:

- Nếu Hạnh không cầm hết thì nhận một triệu cho tôi vui lòng là tôi có góp một chút bồi dưỡng cho Hạnh.

Anh còn nói vài câu nữa cho tôi không thể từ chối. Cầm một triệu bạc anh cho mà lòng tôi áy náy. Biết vậy, anh khoác vai tôi tiến ra cổng, động viên tôi tiếp tục hoàn thành tập thứ tư trong bộ ký sự lịch sử về những sự kiện và những con người rồi ôm lấy tôi, chia tay.

Đó cũng là lần gặp cuối cùng của anh với tôi.

Anh Trần Văn Trà! Hôm nay không còn nữa. Buồn biết chừng nào! Anh hãy yên nghỉ! Sự nghiệp của anh, tấm lòng của anh còn mãi trong những người thương mến anh.

Ngày 21/4/1996

Phạm Tường Hạnh

CUỘC CHIA TAY ĐỘT NGỘT*

Tin dữ về anh Trần Văn Trà đến quá đột ngột. Một con người lạc quan, sức khỏe không xấu với tuổi từ lâu qua lằn ranh bảy mươi lại vội vã ra đi... Thật khó mà nói hết nỗi bàng hoàng và niềm luyến tiếc của bè bạn, đồng bào trước sự mất mát lớn lao này.

Tôi không có dịp sống và hoạt động chung với anh trước Cách mạng Tháng Tám nhưng bước vào kháng chiến, đã nghe tên anh, một trong những chỉ huy Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, đơn vị nòng cốt của Vệ quốc đoàn Khu 7, Khu 8 sau này; đồng thời, cá nhân anh là một trong những cán bộ gây dựng Khu 8, chở dựa về quân sự của Đảng và của cuộc Nam Bộ kháng chiến lúc mọi thứ còn chập chững. Đầu năm 1947, tôi gặp anh giữa Đồng Tháp Mười, nơi mà anh cùng cộng sự thân thiết là anh Nguyễn Văn Vịnh tổ chức cả một lễ kỷ niệm độc lập với duyệt binh, hội chợ bể thế trên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp.

Anh Trần Văn Trà đóng góp rất nhiều cho quá trình hình thành lực lượng vũ trang Nam Bộ. Trong kháng chiến chống Pháp, anh giữ các trọng trách cấp khu, Nam Bộ; anh còn là một nhà lãnh đạo chính trị, một cán bộ trung kiên của Đảng bộ Nam Bộ.

Ở đâu - chiến trường Nam Bộ, tập kết ra Bắc, trở lại chiến trường miền Nam - anh cũng luôn tỏ ra tài năng, tri thức và đạo đức trong việc quân, việc nước, việc Đảng. Hết sức dễ hiểu khi Nhà nước thực hiện chính sách phong quân hàm, anh và vài anh khác nhận cấp Trung tướng.

Tôi thường làm việc với anh khi anh ở trong Bộ Chỉ huy Quân giải phóng mà tôi công tác ở Khu Sài Gòn - Gia Định. Trong Mậu Thân, tôi có chân trong Bộ Chỉ huy tiền phương mà anh là Tư lệnh. Nhưng, phải đến khi anh về hưu, anh dồn sức cho các hồi ký và công trình lịch sử quân sự - tôi mới thực sự làm việc đều đặn với anh. Lúc nào tôi cũng xem anh là bậc đàn anh về mặt Đảng, về mặt kinh nghiệm

* Bài viết đăng trên Báo Tuổi trẻ, ngày 23/4/1996.

sống và chiến đấu. Phan anh, anh một mực khiêm tốn, sẵn sàng trao đổi với cộng sự, lắng nghe và chấp nhận điều đúng.

Kỷ niệm cá nhân giữa tôi và anh không ít. Năm 1948, khi tham dự Đại hội Xứ Đảng bộ Nam Bộ lần thứ I tiến hành tại căn cứ Bộ Chỉ huy Khu 8, mõi trưa, chúng tôi (anh và một số đại biểu) kéo sang nhà anh, đóng cửa lại, đóng tuồng Quan Công đắp đậm bắt Bàng Đức, anh thủ vai Quan Công mà thanh long đao là... cây chổi! Năm 1963, anh từ Hà Nội vào chiến trường, gặp tôi sau mười năm anh tập kết, tôi ở lại miền Nam, anh ôm và nói trong nước mắt: "Các cậu giỏi lắm..."

Một con người như thế, một cốt cán của Đảng, một nhà quân sự kinh nghiệm và học thức, một tướng lĩnh hàng đầu của nước ta, một người bạn trung hậu, một nhân vật đầy cá tính và khảng khái, một Trần Văn Trà vĩnh viễn chia tay chúng ta, với bao nhiêu tâm sự, bao nhiêu điều anh muốn nói vì lợi ích của dân tộc và Đảng. Anh Ba Trà, anh Tư Chi, xin được khóc mà nghiêm mình tiễn anh...

22/4/1996

Trần Bạch Đằng

TIỄN BIỆT THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Trần Văn Trà, Nguyễn Chấn anh ôi!
Nợ nước, tình nhà trả đã rồi.
Chống Pháp bao năm là tướng giỏi
Đánh Mỹ mấy lần vẫn hàng cõi.
Bạn bè quý mến lòng nhân ái
Dân chúng yêu thương đức rạng ngời.
Có phải chán đời vì trái khoáy,
Nên miễn cực lạc bác đi chơi!

*Lê Tài
(Sổ tang 5/157)*

THƯƠNG TIẾC MỘT NGƯỜI TÀI

Thanh thản ra đi vị tướng Trà
Trọn lòng nghĩa nước vẹn tình nhà.
Tấm gương anh dũng trong như ngọc
Hình ảnh kiên trung trắng tựa ngà.
Xác gửi mộ hoa thơm nguyệt nhật,
Hồn nằm bia cỏ biếc dương tà.
Non sông ghi tạc đời thương tiếc
Lão, tử con người chẳng tránh qua!

Tuyết Hương
22/4/1996

113 Nguyễn Liễu La, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
(Số tang 5/103)

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC

ANH TRẦN VĂN TRÀ

Tin đâu
đau đớn não lòng
Đồng môn
đồng chí
Tưởng mong lâu dài
Nào ngờ
Anh đã chia tay!

24/4/1996

Hoàng Thúc Tâm
(Sổ tang 1/60)

VĂN TẾ PHÚNG VIỄNG THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Anh Ba ơi!

Anh đi đâu vội vã không một lời trăn trối dặn dò.

Anh đi bỏ vợ, bỏ con, bỏ Đảng, bỏ dân thân mến từ ngày đầu cách mạng đến nay.

Tin anh ra đi quá ư đột ngột, lòng người buồn bã như gió thảm mưa sâu.

Nhớ linh xưa

Đẹp đất dầm mưa

Chung cơm chung áo

Nhớ trận đấu trên sông Chợ Gạo

Tôi bên anh

Trong Chỉ huy sở tiền phương

Trận đấu tiên

Khiến giặc kia thất vía kinh hôn

Những năm đầu trong tay thiếu sắt

Mượn súng đồng của Minh Mạng ngày xưa

Đánh tàu Tây trên sông Vàm Cỏ

Thần công nổ khiến đoàn tàu nghiêng ngửa

Phải bỏ cuộc quét càn.

Là Tư lệnh miền Đông Nam Bộ, nhờ thông minh sáng suốt anh đã giải tỏa được trên ba mươi đồng chí mắc tội hàm oan gián điệp.

Đây ghi vài kỷ niệm giữa anh và tôi chứ công anh nhiều lắm nói sao cho xiết.

Giải phóng miền Nam anh viết nên trang sử vàng chói lọi.
Anh mãi mãi đi rồi nhưng hình ảnh anh luôn luôn nằm giữa trái tim chúng tôi.
Nhớ anh xin viết mấy dòng
Thương anh khá dễ cảm lòng được sao.
Anh Ba ơi!
Sống khôn thác thiêng
Hồn anh ở suối vàng có linh sinh hưởng.

Đinh Văn Ninh

*Bạn chiến đấu ngày đầu Chi đội 14 tỉnh Tân An cũ
343/65 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, quận Tân Bình
(Sổ tang 5/109)*

VĨNH BIỆT DANH TƯỚNG

Lưu danh muôn thuở tướng Trần Trà
Trung hiếu vẹn toàn dệt gấm hoa,
Đức độ, lòng dân tròn nghĩa cử
Trung kiên, tình nước mãi bay xa.
Bảy mươi tuổi lẻ, lòng chẳng lẻ
Cuộc đời hiến trọn nước non nhà.
Giang sơn thương xót người con quý,
Lưu danh muôn thuở tướng Trần Trà!

*Nguyễn Thiệu
(Số tang 5/151)*

THƯƠNG NHỚ ANH TRẦN VĂN TRÀ

Tin đâu đột ngọt! Thương anh
Một đời oanh liệt, cỏ xanh từ rày.
Biết anh mẩy chục năm nay,
Lòng son, dạ sắt, đắng cay không sờn.
Trong bụng anh vẫn lạc quan
Về đô thành vẫn băn khoăn với đời.
Còn ai chia sẻ đầy vơi
Còn ai để luyến những thời xuân xanh.
Lúc anh và tôi quên mình
Trên hai mặt trận cộng thành chiến công¹.

Lê Tâm
(Sổ tang 6/67)

1. Có lúc anh chỉ huy đánh tàu địch, đến lấy súng SSB mà tôi sản xuất, sau chiến thắng anh có báo cho tôi biết.

THƯƠNG TIẾC

Thượng tướng lừng danh đã mất rồi
Tình thương nỗi nhớ thuở nào nguôi.
Kỷ niệm còn lưu cùng năm tháng,
Câu chúc hương hồn mãi thảm thơi!...

17/6/1996

Bà quả phụ Lê Văn Toàn và các con
(Số tang 6/70)

KÍNH VIẾNG HƯƠNG HỒN ANH TRẦN VĂN TRÀ

Anh đã mất, ra đi đột ngột!
Lòng bàng hoàng, sao chẳng muốn tin.
Đường phố tôi, anh luôn gần gũi
Nói chuyện tâm tình, khuyến khích động viên.

Một vị tướng tài ba lỗi lạc
Đức hiếu trung, Đáng quý, dân thương.
Giải phóng miền Nam, non sông thống nhất
Chiến công anh vang tiếng lẫy lừng.

Anh nằm đó lặng yên thanh thản
Như ngủ say thiêm thiếp giấc nồng
Vầng trán rộng, thanh cao minh mẫn
Trông hiền từ, đôn hậu, bao dung.

Đoàn người dài lặng lẽ đi quanh
Lòng tiếc thương chân bước chẳng đành.
Vĩnh biệt rồi! Ngậm ngùi tự hứa
Trọn tình dân nước, sáng gương anh.

Võ Thị Nga
Giáo viên, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phụ nữ Phường 6, Quận 3
(Sổ tang 6/50, 5/135)

XIN CHIA NỖI ĐAU CÙNG CHỊ

Khi anh ốm chị luôn kề cận
Chăm sóc anh giây phút chảng rời,
Để trái tim giữ yên nhịp đập
Sưởi lòng anh ấm áp niềm vui.

Bao ngày chinh chiến cách xa nhau,
Nay được gần nhau bạc mái đầu!
Tình già sâu đậm theo năm tháng
Thanh thản đồng đội mãi có nhau.

Ngờ đâu con tạo nỡ chia phôi
Anh đã lìa xa vĩnh viễn rồi
Căn phòng trống vắng đầy thương nhớ
Quặn lòng chị nuốt lệ sâu rói!

Xin chị vơi đi nỗi đau thương
Trong chị, hình anh mãi vẫn còn,
Bên chị, cháu con luôn quý mến
Chị em, tình nghĩa đậm đà hơn.

Võ Thị Nga
Giáo viên
Đường phố 11, Phường 6, Quận 3

KÍNH VIẾNG THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Quyền trọng ra uy giữ cõi bờ
Tháng năm màu tóc bạc phơ phơ.
Sang sảng lệnh ra thông bộ đội
Hiên ngang tay nắm vững lá cờ.
Yên đất hậu phương dân yêu mến
Dẹp tan cứ điểm trời xanh lơ.
Nay khuất núi ngàn bao thương tiếc
Kính viếng tâm thành mấy vần thơ.

24/4/1996

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyên
Số 6 phố Mai Hắc Đế, gác 2, khu Hai Bà, Hà Nội
(Sổ tang 1/62)

KÍNH VIẾNG HƯƠNG HỒN ANH BA TRÀ

Núi Ân mây mù giăng trăng đǐnh,
Sông Trà lơ lửng nước ngừng trôi
Thương tiếc người con quê Quảng Ngãi
Vì nước xả thân trọn cuộc đời.

Quyết chí hy sinh tuổi học trò,
Quên mình cứu nước chẳng so đo.
Vào tù ra khám không sờn chí
Hoài bão dân mình được tự do.

Khói lửa đạn bom ba thập kỷ
Luyện tôi chất thép một anh hùng.
Quân thù khiếp vía tài thao lược
Vị tướng rạng danh đất Thành đồng.

Sạch bóng quân thù chẳng hết lo
Bàn mưu hiến kế giữ cơ đồ.
Giặc kề sát nách đang nhòm ngó
Mất mặt vì chung một nước to.

Tiếc rằng lịch sử của cha ông
Học mãi học hoài lại chẳng thông,
Muốn thắng quân thù hơn gấp bội
Phải dùng lực lượng của toàn dân.

Tuổi ngoại thất tuẫn chẳng nghỉ ngơi
Bởi chúng còn vướng nợ trân đời
Bê Hai lịch sử chưa làm trọn¹
Nghĩa nặng tình sâu với mọi người.

Cuộc đời trong sáng tựa như gương
Hiếu nghĩa kiên trung vẹn mọi đường.
Khí tiết không tuân lời nói ngược
Bạn bè chung thủy trọn tình thương.

Anh đi để lại bao niềm nhớ
Bạn cũ tri âm, cả bạn lòng,
Yên vui vĩnh cửu miên cực lạc
Sự nghiệp mãi còng với núi sông.

4/1996

Trần Hiệp

Người em, đồng chí, đồng hương
(Sổ tang 5/171)

1. Những chẳng đường lịch sử của B2 Thành đồng (5 tập).

KHÓC CHÚ TƯ

(Kính viếng hương hồn Thượng tướng Trần Văn Trà)

Sáng ngày mai một chiếc xe tang
Đưa chú về nghĩa trang Thủ Đức
Một đoàn xe nối dài không dứt
Vị tướng lừng danh... thốn thúc lòng người.

Sáng ngày mai là tiễn chú rồi
Suối vàng yên nghỉ chốn xa xôi.
Mỗi khi thương nhớ làm sao gấp
Chỉ gấp trong lòng, trong tim thôi...

Nét chữ còn đây chú Tư ơi!
Ký vào bài báo hồi năm rồi.
Hai mươi xuân chẵn ta giải phóng
Đại thắng toàn dân, cờ rợp trời.

Ở trong tim con, một tấm lòng
Chú Tư ngày ấy - một ngày đông
Con ôm hộp máy đi phỏng vấn
Nhìn con ánh mắt như tiên ông.

Chú đi chữa bệnh, con hy vọng
Chú sẽ lành thoi, trường thọ thoi
Thế mà... tin dữ qua trang báo
Đau đớn lòng con chú Tư ơi!

Sáng ngày mai sẽ một đoàn người
Sắp hàng rồng rắn dài mãi thôi...
Bao nhiêu thương tiếc theo nắm đất
Chú Tư đi thật... đã đi rồi!

Mỗi khi thương nhớ làm sao gấp
Chỉ gấp trong lòng, trong tim thôi!...

Những ngày đau thương
Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
23/4/1996
Trương Văn Ngọc
(Sổ tang 5/167)

TIỄN ANH

(Kính viếng hương hôn Thượng tướng Trần Văn Trà)

Đưa tiễn Anh đi dưới nắng vàng
Nỗi đau! Đau quá hóa bàng hoàng
Mới hôm nào thấy anh cười đó
Nay bỗng quanh mình vương khói nhang.

Anh đã ra đi quá vội vàng
Những trang hồi ký viết dở dang
Mấy chục năm trời vì non nước
Tên anh còn đắp thắm sứ vàng.

Anh sống một đời nức tiếng vang
Đánh Tây, đánh Mỹ quyết sẵn sàng
Vào tù ra khám luôn bền chí
Sống giữa quân thù dạ sắt gang.

Đồng đội kề vai theo đám tang
Tiễn anh về với chốn vĩnh hằng
Anh ơi! Đất mẹ chờ anh đó
Nhẹ gánh cương thường vui gió trăng.

Bảy mươi tám tuổi sống vinh quang
Tháng tư, lịch sử mở sang trang
Dẫu biết biệt ly đời vẫn thế
Mà sao ly biệt cứ ngỡ ngàng.

24/4/1996
Vũ Ngọc Quyến

PHONG CÁCH MỘT VỊ TƯỚNG*

Mồng Ba Tết Mậu Thân 1968. Đã 3 ngày tổng tấn công và nổi dậy ở Sài Gòn cũng như trên toàn miền Nam.

Tại Sở Chỉ huy tiền phương Bộ Tư lệnh Miền bên bờ sông cách Sài Gòn chưa đầy 30km, cuộc giao ban hằng ngày bắt đầu. Trên căn hầm chỉ huy, Tư lệnh Miền Trần Văn Trà hai tay chống lên tấm bản đồ đang được trải rộng, tập trung suy nghĩ vào từng điểm xanh, đỏ, người không chút động đậy. Cách Sở Chỉ huy vài trăm mét, máy bay lén thảng đú loại của địch bắn từng tràng dài đại liên, từng loạt rốc két, thả cả những trái đạn cối chứa đầy chất độc CS. Mùi hóa học của chất CS đã lan tỏa ngay tại hầm chỉ huy. Trước sự tập trung cao độ của Tư lệnh, những cán bộ dự giao ban không ai nói một lời, tất cả đều im phăng phắc. Ai cũng lo địch chỉ nhích tầm đạn một chút nữa là nguy hiểm đến tính mạng của Tư lệnh. Đồng chí Năm Thái - Cục phó Cục chính trị kiêm Trưởng phòng Bảo vệ Miền đi lại bên hầm với tâm trạng vô cùng lo lắng nhưng vẫn không dám đề nghị Tư lệnh xuống hầm.

Bỗng một cán bộ nào đó không còn giữ được im lặng mạnh dạn nói:

- Đề nghị anh Tư xuống hầm, máy bay địch bắn gần quá rồi.

Tư lệnh “à” lên một tiếng như sực nhớ điều gì. Đồng chí đồng ý dời nơi giao ban xuống hầm trú ẩn. Cả hội trường thở phào nhẹ nhõm, vì ai cũng lo cho tính mạng của đồng chí Tư lệnh, người đang trực tiếp chỉ huy cuộc tổng tấn công của quân ta vào hang ổ đâu não của địch ở Sài Gòn.

Sáng hôm sau, cuộc giao ban thường lệ của Bộ Tư lệnh tạm dừng. Tư lệnh đã có quyết định tự mình trực tiếp xuống sâu hơn nữa, sát Sài Gòn hơn nữa để nắm tình hình, chỉ huy các mũi tiến quân. Buổi lên đường của Bộ Tư lệnh chỉ có 3 người: Tư lệnh, một cán bộ quân báo và một cán bộ địa phương thông thạo địa hình, dân tính vùng ven Sài Gòn. Toàn bộ lực lượng bảo vệ, kể cả đồng chí Hai Hải - Thủ ký riêng

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, tháng 4/1996.

của Tư lệnh cũng được lệnh ở lại. Ai cũng lo và còn lo hơn buổi giao ban vừa qua. Vì càng xuống sâu, chiến sự càng ác liệt. Nhưng Tư lệnh đã quyết định dứt khoát. Đồng chí nói: Không thể chậm trễ được nữa. Phải nắm được tình hình các đơn vị ta, chỉ đạo cho kịp thời. Đi đông sẽ dễ bị lộ. Ở đâu cũng có cán bộ, lực lượng, có đồng bào che chở.

Đồng chí Tư lệnh thọc thẳng xuống đến tận Bình Mỹ, phía nam sông Rạch Tra, chỉ cách Sài Gòn hơn 10km. Bắt liên lạc được với đồng chí Bí thư Khu ủy Sài Gòn. Một cuộc họp bất thường diễn ra ngay tại một căn hầm của dân trong đầm mía. Hầm được cấu trúc sơ sài với vài tấm ván mỏng. Máy bay các loại của địch quần thảo, bắn rocket liên hồi. Châu Thế Hùng - một đồng chí trong Bộ Chỉ huy Phân khu 1, vừa tham dự cuộc họp nhận sự chỉ đạo, vừa lo bảo vệ cuộc họp. Máy bay “cá rô” quật sát xuống các luống mía thả trái khói. Châu Thế Hùng đề nghị cuộc họp phân tán. Tư lệnh Miền, Bí thư Khu ủy và các cán bộ dự họp vừa rời khỏi hầm băng qua mương nước nhỏ, những quả rocket của địch phóng xuống phá tan căn hầm. Tất cả thoát chết trong gang tấc.

Nắm bám trụ ngay trên cửa ngõ của quân ta tiến vào trung tâm Sài Gòn, nơi địch không tiếc bom đạn dội xuống ngày đêm, trong sự đùm bọc của lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương. Tư lệnh Miền đã nắm chắc tình hình, chỉ đạo tiếp cuộc tấn công và nổi dậy ngay hang ổ đầu não của Mỹ - ngụy.

Còn biết bao nhiêu chuyện về dũng khí và sự quyết đoán của anh Tư Chi (Trần Văn Trà) mà nhiều cán bộ đã từng sống, chiến đấu với anh thường kể lại với niềm tin và trân trọng.

Được sống với anh Tư cũng như các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Miền suốt từ năm 1963 cho đến ngày giải phóng, biết bao nhiêu kỷ niệm về anh và các anh. Xin nhớ lại một mẩu chuyện về anh trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy, nhớ lại những giây phút hiểm nghèo nhưng rất đổi tự hào về những người chiến binh ở chiến trường B2 bên người Tư lệnh của mình.

ANH ĐÃ RA ĐI, TẬP HỒI KÝ B2 THÀNH ĐỒNG VĂN CÒN ĐÓ!*

Từ khi được tin anh mất, ra sân bay Tân Sơn Nhất đón thi hài anh, cho đến hôm nay, anh đã nằm xuống vĩnh viễn, lòng tôi cũng như Võ Trần Nhã vẫn không hết bàng hoàng. Sao mà anh đi sớm vậy, không nán lại một thời gian để chúng tôi phục vụ anh hoàn thành tập hồi ký về những chặng đường của B2 Thành đồng. Chúng tôi có lỗi với anh, chưa giúp anh hoàn thành được mong ước của anh cũng như của đồng bào, chiến sĩ đã chiến đấu ở B2. Lời nói đầu của anh trong tập 5 mà chúng tôi còn khắc ghi mãi trong lòng mình, trở thành quyết tâm và cũng như nguyện ước của chúng tôi: “Tôi quyết tâm làm vì xem đó là trách nhiệm cuối cùng về cuộc chiến tranh giải phóng, và cũng không thể trút cho ai, đối với B2, vùng đất mà tôi rất yêu quý vì hầu như suốt cuộc đời mình, sống và phục vụ ở đó từ những ngày hoạt động chính trị bí mật trước Cách mạng Tháng Tám cho tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc và có lẽ tôi cũng sẽ chọn nằm xuống mãi mãi ở đây”.

Cũng vì “nghĩa vụ đối với B2”, với bạn bè, người thân, đồng đội, đồng chí có quê hương từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau đã ngã xuống trên đất B2 mà lòng anh luôn canh cánh làm sao viết xong tập hồi ký về B2. Tôi và Võ Trần Nhã được cử phục vụ anh viết hồi ký từ năm 1977, ra tập 5 từ năm 1980, tập 1 năm 1993, được gần anh trong những giây phút gay cấn, căng thẳng cũng như vui sướng khi các tập hồi ký được ra đời, được bạn đọc gần xa hoan nghênh. Có lúc anh bàn với chúng tôi định xin nghỉ chức Phó Chủ tịch Trung ương Hội và Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố để tập trung vào tập hồi ký, nhưng rồi trách nhiệm chung anh không thể từ chối sự tín nhiệm của tập thể. Gần đây anh chọn một miếng đất bên bờ một dòng sông, nơi “mây nước yên bình” với một mong muốn xa thành phố để có điều kiện tập trung suy nghĩ, nhớ lại những sự kiện và con người đã góp công sức và hy sinh cao cả cho mảnh đất B2 Thành đồng.

* Bài viết đăng trên Báo Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27/4/1996.

Dù đã có linh tính báo trước sự ra đi của anh, nhưng ngày anh ra đi vẫn vô cùng đột ngột đối với chúng tôi. Mới ngày 10 và 11/4/1996, tổ phục vụ hối ký được tăng thêm người, làm việc với anh suốt hai buổi sáng về tập 2. Chúng tôi vui mừng khi anh kể lại những sự kiện sôi động trong những năm đầu 1960 từ Hà Nội cho đến chiến trường B2 suốt hơn hai tiếng đồng hồ. Anh đã kể về anh Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) từ miền Nam ra Bắc, về việc xin anh Lê Duẩn cho chở vũ khí vào Nam bằng đường biển, nói nguyện vọng của anh xin về Nam chiến đấu từ năm 1957 - 1958 nhưng do bệnh tật mãi đến 1963 mới được Bộ Chính trị chấp thuận. Anh bàn với chúng tôi về chia chương tập 2, nội dung của từng chương. Quyết tâm của anh cũng như chúng tôi sẽ hoàn thành tập 2 vào tháng 9/1996 và hai tập còn lại vào tháng 4/1997. Công việc phía trước đang còn mở ra nhằm hoàn thành ước vọng của anh cũng như của chúng tôi, nhưng anh lại ra đi để lại cho chúng tôi biết bao điều trăn trở.

Nhin anh nằm đó như đang ngủ, chúng tôi lại nhớ biết bao buổi gặp anh, lắng nghe anh nói, không những chuyện chung mà còn là những lời khuyên chân tình đối với từng người. Anh nhắc chúng tôi lấy tư liệu để anh đưa vào cuốn hối ký phải thật trung thực, vì đây là để lại ngàn đời cho con cháu mai sau. Anh thường nhắc đến tấm gương của Bác Hồ, khuyên chúng tôi cả những việc nhỏ nhất: "Người ta cho ăn đừng ăn no quá, cho uống đừng uống say quá". Chúng tôi biết anh muốn nói đến phẩm chất con người. Anh nhắc nhở chúng tôi "dù gặp hoàn cảnh như thế nào cũng phải lạc quan", "Bằng sự nỗ lực trong sáng vì dân vì nước của mình để Đảng và nhân dân hiểu mình". Anh nhắc chúng tôi và anh đã làm đúng như vậy. Tim anh ngừng đập trong giây phút đang mải lo công việc.

Còn chúng tôi, những người ở lại, tính sao đây với nguyện vọng của anh về tập hối ký. Lời anh kể chúng tôi còn ghi, những tư liệu về sự kiện và con người B2 được chị Thoa và chúng tôi đã và đang từng bước sắp xếp lại chờ anh. Nhưng anh đã ra đi, một nhân chứng không thể thiếu trong lịch sử chiến đấu của đồng bào, chiến sĩ B2.

Anh hẹn chúng tôi, ngày 25/4/1996, sẽ tiếp tục làm việc về tập hối ký. Vậy mà, hôm nay, khi tôi phải viết những dòng chữ riêng biệt anh, tập hối ký vẫn còn bỏ dở, để lại trong lòng chúng tôi biết bao lời chân tình, trung thực của anh đối với lịch sử, đối với bạn bè.

Nghĩ đến anh, thương nhớ anh, chúng tôi dặn lòng, bằng bất cứ giá nào, bằng biện pháp nào, cố gắng hết sức mình làm một việc gì đó dù nhỏ nhất để tiếp tục một quyết tâm và nguyện vọng đã xác định khi anh còn sống!

25/4/1996
Nguyễn Viết Tá

NÉN HƯƠNG CHO THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

Trong cuộc đời văn nghiệp và binh nghiệp của mình, tôi đã có cái may mắn được là người giúp Thượng tướng Trần Văn Trà trong việc thực hiện cuốn hồi ký *Những chặng đường lịch sử của B2 Thành đồng*. Năm 1978, khi nhận lời đề nghị của Tổng cục Chính trị viết hồi ký này, anh đã hình dung trước tất cả khó khăn và nặng nề của công việc tái hiện lại các giai đoạn lịch sử trọng đại ấy. Trong Lời nói đầu của tập 5 (tập ra mắt trước tiên), anh đã viết: “Chính vì trách nhiệm nặng nề như vậy mà tôi đã tự đề ra cho mình một quy định: Viết đúng sự thật hoàn toàn, những sự thật có người đã biết, cũng có người chưa hề biết, có người thích cũng có người không thích. Vì lịch sử khi nào cũng công minh sẽ loại trừ không thương tiếc những gì sai sự thật, không hôm nay thì cũng ngày mai”. Và rồi những gì anh đoán đã trở thành sự thực sau khi cuốn sách ra mắt người đọc...

Anh đã hoàn tất cuốn hồi ký không chỉ vì ý thức trách nhiệm mà còn vì tình yêu của anh với vùng đất B2 anh hùng. Anh viết: “tôi quyết tâm làm vì xem đó là trách nhiệm cuối cùng của mình về cuộc chiến tranh giải phóng, và cũng không thể trút cho ai, đối với B2, vùng đất mà tôi rất yêu quý vì hầu như suốt đời mình, sống và phục vụ ở đó từ những ngày hoạt động chính trị bí mật trước Cách mạng Tháng Tám cho tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc và có lẽ tôi cũng sẽ chọn nằm xuống mãi mãi ở đây”.

Ngày 21/4/1996, tôi nhận được tin dữ khi đang cùng nhân dân xã Phong Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tung bừng làm lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng. Cuộc lễ đang đến hồi rộn ràng nhất thì anh Bảy Dũng - Tư lệnh Quân khu 7 kêu tôi ra nói nhỏ cái tin sét đánh: “Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần!”. Thoạt nghe, tôi không sao tin được, bởi anh em Văn phòng Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi vừa mới tiễn anh đi Xingapo chiêu ngày Chủ nhật 14/4 đây mà. Bên tai tôi còn văng vẳng lời anh căn dặn trước lúc lên đường: “Nhã ở nhà cố gắng đừng có uống rượu nhé!”. Vậy mà...

* Bài viết đăng trên Báo Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27/4/1996.

21 giờ đêm 21/4, tôi đến bên linh cữu của anh đốt cây nhang, lạy anh ba lạy. Khi ấy, lư hương trước linh cữu đã cắm rất nhiều chén nhang rồi, trong số đó có nén hương của Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn đang cháy đỏ. Cắm nhang xong, tôi đến sát linh cữu nhìn anh lần cuối. Anh Tư nằm đó trong chiếc hòm kiếng, sắc mặt vẫn hồng hào và hoàn toàn thanh thản như đang trong giấc mơ tuyệt đẹp cho cõi đời này. Và anh đã mãn nguyện như người vừa hoàn thành xong sứ mạng thiêng liêng mà Tổ quốc, quê hương đã ủy thác.

Vĩnh biệt anh Tư Trần Văn Trà, đồng bào thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh như hãy còn nghe đâu đây lời anh 21 năm trước khi thay mặt Ủy ban quân quản ra mắt đồng bào thành phố:

... “Dân tộc ta từ đây nhất định trường tồn và phát triển... Không một thế lực phản động nào có thể ngăn cản bước đường của dân tộc ta tiến tới, tạo lập cho mình cuộc sống ấm no, hạnh phúc muôn đời... Chỉ có đế quốc Mỹ là kẻ chiến bại, toàn thể dân tộc Việt Nam là người chiến thắng. Bất cứ ai còn mang dòng máu Việt Nam đều có quyền tự hào về chiến thắng chung của cả dân tộc...”.

Anh Tư Trần Văn Trà đã ra đi nhưng dáng dấp anh, tâm hồn anh hãy còn ở mãi với chúng ta. Một vị tướng tài ba, cao đẹp. Tôi đã không thể nào kìm được nước mắt trong buổi lễ truy điệu anh.

25/4/1996

Võ Trần Nhã

NHỮNG MẪU CHUYỆN NHỎ VỀ MỘT NHÂN CÁCH LỚN*

Bất ngờ, đột ngột, Thượng tướng Trần Văn Trà đã vĩnh biệt chúng ta. Trong những ngày tiếc thương này, chúng tôi có may mắn cận kề bên những người thân, những đồng đội của ông để nghe họ hồi tưởng lại những tháng ngày được sống, chiến đấu bên cạnh một con người tài trí và giàu lòng khoan dung.

Anh Nguyễn Việt Chi, con trai duy nhất của chú Tư, kể lại: “Ông là một người cha nhân từ và độ lượng. Là nhà quân sự, một vị tướng cầm quân đánh giặc gần trọn đời nên ở ông toát lên tính cách của sự nghiêm túc, làm việc gì phải ra việc đó. Ông luôn nhắc nhở tôi: “Này con, cố gắng dồn hết tâm lực để làm việc, việc hôm nay chớ để ngày mai. Khi mình tận tâm, tận lực kết quả sẽ như ta muốn””. Anh nhớ lại có một lần đi chơi về khuya, ông ngồi đợi cửa dù vào giờ ấy lẽ ra ông phải đi nghỉ rồi. “Trong lúc tôi rất sợ cụ quở trách thì cụ chỉ nghiêm khắc căn dặn lần sau đi, về phải có giờ giấc. Tôi biết lúc ấy ông rất lo nhưng lại không muốn để cho con cái biết mình đang lo như thế nào”.

Trong cuộc sống gia đình, chú Tư là người tuân thủ tuyệt đối một nguyên tắc bất di bất dịch từ bao nhiêu năm: Tôn trọng suy nghĩ, ý kiến riêng của vợ và các con. Cả ba người con lúc vào đời đều được chú Tư trao đổi cẩn kẽ về hướng chọn ngành nghề trong tương lai, cách học tập, nghiên cứu như thế nào để đem lại hiệu quả cao nhất. Thế nhưng quyền quyết định vẫn thuộc về những người con, những người mà chú Tư hoàn toàn yên tâm bởi đã được giáo dục bằng sự nhân từ, thân ái của chú và thím. Chị Nguyễn Xuân Hồng, bác sĩ chuyên khoa mắt Bệnh viện Điện Biên Phủ, người đang thực hiện khóa tu nghiệp tại New England Medical Center ở Boston, Mỹ vừa vội vã kịp về chịu tang cha ngậm ngùi: “Trước một việc gì đó, ba tôi thường chỉ cho chị em chúng tôi thấy đâu là khả năng đích thực của mình.

* Bài viết đăng trên Báo Phụ nữ Thủ Đức, ngày 27/4/1996.

Vì vậy, chúng tôi rất tự tin trong việc thực hiện. Lúc cha con cùng ngồi lại bàn bạc với nhau, tôi nói ông lắng nghe kỹ và gợi ý cho tôi nhiều điều mà đến nay đã trở thành phương châm sống của chúng tôi". Sự nhân từ, bao dung, thương bà con, đồng đội được thể hiện bằng lòng chí tình của một con người sống có trước, có sau. Đồng hương huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi họp lúc nào chú Tư cũng có mặt, thậm chí chú còn tranh thủ đến sớm để có thêm nhiều thời gian hàn huyên, thăm hỏi bà con, anh em. Nhiều người quê ở Sơn Tịnh mà chúng tôi gặp đều cho rằng chú Tư là một lãnh đạo cao cấp nhưng lại rất dễ gần, dễ nói chuyện bởi sự giản dị, gần gũi, chan hòa. Vừa giản dị, lại sống chân tình, chú Tư là một người mang nặng nghĩa tình, nhất là với những người lính cùng chiến hào, đồng cam cộng khổ với chú trong suốt những năm tháng chiến tranh.

Bao nhiêu năm sống với nhau, chú thím Tư vẫn giữ lối sống thanh đạm cho đến những ngày tình hình kinh tế đất nước thay đổi. Biết chú Tư là người nặng tình nặng nghĩa, thím đã dành riêng một khoản tiền lương của cả hai vợ chồng nhằm vào việc giúp đỡ bạn bè, hoặc cứ năm ba bữa nhà chú Tư lại có khách, họ là bạn chiến đấu, là đàn em cùng vào sinh ra tử và bây giờ đang cực nhọc vật lộn với cuộc mưu sinh. Chú Tư không bao giờ để cho đồng đội cũ ra về mà phải phiền lòng vì công việc vốn bận rộn của chú. Chú đi hoài nên thím lại là người thay mặt chú tiếp đãi khách. Chưa có thì giờ để hàn huyên tâm sự với bạn cũ là chú cảm thấy bứt rứt, sợ anh em không hiểu hoặc không thông cảm cho mình, biết chú thích cây cảnh, và cả thím nữa từ lâu vẫn ao ước có một căn nhà nhỏ bên sông để vui lúc tuổi già, thím Tư đã cố ý dành riêng một số tiền để nếu có dịp sẽ thực hiện ý định ấy. Thế nhưng ý định đó không bao giờ thành vì chú thường dùng số tiền ấy để giúp anh em, đến nỗi nhiều người đã đùa: Tướng Trà đang lập quỹ để hỗ trợ đồng đội! Thật ra, tất cả đều từ tấm lòng của chú. Và cũng chẳng ai ngờ được con người tình sâu nghĩa nặng ấy lại là một dũng tướng, một "Khổng Minh của căn cứ Trung ương Cục R" ngày xưa. Thiếu tá về hưu Nguyễn Kim Sơn, nguyên Đại đội trưởng Đại đội 3, D25 Công binh nhớ lại: "Hồi ấy tôi đánh ở Tây Nguyên mà tướng Trà là Tư lệnh. Những năm sáu lăm, sáu sáu cực kỳ cam go, thiếu thốn, nhưng cứ nghe tên Tư lệnh Tư Trà là trong người rạo rực, xáp trận nổ phát nào ngon phát nấy, nghĩ lại thấy nhớ vô cùng. Giờ thời bình, Luật Nghĩa vụ quân sự không lấy lính già công binh, nếu không thì tôi cũng đầu quân để làm lính ông Tư lần nữa. Giờ, ông Tư đi về bên kia rồi, nhưng ông không bao giờ chết trong tâm hồn những người lính chúng tôi". Còn ông Nguyễn Quốc Sinh, người chiến sĩ bảo vệ căn cứ Bộ Tư lệnh Miền từ năm 1966 kể rành mạch cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện về tướng Trà cách đây vừa đúng 30 năm. Ông Sinh kể về tài thao lược của tướng Trà trong đợt chống càn của chiến dịch Junction City (Gianxơ Xiti).

Quân Mỹ dùng tăng M48 là loại tăng hiện đại nhất lúc đó cày nát xã Tân Lập, huyện Tân Biên, Tây Ninh. Súng chống tăng B40 của ta bắn chẳng thấm tháp vào đâu. Trước tình hình đó, tướng Trà đã xuất thần chỉ huy anh em cứ nhắm ngay xích tăng mà bắn. Xe không chạy được, bộ đội ta tiếp cận bồi thêm phát B40 nữa ở cự ly 15m làm cháy hàng chục chiếc. Với lối đánh của tướng Trà, đến chị nuôi ngày ấy ở R cũng một mình hạ được xe tăng địch!

Hoặc một lần khác, Mỹ thay đổi chiến thuật đánh ta: Chúng cho quân áp sát, chỉ quăng lựu đạn chứ tuyệt đối không bắn. Ta còn lạ với cách đánh này nên không xác định được vị trí của địch, nếu nổ súng sẽ lộ mục tiêu. Trước tình hình ấy, một lần nữa, tướng Trà đã chứng tỏ bản lĩnh của mình: Ông chỉ huy anh em cố gắng câu giờ đến 5 - 6 giờ chiều vì ông biết lính Mỹ đánh cả ngày cũng mệt, đến đúng giờ nghỉ dù gần diệt được đối phương chúng cũng ngưng để nghỉ xả hơi, ăn uống. Đúng lúc ấy, vị tướng thông minh phất tay ra hiệu, AK của ta cứ thế mà “quạt”, bắn thản tướng Trà cũng là một tay thiện xạ AK! Ông thường bày vẽ kinh nghiệm chiến đấu để anh em học tập: Cố gắng đứng dưới gió vì sẽ nhận được mùi thuốc lá Salem và xà bông thơm của lính Mỹ; giao thông hào ở chiến khu R là sản phẩm của tướng Trà, cách vài mét lại có một hố cá nhân để tránh bom chùm cũng là sáng kiến của ông. Ở đâu ông cũng trồng cây ăn trái, nuôi cá và đặc biệt ông sống rất giản dị, có miếng ngon đều chia cho lính, anh em ăn gì thì ông ăn nấy, tiêu chuẩn của ông vì vậy thường voi đi rất nhanh. Từ những chi tiết tưởng chừng nhỏ nhặt đó đã toát lên nhân cách lớn của một con người đã trải qua những ngày sóng gió của đất nước. Nhân cách ấy không phải ngày một ngày hai mà có được, mà nó xuất phát từ đáy lòng của một vị tướng thông minh, trí dũng và nhân từ.

Điều bất ngờ cuối cùng mà chúng tôi muốn đề cập trong bài báo nhỏ này là tướng Trà còn là một vị tướng quân - nghệ sĩ. Tôi có may mắn được xem những trang bản thảo 5 tập hồi ký của ông, xem bộ ảnh phong lan rừng chụp ở nhiều nơi trong chiến khu mà bất cứ một người cầm máy nào cũng có thể nói lên lời than phục. Hòm đạn đại liên dùng đựng máy ảnh và phim, ảnh chụp được mà ngày trước chú Tư đã có sáng kiến rang gạo bỏ vào để bảo quản ảnh đến nay vẫn còn, thế mà người đã nằm sâu trong lòng đất lạnh, chú Tư ơi!

Lê Hồng Minh

NHỚ MÃI VỊ TƯ LỆNH CHIẾN TRƯỜNG*

Tôi không có may mắn được làm người lính trực tiếp dưới quyền ông. Nhưng từ những năm kháng chiến chống Mỹ khi còn là anh lính “tân binh C” mới từ miền Bắc vào, tôi đã nghe đến tên ông với biết bao câu chuyện cảm động về tình đồng chí, đồng đội; về tài thao lược của ông. Cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nam Bộ nhắc đến ông - vị tư lệnh chiến trường của mình với biết bao niềm kính trọng, cảm phục.

Sau ngày thành phố Sài Gòn giải phóng, thống nhất đất nước (30/4/1975), tôi vinh dự được sống bên cạnh ông. Vị tướng mà tên tuổi gắn liền với mảnh đất Nam Bộ, Sài Gòn - Chợ Lớn, với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trước mặt chúng tôi thật thân thiết, gần gũi như cha và con. Bận trăm công nghìn việc nhưng ông vẫn lưu tâm đến từng việc nhỏ của mỗi người. Ông góp ý với chúng tôi về một bài báo, đôi khi ông còn chỉ cách làm sao để tờ báo của lực lượng vũ trang quân khu bám sát nhiệm vụ chính trị và trở thành món ăn tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Năm 1982, ông được Nhà nước cho nghỉ hưu. Dường như thấy quãng đời còn lại thật quý giá, ông dốc sức làm việc. Ông có mặt ở tất cả những nơi mà người ta cần ông đến, khi thì tham dự một cuộc hội thảo về tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi thì kể chuyện kháng chiến cho sinh viên các trường đại học... Ông làm việc liên tục với các nhà viết sử quân đội. Ông lặn lội lên tận vùng chiến trường cũ thăm lại những người đã nuôi dưỡng, che chở mình, khảo sát thực địa để thẩm định lại những quyết định trước đây của Bộ Chỉ huy Miền mà ông là Tư lệnh. Với cương vị là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, ông luôn luôn trăn trở, suy ngẫm làm sao để tổ chức của những người lính Cụ Hồ này phát huy được bản chất cách mạng tốt đẹp, giúp ích cho xã hội, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, định hướng cho lớp trẻ tiếp tục con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn.

* Bài viết đăng trên Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 28/4/1996.

Bây giờ, ông nằm đó trong chiếc quan tài, nét mặt hồng hào, thanh thản. Vẫn biết rằng đó là quy luật của muôn đời, nhưng những người đồng đội của ông, những người đã được hoặc chưa được một lần tiếp xúc, làm việc với ông vẫn cảm thấy đột ngột, xót thương.

Trong dòng người nườm nượp đến thắp nhang viếng ông có cả những người chưa một lần được trực tiếp nói chuyện với ông, nhưng dấu ấn của ông trong lòng họ thật khó phai mờ. Chúng tôi đã gặp một nhà sư trên 80 tuổi ở ngay cổng ra vào Bộ Tư lệnh Quân khu 7 - nơi quản lính cữu ông. Vị sư đã từng hành đạo ở chùa Phổ Quang, ngôi chùa nằm sát căn cứ Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn trước đây, kể rằng chưa bao giờ ông được tận mắt nhìn thấy ông Tư Chi (tên thường gọi của Thượng tướng Trần Văn Trà trong thời chống Mỹ) nhưng qua những người lính biệt động thành của ông, nhà sư này rất kính trọng vị tướng tài danh của Quân giải phóng miền Nam. Khi nghe tin ông Tư Chi đột ngột ra đi, nhà sư này đã đèn nhang tụng kinh cầu nguyện cho linh hồn ông được siêu thoát, cũng như biết bao linh hồn chiến sĩ đã xả thân vì đất nước. Tại lễ truy điệu, chúng tôi đã gặp rất nhiều cán bộ, chiến sĩ dưới quyền ông về “chịu tang”. Trung tướng Lê Nam Phong - Hiệu trưởng Trường Sĩ quan lục quân 2, đôi mắt đỏ hoe, nói giọng nghẹn ngào: “Tôi được sống và chiến đấu bên cạnh anh Tư từ những năm chiến trường miền Nam đang diễn ra ác liệt. Trong chiến dịch Dầu Tiếng, một đêm chúng tôi bị B52 dội bom. Ngồi trong hầm, tôi đã nói chuyện với anh Tư rất nhiều và đề xuất nguyện vọng xin anh Tư xuống đơn vị chiến đấu. Suy nghĩ một lát, anh Tư đồng ý và ít ngày sau đó tôi được điều về làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 3, Sư đoàn 9. Xuống đơn vị, tôi vẫn nhận được tình cảm của anh Tư. Anh thường xuyên gọi điện hoặc gặp tôi chỉ bảo cho tôi công việc của người chỉ huy đơn vị chiến đấu. Được trưởng thành như ngày nay, tôi luôn biết ơn Đảng, biết ơn đồng đội và những người đã chỉ bảo, dùi dắt mình, trong đó có anh Tư Chi - vị Tư lệnh giàu lòng nhân nghĩa, vô cùng kính mến của tôi”.

Suy nghĩ ấy không phải chỉ riêng của Trung tướng Lê Nam Phong. Trong không khí tiếc thương ngậm ngùi tại buổi tiễn đưa, tôi đã đọc được điều ấy từ đôi mắt đỏ hoe và cái nhìn cương nghị của những cựu chiến binh B2 và cả những người dân ở vùng Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, quê hương ông.

Cách đây đúng 21 năm vào những ngày này với tư cách Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, ông đang cùng Bộ Chỉ huy chiến dịch chỉ huy năm cánh quân ép sát Sài Gòn. Bây giờ khi đất nước bình yên, cả dân tộc đang bước vào một kỷ nguyên mới - công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ông đã đột ngột ra đi. Ông ra đi mà còn mãi mãi trong lòng đồng chí đồng đội, trong lòng đồng bào vị tướng

có mặt ở chiến trường Nam Bộ ngay từ những ngày đầu kháng chiến đến lúc toàn thắng. Đúng như lời điếu của Thượng tướng Đào Đinh Luyện - Ủy viên Trung ương Đảng, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng: Gần 60 năm liên tục chiến đấu và công tác, trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với các cương vị được giao, đồng chí Trần Văn Trà đã tỏ rõ là một cán bộ trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, dũng cảm trong chiến đấu, nhiệt tình hăng say, thủy chung với bạn bè đồng chí, gần gũi thương yêu chiến sĩ, luôn giữ vững phẩm chất người đảng viên, người cán bộ cách mạng nêu công tác ở đâu, đồng chí cũng được cán bộ, chiến sĩ yêu mến.

Theo dòng người, dòng xe tiễn ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, khi trở về tôi đã đứng lặng hồi lâu bên dòng sông Sài Gòn - nơi thăm đượm những kỷ niệm một thời chiến tranh. Nhìn dòng sông lững lờ trôi giữa đôi bờ, tôi bỗng nhớ đến gương mặt cương nghị và phúc hậu của vị tư lệnh chiến trường đã gây dấu ấn tốt đẹp đối với tôi suốt cả cuộc đời binh nghiệp.

*Thành phố Hồ Chí Minh, đêm 24/4/1996
Trần Thế Tuyển*

VĨNH BIỆT ANH TƯ TRÀ*

Hồi 9 giờ 15 phút ngày 21/4/1996, một buổi sáng, trời Bến Tre mưa dầm dề, chúng tôi đang cùng toàn dân xã Phong Mỹ, huyện Giồng Trôm mừng vui tưng bừng làm lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng. Cuộc lễ đang đến hồi rộn ràng nhất, lân múa cờ phất trống rung thì anh Bảy Dũng - Tư lệnh Quân khu 7 liền kêu tôi ra nói nhỏ một tin bàng hoàng, sững sốt: “Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần!”. Thoạt nghe cái tin sét đánh ngang tai này tôi tỏ vẻ không tin một chút nào. Anh Bảy Dũng nói thêm: “Tin này do Tỉnh đội Bến Tre nhận được qua Văn phòng Bộ Tham mưu Quân khu 9”. Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. Bởi vì anh em Văn phòng Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi vừa mới tiễn anh Tư (tức Thượng tướng Trần Văn Trà mà chúng tôi quen gọi xưa nay “anh Ba” hay “anh Tư” - “anh Ba” là “anh Ba Trà” trong thời kháng chiến chống Pháp, “anh Tư” là “anh Tư Chi” trong thời kháng chiến chống Mỹ) đi Xingapo chiêu chủ nhật ngày 14/4/1996 đây mà, bên tai tôi vẫn đang còn nhớ lời anh căn dặn trước lúc lên đường: “Nhã ở nhà cố gắng đừng có uống rượu nhé!”. Và tôi đã hứa với anh Tư một lời chắc chắn. Chẳng lẽ, mới có bảy ngày, anh Tư lại ra đi đột ngột vậy sao?

Vừa xong lễ nhận danh hiệu Anh hùng của xã Phong Mỹ, chúng tôi bươn bả về Thành phố Hồ Chí Minh ngay. Trên đường về tôi tìm cách điện để hỏi. Đúng là Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần lúc 10 giờ 20 phút hôm qua tại Xingapo, và đã đưa về Việt Nam ngay chiều hôm qua.

Về tới Sài Gòn tôi được biết thêm: Bước đầu, thi hài anh Tư đang quàn tại nhà riêng số 161 Pasteur, Quận 3. Và 21 giờ đêm 21/4/1996, tôi được đến bên anh đốt cây nhang lạy anh ba lạy và cắm nhang trước linh cữu anh. Khi ấy lư hương đã cắm rất nhiều chân hương rồi. Trong số đó có nén nhang của Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn đang cháy đỏ, tỏa khói hương nghi ngút ấm áp *Tinh chiến hữu buổi lâm chung!*

* Bài viết đăng trên Báo *Thanh Niên*, ngày 30/4/1996.

Cắm nhang xong, tôi đến sát bên linh cữu anh để nhìn anh lần cuối. Anh Tư nằm đó, hệt như anh Tư ngày nào, trong chiếc hòm kiếng, sắc mặt hồng hào và hoàn toàn thanh thản như đang trong giấc mơ tuyệt đẹp cho cõi đời này. Và anh đã hoàn thành sứ mạng thiêng liêng mà Tổ quốc, quê hương ủy thác. Cuộc đời anh Trần Văn Trà rất đẹp và hết sức trọn vẹn. Tôi xin thành kính nghiêng mình trước hương hồn anh!

Tại Quân khu 7, sáng ngày 24/4/1996, trong lễ truy điệu để tiễn đưa anh Tư về nơi an nghỉ cõi vĩnh hằng, nhiều người ngậm ngùi, luyến tiếc đã khóc thương anh. Tôi không kìm được nước mắt khi nghe chị Tư nghẹn ngào nói chân tình trước lê tang và nức nở đọc bốn câu thơ anh đã viết cho mộ bia anh:

*“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”.*

*Tháng 4/1996, 21 năm ngày giải phóng Sài Gòn
Võ Trần Nhã*

DANH TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ TRONG TRÁI TIM ĐỒNG ĐỘI*

Đúng 10 ngày trước dịp kỷ niệm 21 năm ngày giải phóng miền Nam, Thượng tướng Trần Văn Trà đột ngột qua đời vì bạo bệnh. Hình ảnh của Thượng tướng luôn gắn liền với cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc của quân dân miền Nam, đặc biệt là trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ký ức của người dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn in đậm hình ảnh vị danh tướng này trong những ngày đầu giải phóng thành phố khi ông là Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định. Tên tuổi ông vì thế thường được nhắc đến mỗi dịp Thành phố Hồ Chí Minh kỷ niệm ngày giải phóng.

Xin ghi lại những tình cảm quý trọng mà đồng đội đã dành cho vị danh tướng này.

Ngay buổi chiều 21/4/1996, khi nhận được tin dữ, dù chưa có thông báo về lễ tang nhưng những người bạn, người đồng chí thân thiết nhất đã có mặt tại tư gia Thượng tướng Trần Văn Trà, nghiêng mình tiếc thương sâu sắc.

Giữa không khí thiêng liêng và xúc động của lễ tang, trong hàng ngàn người về đây kính cẩn nghiêng mình, chúng tôi đã tìm gặp những người bạn bè thân thiết, những người đã từng sống và làm việc cùng Thượng tướng Trần Văn Trà trong những ngày tháng cam go nhất của chiến tranh. Trung tướng Nguyễn Văn Thái (Phó Giám đốc Chính trị Học viện Lục quân - Bộ Quốc phòng) không cầm được nước mắt: “Tôi vào miền Nam năm 1965, công tác tại Sư đoàn 9 và Sư đoàn 7 thuộc lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ. Trong công việc, tôi có dịp thường xuyên tiếp xúc với anh Trà, lúc ấy là Tư lệnh lực lượng vũ trang giải phóng. Sống gần gũi anh tôi cảm nhận ở anh một đức tính đáng quý là luôn gắn bó, quý mến bộ đội, đặc biệt là các chiến sĩ chủ lực. Giữa tôi và anh có rất nhiều kỷ niệm nhưng đáng nhớ nhất là ngày thả Tổng thống Dương Văn Minh và nội các ngụy quyền Sài Gòn. Khi ấy anh Trà là Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định,

* Bài viết đăng trên Báo *Thanh niên*, ngày 30/4/1996.

tôi và anh đã cùng ngồi nói chuyện nhiều giờ liền với các ông Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Văn Huyên. Cách ứng xử của anh thông minh, lập luận sắc bén đã gây cho 3 vị này sự thán phục". Trung tướng Đặng Hòa (nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương) cho biết: "Tôi đã có thời gian làm việc dưới sự chỉ đạo của anh Trà. Anh là một vị tướng tài năng tầm cỡ cả về quân sự và chính trị. Chính anh đã xây dựng lực lượng vũ trang Nam Bộ từ chỗ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ chiến tranh du kích đến chính quy. Đối với tôi, anh là một người anh lớn và đáng kính trọng. Còn sức khỏe bao nhiêu anh đều đóng góp cho sự nghiệp chung của đất nước, xây dựng đoàn thể mà cụ thể là Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh cho đến cuối cuộc đời".

Trong đoàn người đến viếng Thượng tướng Trần Văn Trà, chúng tôi được gặp ông Nguyễn Bá Khoản - Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nguyên Đại tá Tư lệnh Quân đoàn 4, người đã có nhiều năm sống và chiến đấu bên Thượng tướng. Ông Nguyễn Bá Khoản xúc động cho biết: "Đánh Pháp anh là Tư lệnh Phân liên khu miền Đông Nam Bộ, còn tôi là cán bộ tiểu đoàn chiến đấu bảo vệ Bộ Tư lệnh Phân liên khu. Mỗi trận chiến đấu tôi đều được anh dặn dò chu đáo, đi đến những trận thắng nổi tiếng như trận diệt cuàn của lính lê dương tấn công vào Bộ Tư lệnh. Trong đánh Mỹ, anh Trà chỉ đạo cho xây dựng trung đoàn và sư đoàn chủ lực mà theo chỉ đạo của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là: "Bám vào thắt lưng địch mà đánh". Những kỷ tích đạt được như chiến thắng Bàu Bàng, phản càn Junction City... đó là những đỉnh cao về tài thao lược quân sự của anh. Với tôi, anh là một mẫu mực kiên cường, một đảng viên trung kiên mà tôi học hỏi không bao giờ hết".

Chúng tôi đến Viện Quân y 175 tìm gặp người bạn chí thiết trong chiến tranh, người hàng xóm trong hòa bình của Thượng tướng Trần Văn Trà: Thượng tướng Hoàng Cầm, nguyên Tư lệnh Sư đoàn 9 anh hùng, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân giải phóng miền Nam. Thượng tướng Hoàng Cầm đang nằm trên giường bệnh vì bị một tai nạn, ông bị gãy 3 xương sườn, đang được các bác sĩ Quân y viện 175 chăm sóc. Nằm trên giường bệnh (vì không ngồi thẳng được), vị tướng đã xúc động nói: "Vậy là một người bạn chiến đấu của tôi đã ra đi. Tôi rất buồn, suốt hai đêm liền không ngủ được, đau óc toàn nghĩ đến những kỷ niệm của những ngày tháng gắn bó bên anh. Tôi còn nhớ năm 1963, Bộ Quốc phòng quyết định điều tôi vào miền Nam cùng với Bộ Chỉ huy Miền xây dựng lực lượng vũ trang. Vào đến Bộ Tư lệnh Miền, tôi được anh Nguyễn Chí Thanh, anh Trần Văn Trà ra đón. Hiện nay tôi vẫn còn giữ bức ảnh kỷ niệm ấy. Sự gắn bó giữa tôi và anh Trà

trong chiến đấu là quan hệ giữa hai con người cùng chung sức xây dựng bộ đội chủ lực Nam Bộ. Cho đến lúc cả hai về hưu, chúng tôi cũng ở gần nhau. Suốt hơn 30 năm chúng tôi sống bên nhau vậy mà khi anh mất tôi không đến tiễn anh được. Vẫn biết rằng tuổi cao sức yếu như chúng tôi sự ra đi là điều tất yếu, song sự ra đi của anh đối với tôi vô cùng đột ngột. Vĩnh biệt anh, người bạn già, người đồng đội yêu quý của tôi”.

Kính cẩn nghiêng mình tiễn đưa Thượng tướng Trần Văn Trà về nơi an nghỉ cuối cùng không chỉ có đồng đội, bạn bè... mà còn cả quân dân miền Đông Nam Bộ nơi Thượng tướng đã từng gắn bó cuộc đời mình trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Dù đã về cõi vĩnh hằng, Thượng tướng Trần Văn Trà vẫn mãi lưu danh trong trái tim của các thế hệ người Việt Nam như lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp lúc tiễn Thượng tướng lần cuối cùng.

Đỗ Tài Thắng

VĨNH BIỆT ĐỐI THỦ CŨ*

LTS: James G. Zumwalt, luật sư, con trai thứ của E.R. Zumwalt - Đô đốc, nguyên Tư lệnh Hải quân Mỹ (1968 - 1970) có bài viết về Thượng tướng Trần Văn Trà gửi cho Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh cùng gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà. Tòa soạn trích giới thiệu cùng bạn đọc.

Tôi không bị bất ngờ khi được tin ông đã qua đời ngày 20/4/1996, vì tôi biết ông không được khỏe. Nhưng cái chết của một người bạn mặc dù mới quen đã đưa đến tôi một nỗi buồn. Thực là buồn cười, 27 năm trước đây, nếu nhận được tin này thì tôi và đồng đội tôi sẽ rất là thích thú.

Tôi nhớ lại lần đầu tiên tôi nghe tên ông. Đó là mùa hè năm 1969. Tôi đang ở Sài Gòn tại Sở Chỉ huy của Hải quân Mỹ. Tôi chăm chú lắng nghe hai sĩ quan tham mưu than vãn về sự bất lực của các đơn vị quân Mỹ ở đồng bằng sông Cửu Long vì không tìm ra được ông mặc dù đã có nhiều cố gắng. Ông thì xuất hiện ở mọi nơi, nhưng không tìm được ông ở nơi nào hết. Chính ông là người chủ động định ra lúc nào và nơi nào để tấn công quân Mỹ và Nam Việt Nam. Có người thù ghét ông vì những hoạt động của ông đồng thời cũng có người thán phục vì ông có khả năng hành động như thế.

Người mà tôi nói ở trên đây là Thượng tướng Trần Văn Trà. Ông đã chỉ huy lực lượng vũ trang giải phóng nhân dân, còn được gọi phổ biến là Việt cộng. Tết Mậu Thân, ông Trà chỉ huy tấn công Sài Gòn. Trong suốt cuộc chiến, ông chưa bao giờ bị phát hiện.

Có người phê phán và cũng có người ủng hộ vị tướng này. Rõ ràng ông là một nhà chiến thuật sáng chói. Rõ ràng ông không hề do dự khi phải vi phạm những nguyên tắc của chiến tranh công thức để đạt được mục đích trong cuộc chiến. Rõ ràng ông là đối tượng phục thù của mọi người chỉ huy Mỹ trong suốt cuộc chiến tranh.

* Bài viết đăng trên Báo Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.

Tôi có dịp gặp ông lần thứ nhất vào tháng 9/1994 khi tôi đi cùng với cha tôi là Đô đốc E.R. Zumwalt trong chuyến du lịch đầu tiên của chúng tôi đến Việt Nam sau chiến tranh. Nhìn qua quân phục, vị tướng về hưu 75 tuổi này rất dễ mến. Với cương vị Tư lệnh Hải quân Mỹ ở Việt Nam những năm 1968 - 1970, cha tôi hỏi: “Thưa tướng quân, có một điều thú vị là, hôm nay chỉ cần 20 phút, tôi đã đến được Chỉ huy sở của ông. 25 năm trước, tôi đã trải qua 2 năm theo dõi mà không tìm được nó”. Tướng Trà cười và chỉ cho chúng tôi biết chỗ ở chính xác của ông lúc đó.

Trong cuộc gặp gỡ này, tôi có góp một số suy nghĩ của tôi về cuộc chiến tranh với tướng Trà. Nhưng vì thời gian có hạn, chúng tôi thỏa thuận là tôi sẽ trả lại một lần khác để trao đổi một số vấn đề. Tháng 6/1995, tôi trả lại và đã phỏng vấn ông trong nhiều giờ. Tôi chưa làm được bao nhiêu. Có ngò đâu tôi là một trong những người Mỹ cuối cùng đã được phỏng vấn ông.

Tướng Trà rất lịch sự tiếp tôi một lần nữa. Đã gần một năm rồi, tôi mới gặp lại ông. Ông hơi già hơn trước. Ông đồng ý trao đổi với tôi về khía cạnh triết lý của cuộc chiến tranh và ảnh hưởng cuối cùng của nó.

Tôi không ngạc nhiên khi nghe ông, ngay trong năm 1995, kiên quyết bảo vệ cuộc chiến tranh và cái giá phải trả về sinh mạng cho cuộc chiến đó cũng giống như ông đã kiên quyết chiến đấu trong suốt 30 năm trước. Tôi hỏi ông phải chăng cái giá phải trả là quá cao. Khi tôi dẫn chứng lịch sử và chứng minh có thể ông đã sai lầm, cuối cùng rồi Hà Nội cũng quay sang con đường tư bản chủ nghĩa dưới cơ chế thị trường để tồn tại. Ông Trà mỉm cười nhưng bác bỏ một cách cương quyết: “Kinh tế thị trường tự do chỉ là một bước đi cần thiết để tiến tới mục đích cuối cùng của chúng tôi là kinh tế xã hội chủ nghĩa”. Ông Trà giải thích: “Cũng như khi tấn công một căn cứ quân sự kiên cố. Anh không thể đánh ngay vào đầu của nó vì thế anh phải tiến hành bao vây trong một thời gian rồi sẽ tấn công bằng nhiều hướng để giành thắng lợi chắc chắn. Đó cũng là phương pháp mà chúng tôi vận dụng vào kinh tế hiện nay”.

Cuộc tranh luận giữa tôi và tướng quân bao gồm nhiều chủ đề. Cuối cùng cuộc phỏng vấn đó có nhiều khác biệt trên lĩnh vực triết lý, tôi kết luận là tôi và ông ấy không cách biệt nhau lắm trong những suy nghĩ về cuộc sống. Chúng tôi gặp nhau trong quan điểm dân tộc, ai cũng muốn đất nước mình được tự do, không có sự can thiệp và thống trị của nước ngoài, cũng như trên lĩnh vực cá nhân chúng tôi đều muốn tạo cho gia đình mình một cuộc sống tốt đẹp.

Khi tôi hồi tưởng lại hai cuộc gặp gỡ với tướng Trà và nỗi buồn khi tôi được tin ông mất, tôi nhớ lại tuyên bố của Oliver Wendell Holmes Jr. một cựu chiến binh của quân đội liên bang trong cuộc nội chiến ở Mỹ, năm 1884. Ông đã đọc một bài

diễn văn kỷ niệm, trong đó nói rằng: “Ông và chiến hữu của ông được hướng dẫn bởi lòng tin vào mục đích chính nghĩa và cao cả của cuộc chiến đấu. Nhưng chúng tôi tin rằng đối phương của chúng tôi cũng có lòng tin của họ và tôi cũng kính trọng họ cũng như mọi người có trái tim đều phải quý trọng những ai đã cống hiến tất cả cho lòng tin của mình. Chúng ta không thể kéo dài một cuộc tranh chấp mà ta không thể giành thắng lợi... nếu không đạt được ít nhất sự chung sống với kẻ thù như bắc cực của nam châm và nam cực của quả đất, mỗi cực vận động ở vị trí đối nghịch nhau nhưng cực này không thể tồn tại nếu không có cực kia. Là người lính thì có thể tưởng nhớ đến người lính đã chết bất kỳ họ ở phía nào”.

Đó là một suy nghĩ duy tâm, nhưng nó giúp tôi giải thích vì sao tôi cảm thấy một sự mất mát khi nghe tin tướng Trà qua đời.

Người dịch: Nguyễn Văn Tòng

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC

THƯƠNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Là những bạn bè cùng anh chiến đấu suốt từ năm 1945 cho đến nay, là anh chị em Hội Cựu chiến binh mà anh là một trong những người sáng lập, trong giờ phút đau thương anh mất đi, chúng tôi hết sức ngậm ngùi, thương tiếc. Trải qua biết bao chặng đường chiến đấu gay go, từ khi Đảng hoạt động bí mật đến khi có chính quyền, chính quyền chưa hoàn chỉnh, để quốc trở lại xâm lược nước ta, anh trở thành một con người luôn luôn đứng trước đầu sóng ngọn gió, cùng đồng bào, chiến sĩ chiến đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của dân tộc, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, của Đảng và Bác Hồ.

Trên chiến trường miền Nam, suốt từ ngày Nam Bộ kháng chiến cho đến 30/4/1975, tại bưng sâu, rừng rậm héo lánh, mọi xóm làng, trong những lúc nguy nan, hiểm nghèo, nóng bỏng nhất, anh luôn luôn có mặt, chẳng những chiến đấu trên mặt trận quân sự mà cả trên mặt trận ngoại giao. Chính vì vậy dù anh đã mất nhưng mọi người vẫn tưởng như anh còn đâu đây. Khi được tin anh mất, nhiều bạn bè, đồng chí, nhân dân và cả những đồng chí lãnh đạo từ Trung ương đều điện, tìm hỏi: “Có thật anh đã mất rồi không? Có thật không?”. Bởi vì cuộc ra đi của anh thật hết sức đột ngột. Tất cả anh chị em hết sức bàng hoàng. Bởi vì con người anh vẫn còn khỏe, còn khả năng, sức lực, đầy tâm huyết phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Anh ra đi là một tổn thất lớn lao. Trong lúc chưa chính thức báo tang mà đã gần 200 đoàn đến tận nhà riêng viếng anh. Lễ viếng chính thức chỉ có một ngày, mà hơn 700 đoàn từ mọi miền của đất nước đã đến bên linh cữu của anh. Buổi tiễn đưa anh về cõi vĩnh hằng, đồng bào, đồng chí còn ùa ra đường bày tỏ lòng mến mộ anh. Bởi vì nhân dân thành phố có lòng yêu nước không thể không bày tỏ lòng kính trọng, ngưỡng mộ, lưu luyến một con người suốt đời vì dân, vì nước và có công lớn với nước.

Tôi được gặp anh, cùng cộng tác với anh bắt đầu từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến còn cực kỳ khó khăn phức tạp. Giặc Pháp đánh lấn ra vùng ven thành phố và các tỉnh. Xứ ủy dời về Tân Túc sau đó xuống Khu 8. Anh ở lại miền Đông chiến đấu. Bốn sư đoàn, tuy danh hiệu là dân quân cách mạng nhưng nội bộ còn nhiều vấn đề phức tạp, vì hầu hết những người chỉ huy là những thành phần cơ hội, thiếu lòng chân thành với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngoài ra còn có nhiều tổ chức vũ trang tự động hình thành với mọi thứ chính kiến, mục đích khác nhau và một số đơn vị khác chưa nằm trong hệ thống lãnh đạo của Đảng... Trước tình thế phức tạp, hồn đòn đó, anh bàn bạc cùng Xứ ủy Giải phóng và Tỉnh ủy Gia Định nhất trí phải thành lập và trực tiếp nắm lực lượng vũ trang mới bảo vệ được chính quyền cách mạng. Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa ra đời, là lực lượng vũ trang đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ do Đảng tổ chức, lãnh đạo, có hệ thống chính trị viên từ chi đội cho đến trung đội, phân đội. Anh đã đề xuất vận động thanh niên do Đảng nấm đưa vào các lực lượng vũ trang của các sư đoàn dân quân cách mạng lấy súng mang về làm cho bọn chỉ huy ngày càng bị cô lập, không bao lâu các sư đoàn này hoàn toàn tan rã. Một số chiến sĩ và cấp dưới gia nhập Giải phóng quân liên quận. Các vị chỉ huy các sư đoàn đó lần lượt theo giặc Pháp.

Khi anh Nguyễn Bình từ Trung ương vào, anh và các đồng chí khác còn rất trẻ, mới hơn hai mươi mấy tuổi lại chỉ huy một đơn vị thanh thế ở miền Đông, vẫn nhất trí với nhau hoàn toàn ủng hộ anh Nguyễn Bình, người được Cụ Hồ cử vào để thống nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ.

Đơn vị giải phóng quân vừa mới ổn định tổ chức, biên chế, huấn luyện..., anh Ba Duẩn, anh Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Cao Hồng Lãnh đến thăm. Khi đó, Khu 8 cần có người xây dựng và chỉ huy, anh Ba Duẩn có ý kiến với Giải phóng quân cần có người xuống. Anh không đắn đo hơn thiệt, sẵn sàng nhận lãnh một trách nhiệm hoàn toàn mới mẻ, tự nguyện đi ngay. Tôi không bao giờ quên giờ phút anh lên đường với hai bàn tay trắng cùng một đồng chí về Khu 8 tìm hiểu tình hình. Chúng tôi tổ chức ngay 2 đại đội hành quân tiếp theo để hỗ trợ cho anh. Một cây súng lúc đó cực kỳ quý giá, nhưng khi vừa cống cỗ xong Khu 8, anh liền cho các đơn vị cùng vũ khí trở về miền Đông chiến đấu, chỉ giữ lại một số ít cán bộ.

Kể từ đó và cho đến mãi về sau, anh để lại một ấn tượng tốt đẹp và ngày càng sâu sắc về phẩm chất và phong cách của anh: Vì Tổ quốc, vì nhân dân, anh sẵn sàng xung phong nhận lãnh những trách nhiệm nặng nề nhất ở những nơi khó khăn, nóng bỏng nhất và bằng mọi giá, dù có hy sinh đến tính mạng để hoàn thành.

Khu 8 vừa củng cố xong, giành được nhiều chiến công vang dội ở Giồng Dứa, Cổ Cò, Mộc Hóa, La Bang..., anh lại được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Và cũng vừa xây dựng, củng cố một bước, anh lại được điều về làm Tư lệnh Khu 7 rồi Phân liên khu miền Đông, Phó Tư lệnh Nam Bộ...

Có thể nói, trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, đặc biệt là những năm 1945 - 1946 khó khăn nhất tưởng chừng như phong trào kháng chiến tan rã, những năm 1952 - 1953 đói khổ và ác liệt, anh luôn có mặt ở cương vị lãnh đạo, chỉ huy vững vàng, dựa vào đồng đội, đồng chí, dựa vào dân để tồn tại và chiến thắng.

Trong chống Mỹ, cứu nước, anh cũng là một trong những đồng chí lãnh đạo, chỉ huy chiến trường xin trở về Nam sớm nhất. Anh là người tích cực đề nghị và được phân công trực tiếp chỉ đạo, tổ chức chi viện người và vũ khí về Nam sớm nhất bằng cả đường bộ và đường biển. Khi được về Nam, dù được giao trọng trách chỉ huy cao nhất của chiến trường trọng điểm, nhưng anh luôn có mặt ở những nơi nóng bỏng, ác liệt nhất, trực tiếp chỉ huy những chiến dịch lớn từ Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968, chiến dịch phá tan tuyến phòng thủ biên giới của địch năm 1971, Chiến dịch Nguyễn Huệ giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, Bắc Tây Ninh năm 1972, chiến dịch Bàu Bàng, Dầu Tiếng... và kết thúc ở vị trí Phó Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đã bao lần cận kề cái chết nhưng được sự đùm bọc của đồng bào, đồng đội, đồng chí và tài thao lược của anh áp đảo kẻ thù nên anh đã vượt qua những cơn hiểm nghèo đó. Hôm nay, anh ra đi mãi mãi, để lại trong lòng người mộ, luyến tiếc cho tất cả mọi người hiểu anh, biết anh hay chỉ mới nghe tiếng của anh nhưng chưa gặp anh.

Tên tuổi, hình ảnh, năng lực, chiến tích, sự nghiệp phụng sự cho Tổ quốc, cho Đảng, cho nhân dân của anh vẫn còn mãi với non sông, đất nước, lắng sâu trong tâm khảm của mỗi người, không những của thế hệ này mà còn những thế hệ kế tiếp, không những với thời gian mà còn với không gian.

Anh hãy an lòng yên nghỉ. Anh cứ tin chắc rằng các thế hệ sau sẽ không ngừng nối tiếp ý chí, tấm gương của anh, sự nghiệp của anh, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của toàn thể dân tộc quyết ra sức bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, của nhân dân theo lời Bác dạy.

Tô Ký

TRƯỜNG KỸ NGHỆ HUẾ CÁI NỘI ĐỨA ANH VÀO ĐẢNG VÀ LÀM CÁCH MẠNG*

(Nhân dịp vĩnh biệt Anh Trần Văn Trà)

Anh Trần Văn Trà, một vị danh tướng tài ba, đức độ, tận trung với nước, tận hiếu với dân, tận nghĩa với bạn bè đồng đội, đã đóng góp nhiều công lao to lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước. Anh vừa ra đi quá đột ngột để lại muôn vàn tiếc thương cho Đảng và Nhà nước, cho bộ đội và đồng bào, cho bè bạn thân tình ở trong, ngoài nước và gia đình.

Sinh trưởng trong một gia đình nghèo ở mảnh đất có truyền thống cách mạng, từ nhỏ, anh đã tận mắt thấy những cảnh bóc lột, đàn áp dã man của bọn thực dân, phong kiến, đã gieo vào lòng anh những suy tư.

Năm 17 tuổi, anh trúng tuyển vào Trường Kỹ nghệ thực hành Huế, niên khóa 1936 - 1939, với tên khai sinh là Nguyễn Chấn. Ở đây, trường như người mẹ hiền thứ hai, đã dùu dắt, dạy dỗ anh những động tác nghề nghiệp và những kiến thức khoa học kỹ thuật, tôi luyện anh trở thành một công nhân có tay nghề giỏi, có lương tâm nghề nghiệp để giúp ích cho đời; thầy, bạn và tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên dân chủ tại trường đã giúp anh trau dồi, trở thành người yêu nước có ý chí kiên cường, tham gia đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống chế độ hà khắc trong trường, và qua thực tế đấu tranh, anh đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường, đứng vào hàng ngũ tiên phong của giai cấp công nhân, đứng dưới cờ đỏ búa liềm quang vinh trong lúc phong trào cách mạng đang bị bọn Pháp đàn áp mạnh, phải hoạt động bí mật, bất hợp pháp (Anh vào Đảng tháng 8/1938, trong chi bộ có 4 đồng chí do anh Huỳnh Ngọc Huệ làm Bí thư).

Anh chẳng nể hà hiểm nguy do bọn mật thám của Pháp luôn theo dõi lùng sục, cài ngay chỉ điểm vào làm học sinh, anh vẫn cùng bạn hữu trong trường vừa học tập, vừa tham gia đấu tranh. Vài ba tuần một lần, anh cùng các đồng chí trong chi bộ

* Trong bài này có trích một số nội dung trong cuộc trò chuyện thân mật giữa anh Trà và tôi vào tháng 5/1994 tại nhà anh, có thu vào băng.

làm nòng cốt, tổ chức cho học sinh đi chơi dã ngoại ở núi Ngự Bình, đàn Nam Giao... để che mắt địch, hội họp tuyên truyền, nghiên cứu tài liệu cách mạng và bàn cách đấu tranh đòi quyền lợi tại trường (hiện nay còn một số ảnh về các cuộc họp trên được trưng bày tại Phòng Truyền thống của Trường Kỹ nghệ tại Huế), hoặc tham gia phong trào đấu tranh chung của thành phố Huế như vận động học sinh toàn trường đi đón Godart - đại diện Mặt trận bình dân Pháp qua công cán tại Việt Nam, để đưa các yêu sách đòi dân sinh, dân chủ, giảm sưu thuế... cùng với một số trường khác và đoàn thể nhân dân ở Huế.

Anh đã bị bọn phòng Nhì của Pháp nhiều lần theo dõi, gọi lên tra hỏi, nhưng không thu được chứng cứ gì, đành chịu.

Với kinh nghiệm bước đầu rèn luyện tại trường, năm 1939, sau khi tốt nghiệp, anh vào Sài Gòn để tìm việc làm và hoạt động cách mạng nhưng trong người chẳng có một loại giấy tờ gì hợp pháp cả. Tại đây, trong bước ngoặt ban đầu, anh đã có duyên gặp một số bạn bè cũ đồng môn trường Kỹ nghệ Huế (các anh Nguyễn Nhâm, Hoàng San...), được giúp đỡ bao bọc, lo toan giấy tờ hợp pháp, bắt liên lạc với cơ sở đảng ở địa phương và tiếp tục hoạt động. Khoảng 6 tháng, có người vào báo cho anh biết bọn Pháp đang truy nã anh vì cơ sở ở Huế bị vỡ nhiều. Ít lâu sau, trong khi đang gây cơ sở hoạt động, anh bị bọn mật thám ở Sài Gòn rình bắt, giam ở Khánh Hội rồi chuyển về đồn lao Huế. Anh đã gặp lại trong lao tất cả 3 đồng chí học sinh cũ cùng chi bộ và một số đồng chí khác (các anh Nguyễn Chí Thanh, Tô Hữu, Hoàng Anh, anh Thọ, Châu...). Khảo tra, dọa dẫm, không moi được gì nhiều, bọn Pháp đành kết án anh 6 tháng tù, mẫn hạn, trực xuất về quê. Về nhà, anh lại mày mò bắt được liên lạc với cơ sở, hoạt động khoảng một năm, sau bị tình nghi và o ép, ngại bị vỡ cơ sở, anh buộc lòng phải trốn vào Đà Lạt. Chân ướt chân ráo vào nơi xa lạ, anh tình cờ gặp lại anh em đồng môn trường Kỹ nghệ, mừng vui khôn xiết, được anh em tận tình giúp đỡ (anh Vũ Quang Duệ cùng lớp, anh Vương Đình Kế dưới 1 lớp), lo toan chỗ ăn, chốn ở, anh đã xin được việc làm ở Đà Lạt và Liên Khương (anh làm thợ điện). Một thời gian, anh thấy không ổn, lại chuyển vào Sài Gòn lần nữa.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, may mắn, anh lại gặp nhiều anh em đồng môn Trường Kỹ nghệ cũ giúp đỡ, chở che, lo cho được giấy tùy thân yên tâm hoạt động hơn (các anh Nguyễn Nhâm, Trịnh Hữu Biền...). Nhờ đó, anh tìm được đầu mối cơ sở ở địa phương, anh bắt đầu hoạt động lại từ năm 1942. Đầu năm 1943, anh được giao phụ trách tờ báo Giải phóng, cơ quan của Xứ ủy và Kỳ bộ Việt Minh, nhờ được một đồng môn học lớp dưới (anh Kế) giúp đỡ liên hệ thuê nhà để mở tòa soạn và tổ chức in ấn tài liệu Việt Minh, bí mật phân phối đi nhiều nơi trong Sài Gòn và các tỉnh. Khoảng tháng 6/1944, đang hoạt động có bề rộng, thì địch phát hiện, cả cơ quan bị bao vây và anh bị bắt tại đây. Vào tù, bị tra tấn dã man nhưng anh vẫn

giữ vững tinh thần, thi gan với địch, không chịu khuất báo gì cả. Mai đến ngày 23/8/1945, anh được thả ra với tư cách là tù chính trị, và ngay vài hôm sau, ngày 25/8/1945 anh đã tham gia giành chính quyền ở Sài Gòn và tiếp tục hoạt động trong 2 cuộc kháng chiến thần thánh giải phóng đất nước ở nhiều cương vị từ Trung ương đến chiến trường Nam Bộ: Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Phó Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, rồi Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định vào ngày đại thắng mùa Xuân 1975. Sau hòa bình một thời gian, anh về làm Thủ trưởng thường trực Bộ Quốc phòng, quân hàm Thượng tướng, rồi nghỉ hưu ở tuổi ngoài 60.

Trong thời gian nghỉ hưu, anh vẫn chưa yên tâm nghỉ ngơi. Ngoài việc tham gia tổ chức Hội Cựu chiến binh Trung ương và Thành phố, nghiên cứu một số công trình về lịch sử chiến đấu của quân đội, anh còn tham gia vào Thường vụ Ban Liên lạc cựu giáo viên và học sinh Trường Kỹ nghệ Huế tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1989.

Săn tình cảm sâu đậm đối với trường, với đức độ và uy tín của bản thân, anh đã góp phần rất quan trọng trong việc tổ chức và phát triển mở rộng hoạt động của Ban Liên lạc và đóng góp đắc lực vào việc xây dựng Trường Kỹ nghệ Huế, đặc biệt trực tiếp trao đổi, bàn bạc với lãnh đạo của tỉnh Thừa Thiên - Huế trong việc đưa Trường Kỹ nghệ Huế về trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng, tạo điều kiện thuận lợi cho trường có điều kiện phát triển tốt sau này.

Rõ ràng, Trường Kỹ nghệ Huế là cái nôi đã đưa anh đến với Đảng và hoạt động cách mạng ngay từ khi anh còn học ở trường và chính những học sinh cũ đồng môn đã thương yêu, sát cánh cùng anh, thiết thực đùm bọc, giúp đỡ, che chở và tạo nhiều điều kiện thuận lợi giúp anh vượt qua nhiều hoàn cảnh rất khó khăn, nguy hiểm trên các nẻo đường hoạt động cách mạng của anh, nhất là thời kỳ hoạt động bí mật cuối những năm 1930 và đầu những năm 1940, trước Cách mạng Tháng Tám thành công và tiếp tục sau này trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ.

Anh ra đi thật quá ngỡ ngàng, để lại đau buồn, thương tiếc cho mọi người thân quen và gia đình. Riêng đối với các thế hệ giáo viên và học sinh Trường Kỹ nghệ Huế, anh còn để lại một tấm gương sáng ngời về người công nhân, một chiến sĩ cộng sản hết mực trung thành, tận tụy với nước với dân, thân tình với đồng môn, đồng đội, không khuất phục trước quân thù trong hai lần bị địch bắt, tra tấn dã man, dám quên mình phụng sự Tổ quốc và chăm lo cho mọi người cho đến hơi thở cuối cùng, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp cho ngàn sau.

Hoàng Thúc Tâm

Trưởng Ban Liên lạc Cựu giáo viên và Học sinh
Trường Kỹ nghệ Huế tại Thành phố Hồ Chí Minh

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC

THƯƠNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

Thượng tướng Trần Văn Trà đã đi vào cõi thiêng thu... Cái hung tin ấy đã khiến nhiều người hết sức bàng hoàng. Khác với nội dung của một câu thơ Trung Hoa từ thời cổ đại, đa số danh tướng ngày nay có thể hiện diện ở giữa nhân gian với mái đầu bạc, và hơn như thế, chúng ta vẫn mong được chiêm ngưỡng mãi mái đầu bạc ấy ở trong dòng chảy thời gian. Những người đã có cuộc sống chan hòa sâu đậm vào trong mạch sống cộng đồng dễ tạo nên sự hụt hẫng khi mình vắng bóng.

Đa số những văn nghệ sĩ chúng tôi, sinh sống cũng như hoạt động ở nội thành Sài Gòn trong mấy mươi năm chống Mỹ vừa qua, không biết gì nhiều về cuộc đời của Thượng tướng. Nhưng qua một số anh em kháng chiến chống Pháp về thành hoạt động từ sau Hiệp định Giơnevơ, chúng tôi đã nghe nói về “ông Trần Văn Trà, Tư lệnh miền Đông”, và sau đã có nhiều dịp thấy hình ảnh ông, từ ngày Hội nghị bốn bên ra đời. Theo những bước tiến dồn dập của cuộc kháng chiến chống Mỹ, vị tướng đã về thành phố, đứng đầu Ủy ban quân quản, và kể từ đó cuộc sống của người chan hòa vào với cuộc sống sôi động của thành phố này.

Trong thời gian quân quản, có sự kiện nhỏ được nhiều anh em nhắc tới: Một cán bộ nọ vào một rạp hát, gặp cô soát vé, cô hỏi: “Vé đâu?”. Anh ta trả lời: “Tôi chỉ có giấy giới thiệu, tôi là người của tướng Trần Văn Trà”. Cô ta đẩy ra và nói: “Không có trà lá gì hết. Vô rạp thì phải mua vé!”. Khi nghe kể lại việc này, ông Trần Văn Trà cười ngất vì ông rất vui. Chẳng phải vui vì quần chúng nói nồng ngő ngược và đã không biết đến ông, mà vui vì quần chúng đã ý thức về quyền hạn mình.

Điều mà người ta chú ý khi gặp gỡ vị tướng này, ấy là diện mạo khôi ngô, và đặc biệt là giọng nói - giọng nói của một văn nhân hơn là của một tướng lĩnh. Ông nói đôn hậu, dễ thương, trong đó cái vị mặn mòi, khô cứng của chốn quê hương

* Bài viết đăng trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01/5/1996.

Quảng Ngãi phần nào đã được sông nước Nam Bộ làm cho dịu ngọt. Nhiều người làm việc ở dưới quyền ông cho biết, cả khi giận dữ giọng ông cũng rất nhẹ nhàng.

Đối với một vị danh tướng như thế, người ta - dĩ nhiên - thích nói về những chiến công. Quả thật ông đã góp một phần quan trọng cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, và tên tuổi ông mãi mãi gắn liền với lịch sử của dân tộc, mãi mãi sáng rõ ở những trang kháng chiến hào hùng. Nhưng điều ít người nói đến là tâm hồn văn nghệ của ông. Yêu mến nghệ thuật, mà đặc biệt là thi ca, đó là đặc điểm của vị tướng này. Theo một người bạn chiến đấu ngày xưa của ông kể lại, thì từ năm 1945, khi khởi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hai người bạn trẻ gặp nhau ở Chiến khu Đ, và đêm đầu tiên cùng nằm liền giường, ông Trần Văn Trà đọc thuộc lòng cho anh nghe một bài thơ của Nguyễn Viết Lãm - một thi sĩ người đồng hương - và một bài của Chế Lan Viên trong tập *Điêu tàn*. Ông Trần Văn Trà có mối cảm tình đặc biệt với Chế Lan Viên cũng như với các thi phẩm sau này của nhà thơ lớn. Khi còn chỉ huy Khu 8 (tức là 7 tỉnh miền Trung Nam Bộ gộp lại mà căn cứ địa là Đồng Tháp Mười), bấy giờ thi ca cách mạng chưa có sự phát triển đáng kể, những đêm tập họp sinh hoạt ông vẫn đọc những bài thơ trong tập *Điêu tàn* - dĩ nhiên là đọc thuộc lòng - cho anh em nghe.

Với lòng yêu văn nghệ đậm đà ấy và sự đánh giá cao tác dụng sâu sắc của nó đối với sự nghiệp cách mạng, ông đã hỗ trợ tận tình để điện ảnh ở Khu 8 ra đời sớm nhất so với cả nước. Các nghệ sĩ sân khấu nổi tiếng như Ba Du, Tám Danh, Triệu An, Tư Xe... khi gia nhập quân đội được ông rất coi trọng. Điều đó cho thấy vì sao Khu 8 là nơi tập trung đông đảo nhất các tài năng về nghệ thuật như những Hoàng Việt, Hoàng Tuyển, Diệp Minh Châu, Mai Lộc, Khương Mẽ, Minh Lộc...

Và người bạn trẻ ngày xưa, cùng ông gặp gỡ đêm nào ở Chiến khu Đ, đã tập kết ra miền Bắc. Sau ngày giải phóng, anh bạn trẻ này - giờ đã là người bạn già - nhận được món quà của tướng Trần Văn Trà gửi tặng, đó là một bộ sưu tập ảnh trên 30 bức theo một chủ đề duy nhất: những hoa phong lan, nhiều tấm ảnh do chính bàn tay nghệ thuật của tướng Trần Văn Trà - vị tướng tiền phượng, trong khi tham gia lãnh đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã ghi nhận được từ chốn rừng sâu...

Vũ Hạnh

LẦN CUỐI CÙNG PHỎNG VẤN THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Tôi may mắn lọt được vào thời gian biếu kín mít mà ông hoàn toàn không còn thời gian để dành cho các nhà báo. Hàng truyền hình Nhật, Anh, Úc, Canada đang dựng phim về ông, ông đang tham gia trong nhiều bộ sách hồi ký chiến tranh. Sau nữa, sắp tới ngày lễ lớn 30/4 kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam, ông còn nhiệm vụ của vị tướng trên lề dài. Lần gặp này, tôi được giao nhiệm vụ phỏng vấn lùi về quãng đời thời trẻ của ông.

“Chắc là chú sẽ chỉ kể được một vài chuyện nào thôi”. Ông bắt đầu ngay: “Chú đã phải đặt câu hỏi tại sao khi mới 11 tuổi. Thời kỳ đó mỗi người biết chút đỉnh rồi thì lúc nào cũng đặt câu hỏi: Sao vậy? Tại sao dân khổ thế? Trường chú học ngay cạnh quốc lộ có đoàn biểu tình bị xả súng. Người cầm cờ ngã, người sau lên. Trường đang học phải cho nghỉ, nhưng để học sinh ngồi yên trong lớp. Chính mắt chú thấy người chạy xuống ruộng. Cuối buổi, cùng các bạn đi dọc coi những xác người trong bể máu. Hình ảnh khủng khiếp vào đầu mình khi nhỏ nên ấn tượng sâu sắc lắm...”.

Sau năm đi học đó ở quê hương Sơn Tịnh, Quảng Ngãi, ông ra Huế tiếp tục học và tham gia thanh niên dân chủ. “Lúc đó tuy là vào một đoàn thể thôi cũng dễ bị tù lăm. Mai khi ra trường, vào Sài Gòn 6 tháng sau chú mới bị bắt do nó thi hành vụ án lớn đã xử ở Huế, chú bị án 6 tháng, là người cuối cùng vì nó phải vào tận Sài Gòn truy bắt. Do đã có án đú hồ sơ chung nên nó không lấy cung nữa. Chú đã vào Đảng năm 1938, chúng không biết. Sau ra tù, bị quản thúc vô thời hạn ở Quảng Ngãi. Một năm thì chú trốn vào Sài Gòn, tham gia trong này”.

Ông phải vào nghe điện thoại và tiếp ai đó một lúc mới quay ra. Tôi vội hỏi ngay thời kỳ ông giả làm chàng sinh viên Mỹ thuật Hà Nội có mở nhà in ở Đà Nẵng xin vào tham quan một nhà in Sài Gòn.

“Lúc đó chú phụ trách một cơ quan của Xứ ủy Nam Kỳ, có tờ báo *Giải phóng*, cơ quan bí mật ở Tân Định. Đồng chí Nguyễn Hữu Ngoạn do đồng chí Trường Chinh phái vào bắt liên lạc, có đưa theo một thỏi mực. Lúc đó mình có biết kỹ thuật in đâu, phải mò. Hồi đó tờ in bằng bột nếp, viết mực tím, rất xấu, chữ xéo qua xéo lại, lem luốc mà dân vẫn đón đọc. Thế nên chú mới giả đóng chủ nhà in để xin tham quan, mặc bộ complê đẹp đi mượn, còn nói là đang đi tìm tuyển thợ để làm. Chú về mày mò, cải tiến mãi để tìm cho ra những việc bình thường người ta làm về in ấn. Chú biên tập tờ báo đó, ra tới số 11 thì bị bắt. Lần vào tù năm 1944 đó mới thực sự gay go. Chánh mật thám Bazin khét tiếng, trực tiếp tra khảo. Nó nói: Mày có giỏi chịu đòn được như Trần Phú thì tao mới thua mày. Nó không ngờ chính nhắc đến đồng chí Trần Phú lại là tấm gương cổ vũ chú. Lúc giam ở Khám Lớn lại có cái kinh khủng khác. Nó giam chung với tù can án giết người, có cả đám dân anh chị Bình Xuyên. Vừa vào, thằng cặp rắn nó kêu chú tới đánh dằn mặt ngay. Thằng tử tù người lai Tây, Pháp giao cai quản khám, cho đánh thả sức. Bọn cướp cũng đánh. Vậy là 9 người của ta đối đầu với cả 2 thứ đó. Chú khỏe nhất, nên phải bênh vực anh em. Một bữa có thằng bẻ đầu được cây sắt mài nhọn định đâm chú, anh em thúc canh gác. Phải đổi mặt hằng ngày để sống sót. Câu chuyện dài lắm. Những anh em tù đó sau này có người giác ngộ như ông Bảy Rô trở thành cán bộ, đảng viên, bạn của chú mãi mãi. Ông mới mất cách đây một tuần. Ông Bảy Rô, cháu có nghe tên?”.

Tôi thưa có phải ông Nguyễn Văn Rô mà trên báo kể rằng năm nào ông cũng làm giỗ Bác Hồ mời bạn bè, đồng chí tới nhà?

Thượng tướng Trần Văn Trà gật đầu. Ông đang muốn kể tiếp về ông Bảy Rô, thì có cán bộ của Quân khu 7 vào trao đổi với ông về bộ quân phục tướng phải mặc trong lễ 30/4. Tôi liếc thấy ông cầm ngắm nghĩa cẩn thận, trong khi người chiến sĩ (hậu cần thì phải) giải thích thêm: “Vai 46, dài tám mẩy, lễ phục tướng đúng quy định của Ban tổ chức. Chỗ này cành tùng vàng. Về huân huy chương thì vẫn vậy...”.

Khi người của Quân khu 7 đi rồi, tôi định hỏi “huân huy chương vẫn vậy” của ông gồm những gì, nhưng ông đã nói luôn: “Hồi ký chiến tranh chống Mỹ chú định ra 5 tập, nay chưa đủ. Chú đang viết *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh* - lại tham gia trong cuốn sách về Nam Bộ kháng chiến chống Pháp định ra kịp 2/9. Một ngày không đủ giờ. Đêm nữa, nhưng sợ không đủ sức”. Câu cuối cùng thế nào cũng phải hỏi “Thưa Thượng tướng có tâm sự khuyên nhủ gì thanh niên ngày nay...”, ông làm cho tôi chú ý và ngạc nhiên: “Chú cho là ngày trước chú được hoàn cảnh tốt: Quê hương thì sôi sục truyền thống cách mạng, người lớn thì chú ý giáo dục cho. Tuổi trẻ lúc đó bức xúc làm cái gì đây để bản thân mình và dân mình thoát khỏi bắn giết,

đàn áp khổ sở. Khi giác ngộ thì có ý chí lớn, không sợ chết, không sợ tù đày. Ngày nay, thanh niên không qua hoàn cảnh đó. Họ chịu sự thử thách của một hoàn cảnh khác. Người thanh niên 20 tuổi là không trải qua chút gì của chiến tranh. Chính vậy nên việc tìm hiểu truyền thống dân tộc, tìm hiểu lịch sử các thời kỳ của đất nước trải qua, là vô cùng quan trọng. Nếu không, thanh niên sẽ không biết mình là ai, ở một dân tộc thế nào, dễ bị lạc hướng sang những chuyện không phù hợp mà không biết..."

Ông nhiệt tình lục tìm khá lâu và đưa cho tôi tấm hình thời kỳ 1972 ở Lộc Ninh, ông đang thông qua phương án Chiến dịch Nguyễn Huệ. Suốt buổi, tôi không được dành thời gian hỏi thêm về các khía cạnh của một vị tướng tài chỉ huy quân sự. Ông hẹn sẽ có một buổi khác.

Tôi không bao giờ còn thực hiện được buổi khác đó nữa. Có thể là các tư liệu và sách báo sẽ đáp ứng được sự tìm hiểu về đóng góp của ông và quân dân ta vào lịch sử kháng chiến. Nhưng còn cảm giác trực tiếp gặp một anh bộ đội Cụ Hồ hiền hậu, dân dã mà rất trí thức, một vị tướng tài... thì sẽ chẳng còn dịp nào nữa...

Nguyễn Thị Ngọc Hải

TIỄN THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Một Thượng tướng, một kỹ sư hay một người tu sĩ...
Trình độ khác nhau, địa vị khác nhau...
Nhưng mỗi khi u uất...
Mỗi lúc tâm trí đạt dào...
Có thể gặp nhau nơi thơ và nhạc!
Không! Đời chẳng chỉ có thơ cùng nhạc
Mà còn lý tưởng, lương tâm.
Lý tưởng cách mạng
ân cần phục vụ dân tộc!
Lương tâm con người
bên lòng tô đắp non sông!
Người Thượng tướng một dạ một lòng,
Thề sắt son cho cờ đại nghĩa!
Từ những lúc chín năm kháng chiến
đến những khi giải phóng miền Nam,
lật đổ Mỹ - ngụy hung tàn
tất cả quy về một mối.
Là những trang hào hùng - Thượng tướng!
Hòa bình - Độc lập - Thống nhất Bắc Nam
Nhân dân cả nước vui mừng!
Thượng tướng âu lo canh cánh!
Lo xây dựng Việt Nam giàu mạnh
Sánh vai cùng thế giới năm châu.
Nhưng ôi thôi! “Lực bất tòng tâm là nguyên lý”
Tuổi cao sức yếu lại đến định kỳ,
Làm sao phục vụ như thời trẻ!

Năm một chín tám hai,
Được Nhà nước cho nghỉ hưu... vì sức khỏe.
Không! Người không an phận, chùng bước trước tuổi già
Vẫn ra sức xông pha bao công việc!
Cùng đồng bào, tận tụy với non sông.
Cho nhân dân hiểu biết giống Lạc Hồng.
Mong xã hội an cư lạc nghiệp!
Thế rồi, một ngày kia trị bệnh tại nước người
Bao bác sĩ âu lo vì bạo bệnh
Tưởng rằng khỏe, vượt qua thân chết!
Để hoàn thành một bệnh viện cho tương lai.
Nào ngờ cơn vô thường chẳng tránh một ai
Dù người đó với chức danh là Thượng tướng.
Người đã đi bao giọt lệ bi ai
Đảng, Nhà nước, nhân dân bùi ngùi tiễn biệt.
Câu Thượng tướng trong sanh ly tử biệt
Vẫn hiên ngang liệt liệt, oanh oanh!
Mau trở về với cõi vô sanh.
Để tìm lẽ nhiệm màu trong phi diệt!

24/4/1996

Chùa Giác Ngộ

92 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10

ÁNH HOA PHONG LAN TRÊN TƯỜNG CÒN ĐÓ*

Cuối bốn mươi lăm gặp anh và anh Tô Ký ở Chiến khu Đ.
Theo anh về chiến khu Đồng Tháp.
Căn cứ địa của chúng ta là bưng sâu, cỏ lác
Lau sậy mọc um tùm.
Đồng ruộng, dân thưa, trên bờ kênh nhà lợp toàn đùng
Trống trước, trống sau gió lùa bốn phía.
Nhạc nhẵn không xiết kể
“Đỉa lội như bánh canh
Muỗi kêu như sáo thổi”
Áo đầm mồ hôi, tháng ngày anh lặn lội
Xây dựng đội ngũ chống xâm lăng
Thống nhất lực lượng vũ trang
Ngày càng lớn ba thứ quân miền Trung Nam Bộ.

Như hoa xuân tới mùa nở rộ
Lòng yêu nước của nhân dân.
Đắp đập, ngăn kinh, rào kín xóm làng
Ngăn chặn địch từng mũi tiến công của chúng.
Căn cứ của ta không có núi cao, rừng rậm
Che mắt quân thù,
Cũng không có bữa cơm đủ no
Từ chỉ huy đến lính.

Nghĩa với nước non là mệnh lệnh
Mưa dầm, nắng đội những tháng năm dài

* Bài đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, tháng 4/1996.

Ta đứng vững đôi chân trên cánh đồng lịch sử
Đất của những vị anh hùng Thiên Hộ và Đốc binh Kiều.
Tuổi hai mươi lăm anh làm được biết bao điều
Cùng Nguyễn Văn Vịnh - hai chàng thư sinh cầm súng
Trận Mộc Hóa, La Bang... quân thù điêu đứng.

Ở Dương Minh Châu, dưới chân núi Bà Đen, thiếu đói chưa từng
Anh cũng dùng măng le, cơm độn săn như các chiến sĩ miền Đông.
Qua trận lụt rau màu trôi sạch
Lại một phen thử thách
Như thuở ban đầu,
Mới biết vàng ròng
Qua thử lửa
Mới hay sức ngựa
Ngàn dặm đường xa.

Khi tóc nhuộm sương, cũng lấy rừng núi làm nhà
Trải những năm dài chống Mỹ.
Cũng như xưa đi đứng, nói năng như kẻ sĩ
Nhưng đàng hoàng, lâm liệt những lúc ra quân
Xuất hiện ở Sài Gòn, một dũng tướng nhân dân
Giữa quân ngụy to đầu - đám hùm beo - tay chân đế quốc
Làm khiếp đám bao người, run tay khi chạm cốc.

Từ Hà Nội tôi nhận ánh hoa phong lan đẹp nhất
Của người chỉ huy xưa chụp trong lúc hành quân.
Ai ngờ, người khoác áo nhà binh dầu dãi, phong trần
Vẫn ngắm nghĩa hoa rừng trên đường diệt giặc.

Ôi! Nỗi đau xé tim khi nghe tin anh mất
Nhớ lại bao điều kỷ niệm những chặng đường qua
Từ cánh đồng lúa ma
Đến suối Tha La, Đồng Rùm, Bà Đen - chân núi.

Nhớ đêm Hà Nội
Buổi tiễn đưa nhau
Không tiệc tùng mà với mối tình sâu
Nửa thế kỷ tháng ngày vun đắp,
Đến hôm nay, không nỡ nói thành lời “Anh đã mất”
Để tự an ủi mình: Anh vẫn còn kia
Chắc đi đâu đấy, có lúc lại về
Anh phong lan anh cho, trên tường còn đó!

*Cuối tháng 4/1996
Bảo Định Giang*

MỘT CUỘC ĐỜI CHIẾN ĐẤU HÀO HÙNG*

Tôi không có vinh dự được chiến đấu dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Thượng tướng Trần Văn Trà. Nhưng là một cựu chiến binh, khi nghe tin anh ta thế, tôi không thể không viết về anh với tất cả lòng thương tiếc và khâm phục. Bởi lẽ tên tuổi của anh đã đi vào sử sách, hình ảnh của anh đã khắc đậm giữa trái tim của người dân khắp trong Nam ngoài Bắc như một vị tướng kiên cường, tài ba, trung thực, một trong những “đặc đẳng công thần” của đất nước Việt Nam trong cuộc chiến đấu anh dũng, lâu dài vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Tôi cũng không có ý định ghi lại ở đây tiểu sử của anh, một tiểu sử vang đầy chiến tích, với những huân chương và cấp quân hàm. Xin dành việc đó cho lịch sử. Chỉ muốn lược qua những nét lớn trong cuộc đời cách mạng, cuộc đời binh nghiệp hào hùng của anh, được viết nên bằng công sức và trí tuệ của một người chỉ huy quân sự đã đi trọn 30 năm chống xâm lược, hết thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ, trong đó 21 năm lăn lộn trên chiến trường Nam Bộ.

Là một thanh niên được giác ngộ cách mạng, đi theo Đảng từ rất sớm, có mặt ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến (1945), anh có công xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười, xây dựng lực lượng kháng chiến ở Khu 8, củng cố sự lãnh đạo của Đảng trong những ngày phong trào cách mạng gặp khó khăn ghê gớm những năm 1945 - 1946, tưởng chừng tan rã đến nơi. Anh đã cùng phong trào đứng vững ở miền Đông Nam Bộ những năm đói khổ và ác liệt đầu thập kỷ 50, trực tiếp chỉ huy những trận đánh có hiệu suất chiến đấu cao như trận Giồng Dứa, như chiến dịch Lê Hồng Phong..., đưa cuộc kháng chiến ở Nam Bộ không ngừng phát triển. Đã nhiều lần anh vượt Trường Sơn ra Việt Bắc báo cáo với Bác Hồ và Trung ương Đảng về tình hình miền Nam chiến đấu. Từng là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Cục và Phó Bí thư Quân ủy miền Nam, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, anh đã góp phần xây dựng, lĩnh hội, truyền đạt và chấp hành các

* Bài viết của một cựu chiến binh gửi đến gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà trong những ngày tang lễ của ông.

nghị quyết lịch sử của Đảng, cùng đồng bào và chiến sĩ miền Nam biến các chủ trương chiến lược của Trung ương thành hiện thực thắng lợi nơi “Thành đồng Tổ quốc” đi trước về sau.

Có những năm tháng anh làm việc tại cơ quan chiến lược quân sự Trung ương. Năm 1959, ở cương vị Phó Tổng Tham mưu trưởng, anh được giao xây dựng con đường chiến lược Trường Sơn và “đường Hồ Chí Minh trên biển”. Từ đê đạt chủ trương đến tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo vận chuyển, chỉ đạo bảo đảm kỹ thuật, anh đã đặt những viên đá đầu tiên cho các con đường lịch sử, tạo điều kiện để miền Nam có thêm các khung cán bộ được đào tạo cơ bản, có vũ khí nặng để xây dựng bộ đội chủ lực đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của chiến tranh.

Từ năm 1963, anh được Trung ương, Quân ủy Trung ương cử vào Nam làm Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng. Trong cuộc đấu tranh khắc phục xu hướng của một số người ở chiến trường chủ trương chỉ tiến hành chiến tranh du kích và khởi nghĩa vũ trang, quan điểm của anh về xây dựng bộ đội chủ lực song song với phát triển chiến tranh du kích và bộ đội địa phương từng bước được chấp nhận, đưa đến những chiến thắng vang dội trong chiến dịch Bình Giả, trong thắng lợi đậm tan chiến lược “tìm và diệt” khi quân Mỹ tiến hành “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam. Trong thắng lợi Tết Mậu Thân (1968) có phần công lớn của anh, từ việc chuẩn bị những năm trước đó đến việc lập kế hoạch, ra Hà Nội xin duyệt đến việc triển khai chiến đấu với những cách đánh bất ngờ, độc đáo, đưa cách mạng miền Nam đến bước ngoặt chiến lược lớn, thực hiện “đánh cho Mỹ cút” để tiến tới “đánh cho ngụy nhào”.

Những năm sau đó, trong khó khăn ghê gớm, miền Nam đã ghi dấu kiên cường, thao lược của anh trên cương vị người chỉ huy khối chủ lực B2 phá tan phòng tuyến biên giới của địch năm 1971, trong Chiến dịch Nguyễn Huệ giải phóng Lộc Ninh, Bù Đốp, Bắc Tây Ninh (1972)...

Tiếp đó, trên bàn hội nghị của Ban Liên hiệp quân sự bốn bên ở Sài Gòn, với tư cách Trưởng Phái đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, giữa vòng vây của kẻ thù, anh đã kiên quyết nêu cao chính nghĩa cách mạng, vạch mặt sự ngoan cố, xảo quyệt của địch, buộc chúng phải thi hành Hiệp định Pari. Và khi khả năng hòa bình không còn nữa, anh trở lại chiến trường với nhiệm vụ Tư lệnh B2 và Phó Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Công lao của anh đã được đền đáp. Đại thắng mùa Xuân đã đưa anh về Sài Gòn trên tư cách Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định. Trong lòng

nhân dân và các bạn chiến đấu không phai mờ hình ảnh thân thiết của “anh Tư Trà”, “anh Tư Chi”, “anh Tư Nguyệt”, một người anh khái kính, một người chỉ huy cương trực, nghiêm túc, đầy tình thương và trách nhiệm, một vị tướng cấp chiến lược mà vẫn dạn dày trận mạc, xông pha lửa đạn, chia bùi sẻ ngọt cùng nhân dân, bè bạn ở những thời kỳ nóng bỏng nhất của cách mạng miền Nam.

Có ai biết bên trong vị tướng tài ba ấy lại chan chứa hồn thơ, đậm đà tình nghĩa. Một số câu thơ của anh được viết ngay trên đường đi chiến dịch:

Mai vàng rực nẻo hành quân
Gió ngàn nở rộn súng xuân vây thành
Xưa, nay vẫn núi sông mình
Rạng tài Nguyễn Huệ, thăm tình Ngọc Hân.

Còn nhớ mãi lời tâm sự của anh: “Mỗi sự nghiệp của một con người đều là sự nghiệp của tất cả... Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân. Nhờ bạn bè mà anh xây thành sự nghiệp. Nay có sự nghiệp chớ nên quên lãng bạn bè... Mắt ta phải trong mà lòng ta phải sáng, đó là quý nhất của một đời người...”. Suốt cả cuộc đời chiến đấu của mình, tướng quân Trần Văn Trà đã làm như vậy.

Vô số những tấm lòng đã đến kính viếng anh trong ngày tang lễ. Có một bức trướng của một hội viên Hội Khoa học lịch sử Việt Nam gửi từ Hà Nội mang đôi dòng chữ “Sử tạc quân công; Danh lừng nhân tướng”. Đúng là lịch sử không bao giờ quên anh, tạc ghi những chiến công bất tử của anh, về vị tướng hiếu trung, anh dũng, mưu lược, danh tiếng lẫy lừng sống mãi trong lòng người như một “nhân tướng”, hạng tướng mà xưa kia Khổng Minh Gia Cát đã xếp vào hàng thứ nhất trong các hạng tướng cầm quân.

Phạm Chí Nhân
16A, Lý Nam Đế, Hà Nội

KHÓC CHÚ TRẦN VĂN TRÀ

Đêm nay cháu nhớ chú
Khóc chú Trần Văn Trà
Từ nay vắng bóng chú
Vì chú đã đi xa

Chú Trà ơi! Chú Trà
Là người con sinh ra
Từ quê hương núi Ân
Và bên dòng sông Trà
Đi tìm đường cứu nước
Chú đã phải xa nhà

Chú Trà ơi! Chú Trà
Là đồng hương của chú
Cháu bước tiếp theo cha
Chiến đấu trong quân ngũ
Đến nay tuổi đã già

Chú Trà ơi! Chú Trà
Là người lính của chú
Cháu cảm phục chú nhiều
Vì đâu có quân thù
Có chú ở tiền tiêu

Chú Trà ơi! Chú Trà
Cả cuộc đời của chú
Chiến đấu vì nước nhà
Đêm nay cháu nhớ chú
Khóc chú Trần Văn Trà.

Sài Gòn, 24/4/1996

Nguyễn Chí Trực

Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam
(là con trai trưởng của đồng chí Nguyễn Chánh -
nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Liên khu ủy,
Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu 5)

HAI CÂU ĐỐI TẶNG TƯỚNG TRÀ

Hết sức kiên cường trong chiến đấu
Cực kỳ khiêm tốn lúc về hưu.

Tại chức quyết tình tròn nhiệm vụ
Cuối đời tâm huyết vẹn tình dân.

4/1996
Chu Lai - Nguyễn Ân (94 tuổi)

NHỚ NGƯỜI ANH LỚN*

(Kính viếng Thượng tướng Trần Văn Trà)

Anh đã mất, tin đưa đột ngột
Tai nghe rồi cứ ngỡ chiêm bao
Buổi tạm biệt hóa thành vĩnh biệt
Anh mất ư? Ôi! Có lẽ nào!

Cũng mới đây vui nghe anh kể
Đã kiểm tra, đã rõ bệnh tình
Mừng thấy anh vẫn vui, trẻ, khỏe,
Sẽ bên dân tiếp bước trường chinh.

Nay anh mất! Luật trời đã thế
Biết làm sao, biết nói gì đây
Trước ánh anh, tôi ngồi lặng lẽ
Nhớ đến anh, nhớ lại những ngày.

Những ngày đó chục năm công tác
Sống gần anh, càng hiểu thêm anh
Trong chiến đấu, dũng mưu linh hoạt
Với cán binh hết mực thân tình.

Nơi nóng bỏng hai mùa kháng chiến,
Nay vẫn còn in đậm dấu chân
Anh luôn đứng trên đầu trận tuyến
Mặc đạn bom, bám sát lo dân.

* Bài đăng trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09/5/1996.

Trên chiến trường quân thù kinh sợ
Bàn bốn bên, Mỹ - ngụy phục tài¹
Trong quân quản nhân dân ái mộ²
Tướng như anh, hổ dẽ kém ai!

Tuy hữu trí, không ngừng công tác
Kinh nghiệm nhiều tổng kết chưa xong³
Bệnh viện mới, vừa xong bàn bạc⁴,
Anh ra đi! Ôi cả tấm lòng.

Đời tiếc anh một trang dũng tướng
Đã nhiều công góp với quê hương
Tôi nhớ anh, một người anh lớn
Luôn hiền hòa, cởi mở, thân thương.

Năm tám năm (58) một lòng theo Đảng
Vì nhân dân nào nghĩ riêng mình
Tuy tuổi cao bao hoài bão lớn
Vẫn còn đang ấp ú trong anh.

Nhưng mong anh ra đi thanh thản
Hoài bão anh, tuổi trẻ thực hành
Hoa nở rộ đẹp đường cách mạng
Đất và người nhớ mãi tên anh.

Tô Liên Biểu

1. Anh làm Trưởng đoàn miền Nam trong Hội nghị bốn bên tại Sài Gòn (1973).

2. Anh làm Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn sau ngày 30/4/1975.

3. Anh dự định viết 5 tập về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ nhưng mới hoàn thành và in 2 tập và một số bài.

4. Anh sang Xingapo cùng đối tác bàn xây dựng bệnh viện tim hiện đại cho cán bộ lão thành, cựu chiến binh và nhân dân nghèo ở Việt Nam.

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ ĐÃ VĨNH BIỆT CHÚNG TA*

Tôi biết Trần Văn Trà khi ông còn là Trung tướng trong chiến dịch Bình Long, Phước Long và mùa hè đỏ lửa Đường 13 năm 1972. Đơn vị tôi trực tiếp tiến đưa Trung tướng Trần Văn Trà tại sân bay Lộc Ninh vào Sài Gòn tham gia Ban Liên hiệp quân sự bốn bên về Việt Nam theo Hiệp định Pari năm 1973 với tư cách Trưởng đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sau ngày 30/4/1975, tôi được điều về tiếp quản khóm 8 Vĩnh Hội, Quận 4. Lúc này, tướng Trần Văn Trà là Chủ tịch Ủy ban quân quản Sài Gòn - Gia Định, trụ sở tại Dinh Độc Lập cũ. Vài năm sau, ông làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố, tôi làm phóng viên Báo Cựu chiến binh của Hội.

Thời gian tôi gần tướng Trần Văn Trà không nhiều nhưng cũng chẳng ít. Gần đây trong các ngày 10, 11, 12, 13/4/1996, tôi và số ít đồng nghiệp có dịp nghe ông khắc họa chân dung và kể chuyện thời thanh niên sôi nổi của mình. Chiều thứ bảy ngày 13/4, tôi là người sau cùng bắt tay tiễn đưa ngày mai ông ra sân bay Tân Sơn Nhất bay sang Xingapo chữa trị cái “lỗ hổng trong phổi”. Vừa đúng một tuần sau, sáng thứ bảy ngày 20/4/1996, Tòa soạn nhận được tin sững sốt: Thượng tướng Trần Văn Trà đã vĩnh biệt cõi đời. Không ngờ cái bắt tay vào chiều ngày 13/4/1996 là lần bắt tay cuối cùng giữa chúng tôi và ông.

Tướng Trần Văn Trà chào đời năm 1919 nơi quê nghèo Tịnh Long, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi. Nhà không ruộng, cha làm thợ, mẹ bán hàng rong. Lớn lên ông bỏ trường huyện vào Huế học Trường Kỹ nghệ. Năm 1938, ông được kết nạp Đảng tại trường, năm đó ông mới 19 tuổi. Thực dân Pháp ranh ma đánh hơi và quản chế ông tại trường. Năm 1939, ông trốn vào Sài Gòn làm Nhà máy xe lửa. Làm thợ và sinh hoạt Đảng ở Sài Gòn 6 tháng, ông lại bị bắt nhốt vào Khám Lớn Sài Gòn (Thư viện Khoa học Tổng hợp bây giờ) vì tội làm chính trị rồi đưa ra Huế. Ông vào nhà tù Huế,

* Bài viết đăng trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03/5/1996.

gặp lại gần hết Chi bộ cũ như Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu, Hoàng Anh... Từ 6 tháng, chúng thả ông về Quảng Ngãi nhưng bị quản thúc. Ông lại trốn vào Sài Gòn với tên giả Lê Văn Thắng, có lúc mang tên thật Nguyễn Chấn.

Tháng 5/1944, ông làm Tổng Biên tập Báo Giải phóng, thuộc Xứ ủy Nam Kỳ và Kỳ bộ Nam Kỳ. Do có người khai báo, ông và một số lớn Xứ ủy viên bị Pháp bắt. Ông khai tên là Thắng làm thợ pha mực in nên ngày 22/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim thả tù chính trị, ông được tự do. Ba ngày sau khi ra tù, ngày 25/8/1945, ông tham gia khởi nghĩa ở Sài Gòn. Sau ngày 23/9/1945, mặt trận Sài Gòn tan vỡ, lúc này không còn con đường nào khác là thành lập lực lượng vũ trang. Tướng Trần Văn Trà, Dư Khuong, Minh Đinh trong Xứ ủy (nhóm Giải phóng) đứng ra lập Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, tướng Trần Văn Trà làm Chính trị viên.

Khu 8 tan rã chưa vực lên được. Tháng 3/1946, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ chỉ thị cho Trần Văn Trà - Ủy viên Xứ ủy cung cố, chấn chỉnh Khu 8. Sau thời gian ngắn, Trần Văn Trà đã thành lập xong Chi đội 14 (cơ trung đoàn sau này) trực tiếp làm Chi đội trưởng. Trần Văn Trà quyết định lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ địa kháng Pháp. Cùng thời kỳ này, các anh Lê Duẩn, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt, Phạm Hùng... đã ra Bắc gặp Trung ương, số còn lại tản mát, Xứ ủy gần như tan rã, nhân dân hoang mang lo sợ. Trần Văn Trà và Ung Văn Khiêm chủ động đứng ra lập Xứ ủy Đảng lâm thời do Ung Văn Khiêm làm Bí thư, xây dựng lại Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ do Phạm Ngọc Thuần làm Quyền Chủ tịch, Nguyễn Bình làm Ủy viên quân sự. Từ đây, thế cách mạng Nam Bộ được khơi dậy khi có Đảng, có chính quyền, có lực lượng vũ trang.

Tháng 9/1946, Trung ương chỉ đích danh Trần Văn Trà làm Khu trưởng Khu 8. Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ cũng lấy chiến khu Đồng Tháp Mười của tướng Trần Văn Trà làm tổng hành dinh kháng chiến. Năm 1947, đồng chí Lê Duẩn vào chiến khu Đồng Tháp Mười tiếp tục làm Bí thư Xứ ủy, phong trào kháng chiến Nam Bộ tiếp tục dâng lên. Cuối năm 1947, Khu 8 thành lập Tiểu đoàn 307, đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên của Nam Bộ. Năm 1948, tướng Trần Văn Trà ra Việt Bắc báo cáo tình hình Nam Bộ, lần đầu tiên ông được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh mà tiền khởi nghĩa ông đã biết tiếng tăm cụ Nguyễn Ái Quốc. Lần này, Trần Văn Trà gặp Bác Hồ với tư cách Phó Tư lệnh Nam Bộ. Năm ấy, Trần Văn Trà mới 29 tuổi, viên Phó Tư lệnh rất trẻ của Nam Bộ. Năm 1949, toàn quốc chuẩn bị “tổng phản công”, Trần Văn Trà được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sau ngày có Nghị quyết 15, Trần Văn Trà và một người nữa đề xuất với Bí thư thứ nhất Lê Duẩn và Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp về việc mở đường mòn bí mật Trường Sơn và đường mòn trên biển. Được Bộ Chính trị thông qua, Trần Văn Trà cùi anh Võ Bẩm (Khu 5), người đầu tiên thực thi xây dựng đường mòn vào Nam vào tháng 5/1959 (Đường 559), đường vận tải trên biển mang tên 759 (tháng 7/1959). Hai con đường bí mật này sau đó đã phát huy hiệu quả rất lớn.

Từ năm 1963, tướng Trần Văn Trà được chỉ định làm Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng, năm đó ông 44 tuổi. Ông kết hợp giữa lực lượng tại chỗ và quân đi B tạo nên các chiến thắng vang dội Bình Giả, Đồng Xoài, Bàu Bàng - Đầu Tiếng. Trận Tết Mậu Thân 1968, với tư cách người cầm quân tại chỗ, tướng Trần Văn Trà lập kế hoạch tổng tiến công rồi bí mật ra Bắc gấp Bí thư thứ nhất Lê Duẩn xin duyệt kế hoạch, xong về Nam ngay. Trận chiến lược Mậu Thân nổ ra đã đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, tạo bước ngoặt lớn cho ta cả về thế và lực trên chiến trường. Với tư cách Tư lệnh, những năm sau này, ông tiếp tục điều binh khiển tướng giải phóng hàng loạt các tỉnh B2. Năm 1974, ông được phong Thượng tướng. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào Sài Gòn, ông là tham mưu tích cực cho Bộ Chỉ huy Chiến dịch (Tư lệnh là Đại tướng Văn Tiến Dũng, Phó Tư lệnh là Thượng tướng Lê Trọng Tấn và Trần Văn Trà, Chính ủy là Phạm Hùng) vũng vàng, yên tâm phát lệnh. Chiến dịch toàn thắng vào trưa 30/4/1975 kết thúc 30 năm chiến tranh tàn khốc.

Thượng tướng Trần Văn Trà có 30 năm sâu nặng với Sài Gòn - Gia Định, trong đó 21 năm lăn lộn trận mạc. Ông và tập thể luôn gắn bó với nhau, trong những lúc cách mạng bên bờ vực thẳm, người ta thường thấy bóng ông xuất hiện phía trước. Tướng Trần Văn Trà là biểu tượng niềm tin của Vệ quốc quân thời 9 năm và Quân giải phóng thời xe tăng pháo đài bay B52 rải thảm. Từ Tư lệnh thời vũ khí thô sơ giáo mác đến thời Tư lệnh binh hùng tướng mạnh, xe tăng trọng pháo, góp phần đáng kể cùng cả nước đè bẹp hết mọi kẻ thù hung hãn tàn bạo. Cùng với các tướng lĩnh Việt Nam khác, tướng Trần Văn Trà ghi lại dấu ấn trong lịch sử cách mạng miền Nam. Ông được thưởng nhiều huân chương cao quý. Đây là tấm lòng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã dành cho ông. Ông có mặt trong mọi trái tim người Việt Nam, đặc biệt là nhân dân miền Nam và Quân giải phóng.

Lưu Ngọc Vang

VĨNH BIỆT THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Anh đã ra đi quá bất ngờ...
Tin đài thông báo... ngỡ trong mơ!
“Anh Ba khỏe mạnh”... sao kỳ vậy?¹
Ngắm rõ quan tài... mới ngắn ngo!
Chiến sĩ Tháp Mười luôn nhắc anh.
Tiểu đoàn Ba Bảy sử lưu danh!
Trường chinh hai cuộc: Già nhau cả...
Giải phóng miền Nam! Mộng đã thành!
Thỉnh thoảng liên hoan các bạn già...
Gặp nhau nhắc chuyện cũ ngày xa:
“Ba Trà dễ mến... không ai ghét,
Tình cảm bạn bè luôn thiết tha!”

Nghe nói anh lo “bệnh viện già”
Bỏ công vận động tận phương xa!
Lương tâm chí cốt vì đồng đội,
Gương sáng, đời đời mãi ngợi ca!

Kính cẩn nghiêng mình... vĩnh biệt anh!
Đôi dòng thơ xuất tự tâm thành:
Không gian lồng lộng quê hương đó,
“Thượng tướng Ba Trà mãi rang danh!”

Hồng Câu Lãnh
Nhạc sĩ, nguyên Trưởng đoàn TTXP Khu 8

1. Các chữ viết in nghiêng là ý của các bè bạn.

VỊ TƯỚNG CỦA THÊ ĐỘI I*

Được tin Thượng tướng Trần Văn Trà mất, ai cũng lặng người bởi sự ra đi của một danh tướng, cả đời trọn nghĩa vẹn tình với nước non.

Ông sinh năm 1919 trong một gia đình có truyền thống hiếu học. Ông sớm tham gia phong trào yêu nước. Ngay từ những năm 1930 - 1931, khi đó mới 11 - 12 tuổi, ông đã tham gia sao chép, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu cho cách mạng. Ông luôn tâm đắc, ngưỡng vọng các nhà yêu nước như: Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu.

Năm 1936, ông vào học Trường Kỹ nghệ ở Huế. Ở đây, ông đã tham gia phong trào học sinh của trường, của thành phố Huế. Nơi đây là khởi điểm hoạt động liên tục của ông cho cách mạng, cho đất nước. Năm 1938, ông được Chi bộ Đảng nhà trường kết nạp. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã bị bắt hai lần nhưng lần nào cũng vậy, ông vẫn giữ tấm lòng son. Ngày 22/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim đã thả tù chính trị trong đó có ông. Khi ra tù, ông lao ngay vào hoạt động. Ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ngày 25/8/1945 tại Sài Gòn. Từ đấy, ông luôn đảm trách những cương vị quan trọng mà Đảng và quân đội giao phó. Dù ở bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào ông cũng cùng tập thể lãnh đạo tìm ra những phương án tối ưu. Suốt 30 năm từ năm 1945 đến năm 1975, ông có 21 năm lăn lộn cùng chiến trường miền Nam, ở những thời điểm gay go nhất như năm 1945 - 1946, 1952 - 1953, 1969 - 1970. Bà con cô bác Nam Bộ luôn nuôi dưỡng, bảo vệ ông trong những ngày sóng gió của cách mạng. Ông cũng không phụ lòng của đồng bào và Tổ quốc, đã cống hiến trọn đời mình cho dân tộc. Dù ở bất cứ cương vị công tác nào được giao phó, ông đều hoàn thành. Ông sống chan hòa với mọi người, quan tâm tới mọi người. Tuy là một vị tướng nhưng không ai e ngại và lo sợ khi gặp ông, mọi người quý ông như người cha, người chú, người anh trong gia đình. Những ai đã sống với ông hoặc chỉ một lần tiếp xúc đều thấy ở ông lòng nhân từ, nên mọi người gọi ông là nhân tướng. Sự kính trọng ông không chỉ ở đồng chí, đồng bào, mà ngay kẻ thù khi tiếp xúc cũng tỏ lòng kính phục ông.

* Bài viết đăng trên Báo An ninh Thủ đô số 561, ngày 05/5/1996.

Khi đất nước đã thống nhất, và khi nguy cơ chiến tranh không còn nữa, ông đã xin nghỉ hưu ở độ tuổi 63. Nhiều người hỏi tại sao ông nghỉ trong khi ông vẫn có thể cống hiến được nữa. Ông trả lời: Tớ là thê đội của giải phóng dân tộc, nay xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải dành cho thê đội sau. Thế này cũng là muộn so với bây giờ nam là 60. Chúng tôi biết rằng tuy nghỉ hưu nhưng ông vẫn tham gia công tác xã hội. Ông là một trong những người tích cực vận động cho Hội Cựu chiến binh ra đời. Và ông cũng được sự tín nhiệm của các cựu chiến binh. Ông là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Trung ương kiêm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm tháng còn lại của cuộc đời, ông tích cực để cho ra đời tờ báo Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh. Ông còn nhiều mơ ước tốt đẹp cho cuộc đời, nhưng ông đã đột ngột ra đi. Chúng tôi, những thế hệ con em của ông làm sao quên được những lời tâm sự của ông: “Mỗi sự nghiệp của một con người đều là sự nghiệp của tất cả. Anh có làm được việc gì thì đó là nhờ nhân dân giúp rập mà nên. Ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây. Khi về thành chớ bao giờ quên bưng biển rừng núi. Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân. Nhờ bạn bè mà anh xây thành sự nghiệp. Nay có sự nghiệp chớ nên quên lãng bạn bè. Đức Việt Nam là tình là nghĩa, là đạo xử thế thủy chung giữa con người với con người. Mắt ta phải trong mà lòng ta phải sáng, đó là quý nhất của một đời người”.

Khi được ở gần ông, chúng tôi có hỏi ông về mối quan hệ giữa hai lực lượng công an và quân đội, ông cho biết: Đó là hai anh em sinh đôi cùng chung một nhiệm vụ bảo vệ dân tộc. Trong hòa bình, anh em công an vẫn còn vất vả, nặng nề kể cả hy sinh. Tất cả các thời kỳ, mình luôn luôn được các anh bên công an giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ. Rất tiếc thời gian qua, cả quân đội lẫn công an, còn có những con sâu bô râu nỗi canh. Nhưng với truyền thống của dân tộc, truyền thống mấy chục năm qua của hai lực lượng, nhất định sự nghiệp bảo vệ dân tộc, bảo vệ đất nước vẫn được hoàn thành, phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế của đất nước thành công. Cảm ơn ông đã cho những lời chân tình về hai lực lượng công an và quân đội.

Kính trọng ông bao nhiêu nên khi nghe tin ông mất, càng bồi hồi xúc động bấy nhiêu. Nhưng ông ra đi với một niềm hạnh phúc, một đời người của ông đã trọn vẹn cùng dân tộc.

Trần Trung Hải

BÁC HỒ VÀ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

(Kỷ niệm 106 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch)

Thượng tướng Trần Văn Trà - một trong các vị tướng trí dũng song toàn của dân tộc ta vừa tạ thế. Nửa thế kỷ chiến đấu vào sinh ra tử trên các chiến trường nóng bỏng nhất của đất nước, ở những khúc quanh hiểm nghèo, ông vẫn vững vàng niềm tin ở Đảng và Hồ Chủ tịch - lãnh tụ tối cao của dân tộc, của Đảng, của Quân đội nhân dân anh hùng.

Xin phép được nhắc lại đôi điều hồi ức của cố Thượng tướng, những lần ông có hạnh phúc sống kề cận vị cha già dân tộc.

Đồng chí Trần Văn Trà kể rằng:

- Cho đến năm 1948, sau một chặng đường gian khổ nhưng đã bắt đầu trưởng thành thì các đại biểu của các chiến sĩ miền Nam mới được vượt Trường Sơn từ Đồng Tháp Mười ra Việt Bắc, lần đầu tiên gặp Bác Hồ kính yêu, như những đứa con về gặp cha già.

...Tình cảm thân thương như con gặp cha, cháu gặp ông trong gia đình. Sao mà Bác hiền từ, gần gũi như vậy. Sao mà Người giản dị, bình thường từ cả trong ăn mặc, cử chỉ. Có cái gì cao sâu trong vầng trán, trong ánh mắt của Người. Có cái gì thật thuyết phục trong từng lời nói ấm áp, dễ hiểu. Bác nói với chúng tôi: “Pháp nó muốn dừng chân, bám rễ ở Nam Bộ để thôn tính cả nước ta. Chúng nó hoàn toàn ảo tưởng. Đồng bào Nam Bộ đã chặn chân chúng, sẽ bứng gốc chúng. Bác tin. Các chú phải tin để mà công tác và chiến đấu cho có kết quả”. Lòng tin của lãnh tụ đối với nhân dân như vậy, bảo sao nhân dân không hết lòng tin yêu lãnh tụ. Chúng tôi quây quần bên Bác, được Bác hỏi từng đồng chí về quê hương, gia đình, đơn vị chiến đấu, hành động chống địch. Bác không những quan tâm

* Bài viết đăng trên Báo Tiền phong, tháng 5/1996.

đến những việc lớn của quốc gia mà còn quan tâm đến những tình cảm nhỏ của mỗi con người. Bác kêu hết cả đứng quanh Bác chụp một tấm hình kỷ niệm. Bác đứng giữa, kéo Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng một bên, bảo tôi đứng một bên và tất cả cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị vũ trang từ Nam Bộ ra dàn thành hai cánh. 40 năm, tấm ảnh vẫn sáng rõ không phai mờ hình bóng Bác cháu chúng tôi trên núi rừng Việt Bắc.

Thượng tướng Trần Văn Trà không nén được xúc động kể tiếp:

...Năm 1963, khi tôi được lệnh trở về miền Nam chiến đấu chống Mỹ với cương vị Chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, Hồ Chủ tịch kêu lại ăn cơm chia tay và căn dặn những điều thiết yếu. Bác nói:

“Chú đã học quân sự ở Liên Xô. Tốt lắm. Cần phải nắm được khoa học quân sự tiên tiến ở phe ta, phải học kinh nghiệm chiến đấu phong phú và tài giỏi của Hồng quân Xôviết. Nhưng còn phải nắm chắc và kết hợp với cách đánh giặc của ông cha ta nữa. Chú có biết vì sao nhà Trần ba lần đại thắng quân Nguyên mạnh hơn ta gấp bội không? Đó là lòng dân, sức dân và đại đoàn kết. Đó là chỉ huy và chiến sĩ yêu nhau như con một nhà. Hãy nhớ lấy!”.

Bác Hồ không ưa nói dài, nói nhiều. Nhưng mỗi lời của Người khiến ta phải suy nghĩ rất nhiều để hiểu sâu và làm đúng.

...Cuối năm 1967 đầu năm 1968, ngay trước ngày Tổng công kích Tết Mậu Thân, tôi đã ra Hà Nội từ căn cứ kháng chiến ở miền Nam, trong một chuyến đi và về hỏa tốc để báo cáo toàn bộ kế hoạch của B2 và nhận chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Lúc này, Bác đang mệt, tôi đến báo cáo vắn tắt với Bác tình hình và nhiệm vụ. Bác chăm chú nghe, chỉ thị thêm một số điểm. Cuối cùng, Bác nói: “Trong cuộc chiến tranh này, ta không phải tiêu diệt hết quân Mỹ để thắng mà ta phải đuổi hết Mỹ để thắng. Đó là tinh thần, trí tuệ và sức lực Việt Nam. Ta kiên trì, ta nhất định thắng”. Thú thật lúc ấy tôi suy nghĩ mãi về câu này mà chưa hiểu hết nghĩa của nó. Sau này, được sự lãnh đạo của Trung ương Đảng cộng với thực tế chiến đấu trên chiến trường, tôi mới hiểu thêm dần... Sau Mậu Thân năm 1968, Mỹ buộc phải xuống thang, chịu ngồi vào đàm phán ở Pari. Nhưng ta còn phải đánh cho chúng những đòn đau năm 1972 và tiếp sau nữa, bằng lực lượng tổng hợp, kết hợp nhiều phương pháp quân sự, chính trị, ngoại giao... ta đã có thể đuổi hết quân Mỹ về nước và tiếp tục đánh cho ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ tan tành mới giành toàn thắng.

Đúng là nghe và tin theo lời Bác Hồ dạy là thắng. Còn một câu dạy ngắn gọn nhưng hết sức quan trọng nữa của Bác Hồ từ ngày đầu đánh Pháp cho tới ngày kết thúc chiến tranh chống Mỹ, cho tới ngày nay và mãi mãi về sau vẫn có giá trị đối với lực lượng vũ trang cũng như với bất cứ cán bộ nào, đó là “thắng không kiêu, bại không nản”.

*Tháng 5/1996
Nhà báo Lê Việt Thảo*

“MÂY NƯỚC YÊN BÌNH, THIÊN MÃ THẮNG”*

*“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”*

Có lẽ đây là bài thơ cuối cùng của anh trước khi về cõi vĩnh hằng. Trong những năm tháng cuối đời, con người thường hay làm cái việc hồi tưởng lại để rút ra một điều gì cho kiếp sống của mình. Phải chăng, qua bốn câu thơ trên, anh muốn đúc kết cuộc đời của mình từ khi đi theo cách mạng cho đến ngày cách mạng thành công rồi được nghỉ hưu về “sống đời thanh thản với con cháu”.

Cha anh là thợ xây, không có ruộng, mẹ buôn bán gánh gồng, chắt chiu mong muốn nuôi con thành người có học. Cha mẹ nghèo, hai bàn tay trắng sinh ra anh và anh đã ra đi làm cách mạng cũng với hai bàn tay trắng. Từ 11 - 12 tuổi, anh đã được cha anh, những người đã ngã xuống trong các cuộc biểu tình những năm 1930-1931, các ông Cử Đình, Tú Tân trong phong trào Cần Vương bị giặc chém ngay bãi sông Trà Khúc hun đúc tinh thần cách mạng, đưa anh sớm tham gia viết và rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, và mới 19 tuổi đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Anh cũng giống như biết bao đồng chí, đồng đội đều “ra đi, hai bàn tay trắng” và tất cả mọi người cùng toàn thể dân tộc ta đã “trở về, một dải giang san”. Nhiều lần tâm sự với anh em cũng như trả lời báo chí, anh đã nói: “Ngẫm lại suốt đời theo con đường của Bác Hồ, của Đảng, tôi sung sướng và tự hào đã cống hiến sức lực và tài năng cho nước, cho dân tuy có hạn chế... Đời binh nghiệp của tôi bắt đầu giống như bắt cứ thanh niên nào cùng thời có lòng yêu nước: Khi nước nhà bị xâm lược mọi người Việt đều đứng lên cầm vũ khí đuổi thù. Tôi đã đi trọn 30 năm chống xâm lược Pháp - Mỹ, trong đó 21 năm lăn lộn ở chiến trường, quả thực, bom đạn đã tránh mìn để cho kẻ chinh chiến lại chiến thắng trở về đúng

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến Thành phố Hồ Chí Minh*, ngày 14/6/1996.

nơi mình đã ra đi 30 năm về trước. Đó là niềm hạnh phúc lớn nhất của đời người lính". Hạnh phúc của anh cũng là hạnh phúc của những chiến binh và của toàn dân tộc: Trở về với một giang san độc lập, thống nhất và tự do.

Mỗi lần chuyện trò, trong mỗi bài viết, anh thường nhắc đến Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh. Bác Hồ đã có tác động sâu sắc đến tâm tư, tình cảm, tư tưởng của anh... Anh đã nói được nhiều lần gặp Bác Hồ nhưng cứ mỗi lần lại cho anh thêm nhiều bài học. Anh nhắc đến *Di chúc* của Bác, ngay khi còn chiến tranh đã nêu lên rất cụ thể công việc phải làm khi hòa bình lập lại: "Đối với những người đã hy sinh một phần xương máu của mình...". Vì bài học đó mà khi anh được nghỉ hưu vẫn không thể từ chối sự tín nhiệm của đồng đội, đồng chí, nhận vai trò lãnh đạo trong Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Thành phố. Và, phải chăng, cũng vì lẽ đó mà đã hai lần bị nhồi máu cơ tim, biết cuộc sống mình kéo dài không còn bao lâu, nhưng anh vẫn tranh thủ tìm đối tác ở nước ngoài, tích cực kiến nghị với Đảng và Nhà nước xây dựng cho được một bệnh viện hiện đại để chữa trị cho cựu chiến binh, cho cán bộ và nhân dân, đặc biệt là trị bệnh tim, căn bệnh hiểm nghèo mà nhiều người già đang mắc phải. Đó cũng là một trong hai mong muốn cuối cùng của anh trước khi nhắm mắt xuôi tay.

Mong muốn thứ hai của anh, anh đã nói lên ngay trong Lời mở đầu hồi ký *Những chặng đường B2 Thành đồng* tập 5 - *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*: "đối với B2, vùng đất mà tôi rất yêu quý, vì hầu như suốt cuộc đời mình, sống và phục vụ ở đó từ những ngày hoạt động chính trị bí mật trước Cách mạng Tháng Tám cho tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc và có lẽ tôi cũng sẽ chọn nằm xuống mãi mãi ở đây". Chính vì ước mong đó mà anh đã chọn mảnh đất bên bờ một nhánh của con sông Sài Gòn thân thiết để được xa thành phố, sống một nơi yên tĩnh, tập trung suy nghĩ, nhớ lại những sự kiện và con người đã cùng anh vượt qua gian khổ, chiến đấu hào hùng cho mảnh đất B2 mà anh "yêu quý vì hầu như suốt cuộc đời mình, sống và phục vụ ở đó" và cũng để "nằm xuống mãi mãi ở đây". Một nơi mà tôi cũng từng được tận hưởng những chiều trời nước mênh mông, đồng ruộng mát mắt tới chân trời, dòng sông uốn khúc quanh co qua những thôn xóm yên bình rồi mới đổ về thành phố. Một nơi mà anh đã mượn lời thơ của Bác Hồ¹ để nói lên lòng mình.

“Trăng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng

Mây nước yên bình, thiên mây thăng”.

1. Hai câu cuối bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* năm 1947 của Bác Hồ:
"Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này".

RỪNG THẮM MIỀN ĐÔNG LƯU DẤU ANH*

(Kỷ niệm ngày thứ 100 Thượng tướng Trần Văn Trà từ trần)

Mỗi một danh tướng khi “đã ra đi” bao giờ cũng để lại một sự nghiệp mà cuộc sống và chiến đấu từng rèn nên danh tướng. Người hôm nay, người mai sau luôn luôn trân trọng, kính yêu với bao nỗi niềm thương nhớ không nguôi.

Lần giở lại những trang quân sử hào hùng gần đây, trên mảnh đất miền Đông này đã từng có một số người “đã ra đi” mà dấu xưa còn lưu lại.

Một Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền, lại ra đi sớm hơn cả, giữa thập kỷ 60 trong cao trào kháng Mỹ, khi tuổi đời còn khá trẻ - “trẻ” đối với một vị đại tướng đức tài trọn vẹn. Lời nhận xét đánh giá của anh về chiến tranh khi Mỹ bắt đầu “Mỹ hóa” cuộc chiến, làm nô nức tinh thần quân dân, cổ vũ mãnh liệt tinh thần xông ra tiền tuyến của bộ đội, của mọi giới. Anh từng nói một cách đanh thép rằng: “Cứ dám đánh Mỹ thì sẽ tìm được phương châm để thắng Mỹ”. Đó cũng là sự quán triệt tư tưởng lớn của Bác Hồ. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh luôn quan tâm xây dựng con người, nhất là cho người cầm súng dưới quyền lòng quyết tâm quyết đánh, sáng tạo cách đánh thì sẽ thắng. Con người phải có chất thép trong mình, phải gạt bỏ những gì thuộc ham muốn thấp hèn, tính toán chố ngồi bằng chiếc ghế “6 chân”, tham lam vô độ, ghét thương theo “sớm nắng chiều mưa”, sa ngã trước tiền tài, gái trẻ, quay lưng lại với những gì thuộc quá khứ gian khổ mà hào hùng, mà chung thủy. Anh Thanh từng khuyên bảo: “Hãy để cho niềm tin tưởng vào sự nghiệp cao cả của giai cấp, của dân tộc chiếm lĩnh toàn bộ tư tưởng chúng ta, tỏa ra tất cả ánh sáng và sức nóng, thiêu cháy mọi ích kỷ, nhỏ nhen, tính quẩn lo quanh của chủ nghĩa cá nhân, để càng sáng tạo ra những cái có ích cho giai cấp, dân tộc và nhân loại”. Sự cảnh tỉnh của anh đối với chúng ta là như thế, và vẫn đang là việc thời sự nóng hổi.

Một số danh tướng, từng là những chỉ huy tài năng ở Bộ Chỉ huy Miền một thời, cũng “đã ra đi” mà danh thơm còn lưu mãi trên đất miền Đông Nam Bộ này.

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng Chủ nhật, ngày 11/8/1996.

Các đồng chí Đại tướng Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn và đặc biệt nữ tướng quân Nguyễn Thị Định, mỗi người có nét riêng, nhưng nét chung nhất là ý chí cách mạng kiên cường, bất khuất, thà hy sinh tất cả, kể cả sinh mạng mình, chứ không chịu làm nô lệ. Họ có một tầm nhìn chiến lược sâu xa với lòng tin tất thắng để lãnh đạo giành thắng lợi cho cách mạng. Anh Hoàng Văn Thái từng thề dưới quân kỳ giữa núi rừng Việt Bắc hùng vĩ năm xưa. Anh là Tổng Tham mưu trưởng đầu tiên của Quân đội ta. Trong kháng chiến chống Mỹ, anh vào Khu 5, rồi vào B2 làm Tư lệnh một thời. Anh đã cùng anh Lê Trọng Tấn dưới quyền Đại tướng Võ Nguyên Giáp, cùng các tướng lĩnh khác đi suốt chiều dài cuộc kháng chiến toàn dân chống Pháp qua các chiến dịch lừng danh từ Biên giới, Trung du đến Điện Biên Phủ oai hùng, bắt tướng giặc phải đầu hàng, kết thúc huy hoàng sự nghiệp kháng chiến chống Pháp. Rồi lần lượt cả hai anh vào Nam công tác trong Bộ Tư lệnh Miền tiếp tục đánh Mỹ, quyết góp sức giành toàn thắng. Riêng chị Ba Định, một nữ tướng duy nhất mà buổi đầu từ Nam Bộ kháng chiến đã cùng mấy anh vượt trùng dương ra gặp Trung ương và Bác Hồ để báo cáo và xin súng. Khi miền Nam trong thế “nghẹt thở” dưới thời Mỹ - ngụy tổ cộng, diệt cộng, “tức nước phải vỡ bờ”, dưới ánh sáng và sức mạnh của Nghị quyết 15, chị là chỉ huy đội quân tóc dài Bến Tre góp phần sáng tạo ra phuơng châm đấu tranh “hai chân” (vũ trang, chính trị song song) và kết hợp ba mũi (quân sự, chính trị, binh vận) tiến công, góp phần xoay chuyển từ thế bị động sang chủ động, phát triển chiến tranh nhân dân từ thấp lên cao. Qua thực tiễn, chị được đề bạt làm Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam một cách xứng đáng, đứng chân cùng các anh trong Bộ Tư lệnh B2 suốt thời kỳ đấu tranh vũ trang khốc liệt nhất...

Cả khối trí tuệ hợp thành từ đó tạo ra động lực và tài năng tuyệt vời góp phần thúc đẩy và cổ vũ mãnh liệt toàn dân kết thúc thắng lợi huy hoàng cuộc kháng chiến chống Mỹ theo đường lối sáng tạo độc đáo, đầy thiên tài của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương và Trung ương Cục miền Nam.

Trong sự nghiệp chung sáng ngời ấy, phải kể đến vai trò của Thượng tướng đáng kính Trần Văn Trà. Anh đã lăn lộn trực tiếp gần 30 năm chiến tranh, góp sức vào cuộc trường chinh quyết chiến với hai tên đế quốc hung hãn. Từ một người thanh niên cách mạng chân chính, tay không, bị lưu đày xa quê thời tuổi trẻ, đến vượt ngục Chí Hòa, ra bưng biển sau tổng khởi nghĩa thành công ở Sài Gòn, mỗi bước anh đi như còn in dấu trên khắp chiến trường Nam Bộ mà đậm nét nhất vẫn là trên rừng thẳm miền Đông, thuộc vùng căn cứ địa thần thánh của cách mạng Việt Nam ở miền Nam. Những người chỉ huy, chiến sĩ dưới quyền anh nay còn sống vẫn nhớ rõ và kể lại những điều không thể nào quên về người chỉ huy trọn đức vẹn tài

của mình. Răng khi ra tù, từ An Phú Đông, anh đã nhanh chóng cùng các đồng chí lãnh đạo địa phương xây dựng chiến khu và lực lượng vũ trang cách mạng ngay tại đây - một vùng ven đô - góp phần bao vây địch tại một thành phố lớn, làm phá sản từng bước cái kế hoạch 18 tháng “làm cỏ phiến loạn” của viên tướng kiêu binh Pháp Leclerc cho đến ngày giành thắng lợi giải phóng nửa nước.

Người chỉ huy ấy, anh Trần Văn Trà, với tuổi còn rất trẻ, vóc người không cao to nhưng đầy sinh khí, có đôi mắt sáng đầy nghị lực. Vui với cái vui tin thắng trận của đơn vị dưới quyền, thắng thắn chỉ ra những yếu kém một cách ân cần đối với cấp dưới, và căm giận đến mắt như úa máu vừa ngắn lẻ, mỗi khi nghe tin địch như loài dã thú tàn sát dân mình, có lẽ tất cả những điều đó hun đúc nên nghị lực và bản lĩnh của người chỉ huy như anh. Đại tá Anh hùng Hồ Thị Bi kể rằng trong gian khổ buổi đầu kháng chiến, mọi người đều như nhau, có gì mặc nấy, anh Trà từng quen với chiếc xà lòn, với áo bà ba đen, khăn rằn quấn cổ hoặc buộc ngang lưng, với khẩu súng ngắn bên hông... tiện lợi cho lặn lội bưng sinh, tìm gặp anh Tô Ký bàn việc lớn, lập ra Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa nổi tiếng, tiền thân của các chi đội, trung đoàn, liên trung đoàn Vệ quốc quân sau này của một miền đất giàu truyền thống cách mạng. Việc có được sự lãnh đạo của Đảng cho một lực lượng vũ trang trung kiên giữa buổi đầu kháng chiến trong cảnh gần như “thập nhị sứ quân” cát cứ từng vùng, là một sáng kiến lớn. Nhớ lần anh cùng đoàn cán bộ của Nam Bộ ra Trung ương báo cáo tình hình, khi trở lại chiến trường, Bác Hồ đã trao anh một thanh kiếm kèm lời dặn dò rất ân cần, chứa đựng sự tin tưởng tuyệt đối với đồng bào Nam Bộ.

Có thể khởi đầu từ một ý chí cao, với một phong cách sinh hoạt giản dị rất quẩn chung ấy mà dần dần anh tạo nên nghiệp lớn: Khu trưởng Khu 8, Khu trưởng kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Phó Tư lệnh Nam Bộ. Đến khi Nam Bộ phân chia hai chiến trường, anh là Tư lệnh Phân liên khu miền Đông. Khi tuổi ngoài ba mươi, anh gặp chị Thoa và làm bạn trăm năm, sống cùng nhau một cách thủy chung trọn vẹn cho đến ngày anh thôi chức Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, được nghỉ hưu khi tuổi ngoài 60, sau hơn nửa thế kỷ làm cách mạng, rồi từ giã cõi đời này ở tuổi 77. Những năm làm Phó Tổng Tham mưu trưởng, anh luôn chăm chú theo sát chiến trường miền Nam đánh Mỹ, theo dõi từng tin tức về tình hình địch, tình hình ta để góp ý với cấp trên về các chủ trương chiến lược, chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Anh có ưu điểm là rất thạo chiến trường Nam Bộ. Anh thấy bộ đội ta đánh hăng nhưng bắn súng còn kém, từ đó đề xuất việc Trung ương chi viện vũ khí cho chiến trường. Việc mở đường Trường Sơn, đường vượt biển - mà sau này là đường Hồ Chí Minh lịch sử - tiếp tế các

thú cần cho chiến trường, đưa cán bộ huấn luyện quân sự, chính trị rồi lần lượt đến các khung cán bộ trung đoàn khá đồng bộ vào Nam đã góp công sức cùng nhân dân làm thay đổi cục diện chiến trường khá lớn, trong đó có tấm lòng của anh vì miền Nam khói lửa.

Đến lượt anh được Trung ương và Quân ủy Trung ương phái vào Nam với chức vụ là Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, rồi Tư lệnh B2, trong lúc quân chủ lực Miền mới vén vẹn có 2 trung đoàn với các đoàn pháo binh, công binh, hậu cần tương đối, anh đề nghị Trung ương Cục miền Nam và được tổ chức ngay chiến dịch đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ - chiến dịch Bình Giả - mà kết quả của đòn này đã tác động mạnh đến sào huyệt Mỹ - ngụy ở Sài Gòn và đến tận Tòa Bạch Ốc và Ngũ Giác Đài. Nhiều đài báo phương Tây và châu Á lúc đó đã la hoảng theo cách của họ báo nguy r้าย: Phải chăng có một Điện Biên đang bắt đầu? Quân ngụy kêu cứu quan thầy Mỹ rằng: Mới một Bình Giả, chứ có vài Bình Giả thì Sài Gòn chịu không thấu! Còn lãnh đạo tối cao Đảng ta càng khẳng định rõ thêm con đường tất thắng của nhân dân ta: Với Ấp Bắc (1963) Mỹ thấy khó thắng ta, với Bình Giả chúng thấy sẽ thua ta.

Kinh nghiệm bước đầu còn sơ sài, nhưng đáp ứng được yêu cầu chiến lược của chiến dịch đầu tiên này đã nâng cao thêm về quy mô trong các chiến dịch tiếp theo: Đồng Xoài, Bàu Bàng - Dầu Tiếng, phản công - tấn công trong trận chống càn Junction City, Mậu Thân 1968, Nguyễn Huệ, đồng bằng sông Cửu Long, giải phóng tỉnh Phước Long... góp phần vào việc đánh giá địch ta theo diễn biến mới trên chiến trường của Bộ Tổng Tham mưu ta, để mở đòn tổng tiến công chiến lược bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Quá trình này có sự đóng góp đáng kể của anh Trà trong các chủ trương chiến dịch, thúc đẩy cục diện chiến tranh phát triển đến kết thúc thắng lợi huy hoàng, góp phần vào tài thao lược của cấp trên là Trung ương Cục miền Nam.

Đã 31 năm trôi qua từ chiến thắng Bình Giả, tôi nhớ như mới ngày nào không xa xôi lắm, anh Trà đến với các trung đoàn chủ lực xem lại “hành trang” chúng tôi khi chuẩn bị ra quân. Từ chiến khu Dương Minh Châu sát biên giới Việt Nam - Campuchia, anh đi xe đạp theo đường thổ xuống tận chiến khu Long Nguyên - Bến Cát, địch gọi là “Tam giác sắt”, khát sát Sài Gòn. Anh đánh giá trình độ tác chiến của đơn vị, nêu ra những khiếm khuyết cần nỗ lực thêm, nhưng rất bằng lòng và tin tưởng cách trung đoàn vận động diệt gọn từng tiểu đoàn địch trong điều kiện ta thua kém địch hoàn toàn về hỏa lực không quân và pháo binh, nhưng hơn hẳn địch về chiến thắng sau mỗi trận. Anh đi chiến dịch cùng đơn vị, giữa đường được Trung ương Cục gọi lại để lo chỉ đạo phối hợp chiến trường chung. Chúng tôi

đều hiểu ý anh. Trong giờ phút mang ý nghĩa quyết định, bao giờ anh cũng muốn sát đơn vị, sát chiến trận. Nhớ thời Mậu Thân 1968, anh đi với Sở Chỉ huy tiền phương Miền cùng chúng tôi về vùng sát Sài Gòn tận Rạch Tra - An Phú Đông - đúng giáp cái vòng tròn mùa thu ấy, cũng từ vùng này anh bắt đầu đời binh nghiệp cách mạng đi sâu hơn vào việc lập chiến khu và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Anh có cái nhìn tinh táo, có nụ cười cởi mở. Đối với địch, nhiều khi hàm ý châm biếm như khi chúng tự đắc tự kiêu mở cuộc hành quân lớn Junction City với 45.000 quân, chủ yếu là Mỹ, định “hốt hết” Bộ Tư lệnh Miền và bắt sống cả Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát cùng các anh chị trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Anh sâu sát duyệt cách đánh của cán bộ chỉ huy sư đoàn chúng tôi. Cuộc hành quân lớn Junction City bị quân dân ta đánh cho thảm bại. Tướng chỉ huy Mỹ Seaman bị cách chức. Lính Mỹ rất nhiều tên méo mặt khóc ròng, có nhiều bức thư chưa kịp gửi về bên kia Thái Bình Dương. Với đồng đội và cấp dưới thuộc quyền, cũng nụ cười ấy mà hiền hòa, thân yêu, ân cần, gần gũi và độ lượng, không nóng nảy, chửi tục mà luôn hàm chứa tình cảm đồng chí và giáo dục, không bao giờ thâm hiểm, nhận xét quá nặng lời con người để bài xích họ.

Anh đã đi xa vào cõi thiêng thu. Mất mát này là to lớn. Nhưng tôi cảm nhận anh không mất, anh nằm đó giữa Nghĩa trang Lạc Cảnh, để nghe đất nước mình đứng lên từ buổi đầu bằng hai tay trắng, đầy gian nan hiểm nghèo mà nay đã tự đứng vững trên hai chân mình để đi lên, đi xa đến một tầm cao hơn nữa theo định hướng rất cách mạng và khoa học do Đảng đã vạch ra, được toàn dân nhất trí.

Tôi tin anh không mất. Cái anh để lại còn đó, lớn hơn và vĩnh hằng. Và tôi - một chiến sĩ miền Đông - từng chiến đấu cùng anh, dưới quyền anh trong những tháng năm gian truân trong hai cuộc kháng chiến, như thấy bóng hình anh còn lại mãi tiếng thơm muôn đời của một danh tướng:

Rừng thẳm miền Đông lưu dấu anh.

30/7/1996
Nguyễn Văn Quảng

CHÚ ẤY CÓ PHẢI LÀ TƯỚNG KHÔNG?*

Trong kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, nhân dân chưa biết nhiều các vị tướng của ta. Họ rất tự hào với những đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng thậm chí các xã đội trưởng của họ. Chính những người chỉ huy chân đất này với lối đánh đầy mưu trí, dũng cảm đã nện cho giặc Pháp nhiều đòn đau đớn, trở thành những huyền thoại trong dân.

Đến kháng chiến chống Mỹ, cả hai phía đều có đông quân, nhiều tướng, nhất là Mỹ - ngụy, nên cấp tướng trở thành quen thuộc trong dân. Nghe quân ta thường đánh thắng các tướng bên địch nên dân hay để ý tìm xem mặt các vị tướng của ta. Nhưng vì quân ta không mang quân hàm và xưng hô đồng chí, anh, em nên dân chỉ nhìn qua tướng mạo mà đoán mò.

Chuyện xảy ra vào năm 1964, khi chúng tôi đóng quân ở vùng giải phóng huyện Củ Chi. Ông Năm, chủ nhà, rất quen với Ban Chỉ huy và cũng biết là Ban Chỉ huy Trung đoàn. Một hôm, Ban Chỉ huy đang giao ban thì được báo cáo có khách. Chúng tôi nhìn ra đường thì thấy ngay Trung tướng (lúc đó) Trần Văn Trà đang đi vào.

Bất ngờ vì không được báo trước nên Ban Chỉ huy chúng tôi tạm ngừng cuộc họp để tiếp cấp trên. Anh Tư Chi (Trần Văn Trà) mặc bộ đồ bà ba đen, khăn rằn quấn cổ, xác cốt (túi nhỏ) đeo vai, tay cầm một cây gậy, thoát nhìn như cán bộ mặt trận bước vào. Người anh khỏe mạnh, hồng hào, mắt sáng. Anh cho biết trên đường đi xuống Q762 (Trung đoàn 2) nhưng biết Ban Chỉ huy chúng tôi ở đây nên ghé thăm. Cùng đi với anh có vài cán bộ và một tiểu đội bảo vệ, nhà chật, anh em ngồi ngoài sân.

Anh Tư hỏi Ban Chỉ huy chúng tôi về tình hình đơn vị và tình hình chung trong vùng. Câu chuyện bắt đầu chưa được bao lâu thì người con gái út của ông Năm bưng lên một nải chuối già trái to và dĩa sâu riêng. Ban Chỉ huy chúng tôi

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh*, số 17, tháng 9/1996.

đã nhiều lần tiếp khách quân - dân - chính xã, huyện ở nhà này nhưng chưa lần nào được chủ nhà tiếp đãi như vậy, chắc có gì mới lạ đây. Cô út vừa đặt dĩa sầu riêng xuống bàn thì ông Năm bước ra mời khách, đặc biệt là mời chú Tư (anh Trà). Anh Tư vui vẻ cảm ơn và ăn một múi sầu riêng. Ông Năm rất hài lòng và lui vào trong nhà.

Nghỉ một chút, anh Tư Chi tiếp tục lên đường. Ông Năm cũng ra sân để tiễn đưa. Sau lưng ông còn có 3, 4 ông hàng xóm và xa xa cạnh cửa nhà sau nhiều đàn bà và trẻ con nhìn theo anh Tư.

Đến khi anh Tư khuất dạng, ông Năm quay lại hỏi chúng tôi:

- Chú đó có phải là tướng không?

Tôi liền trả lời như cái máy bảo mật:

- Dạ không phải, anh ấy cũng như Ban Chỉ huy của cháu ở đây thôi ông à.

Ông Năm bẻ lại liền:

- Như là Ban Chỉ huy của mày sao mà tao nghe Ban Chỉ huy của mày dạ rân vậy? Giấu ai chớ giấu ông già này không nổi đâu con.

Nói xong, ông Năm cười xởi lởi rồi đi thẳng vào nhà, vui vẻ như đã thỏa mãn được một mong ước từ lâu vậy.

Tôn Đức

NGƯỜI KHU BỘ TRƯỞNG VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ THÊM CHỐT*

Từ ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đã nổ súng tấn công đánh chiếm các cơ sở quan trọng của chính quyền cách mạng ở nội thành Sài Gòn... Cuộc chiến tranh xâm lược mưu toan đặt ách đô hộ lần thứ hai của chúng với Việt Nam và các dân tộc Đông Dương bắt đầu.

Tuy bị những người yêu nước, nhân dân nội thành và vùng ven đánh trả, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể, nhưng do so sánh lực lượng giữa ta và địch lúc bấy giờ, chỉ hơn ba tháng sau, các thị xã, thị trấn, các tuyến giao thông quan trọng ở Nam Bộ lần lượt bị địch chiếm đóng. Được quân viễn chinh chính quốc tăng cường, giặc Pháp từ các vùng chiếm được, cơ động đánh phá gây nhiều tội ác với đồng bào ta. Nhưng với truyền thống yêu nước từ ngàn xưa, với lòng căm thù giặc, một lần nữa tiếp theo bài học khởi nghĩa Nam Kỳ và không khí sục sôi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng bào ta nhanh chóng hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ và Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ, nhất tề xông lên kháng chiến. Cuộc chiến đấu không cân sức lan rộng trong tất cả các vùng. Đại bộ phận vùng ven, trên các tuyến giao thông và khu vực nông thôn rộng lớn, chính quyền cách mạng tồn tại và được củng cố. Địch liên tiếp bị tiêu hao, kìm chân. Chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” chúng để ra và cố sức thực hiện, bắt đầu thất bại.

Trong phong trào kháng chiến sôi nổi đó, lực lượng vũ trang quần chúng cũng được hình thành khắp nơi, kịp thời đánh trả và giam chân chúng ở các căn cứ và đồn bót. Hầu hết các đơn vị đều do quần chúng cách mạng lập ra, có đảng viên, cốt cán của Đảng chỉ huy, mang nhiều tên gọi khác nhau, hầu hết là tên người chỉ huy đương thời. Dựa vào quần chúng để xây dựng và chiến đấu, các đơn vị này vừa đánh giặc, dẹp cướp vừa hỗ trợ xây dựng chính quyền, phối hợp tuyên truyền

* Bài viết đăng trên Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 23/9/1996.

vũ trang phát động quần chúng, phát triển Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Nhưng cũng có một số đơn vị, tổ chức lại do một số phần tử vốn là tay sai của Pháp, Nhật, một số tay sai “hảo hớn” bất hảo nhân khí thế cách mạng ở lúc cao trào, đứng ra lập bộ đội, tập hợp số đàn em, lừa gạt quần chúng, mang những tên rất kêu! Thế nhưng khi giặc đến, những người chỉ huy không tổ chức kháng chiến, mà rút lui chạy dài, họ còn tước vũ khí của dân quân, giải tán các phân đội do quần chúng lập ra, cướp bóc quần chúng, thỏa hiệp với giặc và đầu hàng chúng.

Được sự chỉ đạo và chi viện từ đâu của Trung ương cùng sự xuất hiện của tướng Nguyễn Bình và các đơn vị Nam tiến, được các đồng chí ưu tú của Đảng từ Côn Đảo và các nhà tù về tăng sức, trước và sau Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946, phong trào kháng chiến ở Nam Bộ được khẩn trương chấn chỉnh; các cấp ủy Đảng, ban chấp hành đoàn thể, tổ chức vũ trang được tăng cường; hệ thống lãnh đạo, chỉ huy được thiết lập. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản - nhân tố thắng lợi của cuộc kháng chiến - được củng cố.

Song song với việc phát triển phong trào kháng chiến, vấn đề then chốt đối với các lực lượng vũ trang lúc bấy giờ là phải kịp thời chấn chỉnh và thiết lập sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, kịp thời loại bỏ các yếu tố phức tạp để đáp ứng lòng tin cậy của nhân dân và xứng đáng là công cụ cực kỳ quan trọng của Đảng. Sự phân định chiến trường, tổ chức ba khu 7, 8, 9 ở Nam Bộ được hình thành kịp thời. Ở Khu 8, từ một số đồng chí được phân công chỉ huy ban đầu nhanh chóng trở thành Bộ Tư lệnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ lịch sử trên đây. Tiếp theo các đồng chí Đào Văn Trường, Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quyện, năm 1946 Khu bộ trưởng Trần Văn Trà với 27 tuổi đời là đảng viên cộng sản trước năm 1940, được cấp trên tăng cường về và sau đó là Chính trị bộ Chủ nhiệm Nguyễn Văn Vịnh.

Qua từng bước chấn chỉnh kiên quyết, lực lượng vũ trang Khu 8, từ những đơn vị lẻ tẻ, những đội phân tán từng vùng, trở thành có hệ thống lãnh đạo, chỉ huy thống nhất. Đội quân du kích xã do cán bộ Đảng hoặc đảng viên cộng sản trực tiếp lãnh đạo, hoạt động theo Chương trình Việt Minh và các chỉ thị của Ủy ban kháng chiến. Các phân đội tập trung được đưa vào hệ thống chi đội trên địa bàn từng tỉnh dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy về mặt Đảng, có hệ thống chỉ huy của Bộ Tư lệnh Chiến khu đối với chi đội và chi đội chỉ huy các trung đội (trung đội là tên gọi từng đơn vị bố trí ở từng khu vực, có quân số từ 200 đến 300 quân) có nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu ở từng khu vực được phân công, thường xuyên liên lạc với các huyện ủy, giúp các huyện ủy dồn dân lập ra bộ đội huyện.

Thiết lập được hệ thống lãnh đạo của Đảng và thống nhất chỉ huy là bước ngoặt quyết định đối với công tác quân sự ở từng chiến trường Khu 8. Ít lâu sau, từng chi đội

đã nâng cao hiệu suất chiến đấu, tiêu diệt được cấp đại đội địch trong nhiều trận đánh, kỳ tập, phối hợp địch vận diệt nhiều đòn, thu được nhiều súng đạn. Đội quân du kích cùng các phân đội công an xung phong kịp thời đột nhập trừng trị các tên ác ôn khét tiếng, tích cực phối hợp và hỗ trợ phong trào quần chúng.

Để bảo đảm lãnh đạo, chỉ huy thông suốt trên địa bàn rộng lớn, đông dân, tiếp giáp với miền Đông, khu Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định và miền Tây Nam Bộ, lại có bờ biển dài hàng trăm kilômét và bảo đảm công tác hậu cần, từ các chi đội, năm 1946 đổi thành các trung đoàn. Năm 1947, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, các hệ thống quân báo, quân bưu, các binh công xuồng 1 và 2 của chiến khu, các công trường tỉnh, tổ sửa chữa và sản xuất vũ khí thô sơ ở cơ sở cũng nhanh chóng hình thành, các đầu cầu liên lạc, tiếp nhận chi viện từ miền Bắc được khẩn trương tổ chức. Từng loạt việc làm có tính chất cơ bản và then chốt này được diễn ra đồng thời, khắp nơi trong tình trạng chiến tranh và chiến trường bị chia cắt đã mang lại hiệu quả thiết thực, không những cho chiến khu mà còn góp sức với chiến trường chung, tạo căn cứ cho Miền...

Chính Khu bộ trưởng Trần Văn Trà đã đến tận đầu cầu ven biển để nhận “hàng” chi viện từ miền Bắc và chỉ đạo phân phối đến các nơi.

Chiến tranh nhân dân ở cơ sở và địa bàn tỉnh được phát triển, vấn đề được đặt ra: Cấp khu phải có lực lượng tập trung, chỉ huy chiến khu cần có những trận đánh tiêu diệt có giá trị then chốt thôi động, để động viên phong trào kháng chiến. Khu bộ trưởng đã kịp thấy sự đòi hỏi này. Ngay từ năm 1946, Trường Quân chính Khu 8 đã được lập ra để đào tạo cán bộ. Kết thúc khóa 1, ngoài khung huấn luyện, trường đã xây dựng được một đại đội cơ động mang tên Đại đội Xung phong do đồng chí Nguyễn Đoàn Bảy chỉ huy, khóa 2 được mở tiếp theo tại địa bàn tỉnh Mỹ Tho. Dù binh lực chỉ có thế, nhưng nắm quy luật vận chuyển của giặc Pháp tại Giồng Dứa trên tuyến lộ 4 (Quốc lộ 1A ngày nay) đoạn Tam Hiệp - Long Định, Khu bộ trưởng Trần Văn Trà cùng Tham mưu trưởng Nguyễn Văn Quyện đã sử dụng Đại đội Xung phong và một bộ phận học viên khóa 2 phối hợp với lực lượng Mỹ Tho và Trung đoàn trưởng Phan Đình Lân tiến hành trận chiến đấu dũng cảm, thông minh, tiêu diệt đoàn xe 14 chiếc của địch, thu toàn bộ vũ khí, bắt tù binh, trong đó có cán bộ cấp cao của Pháp và ngụy quyền Sài Gòn vừa thành lập. Trận đánh có tiếng vang lớn, báo hiệu trước “một cuộc bại trận không thể tránh được ở Việt Nam” của Pháp. Trong khi ta chưa có súng chống tăng, phải được dân che giấu để ém quân đánh gần, phải khôn khéo chặn xe dừng lại, phải chọn tay xạ kích chính xác bắn hạ cho được tên lái xe, các tay súng máy đặt ở xe bọc thép... thì mới giải quyết nhanh chiến trường được. Ngoài ra, các bộ phận chặn đầu, khóa đuôi,

đợi viện, đón lõng... đều hoàn thành nhiệm vụ, chứng minh sự phán đoán và bố trí binh hỏa lực chính xác của chỉ huy. Trong trận chiến đấu này, các vị chỉ huy cấp cao: Trần Văn Trà, Nguyễn Văn Quyện, Phan Đình Lân đều nắm các đại đội. Khu bộ trưởng Trần Văn Trà trực tiếp chỉ huy bộ phận chủ lực và ra lệnh xung phong. Từ trận Giồng Dứa tháng 4/1947, một năm sau, dưới sự chỉ huy của anh, Tiểu đoàn 307 chủ lực cơ động đầu tiên của Khu 8 ra đời, về sau các tiểu đoàn, trung đoàn chủ lực, bộ đội hải ngoại khác liên tiếp lập nhiều chiến công lớn trên địa bàn làm kẻ thù khiếp sợ. Mỗi khi nhắc đến trận Giồng Dứa và thời kỳ sôi nổi này, nhiều anh em Khu 8 chúng tôi thường nói với nhau anh Ba Trà đã để lại cho chúng ta một bài học quý: “Người chỉ huy cần có mặt ở chiến trường chính, phải nắm lấy đơn vị chủ yếu, phải nắm vững các vấn đề then chốt trong lãnh đạo chỉ huy, trong chiến dịch, chiến đấu thì mới hoàn thành được nhiệm vụ của mình”.

Đến cuối năm 1948, Khu bộ trưởng Trần Văn Trà được cử dẫn đầu Đoàn đại biểu ra Bắc báo cáo với Trung ương và Bác Hồ, đồng chí Nguyễn Văn Quyện thay anh.

Qua hai năm phụ trách, Khu 8 cũng góp phần tổ chức, phục vụ và bảo đảm an toàn cho bộ phận lãnh đạo của Đảng và chính quyền Nam Bộ, điều khiển chiến trường trong những ngày đầu kháng chiến.

Mấy chục năm đã đi qua, về sau là Tư lệnh Miền, có lúc cần đổi tên, thay tên gọi, nhưng bộ đội và đồng bào Khu 8 chúng tôi vẫn gọi anh là “anh Ba”, “anh Ba Trà” - người anh, người Khu bộ trưởng đã để lại trong chúng tôi những bài học, những kỷ niệm không thể phai mờ.

Lê Minh Đào

Nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 8 trong kháng chiến chống Mỹ

MỎ ĐƯỜNG TRÊN BIỂN*

(23/10/1961 - 23/10/1996, kỷ niệm 35 năm ngày thành lập
Đoàn 759 vận tải đường Hồ Chí Minh trên biển)

Năm 1959, ở miền Nam, Mỹ - Diệm đã phá hoại Hiệp định, lê máy chém khắp nơi dìm nhân dân ta trong bể máu. Trong tình hình nước sôi lửa bỏng, không có con đường nào khác, nhân dân miền Nam phải phát động đấu tranh vũ trang để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Vũ khí đạn dược cho chiến đấu trở thành một yêu cầu cấp bách. Nỗi khát khao của miền Nam và lo toan của miền Bắc gặp nhau cả trong ý nghĩ, chủ trương và hành động.

Nghị quyết 15 vừa ra đời, ở miền Bắc tháng 5/1959, Đoàn vận tải quân sự 559 xuyên Trường Sơn đã được bí mật thành lập. Và sau đó không lâu, Tiểu đoàn 603 vận tải đường biển cũng đã được xây dựng, cán bộ, chiến sĩ đều ở miền Nam ra tập kết. Để giữ bí mật, tiểu đoàn mang tên “Tập đoàn đánh cá Sông Gianh” trú quân bên bờ Nhật Lệ. Cuối năm 1959, Tiểu đoàn 603 đã khẩn trương đóng xong 3 thuyền vận tải nghi trang thành thuyền đánh cá. Đêm 30 Tết Âm lịch năm 1960, một chiếc đầu tiên chở 10 tấn vũ khí rời bến Sông Gianh trong đêm tối mịt mùn nhầm hướng Nam lướt tới. Đến vùng biển Khu 5, thuyền gặp gió bão chìm sâu xuống biển. Thủy thủ bơi dạt vào bờ bị giặc bắt. Tiểu đoàn được lệnh nhập vào Đoàn vận tải 559 để mở nhanh đường Trường Sơn.

Năm 1961, miền Nam sục sôi khí thế đồng khởi từ đồng bằng cho đến rừng núi. Vũ khí cướp được của giặc không đủ trang bị cho các lực lượng vũ trang giải phóng phát triển nhanh chóng. Tỉnh ủy các tỉnh ven biển đều tìm mọi cách tổ chức các đội thuyền giả danh đánh cá vượt biển, vượt vòng vây của giặc ra Trung ương xin vũ khí.

Sóng to bão lớn cùng sự phong tỏa của tàu chiến địch gieo rác không biết bao nhiêu khó khăn, gian nguy cho những chiến sĩ cưỡi sóng Biển Đông. Nhiều đội thuyền ra đi không bao giờ trở lại. Thuyền bị tan vỡ hoặc chìm sâu dưới đáy biển,

* Bài viết đăng Báo Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10/1996.

người làm mồi cho cá, kẻ bị địch bắt tra tấn tù đày. Thất bại là mẹ thành công, đó là tâm niệm và cũng là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của những đội thuyền tiếp sau.

Lợi dụng mùa gió chướng, tháng 5/1961, Bà Rịa xuất phát chuyến đầu tiên nhưng không đến đích. Thật đúng như Tỉnh ủy Trà Vinh đã đặt tên cho 6 thủy thủ “Đoàn - Kết - Đấu - Tranh - Thắng - Lợi”. Tháng 6/1961 và tiếp tháng 7, tháng 8/1961, 6 đội thuyền của 3 tỉnh gồm 28 thủy thủ lão luyện, có 18 đảng viên của Bến Tre, Cà Mau, Trà Vinh nối tiếp nhau vượt trùng dương, thoát khỏi vòng vây của kẻ thù cập bến miền Bắc ruột thịt.

Tất cả cán bộ, chiến sĩ khi gặp được đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng như các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đều chỉ có một lời thưa: “Xin Trung ương cho thật nhiều vũ khí mang về cho nhân dân miền Nam giết giặc”.

Đồng chí Trần Văn Trà được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo công tác vận chuyển vũ khí vào Nam. Đồng chí có nhiều suy nghĩ lo lắng làm sao phải chuyển nhiều hơn nữa, nhanh hơn nữa vũ khí, đạn dược vào Nam phục vụ kịp thời yêu cầu ngày càng tăng của chiến trường. Đường Trường Sơn chỉ với đôi vai dù đã nỗ lực phi thường nhưng mỗi người không thể gùi khói lượng hàng vượt gấp đôi sức nặng của mình trong điều kiện phải vượt đèo cao suối thăm. Chỉ có con đường biển là thuận lợi nhất. Không những chuyển được nhiều nhất mà có thể chở các loại vũ khí kể cả vũ khí hạng nặng. Đồng chí gặp ngay Bông Văn Dĩa - Đội trưởng một đội thuyền từ Cà Mau mới vừa cập bến miền Bắc.

Sau khi nghe báo cáo và trao đổi cặn kẽ, đồng chí Trà giao nhiệm vụ cho Bông Văn Dĩa đi đường bộ về Nam báo cáo Trung ương Cục nghiên cứu hai phương án: Chọn một số đảo ngoài biển địch không chú ý cho tàu vận tải từ miền Bắc vào bốc vũ khí lén giấu, dùng thuyền nhỏ chở vào bờ, hoặc chọn một số sông rạch nhỏ từ biển có thể luồn lách vào bờ bốc hàng lên cất giấu. Từ đó, ở Khu 5 cũng như Nam Bộ đã hình thành nhiều bến bãi tiếp nhận hàng chi viện từ miền Bắc vận chuyển vào bằng đường biển.

Ngày 23/10/1961, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Đoàn vận tải quân sự đường biển mang bí danh Đoàn 759.

Đồng chí Trần Văn Trà xin ý kiến Quân ủy Trung ương, đồng chí Võ Nguyên Giáp hỏi: “Các anh có bảo đảm hàng đến miền Nam được 50% không?”. Đồng chí Trà mạnh dạn quyết tâm: “Bảo đảm trên 50%, tối thiểu cũng phải 50%”.

Đêm 11/10/1962, chiếc tàu gỗ đầu tiên chở 30 tấn vũ khí xuất phát từ Đồ Sơn do hai đồng chí Lê Văn Một và Bông Văn Dĩa chỉ huy trong sự đưa tiễn hết sức bí mật của các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh và Trần Văn Trà. Thuyền gỗ đóng chạy ven biển nhưng đã mạnh dạn bung ra khơi xa, vượt lên sóng gió thăng hướng miền Nam lướt tới. 5 ngày vượt bao trớ ngại, đội thuyền đã vào cửa Bồ Đề cập bến Vầm Lũng an toàn trước sự đón tiếp tràn đầy hồ hởi của những chiến sĩ miền Nam đang ngày đêm mong đợi.

Tin vui lập tức được báo lên Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng. Hồ Chủ tịch trực tiếp gửi điện khen và ân cần nhắc nhở: Hãy tiếp tục vận chuyển nhanh hơn nữa, nhiều hơn nữa vũ khí cho đồng bào miền Nam giết giặc.

Thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch, nhằm vận chuyển nhanh hơn cần phải có tàu sắt trọng tải lớn, từ 80 đến 100 tấn. Đồng chí Trần Văn Trà triệu tập Năm Danh vốn là công nhân Ba Son, từng là quân giới Nam Bộ, đang làm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Bạch Đằng bàn cách thực hiện. Đồng chí Danh bảo đảm đóng được nhưng phải có máy mã lực mạnh. Đồng chí Phạm Hùng nhận được báo cáo, lệnh cho kho dự trữ của Chính phủ xuất ngay máy điêzen của Đức loại mạnh nhất lúc bấy giờ. Với tinh thần “vì miền Nam ruột thịt”, cán bộ và công nhân xưởng đóng tàu đã rút ngắn công việc đáng 3 năm xuống còn 4, 5 tháng hoàn thành một chiếc.

Đêm 17/3/1963, chuyến tàu sắt đầu tiên xuất phát đưa vào Bến Tre được gần 45 tấn vũ khí. Và sau đó chuyến thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8... tiếp tục lên đường. Số chuyến tăng lên rõ rệt, từ 5, 6 chuyến trong 6 tháng đầu năm tăng lên 18 chuyến 6 tháng cuối năm.

Ngày 29/01/1964, Bộ Quốc phòng quyết định chính thức chuyển Đoàn 759 về trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân mang ký hiệu mới là Đoàn 125.

Cho đến tháng 02/1965, Đoàn 759 - 125 đã huy động được 20 tàu, thuyền, 88 lần chiếc chuyển vào chiến trường miền Nam gần 4.000 tấn vũ khí đạn dược, góp phần vào những chiến thắng lẫy lừng của quân và dân miền Nam. Đoàn vận tải đường Hồ Chí Minh trên biển đã quyết tâm thực hiện lời hứa “Không những bảo đảm trên 50% mà gần 100% số lượng hàng vận chuyển đến chiến trường an toàn”.

Phát huy truyền thống mở đường thăng lợi của Đoàn 759, từ năm 1964 cho đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và cả những năm chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và giúp cách mạng chân chính ở Campuchia, cán bộ, chiến sĩ Đoàn 125 hải quân đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Viết Tân

NGƯỜI CHA TUYỆT VỜI

Từ nhỏ, tôi ít được sống gần cha vì cha đi chiến trường biền biệt, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Mãi cho tới sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, gia đình tôi mới được đoàn tụ. Khi ấy, tôi mới 8 tuổi nên chưa ý thức sâu sắc được tầm vóc lớn lao của cha mình, chỉ biết cha là một người cha hiền lành, giản dị, mâu mực. Càng lớn tôi càng khâm phục khí phách của cha và rất đỗi tự hào về người cha tuyệt vời.

Kỷ niệm mà tôi nhớ nhất về cha là trong những bữa cơm gia đình, cha thường nhắc đến sự hy sinh cao cả của những chiến sĩ, những bà mẹ nuôi giấu cán bộ cách mạng và những người dân tiếp tế lương thực cho bộ đội đánh Mỹ. Cha thường kết thúc câu chuyện bằng câu nói: “Nhờ có dân thương yêu che chở nên bộ đội mới đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Các con đừng bao giờ quên tình nghĩa đó”. Và lời dặn của cha đã ăn sâu vào máu thịt của chúng tôi. Ngay cả trước khi cha mất khoảng 3 tháng, với cương vị là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, cha vẫn đau đớn lo lắng cho những gia đình thương binh, liệt sĩ. Bút tích cuối cùng của cha là lá đơn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giải quyết nhà tình nghĩa cho hai gia đình chính sách ở Củ Chi.

Nguyễn Việt Chi
Con trai Thượng tướng Trần Văn Trà

TƯỚNG TRÀ CHÈO XUỒNG ĐI CHÚC TẾT*

Đó là Tết toàn quốc kháng chiến đầu tiên sau khi Sài Gòn nổ súng hiệu cùng cả Nam Bộ bước vào cuộc “mùa Thu rồi ngày hăm ba”. Tết ấy diễn ra ở rừng Ông Cọp nơi có dòng suối trong veo, đôi bờ chà là ken vai dứa dại, xú sở của cá sấu, cọp, trăn, rắn, rết. Rừng Ông Cọp là đại bản doanh của du kích Hóc Môn - Bà Điểm do cô Hồ Thị Bi (Năm Bi) làm thủ lĩnh.

Hồi đó, Tổng hành dinh tiền phương Nam Bộ cách đại bản doanh du kích Năm Bi chừng nửa ngày chèo xuồng. Tết về, bà con Hóc Môn, Củ Chi dùng xe bò, xe ngựa tải heo, gà, nếp, gạo, trà, thuốc, bánh, mứt tặng bộ đội Việt Minh. Quà Tết để đầy lán tranh. Bộ Chỉ huy quyết định chia sớt cho các đơn vị chủ lực để chiến sĩ vui Tết cùng quân dân cả nước. Việc chuyển hàng xuống nơi các đơn vị chủ lực ở không khó nhưng với căn cứ địa du kích Năm Bi không đơn giản bởi ít ai biết, ngoài người chỉ huy trực tiếp. Tướng Trà quyết định tự chèo xuồng chở hàng Tết cho du kích.

Chiếc xuồng xuôi dòng trong sương sớm. Tướng Trà ngồi sau đẩy, một chiến sĩ ngồi mũi gạt cành cây, người ngồi giữa quan sát nghe tiếng động, tất cả sẵn sàng súng đạn. Tiếng gạt nước tòm töm. Tiết trời se lạnh gấp sương mù càng lạnh hơn. Chim líu lo chào bình minh. Vọc khỉ tung đòn tru tréo chuyên cành. Thỉnh thoảng vài con sấu kỵ đà từ gốc chà là, dứa dại nhảy töm xuống nước. Lác đác đôi bụi mai rừng nở vàng xen lẫn búp xanh, lưng đá xám rêu xưa. Tiếng ong râm ran gọi mập trên cành. Bướm trắng từng chùm chớp nắng.

Xuồng xuôi lặng lẽ. Bất thình linh phía trước có tiếng chạy rào rào. Xuồng nép lại bên bờ. Mọi người chui qua bụi gai lùng nhùng đầy kiến bống. Tới một chỗ có cọc đơm cá chăn ngang suối, bống có tiếng quát đanh của giọng con gái từ bụi le phía trước vọng lại:

- Ai, đừng ghe ngồi im, ngọ nguậy bắn bỏ.

* Bài viết đăng trên Báo *Sài Gòn giải phóng*, thứ Bảy, số 311-312, tháng 01/1997.

Tướng Trà vội lên tiếng:

- Bộ đội phe ta, phe ta, chớ bắn ẩu. Tôi là Trần Văn Trà đem quà Tết...

Cô du kích giọng kẻ cả:

- Á, à! Mưu mẹo khôn ngoan thế cơ đấy, nhưng vỏ quýt dày đây có lưỡi lê. Giơ tay lên, không nghe cho rót gáo bây giờ.

Tướng Trà nói nhỏ:

- Hai cậu chịu khó giơ tay làm lành kéo hỏng việc.

Hai chiến sĩ giơ tay lên nhưng không phải hàng mà với ngắt chùm hoa rừng.

Cô gái vẫn cái giọng hắc xì dầu:

- Không sợ tong đời hả, đứng im.

Tướng Trà loay hoay gỡ bỏ ngụy trang mũ bằng tấm bàng ra, cùng lúc cô gái bước ra bờ suối vốn vã:

- A chú Tư, sao lại thế này? Mọi lần chú đi đường bẻ cò cơ mà. Cháu không nhận ra, xin lỗi chú.

Tướng Trà cười vui nói quấy quá, giơ tay để cô gái kéo lên bờ.

Đoàn quân dao găm lựu đạn ngồi la liệt ở gốc cây ụ mõi, bên trái là thủ lĩnh Hồ Thị Bi bóm bém nhai trầu. Tướng sao lính vậy. Lính Mười Tám Thôn trai cũng như gái khăn rằn vắt vai, đồng loạt tóc ngắn đội mũ kômangđô. Trai ngậm thuốc rê cuốn loa kèn, gái nhai trầu, nhai cả khi cuộn tròn trong nón. Anh em há hốc miệng nghe chuyện du kích các nơi đánh Tây. Tướng Trà đặc biệt khen du kích Năm Bi đánh giặc, trừ gian giặc, nuôi quân khỏe, khen luôn cả cô du kích gác bên bờ suối.

Dịp này, ông tặng đơn vị 30 trái lựu đạn, riêng thủ lĩnh Năm Bi được tặng khẩu súng lục.

Sau khi nhận quà, du kích quân về lán chuẩn bị mổ heo, chẻ lạt luộc lá, gói bánh chưng, chặt cây làm bàn thờ Tết. Tướng Trà tranh thủ hướng dẫn Năm Bi sử dụng súng lục và bảo cô bắn thử, nhưng cô Năm đòn chỉ cách tháo lắp đạn chứ không bắn, sợ uổng đạn. Lựu đạn tự tạo có hai loại. Loại mỏ vịt (chày) giật nụ xòe xịt khói ném ngay và loại quả na (cổ dùt) đập chát xuống đất, xịt khói ném cấp thời. Cô Năm chỉ học, không cho ném thử. Ý cô “để đó hôm nào vào bót thử luôn một thề cho nó và mình cùng biết”.

Một sáng đầu xuân, tướng Trà cùng anh em Bộ Tư lệnh Nam Bộ đang quây quần quanh bàn lồ ô có càنه mai và lọ hoa mẫu đơn rừng thì nhận được tin đội du kích Năm Bi lập công mừng xuân kháng chiến. Thì ra sau khi có súng lục và lựu đạn, ngay đêm giao thừa, Hồ Thị Bi vừa nhai trầu vừa cầm quân bất ngờ tấn công địch

ở Hóc Môn. Chuyện rằng, lựu đạn tự tạo có trái nổ tá hỏa, có trái ném lăn lọc cọc không chịu “rầm”, địch ném trả lại, trúng lưng đau điếng mà nó vẫn “lù lù một cục gang”. Đêm giao thừa đánh không ngon, tức khí, sáng mồng Một Tết du kích Năm Bi đánh bồi chỗ khác, kết hợp súng lục, lựu đạn, chĩa, dao găm. Trận này thắng lớn, chị em mới về căn cứ ăn Tết.

Hôm sau, tướng Trà lại cải trang mũ bàng, khoác nón trên lưng, chèo xuồng xuôi rừng Ông Cọp mừng chiến công du kích Năm Bi, tiện thể nghe chuyện mấy trái lựu đạn kia tại sao xì hết khói mà vẫn “trơ gan cùng tuế nguyệt”.

Lưu Ngọc Vang

NHỚ THƯƠNG THƯƠNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

Tuổi ấu thơ của chúng tôi trải qua giữa 2 ngọn núi vừa diêm lệ vừa mang ý vị văn chương, Thiên Ân và Thiên Bút. Dòng sông Trà với những bờ xe nước lịch sử, lượn lờ ở giữa, tô điểm thêm cho quê hương màu sắc trữ tình vào những đêm trăng tròn, nhưng có lúc, bỗng lại nổi sóng trên dòng chảy cấp tập vào những ngày mưa gió. Chúng tôi có 5 người, suýt soát 10-15 tuổi, thích văn thơ, yêu võ thuật, thích ví minh với năm vị tướng đời Tống và cũng tự phong cho nhau đầy đủ năm tên gọi. Lớn nhất là Quang và cũng là người giỏi võ nhất, điềm đạm và có vẻ đàn anh hơn cả, được tôn làm Địch Thanh. Khánh, dáng người cao lêu nghêu, luôn hài hước, được đặt luôn là Lưu Khánh. Người thứ ba, thứ tư là Kiều Giá và tôi chia nhau hai vị trí Trương Trung và Lý Nghĩa, nhờ tác phong nhanh nhẹn của mình. Còn lại, người thứ năm, đẹp trai nhất và cũng là người nghĩa khí, được mang tên Thạch Ngọc, đó là Nguyễn Chấn, sau này là Thượng tướng Trần Văn Trà của chúng ta.

Chúng tôi thương nhau, chia sẻ cho nhau từng quả ổi xanh trước sân nhà Quang, cùng nhau tập luyện võ nghệ với ước mơ khá lăng mạn sẽ là những tay nghĩa hiệp tương lai, có sứ mệnh “cứu khổ phò nguy” cho thiên hạ. Nhớ lại thời thơ ấu, vừa ngày ngộ không tưởng, vừa đầm ấm thân yêu, bên cạnh đó cũng đã có ít nhiều tự hào thấy mình không giao du với những người bạn học con nhà quyền quý thuở ấy.

Chấn sinh ra ở một vùng đất đẹp và hùng tráng. Châu Sa trên bờ sông Trà, phía đông Thiên Ân, ngày xưa từng là nơi đóng quân của nhà Mạc trong thời giao tranh với quân Trịnh, cũng là nơi nền văn hóa Chiêm Thành còn để lại ảnh hưởng man mác cảm hóa trong những điệu ru hời. Trên nền văn hóa truyền thống ấy và trong không khí cách mạng những năm 1930 - 1931, những phong trào yêu nước

* Bài viết đăng trên Tạp chí *Cẩm Thành*, số 11, tháng 4/1997.

của các bậc tiền bối ở Quảng Ngãi đã tạo nên ý thức tự cường tự trọng của bọn trẻ chúng tôi. Cho nên không phải ngẫu nhiên mà Chấn đã sớm tham gia phong trào dân chủ khi anh theo học ở Trường Kỹ nghệ thực hành Huế cuối thập niên 1930. Anh vào Đảng khá sớm, tháng 8/1938. Ngày ấy, tôi từ Trường Quốc học Quy Nhơn ra thi phần vấn đáp ở Huế, chuẩn bị tốt nghiệp Thành chung, tìm thăm bạn nhưng không gặp. Sau đó, khoảng hơn một năm, một buổi sáng, tôi đang đứng tập thể dục giữa sân thì Chấn đến. Anh mặc bộ quần áo trắng kiểu học sinh, bắt tay tôi, vẻ ngập ngừng như muốn nói điều gì. Nhưng Chấn chỉ dặn tôi cố gắng đọc cho hết những tập sách mỏng của Nhà xuất bản Politjer, loại sách khai tâm về chủ nghĩa Mác mà Chấn biết tôi đem theo về từ Trường Quốc học Quy Nhơn do anh Nguyễn Minh Vỹ hướng dẫn cho nghiên cứu. Lúc chia tay, Chấn bảo: “Có lẽ còn lâu chúng mình mới gặp lại nhau được...”

Về sau, tôi mới biết rằng bạn mình đã thoát khỏi vòng quản chế của kẻ thù, tìm đường vào phía Nam để hoạt động cách mạng. Để đánh lạc hướng địch, những ngày trước đó, Chấn đã vào thị xã Quảng Ngãi thăm bạn bè, dạo chơi nhởn nhơ như một anh chàng vô công rỗi nghề. Một buổi sáng, Việt Châu - em ruột của Chấn mang theo mình một ít quần áo, hành trang gọn nhẹ, lên ga Quảng Ngãi mua vé tàu vào Nam một mình. Nhưng đến sát giờ tàu chạy, Chấn bước vội lên tàu mà không ai biết. Thế là anh bắt đầu một giai đoạn đặc biệt quan trọng của cuộc đời. Sau này, trong kháng chiến chống Pháp, Việt Châu theo bước anh mình, cũng đã trở thành một cán bộ của Đảng, từng làm Bí thư Tỉnh ủy và đã hy sinh anh dũng ở Nam Bộ.

Với vóc dáng thư sinh và một ý chí sắt thép, anh dấn thân vào cuộc đấu tranh một mất một còn với kẻ thù cướp nước. Anh trải qua hết gian khổ này đến nguy hiểm khác, từ đày xiềng xích suốt nhiều năm. Máu lửa đã tôi luyện anh trở thành một tướng lĩnh đầy tài năng của nhân dân, của Đảng, có tầm trí tuệ và phong cách nhạy bén trước mọi thử thách. Cống hiến của anh trong trận mạc, trong lãnh đạo, trong xây dựng quân đội miền Nam của đất nước không nói sao cho hết. Chúng ta tự hào về người bạn lớn của chúng ta vì đã thấy anh đi tiên phong trong nhiều chủ trương chiến lược của Đảng, của quân đội. Những trận đánh thắng đầy sáng tạo như trận Giồng Dứa trong những ngày đầu kháng chiến (1947) đã khiến quân thù khiếp đảm và tạo nên lòng quân sĩ niềm tin phục. Một bài viết ngắn khó bẽ nói hết những thành tích lớn lao của anh. Chỉ có thể nói vắn tắt rằng anh luôn đi đầu, luôn là người khởi xướng trong nhiều sự kiện lịch sử. Từ tay không, anh cùng đồng chí xây dựng một quân đội hùng mạnh cho miền Nam. Cùng với Trung tướng Nguyễn Bình, bằng tài năng và đức độ, anh đã tập hợp vào một mối chung dưới trướng, bao nhiêu thứ quan quân hồn táp ở Nam Bộ thời kỳ đầu. Anh là người

đầu tiên đề xuất với Bộ Chính trị chủ trương đưa cán bộ trở về Nam chiến đấu, là người đầu tiên đề nghị Trung ương cho mở con đường Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn và đề cử đồng chí Võ Bẩm, người sĩ quan đồng hương, phụ trách mở Đường 559. Chấn cũng là người đầu tiên báo cáo xin với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chủ trương mở đường Hồ Chí Minh trên biển mang tên Đường 759, sau này giao lại cho Hải quân phụ trách. Cũng lại là anh báo cáo với Trung ương mở trận đánh Phước Long, một chủ trương lúc ban đầu không được chấp nhận vì cho là khó thành công. Nhưng sau, được phép tiến hành trận đánh lớn này và đã thu được thắng lợi, lần đầu tiên ta hoàn toàn giải phóng một tỉnh phía Nam, khiến cho Nguyễn Văn Thiệu phải ra lệnh “lễ tang toàn quốc”. Đồng chí Lê Duẩn đánh giá rất cao chiến thắng Phước Long: Chiến thắng này đã mở ra tiền đề cho cách mạng miền Nam, thần tốc tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam...

Quê hương, đồng chí, đồng đội, người thân tự hào với những vòng nguyệt quế trên vầng trán vị tướng lĩnh thao lược ấy, nhưng điều thấm thía lòng người sâu sắc nhất là tâm hồn, là đức độ của anh, đến cả kẻ thù cũng phải tâm phục. Trong công tác ngoại giao, với tư cách Trưởng đoàn phía ta, anh đã khiến cho đối phương phải vì nể. Tướng Dư Quốc Đống - Trưởng đoàn chính quyền Sài Gòn, kính trọng và nể sợ anh, không phải chỉ vì anh ta từng là thuộc hạ cấp thấp của tướng Trà ngày chống Pháp mà chính vì thái độ rộng lượng của người Trưởng đoàn phía cách mạng.

Tôi không quên một buổi sáng mùa xuân năm 1949, lúc tôi đang ngồi trong nhà chị Ngọc Sương, nhà thơ, chị của Bích Khê, bên lề đường thị trấn sông Vệ, thì một số bộ đội dừng chân trước cửa, trong đó có một người đặc biệt nhìn vào lâu hơn, rồi bước đến gọi tôi: Lãm hả? Tôi ngạc nhiên gặp lại Chấn, người bạn thân yêu cách xa nhau gần mươi năm. Chị Ngọc Sương hỏi : “Anh công tác ở đâu, làm gì?” Chấn khiêm tốn trả lời: “Tôi là bộ đội, chị ạ”. Ngày đó, anh Trần Trà đi dự Hội nghị quân sự toàn quốc, trên đường về Nam Bộ, ghé lại cơ quan Liên khu 5. Và đây cũng là lần đầu tiên anh trở về thăm quê mẹ. Cảm động và bùi ngùi khôn xiết! Anh về cơ quan tôi ở Đề An, ở lại một tối và ngày hôm sau. Việc cũ việc mới, kỷ niệm vui buồn, cuộc sống riêng chung, hai anh em nằm bên nhau suốt đêm không ngủ. Ngày ấy, Chấn vẫn chưa có gia đình, tình yêu trong lòng anh nhường chỗ cho nhiệm vụ lớn lao anh đang gánh vác. Anh cho tôi xem tấm thẻ do Bác Hồ ký phong anh làm Tư lệnh các lực lượng vũ trang Nam Bộ.

Qua những câu chuyện hàn huyên, tôi cảm thấy Chấn vẫn như xưa, trẻ trung sôi nổi, đầm ấm thương yêu, đặc biệt vẫn rất bình dị như thời còn thơ ấu. Hai chúng tôi nói chuyện suốt đêm, trong khi hai đồng chí cán bộ trung đoàn theo anh

từ Bắc vào tăng cường cho mặt trận phía Nam ngủ ở gian nhà ngoài, ngay to như sấm. Qua Chấn, tôi đau lòng biết Kiều Giá, người bạn thời “ngũ tướng” của chúng tôi đã hy sinh trong khi thi hành công vụ ở Nam Bộ. Thế là chúng tôi chỉ còn có ba người, Chấn, tôi và Khánh Cao (thân sinh của Nghệ sĩ nhân dân Trà Giang).

Trong hoạt động bí mật, người làm cách mạng thường phải đổi tên để che mắt địch. Tôi hỏi Chấn vì sao lại lấy tên Trần Văn Trà. Anh thuật lại rằng trong thời gian hoạt động bí mật ở Sài Gòn, lúc còn thực dân Pháp, anh bị truy bắt ráo riết, nhiều khi nhờ sự che chở của quân chúng mới thoát hiểm. Một hôm, anh mặc đồ rách, đầu đội nón lá, đi trên bờ sông Sài Gòn, chợt nhìn thấy một xác người bị nước giật vào bờ. Anh cúi nhìn, thấy trong túi áo người xấu số một tấm thẻ căn cước mang tên Trần Văn Già, quê ở Quảng Ngãi. Có thể là một người nghèo khổ vào nơi này tha phượng cầu thực bị chết dọc đường, một trường hợp không phải hiếm lúc bấy giờ. Chấn xót thương thân phận người cùng khổ và bỗng nảy ra ý giữ lấy tên người này làm tên của mình để hoạt động cho cách mạng. Tấm căn cước mang sẵn địa danh Quảng Ngãi rồi, chỉ cần đổi chữ “Già” ra chữ “Trà” là đã có một tên mới hợp pháp. Từ đấy cái tên Trần Văn Trà ngày càng đi vào lòng thương yêu của đồng chí, đồng bào.

Ở con người dạn dày chiến trận ấy lại có một tâm hồn nhuần nhị, tinh tế và độ lượng. Anh thương yêu chiến sĩ, trân trọng trí thức, đặc biệt yêu quý các nhà văn, các nghệ sĩ. Lúc còn ở miền Đông Nam Bộ thời chống Pháp, nhà thơ Nguyễn Bính được anh giúp đỡ, cưu mang một cách rộng lượng. Thấy Nguyễn Bính sống vất vả, anh mời vào quân đội tạo điều kiện cho nhà thơ phục vụ kháng chiến. Anh em có người phàn nàn về cách sống của Nguyễn Bính vẫn còn giữ những thói quen cũ như ngủ dậy trưa, buông lỏng kỷ luật quân đội, thậm chí còn lén đi hút thuốc phiện, anh Trần Văn Trà chỉ khuyên nhủ nhẹ nhàng và nhắc anh em bộ đội thông cảm với nhà thơ. Dù ở vị trí tướng lĩnh, anh vẫn sống chan hòa và khiêm tốn với anh em, thường nhắc tới Nguyễn Thi, Bảo Định Giang (văn), Hoàng Tuyển (họa sĩ), Mai Mộc, Khương Mẽ (điện ảnh)...

Tâm hồn ấy, lòng nhân hậu ấy đã giúp cho Thượng tướng Trần Văn Trà có lời văn đậm tình, những bài viết đầy tính văn học, cả những sáng tác văn chương, những truyện ngắn, tùy bút sáng tạo. Tôi đã được đọc hai tập hồi ký có giá trị của anh vài năm trước đây, nay lại được đọc tập *Gởi người đang sống* (Nxb. Trẻ, 1996) xuất bản nhân kỷ niệm lần thứ 77 ngày sinh của Thượng tướng Trần Văn Trà (15/9/1996) do chị Lê Thị Thoa, phu nhân của Thượng tướng gửi tặng. Tập sách trên 400 trang tập hợp một số bài viết của anh về những ngày hoạt động cách mạng và kháng chiến đã qua. Tôi rất ngạc nhiên khi gặp ở đây những sáng kiến văn học có chất lượng, đặc biệt

truyện ngắn “Bức thư gửi người đang sống” được nhà văn Trần Bạch Đằng đánh giá cao và gợi ý cho các nhà điện ảnh nên dựng thành một bộ phim hoành tráng.

Người tướng lĩnh - nghệ sĩ ấy có một trái tim thủy chung và nhân hậu. Năm 1949, từ Trung ương về, anh có mang theo bức thư của một cán bộ khoa học ở Bộ Quốc phòng chưa quen biết, gửi nhờ anh chuyển cho người vợ chưa cưới là chị Trần Thị Cúc Hoa - giáo viên trường Lê Khiết ở Quảng Ngãi. Anh quý trọng tình yêu xa cách ấy, nhưng thật đau lòng, khi anh đến Quảng Ngãi thì chỉ trước đó vài ngày, giặc Pháp đã ném bom hủy diệt trường học, chị Cúc Hoa hy sinh mà không kịp nhận được thư chồng. Anh Trần Văn Trà tìm đến thăm ngôi mộ Cúc Hoa, mộ còn chưa khô đất, thắp hương lên mộ rồi kính cẩn bóc thư, đọc trước người đã khuất. Một cử chỉ đẹp, trân trọng và tình nghĩa, hiếm thấy ở một võ tướng lừng danh như anh.

Năm 1990, tôi có dịp vào Thành phố Hồ Chí Minh. Một tối, ba anh em Trà, Khánh Cao và tôi, lặn lội qua nhiều đường phố tìm thăm thầy học cũ, thầy Nguyễn Tấn Đức, năm ấy đã 90 tuổi. Thầy cảm động rưng rưng nước mắt nhìn ba người học trò ngày thơ ấu nay đều ở tuổi 70. Hôm ấy, anh Trà vẫn giữ tác phong khiêm nhường, kính cẩn, trọng nghĩa tôn sư trọng đạo của người học trò.

Con người anh hùng, con người nghệ sĩ này, nay không còn nữa. Đối với đất nước, với quê hương, đối với đồng bào, đồng đội, đó là một tổn thất lớn, không gì bù đắp được. Riêng đối với chúng tôi, năm anh em kết nghĩa ngày còn rất trẻ, nay chỉ còn hai, Khánh Cao và tôi, thì nỗi đau đã nhân lên gấp trăm lần. Thượng tướng Trần Văn Trà qua đời đã gây sững sốt cho cả nước. Cơn đau tim đột ngột đã khiến anh từ giã cõi đời, trong vòng tay thương yêu vô hạn của chị Thoa, người vợ hiền của anh.

Không có phần thưởng nào cao quý bằng tình yêu thương của nhân dân đối với anh, đặc biệt của đồng bào Nam Bộ và bà con quê hương Quảng Ngãi. Lúc chưa công bố lễ tang, đã có 200 đoàn đến thăm. Trong lễ tang có 700 đoàn đến viếng. Tiếng khóc của đồng đội, của đồng bào Sài Gòn trong một ngày tháng 4/1996 tiễn đưa người bạn lớn, người con ưu tú của mình đến nơi an nghỉ. Trong dòng suối đau thương ấy, có giọt nước mắt của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, từ Hà Nội bay vào để gặp lần cuối cùng người đồng đội mà Đại tướng rất thương yêu.

Nguyễn Viết Lãm

KHÔNG ĐÁNH MÀ THẮNG*

* *Binh pháp phương Đông viết: Đánh mà thắng là tốt; không đánh mà thắng lại càng tốt hơn.*

* *Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, có một trận không đánh mà thắng...*

Sau khi Tây Nguyên và phần lớn các tỉnh ở Quân khu I thất thủ, Tổng thống Mỹ Gerald Ford cấp tốc gửi tướng Weyand - Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, sang Sài Gòn để bày mưu tính kế cho Thiệu bảo vệ phần đất còn lại của miền Nam. Cách đó vừa tròn 2 năm, ngày 29/3/1973, chính Weyand - với tư cách là viên tư lệnh cuối cùng của MACV - đã làm lễ cuốn cờ Mỹ trước khi theo chân những lính viễn chinh Mỹ cuối cùng leo lên máy bay về nước.

Để bảo vệ thủ đô Sài Gòn - hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy, Weyand khuyến cáo Thiệu lập các tuyến phòng ngự chiến lược xa. Ở hướng tây nam, chúng cắm Sư đoàn 22 ở Long An. Ở hướng tây bắc và bắc, đó là Sư đoàn 25 và Sư đoàn 5 tại Đồng Dù và Lai Khê. Riêng hướng đông bắc, chúng lập ba chốt trọng yếu, tính từ xa đến gần là Phan Rang, Xuân Lộc và Biên Hòa, nhằm ngăn chặn đà tiến của Quân giải phóng trên Quốc lộ 1.

Weyand nhấn mạnh: “*Phải bằng mọi giá cố thủ Xuân Lộc vì mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*”. Sư đoàn 18 - đơn vị mạnh nhất Quân đoàn III và cũng mạnh nhất toàn quân ngụy lúc đó, cùng một lữ đoàn biệt động quân, một trung đoàn xe tăng thiết giáp và nhiều đơn vị địa phương quân được giao nhiệm vụ giữ chốt Xuân Lộc. Máy bay các loại cất cánh từ căn cứ không quân Biên Hòa ngày đêm sẵn sàng chi viện cho mặt trận quan trọng này. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo - Tư lệnh Sư đoàn 18, chỉ huy Xuân Lộc. Để lèn dây cót tinh thần cho binh sĩ ngụy,

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng, thứ Bảy, số 325, ngày 13/5/1997.

tướng Đảo tuyên bố “tử thủ Xuân Lộc”, “Việt cộng muốn chiếm Xuân Lộc phải bước qua xác của Đảo”.

Đêm 9 rạng ngày 10/4/1975, Quân đoàn 4 bắt đầu nổ súng tiến công Xuân Lộc. Quân giải phóng vượt qua các bốt đồn của địch, nhanh chóng triển khai vào trung tâm thị xã. Trước 8 giờ sáng ngày 10/4, cờ giải phóng phất phới trên nóc Dinh tỉnh trưởng Long Khánh. Ta cũng làm chủ căn cứ biệt động quân, ty cảnh sát, các khu cỗ ván và tình báo Mỹ.

Mỹ - Thiệu vội vã tăng viện cho Xuân Lộc 1 lữ đoàn dù, 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn pháo binh, 2 trung đoàn xe tăng thiết giáp. Chưa hết, chúng cho máy bay cất cánh từ Tân Sơn Nhất và Biên Hòa yểm trợ các đợt phản kích và ném bom xuống những khu vực ta đã chiếm. Đặc biệt, chúng dùng Daisy Cutter và CBU - hai loại bom có sức sát thương và hủy diệt cực kỳ khủng khiếp.

Tình hình giằng co ác liệt, thương vong hai bên đều cao.

Tại Sở Chỉ huy ở phía tây thị trấn Lộc Ninh, Trung tướng Trần Văn Trà - Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh - theo dõi diễn tiến trận đánh với sự quan tâm sâu sắc. Anh xin Bộ Chỉ huy xuống Quân đoàn 4 để nghiên cứu tình hình tại chỗ nhằm đề ra cách đánh phù hợp hơn (11/4/1975).

Đến nơi, anh lắng nghe các đồng chí chỉ huy Quân đoàn 4 báo cáo, cùng họ thảo luận để tìm ra cách đánh tối ưu. Xuân Lộc là chỗ địch mạnh, còn chỗ yếu của địch là Dầu Giây nằm giữa Biên Hòa và Xuân Lộc, ở ngã ba Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Ta hoàn toàn có khả năng đánh chiếm và chốt giữ Dầu Giây. Mất Dầu Giây, Xuân Lộc không còn là một chốt phòng thủ cho Sài Gòn nữa, nếu Xuân Lộc bị cô lập khỏi Biên Hòa, địch có thể rút khỏi nơi đó. Như thế, *ta không đánh Xuân Lộc mà vẫn thắng*.

Đêm 13 rạng ngày 14/4, Sư đoàn 6 triển khai kế hoạch đã bàn. Toàn bộ quân địch ở Dầu Giây bị diệt (15/4). Xuân Lộc rơi vào thế bị vây hãm giữa hai gọng kìm: Có thể bị Quân đoàn 4 từ trong đánh ra và Quân đoàn 2 - sau khi chọc thủng phòng tuyến Phan Rang (16/4) - từ ngoài đánh vào.

Trong các ngày 18, 19, 20/4, Mỹ - Thiệu bí mật ra lệnh tháo chạy khỏi Xuân Lộc, một số băng trực thăng, số còn lại băng đường bộ qua Bà Rịa để về Biên Hòa. Tướng Đảo, người tuyên bố “tử thủ Xuân Lộc” hồi đầu tháng, nay cũng leo lên máy bay chạy trốn.

Tướng Weyand, người tuyên bố: “mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn” (và mất toàn bộ miền Nam), than thở: “Tình hình quân sự là tuyệt vọng”. Ngày 21/4, chiến dịch

di tản các nhân viên Mỹ cùng một số Việt gian đầu sỏ bắt đầu. Cùng ngày hôm đó, Thiệu từ chức tổng thống, chuẩn bị chuồn sang Đài Loan. Cùng lúc đó, trong một căn nhà gỗ lợp lá trung quân ở Lộc Ninh, tướng Trà đang cùng Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh duyệt lại kế hoạch tổ chức hiệp đồng giữa các cánh quân, các quân binh chủng, chuẩn bị cho trận đánh quyết định cuối cùng sắp diễn ra: Trận đánh giải phóng Sài Gòn.

Năm Trầm

CHUYỆN TÌNH CỦA NGƯỜI YÊU HOA HỒNG*

Ông mất cũng đã mấy năm. Phân thì buồn, phân thì muốn dưỡng bệnh, bà mua đất, lập một trang trại ở Bình Dương.

Một buổi chiều, chúng tôi từ Sài Gòn lên thăm bà. Trang trại rộng và rợp bóng cây. Trong nhà treo đầy những bức tranh sơn dầu do chính bà vẽ. Ở tuổi trên bảy mươi, bà đến với hội họa để quên đi nỗi buồn đơn chiếc. Tôi chú ý đến bức tranh vẽ một cái bếp tắt lửa, bên cạnh là một ấm nước nằm nghiêng bất động. Bức tranh buồn đến nao lòng. Bà kể chuyện về đám cưới đơn sơ của ông bà giữa rừng thời kháng chiến. Cưới xong lại xa nhau, mỗi người có một nhiệm vụ riêng. Hòa bình, ông bà về sống ở Hà Nội¹. Kháng chiến chống Mỹ, ông lại vào chiến trường miền Nam. Vợ chồng cách nhau hai đầu mặt trận. Bà đi học rồi làm việc, sinh con mà không có ông bên cạnh.

Bà kể, nếu không có chiến tranh chắc chắn ông sẽ là nhà thơ. Ông là người yêu thơ và yêu hoa hồng. Bởi vậy, hai con gái ông đều đặt tên Hồng. Khi thống nhất đất nước, ông bà có nhà riêng ở Sài Gòn. Bao giờ trong nhà cũng chung những bình hoa hồng. Ông thích vậy nên bà luôn nhớ và chiều ông. Biết ông bận rộn, bà cố gắng chăm lo mọi việc gia đình để ông yên tâm. Hai ông bà rất yêu thương nhau, không bao giờ nặng lời với nhau. Ông đi họp hành về khuya, bao giờ bà cũng chờ. Ông về, bà pha sữa, gọt trái cây, trò chuyện với ông.

Do cảng thẳng vì công việc, về già ông bị bệnh tim nặng, phải thường xuyên nằm bệnh viện. Bà luôn bên cạnh chăm sóc ông. Bệnh tình ông không thuyên giảm, phải ra nước ngoài chữa bệnh, bà chưa bao giờ rời ông nửa bước. Vì đã trải qua những năm tháng chữa bệnh, ông hiểu rất rõ sự vất vả và tốn kém của những người bệnh. Nghĩ thương những đồng đội của mình, ông đã dồn thời gian, công sức cuối đời để ra nước ngoài tìm đối tác liên doanh mong xây dựng ở Việt Nam một bệnh viện tim mạch tầm cỡ.

* Bài viết đăng trên Báo Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Sau khi Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết (1954), vợ chồng Thượng tướng Trần Văn Trà tập kết ra Bắc (B.T).

Bà chảy nước mắt khi kể những ngày tháng cuối đời của ông. Sẵn có bệnh trong người, lại thêm những chuyến bay ra nước ngoài làm việc với đối tác khiến bệnh tim tái phát và ông qua đời đột ngột. Khi ra khỏi thang máy của một cao ốc, đột nhiên ông đưa tay ôm ngực và bước lảo đảo. Bà chỉ kịp bước lên đưa tay ra đỡ. Ông qua đời trong vòng tay vợ với câu cuối cùng: “Em ơi, anh mệt quá”. Vậy là ông đi nhẹ nhàng, thanh thản trong những giọt nước mắt yêu thương. Bà gạt nước mắt nghẹn ngào: “Cô không thể nghĩ được sao lại có một cái chết nhanh và nhẹ nhàng đến thế. Nhưng, cô thấy an ủi là ông đã ra đi trong vòng tay của cô. Cô cũng yên lòng”.

Trần Diệu Hiền

CÁI TÚI XÁCH TAY

Mỗi lần Tết đến lại gợi nhớ cho tôi những ngày chiến đấu sôi sục ở Sài Gòn Mậu Thân 1968, nhớ đến Thượng tướng Trần Văn Trà lúc đó trực tiếp chỉ huy mặt trận Sài Gòn tấn công vào trung tâm thành phố hang ổ đầu não của Mỹ - ngụy. Năm nay lần tìm trong các tư liệu phục vụ đồng chí viết hồi ký có một chiếc túi xách. Nó cũng như bao chiếc túi xách khác, bằng giấy, cao bốn tấc, ngang ba tấc, có hai quai nhưng có một điều khá đặc biệt, qua những dòng chữ tiếng Anh in ở đáy túi, cho biết túi được sản xuất và bán ở thủ đô Luân Đôn vào Xuân 1968, khi quân dân ta bắt đầu cuộc Tổng tấn công và nổi dậy ngay tại các đô thị trên toàn miền Nam. Và điều đặc biệt hơn nữa, hai mặt túi xách in đậm lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, với ngôi sao vàng trên nền nửa xanh nửa đỏ. Không hiểu sao hôm nay tôi còn giữ cái túi đó. Tôi sực nhớ Thượng tướng Trần Văn Trà giao cho tôi năm 1991 khi đồng chí đi dự hội thảo khoa học ở Mỹ về. Nguyên do về cái túi cũng khá đặc biệt.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta, Giáo sư sử học Mỹ Gabriel Kolko đã viết nhiều bài phê phán cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Do đó ông bị chính quyền Mỹ trực xuất khỏi nước Mỹ. Bốn ba nước, ông vẫn tiếp tục viết nhiều bài chống cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, ủng hộ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta. Được tin Thượng tướng Trần Văn Trà qua Mỹ dự hội thảo về cuộc chiến tranh ở Việt Nam với một bản tham luận phân tích rõ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta, Giáo sư sử học Gabriel Kolko đã tự lái xe cùng vợ vượt 5.000km từ Canada trở về nước với mục đích duy nhất đến thăm Thượng tướng, bày tỏ tình cảm đặc biệt đối với nhân dân Việt Nam mà Thượng tướng là người đại diện. Nhà sử học tặng Thượng tướng cái túi xách in cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam mà ông đã mua ở Luân Đôn từ năm 1968 cùng một tập biên niên ghi phiên hiệu, thời gian, các trận đánh, số thương vong của các đơn vị viễn chinh Mỹ trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Thượng tướng cho biết nhà sử học chỉ nói những lời chúc sức khỏe đối với

Thượng tướng nhưng với hai kỷ vật trao tặng, ông muốn bày tỏ thiện cảm sâu xa đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta và sự phản đối của ông đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Cái túi xách nhỏ nhưng lại in cờ Mặt trận sản xuất tại thủ đô nước Anh, được một giáo sư Mỹ mang từ Canada về Mỹ trao tặng Thượng tướng Trần Văn Trà, và Thượng tướng từ Mỹ đưa về Việt Nam. Cái túi xách trên trở nên có ý nghĩa lịch sử lớn, tôi không có quyền giữ nó mà Tết này xin thân hành đưa về thư viện của Thượng tướng Trần Văn Trà, số 161 đường Pasteur, nơi lưu giữ nhiều tư liệu lịch sử quý.

Nguyễn Viết Tá

CHUYỆN KỂ CỦA VỢ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Hơn 50 năm sau khi cùng chồng lên chuyến tàu cuối cùng tập kết ra Bắc, bà Lê Thị Thoa - vợ của cố Thượng tướng Trần Văn Trà vẫn nhớ rõ từng chi tiết về những ngày tháng hào hùng. Bà đi tập kết như một lẽ tự nhiên: Có cha là liệt sĩ - Luật sư Lê Đình Chi và mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Tường Lân. Chồng đi chiến trường suốt nhiều năm, bà đã một mình nuôi ba con ngoan ngoãn, học hành đến nơi đến chốn, bản thân bà phấn đấu học tập lấy được bằng Phó Tiến sĩ được khoa tại Liên Xô. Lý giải động lực giúp bà vượt qua mọi khó khăn, bà nói: “Tôi phấn đấu trước hết là để xứng đáng với cha mẹ và chồng tôi”.

Những chặng đường đã qua của bà Lê Thị Thoa in đậm dấu ấn của người cha: Luật sư Lê Đình Chi, một trí thức lớn, dám từ bỏ cuộc sống giàu sang để đi theo kháng chiến. Từ năm 1948, ông đã đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Quân pháp Bộ Tư lệnh Nam Bộ, rồi Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ. Ngày 02/6/1949, ông đã hy sinh ở tuổi 37 trong một trận càn của thực dân Pháp tại Đồng Tháp Mười. Tại lễ truy điệu cha, cô bé Thoa lúc ấy chỉ mới 15 tuổi, đã lần đầu tiên gặp chàng thanh niên Trần Văn Trà hơn cô 14 tuổi. Ấn tượng đầu tiên ấy, bà nhớ lại: “Anh ấy đẹp trai, giọng nói sang sảng rất có uy”. Nhưng mối lương duyên của hai người thì phải mấy năm sau mới thành.

Năm 18 tuổi, Thoa đang công tác tại một trạm y tế, rất nhiều chàng bộ đội để mắt đến, nhưng cô chưa ưng ai. Ông Lê Đức Thọ đã tác hợp cô với Trần Văn Trà và dặn dò: “Hôn nhân là việc hệ trọng cả đời, cháu mà không nghe lời thì sẽ hối hận về sau đấy”. Thời điểm đó, Nam Bộ được chia làm hai phân khu: Miền Đông gồm các tỉnh tả ngạn và miền Tây gồm các tỉnh hữu ngạn sông Tiền. Đám cưới đã được lên kế hoạch, chú rể sẽ từ miền Đông về miền Tây gặp cô dâu, nhưng đi gần tới nơi thì bị gọi giật về tham gia một trận đánh... Gần 2 năm sau, đám cưới của họ mới được diễn ra, đúng vào mồng Một Tết năm 1954 tại Chiến khu Đ, Tây Ninh với hành trình: Cô dâu được tổ chức sắp đặt đi về hướng chú rể.

Đến nay, bà Thoa vẫn nhớ như in quà cưới do ông Phạm Hùng tặng là một lạng đường cát trắng, ông Vũ Hắc Bồng tặng một cục xà bông thơm... Đây là những vật phẩm quý giá trong bối cảnh chiến khu thiêу thốn. Ngày gả con gái, tuy có được rể như ý nhưng bà Tường Lan lại nghẹn ngào, vì người miền Đông thời điểm đó một năm có đến sáu tháng phải ăn củ mì thay cơm. Nhưng rồi chính bà là người động viên tinh thần cho con gái. Bởi ngày trước cả gia đình bà đã quyết định rời bỏ cuộc sống giàu sang ở Sài Gòn để vào chiến khu mà không hề hối tiếc.

Tháng 9/1954, bà Thoa cùng chồng lên chuyến tàu cuối tập kết ra Bắc. Hai vợ chồng mới cưới đã phải sớm tạm biệt nhau để chu toàn phần việc của mỗi người: Bà đến Thanh Hóa, ông ra Hà Nội. Những ngày ấy, bà rất cảm kích vì mọi người từ miền Nam ra đều được tổ chức cấp phát quân trang, khẩu phần ăn đầy đủ. Thời gian sau, bà về Hà Nội làm y tá tại Bệnh viện B303 (sau này đổi tên là Bệnh viện Việt - Xô), tốt nghiệp Đại học Dược năm 1965. Từ năm 1969 - 1972, bà đi nghiên cứu sinh tại Liên Xô và hoàn tất luận án Phó Tiến sĩ dược khoa tại đây. Về nước, bà tiếp tục giảng dạy bộ môn sinh hóa tại Đại học Dược. Sau năm 1975, bà đảm nhiệm vị trí Phó Viện trưởng Viện Pasteur tại Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi nghỉ hưu.

Ba đứa con ra đời từ năm 1955 - 1967 đều do một mình bà chăm sóc, nuôi dạy trong lúc chồng đi B. Ông được cử vào Nam làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Sau này, Thượng tướng Trần Văn Trà đã tâm sự: "Với chúng tôi, tình cảm riêng tư bắt nguồn từ tình cảm yêu thương những người biết xả thân vì nước. Trong những tháng năm tôi ở chiến trường, bà ấy vừa nuôi dạy con vừa công tác hết sức nhẫn耐. Đến khi tôi về hưu, bà ấy lại lo chu đáo từng miếng ăn, giấc ngủ, thuốc thang giúp tôi vượt qua bệnh tật".

Về phần bà, sau ngày chồng mất vẫn còn nguyên vẹn niềm tự hào: "Nhờ có cách mạng mà tôi mới gặp được ông ấy. Chồng tôi là một người đàn ông tuyệt vời, cả cuộc đời không làm chuyện gì có lỗi với vợ con. Hạnh phúc gia đình tôi có được cũng là từ những ngày tháng lao động trong lửa đạn. Cuộc sống hiện tại của tôi mãn nguyện bên con cháu, tôi đã trở thành bà cố ngoại. Chỉ có một điều hơi tiếc nuối là chúng tôi kết hôn 42 năm, nhưng chỉ ở với nhau được 18 năm trước khi ông mất vào năm 1996..."

Ngô Bá Nha

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ - NGUYỄN CHÃN

Ra đi theo tiếng gọi thiêng liêng,
Quyết chí lên đường xếp bút nghiên,
Sông núi truyền đi lời cứu nước,
Bác Hồ trao tặng lưỡi gươm thiêng¹.
Nỗi lòng mang nặng hồn quê Quảng,
Tâm trí mơ về xứ viễn biên,
Tống giặc hung tàn sang biển chết,
Để trời hương ngát một cõi tiên!

Ông đi theo cụ Võ Duy Dương,
Đồng Tháp xưa kia một chiến trường,
Chồng chất oan khiên còn đế lại,
Ngút ngàn căm giận vẫn sinh ươn!
Hồn thiêng sông núi chờ nhân kiệt,
Đất nước nương đồng đợi ánh dương.
Pháp xéo, Mỹ vào gieo chết chóc,
Diệm lê máy chém rắc đau thương.

Sục sôi căm giận sóng triều dâng,
Vũ khí thì không chân đất trấn.
Là tướng nghĩ gì không súng ống,
Làm dân khát vọng có đoàn quân.
Thênh thang đường biển mênh mông lối,
Lắt léo hẻm rừng rẽ dọc ngang.

1. Năm 1948, Bác Hồ trao gươm cho tướng Trà về Nam cứu nước.

Mưu mạo tướng Trà - thuyền cưỡi sóng,
Trùng dương tàu vượt chở quân trang.
Những tàu không số lướt đi nhanh,
Đến bến nơi cần cây phủ xanh.
Tấp nập tàu vào quân đón sẵn,
Vội vàng rút nhẹ, bến vắng tanh.
Triều lên, sóng lượn, buồm tung gió,
Sức cả, bờ cao, dân đấu tranh.
Nước đã xoáy tròn theo gió lốc,
Giặc như kiến đốt chạy loanh quanh.

Cướp bầy Pháp, Mỹ kéo theo nhau,
Đòn tướng tung ra tê buốt đau:
Bình Giã, Đồng Xoài vùi xác giặc,
Đồng Dù, Địa đạo thủ vàng thau.
Kế xưa cụ Khổng¹ còn tươi rói,
Mẹo mới tướng Trà lại đú sâu!
Ấp Bắc, Bàu Bàng đòn choáng váng,
Đặc công Rừng Sác, Mỹ súng đầu.

Ông cùng tướng Bẩm giăng tơ nhện,
Bát quái rối tung trận địa bày.
Giấu kín đường đi cho vũ khí,
Che quân tiến bước dưới trời mây.
Đạn to pháo lớn đang còn thiếu,
Bù Đốp, Bù Đăng lăm khí tài,
Diệt bót quân thù ông lấy súng,
Phuộc Long tướng dọn đống to gai!
Tiến về Đức Lập lên Buôn Mê,
Lấy pháo cùng tăng thêm hả hê²!
Quay hướng sang đông sau Đăk Lăk,

1. Khổng Minh - Võ Duy Dương.

2. Tướng Trà đánh Bù Đăng lấy súng lớn để đánh Phuộc Long rồi Đức Lập, được xem là cách đánh Khổng Minh.

Diệt quân bỏ chạy hết lê thê.
Điều binh khiển tướng khôn binh nghiệp,
Tư lệnh lừng danh Mỹ khó chê!
Đường đến hang cùng sau cổng thép,
Ngụy cho xác sống chạy ngô nghê.

Chiến dịch tử đòn Hồ Chí Minh,
Quân đi rầm rập bước trường chinh.
Biên Hòa cung chấn vòng Long Khánh,
Trọng pháo, xe tăng cửa án binh.
Xác Đảo¹ giơ thây thể sống chết,
Quân giăng kín cổng thủ bình sinh.
Tướng Trà điếm huyệt Dầu Giây chết.
Xuân Lộc sườn trơ giặc rối tinh.

Khổng Minh² trí tuệ diệt xe tăng
Xe khủng súng mèn quá khó khăn
Chỗ hiểm tung đòn vào xích sắt
Thể cao đỗ sập gấu nhe răng
Vòng cung che chấn nơi liên kết
Chọc gậy tung đòn chặt đứt phăng
Cửa thép bị tung lùa bão gió?
Răng lay tận gốc lợi còn chăng?

Câm gươm cứu nước đi từ bấy,
Ngào ngạt tình dân hương ướp hoa.
Hanh diện người con vùng xứ Quảng,
Vui đời binh nghiệp đất phương xa!
Trà Giang sông nước ghi ơn mẹ,
Thạch Bích non ngàn nhớ đất cha.
Nhân kiệt trao vui ngày chiến thắng,
Gươm vàng giữ lấy cho mai xa!

1. Đảo là tên tướng nguy.

2. Từ trong quân đội chỉ cách đánh xe tăng rất thông minh của tướng Trà.

“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trăng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”¹
Sĩ khí ta nghe - lời chiến thắng,
Lời van giặc thốt - nhịp trầm than!
Nhân kiệt đi qua trang sử đỏ,
Bia vàng ghi lại ánh hào quang!

Đi qua chinh chiến tóc hoàng hôn,
Muôn trượng, tầm cao, ý thắm hôn,
Đuối giặc xéo về lo nghĩ mãi:
Quê nhà người lính mẹ chờ con
Thân tàn áo bạc ngày về lại,
Con đói, vợ nghèo, mẹ héo hon,
Lòng tướng, tình quân chung thủy mãi,
Đạo đời xử thế, đức nên khôn.

Chiến tranh làm lộ tướng tài ba
Trở lại hòa bình tâm thiết tha:
Chăm sóc bạn bè xưa chiến đấu,
Đầy lòng nhân ái tim bao la
Hoàng hôn bệnh tật đời xế bóng,
Dặn lại cháu con ý mặn mà
Quyết chí dựng xây nên sự nghiệp
Chăm lo đồng đội tướng ngày qua!²

Tung vó hý vang thiên mã thăng,
Lao nhanh vun vút đến cung trăng
Không gian xanh thẳm mênh mông lối
Vần vũ trên trời thượng tướng quân.

1. Những câu thơ trong ngoặc kép là của Thượng tướng Trần Văn Trà.

2. Từ năm 2004 đến nay, con út tướng Trà Nguyễn Viết Chi - một doanh nhân thành đạt đã xây dựng 200 ngôi nhà tình nghĩa cho đồng đội của tướng và cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Ngỡ ngàng!

Người về tiên cõi, đem trống vắng
quảng nhớ thương nhiều bao trái tim.

Khó tin!

Hoa sen Đồng Tháp vội vàng mở mắt,
gọi lốc về cuộn hương ngát lướt theo.

Bàng hoàng!

Thiên Ân đổ chuông cầu nguyện người hiền,

Trà Giang sóng xô bờ lên tiếng nấc,

Thạch Bích nắng chiều vương lệ buông!

Thiên Bút mở sách vàng ghi những chiến công
người con xứ Quảng - người trung hiếu nghĩa,
nhân hậu, hiền lành, tình trai mênh mông

Nơi nghìn thu yên nghỉ tướng binh thản nhìn lại dấu xưa:

- nơi này ngày xưa Anh cả đỏ đã thành bầy quạ đen

- và kia Tia chớp nhiệt đới bị thu lôi ném xuống bùn

- bọn Kỵ binh bay, đại bàng vồ mồi gãy cánh tro thây...

dấu đã nhòa vì lúa trai mênh mông, cánh đồng xanh con gái chờ:
trở vàng khi năm tháng đủ no hương.

dấu đã mờ vì dây điện chằng như mạng nhện

công trình mọc lên như nấm

đường mòn Hồ Chí Minh thành đại lộ

biển của ta tự do, thênh thang rộng lối đi về...

Tướng cười thả niềm vui hả hê

và chau mày vì bệnh viện chưa thấy!

Tôn Thanh Quang

(*Tập thơ Lời thời gian*)

GỬI HƯƠNG CHO ĐỜI*

Âm hưởng của mùa xuân đã bắt đầu phảng phất giữa không gian. Những bông hoa nhỏ xíu và trắng muốt như ngọc đã nở trên tán lá của cây mai chiếu thủy cổ thụ. Một mùi hương đặc biệt của nó đang lan tỏa đâu đây. Mùi hương không thể nhầm lẫn với bất cứ loài hoa nào khác. Ta phải tinh ý mới nhận ra nó. Gió lồng lộng thổi lên cao, cuốn đi những lớp lá vàng và để lại những lớp lá xanh mướt trên vòm cây. Trời đất đang buổi giao mùa. Thời điểm giao thoa của quá khứ và hiện tại, của hồi tưởng và tương lai... Ngôi ngầm khung cảnh tại nhà của cố Thượng tướng Trần Văn Trà, lòng tôi không khỏi bồi hồi. Đã được nghe nhiều về mối tình của cố Thượng tướng, nhưng hôm nay nghe chính bà Lê Thị Thoa kể lại, tôi mới thấu hiểu câu chuyện đẹp đẽ đó.

“Trong một trận càn ở vùng Đồng Tháp Mười năm 1949 (bà Thoa trầm tư kể lại) thực dân Pháp đã giết hại cha của tôi (Lê Đình Chi - lúc đó là Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ) và em gái tôi (Lê Hồng Phấn), hai người đang trên đường đi công tác. Đã có thời gian cùng công tác và là chỗ thân quen, nên khi nghe tin đau buồn đó, anh Trà đến viếng cha và em gái tôi, chia buồn về sự mất mát cùng gia đình. Tôi cũng không hiểu vì sao anh Trà lại để ý đến tôi ngay từ buổi đó. Cổ nhân có câu: Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Quả đúng như vậy. Sau này có người hỏi anh Trà: Vì sao anh lại chỉ để ý đến chị Thoa mà thôi? Anh Trà đã không đắn đo và trả lời: “Không biết từ khi nào, hai bên đã có cảm tình đối với nhau. Phải chăng, nó bắt nguồn từ tình cảm chung yêu thương của những người biết xả thân vì đất nước”. Sau buổi đó chia tay, anh Trà lên Chiến khu Đ, còn tôi ở lại tiếp tục học xong lớp y tá và công tác tại Ban Dân y viện Nam Bộ. Ở rừng Chiến khu Đ, các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng và Lê Đức Thọ luôn hỏi anh Trà: Vì sao không lấy vợ? Anh cũng thổ lộ tâm sự của mình: Vì lấy vợ, không thể chuyên tâm vào công tác được. Mai sau, đồng chí Lê Đức Thọ nhiều lần dò hỏi thì anh mới nói: “Không biết con gái ông Lê Đình Chi dạo này ra sao?””.

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, Xuân Định Sửu, 1997.

Mải chuyện, bà Thoa bỗng ngừng lại và lật đật đi pha nước mời khách. Ngoài sân, nắng sớm đã chênh chêch hiên nhà. Cây khế trong chậu cảnh đang đong đưa chùm quả nặng trĩu. Có trái đã ươm vàng, mọng căng. Tất cả những cây ở nơi đây, đều do một tay Thượng tướng trồng. Giờ đây đã có cây đơm bông, kết trái, mùa xuân đang về nhưng ông không còn được tận mắt chứng kiến kết quả công sức của mình. Chuyện tình của hai người vẫn xanh như màu xanh của lá cây trong vườn kia. Từ ngày ông nằm xuống, tuần nào cũng vậy, bà cùng con cháu lên thăm mộ và nhang khói cho vong linh của ông. Hắn là họ xa nhau về thể xác, nhưng vẫn bên nhau về tâm tưởng.

“Năm được ý định của anh Trà, đồng chí Lê Đức Thọ (cha đỡ đầu của tôi) liền tìm cách liên lạc và nhắn tin cho tôi hay là: Muốn gả tôi cho anh Trà. Quả thật, lúc đó tôi cũng băn khoăn và đã định từ chối. Nhưng sau đó, có một bác vừa là chỗ thân tình của gia đình tôi, vừa là chỗ quen biết của anh Trà có ý vun vào, nên hằng ngày bác khuyên nhủ và động viên tôi. Nhất là khi được xem ảnh của anh Trà, tôi thấy anh cũng đẹp trai, có phong cách của một người đàn ông... Con gái thời đó mà, kháng chiến gian khổ nhưng chất lạng mạn vẫn đầy ắp tâm hồn. Bấy nhiêu... cũng làm trái tim tôi rung động và xiêu lòng. Gặp nhau một lần, băng đi một thời gian... Năm năm sau, nối lại một mối tình. Các đồng chí lãnh đạo bố trí cho anh Trà đi về miền Tây vừa họp vừa để gặp mặt và tìm hiểu tôi. Nếu hai bên tâm đầu ý hợp thì sẽ đưa tôi lên miền Đông để làm đám cưới. Nhưng khi anh Trà đi được nửa chừng, thì có điện gọi quay trở lại gấp, nên chúng tôi không gặp nhau ở dưới Khu 9 được. Tưởng rằng mọi chuyện sẽ phải chờ đợi lâu mới xe được mối tơ hồng. Nhưng ngay sau đó, người của đồng chí Mai Chí Thọ đã xuống đón tôi và mẹ tôi lên miền Đông. Cuộc sống ở rừng kháng chiến lúc đó kham khổ lắm. Có một cháu trai (con của hai vợ chồng đồng chí trong cơ quan) lên 5 tuổi, khi nhìn thấy tôi cầm gói đường cát (khoảng 200g - do anh em gom góp nhau lại tặng cô dâu chú rể) ánh mắt của nó thèm thuồng làm tôi không sao cầm lòng được. Tôi cho nó một muỗng. Nó ăn ngon lành như ăn miếng đào tiên vậy. Đám cưới của chúng tôi tổ chức hết sức đơn giản. Căn nhà lợp lá, trên là gác cây dành cho đêm tân hôn, dưới là bàn chủ tọa cũng đóng bằng bốn chiếc cọc, mặt bàn là tấm đan lô ô. Đồng chí Phạm Hùng đứng ra đại diện dàn trai, mẹ tôi đại diện dàn gái. Trưởng ban tổ chức tuyên bố lý do xong, mọi người ca hát vui mừng. Hoa của cô dâu toàn là hoa rừng. Gặp hoa gì anh em hái về tặng tôi hoa đó. Nhưng tôi lại cảm thấy đó là hạnh phúc vô biên của đời mình. Phải chăng vì thế mà trên đường ra trận ở miền Đông, anh Trà thường chọn các cành hoa phong lan gửi ra tặng tôi. Buổi tối, bên ánh lửa bập bùng, giữa rừng cây đang thay lá, tất cả nắm tay nhau vừa múa vừa ca, bài hát có lời: Dân Liên Xô vui hát trên đồng quê... Ngày hôm đó,

đúng mồng Một Tết Giáp Ngọ, năm 1954. Suốt đời tôi không bao giờ quên được buổi đầu xuân năm ấy”.

“Bốn mươi hai năm nêu nghĩa vợ chồng. Nhưng thời gian tôi và anh Trà gặp nhau chưa đầy 20 năm. Suốt ngần ấy năm trời, tôi có thể nói một lời: Anh là một con người nhất mực thủy chung với vợ, với con. Tôi chưa bao giờ và không khi nào phải nghe bất cứ chuyện dị nghị về tình cảm nào khác của anh....”.

Bà Thoa kết thúc câu chuyện một cách tự hào như vậy về người chồng quá cố của mình. Trước khi ra về, tôi đứng ngắm chậu phong lan hồ điệp đang trổ một vòi bông dài. Mươi ngày nữa, hơn chục nụ hoa kia sẽ nở, đón chào mùa xuân. Nhưng hình như nó đang cảm thấy cô đơn, vì chủ nhân của nó đã đi xa.

Nguyễn Hoài Nam

NHỚ NGÀY GIỖ ĐẦU ANH BA TRÀ

Mới đây mà đã một năm rồi
Thương nhớ lòng tôi luống bối hồi
Dẫu biết rằng anh không còn nữa
Mà sao như mới gặp đây thôi

Bởi lẽ thiêng liêng một cuộc đời
Xả thân cho nước được xanh tươi
Lòng dân ghi tạc hơn bia đá
Vạn kiếp tồn sau mãi sáng ngời.

Trần Hiệp cẩn bút

NHƯ VĂN CÓ ANH*

Vậy là Thượng tướng Trần Văn Trà - anh Ba Trà, Tư Chi - đã vĩnh biệt chúng ta vừa tròn một năm. Dù đã ra đi, nhưng những hình ảnh gần gũi, thân thương của vị dũng tướng tài ba năm nào vẫn còn đọng lại sâu sắc trong mỗi trái tim, ký ức của bạn bè, đồng đội, nhất là những đồng chí một thời đã từng đồng cam cộng khổ, sống và chiến đấu với Thượng tướng Trần Văn Trà trong những năm tháng đất nước còn khói lửa chiến tranh.

Đối với Thiếu tướng Tô Ký, ông vẫn còn nhớ như in hình ảnh người cộng sản trung kiên vừa thoát khỏi nhà tù thực dân ngày 24/8/1945 đã lao vào cuộc trường chinh kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ những ngày đầu khó khăn phức tạp. Sau ngày 23/9/1945, giặc Pháp đánh lấn ra vùng ven Thành phố và các tỉnh. Xứ ủy dời về Tân Túc. Anh Ba Trà vẫn ở lại miền Đông chiến đấu. Bốn sư đoàn “dân quân cách mạng” là những tổ chức vũ trang phức tạp, chỉ huy là những thành phần cơ hội, binh sĩ thì ra sức những nhiễu nhân dân, cướp bóc vũ khí của những người Việt Minh. Trước tình hình đó, anh Ba bàn bạc với Xứ ủy Giải phóng và Tỉnh ủy Gia Định nhất trí phải thành lập và trực tiếp nắm lực lượng vũ trang mới bảo vệ được chính quyền cách mạng. Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa ra đời. Đây là lực lượng vũ trang đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ do Đảng tổ chức, lãnh đạo ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến.

Sau năm 1946, anh được Đảng phân công về làm Tư lệnh Khu 8, đóng ở Đồng Tháp Mười. Hình ảnh vị Tư lệnh qua lời kể của đồng chí Đại tá Nguyễn Văn Tòng - Chính ủy Sư đoàn 9 thời chống Mỹ cũng hết sức lãng mạn: Lần đầu tiên tôi từ chiến trường về, gấp Tư lệnh vào một buổi chiều, đang đứng một mình bên bờ kênh xanh lộng gió, anh mặc bộ bà ba lụa màu đen, nước da trắng hồng, mái tóc bay bay, trông rất thư sinh, trẻ trung. Nếu không nghe nói trước, cứ ngỡ là một

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, số 24, tháng 4/1997.

thi sĩ đang đi tìm ý thơ chứ không phải là một vị Tư lệnh đang chỉ huy một chiến trường dầu sôi lửa bỏng.

Ở Khu 8, anh Ba đã trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy nhiều trận đánh vang dội như Giồng Dứa, Cổ Cò, Mộc Hóa, La Bang..., làm cho quân thù nhiều phen khiếp sợ. Trận Giồng Dứa, anh cùng bộ đội xung phong lên tận mặt đường (Quốc lộ 1) để chỉ huy truy kích địch. Có chi tiết vui: Mặc dù được làm việc nhiều năm với anh Ba, nhưng đồng chí Nguyễn Văn Tòng chưa bao giờ bị... rầy. Bởi vì, mỗi lần mắng khuyết điểm là đồng chí Nguyễn Văn Tòng thành khẩn... nhận khuyết điểm trước. Anh Ba là người thủ trưởng bao dung, độ lượng, biết thông cảm và chia sẻ những khó khăn của cấp dưới, mặc dù anh rất nóng tính.

Với đồng chí Nguyễn Văn Quảng - Thủ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - tuy gặp Thượng tướng Trần Văn Trà có “muộn” hơn, đó là lần tiến anh một đoạn đường từ Chiến khu Đ về Long Thành để ra chiến khu Việt Bắc, nhưng kỷ niệm với anh Ba phải kể đến cái Tết năm 1952. Năm ấy, anh Ba là Tư lệnh Phân liên khu miền Đông. Tháng 02/1952, địch tập trung quân về Dầu Tiếng, dự định mở cuộc càn Nhà Lá (Campagne Chaumère) hòng bao vây chiến khu Dương Minh Châu, tiêu diệt đầu não của ta. Trước tình hình hết sức khó khăn, anh Ba đã giao nhiệm vụ cho phân đội trinh sát đặc công của đồng chí Nguyễn Văn Quảng: “Cứ vừa đi trinh sát thực địa, vừa nghiên cứu cách đánh ắt sẽ có phương án giải quyết, hoàn thành nhiệm vụ mới được trở về!”. Sau 2 ngày 1 đêm điều nghiên, phân đội trinh sát đã tấn công bằng bộc phá vào sở chỉ huy của địch, gây thiệt hại nặng nề ngay tại sào huyệt, buộc chúng phải lui quân, từ bỏ ý định tấn công vào chiến khu Dương Minh Châu. Đoàn quân thắng trận trở về không một ai thương vong, được Bộ Tư lệnh hết sức khen ngợi và thưởng... một con gà ăn Tết. Có thể nói, chính nhờ anh Ba am hiểu, sâu sát chiến trường có lòng tin sâu sắc vào cán bộ, chiến sĩ của mình nên mới có những quyết định thông minh, táo bạo và mạnh dạn giao nhiệm vụ cho cấp dưới, chỉ cho cách đánh mà anh em tự tin chiến đấu thắng lợi.

Sau năm 1954, anh tập kết ra Bắc, giữ cương vị Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam, được phân công trực tiếp chỉ đạo, tổ chức chi viện người và vũ khí về Nam bằng cả đường bộ lẫn đường biển. Khi về Nam, cuối năm 1963, dù được giao trọng trách chỉ huy cao nhất ở chiến trường trọng điểm, anh vẫn luôn có mặt ở những nơi nóng bỏng ác liệt nhất.

Có lần, anh Ba đã cùng với đồng chí Thượng tướng Hoàng Cầm - Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9 đầu tiên - đi xe đạp theo đường thô từ chiến khu Dương Minh Châu về tận Long Nguyên để đôn đốc, theo dõi, chỉ huy chiến dịch Bàu Bàng (tháng 11/1965).

Chiến dịch này ta chủ động đánh phủ đầu quân địch với quy mô lớn và đã thắng lợi. Qua đó, khẳng định thêm ý tưởng của anh Ba về vấn đề cần phải xây dựng quân chủ lực, mở những chiến dịch lớn, thực hiện những quả đấm mạnh... mà nhiều người lúc ấy vẫn chưa thống nhất. Sau chiến thắng Bàu Bàng trở về, căn cứ bị bom B52 “dọn” sạch, vậy là anh Ba cùng với đồng chí Hoàng Cầm lại phải thêm một đêm dầm mưa cuốc bộ cho đến sáng mới tới được cơ quan, dọc đường anh Ba nói chuyện trao đổi vui vẻ quên nỗi nhọc nhằn. Đây cũng là một kỷ niệm đẹp của Thượng tướng Hoàng Cầm.

Đặc biệt, hình ảnh vị Tư lệnh Miền xông xáo, có mặt ở những nơi nguy hiểm trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968 - theo lời Đại tá Tạ Minh Khâm - thì không thể nào quên. Trong những ngày chiến sự diễn ra ác liệt, đích thân anh Ba từ chiến khu Dương Minh Châu theo đường giao liên đến tận An Ninh, Lộc Giang (Đức Hòa) rồi đi thẳng về Bình Mỹ, phía nam sông Rạch Tra, nơi Sở Chỉ huy tiền phương Sư 9 đứng chân, cách Sài Gòn 10km. Dọc đường đi cũng như những ngày bám trụ ngay tại cửa ngõ Sài Gòn, nơi địch không tiếc đạn bom dội xuống ngày đêm, nhiều lần anh may mắn thoát chết trong gang tấc. Nhờ vậy, anh nắm chắc được tình hình, chỉ đạo tiếp cuộc tổng tiến công và nổi dậy ngay tại hang ổ đầu não của Mỹ - ngụy.

Những năm cuối đời, anh tham gia vào Hội Cựu chiến binh Việt Nam với cương vị Phó Chủ tịch Trung ương Hội kiêm Chủ tịch Thành hội Thành phố Hồ Chí Minh. Nhân dịp Tết Bính Tý năm 1996, cơ quan tổ chức đoàn đi thăm, tặng quà và chúc Tết các cán bộ cách mạng lão thành, gia đình thương binh liệt sĩ, anh đề nghị cho anh cùng đi, cô Hồ Thị Bi góp ý: “Hôm nay thấy anh không được khỏe (vì mới đi chữa bệnh về), thôi thì để tụi tui đại diện cũng được!”. Nghe vậy anh liền nói: “Cứ để tôi đi, biết đâu sang năm tôi không đi được, trước là đi chúc Tết, sau là thăm lại bạn bè đồng đội cho có trước có sau, khỏi phải ân hận!”. Và đó là cái Tết cuối cùng của Thượng tướng Trần Văn Trà để lại cho chúng ta hình ảnh của một cán bộ lãnh đạo, chỉ huy nghĩa tình, thủy chung son sắt, suốt đời vì nước, vì dân.

Phan Gia Hoài

KỶ NIỆM VỚI THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Tôi được quen biết anh Nguyễn Chấn, với danh xưng Thượng tướng Trần Văn Trà, lúc anh đảm nhận trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định sau ngày 30/4/1975.

Và tôi lại trở thành thân quen với anh khi được biết anh là học trò cũ của nhạc phụ tôi (đồng thời cũng là thầy học của tôi), và anh cũng là cố vấn Ban Liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Ngãi tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi ra Huế học Trường Kỹ nghệ thực hành và tham gia cách mạng, anh là học sinh Trường Tiểu học Quảng Ngãi - trường tiểu học duy nhất trong toàn tỉnh lúc bấy giờ.

Trong công cuộc kháng chiến trường kỳ 30 năm chống Pháp và chống Mỹ, ai ai cũng biết anh là một vị tướng tài ba, mưu lược, có công lớn trong lãnh đạo chỉ huy chiến đấu giành độc lập, thống nhất đất nước. Điều này đã được công luận ghi công, tôi xin không nói thêm nữa.

* * *

Sau khi nhận trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định, anh được biết là thầy giáo dạy mình ở trường tiểu học năm xưa đang sinh sống tại Thành phố. Thế là vị Thượng tướng ăn mặc giản dị tìm đến thăm thầy và cô. Ôi! Cuộc gặp gỡ thật là vô cùng cảm động! Anh ôm hôn thầy thiết, hỏi han sức khỏe, gia đình, cuộc sống của thầy cô. Quà tặng lưu niệm chỉ là hình thức, song tấm lòng tôn sư trọng đạo của anh, mối thâm tình của anh đối với thầy cô làm cho chúng tôi vô cùng cảm động và mến phục anh.

Anh kể lại thời đi học, anh được thầy thương, được làm những việc như cộng sổ điểm cuối tuần, thu vở tập bạn học đưa về nhà thầy... và khi đến nhà thầy, anh được cô cho ăn đường dẻo bánh tráng, uống nước chè hai... Cuộc gặp sau hơn 40 năm thật là cảm động!

Sau đó, dù bận trăm công nghìn việc, anh vẫn thường đến thăm sức khỏe thầy cô.

Tôi được biết, năm 1990, anh đã cùng mấy bạn đồng học là anh Nguyễn Văn Khánh (thường gọi là Khánh Cao) - đạo diễn sân khấu, và anh Nguyễn Viết Lãm - nhà thơ từ Hải Phòng vào, đến thăm thầy, vấn an và bày tỏ lòng biết ơn công giáo dục của thầy, không chỉ có học vấn mà còn cả về đạo đức làm người.

Nhân dịp này, thầy làm tặng các anh bài thơ *Mừng học trò cũ đến thăm thầy*:

*Viết Lãm, Văn Trà với Khánh Cao,
Ba người trò cũ, bạn tâm giao.
Thăm thầy, cùng rủ chung đi đến,
Nghĩa cũ, tình nồng quý xiết bao!
Việc nước, người tài theo chí hướng,
Quân cơ, kẻ dũng luyện binh đao.
Thầy mừng tuổi trẻ cao tài đức,
Lập được danh thơm, chí khí hào.*

Và năm 1991, nhân dịp mừng lễ Thượng thọ 90 năm của thầy, anh lại đến dự với tư cách là học trò cũ và tặng thầy bức tranh sơn mài với hai câu đối đề tặng:

*Chín chục xuân dư ơn đức Cẩm Thành còn trọn vẹn
Trăm nghìn hoa trổ nghĩa tình Bến Nghé lại thêm sâu.*

Anh đã thay mặt các thế hệ học trò của thầy nói lên những tình cảm đậm đà, lòng tri ân và kính chúc thầy cô trường thọ. Mọi người dự lễ đều vô cùng cảm kích về một vị tướng tài ba mà vô cùng giản dị với tấm lòng tôn sư trọng đạo, một truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam.

Khi thầy học từ trần, đang lâm bệnh nặng phải nằm điều trị trong bệnh viện, anh cũng bảo chị đến viếng thầy. Thật là đáng quý mối tình thầy trò buổi ấu thơ!

Và mỗi năm, nhân ngày giỗ của thầy, anh thường đến nhà cô thắp cho thầy nén hương tỏ lòng biết ơn sâu sắc. Có dịp, anh cũng đến thăm cô với chút ít quà. Thật tôi không nói được gì hơn về mối tình thầy trò này!

Và để tỏ lòng ghi ơn thầy và để khuyến khích việc học của con em tỉnh nhà, anh đã cùng các bạn học các lớp trước, sau và cùng với gia đình con cháu của thầy thành lập “Quỹ học bổng Nguyễn Tấn Đức” cấp học bổng cho học sinh trung học cơ sở ở tỉnh Quảng Ngãi. Anh là người sáng lập đồng thời cũng là người đóng góp nhiều nhất vào quỹ. Quỹ này được các thành viên đóng góp một lần và có bổ sung, chỉ sử dụng khoản lợi tức để cấp học bổng nên được duy trì lâu dài.

Trong 2 năm qua, Quỹ học bổng Nguyễn Tấn Đức đã cấp được 32 học bổng, và năm nay (1997) sẽ cấp tiếp 20 học bổng nữa.

* * *

Không những tài ba đức độ, tôn sư trọng đạo, anh Trà còn là một người dát dào tình cảm quê hương. Mặc dù xa quê đã lâu, lòng anh vẫn luôn hướng về quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, với mồ mả tổ tiên, với núi Ân sông Trà. Anh thường xuyên về thăm quê hương, bà con thân thuộc và bạn bè thời thơ ấu. Đối với ai, anh cũng quý mến, ân cần.

Tôi còn ghi nhớ, khi xảy ra cơn lốc gây thiệt hại người và của ở Bình Sơn, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), đang nằm trong bệnh viện, anh đã bảo chị đến đóng góp vào quỹ cứu trợ. Ôi! Thật đáng quý tấm lòng đổi với quê hương!

Và, mặc dù bận nhiều việc và sức khỏe bị giảm sút, nhưng anh vẫn nhận nhiệm vụ cố vấn Ban Liên lạc đồng hương tỉnh, thường xuyên tham gia các cuộc họp của Ban Liên lạc cũng như các cuộc họp mặt của đồng hương. Sự có mặt của anh trong các cuộc họp mặt là một sự cổ vũ mọi người thắt chặt tình cảm quê hương, cùng giúp nhau vượt mọi khó khăn xây dựng cuộc sống xa quê, an cư lạc nghiệp.

* * *

Anh là người Việt Nam yêu nước, yêu quê hương cũng vừa là người yêu hoa.

Mỗi khi đến chơi nhà tôi, anh rất thích một chậu lan dendrobium tím hoa cà có sọc. Tôi hứa sẽ tặng anh một chậu. Và mấy ngày trước khi anh đi Xingapo kiểm tra sức khỏe (và từ trần ở đó), tôi đem đến tặng anh chậu lan với 2 cành hoa rất đẹp. Anh rất thích thú và bàn với tôi mấy việc, hẹn ngày về anh em sẽ thực hiện.

Thế mà anh lại ra đi vĩnh viễn, không bao giờ trở về. Biết ý anh, chị chăm bón chậu lan chu đáo, lan trổ bông và được đặt nơi thờ anh.

Nay anh mất đi, để lại cho chúng tôi tấm gương sáng chói về một vị tướng tài ba, đức độ, một học trò tôn sư trọng đạo, một con người dát dào tình cảm quê hương, một người yêu hoa.

Anh Chấn ơi! Anh vẫn còn hiện diện trong chúng tôi - những người cùng quê, và mãi mãi...

Bùi Bốn
Phó Trưởng ban Liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Ngãi

NHỚ NGƯỜI THÁNG TƯ

Tưởng nhớ Trần Văn Trà
Tặng chị Lê Thị Thoa

Sao anh lại ra đi trong tháng Tư,
Tháng yêu thương và đoàn tụ?
Đường phố Sài Gòn cờ bay rợp đỏ,
Điểm dừng chân sau nửa thế kỷ hy sinh.
Anh cùng đồng đội của mình
Kết thúc cuộc trường chinh vĩ đại.
Ngày ấy nụ cười anh sáng rõ
Trên khuôn mặt thư sinh khói lửa chẳng phai mờ.
Những đường phố này, từ những ngày xưa,
Anh chia sẻ nỗi đau cùng đất nước
Để đi đến tháng Tư hằng mơ ước,
Hai tháng Tư rồi sao lại vắng anh?
Người anh hùng, người bạn của nhân dân
Đã vĩnh biệt bao người thân quá sớm.
Thoa¹ của anh, những đêm dài thức trắng
Thấu nỗi đau quá sức chịu riêng mình.
Bạn cũ ngày thơ nhắc mãi tên anh
Mỗi lần tháng Tư trở lại.

Ôi tháng Tư nhớ thương, tháng Tư sống mãi,
Nhớ người tháng Tư ngày ấy đã đi xa!

4/1998

Nguyễn Viết Lãm

1. Chị Lê Thị Thoa - phu nhân của cố Thượng tướng Trần Văn Trà.

VÔ CÙNG XÚC CẢM SAU KHI VIẾNG MỘ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Nhớ ông xưa, từ mảnh đất miền Đông,
30 năm ra đi kháng chiến,
khi “trở về” lại nằm vùng đất thép miền Đông.
Cháu Hồng, cháu Chi, các cháu có người cha
Tuyệt vời ý chí, trung với Đảng, hiếu với dân,
nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua,
kẻ thù nào cũng đánh thắng.
Lược thao tháo vát, vẫn vô kiêm toàn.
Chiến dịch Bình Giả quân Mỹ - Sài Gòn tan tác,
Trận Đồng Xoài, lính ngụy bỏ thây.
Trận Phước Long quân Sài Gòn rút chạy.
Chiến dịch Hồ Chí Minh, với tư cách Phó Tư lệnh
Quân giải phóng miền Nam cùng với đại quân tiến vào Thành phố, nhà cửa
lâu đài không một viên gạch vỡ, chỉ thấy cờ bay và những nụ cười.
Nhìn ngôi mộ, nắng mưa tro suôn đá,
dãi dầu năm tháng, gió, sương phơi.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân đến bên bàn thờ, thấp nén hương tiễn biệt, phu nhân cố Thượng tướng đọc lời điếu, mỗi dòng chữ chan hòa tình thương yêu nghẹn ngào nước mắt. Bà còn đọc nguyên văn bài thơ tâm huyết của người. Tôi không nhớ bài thơ đầy đủ, chỉ còn ghi:

“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san”.

Xin vĩnh biệt Thủ trưởng Tư Chi, tên gọi của ông hồi đánh Mỹ. Nhớ ông khi xưa, ba lần làm Tư lệnh, một lần làm Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định.

Nhớ ông tính tình đôn hậu, thương cán, yêu quân.

Sư đoàn 9 và các phân khu một lòng phục uy tướng lệnh, nay nhìn ngôi mộ, dãi dầu mưa gió nắng sương phơi.

Xin nhận cho tấm lòng người lính bao tháng năm chiến đấu sát bên người.

Lê Phải

Nguyên Phó Chính ủy Phân khu 2 năm 1968

TƯỞNG NHỚ ANH TRẦN VĂN TRÀ

Gặp anh thuở ấy - mái trường xưa
Chăm học, ham làm cả sớm trưa.
Văn thể hăng say, người khỏe mạnh
Hợp bàn tranh đấu mãi không vừa.

Tình yêu đất nước sáng long lanh
Bạn mến, thầy khen sớm trưởng thành.
Tổ chức đưa anh gia nhập Đảng
Vừa tròn mươi chín, tuổi xuân xanh.

Ở trường rèn luyện lắm gian lao
Chuẩn bị hành trang, chí dạt dào,
Kỹ thuật tinh thông, lòng nghĩa khí
Đủ lông, vững cánh, vút bay cao.

Vào đời hoạt động, sóng ba đào,
Giặc Pháp truy lùng khá gắt gao,
Xiêng xích hai lần không khuất phục
Ra tù, lại đến với phong trào.

Kháng chiến nguy nan vẫn một lòng
Vào sinh ra tử, cảnh long đong,
Thân tình đồng đội cùng chung sức
Đánh gục quân thù, lắm chiến công.

Anh là danh tướng thật tài ba
Trung hiếu song toàn, dạ thiết tha.
Dám quyết quên mình lo phụng sự
Tận cùng hơi thở - phải đi xa.

Bè bạn, gia đình mãi ngóng trông
Tin đâu đột ngột quá đau lòng.
Anh đi, để lại nhiều thương tiếc
Muôn thuở danh lừng với núi sông.

Hoàng Thúc Tâm
Ban Liên lạc Cựu giáo viên - Học sinh Kỹ nghệ Huế
tại Thành phố Hồ Chí Minh

VIẾNG MỘ TRẦN VĂN TRÀ

*Tặng chị Lê Thị Thoa,
phu nhân cố Thượng tướng Trần Văn Trà*

Bia mộ anh không có mái che,
Như đời anh một thời oanh liệt,
Đầu đội trời, chân đạp đất,
Chỉ nghe đất ấm dưới chân
Và nhận cả hồn trời xanh biếc!

Từ Tư Cung Quảng Ngãi kiên trung.
Anh gửi lại trái tim nồng
Trong lòng đất thân yêu Nam Bộ
Như người đồng hương tiên bối.
Trương Định, nguyên soái Bình Tây,
Cũng gửi thân trên mảnh đất này!

Tôi theo chị về thăm anh,
Nghĩa trang những người anh hùng.
Cỏ non tơ thầm thì im lặng,
Trưa vàng thu trải nắng
Dịu hiền như đôi mắt chị nhớ thương anh
Tôi lặng lẽ bước theo.
Kính cẩn nghiêng mình.

Nguyễn Viết Lãm

MỘT NGÀN NGÀY TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ RA ĐI...

Ngày 20/4/1996, một tin đột ngột từ Xingapo đưa về làm bàng hoàng hết thảy mọi người: “Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần”.

Dầu tháng tư, anh sang bên ấy để kiểm tra bệnh tim, nhưng mục đích chính của chuyến đi là để tiến hành thảo luận với đối tác nước ngoài về việc thành lập một bệnh viện quốc tế chuyên về tim.

Mấy năm qua, hai lần anh bị nhồi máu cơ tim, được đưa sang chữa tại Bệnh viện Elizabeth ở Xingapo. Với kết quả khả quan của mình, anh thường nghĩ đến các bạn bè đồng chí, các bậc lão thành, anh em cựu chiến binh, nhiều người mắc bệnh như anh nhưng không có phương tiện chữa trị. Nếu có một bệnh viện về tim với máy móc hiện đại, có trình độ chuyên khoa sâu về tim ở trong nước, chắc chắn sẽ cứu được nhiều người.

Anh ấp ú mong muốn ấy trong nhiều năm. Ở trong nước, anh đã gặp các đồng chí lãnh đạo để đề đạt ý kiến. Ra nước ngoài nhiều lần, anh đã tìm được đối tác, có một tập đoàn ở Xingapo đồng ý xây dựng một bệnh viện quốc tế như ý anh mong muốn.

Thành công gần năm được trong tay, anh phấn khởi lao vào làm việc suốt một tuần mà quên đi sức khỏe của mình không cho phép, dẫn đến sự ra đi vĩnh viễn của anh!...

Chúng tôi là những chiến sĩ dưới quyền anh. Lúc nào anh cũng là người chỉ huy cao nhất và hết sức tin yêu, lúc anh là Tư lệnh Khu 7, sau Trung tướng Nguyễn Bình, lúc anh là Tư lệnh kiêm Chính ủy Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, lúc là Tư lệnh Phân liên khu miền Đông Nam Bộ. Chúng tôi là những chiến sĩ giữa chốn trận tiễn, đó là nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định.

Anh là một tướng lĩnh tài ba, đầy lòng nhân ái, có tầm nhìn chiến lược, luôn có mặt ở nơi đầu sóng ngọn gió, xông pha trận mạc, chia sẻ ngọt bùi cùng anh em đồng đội.

Lần đầu gặp anh, chúng tôi ngỡ ngàng đến sững sốt về phong cách sống, về sự giản dị, sự ân cần chăm sóc chiến sĩ dưới quyền mình. Anh có vẻ như một thư sinh, một thi sĩ hơn là một dũng tướng!

Vậy mà những câu chuyện về cuộc đời anh có thể lấp kín một tập sách dày.

Anh xuất thân trong một gia đình nghèo ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Cha làm thợ xây. Nhà không có ruộng, mẹ đói vải bán rong để nuôi con ăn học, lòng mong muôn con cái thành người.

Năm 1930, phong trào cách mạng lên cao. Ở xã, dân chúng biểu tình chống bắt phu, cha anh thường tham gia. Còn anh, lúc đó được 11 tuổi, đã theo các anh lớn đi chép truyền đơn, dán truyền đơn. Khi ra Huế học Trường Kỹ nghệ thực hành, anh tham gia phong trào sinh viên - thanh niên dân chủ. Năm 1938, anh được kết nạp vào Đảng, lúc ấy mới 19 tuổi. Địch đánh hơi, quản chế anh không cho đi lại, lúc tốt nghiệp không phát bằng. Năm 1939, anh trốn vào Sài Gòn trong vai thợ tiện để hoạt động, được giới thiệu với Thành ủy. Chưa được một năm lại bị địch bắt đưa về nhà lao ở Huế. Tại đây, anh gặp nhiều đồng chí trong chi bộ ở Huế như Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu. Bị giam 6 tháng, vì không đủ bằng chứng kết án, chúng đưa anh về quản thúc ở Quảng Ngãi. Anh lại trốn vào Sài Gòn làm báo Giải phóng cho Xứ ủy và Kỳ bộ Việt Minh. Để có trình độ in tốt, anh đã giả làm thương gia đến xin mua nhà máy in của Nguyễn Văn Viết¹. Ở đó anh gặp một công nhân có trình độ kỹ thuật cao. Anh học được nghề in. Năm 1944, anh lại bị bắt, có đủ bằng chứng nên chúng tra tấn anh rất dã man. Khi tra tấn, tên mật thám nói: Nếu mà có chút dũng khí của Trần Phú thì tao mới phục. Không ngờ câu nói ấy càng động viên anh chịu đựng nhục hình. Bị giam vào Khám Lớn. Tại đây, anh gặp và giác ngộ được một số anh em thường phạm, vốn là du đảng, trở thành những chiến sĩ cộng sản trung kiên sau này.

Năm 1945, vừa ra tù, anh tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ngày 25/8/1945. Ngày 23/9/1945, chính quyền non trẻ bị uy hiếp, giặc Pháp núp dưới bóng quân đội Anh tấn công tái chiếm Sài Gòn. Anh cùng một số anh em thành lập Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, anh là Chính ủy. Bộ đội của anh chiến đấu vùng ven đô. Mặt trận từ Cầu Bông qua Bà Chiểu về Gò Vấp, Hóc Môn, bao vây phong tỏa kinh tế địch, giải quyết nhiều vấn đề bức xúc lúc bấy giờ. Có nhiều người cơ hội nhảy ra lập bộ đội rồi thành những đơn vị quân phiệt quấy nhiễu,

1. Theo hồi ký của Thượng tướng Trần Văn Trà thì lúc bấy giờ ông già làm sinh viên Trường Mỹ thuật Hà Nội, người Đà Nẵng, sinh ra trong gia đình khá giả, có một nhà in litô, nhưng in không được đẹp nên muốn vào tham quan để học tập kinh nghiệm (B.T).

làm càn làm quấy. Anh là một đảng viên, lại có trí dũng khéo đưa đường lối đúng đắn của Đảng vào lực lượng vũ trang non trẻ này.

Đầu năm 1946, tướng Nguyễn Bình vào Nam theo lệnh của Bộ Tổng Tham mưu và Bác Hồ, để tập hợp các lực lượng vũ trang miền Đông. Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, Trần Văn Trà đã tỏ ra là một chỉ huy trẻ có nhiều uy tín, chỉ huy một đơn vị bộ đội lớn mạnh nhiều thanh thế, cùng các anh Tô Ký ủng hộ tích cực, để tướng Bình hoàn thành nhiệm vụ. Cuộc họp quân sự cấp cao được tổ chức tại Bình Hòa Nam, bên sông Vàm Cỏ Đông để thành lập các khu 7, 8, 9. Anh Trà được anh Ba Lê Duẩn cử về cung cố Khu 8. Với hai bàn tay trắng, anh vội vã về Khu 8 với vài người. Anh Ba Tô Ký tổ chức hai đại đội đầy đủ vũ khí cùng theo anh. Lúc bấy giờ vũ khí rất quý. Sau khi chấn chỉnh xong bước đầu ở Khu 8, anh liền cho hai đại đội trở về miền Đông, lúc này đang bị địch o ép nặng. Tấm lòng của anh được các đồng chí chỉ huy và quân dân miền Đông ghi nhận.

Anh về Khu 8, lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ địa. Với kênh Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Tiếp, anh cho tạo thành một vùng bao la, an toàn tuyệt đối. Giặc Pháp muốn vào, lúc nào cũng phải huy động lực lượng lớn có thủy lục không quân yểm trợ. Nhưng lần nào chúng cũng bị đánh rơi bời. Anh cho mở Trường Quân chính Khu 8. Để kỷ niệm ngày mahn khóa, học viên trường phối hợp với bộ đội trong Khu, anh trực tiếp chỉ huy đánh trận Giồng Dứa tháng 4/1947 vang lừng. Tiếng súng áp đảo giặc chưa dứt, anh đã có mặt trên lô Đồng Dương truy kích địch... Suýt nữa ngành điện ánh nước ta mất một nhân tài. Anh Mai Lộc mặc bộ quân phục kaki vàng mới tinh, cùng anh em tổ nghiệp ánh đang nhảy lên xe địch để chụp những bức ảnh lịch sử. Người bảo vệ cho anh Trà hô lớn: "Coi chừng Tây", tay giương khẩu Mistel lên bóp cò. Anh Trà nhanh tay đẩy họng súng lên trời.

Thấy khả năng chiến đấu của các trung đoàn còn hạn chế, không phát huy được hiệu quả chiến đấu cao, anh mạnh dạn rút các cán bộ giỏi ở các đơn vị và vũ khí tốt về khu thành lập Tiểu đoàn 307, rồi đưa tất cả về huấn luyện ở Trường Quân chính Khu ở Bến Tre. Nơi đây anh đã làm lễ ra quân tiểu đoàn chủ lực khu đầu tiên.

Tiểu đoàn này trực thuộc Khu, khi chiến trường Nam Bộ phân chia thành hai phân liên khu (miền Đông và miền Tây), tiểu đoàn này trực thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Từ ngày thành lập cho đến ngày kháng chiến chống Pháp thành công rồi đi tập kết, tiểu đoàn này chưa thua một trận nào. Bài hát *Tiểu đoàn 307* còn vang mãi trong lòng nhân dân cả nước. Tiểu đoàn đã để lại một ấn tượng sâu sắc về hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ, về tình cảm quân dân cá nước.

Nếu trong những năm 1947 - 1948, anh nhận ra chiến trường Nam Bộ cần phải có tiểu đoàn chủ lực thọc sâu đánh mạnh, rút nhanh, rất cơ động để phát huy hiệu suất chiến đấu cao, thì vào những năm chống Mỹ 1964 - 1965, cần phải có những đơn vị tập trung lớn, hỏa lực mạnh cỡ trung đoàn, sư đoàn, có trình độ khoa học quân sự hiện đại. Anh đã học tập và tiếp thu kinh nghiệm phong phú của các nước bạn, nghiên cứu cách đánh của cha ông, kết hợp với tình hình thực tế, cách đánh chủ lực cộng với sự hỗ trợ chính trị và binh vận.

Anh đề nghị với đồng chí Nguyễn Văn Linh xin rút lực lượng lớn về cánh rừng bắc Tây Ninh, Sông Bé để thành lập các đơn vị lớn có sức đánh tiêu diệt hàng tiểu đoàn, trung đoàn địch. Trong trận Bình Giã, ta tiêu diệt ba tiểu đoàn, làm thiệt hại nặng ba tiểu đoàn khác của địch. Không có bộ đội chủ lực sẽ không có trận Bình Giã. Trận này là kết quả của sự phối hợp giữa chủ lực và du kích, phần nào có tính kết thúc “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy. Anh luôn nhớ lời dạy của Bác Hồ: ...Chú biết vì sao nhà Trần ba lần đánh thắng quân Nguyên mạnh hơn ta gấp bội? Đó là lòng dân, sức dân và đại đoàn kết. Đó là người chỉ huy, chiến sĩ thương yêu nhau như anh em một nhà. Chú nhớ lấy!

Khi chuẩn bị tổng phản công vào năm 1949, anh lại được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Ở đây, anh củng cố lại các lực lượng vũ trang trong thành. Anh chỉ đạo thành lập Tiểu đoàn Quyết tử Khu Sài Gòn - Chợ Lớn với ba đại đội 3721, 3824, 3927... Danh hiệu “Quyết tử” gắn liền với chúng tôi từ đó. Tuy nói có ba đại đội, thực ra không ai biết quân số có bao nhiêu. Chúng tôi là những chiến sĩ biệt động, ẩn hiện linh hoạt, hợp tan từng lúc, đi không ai biết về không ai hay, chỉ có cấp trên mới biết rõ.

Những năm tập kết ra miền Bắc, với cương vị là Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, anh theo dõi sát chiến trường miền Nam nên đã đề nghị Bộ Chính trị mở đường mòn 559, sau này là Đường mòn Hồ Chí Minh. Một hôm ngồi nghỉ trên bãi biển Đồ Sơn tại mũi Pagodon, anh nhìn dăm dăm ra khơi xa và nói với tướng Nguyễn Văn Vịnh: “Tại sao không lập một đường mòn Hồ Chí Minh trên biển?”. Phải chăng lúc ấy anh nhớ lại có một phụ nữ dũng cảm dám vượt biển ra Trung ương xin vũ khí, mà có lần anh ra tận bờ biển Bến Tre để đón nhận. Người phụ nữ anh hùng đó là chị Ba Định, thời chống Pháp. Rồi đoàn 759 ra đời. Có biết bao tấn vũ khí đã vượt biển vào Nam trong những năm chống Mỹ.

Năm 1963, anh là vị tướng vào chiến trường miền Nam sớm nhất. Được sự đồng ý của đồng chí Nguyễn Văn Linh, lúc đó là người có cấp bậc cao nhất về mặt Đảng ở miền Nam, anh thành lập các sư đoàn chủ lực ở rừng miền Đông và chỉ huy đánh

những trận quyết định Bình Giã, Bàu Bàng..., đánh bại cuộc hành quân Junction City của Mỹ - ngụy.

Dưới sự lãnh đạo cực kỳ tài giỏi của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân ta đã làm theo lời Bác “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, dẫn đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Lúc đó, anh Trà là Phó Tư lệnh Chiến dịch.

Sài Gòn giải phóng, những ngày đầu anh được cử làm Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố. Dù bận rộn, anh vẫn đi dự những cuộc họp đồng hương; các tiểu đoàn, trung đoàn mời anh dự ngày truyền thống, anh luôn có mặt, thân mật chuyện trò cùng anh em.

Những ngày nghỉ hưu, anh đã dành nhiều thì giờ cho tập hồi ký về 30 năm chiến tranh của quân dân miền Nam. Anh sợ mình chết sớm mà không nói được về công lao của quân dân miền Nam Thành đồng trong chống Pháp, chống Mỹ. Anh đã cho xuất bản tập 5 là *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* và tập 1 là *Hòa bình hay chiến tranh*. Còn nhiều bản thảo anh dặn lại người vợ hiền thay anh tiếp tục, nếu chẳng may anh phải ra đi sớm!

Anh biết quỹ thời gian của mình không còn nhiều. Anh viết ngày đêm, nhiều thể loại: truyện ngắn, ký sự, nhận định về một trận đánh, điển hình như trận Ấp Bắc, đánh tan chiến thuật thiết xa vận, trực thăng vận của Mỹ. Ấp Bắc là một trận điển hình của phương thức chiến tranh nhân dân phối hợp cả quân chủ lực, quân địa phương, du kích, cả công binh, đặc công, đội quân tóc dài, binh vận. Anh phân tích tỉ mỉ toàn bộ trận đánh.

Đúng như anh đã dự đoán, anh ra đi một cách đột ngột vào ngày 20/4/1996.

Linh cữu anh được mang về đặt nơi sảnh giữa ngôi nhà anh đã ở trên 20 năm. Quây quần bên cạnh là vợ con, cháu nội ngoại, bạn bè thân thiết. Dù chưa chính thức báo tang, đã có hơn 200 đoàn đến viếng. Khi vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp bay từ Hà Nội vào, không ai cầm được nước mắt khi người anh Cả của quân đội, người chỉ huy thân thương của toàn quân ta gục đầu bên linh cữu khóc nghẹn ngào...

Khi mộ anh đã lấp đầy đất, phủ đầy hoa, mà dòng người vẫn tiếp tục đi quanh, lưu luyến mãi không nỡ chia tay. Cho đến phút này, chúng tôi mới biết nguyện vọng tha thiết của anh là được an nghỉ bên bờ sông Sài Gòn, dòng sông êm đềm này đã vùi bao xác đồng đội, dòng sông mà anh và quân dân thành phố đã chiến đấu không tiếc xương máu để giành lại từ tay giặc!

Trong bài đáp từ của chị Lê Thị Thoa (vợ anh), có bài thơ của anh để lại yêu cầu chị khắc lên bia mộ anh và một thanh gươm. Thơ rằng:

“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trăng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mây thăng”.

Bài thơ đã nói lên tấm lòng của anh. Ra đi chiến đấu chẳng có gì, trở về một dải non sông độc lập, thống nhất, rồi về bên bờ sông quen thuộc thân yêu cưỡi ngựa bay về trời. Còn thanh gươm! Năm 1948, anh được cử làm Trưởng đoàn cán bộ quân - dân - chính ra Việt Bắc báo cáo với Bác Hồ về tình hình quân dân Nam Bộ đang chiến đấu chống thực dân Pháp. Bác Hồ đã trao cho anh thanh gươm và nói: “Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào”. Anh và đồng bào miền Nam đã làm tròn nhiệm vụ Bác giao.

Đã trên một ngàn ngày trôi qua kể từ ngày anh ra đi, anh để lại một khối tư liệu đồ sộ mà chị Lê Thị Thoa ngày đêm miệt mài làm việc. Tôi đến thăm chị nhiều lần thấy trên bàn ngắn ngang tranh vẽ. Ở tuổi 64, chị đi học vẽ, gây một sự ngạc nhiên trong bạn bè. Ở tuổi 66, chị hoàn thành việc học vẽ. Hiện nay, chị đang hoàn thiện việc vẽ truyền thần.

Một buổi sáng mùa xuân ấm áp, cành phong lan đang tươi trong nắng sớm. Ngồi bên bàn viết của anh, Lê Thị Thoa tâm sự: “Thoa muốn hoàn thành di chúc của anh Trà, nên phải làm việc nhiều hơn nữa. Ba năm qua đã xuất bản được ba quyển, đó chỉ là phần nhỏ. Còn tập hồi ký viết về chiến tranh chỉ ra được tập 1 và tập 5. Còn ba tập nữa phải tiếp tục ra. Rồi mình định đến dịp kỷ niệm 10 năm ngày anh ra đi, sẽ cho ra quyển *Bảy mươi bảy năm những chặng đường của anh*. Muốn vậy mình phải vẽ minh họa thật nhiều. Những cảnh anh cầm tím vông vạt nhọn chiến đấu giữ Cầu Bông; cảnh hồi nhỏ 11-12 tuổi đi dán truyền đơn; cảnh mẹ đội thúng vải đi bán rong... Những cảnh ấy làm gì có ảnh? Phải vẽ thôi. Vì thế mà mình học vẽ”.

Với sự xúc động nghẹn ngào, tôi nói: “Lê Thoa, mình tin Lê Thoa sẽ làm được”.

Tôi bỗng nhớ cách đây trên 40 năm, hồi ở chiến khu miền Đông, nhiều giai thoại kể về cuộc hôn nhân của chị. Người khen, kẻ gièm pha cho là cuộc hôn nhân gán ghép chính trị không có tình yêu. Lúc đó, anh Trà là một tư lệnh trẻ, tài giỏi, đẹp trai; Lê Thị Thoa ngây thơ xinh đẹp. Riêng tôi thì tôi tin, vì con gái “tiểu tư sản” chúng tôi có học thức, nếu không có sự rung động con tim thì không ai ép buộc được. Qua nhiều năm hiểu biết thêm, tôi càng khẳng định điều đó.

Lê Thị Thoa là con gái đầu của Luật sư Lê Đình Chi - một trí thức lớn, một luật sư nổi tiếng của Sài Gòn, đã bỏ cả gia đình, nhà cửa đưa vợ con vào căn cứ tham gia kháng chiến. Năm 1949, trên đường đi công tác, ông bị địch sát hại cùng đứa con gái thứ. Lúc ấy, ông đang làm Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ. Tướng Trà đến chia buồn, không ngờ hình ảnh cô gái 15 tuổi ấy ám ảnh anh mãi không thôi. Chị Thoa học Trường trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố rồi sang học y tá, công tác tại Ban Dân y Nam Bộ. Càng lớn Lê Thị Thoa càng xinh đẹp, ăn nói nhỏ nhẹ, cử chỉ đoan trang, kế thừa sự giáo dục của một gia đình gia giáo, làm ngây ngất bao trái tim của những chàng trai trẻ. Nhưng chưa một ai lọt vào mắt xanh của Lê Thị Thoa, bởi lẽ tuổi đời còn trẻ, tang cha lại quá nặng, thương mẹ thương em cõi cút. Nhưng cô thiếu nữ nào mà chẳng mơ mộng đến những chàng trai lý tưởng, những bậc anh hùng?!

Năm năm trôi qua, anh Trà đã 35 tuổi mà chưa có gia đình, nhiều đồng chí quan tâm hỏi, anh chỉ cười: “Để tập trung cho công tác”. Nhưng một hôm trò chuyện với anh Lê Đức Thọ, anh Lê Đức Thọ lại hỏi, anh cười nói: “Không biết con gái ông Lê Đình Chi dạo này ra sao?”. Tưởng câu chuyện như vậy rồi qua đi, không ngờ các đồng chí lãnh đạo lại bàn bạc, thu xếp cho anh. Anh Lê Đức Thọ - vừa là cha nuôi, vừa là người phụ trách Đảng ở Phân liên khu miền Tây, một hôm báo cho Lê Thị Thoa là sẽ gả Thoa cho anh Trà. Lúc đầu, Thoa từ chối. Các đồng chí nhiều lần vun đắp. Rồi hình ảnh anh Trà cách đây 5 năm lại hiện lên, Thoa đồng ý tìm hiểu. Nhưng chiến tranh ác liệt quá, nhiều lần hẹn để gặp nhau mà không được. Sau đó, má đưa Lê Thị Thoa theo đường bí mật lên miền Đông. Giữa rừng miền Đông gian lao mà anh dũng ấy, hoa rừng nở trắng ngập cả ngọn đồi, hương rừng thơm ngào ngạt. Đôi trai tài gái sắc ấy yêu nhau là lẽ đương nhiên. Đám cưới chị, chỉ có hoa rừng để trang điểm. Mãi sau này, từ miền Đông, anh hay gửi về tặng chị những giò phong lan tuyệt đẹp. Hơn 40 năm chung sống, chị chỉ gần anh khoảng nửa thời gian. Anh luôn ở chiến trường. Họ xa nhau nhưng tâm tưởng không bao giờ xa... Chị dõi theo từng bước anh đi. Còn bản thân chị nỗ lực nuôi dạy ba con trưởng thành và hoàn thành chương trình học Phó Tiến sĩ ngành dược.

Ngày nay, nhìn chị trân trọng di vật anh để lại, tôi càng khẳng định họ có một tình yêu tuyệt vời trong sáng và淳朴 chung lý tưởng. Hằng ngày, chị cặm cụi bên chiếc bàn viết của anh. Chị không ngồi chiếc ghế anh từng ngồi, mà ngồi đối diện, như trước mắt chị lúc nào cũng có anh. Mỗi lần tôi đến đốt nén hương tưởng niệm anh đều thấy trên bàn thờ khi thì ly cà phê sữa, khi những món ăn mà anh ưa thích. Chị cười: “Thoa muốn anh Trà ăn sáng với Thoa”...

Bác sĩ Lê Thị Ngọc Hoa

NHỚ VỀ MỘT VỊ CHỦ TỊCH HỘI, MỘT DANH TƯỚNG*

Cách đây gần 5 năm, tôi có việc đến Hội Cựu chiến binh Thành phố thì bất ngờ gặp Thượng tướng Trần Văn Trà (Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố lúc đó) và Đại tá Nguyễn Viết Tá - Tổng Biên tập Báo Cựu chiến binh Thành phố đang ngồi làm việc ngay tiễn sảnh phòng khách.

Chắc là xong việc nên anh Tá mời tôi “đến chơi”! Cả hai anh cùng bắt tay tôi thân mật trò chuyện hỏi thăm nhau.

Tôi quen biết Thượng tướng Trần Văn Trà là nhờ một số lần chở bà xã đi họp mặt lớp Đại học Được Hà Nội năm xưa cùng chị Lê Thoa, do chị đăng cai tổ chức tại nhà. Tranh thủ lúc người ta họp mặt, tôi đến làm quen với anh Trà qua những câu chuyện về bộ đội, về chiến đấu và chiến thắng của ta trong các trận đánh lớn...

Rồi bỗng dung anh Trà nói:

- Ông Tá ơi! Tỉnh ủy Quảng Ngãi mời tôi dự hội thảo về trận Ba Gia, Vạn Tường. Sáng ngày kia họ làm rồi. Tôi lại bị cảm chưa dứt, không thể đi được. Tài liệu tôi vừa cho đánh xong, còn ở đây, không còn cách nào gửi kịp. Anh em ngoài đó rất cần sự đánh giá của tôi về chiến thuật, chiến lược của ta qua chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường đối với quân đội Mỹ trong “Chiến tranh cục bộ”. Vắng tôi, tài liệu lại không gửi kịp, sợ các anh lãnh đạo Quảng Ngãi trách...

Tôi liền có ngay ý kiến:

- Thưa anh Tư (anh Tư Nguyễn - tức là anh Trần Văn Trà), em có thể chuyển tài liệu này của anh cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi sau đây không đầy một tiếng, nếu không ảnh hưởng gì đến bí mật quân sự.

Anh hỏi: “Bằng cách nào?” Tôi đáp thưa: “Đánh fax”. Rồi anh nói: “Không sao! Các phương tiện thông tin đại chúng của ta cũng đã nói vấn đề này rồi; bình luận

* Nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam, 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

luôn cả việc thua thiệt của quân đội Mỹ về mặt chiến thuật và chiến lược qua chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường của ta”.

Anh đưa bộ tư liệu cho tôi và bảo tôi chờ anh viết thêm mấy dòng cho anh Sáu Toại - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Anh viết thật nhanh, tuồng chữ thông thoáng, hàng thẳng như sợi chỉ kẻ. Chấm, phết, hỏi, ngã đâu vào đó như thầy giáo viết bảng. Nhìn tuồng chữ không ai không nói anh là một học giả tâm cỡ...

Bắt tay tôi ra vẽ anh còn hỏi “gặng”: “Đánh fax mấy trang liền như thế này tốn chừng bao nhiêu tiền”. Tôi nói để anh yên tâm: “Thưa anh Tư, fax nhà (của công ty, tôi là giám đốc)”.

Về công ty, sau khi đánh mấy trang fax này ra Quảng Ngãi, khoảng 2 tiếng đồng hồ sau tôi nhận được điện thoại của đồng chí Chánh Văn phòng của anh Trà: “Ông Trà khen cậu dữ lắm. Ông Sáu Toại vừa điện vào là đã nhận được thư và tài liệu của anh Trà do Trung tâm fax Quảng Ngãi chuyển đến rồi”.

Tôi rất vui mừng vì mình đã làm được một việc nhỏ, nhưng có ý nghĩa cho một danh tướng. Cho đến nay vẫn còn vang vọng trong tôi cái tên của bộ tài liệu này: “Chiến thắng Ba Gia là đòn đánh bồi, làm phá sản “Chiến tranh đặc biệt”. Chiến thắng Vạn Tường khẳng định Quân giải phóng có khả năng đối đầu trực tiếp với quân đội Mỹ trong “Chiến tranh cục bộ” (“Thượng tướng Trần Văn Trà”).

Đây vả chăng là một “bút tích”, một dấu ấn lịch sử, một di sản bất diệt của một trí tuệ uyên thâm; một vấn đề về học thuật quân sự đã được anh Trà tổng kết một cách cô đọng như một dạng “binh pháp” làm phong phú thêm tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp...

Tôi cũng nhớ lại một sự kiện quan trọng nữa là khoảng đầu năm 1968, lúc đồng chí Trần Văn Trà là Tư lệnh Quân giải phóng B2 được gọi ra Hà Nội họp, đồng chí đã đến gặp Bác Hồ. Bác chỉ thị một số điểm. Bác nói: “Trong cuộc chiến tranh này ta không phải tiêu diệt hết quân Mỹ để thắng mà ta phải đuổi hết Mỹ để thắng. Đó là tinh thần trí tuệ và sức lực Việt Nam. Ta kiên trì, ta nhất định thắng”.

Sự thật qua những chiến thắng trên chiến trường mà đồng chí Trần Văn Trà đã góp công xứng đáng đã tạo ra áp lực cho Mỹ lần lượt rút quân. Đến sau chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (những ngày cuối tháng 12/1972) Mỹ rút hết hoàn toàn ra khỏi Việt Nam. Mỹ cút, ngụy nhào dẫn đến Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng... Những lời nói trên của Bác như một sự thật hiển nhiên mà đồng chí Trần Văn Trà hết sức tâm đắc.

Sau hơn 30 năm liên tục giữ những chức vụ “tư lệnh” chiến trường, luôn là người chiến thắng, theo lẽ đã được về nghỉ, thì vị tướng lịch lâm, từng trải này lại được giao chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh của thành phố mang tên Bác - cái mái ấm của trên 4 vạn người con trung hiếu, “trận mạc”, đã từng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh qua hai cuộc kháng chiến. Trong đó có hàng trăm tướng lĩnh trên ngực đầy huân chương thành tích, hàng ngàn cấp đại tá (con số cấp tá nói chung là hàng vạn) và một số là cấp úy, cùng với hạ sĩ quan và binh sĩ đã qua chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ trở về. Nay họ thành hội viên của anh - hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam: Đời thường của anh bộ đội Cụ Hồ, một đội ngũ mới, một chỗ dựa đáng tin cậy của Đảng và Nhà nước...

Trong những ngày đầu tháng 12 này, khi ta hướng về 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (10 năm ngày Quốc phòng toàn dân), đồng thời ta cũng nhớ về 10 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam (06/12/1989 - 06/12/1999), nhớ về vị Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày mới thành lập, nhớ về sự tình của một danh tướng: Thượng tướng Trần Văn Trà.

Điệp Ký
02/12/1999

THANH KIẾM TRÊN BIA MỘ*

Trên bia mộ cố Thượng tướng Trần Văn Trà - nguyên Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam - tại Nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh, dưới di ảnh là hình ảnh một thanh bảo kiếm.

Nhân ngày giỗ lần thứ 5 của cố Thượng tướng (20/4/1996 - 20/4/2001), chúng tôi xin thuật lại câu chuyện xảy ra cách nay hơn nửa thế kỷ về thanh bảo kiếm ấy.

Đầu năm 1948, một phái đoàn quân - dân - chính Nam Bộ được cử ra căn cứ địa Việt Bắc để báo cáo với Trung ương về tình hình trong Nam và nhận chỉ thị mới. Đoàn gồm các đồng chí: Trần Văn Trà (trưởng đoàn), Trần Bửu Kiếm (phó đoàn), Nguyễn Bá Kính (linh mục), Nguyễn Đức Thuận, Phạm Văn Khung, Kiều Quế Lâm, Lương Văn Trọng và Trần.

Tháng 4/1948, đoàn rời chiến khu Đồng Tháp Mười lên đường. Đồng chí Trần Văn Trà kể: “Sáu tháng trường liên tục, ngày đêm đi bộ dọc phía đông dãy Trường Sơn, biết bao gian nan nguy hiểm. Chúng tôi đã lội qua các sông, suối đổ mạnh trong mùa mưa lũ, đã vượt qua nhiều ngọn núi cao trên nghìn mét, đã đi dọc các bãi cát nóng bỏng khô cằn, đã chèo thuyền lượt trong đêm tối qua biển Cam Ranh Nha Trang, đã luôn qua vùng địch giữa các đồn bót chi chít, đã đánh trả địch phục kích dọc đường... Nhọc nhằn và thiêu thốn, đau ốm, trở ngại, có lúc tưởng không đi được đến nơi”.

Nhưng lòng mong mỏi được gặp Bác Hồ - người mà mọi thành viên trong đoàn đều ngưỡng mộ từ lâu nhưng chưa ai có may mắn gặp mặt - dường như tiếp thêm sức mạnh khiến tất cả quên hết gian nguy, quyết tâm đi tới.

Tháng 10/1948, đoàn đến Việt Bắc và được Bác Hồ tiếp đón. Đồng chí Trà kể: “Chúng tôi, không ai bảo ai, đều rảo bước tiến nhanh về phía Bác, vây quanh Bác, lòng tràn đầy xúc động, giống như đàn con đi xa lâu ngày nay về gặp cha già.

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng, thứ Bảy, ngày 07/4/2001.

Chúng tôi quên cả lễ nghi cần có, ôm lấy Bác, sờ nắn tay Bác, vuốt bộ quần áo nau cũ trên mình Bác..."

Sau khi lắng nghe các thành viên trong đoàn báo cáo, Bác ôn tồn chỉ ra những ưu, khuyết điểm của Nam Bộ, nêu lên những điều cần phải làm để đưa cuộc kháng chiến tiến lên. Bác đặc biệt nhấn mạnh: Phải đoàn kết toàn dân để tạo ra sức mạnh tổng hợp. Ngay với những người lâm đường lạc lối, cũng phải lấy tình đồng bào mà cảm hóa thuyết phục họ, hướng dẫn họ trở về với chính nghĩa của dân tộc... Rồi Bác bảo mọi người đứng quanh Bác để chụp tấm ảnh kỷ niệm. Đồng chí Trà được Bác gọi tới đứng ngay bên phải của Bác.

Sau 4 tháng làm việc ở Việt Bắc, tháng 02/1949, đoàn trở về Nam.

Một ngày trước khi đoàn lên đường, Bác cho tổ chức một bữa liên hoan tiễn đoàn. Bác nói, giọng ấm áp: Lòng Bác lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào, cán bộ và chiến sĩ Nam Bộ. Bác nhờ các chú chuyển hộ lời thăm hỏi và chúc thành công của Bác và Trung ương. Rồi Bác gọi đồng chí Trà lại gần và nói: "Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù". Đồng chí Trà kính cẩn tiếp nhận thanh bảo kiếm và long trọng hứa với Bác: Toàn dân, toàn quân Nam Bộ gắng sức thi đua giết giặc, cứu nước.

Tháng 9/1954, đồng chí Trần Văn Trà cùng cán bộ, chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Có người đề nghị mang thanh kiếm ra miền Bắc để đưa vào viện bảo tàng. Nhưng đồng chí Trà nghĩ: Bác Hồ tặng thanh kiếm cho miền Nam, vì vậy phải để thanh kiếm ở lại với đồng bào miền Nam. Do đó, thanh kiếm được chôn ở một địa điểm trong vùng tự do miền Đông Nam Bộ.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Thượng tướng Trần Văn Trà, với tư cách là Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7, cho đào tìm thanh kiếm. Nhưng hơn 20 năm khói lửa, bom đạn đã khiến địa hình cùng cảnh quan thay đổi quá nhiều, làm mất dấu nơi chôn thanh kiếm.

Những năm cuối đời, Thượng tướng trăn trối, đề nghị cho vẽ hình thanh bảo kiếm ấy trên bia mộ của mình.

Sau ngày Thượng tướng từ trần, nguyện vọng ấy đã được gia đình thực hiện.

Hoàng Anh

TRẦN VĂN TRÀ

VỊ CHIẾN TƯỚNG CỦA THẾ KỶ XX*

Trần Văn Trà là một trong những danh tướng Việt Nam. Dũng cảm và mưu lược, bản lĩnh và quyết đoán, trí thức và nhân ái, Trần Văn Trà luôn có mặt ở “đầu sóng ngọn gió” của chiến trường trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.

Nói đến Trần Văn Trà là mọi người nghĩ ngay đến vị tư lệnh lẫy lừng của Quân giải phóng miền Nam mà cuộc đời và sự nghiệp gắn liền với Nam Bộ, với mảnh đất B2 Thành đồng máu lửa, nhưng ít ai biết có thời thơ ấu đầy sôi động trên mảnh đất miền Trung nghèo khó, giàu tinh thần yêu nước.

“Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc
Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày!
Gươm thiêng lắp lánh bên lưng nhẹ
Ngựa hí vang lừng trận gió may”.

Bốn câu thơ đầu đầy hào khí mà cậu bé Nguyễn Chấn (tên thật của Trần Văn Trà) thuộc lòng từ khi còn cắp sách đến trường đã có tác động mạnh đến tâm hồn lanh mạn cách mạng của vị chiến tướng tương lai Trần Văn Trà. Ông sinh năm 1919 tại Sơn Tịnh thuộc Quảng Ngãi. Cha ông là một chiến sĩ cách mạng phong trào 1930 - 1931. Nhờ ảnh hưởng của gia đình và quê hương, lại được đọc văn thơ yêu nước của các nhà cách mạng tiền bối, cậu thiếu niên Nguyễn Chấn luôn mơ ước tham gia vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Vị tướng cho biết: “Ở quê tôi có hai nhà Nho tham gia phong trào Cần Vương là ông Cử Đinh (Lê Trung Đinh) và ông Tú Tân (Nguyễn Tự Tân) bị giặc bắt chém ở bãi sông Trà Khúc. Cha tôi và người lớn thường kể lại với lòng cảm phục sâu sắc. Khi tôi học ở

* Bài viết đăng trên Tạp chí Tài hoa trẻ - Chuyên đề của Báo Giáo dục và Thời đại (2001).

trường huyện có ông giáo người Quảng Trị hay đọc thơ văn yêu nước nói về các cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Dù còn nhỏ, nhưng tôi rất thích thú nghe và chép lại cả một quyển vở đầy văn thơ cách mạng”.

Cha làm thợ xây. Mẹ thì tần tảo buôn gánh bán bưng. Dù gia đình nghèo khó, không có ruộng đất, nhưng cha mẹ vẫn ráng sức nuôi các con ăn học. Năm 1936, chàng trai đất Quảng vượt đèo Hải Vân ra kinh đô Huế “ứng thi” và đậu Trường Kỹ nghệ thực hành Huế. Ngôi trường này quy tụ thanh niên các tỉnh thuộc Trung Bộ nghèo khó và có truyền thống cách mạng như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi... về đây sống, học hành 3 năm. Cũng chính tại đây, Nguyễn Chấn tham gia phong trào học sinh yêu nước, được kết nạp vào Đảng Cộng sản năm 1938 và được bầu vào Ban Chấp hành Chi bộ Đảng bí mật của nhà trường. “Thời kỳ sôi động nhất của trường này là năm 1936, mà học sinh của trường đi đầu trong phong trào đòi dân chủ, tiêu biểu là các cuộc biểu tình đón Godart toàn thành phố Huế. Đây là phong trào quần chúng công khai đấu tranh chống lại chế độ thực dân hà khắc của Pháp, do Đảng Cộng sản bí mật lãnh đạo. Godart là đại biểu công cán của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp thời ấy” - ông nhớ lại. Một năm sau, Xứ ủy Trung Kỳ bố trí ông vào Sài Gòn làm công nhân hỏa xa để tiếp tục hoạt động cách mạng. Tại thành phố phương Nam này, Nguyễn Chấn hai lần bị thực dân Pháp bắt giam. Ngày 22/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim có lệnh phóng thích tù chính trị, ông mới ra khỏi tù, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại Sài Gòn.

Ngày 23/9/1945, quân Pháp tái chiếm Nam Bộ, Nguyễn Chấn chiến đấu giữ mặt trận Cầu Bông trong nội thành Sài Gòn. Đây là trận đánh đầu tiên trong cuộc đời binh nghiệp của ông. Cái tên Trần Văn Trà lừng danh cũng bắt đầu xuất hiện từ đó. Mặt trận Sài Gòn vỡ. Lực lượng cách mạng rút vào bưng biển tiến hành kháng chiến lâu dài. Nhận được mệnh lệnh của Xứ ủy Nam Bộ, Trần Văn Trà cùng Tô Ký, Huỳnh Như Khương tổ chức thành lập Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa. Đây là lực lượng quân sự đầu tiên ở Nam Bộ do Đảng Cộng sản lãnh đạo, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Chính trị viên Trần Văn Trà và Chỉ huy trưởng Tô Ký.

Quân Pháp mở rộng lấn chiếm. Trung ương tăng cường cho Nam Bộ lực lượng Nam tiến. Tư lệnh Đệ tứ chiến khu là Nguyễn Bình được cử vào thống nhất các lực lượng vũ trang trên cương vị Tư lệnh Nam Bộ. Trần Văn Trà đưa một bộ phận Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa về tăng cường chấn chỉnh Khu 8, lập ra Chi đội 14 (một chi đội bằng trung đoàn sau này), do ông làm Chi đội trưởng và bắt đầu dựng căn cứ địa Đồng Tháp Mười.

Tháng 9/1946, ở tuổi 27, Trần Văn Trà được chỉ định làm Khu trưởng Khu 8. Cuối năm 1947, đơn vị chủ lực đầu tiên của Nam Bộ là Tiểu đoàn 307 thuộc Khu 8 được thành lập. Các khu khác cũng lần lượt thành lập những tiểu đoàn chủ lực. Nam Bộ có bộ đội chủ lực, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng địa phương và dân quân du kích, đã đánh thắng những trận vang dội như: Cổ Cò, Giồng Dứa, Tầm Vu, La Ngà, Cù Lao Giêng, Bông Trang, Xuyên Mộc...

Giữa năm 1948, Trần Văn Trà dẫn đầu Đoàn đại biểu quân - dân - chính Nam Bộ vượt Trường Sơn trong sự ngăn chặn quyết liệt của địch, ra Việt Bắc báo cáo tình hình với Trung ương. Đây cũng là dịp đầu tiên vị chỉ huy chiến trường trẻ tuổi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ khi còn hoạt động bí mật trước Cách mạng Tháng Tám, tên tuổi Nguyễn Ái Quốc đã trở thành niềm ngưỡng vọng tin yêu đối với chàng trai Nguyễn Chấn. Rồi ước mơ được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thôi thúc vị chỉ huy chiến trường trẻ tuổi Trần Văn Trà ở căn cứ địa Đồng Tháp Mười xa xôi. Và ước mơ ấy đã thành hiện thực. Ông cùng đồng đội được Bác Hồ tiếp đón nồng hậu, chân tình, gần gũi như người thân. Những ngày ở Việt Bắc với Hồ Chủ tịch đã đem lại cho Trần Văn Trà sự vững tin hơn ở tương lai, dù cuộc chiến trước mắt đầy cam go, thử thách.

Đặc biệt, giống như tướng Nguyễn Bình lãnh sứ mạng vào Nam Bộ được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng một khẩu súng lục, tướng Trần Văn Trà cũng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân trao thanh gươm báu khi ông quay về Nam và căn dặn: “Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù. Chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng”. Lời ủy thác ấy của lãnh tụ càng giúp Trần Văn Trà và đồng đội tự tin hơn, mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn, thôi thúc họ nhanh chân trở lại chiến trường lập công.

Một thời gian sau khi trở về bưng biển Đồng Tháp, Trần Văn Trà được cử làm Phó Tư lệnh Nam Bộ, mà Trung tướng Nguyễn Bình là Tư lệnh. Năm 1949, ông được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, một chiến trường trọng điểm. Năm 1951, Nam Bộ được chia làm hai phân khu: miền Đông gồm các tỉnh tả ngạn và miền Tây gồm hữu ngạn sông Tiền. Miền Đông do Trần Văn Trà làm Tư lệnh, Phạm Hùng làm Chính ủy, Nguyễn Văn Vịnh làm Phó Tư lệnh. Miền Tây thì Lê Hiến Mai làm Tư lệnh, Phan Trọng Tuệ làm Chính ủy. Chiến trường Nam Bộ đã cùng cả nước tiến hành chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 thắng lợi với đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định đình chiến Giơnevơ.

Tháng 9/1954, Trần Văn Trà chỉ huy lực lượng bộ đội Nam Bộ tập kết ra Bắc và nhận nhiệm vụ Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1959, Trần Văn Trà cùng Nguyễn Văn Vịnh là hai vị chỉ huy trẻ của chiến trường Nam Bộ được Nhà nước phong thằng quân hàm Trung tướng. Ông còn được kiêm nhiệm Giám đốc Học viện Quân chính, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương.

Năm 1963, Trần Văn Trà thực hiện được nguyện vọng mà bấy lâu mình mơ ước: trở về Nam Bộ trực tiếp cầm súng chiến đấu. Ông được cử làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Năm 1974, ông được Nhà nước thăng quân hàm Thượng tướng. Dưới sự chỉ huy của ông, Quân giải phóng dần giành thế chủ động trên chiến trường, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân 1975.

*“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”.*

Bốn câu thơ tuyệt bút của Nho tướng như một dự báo. Hơn 20 năm sau ngày “mây nước yên bình”, giang sơn thu về một mối, vào ngày 20/4/1996, vị tư lệnh chiến trường lừng danh Trần Văn Trà đã đột ngột ra đi, để lại cho thế hệ trẻ một tấm gương sáng về tài năng và nhân cách. Không chỉ ở thời điểm chuyển giao thiên niên kỷ này, mà tôi luôn tin cuộc đời và sự nghiệp tướng Trần Văn Trà sẽ như mùa xuân trè mãi theo thời gian.

Phan Hoàng

TRẦN VĂN TRÀ

HỮU DUYÊN THIÊN LÝ NĂNG TƯƠNG NGỘ*

Thượng tướng Trần Văn Trà (1919 - 1996) tên thật Nguyễn Chấn, sinh tại Quảng Ngãi trong một gia đình lao động. Từ năm 1936, khi học ở Trường Kỹ nghệ Huế, ông đã tham gia phong trào yêu nước và 2 năm sau được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1939, ông bị giặc Pháp bắt giam, sau được thả tự do, nhưng bị quản thúc tại quê. Từ năm 1941, ông tiếp tục hoạt động cách mạng và bị bắt giam lần thứ hai. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông được giao nhiều trọng trách và là một trong những người tổ chức hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ. Trong suốt hai cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc, Thượng tướng Trần Văn Trà đảm đương nhiều nhiệm vụ quan trọng góp phần giành thắng lợi, thống nhất Tổ quốc. Ngay sau ngày 30/4/1975, ông là Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định. Do những cống hiến xuất sắc nên ông được tặng hai Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác.

Sau khi đoàn cán bộ quân - dân - chính Nam Bộ từ Việt Bắc trở về chiến khu Đồng Tháp Mười, Trần Văn Trà được phân công làm Phó Tư lệnh Nam Bộ, còn Nguyễn Bình là Tư lệnh. Trước sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến, giặc đên cuồng mở những trận càn quét với quy mô lớn vào Đồng Tháp Mười. Trong số những người bị chúng giết hại có Luật sư Lê Đình Chi - Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ và cô Lê Hồng Phấn - con gái của cụ. Thay mặt đơn vị, Trần Văn Trà đến chia buồn với gia đình. Như sự sắp đặt của ông tơ bà nguyệt, chính tại nơi đây, ông đã gặp cô gái sau này trở thành bạn đời trăm năm của ông. Đó là cô Lê Thị Thoa - con gái của cụ Chi. Sau này, bà Thoa kể lại: "Tôi cũng không hiểu vì sao anh Trà lại để ý đến tôi ngay từ buổi đó. Cỗ nhân có câu "Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ". Quả đúng như vậy".

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng, thứ Bảy, số 531, ngày 28/4/2001.

Sau khi chia tay, Trần Văn Trà lên Chiến khu Đ, còn cô Thoa ở lại học xong lớp y tá và công tác tại Ban Dân y Nam Bộ. Những tưởng sự gặp gỡ giữa hai người sẽ phai dần theo ngày tháng, nhưng ông Lê Đức Thọ - cha đõi đầu của cô Thoa - thỉnh thoảng cứ hỏi: “Không rõ con gái của ông Lê Đình Chi dạo này ra sao nhỉ?”¹. Nghe nhắc đến tên cô, trái tim của Trần Văn Trà lại rung lên những nhịp đập xao động...

Ngày nọ, ông Lê Đức Thọ nhẫn tin với con gái nuôi của mình là ông muốn gả cô cho Trần Văn Trà. Sau đó, tổ chức bố trí cho Trần Văn Trà về miền Tây gặp cô Thoa để đặt vấn đề nghiêm túc. Nhưng ông mới đi được nửa đoạn đường thì có lệnh quay về gấp, nên họ không gặp nhau ở Khu 9. Trong lúc cô Thoa đang phân vân thì ông Mai Chí Thọ đã cho người đón cô và mẹ lên miền Đông. Mọi việc diễn ra như đã sắp xếp. Sau này, bà Thoa vẫn còn nhớ như in giây phút thiêng liêng trở thành vợ của một danh tướng: “Đám cưới của chúng tôi hết sức đơn giản. Căn nhà lợp lá, trên là gác cây dành cho đêm tân hôn, dưới là bàn chủ tọa, cũng đóng bằng bốn chiếc cọc, mặt bàn là tấm đan lồ ô. Đồng chí Phạm Hùng đứng ra đại diện đằng trai, mẹ tôi đại diện đằng gái. Trưởng ban tổ chức tuyên bố xong, mọi người ca hát vui mừng. Hoa của cô dâu toàn là hoa rừng. Nhưng tôi cảm thấy hạnh phúc vô biên... Buổi tối, bên ánh lửa bập bùng, giữa rừng cây đang thay lá, tất cả nắm tay nhau vừa múa vừa ca. Ngày hôm đó là mồng Một Tết Giáp Ngọ - 1954. Suốt đời tôi không bao giờ quên được buổi đầu xuân ấy”. Cả hai đã sống những ngày thật hạnh phúc.

Lê Minh Quốc

1. Có một số bài viết cho rằng đây là câu hỏi của Thượng tướng Trần Văn Trà (B.T).

ÂM HƯỞNG KHÍ TIẾT ĐÔNG A*

Tiếng nhạc cổ điển chừng như đang dịu dàng hắt ra từ cái magnétophone teac A4010. Một vật nặng qua cửa sổ nhoài vào cánh cửa nâu cuối phòng, hắt một vệt lên abat jour cây đèn đọc sách, một vệt còn lại vuông trên những cây gậy cầm trong một ống chân voi. Cảnh bên máy hát magné là chiếc fauteuil cũ kỹ...

Chừng như chủ nhân vừa đi đâu đó ra khỏi phòng. Chắc là ông đi thăm thú khu vườn nhỏ của mình trước nhà...

Nhưng lâu vẫn không thấy ông trở lại... Trên bàn làm việc còn cuốn sổ điện thoại để mở và một cây viết. Cuốn sổ mở ở vần K ghi: Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng..., Nguyên là thư ký Khải..., Tô Ký..., Tạ Minh Khâm..., Ung Ngọc Ky..., Phạm Khải..., Vương Đình Ký..., Khánh Cao... Trong số ấy có người đã đi xa.

Bên phải, ngoài góc bàn là thủ bút của ông trên trang đầu cuốn sách *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*: “Tặng em Thoa, người vợ yêu quý, người bạn thân tình đã chia sẻ và đồng tình mọi vui buồn của đời anh”.

Xa hơn là khoảng không gian treo một loạt những bức ảnh chụp macro đủ thứ lan. “Ba tôi thích chụp ảnh và rất yêu hoa. Nhất là hoa hồng. Ông bảo má tôi đẻ cho ông một lô con gái để ông đặt tên “Hồng”, mỗi lần chỉ cần gọi “Hồng ơi” là chúng kéo đến hết”.

Kệ sách tiếng Pháp nằm im ắng sát bên ghế hành. Phần nhiều là danh tác cổ điển Homère, Sophocle, Racine, Rousseau... “Ngày xưa mỗi lần đi công tác ra Bắc, có bao nhiêu sách, ba tôi đều khuân về, dẫu đường xa ngàn dặm, di chuyển khó khăn, cực nhọc và mất rất nhiều thời gian”.

Căn phòng hầu hết là sách. Từ sách văn học, lịch sử đến chính trị, quân sự, kể cả tiểu thuyết gián điệp Bob Morane. Một vài cuốn tiếng Anh về cuộc chiến tranh

* Bài viết đăng trên Tạp chí *Kiến trúc Nhà Đẹp*, tháng 5/2001.

Việt Nam On Watch, The Vietnam Wars... “Bạn rộn lăm, nhưng ba tôi vẫn thường đọc sách về đêm. Vì ông yêu sách”.

Tất cả những thứ trong căn phòng “mà chủ nhân đi đâu đó”, được bày biện gọn gàng; sách, tài liệu, tranh ảnh được xếp đặt hệ thống như một thư viện nhỏ. Vâng, người ta có thể dễ dàng đoán ra đôi bàn tay “can thiệp chống bể bộn” ấy của người hiền phụ, người mà ông trân trọng để tặng trên cuốn sách của mình - bà Lê Thị Thoa.

Hình ảnh trong phòng, mỗi bức là một mảng quá khứ. Quá khứ của chủ nhân có nhiều quan hệ. Có một bức ảnh chụp gia đình ông chung với gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Lúc ấy ông mới có hai cô con gái Thu Hồng và Xuân Hồng, về sau ông mới có thêm cậu con trai út đặt tên là Việt Chi. Cái tên bắt nguồn từ câu thơ “Việt điểu sào nam chi” (con chim Việt đậu trên cành phía Nam). “Hồi ấy nhà tôi ở trong khu quân đội, căn nhà hai hộ chung với bác Hoàng Văn Thái, cạnh nhà các bác Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Tạ Quang Bửu, Vương Thừa Vũ... Má tôi và bác Hà¹ đều đi dạy, phải nhờ bác Kỳ² liếc chừng lũ trẻ”.

Một bức ảnh khác có lẽ là xưa nhất - chụp từ ngày chủ nhân còn ở Vệ quốc đoàn...

Chủ nhân vẫn chưa trở lại. Nhạc thỉnh thoảng như ngắt ngứ vì băng cũ. Chiếc ampli Sansui QR-6500 cũng không còn trẻ trung nữa để giúp cho âm thanh trau chuốt hơn. Chừng như nhạc gợi lại không gian sống của ông thời ở chiến khu... “Một cơn gió thoảng nhẹ lọt vào, phảng phất hương vị ngọt ngào của muôn loài hoa lá rừng xanh. Trên cánh đồng ruộng hép trải dài trước nhà, dọc theo thung lũng, từng đàn chim nhỏ vội vã lượm nốt những hạt lúa còn rơi rớt của vụ mùa sản xuất tự túc vừa qua. Dòng suối róc rách men theo đồng ruộng, len lỏi dưới những rặng cây xơ xác vì bom đạn, mới nhú một ít mầm non mơn mởn. Mọi cảnh vật hôm nay dường như cũng đang có một tâm hồn đào dạt, tươi vui, quyến luyến...”³.

Ông rất yêu thiên nhiên. Chắc là ông đang ở đâu đó ngoài khu vườn nhỏ trước nhà. Nhưng ngoài vườn cũng không thấy ông. Cây cỏ đều được tưới mỗi ngày mà vẫn ủ rũ. Chắc ông vừa đi đâu đó...

Tất cả những vật dụng quen thuộc còn vương vấn bóng dáng ông, vị danh tướng đã trải qua hai cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc, nhà kiến trúc chiến lược tài hoa - Thượng tướng Trần Văn Trà. Ông vẫn hiển hiện nơi căn nhà số 161 Pasteur qua rất nhiều kỷ vật, nơi ông sống phần lớn thời gian sau ngày đất nước hòa bình⁴.

1. Vợ Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

2. Vợ Đại tướng Văn Tiến Dũng.

3. Thượng tướng Trần Văn Trà: *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người phát ngôn trong bài viết là Bác sĩ Xuân Hồng - con gái thứ của cố Thượng tướng Trần Văn Trà.

NHỚ ANH RA ĐI VÀO THÁNG TƯ LỊCH SỬ*

(nhân kỷ niệm ngày mất Thượng tướng Trần Văn Trà - 20/4/1996)

Đầu năm 1993, tôi mới được vinh hạnh phục vụ dưới quyền lãnh đạo trực tiếp của anh ở Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh sống, làm việc, tiếp xúc, đối xử với mọi người hết sức bình dị, chân tình, ân cần, dễ gần, dễ mến. Anh rất thương người, thường xúc động trước nỗi đau, nỗi khó của người khác. Có lần về thăm quê, thấy đời sống của bà con còn khó khăn, anh bộc bạch với đồng chí Võ Đức Huy (Chủ tịch tỉnh Quảng Ngãi): “Cố gắng làm việc giúp cho, quê mình còn nghèo lắm”.

Anh hay dành những lời lẽ trân trọng và thân thiết để nhắc đến công lao của đồng chí, đồng đội, đồng bào đã gắn bó cùng anh trong chiến đấu, đã khuất hay đang lâm vào cảnh cơ cực, yếu đau. Rồi anh thầm giúp đỡ họ.

Trong cơ quan, thỉnh thoảng anh hỏi han sức khỏe và đời sống của anh chị em, dặn tôi cố gắng tìm cách cải thiện đời sống, giảm bớt khó khăn cho anh chị em.

Tôi luôn được dự các buổi tiếp khách của anh, trong nước cũng như khách nước ngoài: Nhà hoạt động văn hóa, xã hội, nhà văn, nhà báo, cựu tướng lĩnh, cựu binh, sinh viên...

Đối với mọi đối tượng, anh giữ phong thái lịch sự, ân cần, cởi mở, nói giản dị, ôn tồn, có lúc dí dỏm, nhưng sâu sắc, chặt chẽ, có sức thuyết phục và cuốn hút cao. Nhiều người Mỹ sau khi gặp anh, thừa nhận đã giải tỏa được các mặc cảm của họ trước kia, và tỏ ra rất kính phục, quý trọng anh.

Có lần một nữ phóng viên Mỹ trẻ tuổi phỏng vấn anh: “Tại sao Việt Nam không có nhân quyền?”.

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh* - Đặc san chào mừng Đại hội IX của Đảng và kỷ niệm 26 năm ngày chiến thắng (30/4/1975 - 30/4/2001).

Anh nhìn cô ta với ánh mắt độ lượng, rồi điểm đạm giảng giải cho cô ta hiểu quan niệm về nhân quyền của ta, mà tôi ghi nhớ mãi gần như nguyên văn: “Cái mà người Mỹ gọi là “nhân quyền” trên cơ sở quyền lợi cá nhân thuần tuý, thì chúng tôi không quan tâm. Đối với chúng tôi, quyền con người phải đặt trên cơ sở hài hòa giữa lợi ích cộng đồng và quyền lợi cá nhân. Quyền lợi cá nhân luôn phục tùng lợi ích cộng đồng, khi cần thì hy sinh cho lợi ích cộng đồng một cách tự giác. Đó là truyền thống dân tộc suốt bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam chúng tôi. Ngày nay, khi đất nước sạch bóng quân thù, chúng tôi lo tập trung xây dựng kinh tế nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh” theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là quan điểm về nhân quyền của chúng tôi từ ngàn xưa cho đến nay và mãi mai sau. Chúng tôi không có ý định áp đặt quan điểm của mình cho bất cứ ai và cũng mong ai đó đừng có ảo tưởng, áp đặt quan điểm của họ đối với chúng tôi”.

Lần khác, khi được giới thiệu người tiếp mình là Thượng tướng Trần Văn Trà, một cựu binh Mỹ bật đứng phắt dậy, lao đến dùng hai tay nắm chặt tay anh và rít thốt lên mừng rỡ: “Ôi! Ngài đấy ư? Thật là một vinh dự lớn cho tôi được ngài tiếp!”.

Lần đầu đến thăm Hội Cựu chiến binh Thành phố, cựu Đô đốc Mỹ E.R. Zumwalt (người đã ra lệnh rái chắt độc da cam trong chiến tranh) vui vẻ mào đầu: “Thưa tướng quân! Có một điểm thú vị là hôm nay chỉ cần 20 phút là tôi đến được sở chỉ huy của ngài, 25 năm trước, tôi đã bỏ ra 2 năm theo dõi mà không tìm được nó”. Anh Trà cười đôn hậu và hóm hỉnh đáp: “Nếu trước đây ngài tìm được tôi thì đâu còn có cuộc hội ngộ ngày hôm nay”.

Cựu Trung úy hải quân James G. Zumwalt (con trai đô đốc) là một nhà văn nhiều lần sang gặp và làm việc với anh để tìm tư liệu viết một quyển sách chống chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ. Khi được tin anh mất, ông có viết một bài trong đó có đoạn: “...Tôi cảm thấy một sự mất mát khi hay tin tướng quân qua đời”.

Là một danh tướng, anh lại có tâm hồn rất nhạy cảm, lãng mạn. Anh rất yêu trẻ, yêu hoa, biết rung động trước cảnh thiên nhiên “trăng xưa, hạc cũ, dòng sông lặng...”. Ít ai biết anh cũng có những vần thơ rung động lòng người, sáng tác ngay trên nẻo đường chiến dịch:

“Mai vàng rực nẻo hành quân
Gió ngàn nở rộn súng xuân vây thành
Xưa, nay vẫn núi sông mình
Rạng tài Nguyễn Huệ, thăm tình Ngọc Hân”.

Con người của anh là vậy: Một tâm hồn lớn, một khối óc lớn, một nhân cách lớn, một “tấm gương sáng cho các thế hệ” (lời Đại tướng Võ Nguyên Giáp ghi trong sổ tang).

*Võ Thành Kiết
Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*

TÌM LẠI NHỮNG TẤM ẢNH 30 NĂM TRƯỚC

(Kỷ niệm 30 năm giải phóng Lộc Ninh)

Nhận được thư mời dự kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng hoàn toàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (ngày 07/4/1972, ngay sau giải phóng đã trở thành “thủ đô” của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), bức tranh sôi động hào hùng và cõng lăm gian nan của buổi đầu giải phóng lại hiện về. Ngay sau ngày giải phóng, thực hiện lời kêu gọi của Mặt trận, nhằm bảo đảm lương thực cho 300.000 công nhân cao su cùng đồng bào địa phương và 30.000 Việt kiều từ Campuchia tránh họa Pôn Pốt vượt biên về nước sinh sống, đồng bào, chiến sĩ dũng cảm lao vào sản xuất lúa, khoai, dù hằng ngày chạm mìn địch gài lại thương vong cả trăm người, máy bay Mỹ ném bom xuống chợ Lộc Ninh giết hại, làm thương tật hơn 300 dân thường. Cũng tại Lộc Ninh ngày ấy, đoàn xe chở gỗ quý nhất của miền Đông đã xuất phát lên đường ra miền Bắc góp phần xây lăng Bác Hồ kính yêu. Hàng chục năm chiến đấu trong rừng sâu nước độc, về Lộc Ninh được thưởng thức những múi sầu riêng với mùi thơm khó tả, những trái chôm chôm vừa ngọt vừa có chút chua. Lục lại những tấm ảnh chụp hồi đó ghi lại biết bao sự kiện lịch sử: cho trực thăng Mỹ hạ cánh xuống sân bay do ta kiểm soát, không những sĩ quan Ba Lan, Hunggari, Indônnêxia trong Ủy ban giám sát quốc tế mà cả những sĩ quan Mỹ cao lêu nghêu đều được tiếp xúc trong nhà “cao cảng” - trụ sở Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; những hình ảnh về hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu nước bị địch giam cầm với thân hình tiêu tụy trở về trong vòng tay thân thương tri ân của đồng bào Lộc Ninh thay mặt nhân dân cả nước; những tấm ảnh về các cuộc trao trả tù binh Mỹ được ăn mặc tươm tất, da dẻ hồng hào bước lên trực thăng với nét cảm xúc lớn tri ân tấm lòng nhân đạo bao dung của cách mạng.

Và bức ảnh tôi quý nhất trong những năm tháng ở Lộc Ninh là tấm ảnh Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam ăn Tết trước để

vào ngày 01/02/1973 tiễn đưa anh Tư Chi (Trần Văn Trà) từ Lộc Ninh lên máy bay Mỹ vào Sài Gòn làm Trưởng đoàn quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Nhìn tấm ảnh, tôi nhớ mặt và tên từng người, người còn, người đã mất. Hầu hết các đồng chí trong Bộ Chỉ huy, đại diện Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và thủ trưởng thay mặt các Cục Chính trị, Tham mưu, Hậu cần đều có mặt, còn tôi vinh dự thay mặt Báo Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tấm ảnh có mặt chưa thật đầy đủ nhưng có thể đại diện cho một lớp cán bộ chủ chốt của Bộ Chỉ huy Miền và cơ quan phục vụ lúc bấy giờ. Từ trái sang: anh Bùi Phùng - Chủ nhiệm Cục Hậu cần, khi mất là Trung tướng; kế tôi là anh Trần Văn Phác - Phó Chủ nhiệm Cục Chính trị hiện là Thiếu tướng, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Hà Nội; anh Tư Thành (Tư Râu) - Phó Chính trị Hậu cần (đã từ trần); anh Chín Vinh (Trần ĐỘ) - Phó Chính ủy Miền; Giáo sư, Bác sĩ Nguyễn Thiện Thành; kế là anh Mười Khang (Đại tướng Hoàng Văn Thái) - Tư lệnh; anh Trần Văn Trà; anh Hai Nhã (Thiếu tướng Lương Văn Nho) - Cục phó Cục Tham mưu; ông Trần Bửu Kiếm - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (cả 4 đồng chí đều đã vĩnh biệt chúng ta); anh Nguyễn Văn Tòng - Cục phó Cục Chính trị, anh Tám Hòa (Trung tướng Nguyễn Xuân Ôn) - Chánh Văn phòng Bộ Chỉ huy, anh Tám Xuyến (Trung tướng Nguyễn Hữu Xuyến) - Phó Tư lệnh Miền và anh Hai Lê (Trung tướng Lê Văn Tướng) - Phó Chính ủy Miền. Chuyện anh Trà từ Lộc Ninh vào Sài Gòn mang tên gì cũng thật là lý thú. Tôi và Võ Trần Nhã phục vụ anh Trà viết hồi ký đã được anh kể và viết trong hồi ký: Lúc đầu được sự chỉ đạo của Trung ương anh định lấy tên Nguyễn Việt Châu là tên em ruột của anh (hy sinh năm 1969 lúc là Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ), nhưng rồi lại nghĩ anh từ Sài Gòn ra đi kháng chiến nay trở về gấp mặt đồng chí, đồng bào và cả những tướng ngụy như Trần Thiện Khiêm, Lâm Văn Phát... từng vào Đồng Tháp Mười xin theo kháng chiến lúc anh làm Khu trưởng, anh đề nghị và được Trung ương chấp thuận mang tên và cấp bậc Trung tướng Trần Văn Trà, Tư lệnh của Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam và chính cái tên đó đã làm cho đồng bào hô hởi, đối phương kính nể.

Lộc Ninh giải phóng đã trở thành một địa bàn chiến lược, nơi đặt cơ quan Trung ương Cục miền Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Lộc Ninh là nơi hoạch định kế hoạch và chỉ đạo, chỉ huy cuộc tiến công đánh chiếm tỉnh Phước Long - tỉnh đầu tiên ở miền Nam được giải phóng hoàn toàn. Và trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Lộc Ninh là

nơi đặt Sở Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Những năm chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, Lộc Ninh còn là địa điểm của cuộc chiến đấu chống quân Pôn Pốt lấn chiếm đất đai, nơi đặt Sở Chỉ huy tiền phương của Bộ Tư lệnh Quân khu 7.

Kỷ niệm 30 năm giải phóng, quân và dân Lộc Ninh nhìn lại chặng đường lịch sử vẻ vang hoàn thành nhiệm vụ toàn dân giao phó, nhất định sẽ vững bước tiến lên trên con đường xây dựng và bảo vệ quê hương - một vùng biên cương của Tổ quốc - ngày càng phát triển và giàu mạnh.

Viết Tân

TRÍCH TỪ NHỮNG TẬP HỒI KÝ CỦA TƯỚNG LĨNH VÀ NHỮNG CUỐN LỊCH SỬ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở B2

Hồi ký Trung tướng Lê Văn Tưởng (Lê Chân)

Anh Trà giao cho chúng tôi Lê Văn Tưởng, Nguyễn Hòa, Lê Xuân Chuyên huấn luyện hai trung đoàn bao gồm cán bộ, chiến sĩ và tân binh tại vùng căn cứ Chiến khu Đ. Anh Nguyễn Hòa - Đại tá, Lê Xuân Chuyên - Trung tá được học tập phương pháp đánh công kiên ngoài Bắc, vào Nam sau đoàn Phương Đông. Ngoài huấn luyện tác chiến cơ bản, anh Trà lưu ý huấn luyện cách đánh công kiên cho hai trung đoàn này. Ban đầu, anh phân công tôi chỉ đạo huấn luyện và dự định khi huấn luyện xong tôi trở về Cục Chính trị. Sau 2 tháng huấn luyện xong, anh Trà từ chiến khu Dương Minh Châu sang thăm. Anh Nguyễn Hòa báo cáo với anh về nghiệp vụ huấn luyện, tôi báo cáo về công tác tư tưởng, chính trị. Làm việc xong, anh Trà gọi tôi nói thêm:

- Anh tham gia thành lập đơn vị, rồi chỉ đạo huấn luyện, hiểu rất rõ cán bộ, chiến sĩ. Thôi thì anh cùng anh Ba Đình (Trần Đình Xu) tổ chức chiến dịch đánh địch vùng Bà Rịa - Long Khánh - Vũng Tàu luôn. Để anh Võ Thắng (Võ Văn Thạnh) - Phó Chủ nhiệm Cục Chính trị ở lại căn cứ với tôi.

Vậy là Ban Chỉ huy chiến dịch được thành lập gồm:

- Đại tá Trần Đình Xu (Ba Đình) - Tư lệnh chiến dịch.
- Đại tá Nguyễn Hòa - Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng.
- Thượng tá Nguyễn Văn Bứa (Hồng Lâm) - Quân khu trưởng Quân khu 7, Phó Tư lệnh chiến dịch.
- Thượng tá Lê Văn Tưởng (Lê Chân) - Chính ủy.
- Lê Xuân Lựu (Sáu An) - Phó Chính ủy.
- Trung tá Trần Văn Hương (Sáu Hương) - Chủ nhiệm Hậu cần.

Lực lượng xuất phát là hai trung đoàn chủ lực Miền. Lúc đầu, anh Trà cho biết ý định của Trung ương Cục định giữ lại một tiểu đoàn làm quân dự bị bảo vệ căn cứ. Tôi đắn đo suy nghĩ. Hôm sau đề xuất với anh Trà:

- Đề nghị anh chỉ sử dụng tiểu đoàn của anh Lê Thanh bảo vệ căn cứ, cho chúng tôi xuất quân đầy đủ hai trung đoàn.

Cuối cùng anh Trà chấp thuận.

Lịch sử Quân khu 8 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)

Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Xứ ủy trao đổi với đồng chí Trần Văn Trà ở một địa điểm trong vùng căn cứ miền Đông Nam Bộ: Miền Đông hiện có nhiều đơn vị lực lượng vũ trang, được Trung ương tăng cường thêm một số cán bộ lãnh đạo, chỉ huy. Khu 8, lực lượng, công tác tổ chức chỉ huy đang khó khăn, đề nghị anh Trần Văn Trà đưa một số lực lượng xuống củng cố Khu 8.

Sau khi trao đổi với đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Văn Trà rút ra một đại đội mạnh của Chi đội 12, một bộ phận của Chi đội 15 tổ chức hành quân xuống Đồng Tháp Mười.

Qua nghiên cứu tình hình và gặp một số cán bộ đơn vị các địa phương, đồng chí Trần Văn Trà mở hội nghị cán bộ các tỉnh Khu 8 ở Bến Kè - Tân An.

Hội nghị này thảo luận và quyết định hai vấn đề:

1) Củng cố, ổn định tổ chức, thống nhất tổ chức chỉ huy từ khu đến các địa phương, sắp xếp lại Bộ Chỉ huy Khu 8:

- Đồng chí Trần Văn Trà - Khu bộ trưởng.
- Nguyễn Văn Vịnh - Chủ nhiệm Chính trị bộ.
- Trương Văn Giàu - Khu bộ phó.
- Nguyễn Văn Quyện - Tham mưu trưởng.

Xây dựng các cơ quan Khu 8.

2) Xây dựng Đồng Tháp Mười thành căn cứ kháng chiến.

Thực hiện quyết định của Hội nghị, Bộ Chỉ huy Khu 8 phân công đồng chí Trí (ở Mỹ Tho) phụ trách xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười, trước mắt lấy khu Bắc Chang - Mộc Hóa làm căn cứ. Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, nhân dân Bắc Chang đã góp sức, góp công giúp cơ quan Khu 8 xây dựng nhà cửa, cung cấp lương thực thực phẩm... Vùng căn cứ địa của Khu dần hình thành và hoạt động đã có ảnh hưởng mạnh đến cuộc kháng chiến của nhân dân miền Trung Nam Bộ.

Về củng cố lực lượng vũ trang, Khu tổ chức lực lượng các tỉnh đang có mặt ở Đồng Tháp Mười: Tân An, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Gò Công, Sa Đéc (khoảng 5-6 trung đội) đưa lên khu vực Vàm Cỏ Tây học tập, sau đó thành lập Chi đội 14 gồm các đơn vị chiến đấu các huyện của Tân An, 2 trung đội của huyện Châu Thành (anh Phan Đông Sơ và Hai Bang), 2 tiểu đội vũ trang Mộc Hóa (anh Cửa, anh Nhỏ), bộ đội Thủ Thừa (anh Lê Văn Tưởng) và các bộ phận vũ trang của Trung đội huyện Chợ Lớn (anh Siêu) tổ chức thành 2 đại đội thực binh và các bộ phận trực thuộc. Lúc đầu do đồng chí Trần Văn Trà - Khu bộ trưởng kiêm Chi đội trưởng (sau Phan Vũ Hòa làm Chi đội trưởng), Lê Văn Tưởng và Nguyễn Văn Siêu là Chi đội phó, Nguyễn Văn Tôn là Chính trị viên. Hoạt động của Chi đội chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tân An. Sự ra đời của Chi đội 14 đánh dấu sự trưởng thành của lực lượng vũ trang trên địa bàn Khu.

Hoạt động của Chi đội cũng như nhiều đơn vị Vệ quốc đoàn các tỉnh vùng ven Đồng Tháp Mười có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến của nhân dân miền Trung Nam Bộ...

Như vậy, ở Khu 8 sau Hiệp định ngày 06/3/1946, cơ quan lãnh đạo từ Khu đến các địa phương và các đơn vị lực lượng vũ trang đã có một bước chấn chỉnh, sắp xếp bước đầu ổn định tổ chức và tiến hành đánh địch rộng khắp trên các địa bàn, phong trào diệt tể trừ gian được đẩy mạnh, lực lượng vũ trang phát triển nhanh trên cơ sở lấy súng địch tự trang bị phát triển lực lượng ta, nhiều đơn vị đánh tốt...

Hồi ký Thiếu tướng Lương Văn Nho

Tôi ở ngoài Bắc về, được Bộ Chỉ huy Miền phân công làm Phó Chủ nhiệm Pháo binh Miền, phụ trách công tác xây dựng và huấn luyện chiến đấu. Lúc bấy giờ, Miền đang tập trung xây dựng một đơn vị pháo mới theo yêu cầu phát triển của tình hình. Công việc đang được tiến hành tại Chiến khu Đ thì ngày 29/9/1964, đồng chí liên lạc mang thư của anh Ba Đình - Tham mưu trưởng Miền đến. Nội dung bức điện ngắn gọn: Bộ cần sử dụng gấp sơn pháo trong công tác đột xuất và cần một số cán bộ đi nghiên cứu...

Ngày 01/10/1964, trời mưa tầm tã, mặt đường phủ một lớp bùn vừa nhão vừa trơn... Mãi đến 5 giờ chiều, tôi mới tới chỗ anh Ba Đình. Cơm nước xong xuôi anh Ba Đình nói với tôi: Bộ Tư lệnh Miền giao cho pháo binh nhiệm vụ tập kích sân bay Biên Hòa bằng hỏa lực. Theo báo cáo của biệt động và quân báo, pháo ta có khả năng đột nhập để trị cho chúng một mẻ. Ngày mai, ta đến chỗ anh Tư Chi¹ sẽ làm việc cụ thể hơn...

1. Tư Chi: Bí danh của Thượng tướng Trần Văn Trà.

Sáng, tôi và anh Ba Đình đến gặp anh Tư Bình - Trưởng phòng Quân báo. Anh Tư giao cho tôi một tập tư liệu và nói: “Đó, tất cả về nó chỉ có vậy, anh cứ nghiên cứu, có gì hỏi thêm”. Trước mắt tôi, sân bay Biên Hòa hiện ra với toàn bộ khu vực nội biên và hệ thống phòng thủ cực kỳ nghiêm mật từ trong ra ngoài...

Buổi chiều, tôi đến gặp anh Tư Chi - Tư lệnh Miền, tại nơi đóng quân của Bộ Chỉ huy Quân khu 1. Anh từ Bắc Tây Ninh xuống đây để trực tiếp chuẩn bị cho chiến dịch Bình Giả sắp mở. Có đủ mặt các anh trong Ban Chỉ huy chiến dịch mới được thành lập (gồm anh Ba Đình, Hai Chân, Hai Búa, Sáu An, Năm Hòa...). Khi mọi người đang nói chuyện say sưa, anh Tư Chi quay sang hỏi tôi:

- Thế nào, đã nghiên cứu kỹ chưa?
- Báo cáo anh, nghiên cứu xong, làm được - Tôi trả lời ngắn gọn và cương quyết.
- Tốt lắm, thôi ta vào họp.

Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ. Sau khi bàn bạc kỹ mọi điều, anh Tư Chi chính thức giao nhiệm vụ:

- Các đồng chí! Để từng bước bẻ gãy âm mưu địch mở rộng chiến tranh ra miền Bắc và trên toàn bán đảo Đông Dương, góp phần bảo vệ hậu phương của cách mạng miền Nam, trả thù cho đồng bào bị địch sát hại, căn cứ vào địa hình và sơ hở của địch, Bộ Chỉ huy Miền quyết định dùng hỏa lực tập kích vào sân bay Biên Hòa, chủ yếu tập trung vào các khu vực để máy bay B57, AD6, kho hàng và nhà ở của bọn Mỹ. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng tạo điều kiện cho chiến dịch sắp tới giành được thắng lợi. Thay mặt Bộ Chỉ huy Miền, tôi giao nhiệm vụ này cho pháo binh. Các đồng chí hãy ra sức khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Những lời sau cùng của anh Tư Chi rõ ràng, rành mạch từng tiếng một, biểu hiện quyết tâm cao độ của Bộ Chỉ huy Miền...

Tôi đứng dậy nghiêm trang nhận nhiệm vụ là hoàn thành với mọi cố gắng lớn nhất của đơn vị.

Khi tôi chào anh ra về, anh Tư Chi nắm chặt tay tôi lắc lắc mãi:

- Đánh thắng nghen! Chú ý điều tra, nghiên cứu thật kỹ. Bảo đảm đường rút lui và bảo đảm an toàn cho bộ phận hỏa lực. Về thời gian nên chọn đúng lúc địch sơ hở, như ngày thứ bảy, ngày nghỉ chúng thường chủ quan, ta dễ làm ăn hơn...

Đêm càng về khuya càng tĩnh mịch. Tôi mừng thầm mọi việc chắc êm ả cả.

Mười một giờ hai mươi phút ngày 30/10/1964. Âm! Âm! Một loạt tiếng nổ lớn ở hướng Biên Hòa, tiếp theo là lửa bốc lên cao. Chiếc máy bay Đakota vọt lên thả 2 quả pháo sáng kết hợp với lửa dưới đất bốc lên làm sáng rực một góc trời.

“Cháy! Cháy rồi!”, có tiếng la lớn. Anh em thấy cháy nhưng không biết cháy ở đâu, người nói Biên Hòa, người nói Tân Phú, lao xao bàn cãi. Lòng tôi tràn ngập vui sướng và trong giây phút xúc động đến tột độ ấy tôi nói để mọi người hay: “Sân bay Biên Hòa cháy đó”.

Các đơn vị lần lượt về tới. Đến 5 giờ sáng, toàn bộ lực lượng về đủ và qua sông an toàn...

Trận pháo kích lần đầu tiên vào sân bay Biên Hòa đã diệt và làm bị thương hàng trăm tên Mỹ, hầu hết là sĩ quan giặc lái và nhân viên kỹ thuật, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 chiến máy bay ném bom B57 Mỹ mới đưa vào miền Nam Việt Nam.

Báo chí ở Sài Gòn chụp tấm ảnh Taylo - Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn đang đứng ủ rủ trước cảnh đổ nát của sân bay dưới trời mưa tầm tã, với một câu độc thoại với chính mình vừa nhắc nhở đồng bọn: “Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc mà trước đây họ chưa hề làm, tôi không thích những chuyện như thế này nữa”...

Năm 1969, nhân kỷ niệm lần thứ 5 ngày diễn ra trận pháo kích sân bay Biên Hòa lần thứ nhất, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã quyết định tặng Pháo binh Miền danh hiệu Đoàn pháo binh Biên Hòa.

TẾT ĐẾN NHÓ ANH TƯ CHI

Những ngày giáp Tết năm Nhâm Tý (1972), rừng miền Đông Nam Bộ như thưa ra, rộng ra. Từ đầu mùa khô, cây bắt đầu tróc lá và địch cũng tăng cường đánh phá ác liệt những vùng chúng nghi có căn cứ của ta. Các cơ quan của Cục Chính trị Miền phải chuyển cứ liên tục. Đội chiếu bóng (vòng trong) trực thuộc Phòng Tuyên huấn Cục Chính trị Miền đã hơn tháng nay cũng phải di chuyển. Máy móc, phương tiện đơn vị giao cho ba người Thành, Chuẩn, Luyến quản lý và sử dụng phục vụ các hội nghị và các cơ quan trong Cục và nhất là đi phục vụ các đồng chí lãnh đạo Bộ Chỉ huy Miền (có nơi ước chừng 2 ngày liền). Anh em nhận nhiệm vụ lên đường nhưng lo lắng hiện lên nét mặt, do máy móc cả tháng nay không sử dụng, nằm dưới hầm hoặc trên yên xe đạp khi di chuyển nên chất lượng rất kém, nếu không nói là khó hoàn thành nhiệm vụ.

Cách nơi đóng quân chừng 3km, anh Hai Chiến - phụ trách Văn phòng Bộ Chỉ huy Miền, ra đón chúng tôi và yêu cầu anh Lê Đức Thành (Đội trưởng) báo cáo số lượng phim, chất lượng máy. Sau khi nghe trình bày, anh Hai Chiến nói nhiệm vụ của đội lần này là phục vụ anh Tư Chi (tướng Trần Văn Trà).

Tranh thủ những trảng tranh có nắng, chúng tôi đem máy móc ra phơi, nhưng những phần máy có xi mạ inox phải che kín vì sợ máy bay đầm già phát hiện làm lộ cứ. Nắng ở rừng chỉ chừng được 3 tiếng đồng hồ. Hôm sau, chúng tôi phải tìm cách xuống nhà bếp xin than nóng, làm giá đỡ đưa máy lên sấy giống như người ta sấy chuối khô.

Sang ngày thứ ba, chúng tôi đem máy ra ráp, chuẩn bị chiếu thử tại “bãi chiếu bóng”. Gọi là “bãi” cho vui chứ thực ra đây là căn hầm rộng chừng 25m², nửa nổi nửa chìm, sâu chừng hơn 1m, phần mái cách mặt đất khoảng 80 phân, lợp lá trung quân, xung quanh hầm có vách ván tạp, khoảng 6 giờ rừng chiến khu đã tối đen như mực, khán giả đã tới. Do máy chiếu đặt trong hầm, vì “cự ly máy chiếu” mà chỗ đặt máy cũng là nơi ngồi xem của các đồng chí cán bộ cao cấp. Tay phe

phẩy chiếc quạt nan đan bằng tre, áo may ô, tóc cắt cao, anh Tư Chi vui vẻ chúc sức khỏe chúng tôi và ngồi vào vị trí chiếc ghế gỗ được bố trí sẵn. Ngoài ra, còn khoảng 10 người nữa nhưng chúng tôi không rõ mặt. Với tác phong vui vẻ dễ gần, anh Tư Chi quay sang hỏi tôi: “Hôm nay các cậu cho chúng mình thưởng thức món gì đây?”. Anh Thành đứng dậy báo cáo hôm nay có một số phim ở miền Bắc mới chi viện như *Lũy thép Vĩnh Linh*, *Không cho chúng nó thoát* (nói về trận đánh trả máy bay địch của các đơn vị phòng không) và phim *Đường về quê mẹ*. Vừa dứt lời, anh Tư hỏi có phim hoạt hình gì vui không. Tôi thưa có phim hoạt hình của Liên Xô *Đội bóng bồ tôt*. Quay sang anh Năm Ngà - Nguyễn Minh Châu, anh Tư gật đầu: “Được đấy!”.

Máy bắt đầu chạy, các hình ảnh xuất hiện, tất cả “bãi chiếu” đều im lặng chỉ nghe tiếng quạt muỗi của người xem. Xem xong phim hoạt hình êm ả, tươi vui dí dỏm là sang phim *Lũy thép Vĩnh Linh*. Cứ mỗi lần nhìn thấy các cô dân quân súng quàng vai cày trên ruộng đồng hay các em học sinh đội mũ rơm đi học trong địa đạo, tôi liếc nhìn gương mặt của anh Tư thoảng chiêu suy tư trăn trở.

Do máy móc để lâu bị ẩm, buổi chiếu được chừng 30 phút thì tiếng rè ồn ào ở đầu máy âmly mỗi lúc một to hơn, át cả tiếng nhạc, tiếng nói trong phim. Máy trở chứng, chúng tôi mồ hôi ướt cả lưng. Tôi định báo cáo để mong anh thông cảm. Như đoán được ý nghĩ của chiến sĩ, anh Tư nói luôn: “Máy này của Liên Xô là tốt đấy, bạn đâu có sản xuất riêng cho chiến trường Việt Nam, nên không hợp với xứ nóng ẩm của mình. Máy vào chiến trường không nhiều, phụ tùng thay thế ít, các cậu cứ chữa đi, để bọn này chờ. Lần trước, mình có điện xin cho các cậu một số phụ tùng thay thế, yêu cầu chuyển gấp vào, chắc nay mai các cậu nhận được”. Rất may sự cố trên dần được cải thiện, buổi chiếu đạt yêu cầu.

Hơn 30 năm đã trôi qua, Tết gần đến tôi lại thấy xuất hiện hình ảnh người chỉ huy cao nhất của Quân giải phóng miền Nam luôn ân cần, thân mật với chiến sĩ. Anh Tư Trần Văn Trà không chỉ lo chỉ huy chiến dịch lớn mà còn quan tâm đến cả chi tiết nhỏ như khó khăn ở bộ phận chúng tôi.

Đông Triều

CHUYỆN TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ Ở TRƯỜNG SƠN

Gần hết tháng 9, Trường Sơn vẫn còn những trận mưa cuối mùa. Công binh toàn tuyến tiếp tục phải trân lực chống lầy chuẩn bị cho mùa vận tải. Những ngày này hầu như không có đoàn cơ giới nào qua lại nữa, trừ xe công vụ. Bỗng có điện hỏa tốc gửi đến: “*Đoàn “Z” đi B2. Sư 472 tổ chức bảo đảm an toàn tuyệt đối. Sư phó phụ trách hành quân đoàn và trực tiếp dẫn đoàn “Z” vào Sư 471 - ký tên 601*”. Tôi ngỡ ngàng: “Mới chớm mùa khô, cán bộ nào đi mà ông Nguyên phải ký điện dặn kỹ thế (!)”. Giao ban xong, tôi điện thoại về Bộ Tham mưu. Nguyễn Chúc - Cục trưởng Vận tải trực chỉ huy thông báo:

- Trung tướng Tổng Tham mưu phó Trần Văn Trà vào thay Tư lệnh B2 đấy. Ông Trà đã làm việc với Bộ Tham mưu Trường Sơn nắm khả năng của ta, và hiệp đồng với Tư lệnh Nguyên kế hoạch bảo đảm Chiến dịch Nguyễn Huệ...

- Ta đã triển khai chi viện từ đầu năm rồi mà!
- Bộ Chính trị có chủ trương mới... Ông Trà cần đi gấp.

Nghe Chúc nói, tôi thoáng nghĩ “Không trì hoãn được rồi. Nhưng nước to, chảy xiết thế “Z” đi vào sao được”. Tôi nói:

- Đề nghị anh báo cáo nếu đêm nay hết mưa, sáng ngày kia xe mới vượt nổi Xêtênoan.

- Áy, không được. “Z” đang ngồi kèm bên 601 đấy.
- Được hay không phải do “thần” suối. Trường Sơn chẳng có xe lội nước thì đành chịu thôi.

Cả đêm không thấy Chúc giục nữa. Chắc đoàn “Z” đã nghe ra. Nhưng đúng hẹn, đoàn xe “Z” từ hướng Đường 9, theo trực 24A chạy vào tới ngầm Tà Luông. Anh Kim Sơn - Sư đoàn phó và Binh trạm trưởng Trần Yên Thế đã túc trực từ mờ sáng, bước đến đón. Các anh báo cáo do trận mưa cục bộ, mực nước lại đột ngột dâng cao, xe không qua được, đề nghị thủ trưởng tạm nghỉ mấy tiếng chờ nước rút. Trần Yên Thế tỏ ý băn khoăn về thời tiết Trường Sơn hay dở chứng bất ngờ.

Tướng Trần Văn Trà xuống xe, giản dị trong áo bờ lùdông quân phục, bắt tay mọi người nói vui:

- Đời luôn có sự bất ngờ mà. Thiệt không may mà lại hóa hay. Có thể chúng ta mới được dịp gặp nhau vui vẻ như bà con trong họ ấy chứ.

Câu mở đầu thân tình khiến cán bộ, chiến sĩ thoát cảm thấy ông như bạn chiến đấu ở xa mới về, chứ không là vị tướng cao vời nữa. Bình trạm trưởng Trần Yên Thế mời Tư lệnh vào trạm cảng võng tạm nghỉ... Ông nhấp ngụm nước nhìn mọi người ngồi quanh, thủ thỉ:

- Đây là lần thứ tư tôi đi dọc đường mang tên Bác chúng ta... Thực tình trước lúc vào đây, tôi chuẩn bị chịu đựng dữ lắm. Vì mấy năm trước, đi ban đêm chẳng nhìn thấy gì, xóc kinh khủng, địch làm chủ bầu trời. Năm nay thiệt bất ngờ, mọi cái đều đảo ngược.

Tướng Trà nhìn mọi người xung quanh, cặp mắt ông nhấp nháy như cười, giơ tay phác họa một cử chỉ tin cậy:

“Với con đường ra trận thế này, tôi tin sắp tới sẽ còn có những bất ngờ đến kinh thiên động địa... Nhờ các đồng chí chuyển lời cảm ơn đến anh chị em Trường Sơn... Mỗi thắng lợi ở chiến trường đều có công tích to lớn của các dũng sĩ 559... Dựa vào hậu phương, mới có sức mà chiến đấu ngày càng phát triển. Nhờ có đường mang tên Bác, như cái “cuống nhau” đầy dinh dưỡng, thì “bào thai” miền Nam mới lớn mạnh được...”

Cao trào Mậu Thân 3 năm trước là minh chứng hùng hồn cái lẽ đó... Các đồng chí nhớ cả chứ?

- Báo cáo nhớ lắm ạ! Thật vô cùng phấn khởi. Đã tưởng...

Tướng Trà nhìn người buông lửng câu nói, ông khẽ gật như thông cảm.

- Đúng đấy. Cuộc tổng tiến công năm ấy quả đã thể hiện khả năng của quân dân ta: Trên thực tế đã đạt được mục tiêu cơ bản về quân sự của Trung ương là tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Có giá trị làm rạn nứt sự câu kết trong phái diều hâu Mỹ, khiến cho nhiều chính khách Mỹ thối chí... Song phần ta cũng được bài học kinh nghiệm chờ bao giờ bộc lộ sớm lực lượng cơ sở cách mạng, khi sức mạnh quân sự chưa đủ đè bẹp hắn kẻ địch... Hồi đó, sau mấy đợt tấn công ta đuổi sức dần, kẻ địch thì hồi tỉnh kịp đưa quân chi viện, phản kích ác liệt. Lực lượng quân chúng tổn thất quá nặng, phải mất gần 2 năm vực dậy phong trào mới lên được... Bây giờ thì khá rồi. Được sự chi viện lớn của hậu phương, “B2” đã và đang đủ sức uy hiếp kẻ địch đấy.

- Báo cáo Tư lệnh, hiện nay liệu có...

- Tôi hiểu đồng chí muốn nói gì. Suốt mấy chục năm kháng chiến, đây là bài học xương máu đắt nhất của ta... Là cán bộ lãnh đạo đừng bao giờ tìm cách thoả dịu để cho nhẹ bớt trách nhiệm...

Có tiếng phản lực ràn rạt trên nóc rừng, tướng Trà ngừng lại một chút nhìn ra xa..., ông trầm giọng:

- Rồi đây trên những chặng đường cuối cùng về đích, sẽ còn nhiều cam go, cũng không phải đã hết sai lầm dẫn đến tổn thất... Vì là cuộc đấu trí đấu lực giữa hai bên trong chiến tranh mà. Có điều là người lãnh đạo chỉ huy cần biết lắng nghe, nếu sai phải có gan sửa. Chúng ta đâu phải là thánh, mà thánh cũng có khi sai đấy...

Ông cười nói:

- Các đồng chí đã xem thần thoại Hy Lạp chưa? Thần Zót trị vì vũ trụ, vô cùng tài năng, các thần đều kính phục. Nhưng Zót có tật hay ngoại tình. Có lần thấy nàng Xêmêlê đẹp liền gian díu đến mang thai. Hera vợ Zót biết được, khi Xêmêlê sinh liền nổ sét đánh chết. Theo lời thề các thần, Zót phải rạch đùi mình, khâu bé vào đó để tiếp sức sống cho con... Hêra coi đó là cái tội Zót phải mang để nhớ đời...

Tướng Trà cười müm mỉm:

- Chuyện thần chỉ có thể, nhưng ta rút ra được cái gì cho công việc đang làm chú nhỉ!

Các cán bộ nhìn nhau ngầm hiểu: Dù thương thần, sai mà không sửa, cố tình giấu khuyết điểm thì cũng mang họa về sau. Chuyện ấy đồn ra, anh em Sư đoàn 472 Trường Sơn rất tâm đắc, họ nói: Đúng là tướng của Cụ Hồ mới nghĩ được về người, về mình như thế.

Nguyễn Việt Phương

TẾT Ở TRẠI ĐAVÍT*

Đã qua lâu rồi, nhưng giờ đây mỗi độ xuân về chúng tôi lại nhớ mãi cái Tết Quý Sửu năm 1973 ở trại Đavít. Đời người dẫu trẻ hay già, cứ bao nhiêu tuổi là bấy nhiêu cái Tết cổ truyền. Riêng đời của chúng tôi, những sĩ quan, chiến sĩ của Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên, dẫu ở tuổi nào thuộc nhóm đầu 5, đầu 6, đầu 7 hay đầu 8... (theo cách nói vui dí dỏm pha chơi chữ để gián tiếp nói những người đã 50, 60 hay đã 70, 80 tuổi...) cũng chỉ có một lần và cũng chỉ có một lần “độc nhất vô nhị” được hưởng cái Tết đặc biệt ở trại Đavít.

Nói đặc biệt, vì mọi Tết, chúng tôi vui Tết, đón xuân ở từng gia đình nhỏ, còn Tết Quý Sửu 1973 ở trại Đavít chúng tôi lại đón xuân trong một “đại gia đình” giữa sào huyệt địch. Trung tướng, Trưởng đoàn Trần Văn Trà bảo: “Đây là cái Tết rất đặc biệt, cả đời người hẳn chỉ có một lần”. Cái gia đình lớn này cũng thật đặc biệt vì gồm những sĩ quan, chiến sĩ quê ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, tượng trưng cho một nước Việt Nam thống nhất nhưng vào thời khắc đón giao thừa năm ấy vẫn còn tạm thời bị chia cắt. Đặc biệt vì chúng tôi vào đây đón xuân đều bằng máy bay Mỹ, do phi công Mỹ lái. Đặc biệt còn vì lẽ do đào thầm Đàng Ngoài và mai vàng Đàng Trong cùng “cưỡi” máy bay Mỹ cũng do chính phi công Mỹ lái từ Hà Nội vào, từ Lộc Ninh ra đến đây để trang điểm cho cái “Tết lịch sử” này thêm rực rỡ, thêm vui, thêm đẹp, thêm khí thế chuẩn bị bước vào trận chiến đấu mới trên trận địa ngoại giao giữa sào huyệt địch.

Mỹ và chính quyền Sài Gòn tìm mọi cách phá cái Tết cổ truyền của 2 đoàn ta. Ngày 02/02/1973, 4 đoàn đại biểu quân sự trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên họp phiên đầu tại Sài Gòn. Mỹ đòi họp tiếp vào ngày 03/02. Trung tướng Trần Văn Trà phản đối. Cả Thiếu tướng Trưởng đoàn Lê Quang Hòa và đoàn ngụy Sài Gòn

* Bài viết đăng trên Báo *Đồng khởi*, Xuân Bính Tuất 2006.

cũng đồng tình thống nhất là nghỉ ngày ấy, vì mồng Một Tết truyền thống của dân tộc Việt Nam. Mỹ bức túc nhưng đành chịu, Mỹ không hăn học sao được. Chúng dùng máy bay, phi công Mỹ lái đưa mấy ông “Việt cộng” vào giữa Sài Gòn để vui Tết, đón xuân. Thật là trớ trêu nhưng đành ngậm bồ hòn làm ngọt.

Đêm giao thừa chúng tôi vẫn đi chúc Tết nhau xen kẽ giữa 2 đoàn Bắc - Nam. Không khí Tết thật đầm ấm khó tả bằng lời. Anh Trà đã ví cái Tết đặc biệt này là “một xã hội con chan hòa tình cảm, thống nhất tâm tư trong vòng thành và lô cốt “bảo vệ” của kẻ địch”. Anh còn tả cái Tết ấy ngắn gọn thế này: “Mùi khói thuốc lá Thăng Long quyện với hương cà phê Lộc Ninh, ngọt ngào lan tỏa làm ấm lòng người. Lại còn một cành đào Ngọc Hà cưỡi C130 và một cành mai vàng rực rỡ đưa từ R về tượng trưng cho Tết của hai miền Bắc - Nam. Đủ lăm rỗi hương vị một mùa xuân”. Đoàn anh Trà ăn Tết Quý Sửu trước ở Lộc Ninh. Hôm nay, bên cạnh những cành đào đỏ, mai vàng, anh nhắc đến vua Quang Trung ngày trước sau khi quét sạch lũ xâm lược Mãn Thanh, đưa quân sĩ vào Thăng Long ăn Tết, lúc trở lại Phú Xuân, nhà vua đã chọn cành đào đẹp nhất Hà thành đem về tặng người vợ yêu quý là công chúa Ngọc Hân. Đào thắm Đàng Ngoài khoe sắc bên mai vàng Đàng Trong tượng trưng cho sự thanh bình của đất nước. Lại còn có cả bánh chưng xanh, dưa hành gửi tới, những câu đối đẹp, gợi lên bức tranh xuân Hà Nội làm quyền rũ những ai đã một lần vui Tết, đón xuân ở đất “Thăng Long ngàn năm văn hiến”. Ngay cả đoàn Indonêxia trong Ủy ban quốc tế cũng say sưa ngắm cành đào cẩm ở trụ sở, trầm trồ, thích thú hai cây đào ta đang nở hoa đỏ chói trong phòng khách. Họ lấy làm lạ về những cây đào Hà Nội, cây mai từ căn cứ cũng đã vào tận đây nở đầy hoa giữa Sài Gòn.

Một số sĩ quan Sài Gòn được phép tới 2 đoàn ta cũng phát ghen và ước ao có được một cái Tết đầm ấm tình người, không phân biệt giữa các sĩ quan cấp tướng, cấp tá, cấp úy và các chiến sĩ của đoàn chúng ta giữa “ốc đảo” này.

Giữa lúc Trung tướng Trần Văn Trà đang chúc Tết anh chị em cả 2 đoàn ta thì mái nhà tôn bỗng rung lên vì những chiếc trực thăng bay quá thấp. Từ trên đó, nhiều đèn pha hồ quang chiếu xuống. Mọi người nói với nhau: Chính quyền Sài Gòn làm cái trò gì vậy? Mặc họ. Cuộc gặp mặt đạt đào tình nghĩa Nam - Bắc giữa hai đoàn không hề bị ảnh hưởng. Chúng có sức thì cứ việc bay. Ngày mai ta có công hàm phản đối. Còn anh chị em chúng tôi vẫn cứ ung dung ngồi quây quanh chiếc máy thu thanh, nhấp trà Ba Đình, hút thuốc lá Thăng Long, ăn mứt gừng, uống bia Trúc Bạch, ngắm đào thắm miền Bắc, mai vàng miền Nam..., chuyện trò rôm rả đón giao thừa và chờ nghe Bác Tôn kính yêu chúc Tết. Mọi người đều hướng về Hà Nội! Qua chiếc đài bán dẫn, chúng tôi như vui lây cái không khí cả Hà Nội tưng bừng đón xuân mới. Các bạn yêu thơ còn mở chiếc bán dẫn nhỏ nghe giọng ca sĩ ngâm bài thơ của nhà thơ lớn Tố Hữu, tỏ vẻ thích thú với những khổ thơ làm xúc động lòng người:

*"Khao khát trăm năm, mãi đợi chờ
Hôm nay vui đến, ngõ trong mơ
Một trời êm á, xanh không tưởng
Mặt đất bình yên giấc trẻ thơ".*

Một số bạn lính trẻ thích thú ngâm đi ngâm lại khổ thơ:
*"Chúng muốn đốt ta thành tro bụi
Ta hóa vàng nhân phẩm, lương tâm.
Chúng muốn ta bán mình ô nhục
Ta làm sen thơm ngát giữa đầm".*

Một số khác nhìn cờ và khẽ ngâm:
*"Ta săn sàng xé trái tim ta
Cho Tổ quốc, và cho tất cả
Lá cờ này là máu là da
Của ta, của con người, vô giá.
... Ngọc Hà em! Lặng lẫy hoa tươi
Xin thơm khắp miền Nam, miền Bắc
Chắc Bác Hồ vui, xin kính dâng Người
Và tặng các anh em cùng ta đánh giặc.
... Ta lại về ta, những đứa con
Máu hòa trong máu, đỏ như son.
Sài Gòn ơi, Huế ơi! Xin đợi
Tái hợp huy hoàng, cả nước non!".*

Ta càng vui, chính quyền Sài Gòn càng bức tức lồng lộn. Khoảng 3 giờ sáng mồng Một Tết, không gian bỗng rung lên như động đất nhẹ bởi tiếng gầm rú của chiến xa. Anh Trà đang ngủ bị lay dậy và nghe báo cáo là địch đang uy hiếp ta bằng trực thăng vũ trang và bao vây bằng xe bọc thép. Thiếu tướng Lê Quang Hòa - Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã phản đối với sĩ quan ngụy, nhưng không có kết quả mà địch càng lồng lộn, điên cuồng. Chúng cho 4 trực thăng quần thảo, rà soát, gầm rú trên nóc nhà, chiếu đèn pha rực sáng. Ngoài cổng, 6 xe bọc thép nghiến bánh sắt xuống đường; các xe lớn đỗ quân bao vây trại. Cả không gian trại náo động như sắp có trận đánh lớn.

Hỏi ra mới biết một đồng chí thông tin của đoàn anh Hòa cao hứng treo lá cờ đỏ sao vàng trên cột ăngten để đón Tết. "Lá cờ này là máu là da, của ta, của con người, vô giá" mà.

Anh Trà và anh Hòa cùng bàn và nhất trí: “Ta và Sài Gòn còn đang bàn về thủ tục dùng cờ, giấy chứng minh đi lại... chưa ngã ngũ. Vì vậy, thấy cờ đỏ sao vàng xuất hiện chúng hoảng hốt, phản ứng mạnh đòi rút cờ. Anh em ta thì cứng nhắc, không nghe”. Anh Trà còn nói thêm với anh Hòa là: “Chúng “cứng” ta lấy “mềm” mà xử. Cái đầu chúng đang nóng như lửa, ta lấy nước mà dập tắt. Đây là chuyện nhỏ, nhân nhượng một chút không là gì cả. Thi hành Hiệp định như ngừng bắn, rút quân, trao trả... mới là chuyện lớn cần và nhất thiết phải giữ vững nguyên tắc”. Mỹ và chính quyền Sài Gòn đưa 2 đoàn ta vào trại Đavít nhằm âm mưu thâm độc là bao vây, cô lập, đe dọa và bưng bít dư luận... Chúng không lường trước hết cái lợi của 2 đoàn ta đóng quân cùng một địa điểm như trại Đavít. Anh Trà và anh Hòa cùng nhau bàn bạc và nhanh chóng quyết định biện pháp đối phó trường hợp phức tạp và nhạy cảm này. Lại một lần nữa ta cho chúng ngậm bồ hòn làm ngọt. Có điều lần ngậm bồ hòn này vừa cay, vừa đắng hơn nhiều so với lần trước nên phản ứng cũng điên cuồng hơn. Phía ta chỉ cần dùng một biện pháp nhỏ, rất giản đơn, thể hiện tính sáng tạo, mưu trí của 2 người lính Cụ Hồ đã từng xông pha trận mạc này. Ta cho anh em rút cờ, đổi phương không còn lý do để gây sự nên lại đành ngậm bồ hòn làm ngọt vậy. Chúng nuốt hận vào trong, chịu nhục, ra lệnh rút lui lực lượng. Thế là mọi chuyện trở lại bình thường. Không khí vui xuân ngày mồng Một Tết vẫn đầm ấm, vui vẻ. Chúng muốn dùng sắt thép để đè bếp, nghiền nát ý chí của ta, ta lại dùng tinh thần và ý chí thép đập nát sắt thép của chúng ngay ngày mồng Một Tết Quý Sửu năm 1973.

Phiên họp tiếp theo của Trưởng đoàn, 2 đoàn ta phản đối mạnh mẽ. Anh Trà nghiêm khắc phê phán phía Mỹ, Sài Gòn: “Các ngài quen dùng vũ lực tàn bạo để đe dọa những kẻ yếu bóng vía. Bom đạn của Mỹ tuy nhiều thật nhưng đã bất lực rồi. Chúng tôi vào đây để nói chuyện hòa bình, hòa giải, không phải để chiến đấu. Các ngài có biết rằng, nếu Quân giải phóng của chúng tôi, chỉ quanh sát Sài Gòn đây thôi, biết rằng các ngài đón khách kém văn hóa, kém văn minh, láo xược và thô bạo như vậy thì sẽ nghĩ và làm gì không?”. Cả tướng Út Uốt (Wood Ward) - Trưởng đoàn Mỹ và tướng Ngô Du - Trưởng đoàn Sài Gòn lúng túng đổ lỗi cho lực lượng không quân ở sân bay và chống chế là “họ có trách nhiệm bảo vệ”.

Hai đoàn đại biểu quân sự chúng tôi vui Tết đón xuân ở trại Đavít, một ốc đảo giữa sào huyệt địch như vậy đó. Thật là một cái Tết “độc nhất vô nhị” mà chỉ Tết Quý Sửu ở Việt Nam mới có.

Nguyễn Hùng Đào
Sĩ quan báo chí Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ
Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam

NHÌN THIÊN MÃ, NHỚ NGƯỜI...*

Gần ngày giỗ lần thứ 10 của Thượng tướng Trần Văn Trà (ông mất ngày 20/4/1996), tôi theo nhóm vẽ Hương Cỏ lên Bình Dương thăm cô My (tên gọi ở nhà của cô Lê Thị Thoa). Bên cạnh bàn thờ vẫn nghi ngút khói hương là bức chân dung của ông do chính tay cô vẽ. Ông uy nghi trong bộ quân phục nhưng vẫn toát lên vẻ hiền từ, phúc hậu. Những thành viên của Hương Cỏ đã ở vào tuổi ngũ, lục tuần, có người đã có cháu nội, cháu ngoại, vậy mà lên chơi với bà Thoa bỗng trở nên nghịch như quỷ. Cả lũ kéo nhau ra vườn trèo cây hái ổi, hái xoài, trò chuyện râm ran. Trang trại của bà rộng, chủ yếu trồng xoài. Tôi lang thang và bất ngờ bắt gặp một tượng ngựa bằng đá trắng. Ngựa đang ở tư thế chuẩn bị bay lên trời với đôi cánh dang rộng. Dưới chân ngựa là một bia đá có khắc bài thơ:

“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”.

Bà Thoa cho biết bức tượng này nằm trong ý nguyện cuối cùng của đời ông. Trong tập 5 cuốn hồi ký *Những chặng đường lịch sử của B2 Thành đồng*, ông viết trong Lời mở đầu: “B2 (Liên khu miền Đông) là một vùng mà tôi rất yêu quý, gắn như suốt cuộc đời mình, sống và phục vụ ở đó từ những ngày hoạt động chính trị bí mật trước Cách mạng Tháng Tám cho tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc và có lẽ tôi cũng sẽ chọn nằm xuống mãi mãi ở đây”. Vì ước mong đó nên khi còn sống, tướng Trà đã chọn cho mình miếng đất bên một nhánh sông Sài Gòn. Ông dặn người nhà, sau khi ông qua đời, hãy đưa ông về yên nghỉ ở đó, cho ông quay mặt về hướng sông để hằng ngày được hưởng gió trời từ vùng đất mà ông yêu quý. Ông ra Ngũ Hành Sơn đặt thợ tạc một con ngựa bằng đá trắng to như ngựa thật để đặt bên cạnh phần mộ mình và tạc lên bia mộ cũng bằng đá trắng.

* Bài viết đăng trên Báo Doanh nhân Sài Gòn, số 139, tháng 4/2006.

Nhưng sau này, thi hài của ông được đưa về Nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh. Trên bia mộ của ông có khắc hình một lưỡi kiếm, nhắc nhớ con cháu về cuộc đời binh nghiệp của ông. Sau khi ông mất một tháng, bức tượng ngựa đá mới hoàn thành, nhưng thật đáng tiếc, do không có đá nên thợ chỉ tạc được một con ngựa bằng một nửa so với kích cỡ ông đặt. Böyle giờ con ngựa đá về đứng dưới một lùm cây mát mẻ trong trang trại của vợ con ông như một chú ngựa thiêng thần trong truyện thần thoại.

Nhớ đến người đã khuất, bà Thoa nói: “Nếu không có chiến tranh, có lẽ chú sẽ đi theo nghiệp văn chương”. Những ai đã ở gần ông đều biết vị tướng tài ba ấy rất yêu văn thơ, yêu hoa. Có nhiều bài thơ tướng Trà làm ngay trên đường đi chiến dịch. Trong tập 5 cuốn hồi ký chiến tranh, để mô tả cảm xúc, nhiều đoạn ông đã mượn thơ của các nhà thơ như Xuân Diệu, Thu Bồn, Nguyễn Trãi. Trên đường vào tiếp quản Sài Gòn, ông viết: “Lòng tôi dạt dào xúc động. Tôi muốn ghé lại thăm từng nhà, ôm hôn thăm thiết từng người mà tôi gặp. Tôi muốn thu vào tầm mắt, in vào tận đáy lòng mọi thứ mà tôi nhìn thấy hôm nay, từ những cánh đồng phì nhiêu rộng rãi cho đến cả vòm trời cao vút trong xanh. Không cần biết đấy là làng gì, ấp gì, phường gì, khóm gì. Anh là họ Nguyễn ư? Chị là họ Lê ư? Tất cả đều là bà con, làng mạc của ta, tất cả đều là mình hết! Hai mươi mốt năm rồi, chúng phân cắt, chia ly, gần mà hóa xa, thân mà làm như lạ. Giờ đây trời của ta, đất của ta. Tự do và độc lập rồi. Bà con ơi! Các mẹ, các anh, các em, các cháu đã nhận rõ hết chưa?”. Trong diễn văn ra mắt nhân dân Sài Gòn - Gia Định ngày 07/5/1975 với tư cách là Chủ tịch Ủy ban quân quản, tướng Trần Văn Trà viết: “Chỉ có đế quốc Mỹ là kẻ chiến bại. Toàn thể dân tộc Việt Nam là người chiến thắng. Bất cứ ai còn mang dòng máu Việt Nam đều có quyền tự hào về chiến thắng chung của cả dân tộc”.

Mỗi lần lên Bình Dương thăm bà Thoa, tôi lại gặp bạch mã đang đứng suy tư ở vườn nhà. Lại đọc những dòng thơ ung dung mà hào sảng của ông, lòng tôi trào dâng thương nhớ và chút gì như day dứt khôn nguôi.

Diệu Hiển

BUỚC VÀO CUỘC ĐỜI BINH NGHIỆP*

(Trích hồi ức của Thượng tướng Trần Văn Trà,
tưởng nhớ 10 năm ngày mất của Thượng tướng)

Ngày 22/8/1945, tôi ra tù, đi tìm và bắt liên lạc với cơ sở.

Ngày 23/9/1945, tôi tham gia chiến đấu một thời gian ở Cầu Bông, Bà Chiểu, Phú Nhuận, gặp ông Thiều ở Cầu Bông. Về Hóc Môn, tôi gặp Tỉnh ủy Gia Định (Giải phóng). Tôi với anh Khuong cũng đi gặp Thới, Đức, Chín Nhỏ (sau này chỗng Mỹ là Bí thư phân khu, đã hy sinh). Tôi bàn với các anh ở Tỉnh ủy tình thế địch đã đánh nồng ra, các mặt trận chung quanh còn đang chiến đấu, mấy sư đoàn tổ chức thế này thì rã hết. Tôi đề nghị Đảng ta lãnh đạo mà trong tay không có lực lượng thì không thể được, Đảng ta phải thành lập và nắm chắc các đơn vị vũ trang. Tỉnh ủy đồng ý ra quyết nghị thành lập các lực lượng vũ trang. Chỉ định anh Hoàng Dư Khuong làm Chính ủy (lúc đó là Chính trị bộ Chủ nhiệm), Tô Ký và Cao Đức Luốc làm Ủy viên quân sự. Tôi và Đức đi tổ chức lực lượng. Tỉnh ủy điều các đơn vị về Mỹ Hạnh, nơi được chọn làm căn cứ nằm trên đất giồng. Bộ đội anh Cao Đức Luốc, Bộ đội Tô Ký, Bộ đội Cầu và Bộ đội Năm Thượt (Lâm Quốc Đăng) từ Phú Thọ Hòa lên tập hợp lại, chia ra thành từng trung đội, đại đội. Tổ chức lực lượng xong giao đơn vị lại cho các anh Khuong, Tô Ký, Luốc, tôi và Đức trở về lo công tác Đảng, công tác quần chúng. Nhưng một tháng sau, anh Khuong về đề nghị Tỉnh ủy rằng anh không làm Ủy viên chính trị được, lãnh đạo quân sự khó lăm, đề nghị tôi thay. Bắt đầu từ đó, tôi về phụ trách quân sự luôn. Lúc đầu khó tập hợp, điều khiển, chỉ huy lăm vì toàn là ông này, ông kia, đủ thứ. Tôi tổ chức lớp học chính trị, bồi dưỡng chính trị viên từ trung đội trở lên. Các ông chỉ huy, lúc đầu không chịu. Như Đức Luốc cũng là “anh chị vường”, ghê lăm. Một số chỉ huy quân sự rất ghét chính trị viên. Do đó tôi phải dẫn bộ đội đi đánh, đánh coi được anh em chỉ huy quân sự mới chịu. Nếu anh nhát gan chỉ có nói suông thì không ai nghe, vì có định kiến chính trị chỉ nói thôi. Đến tháng 11 hay tháng 12/1945, địch đánh bung ra, chiếm Đức Hòa.

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, ngày 20/4/2006.

Trước đó, nhiều đồng chí lãnh đạo, cán bộ Trung ương đã đến Mỹ Hạnh: Hoàng Quốc Việt, Cao Hùng Lãnh, hai vợ chồng Huỳnh Văn Tiểng, Lê Văn Lương, Đàm Minh Viễn (anh Đàm Quang Trung). Ở Mỹ Hạnh có nhiều chuyện vui lắm. Đàm Minh Viễn về dự hội nghị ở Đức Hòa có cho tôi cây súng ngắn Pachoc (Trung Hoa Dân quốc sản xuất), vỏ ngoài bằng gỗ, rút ra thành cái báng súng. Hội nghị quân sự Nam Bộ tổ chức ngày 10/12/1945 tại Hòa Khánh có các đồng chí Hoàng Quốc Việt (Thường vụ Trung ương Đảng, nay là Bộ Chính trị), Cao Hùng Lãnh, Đàm Minh Viễn là cán bộ cao cấp quân sự Trung ương cử vào, Nguyễn Bình..., anh Ba Duẩn không biết có dự không, vì tôi không dự. Chính hội nghị này chia 3 chiến khu 7, 8, 9, chỉ định các ban chỉ huy các khu: Khu bộ trưởng Khu 7 là Nguyễn Bình, Chính trị bộ Chủ nhiệm là Trần Xuân ĐỘ; Khu 8, Đào Văn Trường là Khu bộ trưởng, Trương Văn Giàu là Khu bộ phó, Võ Sĩ là Chính trị bộ Chủ nhiệm; Khu 9, Vũ Đức là Khu bộ trưởng, Phan Trọng Tuệ là Chính trị bộ Chủ nhiệm. Sau Hội nghị, chuẩn bị tổ chức cho một số anh xuống Bến Tre đi đường biển ra Bắc.

Mười Trí đóng ở ngã ba Bà Quẹo. Đệ tam và Đệ tứ Sư đoàn rủ Mười Trí hợp lực lên Mỹ Hạnh đánh túi tội. Mười Trí không chịu, chỉ có bọn kia lén thõi. Tôi nhớ có Đức, Đệ tam Sư đoàn. Chúng tới rất hùng hổ. Vì có một đơn vị ở nội thành ra chừng vài chục người toàn là anh em công nhân và cán bộ kỹ thuật của ngành xe điện được chúng tôi giữ lại. Tôi hỏi các anh đi đâu, các anh nói là về Đệ tam Sư đoàn. Thuyết phục ở lại đây giúp làm quân giới, anh em đồng ý. Bọn Đệ tam, Đệ tứ Sư đoàn lấy cớ là người của chúng, đòi trả anh em cho chúng. Bọn này mang giày bốt cao, bên hông mang gươm Nhật, một bên súng ngắn. Thằng nào cũng như thế, oai lăm. Do tụi này hung hăng, tôi bố trí lực lượng chừng một trung đội, súng ống đàng hoàng phục kích chung quanh. Tôi mặc bộ quần áo bà ba lanh đèn ra tiếp, không mang súng ống gì hết, người nhỏ lại thư sinh. Tiếp chuyện, tôi hỏi chúng muốn gì. Chúng nói bộ đội của chúng đi ngang qua bị chúng tôi giữ lại. Chúng tố lên có nhiều người, mang nhiều súng ống. Tôi trả lời chúng tôi chỉ giữ lại anh em nào tự nguyện nhập vào đơn vị, không có lực lượng đông, súng ống nhiều như các anh nói. Ra hiệu cho anh em bố trí ở ngoài ló súng ra, chúng thấy ta có lực lượng lớn nên xuống nước, rút êm.

Cũng tại Mỹ Hạnh, tôi và Cao Đức Luốc dẫn bộ đội lên tước vũ khí của bọn Đệ tứ Sư đoàn của Nguyễn Duy Phương đóng ở Nhuận Đức (Củ Chi). Bọn này không kháng cự được vì ban đêm chúng tôi đã bí mật bao vây, sáng ngày ta vào chúng không kịp trở tay chống cự nên đầu hàng hết. Chúng tôi trả lại heo chúng bắt của dân. Súng ống lấy một ít, còn cho xã để tổ chức du kích.

Nguyễn Viết Tá
ghi và biên tập

Ở TIỀN PHƯƠNG, CHIẾN DỊCH MẬU THÂN 1968*

Một ngày giáp Tết năm ấy, theo lời hẹn, tôi đến thăm Thượng tướng Trần Văn Trà. Vượt qua tuổi “thất thập” 5 năm mà trông ông vẫn hồng hào khỏe mạnh, phong độ ung dung. Giọng nói vang, âm vực cao mà sâu lắng khi câu chuyện hướng về những ngày tết chiến khu, tết chiến trận, tết đồng cam cộng khổ... Cảm thông nỗi niềm ấy, cho nên đơn vị bộ đội nào đóng trong vùng dân hoặc gần dân, thì mấy ngày Tết bà con ủy lạo quà Tết ăn mệt nghỉ. Còn như Tết Mậu Thân năm ấy ăn Tết trước, được đồng bào Sài Gòn gửi ra cho hưởng hương vị thành phố, thật là cảm động biết bao!

“Ăn Tết trước”, cụm từ tưởng mới mẻ, hóa ra từ năm 1789 Tết Kỷ Dậu, vua Quang Trung đã cho quân ăn Tết trước, rồi ngài nói với tướng sĩ rằng: “Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng...”.

Nguyễn Huệ thực hiện lời hứa của mình như thần, mờ sáng ngày mồng 5 đã tiến sát đồn Ngọc Hồi. Thái thú Sầm Nghi Đống thắt cổ chết ở Loa Sơn (tục gọi là Đống Đa). Giữa trưa ấy, vua Quang Trung tiến binh tới Thăng Long. Như thế, lời hứa của ngài sớm 2 ngày. Tiệc khao quân được mở...

Thượng tướng kể, cùng với bộ đội, chúng tôi trong Bộ Chỉ huy Miền cũng ăn Tết trước với các anh trong Trung ương Cục như anh Phạm Hùng, anh Nguyễn Văn Linh... Ăn Tết với tinh thần tượng trưng, còn thì luôn trăn trở ý đồ chiến lược, luôn canh cánh rà soát lại các mệnh lệnh, biện pháp chiến thuật, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật... Ăn Tết trước để “xuống đường” trước Tết hơn 10 ngày, kịp triển khai nhiệm vụ. Sở Chỉ huy tiền phương của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền thành lập hai bộ tư lệnh cho hai mặt trận.

* Bài viết đăng trên Tạp chí *Hồn Việt*, tháng 02/2008.

Mặt trận hướng bắc gọi là Tiền phương Bắc, hay Tiền phương 1, phụ trách quân chủ lực Miền và các đơn vị mũi nhọn của các phân khu 1, 4, 5 và một phần của Phân khu 2 ở hướng bắc và đông thành phố; chịu trách nhiệm các địa bàn: Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp, Lái Thiêu, Thủ Đức, Bình Tân. Mục tiêu là khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, các căn cứ quân sự ở Gò Vấp và Bộ Tổng Tham mưu ngụy. Hướng này còn gọi là *hướng tổng công kích*, do tướng Trần Văn Trà làm Tư lệnh.

Mặt trận hướng nam gọi là Tiền phương Nam, hay Tiền phương 2, chịu trách nhiệm chỉ huy các đơn vị chủ lực hướng nam và tây nam, gồm Quận 1 đến Quận 8; với các đơn vị mũi nhọn của Phân khu 3 và một phần Phân khu 2, tỉnh Long An; chỉ huy toàn bộ Phân khu 6 (gồm các lực lượng biệt động nội thành), cùng các tổ chức vũ trang của các ban, ngành, đoàn thể nội thành. Mặt trận này tấn công các mục tiêu: Dinh Độc Lập, tòa Đại sứ Mỹ, Bộ Tổng Tham mưu, Đài Phát thanh Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Hải quân, Tổng nha Cảnh sát, phát động quần chúng chiếm các xóm lao động đón quân chủ lực vào thành. Hướng này gọi là *hướng tổng khởi nghĩa*, do đồng chí Võ Văn Kiệt và đồng chí Trần Bạch Đằng phụ trách.

Thượng tướng nhắc qua những nhiệm vụ, mục tiêu giao cho từng đơn vị mà ngày ấy tuyệt đối bí mật, thành ra có câu thành ngữ mới “vừa chạy vừa sắp hàng”, bởi nhận được lệnh ngày N và giờ G rất cận mà đường xuất kích thì xa! Rồi trong khi Sở Chỉ huy Tiền phương Bắc cùng các đơn vị “xuống đường” thì Tư lệnh phải “lên đường” do được phái đi báo cáo thông qua Trung ương kế hoạch của B2, đặc biệt là kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn. Thời gian rất ngắn, trước ngày N chỉ có 15 ngày, nên phải tìm cách đi nhanh nhất, bằng con đường ngắn nhất, để sao cho còn đủ thời gian đuổi theo Sở Chỉ huy tiền phương, kịp triển khai nhiệm vụ đến các đơn vị trực thuộc. Tư lệnh đã tìm được phương cách tối ưu: hai ngày đi, ba ngày báo cáo toàn bộ kế hoạch và xin thông qua, nhận chỉ thị cuối cùng của Bộ Chính trị và hai ngày về. Cho đến bây giờ, lúc đang nói chuyện cùng tôi, Thượng tướng vẫn chưa nói cụ thể về chuyến đi thần tốc trong 7 ngày này là từ đâu, đi đến đâu và bằng phương tiện gì? Trong chuyến đi này, Tư lệnh mang theo một kế hoạch lịch sử trọng đại, nhưng bí mật tuyệt đối, nên chỉ được ghi vào óc và nói ra từ miệng mình, kể cả những gì báo cáo và những chỉ thị nhận về. Kể đến đây, Thượng tướng dừng lại trầm ngâm, rồi vẻ mặt rạng rỡ: Trong đời bộ đội, đây là nhiệm vụ rất hiếm mà tôi phải thi hành một cách đơn thương độc mã. Bây giờ nhớ lại chuyến đi ấy, tôi vẫn còn cảm giác phấn khởi vì đã hoàn thành một nhiệm vụ nặng nề và quan trọng đầu tiên của Mậu Thân.

Phải mất hai ngày báo cáo các ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền, nên Tư lệnh chỉ còn 6 ngày để “xuống đường”,

đuối theo Sở Chỉ huy Tiền phương Bắc của mình. Tư lệnh cũng phải “vừa chạy vừa sấp hàng” với đoàn cán bộ tùy tùng. Bước đầu, Sở Chỉ huy đặt tại khu vực Sa Thiên - Bến Cát, Tư lệnh triệu tập thủ trưởng các đơn vị chủ lực, các phân khu 1, 4, 5 và 6, hạ đạt mệnh lệnh tấn công vào các mục tiêu được phân công. Bước hai, tức sát ngày N, Sở Chỉ huy dời xuống Bưng Còng. Tại đây, không khí Tết vẫn bình thường. Máy bay địch hoạt động cũng ít hơn bình thường. Nhưng lòng người thì rạo rực khác thường. Rồi đêm 30 Tết, hồi hộp canh từng giây bên chiếc đài bán dẫn. Tư lệnh đón chờ giao thừa để được nghe Bác Hồ đọc thơ chúc Tết. Phút giao thừa có tính chất lịch sử, Tư lệnh xúc động lạ thường. Thơ Bác từng câu mang ý nghĩa thiêng liêng hơn mọi năm: “*Tiến lên! Toàn thắngắt về ta!*”. Phải chăng đó là mệnh lệnh của đất nước ký thác, vừa là khí phách của niềm tin. Ngày N giờ G hằng mong chờ khắc khoải đã đến, Tư lệnh ra sân từ vùng đất Nam Bến Cát nhìn về bầu trời Sài Gòn, tai nghe từng loạt pháo ĐKB của ta nổ rền, mắt nhìn theo từng ánh lửa cầu vồng mà lòng không sao tránh khỏi nao nao... Bao nhiêu sinh mạng phải ngã xuống vì vận mệnh của Tổ quốc!

Càng nghĩ đến đồng bào, chiến sĩ đang trong lửa đạn, Tư lệnh càng không thể ngồi yên chờ tin báo về. Ông giao Sở Chỉ huy cho đồng chí Sáu Nam¹, tổ chức một bộ phận nhỏ, gọn nhẹ đi bằng ghe theo sông Sài Gòn tiến xuống. Chiều ngày mồng Hai Tết, vì đường sông phải qua ngang thị xã Bình Dương nên Tư lệnh lên xã Bình Mỹ, ghé vào một ấp chiến lược vừa được giải phóng. Tình cờ vào một nhà dân, chưa kịp thăm hỏi thì chủ nhà đã mừng rỡ tiếp đón rất thân tình. Thượng tướng kể với giọng tha thiết là thấy trên bàn thờ chưng cặp dưa hấu rất to, da xanh đen láng, to tới mức chưa bao giờ được trông thấy. Rồi trong nháy mắt cặp dưa trên bàn thờ được bà má bê xuống, xé ra ngay đến mức can cũng không kịp. Trải qua chặng đường dài, tránh bom đạn gian nan, được ăn miếng dưa của lòng dân thật mát ruột. Thượng tướng bảo đó là một ấn tượng gây xúc động lâu bền về mối tình quân dân, và càng thấm thía câu tục ngữ “*xanh vỏ đỏ lòng*”. Bởi đây là dân vùng ấp chiến lược ven Sài Gòn. Sau đó tiếp tục tiến sâu hơn, anh em bố trí Tư lệnh ở nhà tên cai tổng đã chạy trốn, ông bảo: “Ở nhà ngôi to nhất vùng không ổn đâu”. Sau đó, vệ binh tìm cho Tư lệnh ở trong cái chòi mía vô chủ. Dịch phản kích bom pháo, quả nhiên ngôi nhà ngói tan tành. Tư lệnh đòi sang sông Rạch Tra cho gần các đơn vị đang chiến đấu trong Sài Gòn. Nhưng vệ binh giữ lại và các đơn vị phía trước cũng đã điện về, xin sẽ sang sông gặp Tư lệnh. Trong mấy ngày Tư lệnh đóng Sở Chỉ huy tại Bình Mỹ, các đồng chí Gấm - Huyện đội trưởng Hóc Môn, Chín Nhỏ - Bí thư Phân liên khu 1 và nữ đồng chí Tuyết - Bí thư Chi bộ xã Bình Mỹ, dù bận rộn đủ

1. Tức Lê Đức Anh, lúc bấy giờ là Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Tiền phương Bắc.

thứ việc vẫn lo lắng bảo vệ Tư lệnh. Họ gọi Tư lệnh bằng anh Tư Chi rất thân tình. Chị Tuyết vận động bà con lo cơm nước, đem đến tận nơi điểm ăn tập thể và săn sóc, chuyển đưa thương binh. Tư lệnh cũng hòa nhập, mặc sơmi, quần cựu thích nghi chiến trường, tới bữa cũng đến ăn cơm với anh em chiến sĩ. Không khí Tết chiến đấu thật sôi nổi và đậm đà hương vị: dưa cải, thịt kho, bánh tét, bánh phồng, dưa hấu... của bà con từng nhà góp lại.

Hình ảnh của hồi tưởng còn dư vị xúc động, Thượng tướng dừng kể và thuận tay gạt táo mồi tôi, bởi từ đâu câu chuyện cho đến giờ, dĩa táo được bưng ra vẫn còn nguyên.

- Tết Bình Mỹ Xuân Mậu Thân trở thành kỷ niệm - Thượng tướng thân tình tâm sự - Được gặp dân, cùng cán bộ cấp huyện, xã. Họ lo cho mình đến cảm động, ngược lại mình đóng góp ý kiến chỉ đạo sát diễn biến tình hình, làm họ phấn khởi mà mình cũng hài lòng. Còn trong số các cán bộ chủ lực và phân khu vượt sông Rạch Tra về báo cáo tình hình, để lại hình ảnh xúc động hơn hết là Năm Truyền, biệt danh Năm Sài Gòn. Nghe tôi xuống đến Bình Mỹ, chính Năm Truyền điện từ Sở Chỉ huy không cho tôi tiến thêm nữa. Anh sang sông Rạch Tra với quần đùi, mình trần khoác vải dù hoa và mắt mang kính cận, trông như anh lính đặc công nước.

Giọng ưu ái, Thượng tướng ca ngợi Năm Truyền: Một tài năng quân sự lắn tài hoa đời thường. Chiến dịch Bình Giã, Trung đoàn trưởng Năm Truyền nổi danh Năm Sài Gòn với tác phong chỉ huy mưu trí, táo bạo, góp phần diệt gọn một số tiểu đoàn trừ bị của Sài Gòn. Trong Mậu Thân, ông đã cải trang vào thành nghiên cứu tận mắt mục tiêu, nhờ đó đơn vị phối hợp tấn công các căn cứ Cổ Loa, Phù Đổng thắng lợi. Nghe anh báo cáo tình hình, Tư lệnh chỉ đạo bám trụ vùng ven, giải phóng đồn bót, giữ vững bàn đạp tấn công cho đợt sau. Sở Chỉ huy FK.1 của Năm Truyền đóng vùng Xóm Mới - Gò Vấp, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đặc biệt linh hoạt tổ chức trận phục kích tại Cầu Đụng, diệt 2 đại đội Mỹ thuộc Sư đoàn 25 Tia chớp nhiệt đới về cứu nguy cho Sài Gòn. Tiếc thay! Sau đó, anh đã hy sinh tại Xóm Mới do phát hỏa tiễn từ trực thăng...

Những ngày ấy, Tư lệnh ở Bình Mỹ cũng thoát chết mấy lần. Làm việc xong với đơn vị nào là ông hối họ về ngay. Bởi vừa ở điểm này, dời qua điểm khác, chỗ cũ liên bị bom dội tan tành. Bộ binh chúng không dám vô, đồn bót thì cố thủ, chỉ còn hỏa lực chi viện tối đa. Trên bầu trời lúc nào cũng có hàng chục máy bay các loại. Bom miếng, bom xăng, hỏa tiễn, pháo bầy dội xuống liên tục. Tư lệnh phải làm việc trong vườn mía, hầm hố sát bên, ngụy trang kín đáo và luôn di chuyển.

Thượng tướng trầm ngâm rồi phát triển câu chuyện mang hơi hướng triết lý. Trong bom đạn có phần như may rủi. Dân gian chẳng đã có câu ngoa dụ: “đạn tránh người”. Thế nên, trong tình huống nguy kịch, đừng bao giờ nghĩ đến cái chết, cái sống. Nghĩ đến nó thì mất bình tĩnh, mất sáng suốt, nguy hiểm hơn cả là mất tinh thần. Cái chết thường đến với những người mất tinh thần. Nhưng cái chết ai mà không sợ. Sợ là bản năng sinh tồn của động vật. Có điều, con người biết vượt qua cái lằn ranh giữa sợ và không sợ để giữ vững tinh thần. Đó quả là điều cực kỳ khó khăn! Song cũng từ đó mà khâm phục vô cùng những con người thời Xuân Mậu Thân của chúng ta, đã vượt qua lằn ranh ấy một cách phi thường, để giữ vững tinh thần chấp hành mệnh lệnh thiêng liêng của đất nước. “*Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta*”.

Thanh Giang

HỮU DUYÊN THIÊN LÝ...*

Mỗi độ xuân về, chị Lê Thị Thoa lại nhớ đến lễ thành hôn với anh Trần Văn Trà đúng vào mùng Một Tết năm 1954 giữa rừng miền Đông Nam Bộ. Đắn đo trước bao nhiêu lời mai mối, động viên, chị mới xuôi lòng và từ miền Tây Nam Bộ vượt qua biết bao khó khăn để đến với anh.

Sau khi Luật sư Lê Đình Chi thân sinh của chị, Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ hy sinh tại Đồng Tháp Mười, bà Lê Thị Tường Lân - má chị cùng gia đình được tổ chức điếu về công tác và học tập ở miền Tây Nam Bộ.

Là cô gái lớn lên trong nhung lụa ở đô thị Sài Gòn, nhưng qua mấy năm lặn lội bưng biển, chị đã trưởng thành. Làm y tá kiêm hộ sinh ở vùng Biển Bạch, công việc thật bể bộn. Nhiều đêm thức trắng để đỡ đẻ cho chị em nông dân chân lấm tay bùn chị vẫn không nề hà. Có không ít lần giữa đêm hôm khuya khoắt, chỉ có một mình anh nông dân chèo xuồng đến khẩn khoản yêu cầu chị đi ngay vì vợ anh ta đã chuyển dạ. Hai bên bờ kinh vắng ngắt, vài trăm thước mới có một mái nhà, chị cũng hơi lo nhưng vì trách nhiệm, chị thu xếp dụng cụ vội vã lên đường. Ở tuổi 19 - 20 lại đẹp người, đẹp nét nên tiếng lành đồn xa. Chị rất ngại, ngoài công việc, còn phải mất không ít thời gian miễn cưỡng tiếp xúc với nhiều cán bộ, bộ đội cũng như cơ quan, đoàn thể đến tìm hiểu đặt vấn đề xây dựng gia đình. Có lần chị nhớ mãi, đang lo công tác thấy một chiếc xuồng bốn chèo cặp bến, chị biết là một “ông cõi bụi” đến tìm (thường cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cao cấp mới đi xuồng 4 chèo, cán bộ thường và chiến sĩ chỉ đi xuồng 2 chèo). Nhiều lần được mai mối chị đã từ chối nhưng hôm nay ông ấy lại đến. Ông ra lệnh cho hai anh bộ đội lên bờ và mời chị xuống nói chuyện. Vì phép lịch sự chị phải xuống xuồng ngồi với ông. Với tác phong của một chỉ huy quân sự, sau vài câu thăm hỏi sức khỏe, ông vào đề ngay: “Đây là lần cuối cùng, nếu cô đồng ý tôi sẽ chờ”. Đầu óc chị quay cuồng, dù không có một chút tình cảm với ông, chị chỉ biết trả lời: “Tôi không lấy chồng”. Bỗng ông cởi thắt lưng đặt khẩu súng ngắn xuống sàn nghe

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, Xuân Mậu Tý 2008.

cái bịch. Chị hoảng quá, không biết ông ta sẽ làm gì. Nhưng rồi ông chỉ nói một câu ngắn gọn: “Thôi cũng được!”. Chị thở phào nhẹ nhõm như vừa trút được một gánh nặng rồi xin phép ông trở về trạm xá tiếp tục công việc.

Chuyện hôn nhân ở miền Tây chị từ chối tất cả, nhưng chuyện miền Đông lại đến thật bất ngờ. Một hôm, ông Lê Đức Thọ đến gặp má chị đặt vấn đề tác thành giữa chị với anh Trần Văn Trà. Do ba chị cùng công tác với ông Sáu Thọ và anh Trà nhiều năm rất thân, nên má chị đồng ý. Nhưng phần chị còn rất phân vân. Chị sợ nhất là mấy ông cán bộ có vợ ở xa thường nói là chưa để cưới thêm một bà nữa. Ông Sáu Thọ đến lần thứ hai trực tiếp gặp chị phân tích cặn kẽ: “Bác là bạn thân và rất thương ba cháu, nếu không nghe lời bác là phụ lòng bác, và không có ai tốt hơn anh Trà. Cháu không đồng ý rồi sau này sẽ ân hận, bác bảo đảm với cháu là anh Trà chưa có vợ”. Ông Nguyễn Bình cũng viết thư gửi xuống khuyên răn hết sức thân tình, tán thành cuộc hôn nhân giữa chị và anh Trà. Ông Lê Duẩn cũng nói chị xây dựng với anh Trà là đúng. Những lời khuyên nhiều người, nhất là các đồng chí lãnh đạo cao nhất ở Nam Bộ làm chị suy nghĩ nhiều nhưng vẫn chưa ngã ngũ, băn khoăn duy nhất còn lại là anh Trà đã có vợ hay chưa.

Một hôm có một anh tên Điện đến thăm gia đình. Anh nấu cơm rất giỏi, trước phục vụ cho Phòng Quân pháp của ba chị, sau cho anh Ba Duẩn, anh Sáu Thọ và cả anh Trà. Anh gọi chị ra bụi chuối nói chuyện, đưa cho chị xem tấm ảnh anh Trà đầu đội mũ phớt, khuyên chị xây dựng với anh Trà, khẳng định anh Trà chưa có vợ đâu. Có lẽ tính chân thật lâu nay của anh Điện đã làm chị xuôi lòng. Má chị nhắn với ông Thọ: “Nó đồng ý rồi”. Vậy là “tổ chức” báo cho anh Trà xuống miền Tây họp ở Trung ương Cục và tổ chức đám cưới luôn. Nhưng đi được 2/3 đường thì anh Trà nhận được điện ông Phạm Hùng phải trở về miền Đông gấp.

Tưởng là hôn nhân không thành vì đường sá xa xôi cách trở quá. Nhưng ông Sáu Thọ cũng như ông Phạm Hùng - Chính ủy Phân liên khu miền Đông mà anh Trà đang làm Tư lệnh và cả ông Nguyễn Văn Vịnh bạn rất thân với anh Trà bàn nên tổ chức đám cưới của chị với anh Trà ở miền Đông. Được báo tin, chị thấy cũng kỳ kỳ thế nào ấy, là con gái tuổi đôi mươi, có ế chồng gì đâu mà phải lặn lội từ miền Tây lên miền Đông lấy chồng. Nhưng ở lại “ngán” cái cảnh nhiều người dòm ngó. Mà đi thì nhiều khó khăn nguy hiểm, có chuyện gì xảy ra ai lo cho đứa em còn nhỏ dại. Hay lỡ hứa rồi đưa em gái kể mình đi thế. Ông Sáu Thọ rầy nói không được, ở nhà gia đình có tổ chức lo.

Má chị và chị được một bà cơ sở mật (lớn hơn má mấy tuổi) dẫn đường từ miền Tây lên miền Đông. Má chị còn lo xa, thủ một gói vàng và đưa cho chị một gói khác giấu trong người để về miền Đông có tiền xài và con gái lấy chồng có của mang theo.

Đi trong vùng tự do không có gì xảy ra, nhưng đi đường công khai trong vùng địch, về đến Sài Gòn bà dãm đường lại cờ bạc, say rượu bí tỉ, có lúc về đến nhà cơ sở mật, má chị và chị phải lo cho bà ta tỉnh lại. Bà đòi mượn ít tiền, hứa khi về ông Thọ sẽ trả lại, má chị phải chiêu lòng. Lên đến Tây Ninh, hai má con và bà ta đi trên chiếc xe thổ mô lọt qua nhiều trạm gác của địch an toàn. Đến trạm cuối cùng giáp ranh giữa vùng ta và vùng địch, bà ta nói với má chị phải đưa hết tiền vàng cho bà giữ, nếu không bọn lính xét lấy hết. Chắc bà ta có cho lính ít tiền nên nó cho đi qua. Đến trạm tiếp đón của ta, má chị gặp người quen mừng quá, đến lúc tìm lại bà ta thì bà biến mất với số vàng và tiền đã đưa cho bà. Má chị buồn quá, nói nuôi con lớn đến khi đi lấy chồng mà không còn một đồng xu cho con.

Tại nhà vợ chồng ông Phạm Hùng, chị không còn chỉ nghe mà lần đầu được gặp tận mắt vị hôn phu tương lai của mình. Cái cảm nghĩ lâu nay của chị về các nhà quân sự thường “ăn to, nói lớn”, có lúc thiếu tế nhị đã biến mất. Chị nghe tiếng nói sang sáng với gương mặt cương nghị trầm tĩnh, hiền dịu, chị thấy vừa lòng. Nhưng chị vẫn hỏi anh một câu: “Anh đã có vợ chưa?”. Anh chậm rãi trả lời: “Tôi lấy danh dự thế là chưa có vợ và cũng chưa yêu ai lần nào”.

Mồng Một Tết, tại Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, buổi liên hoan mừng Xuân và cũng là lễ cưới của chị với anh Trà được tổ chức. Bữa tiệc thật đậm bậc nhưng thật vui tươi và đầm ấm. Anh em bộ đội múa hát, nhảy ngựa trong ánh lửa bập bùng soi sáng rừng đêm. Đáp lại yêu cầu của bộ đội, anh và chị lần đầu tiên đứng lên cùng hát bài *Kết đoàn* trước tiếng vỗ tay hoan hô nhiệt liệt của bộ đội. Anh đảm nhận trọng trách và gắn bó với rừng miền Đông, chị ở tận bưng biển miền Tây xa xôi cách trở lại gặp nhau trở thành đôi vợ chồng hạnh phúc lâu bền. Thật là “hữu duyên thiên lý”.

Nguyễn Viết Tá

CĂN NHÀ NHỎ BÉ

Căn nhà xinh xinh nhỏ bé
Ấm áp sâu nặng nghĩa tình
Của anh chị em đồng đội
Đã cùng gian khổ hy sinh

Tấm lòng của vị Thượng tướng¹
Cùng vợ và con cháu ông
Góp nhặt chắt chiu dành dum
Tặng người cơ cực long đong

Tình thương của phường của tổ
Ơn nghĩa chòm xóm bà con
Những khi tắt đèn tối lửa
Sẻ chia đùm bọc sắt son

Ôi anh phóng viên nhà báo
Xuân đến công việc bộn bề
Cắt sốt húp vội chén cháo
Đến đây tác nghiệp say mê

Căn nhà xinh xinh nhỏ bé
Là mơ ước của bao người
Là niềm khát khao hạnh phúc
Của hàng ngàn vạn con người

1. Thượng tướng Trần Văn Trà.

Cùng với phong trào truyền thống
Góp quỹ xóa đói giảm nghèo
Mặt trận Tổ quốc phát động
Chúng ta đã hưởng ứng theo

Tấm lòng của vị Thượng tướng
Nghĩa tình đồng chí anh em
Căn nhà xinh xinh nhỏ bé
Đã thành kỷ vật thiêng liêng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02/02/2008

Đỗ Văn Mong

GHI NHỚ CÔNG ƯƠM MẦM, VUN TRỒNG TỪ THUỐC BAN ĐẦU*

Năm 1990, khi Hội Cựu chiến binh Thành phố mới thành lập, tôi đang là Trưởng phòng Hóa học quân sự Quân khu 7, Thượng tướng Trần Văn Trà (anh Tư Chi) cho gọi tôi để bàn về chuyện ra tờ báo của Hội. Sau đó theo đề nghị của Hội, Bộ Tư lệnh Quân khu cho phép tôi một tuần hai buổi ra giúp Hội. Và đến cuối năm 1990, sau khi thực hiện xong cuốn sách *Gởi người đang sống* do Hội Cựu chiến binh Thành phố phát hành nội bộ, tôi chính thức được Quân khu cho nghỉ hưu. Cũng từ đó, tôi tham gia Hội và phụ trách tờ báo của Hội cho đến giữa năm 2007.

Từ năm 1990 đến năm 1996, trong vòng 6 năm, dưới sự chỉ đạo của anh Tư Chi và các anh Ba Thắng (Thiếu tướng Võ Văn Thạnh), anh Bảy Sĩ (Thiếu tướng Nguyễn Văn Sĩ), sau đó là anh Văn Giang (Thiếu tướng Trần Văn Giang), sự quan tâm của chị Năm Hồ Thị Bi, đã có đến 4 năm tôi “chạy việt dã” mà vẫn chưa có giấy phép ra báo. Trong lúc chờ xin phép, anh Tư chỉ đạo tổ chức thực hiện hai cuốn sách *Gởi người đang sống* và *Ước mơ của đất* thuộc dạng hồi ký văn học do Hội lưu hành nội bộ. Mãi đến tháng 11/1994, Báo *Cựu chiến binh Thành phố* mới được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp phép chính thức phát hành. Suốt 6 năm, kể từ khi anh Tư là Chủ tịch Hội, đã có biết bao kỷ niệm về sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Hội đối với tờ báo.

Năm 1992, chuẩn bị Đại hội Hội Cựu chiến binh Thành phố lần thứ I, anh Tư kêu tôi lên nhắc nhở: Qua Sở Văn hóa - Thông tin hỏi vì sao chưa cho phép Hội ra báo. Tôi gặp anh Sáu Tòng - Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin, anh nói muốn Sở làm thủ tục gửi ra Trung ương, trước hết phải được Ban Tuyên huấn Thành ủy nhất trí. Anh Tư lại kêu tôi qua hỏi Ban Tuyên huấn. Tuy chưa được chính thức là Tổng Biên tập, nhưng khi tôi qua dự cuộc họp tổng biên tập của các báo đài Thành phố, tôi đề đạt yêu cầu của Hội Cựu chiến binh Thành phố về tờ báo. Ngay tại cuộc họp, đồng chí Trần Trọng Tân - Trưởng ban Tuyên huấn Thành ủy nói tôi về báo cáo lại với anh Trà và các anh

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, Xuân Kỷ Sửu 2009.

trong Thường vụ Thành hội vì Trung ương tạm thời chưa cho phép ra các tờ báo mới nên Sở Văn hóa - Thông tin Thành phố chỉ được cấp phép phát hành nhất thời.

Khi nghe tôi báo cáo, anh Tư chỉ thị phải chuẩn bị một đặc san chào mừng Đại hội Hội Cựu chiến binh Thành phố lần thứ I và anh Tư đã trực tiếp viết bài “Con người và lịch sử” động viên rất lớn: “Quá khứ - hiện tại - tương lai là một dòng chảy không ngưng nghỉ. Hôm nay trở thành cựu chiến binh là cả một quãng đời đã qua là chiến sĩ. Đất trời có xưa có nay - con người có trước có sau càng làm cho lịch sử thêm phong phú, đời người thêm ý nghĩa”. Năm 1994 khi báo được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp phép phát hành rộng rãi, anh Tư lại có bài viết thay lời mở đầu của tờ báo: “Một cây làm chẳng nên non, trăm nghìn cây cổ thụ thành dãy Trường Sơn hùng vĩ. Sự đóng góp nhiệt tình, tích cực của đồng đảo cựu chiến binh cũng như bạn bè yêu mến cựu chiến binh mới làm cho tiếng nói cựu chiến binh chúng ta phản ánh đầy đủ các mặt hoạt động của Hội, nhất là ở cơ sở”. Đây không chỉ lời động viên mà còn là sự chỉ đạo hoạt động của tờ báo trong suốt những năm qua. Để trang bìa tờ báo chính thức đầu tay mang nhiều ý nghĩa, theo đề nghị của tôi, anh Tư mặc quân phục đứng dưới tượng đài Bác Hồ chụp tấm hình với chiến sĩ trẻ, tượng trưng cho cựu chiến binh tiếp lửa truyền thống cho lớp trẻ.

Anh Tư rất đồng tình và khuyến khích tờ báo nên có bài đấu tranh phê phán những luận điệu phản động, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phê phán những mặt tiêu cực trong xã hội cũng như của các cấp chính quyền; bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của cựu chiến binh cũng như nhân dân.

Khi Hội có kinh phí, các anh lãnh đạo Hội luôn coi tờ báo là một bộ phận không thể tách rời của Hội, báo cũng được phân phối 100 triệu đồng như các quận, huyện. Anh Bảy Sĩ - Phó Chủ tịch Thường trực còn định giao thêm cho báo 200 triệu đồng, nhưng anh ngã bệnh. Sau này, Hội có chủ trương mới, không cấp nữa.

Anh Tư thường nói với tôi: Mong muốn tờ báo của mình sẽ được phát hành đến tận Hội Cựu chiến binh các tỉnh ở B2 cũ. Do đó, mỗi lần đi công tác về các tỉnh, anh thường kêu tôi đi theo, tạo cho tôi mối quan hệ rộng rãi để mở rộng công tác phát hành. Đây là điều mà chúng tôi ân hận vì chưa thực hiện được lòng mong muốn của anh Tư và của chúng tôi.

“Ăn quả nhớ người trồng cây”. Anh Tư và các anh lãnh đạo Hội đã ươm mầm, vun trồng, chăm sóc từ thuở ban đầu tạo nên sức sống cho tờ báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh* tồn tại và phát triển.

Nguyễn Viết Tá
Xuân Kỷ Sửu 2009

NĂM NĂM XÂY GẦN 200 NHÀ TÌNH NGHĨA*

Tâm nguyện cuối đời của Thượng tướng Trần Văn Trà được vợ và các con kiên trì thực hiện: Xây dựng gần 200 căn nhà tình nghĩa và nhiều công trình phúc lợi xã hội khác.

Thượng tướng Trần Văn Trà tên thật là Nguyễn Chấn, từng là Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Giám đốc Học viện Quân chính, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương (1955 - 1962); Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Ủy viên Trung ương Cục, Bí thư Quân ủy Miền (1963); Trưởng đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1973); Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975); Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7; Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương... Ông chính là người đề xuất mở chiến dịch Phước Long tháng 01/1975, làm tiền đề cho chiến dịch Tây Nguyên năm 1975.

Ngoài chiến công hiển hách, ông còn để lại một số tác phẩm: *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm, Gởi người đang sống, Mùa thu lịch sử, Cảm nhận về Xuân Mậu Thân*.

Anh Nguyễn Việt Chi, con trai út của Thượng tướng Trần Văn Trà, xúc động kể chuyện của bố mình hồi còn sống: “Bình thường, trong bữa cơm chiều cả nhà đều ăn chung, bố thường kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện trong chiến tranh, chuyện về ông tiểu đội trưởng chiến đấu rất dũng cảm, nay gặp cảnh nghèo khó phải chạy từng bữa ăn hằng ngày trong căn nhà tranh rách nát; chuyện về một người mẹ liệt sĩ có ba con hy sinh trong chiến trận, nay già yếu, cô đơn, cõi sống trong căn nhà tình nghĩa cũ kỹ mà Nhà nước đã xây dựng từ lâu... Bố kể riết rồi quen. Những câu chuyện thấm sâu vào mỗi thành viên trong gia đình, khiến ai cũng ray rứt”.

* Bài viết đăng trên Báo *Pháp luật*, ngày 06/5/2010.

Những năm tháng cuối đời, Thượng tướng đã lặn lội đi xin nhiều nơi, vận động nhiều nguồn để xây nhà tình nghĩa, giúp đỡ cho gia đình chính sách, anh em bộ đội gặp khó khăn. Có lần ông cầm tay vợ và các con dặn dò: “Nếu sau này các con có làm được kinh tế khá lên thì hãy giúp cho những gia đình có công với cách mạng. Giúp được phần nào hay phần đó” - anh Chi hồi tưởng.

Những căn nhà nghĩa tình

Từ lời di huấn của bố trước lúc mất, những người con của Thượng tướng đã cố gắng xây dựng hàng trăm căn nhà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng...

Anh Chi và gia đình đã lặn lội xuống Long An và các tỉnh Khu 8 cũ, tìm gặp bạn bè để họ giới thiệu những gia đình bộ đội, gia đình cách mạng còn nghèo khổ để giúp đỡ. “Sau khi xây xong những căn nhà đầu tiên, cả đại gia đình chúng tôi xuống để dự lễ bàn giao căn nhà cho một mẹ Việt Nam anh hùng có hai người con hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ. Hôm đó có rất nhiều cựu chiến binh lớn tuổi cũng đến, tôi đại diện gia đình phát biểu, nói lên ý nguyện của bố trước lúc mất. Hàng chục cựu chiến binh cứ thế ôm nhau khóc”.

Từ đó đến nay, mỗi tháng anh Chi và gia đình cố gắng thực hiện ít nhất hai căn nhà tình nghĩa, mỗi căn từ 20 đến 30 triệu đồng.

Danh sách những bộ hồ sơ được trao nhà, đề nghị được cấp nhà ngày một dài ra, bà Lê Thị Thoa, vợ của Thượng tướng, đã 77 tuổi nhưng vẫn phải đọc, phải lựa từng hoán cảnh một. Bà luôn theo sát, hướng dẫn, động viên con cháu liên tục.

Từ căn nhà đầu tiên do anh Chi và gia đình xây dựng (tháng 12/2004), đến nay đã có 172 căn nhà tình nghĩa được xây dựng ở hầu khắp các tỉnh như Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An... Trong những ngày cuối tháng 4, anh Chi đã đến bàn giao nhà tình nghĩa cho mẹ Huỳnh Thị Mười (90 tuổi), mẹ liệt sĩ Lê Văn Đá (ấp Tân Lộc, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre); trao 25 triệu đồng cho mẹ Phạm Thị Nga, mẹ liệt sĩ Phạm Văn Xuân (ấp Thạnh Lợi, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An); trao 30 triệu đồng cho Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng nhà tình nghĩa...

Ngày 18/4, Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh thành lập Quỹ hỗ trợ cựu chiến binh nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, anh Chi và gia đình đã đăng ký cho Hội cả năm 2010 là 10 căn nhà, mỗi căn trị giá 30 triệu đồng.

Giúp đời, dạy cháu con

Trong những ngày tháng cuối đời, Thượng tướng ray rứt là tại quê hương Quảng Ngãi còn nhiều gia đình chính sách, đồng chí, con em, cháu chắt của họ

đang đói nghèo. Nhiều em hiếu học nhưng không đủ sách vở nên Thượng tướng chỉ có tâm nguyện thành lập quỹ học bổng để giúp đỡ học sinh, sinh viên diện chính sách. Từ di nguyện đó, gia đình cố Thượng tướng đã lập quỹ “Học bổng Trần Văn Trà”. Quỹ học bổng, vừa để thực hiện di nguyện của cố Thượng tướng là chia sẻ khó khăn với đồng đội, đồng thời qua hoạt động của quỹ làm bài học cho cháu con của gia đình hiểu được giá trị của cuộc sống. Quỹ “Học bổng Trần Văn Trà” trao cố định mỗi năm 20 triệu đồng học bổng cho trường cấp 2 mang tên ông tại Quảng Ngãi; trao hàng năm 10 suất học bổng mỗi suất 1 triệu đồng cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật Huế (nơi Thượng tướng từng học)... Đồng thời, quỹ cũng trao tặng hàng trăm chiếc máy tính cho các trường học mỗi năm.

“Mỗi lần đi trao nhà tình nghĩa, gặp dịp các con nghỉ học mình cũng đưa các con đi theo, ngoài việc học là chính thì các con cũng cần có tấm lòng nhân hậu đối với người nghèo, để sau này các con có thể thay thế mình hoàn thành tiếp ý nguyện của ông nội. Trong mỗi bữa ăn, mẹ của mình cũng thường dạy con cháu phải đi theo truyền thống của gia đình, cả bốn đời đều cầm quân theo chiến trận” - anh Chi chia sẻ về một ý nghĩa tốt đẹp sâu kín của gia đình trong các hoạt động nghĩa tình này.

Toàn bộ số tiền để xây nhà tình nghĩa và duy trì quỹ học bổng chủ yếu được trích ra từ lương hưu của vợ (nguyên Phó Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh) và thu nhập ba người con của cố Thượng tướng. Trong đó có người con gái đầu là thạc sĩ, người con gái thứ hai của Thượng tướng là tiến sĩ công tác tại Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh và anh Nguyễn Việt Chi - con trai út, là một doanh nhân thành đạt.

Hàn Giang - Bích Hiền

NHỚ ANH BA TRÀ*

Thượng tướng Trần Văn Trà (mà chúng ta thường thân thương gọi là anh Ba Trà) mất đã 14 năm rồi nhưng hình bóng của anh vẫn còn in đậm nét trong sâu thẳm tâm trí và tình cảm của những người từng công tác, chiến đấu cùng anh, dưới quyền anh trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ tại chiến trường Nam Bộ cũng như Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

Một cuộc đời cách mạng phong phú, một vị tướng nhân - trí - dũng, văn võ song toàn, thường xuyên có mặt trên chiến trường suốt hai cuộc kháng chiến; một người chỉ huy nghiêm minh, năng động mà sâu sắc, gần gũi anh em; một đảng viên đạo đức, mẫu mực; một con người dung dị, nhân ái, trung thực, thẳng thắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm... là những gì anh lưu lại trong chúng tôi.

Nhớ những năm đầu kháng chiến chống Pháp gian khổ, khó khăn, thiếu thốn là vậy, mà anh lại có những chủ trương sáng tạo với tầm nhìn xa trông rộng bất ngờ khi còn ở tuổi dưới 30. Địch thường hành quân cơ giới rầm rộ, tiền hô hậu ủng, xe tăng, thiết giáp trên quốc lộ, ta chỉ có súng trường, súng máy, đánh sao đây? Anh mạnh dạn tổ chức trận đánh giao thông lớn thí điểm cùng các cán bộ, học sinh trường quân chính và đã tìm ra lối đánh thích hợp. Đó là trận Giồng Dứa nổi tiếng Nam Bộ. Anh cũng kiên quyết chỉ đạo tổ chức tạo nền móng điện ảnh kháng chiến từ hai bàn tay trắng, với ý nghĩ “cuộc kháng chiến thần thánh phải được ghi lại để lưu truyền cho mai sau”, trong lúc có đồng chí lãnh đạo cho rằng chưa cần thiết. Nhờ đó mà ta đã có được những thước phim trận Mộc Hóa, trận La Bang... làm nức lòng quân dân Nam Bộ hồi ấy. Có lẽ nó cũng xuất phát từ tính luôn tôn trọng người thật, việc thật của anh.

Chính anh Ba Trà là người rất tâm huyết và đặt nền móng cho sự ra đời của Báo Cựu chiến binh Thành phố khi Hội mới được thành lập. Có lần, một đồng chí cấp tướng nhờ anh xem và cho ý kiến về bản thảo hồi ký của mình. Anh đọc rất

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, số 308 (232), ngày 20/6/2010.

thích thú vì nó rất thật, và vui vẻ viết lời giới thiệu theo đề nghị của đồng chí ấy. Nhưng khi quyển hồi ký đó xuất bản, anh phát hiện có thêm một số sự kiện chưa chính xác, anh băn khoăn và buồn khá lâu. Cuốn hồi ký của anh có phản ánh một số sự kiện lịch sử, nói ra thì xót xa, đau đớn, nhưng không thể nói khác được, đã làm cho một số đồng chí không hài lòng, cho là anh thiếu trung thực. Nhưng anh khẳng định đó hoàn toàn là sự thật vì bản thân anh Ba là một người trong cuộc, biết rõ sự việc.

Đối với chúng tôi, anh Ba Trà là một thần tượng, hằng kính trọng và quý mến. Một số người nước ngoài cũng rất mến mộ anh. Có lần, một đoàn cựu chiến binh Hoa Kỳ sang thăm và làm việc với Hội Cựu chiến binh Thành phố, khi được nghe giới thiệu đích thân Chủ tịch Thành hội, Thượng tướng Trần Văn Trà tiếp đoàn, vị trưởng đoàn đứng phắt dậy, bước đến, nghiêng mình, đưa hai tay nắm chặt tay anh và mừng rỡ thốt lên: “Thật vinh hạnh lớn cho chúng tôi quá, khi được đích thân ngài, một danh tướng mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ, tiếp như thế này”. Lần khác, một quan chức Tổ chức Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đến đề nghị được gặp anh. Khi được hỏi lý do, ông ấy đáp: “Giản đơn là vì tôi và gia đình tôi rất ngưỡng mộ ngài, nên muốn được trực tiếp diện kiến, dù một lần trong đời”.

Anh mất đi, để lại trong chúng tôi niềm thương tiếc khôn nguôi. Mong sao Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Hội Cựu chiến binh Thành phố quan tâm tổ chức một nhà lưu niệm và đặt tên đường Trần Văn Trà để chúng tôi (cánh già quá tuổi cổ lai hy) được thỏa mãn, và cho lớp trẻ hiểu biết, tri ân, học tập, noi gương, tiếp bước cha ông, phát huy truyền thống dân tộc, như bao con người có công lớn với nước, với dân từ trước đến nay. Và nếu việc này được sớm thực hiện thì hay biết mấy.

Võ Thành Kiết

TỪ TẤM LÒNG MỘT VỊ TƯỚNG GIÀU LÒNG TRẮC ẨN*

*“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lăng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”.*

Bài thơ của Thượng tướng Trần Văn Trà - nguyên Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh được khắc trên đá trắng, dưới chân con ngựa bạch đang chuẩn bị bay lên cung tạc bằng đá trắng là tâm tư của người chiến sĩ từ buổi đầu ra đi làm cách mạng như ông. Cảm giác ông đến với cuộc đời như thiên mã, rất thanh thản, chân thành, làm tròn nhiệm vụ của “anh bộ đội Cụ Hồ”... Ông mất ngày 20/4/1996, nhưng nỗi lòng trắc ẩn của ông luôn canh cánh trong lòng vợ con ông, đã biến thành hành động cụ thể như một cách biểu lộ tình yêu sâu sắc.

Nhớ lúc ông còn khỏe đi công tác tỉnh thành khắp miền Nam, thăm lại chiến trường xưa, thăm đồng đội cũ về, ông nói với gia đình: “Có đi thăm mới biết nhiều anh em chiến sĩ, đồng bào mình còn nghèo lắm. Họ đã đem thân mình che chở nuôi giấu cách mạng, sau bao nhiêu năm chiến tranh vẫn còn nghèo khổ. Nay giờ và cả sau này, khi tôi không còn, em và các con phải nhớ để chia sẻ với anh em... Con cháu trong khả năng của mình giúp đỡ cho đồng chí, đồng bào mình bấy nhiêu”. Nỗi lòng phân ưu ông dành cho những con người đã từng dũng cảm lao vào chỗ chết để tìm đường sống cho dân tộc, giống nòi. Ông thường dặn dò vợ con: “Phải luôn nhớ đến anh em cựu chiến binh. Chiến tranh qua rồi, nhưng nhiều người vẫn còn nghèo lắm, nhà mình có gì ăn phải san sẻ bớt cho anh em. Nếu

* Bài viết đăng trên Chuyên san Phương Nam.

không có những sự hy sinh to lớn của họ thì làm gì đất nước được thống nhất, làm gì tôi được làm tướng như ngày hôm nay”.

Mặc dù cấp bậc là xứng với nhiệm vụ, trọng trách của ông ở chiến trường, nhưng sao tôi vẫn bâng khuâng khi biết người vợ thảo hiền của ông cũng rất thương yêu các anh em đồng đội...

Anh Mai Thành Phú làm văn thư ở cơ quan Hội Cựu chiến binh Thành phố, người ốm nhom, cười ấm áp:

- Bác Trần Văn Trà đúng tác phong của một vị tướng, người đứng đầu cơ quan, nhưng cũng rất ân cần, gần gũi hay thăm hỏi anh em trong cơ quan. Ai biếu cái gì bác cũng để lại hết ở trong phòng để chia cho anh em mỗi người một chút chút. Đến nhà, bác gái lại còn dễ thương hơn nữa, cứ một hai ngày tôi lại tới, bác gái chạy tìm gói bánh, gói kẹo, trái cây gì đó bảo tôi mang về chia cho anh em cơ quan. Cứ nói đến Mai Thành Phú là bác gái nhớ liền à. Bác gái còn bảo tôi cứ cưới vợ đi rồi bác lo cho, ý bác muốn cho tôi một căn nhà...

Năm 2004, khi bán ngôi nhà gia đình đang ở, phu nhân cố Thượng tướng Trần Văn Trà - bà Lê Thị Thoa (con gái Luật sư Lê Đình Chi (1912 - 1949), Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ) đã mua cho ba con mỗi người một căn nhà để ở, phần ít còn lại bà giữ làm kinh phí lo cho đời sống của anh em cựu chiến binh như lời ông đã dặn. Phần kinh phí ấy lúc đầu không nhiều, nhưng sau này các con ông làm ăn được nên góp thêm vào: Xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương, lo cơ sở vật chất học đường ở Trường Trung học cơ sở Trần Văn Trà (Quảng Ngãi) như: Học bổng, máy tính, tập vở, viết, tiền tu bổ nhà trường hằng năm; học bổng cho các học sinh nghèo con bộ đội..., cũng là đáp ứng lời kêu gọi của Thành phố về chăm lo công tác xóa đói giảm nghèo.

Bà đã giao trọng trách nghĩa tình đó cho người con trai Nguyễn Việt Chi. Nguyễn Việt Chi thông qua Hội Cựu chiến binh Thành phố để khảo sát xem xét hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác.

Đều đặn hằng tháng, Nguyễn Việt Chi lặn lội về các miền quê hẻo lánh cù kháng chiến cũ của Miền, Khu và các tỉnh để giúp đỡ gia đình chính sách. Có lần đi ngang qua một túp lều lá mục của hai mẹ con đều là bà mẹ Việt Nam anh hùng (ở Trà Vinh), Nguyễn Việt Chi hội ý ngay với các cán bộ địa phương cùng đi, rồi trao 17 triệu đồng (năm 2006) cho địa phương xây nhà mới cho người cháu và con của hai bà mẹ Việt Nam anh hùng.

“Đồng tiền liền khúc ruột”, xưa nay biết bao kẻ vì đồng tiền mà mất nhân tính, trong thi đê hèn đốn mạt, ngoài thi nhung gấm vàng son. Ôi! Quý biết bao những tâm hồn trước bả giàu sang vẫn giữ tròn lương tri đạo đức. Tính từ năm 2004 đến đầu năm 2010, quà tặng của gia đình cố Thượng tướng Trần Văn Trà đã lên tới 3,850 tỷ đồng, xây dựng được 164 căn nhà tình nghĩa. Chi phí đủ cho một căn hộ khép kín theo khung giá quy định hàng năm của Thành phố là 30 triệu đồng/căn (2010), nếu hộ gia đình nào có tiền phụ thêm vào sẽ được xây dựng khang trang hơn tùy theo số tiền của hộ đó. Còn tiền học bổng, máy vi tính, tập vở, viết, quà tặng của gia đình cố Thượng tướng Trần Văn Trà từ năm 2004 đến năm 2010 đã chi là 474 triệu đồng cho 440 suất. Tổng cộng là 4,324 tỷ đồng (theo Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động “Vì người nghèo” của Hội Cựu chiến binh Thành phố). Đó là những con số Nguyễn Việt Chi đã thực hiện cụ thể.

Trung bình, Nguyễn Việt Chi xây hai căn nhà mỗi tháng. Các tỉnh khác về xin tiền xây nhà được chi 25 triệu đồng/căn. Khi gặp tôi, Nguyễn Việt Chi vừa đi Quảng Ngãi để chi 41 triệu đồng mua máy tính, dụng cụ học tập, học bổng cho Trường Trung học cơ sở Trần Văn Trà. Nguyễn Việt Chi có đôi mắt to sáng trong, sống mũi thẳng ngay trung hậu, nét miệng tươi cười an lạc như thể đó là niềm hạnh phúc:

- Em chỉ cần là người công dân tốt để thực hiện được ý nguyện của ba em là đủ.

Còn rất nhiều những sự giúp đỡ khác mà Việt Chi đã làm với tấm lòng hoan hỉ, tri ân, “uống nước nhớ nguồn” và mong muốn thực hiện ý nguyện của người cha.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8/2010

Trần Minh Thu

CHUYỆN GIA ĐÌNH CỦA CỐ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ*

Gần 15 năm qua, căn nhà của Thượng tướng Trần Văn Trà đã vắng bóng ông. Tuy lấy nhau được 42 năm, nhưng tính ra, vợ chồng Thượng tướng Trần Văn Trà chỉ sống với nhau được 18 năm cho đến ngày Thượng tướng mất năm 1996. Với bà Lê Thị Thoa, đó là điều đáng tiếc nhất trong cuộc đời bà. Ông không còn nữa, nhưng di nguyện của ông trước khi ra đi, mong muốn của ông được giúp đỡ những đồng đội khó khăn đã được vợ và các con ông tìm mọi cách hoàn thành.

Hai lần đám cưới của Thượng tướng Trần Văn Trà

Thượng tướng Trần Văn Trà tên thật là Nguyễn Chấn, sinh năm 1919, tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Vùng quê Sơn Tịnh nơi ông sinh ra tuy nghèo nhưng giàu truyền thống yêu nước, đây cũng là nơi đã sinh ra nhiều anh hùng và nhiều tướng lĩnh quân đội nổi tiếng của Việt Nam trong chiến tranh và trong hòa bình. Cha mẹ Thượng tướng Trần Văn Trà không có ruộng đất, cha ông làm thợ xây, mẹ ông buôn thúng bán bưng kiếm tiền nuôi con nhưng lúc nào cũng quyết tâm cho con cái học hành nên người. Cha ông cũng là một người yêu cách mạng, từng tham gia phong trào 1930 - 1931. Thừa hưởng tình yêu nước và tinh thần cách mạng của cha nên người thanh niên trẻ Nguyễn Chấn cũng sớm tham gia phong trào cách mạng ngay từ khi còn là học sinh. Sau này, khi trở thành một cán bộ cách mạng có uy tín và năng lực rồi trở thành một vị tướng tài năng của đất nước, Thượng tướng Trần Văn Trà đã lập nhiều công lao lớn. Chính ông là người đã trăn trở về việc mở con đường mòn Hồ Chí Minh năm 1959 và đề xuất ý tưởng này với các lãnh đạo cấp trên. Nhờ đó, con đường quân sự bất tử của dân tộc đã ra đời trên dãy Trường Sơn huyền thoại, đi vào lịch sử dân tộc như một minh chứng hùng hồn cho sự bất lực của đế quốc Mỹ trước sự kiên cường của người dân Việt Nam.

* Bài viết đăng trên Tạp chí Cảnh sát toàn cầu, số 34, tháng 11/2010.

Mải mê với chinh chiến trận mạc, nên đến tận những năm tháng về hưu, Thượng tướng Trần Văn Trà mới có thời gian sống bên cạnh vợ con, vui hưởng cuộc sống yên bình với gia đình. Điều khiến ông luôn cảm thấy may mắn và hạnh phúc là ông luôn có một hậu phương vững chắc, một người vợ hiền đảm, tần tảo nuôi con, chăm sóc gia đình, giúp ông yên lòng thực hiện nhiệm vụ lớn của mình với đất nước.

Bà Lê Thị Thoa, phu nhân của cố Thượng tướng Trần Văn Trà là con gái của một gia đình trí thức yêu nước. Cha bà là Luật sư Lê Đình Chi, mẹ bà là bà Lê Thị Tường Lân. Là người yêu nước, yêu cách mạng, cha bà - Luật sư Lê Đình Chi, một trí thức lớn thời ấy đã dám từ bỏ cuộc sống giàu sang, sung sướng và con đường sự nghiệp thênh thang để đi theo kháng chiến, từng giữ chức Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ. Nhưng chiến tranh nghiệt ngã và khốc liệt đã khiến cụ hy sinh trong một trận càn của Pháp tại Đồng Tháp Mười. Một trong những người con của cụ cũng hy sinh. Lúc đó, Thượng tướng Trần Văn Trà mới từ Việt Bắc trở về. Xúc động trước sự hy sinh và nỗi đau mất mát của gia đình cụ Lê Đình Chi, Thượng tướng Trần Văn Trà đã đến chia buồn. Đó cũng là lần đầu tiên ông gặp bà Lê Thị Thoa, cô con gái đầu lòng của liệt sĩ, Luật sư Lê Đình Chi. Khi đó, Thượng tướng Trần Văn Trà đã 30 tuổi, bà Lê Thị Thoa mới 15 tuổi. Ấn tượng đầu tiên của cô bé Lê Thị Thoa khi ấy về Trần Văn Trà là ông “đẹp trai, giọng nói sang sảng và rất có uy”. Nhưng cuộc gặp đầu tiên đó, cả hai đều không biết đó là cuộc gặp định mệnh, giúp họ tìm được người bạn đời của mình.

Băng đi vài năm sau đó, Trần Văn Trà vẫn lao mình vào những phong trào cách mạng mà quên đi hạnh phúc cá nhân. Khi ấy, bà Lê Thị Thoa chuyển xuống rừng U Minh học ngành y và trở thành y tá trong một trạm y tế. Được nhiều cán bộ ở đó để mắt tới, nhưng bà chưa hề yêu ai. Đồng chí Lê Đức Thọ thấy thế đã tác hợp cho bà và Thượng tướng Trần Văn Trà. Đồng chí Lê Đức Thọ không ngờ rằng, cả hai đã biết nhau trước đó vài năm. Tình yêu giữa họ nhanh chóng nở và đơm hoa bằng một đám cưới. Khi ấy, Trần Văn Trà đang làm nhiệm vụ ở miền Đông. Theo kế hoạch, chú rể sẽ đi từ miền Đông về miền Tây để gặp cô dâu và tổ chức đám cưới. Nhưng đang trên đường đi thì ông bị gọi quay lại tham gia một trận đánh. Lễ cưới dở dang chưa thành và phải mãi đến 2 năm sau, vào ngày mồng Một Tết năm 1954, đám cưới của ông bà mới được diễn ra trọn vẹn. Do Trần Văn Trà quá bận rộn với công việc chiến trận, nên lần này, để bảo đảm cho đám cưới, cô dâu được tổ chức giao nhiệm vụ đi ngược về nơi đóng quân của chú rể. Đến bây giờ, bà Lê Thị Thoa vẫn nhớ về những món quà cưới mà bà được đồng chí, đồng đội của hai vợ chồng tặng khi ấy: Đồng chí Phạm Hùng tặng 1 lạng đường, đồng chí

Vũ Khắc Bồng tặng một bánh xà bông. Đó là những món quà rất quý thời đó giữa cảnh khó khăn, thiếu thốn của chiến khu.

Ngày đó, khi gả con gái cho Trần Văn Trà, mẹ bà Lê Thị Thoa là cụ Tường Lan đã rời nước mắt vì thương con. Chính cụ là người đã tìm mọi cách hợp cho mối lương duyên ấy và vô cùng hạnh phúc, hài lòng vì có một người con rể giỏi giang như Trần Văn Trà. Nhưng thời đó cuộc sống ở miền Đông nghèo khổ, quanh năm phải ăn củ mì thay cơm. Là một người mẹ, cụ không tránh khỏi sự lo lắng cho con gái, con rể của mình.

Di nguyện của vị tướng đức độ và tài danh

Năm 1954, cả hai vợ chồng Thượng tướng Trần Văn Trà đều tập kết ra Bắc nhưng mỗi người ở một nơi. Thượng tướng Trần Văn Trà nhận nhiệm vụ công tác ở Hà Nội, bà Lê Thị Thoa công tác trong Thanh Hóa. Chẳng bao lâu sau thì ông đi B theo nhiệm vụ phân công của cách mạng. Những người con của ông bà lần lượt ra đời từ năm 1955 đến năm 1967 đều do một tay bà chăm sóc. Nhưng bà vẫn cố gắng không ngừng trau dồi việc học của mình và lấy bằng Phó Tiến sĩ ở Liên Xô. Sau này, bà làm Phó Viện trưởng Viện Pasteur (Thành phố Hồ Chí Minh) cho đến lúc nghỉ hưu. Bà kể, dù nuôi con vất vả, nhưng chính tấm gương hy sinh của người cha là liệt sĩ và người mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cùng với niềm tự hào về người chồng giỏi giang Trần Văn Trà đã luôn thôi thúc bà không ngừng hoàn thiện mình để xứng đáng với những người thân yêu quanh mình.

Sinh thời, điều Thượng tướng Trần Văn Trà vô cùng trăn trở là còn quá nhiều người lính trở về từ chiến trường có cuộc sống vất vả khó khăn, quá nhiều người mẹ, người cha có công với cách mạng, hy sinh những đứa con của mình cho đất nước, nhưng cuộc sống vẫn còn cơ cực. Những năm tháng về hưu, ông thường đi nhiều nơi, vận động nhiều nguồn tài trợ để lấy tiền xây nhà tình nghĩa cho những người có công với cách mạng mà hoàn cảnh còn thiệt thòi.

Trong những bữa cơm hằng ngày, câu chuyện mà ông thường kể cho vợ và những người con của mình nghe là những câu chuyện cảm động về chiến tranh, những kỷ niệm không thể nào quên của ông về những người đồng chí, đồng đội, hay chuyện về những người lính trở về từ chiến trận đang phải vật lộn với miếng cơm manh áo. Một người tiểu đội trưởng dũng cảm năm xưa giờ phải chạy ăn từng ngày trong căn nhà dột nát, một người mẹ liệt sĩ sống già yếu cô đơn, tất cả đều khiến Thượng tướng Trần Văn Trà day đứt, trăn trở, và ông đã truyền sự trăn trở đó cho vợ mình và những người con của mình. Trước khi nhắm mắt xuôi tay, ông đã cầm tay vợ con dặn dò: Nếu sau này các con có làm được kinh tế khá lên thì hãy giúp những gia đình có công với cách mạng, giúp được phần nào hay phần đó.

Ba người con của Thượng tướng Trần Văn Trà nay đều đã thành đạt, một người là thạc sĩ, một người là tiến sĩ, một người là doanh nhân thành đạt. Nhớ lời di nguyện mà cha để lại, nên ngay khi kinh tế bắt đầu lớn mạnh, có cửa ăn cửa để, các con của ông đã cùng chung sức đóng góp để xây nhà tình nghĩa cho những gia đình có công với cách mạng. Tính từ năm 2004 đến giờ, gia đình ông đã xây được gần 200 căn nhà tình nghĩa, mỗi căn trị giá 30 triệu đồng. Con trai út của ông bà là doanh nhân Nguyễn Việt Chi kể rằng, có lần khi bàn giao căn nhà cho một bà mẹ Việt Nam anh hùng, khi anh kể về ý nguyện của Thượng tướng trước lúc mất, nhiều cựu chiến binh đã ứa nước mắt vì xúc động trước tấm lòng cao cả của ông.

Lấy nhau được 42 năm thì Thượng tướng Trần Văn Trà mất, thời gian ông bà chính thức được ở với nhau chỉ có 18 năm. Chồng mải mê bôn ba nơi chiến trận, nên chỉ một mình bà Lê Thị Thoa tần tảo nuôi con, nhưng bà luôn cảm thấy tự hào vì đã được làm vợ ông, một vị tướng oai phong ngoài mặt trận nhưng khi trở về nhà lại vô cùng dịu dàng với vợ con. Lấy nhau suốt nhiều năm trời, nhưng những năm tháng bà có ông trọn vẹn nhất là khi ông về hưu, vui thú điền viên, cùng bà chăm sóc con cháu, đọc sách và tập thể dục mỗi ngày. Những lúc ông bệnh tật, bà lại là người ở bên chăm sóc ông, bón cho ông từng miếng cháo, ép ông uống từng viên thuốc. Ngày ông mất, gia đình, bạn bè, đồng đội và những người dân đã nghẹn ngào đưa tiễn ông trong nuối tiếc. 14 năm đã qua, bà Thoa vẫn luôn tự hào về người bạn đời của mình và biết ơn cách mạng, vì chính cách mạng, chính những người đồng chí, đồng đội đã giúp ông bà nên duyên vợ chồng, giúp bà được chia sẻ trọn cuộc đời với một vị tướng tài danh nhưng đầy lòng nhân ái.

Châu Bình

NGƯỜI GIỮ “KHO BÁU” CỦA DANH TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Đúng 15 năm về trước, vào ngày 20/4/1996, chúng ta bàng hoàng trước sự ra đi đột ngột của Thượng tướng Trần Văn Trà - nguyên Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Bàng hoàng vì không ai nghĩ rằng vị danh tướng một thời trận mạc, sức khỏe vẫn còn tốt, trí tuệ vẫn còn rất minh mẫn, công việc vẫn còn rất hăng say, lại bất ngờ nhắm mắt xuôi tay ở xứ người giữa lúc đang tìm nguồn tài trợ xây dựng một bệnh viện tim cho các cựu chiến binh. Và người duy nhất chứng kiến giây phút lâm chung của danh tướng Trần Văn Trà là phu nhân của ông, bà Lê Thị Thoa, cũng là người hiện lưu giữ “kho báu” vô giá mà ông để lại cho cuộc đời này.

Trở về hai bàn tay trắng

Gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà không còn ở ngôi nhà trên đường Pasteur như thời ông còn sống, mà hiện đã chuyển đến khu Saigon Pearl trên đường Nguyễn Hữu Cánh bên bờ sông Sài Gòn. Mới đó đã tròn 15 năm ngày ông ra đi. Tôi tìm đến nhà thấp cho ông nén hương và thăm bà Lê Thị Thoa với gia đình. Cùng đi với tôi có hai nghệ sĩ nhiếp ảnh từ Hà Nội vào là Trần Tuấn và Trần Mạnh Thường. Hai anh vừa tổ chức xong cuộc triển lãm *101 khoảnh khắc về Đại tướng Võ Nguyên Giáp* ở Dinh Thống Nhất, trong đó có những bức ảnh liên quan giữa tướng Giáp với tướng Trà mà anh Trần Tuấn mang đến tặng cho bà Thoa.

Có thể nói Võ Nguyên Giáp và Trần Văn Trà là hai trong những danh tướng Việt Nam đương đại mà nhân cách và sự nghiệp lẫy lừng, được kính trọng cả trong lẫn ngoài nước.

Đón nhận từ tay nghệ sĩ Trần Tuấn bức ảnh khổ lớn chụp cảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp tặng bà Lê Thị Thoa bức ảnh kỷ niệm cuối cùng giữa tướng Giáp và tướng Trà, người đàn bà có gương mặt phúc hậu rưng rưng xúc động:

- Cảm ơn các anh. Nhanh quá. Mới đó mà đã 15 năm rồi. Nhiều lúc tôi cứ ngỡ ông vẫn đâu đây. Nhìn những bức ảnh, trang viết, kỷ vật của ông để lại sao mà thương quá.

* Vâng, thưa bà, thời gian trôi quá nhanh. Nhanh như sự ra đi đột ngột của ông mà lúc ấy không ai có thể nghĩ tới.

Suốt đời ông ở chiến trường, chỉ nghĩ đến công việc, nghĩ đến đất nước, nghĩ đến những người bất hạnh, nghèo khó. Ông ít có thời gian cho riêng mình. Sau khi nhiệm vụ giải phóng đất nước hoàn thành, ông cũng không yên mà đi khắp nơi để thăm lại chiến trường xưa, thăm đồng đội và những người từng giúp đỡ, cưu mang mình. Mỗi lần đi xuống thăm các vùng quê, nông trường sản xuất về nhà ông thường bức xúc: Sao mà anh em khổ quá! Tại sao để người dân còn mù chữ nhiều quá!?

Hồi nhỏ ông cực khổ nên lúc nào cũng nhắc gia đình phải sống tiết kiệm. Ông cũng thường dặn dò tôi và các con rằng làm tướng mà không quân thì tướng chẳng làm gì được, nên khi mình có được chút ít cần phải chia sẻ với anh em...

* Một số cựu chiến binh nói rằng, mỗi lần ông đi thăm cơ sở bà đều chuẩn bị cho ông rất chu đáo, nhưng khi ông trở về thì chỉ còn “hai bàn tay trắng” như lời một bài thơ của ông...

Bởi ông thấy anh em khổ cực quá nên tìm cách giúp đỡ được cái gì thì giúp. Những năm bao cấp khó khăn, có lúc tôi phải đi ứng lương trước hay đi vay tạm để ông giúp đỡ anh em. Khi ông đi, tôi chuẩn bị đầy đủ quần áo, thuốc men và mọi vật dụng nhưng lần nào ông trở về thì cả vali cũng không còn. Tôi hỏi, ông trầm ngâm giải bày: Em không thể tưởng tượng được đâu, anh em bây giờ khổ lắm, làm việc quần quật suốt ngày ở nông trường mà vẫn không đủ ăn, nên anh cho hết rồi!

Ông vốn có làm bài thơ bốn câu:

“Ra đi, hai bàn tay trắng

Trở về, một袋 giang san.

“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng

Mây nước yên bình, thiên mây thăng”.

Nhiều lúc tôi nói vui với ông là hãy sửa thơ lại thành: “Ra đi đầy ắp vali; Trở về hai bàn tay trắng...”.

* Và cả khi ông vĩnh viễn ra đi vẫn còn canh cánh bên lòng về một cái bệnh viện tim cho các cựu chiến binh mà ông dày công vận động xây dựng. Vì lý do nào ước nguyện cuối cùng này của ông không thành hiện thực, thưa bà?

Xây dựng bệnh viện tim cho các cựu chiến binh là nguyện vọng mà ông luôn ấp ú, bởi có quá nhiều anh em mắc chứng nan y này. Ông sang Xingapo là để kết hợp chữa bệnh và tìm nguồn tài trợ cho bệnh viện. Lúc đó, ông đã xin được quỹ đất xây

bệnh viện tại khu vực bây giờ là khu du lịch Suối Tiên. Phía đối tác bên Xingapo sẽ hỗ trợ chi phí xây dựng, thuốc men. Tuy nhiên, sau khi ông mất, tôi có làm đầy đủ hồ sơ gửi lên Bộ Y tế nhưng không thấy trả lời.

* Vào thời điểm ông ra đi đột ngột, trong dư luận có những nghi vấn, bởi vì trong bể ngoài lúc ấy sức khỏe ông vẫn khá tốt. Xin bà có thể cho biết rõ thêm?

Bao năm lăn lộn ở chiến trường, ông mang nhiều bệnh tật, nhưng nhờ giữ gìn và rèn luyện nên ông giữ sức khỏe tốt. Tuy vậy, bệnh tim vẫn hành hạ ông. Và khi được tin phía bạn Xingapo đồng ý hỗ trợ xây bệnh viện cho anh em cựu chiến binh, ông vui quá không ngủ được, trằn trọc suy nghĩ suốt đêm. Tôi khuyên ông ngủ nhưng ông cứ trăn trở mãi. Bởi ở thời điểm đó tìm được nguồn tài trợ xây bệnh viện là cả vấn đề lớn. Tôi hiểu niềm vui và sự suy tư của ông.

Đến sáng đi xuống thang máy từ tầng 25, ông nói chóng mặt và bước ra trước, tôi xách đồ ra sau thì phát hiện tay chân ông lạnh cứng, đưa đi cấp cứu không kịp. Ông chết nhưng vẫn cố gắng chết trong tư thế đứng. Càng nghĩ tôi càng thương cảm phục cái tâm và nghị lực của ông.

“Kho báu” được lưu giữ cẩn thận

Sinh thời, Thượng tướng Trần Văn Trà là người mê ảnh, ngay cả trên chiến trường lúc nào máy ảnh cũng thường trực bên ông. Nhiều bức ảnh do ông chụp hay qua máy của ông đã trở thành tư liệu quý giá thời chiến tranh. Điều đáng nói là hầu như tất cả số ảnh đen trắng của ông đều do chính tay bà Lê Thị Thoa tráng rửa. Nhờ đó mà bây giờ, trong di sản vị tướng để lại có mấy ngàn bức ảnh quý hiếm về ông và đồng đội.

Là vị tướng văn võ song toàn, Trần Văn Trà còn là người ham học, say mê nghiên cứu khoa học và là một cây bút sắc sảo, để lại hàng ngàn trang bản thảo mà gần một nửa trong số đó đã được xuất bản: *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm, Gởi người đang sống, Mùa thu lịch sử, Cảm nhận về Xuân Mậu Thân, Hòa bình hay chiến tranh*. Điều đáng tiếc là ông không có đủ thời gian để hoàn thành bộ sách đồ sộ nhiều tập *Những chặng đường lịch sử của B2 Thành đồng* mà ông đã phác thảo, ngoài tập 5 *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* và tập 1 *Hòa bình hay chiến tranh* đã in; và cả một bộ sách về thời chống Pháp rất phức tạp ở Nam Bộ mà ông rất am hiểu...

Một điều mà bất cứ người nào đến thăm gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà cũng phải bất ngờ là sự giữ gìn cẩn thận, ngăn nắp và rất khoa học của bà Lê Thị Thoa về “kho báu” của chồng để lại. Bà sắp xếp từng bức ảnh, trang viết, kỷ vật

của ông theo từng chủ đề để trong tủ kính. Ngay trước bàn thờ của ông lúc nào cũng có một cuốn sổ để bà ghi chép từng ngày từng giờ từng tên người đến thăm, thắp hương cho ông. Vốn là một Tiến sĩ sinh hóa, Phó Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Thị Thoa lại có kiến thức như một nhân viên thư viện thực thụ. Trước sự ngạc nhiên của chúng tôi, bà thổ lộ:

- Tôi làm được điều này là nhờ thời kỳ học y khoa ở Ukraine (thuộc Liên Xô cũ). Ở chung với cô Thu (về sau làm Giám đốc Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh), tôi được cô hướng dẫn cách phân loại, sắp xếp tài liệu...

* *Chắc bà đã học khi ông đang ở chiến trường, phải không thưa bà?*

Tôi gặp ông lúc tôi là y tá từ thời chống Pháp ở miền Tây Nam Bộ. Rồi vợ chồng cùng tập kết ra Bắc. Năm 1963, ông trở về Nam chiến đấu. Lúc ấy, con gái lớn của chúng tôi là Thu Hồng được 8 tuổi, còn con gái nhỏ Xuân Hồng mới sinh 6 tháng. Ông rất ham học, nhưng do hoàn cảnh mà không được học đến nơi đến chốn. Vì vậy, ông luôn nhắc nhở động viên tôi và con cái học hành. Tôi nhớ lúc vợ chồng chia tay để ông đi B, ông dặn: “Em cố gắng học để mà nuôi con!”. Tôi hiểu là cũng có thể ông sẽ không trở về, nên muốn nuôi được con thì không còn cách nào khác là phải cố gắng học tập...

* *Ngoài sự ham học và say mê làm việc thì đức tính nào của ông luôn thường trực trong tâm trí bà?*

Thảng thắn và lòng thương người. Có những lúc ông tiếp các nhà lãnh đạo cao cấp, qua câu chuyện tình cờ tôi nghe được, tôi thấy ông bày tỏ quan điểm một cách thẳng thắn, thậm chí phản ứng gay gắt, tôi rất sợ gây mích lòng. Nhưng bản tính ông vốn như vậy, luôn minh bạch và rõ ràng, không sợ bất cứ điều gì miễn là đúng, dù có nhận thiệt thòi về phần mình. Còn tình thương anh em và những người nghèo khó của ông thì tôi cũng luôn chia sẻ. Điều đó cũng truyền lại cho con cháu chúng tôi bây giờ...

Ngoài những chiến công lừng lẫy trên chiến trường, những trước tác có giá trị, thì đức tính thẳng thắn và lòng nhân ái cũng là một di sản quý báu mà danh tướng Trần Văn Trà để lại cho cuộc đời mà gia đình ông đang gìn giữ và phát huy. Những năm gần đây, người con trai duy nhất của ông là Nguyễn Việt Chi, một doanh nhân thành đạt, cùng vợ là Tiến sĩ Cung Dương Hằng, phối hợp với gia đình hai người chị là nhà báo Thu Hồng và Tiến sĩ Xuân Hồng chung tay lập nên quỹ xây nhà cho các gia đình có công với cách mạng còn gặp khó khăn. Trò chuyện với tôi, anh Nguyễn Việt Chi cho biết:

Theo di nguyện của cha, chị em tôi cố gắng làm ăn dành dụm mong có thể giúp đỡ được phần nào cho những gia đình chính sách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa thoát khỏi cảnh nghèo khó. Khi các tỉnh gửi hồ sơ lên đề nghị, chúng tôi sẽ xem xét rồi đi xuống tận nơi khảo sát, chi tiền để xây dựng nhà.

* Đến thời điểm này thì anh và gia đình đã xây dựng được bao nhiêu căn nhà tình nghĩa?

Gia đình tôi khởi động quỹ này từ năm 2004, đến nay đã xây được gần 200 căn nhà, mỗi căn trị giá trung bình 25 triệu đồng. Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định mới đây thì mỗi căn là 30 triệu đồng. Ngoài ra, chúng tôi cũng còn trao học bổng, tặng máy vi tính cho Trường Trung học cơ sở Trần Văn Trà ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi - quê hương mà cha tôi được sinh ra.

* Khi về lại quê, chắc anh nghe nhiều câu chuyện về cha mình...?

Chúng tôi rất cảm động trước tình cảm bà con quê hương dành cho cha và gia đình chúng tôi. Có cụ già còn nhớ cả chuyện cha tôi ra Việt Bắc hồi đánh Pháp, trên đường trở lại Nam Bộ đã bí mật tranh thủ về thăm quê. Cụ già nói hôm đó thấy có mấy người lính lạ tưởng là lính Tây, sau mới biết là lính bảo vệ ông Trà...

* Hắn có những lúc anh ngồi chiêm nghiệm về sự nghiệp của cha mình. Và anh tự thấy học tập được gì ở ông?

Tôi hoàn toàn tin tưởng vào con đường mà cha đã đi. Tuy thời gian sống chung với cha không được nhiều, nhưng sự ảnh hưởng của ông đối với con cái rất lớn. Cha tôi luôn dạy làm người phải ngay thẳng, trung thực, rõ ràng; có lòng bao dung, nhân ái. Ông cũng luôn khuyên bảo con cái cố gắng học tập, rèn luyện cho nên người.

* Trong lúc học tập cũng như khi đi làm việc, anh có chịu áp lực khi mình là con của Thượng tướng Trần Văn Trà?

Để không ảnh hưởng đến truyền thống gia đình, tôi phải tự vượt qua khá nhiều áp lực. Bất cứ làm việc gì cũng phải cẩn thận, kỹ lưỡng, không thể làm qua loa đại khái. Đi giao thiệp, tôi không bao giờ tự nói cho người khác biết mình là con ai, cũng không bao giờ lợi dụng tên tuổi của cha để mưu cầu lợi ích nào đó. Chị em chúng tôi đều cố gắng khẳng định bằng khả năng chính mình.

Không phải “cậu ấm” nào cũng có được nhận thức như anh Nguyễn Việt Chi. Mà theo tìm hiểu của tôi thì những điều đó là xác thực. Cũng không phải

gia đình nào cũng có được truyền thống tốt đẹp và học tập, giáo dục kỹ lưỡng như gia đình Trần Văn Trà: Ba liệt sĩ đã hy sinh, ba tiến sĩ đã và đang cống hiến, một nhà báo - thạc sĩ và một doanh nhân văn hóa thành đạt. Rồi cả những đứa cháu đang học hành, làm việc tử tế. Đó cũng là một phần “kho báu” mà vị tướng để lại. Ở dưới suối vàng, chắc danh tướng Trần Văn Trà, một danh tướng đích thực của nhân dân chứ không chỉ dừng ở cấp bậc thượng tướng, hẵn mỉm cười thỏa nguyện ước mong.

Phan Hoàng

CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG CỦA ANH TƯ CHI*

Như đã thành thông lệ, hơn 10 năm nay, cứ mỗi dịp Xuân về tôi lại đến nhà cố Thượng tướng Trần Văn Trà, anh Tư Chi hằng kính mến thắp nhang tưởng nhớ anh. Tuy công tác chung với anh không nhiều, nhưng những ngày được sống gần anh đã để lại trong tôi niềm cảm mến sâu đậm, nhất là trong cuộc sống đời thường.

Cuối những năm 80 của thế kỷ trước, tôi và nhà văn Võ Trần Nhã được Quân khu 7 phân công phục vụ anh Tư triển khai tập hồi ký viết về giai đoạn chống Mỹ, cứu nước ở chiến trường B2 mà anh Tư làm Tư lệnh. Sau khi đi sưu tầm tư liệu, tìm gặp các nhân chứng, chúng tôi đến nhà báo cáo những gì thu thập được để anh Tư trực tiếp viết.

Lần tiếp xúc đầu tiên, anh đã để lại trong tôi ấn tượng mạnh về tấm lòng đổi mới cán bộ, chiến sĩ từng dưới quyền chỉ huy của mình. Đang làm việc thì có tiếng chuông reo trước cổng, người nhà báo có một cựu chiến binh muốn được gặp. Đến buổi làm việc không bị gián đoạn, tôi đề nghị cứ nói anh Tư vắng nhà hay hẹn gặp một dịp khác, nhưng anh Tư nói ngay: “Thường anh em có nhiều điều bức xúc muốn tôi giúp, không nên từ chối, cho anh em vào”. Chính vì lẽ đó, dù đã chuẩn bị cùng tôi sẽ ra sống ở vùng ngoại ô nhưng ý định đó đã không thực hiện được cho đến khi anh qua đời.

Hồi ấy, tình hình kinh tế chung còn khó khăn, anh quyết định cùng gia đình dời xuống ở dãy nhà phụ, nhường căn biệt thự để cho thuê và dùng toàn bộ số tiền thu được giúp một phần kinh phí hoạt động cho Hội Cựu chiến binh Thành phố, cho chính quyền địa phương, hỗ trợ các trường học, giúp các gia đình cựu chiến binh và diện chính sách. Tiền phụ cấp hằng tháng chức danh Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, anh không nhận mà chia cho anh chị em phục vụ ở Trung ương Hội.

Một lần tôi đến thăm anh đang nằm điều trị tại Bệnh viện Thống Nhất. Một cán bộ ưu tú bị bệnh tiểu đường (phải cưa chân), đi xe lăn đến gặp. Dù trước đây người này đối với anh không tốt, nhưng anh không giận mà viết thư giới thiệu

* Bài viết đăng trên Báo *Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, Xuân Tân Mão 2011.

Hội Cựu chiến binh Trung ương giúp làm chân giả, ủng hộ tiền tàu xe cho đồng chí đó ra Hà Nội.

Nhiều lần anh gọi tôi cùng đi làm việc với Hội Cựu chiến binh một số tỉnh ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Là cán bộ cấp dưới, theo thường lệ tôi định ngồi ghế ngang với lái xe, nhưng anh bảo tôi xuống ngồi cạnh anh để tiện trao đổi cũng như triển khai cuốn hồi ký anh đang viết.

Trong một buổi làm việc, anh hỏi tôi: Minh có một cái đồng hồ đeo tay do Đại sứ quán Nga tặng, nên cho ai? Tôi thưa: Nên cho Nhã. Anh trao đồng hồ cho Nhã và nói nhẹ nhàng: “Từ nay có đồng hồ rồi, nên đến họp đúng giờ, đừng đi trễ nữa nhé”. Biết Nhã có tật hay nhậu, anh Tư nói thêm: “Ăn đủ no, uống đừng quá say”. Nhã vui vẻ nhận quà mà thăm thía lời góp ý của anh Tư.

Lần khác, Hội Cựu chiến binh Quận 3 tổ chức hội nghị tổng kết năm, sắp đến giờ khai mạc mà lái xe trong Quân khu chưa ra kịp, anh Tư lấy xe đạp định đi. Tôi vừa tới, đề nghị anh không nên đi xe đạp vì nguy hiểm, để tôi chở anh bằng xe gắn máy. Anh hỏi có bảo đảm không, tôi thưa thường chở vợ đi làm, anh vui vẻ leo lên xe gắn máy. Chúng tôi đến vừa đúng giờ. Qua ý kiến phản ánh của tôi, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu sau đó cử hẳn một đồng chí lái xe ra ở luôn tại nhà anh để tiện việc đi lại...

Thường mỗi khi đi xuống địa phương, anh đều đến thăm nhiều gia đình cựu chiến binh và diện chính sách còn rất nghèo, nhà tranh tre dột nát. Anh biết kinh phí hoạt động của Hội Cựu chiến binh vốn hạn hẹp nên anh đã nhiều lần trực tiếp thảo công văn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị hỗ trợ. Trước khi qua đời, anh còn dặn dò gia đình phải giúp đỡ những người gặp khó khăn trong cuộc sống.

Thực hiện lời mong ước của anh, chị Thoa cùng các con khi có điều kiện đã lập “Quỹ Quà tặng của gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà”. Tính từ năm 2005 đến nay, gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà đã hỗ trợ cho gia đình cựu chiến binh và diện chính sách khắp Nam Bộ và miền Trung được 192 căn nhà tình nghĩa với số tiền gần 5 tỷ đồng.

Tết đến, tôi lại đến nhà anh thắp nhang và vẫn khắc ghi lời anh đã thể hiện trong tập 5 - *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* như một châm ngôn cuộc sống: “...Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân. Nhờ bạn bè mà anh xây thành sự nghiệp. Nay có sự nghiệp chớ nên quên lãng bạn bè. Đức Việt Nam là tình là nghĩa, là đạo xử thế thủy chung giữa con người với con người. Mắt ta phải trong mà lòng ta phải sáng, đó là quý nhất của một đời người....”.

Nguyễn Viết Tá

NGỌN LỬA KHÔNG BAO GIỜ TẮT*

“Tôi vinh dự được hoạt động cách mạng cùng anh tại chiến trường Nam Bộ từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp cho đến thống nhất đất nước. Cảm nghĩ về anh - một bậc đàn anh đi trước, tôi không sao nói hết tấm lòng khâm phục...”, đó là tâm sự của Trung tướng Nguyễn Thới Bưng về Thượng tướng Trần Văn Trà, nguyên Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, nguyên Thủ trưởng Bộ Quốc phòng. Nhân kỷ niệm 15 năm ngày mất của Thượng tướng Trần Văn Trà (20/4/1996 - 20/4/2011), Trung tướng Nguyễn Thới Bưng đã kể lại những kỷ niệm với người đồng chí của mình.

1. Anh sinh ra và lớn lên trên quê hương Quảng Ngãi nhưng lại có hơn 30 năm sống, chiến đấu và trưởng thành trên mảnh đất Nam Bộ. Anh trẻ tuổi, tài cao, kể cả khi bị địch bắt và tù đày tới hai lần, anh vẫn bất khuất, một lòng kiên trung với Đảng và cách mạng. Anh Trà là người có công đầu trong việc xây dựng lực lượng vũ trang ở Nam Bộ. Anh cùng đồng chí Tô Ký xây dựng lực lượng vũ trang Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, tạo thành “vành đai đỏ” bao vây Sài Gòn. Sau này, lực lượng vũ trang Khu 7 lớn mạnh đã lan nhanh xuống Khu 8. Có thể nói, Nam Bộ rất đổi tự hào vì đã có một vị tướng tài như anh Trà.

Tôi còn nhớ, năm 1963, anh Trà được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cử về miền Nam công tác, lúc đó anh là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng. Trong khoảng thời gian này có nhiều ý kiến khác nhau về việc có nên xây dựng lực lượng vũ trang ở Nam Bộ hay không? Anh Trà khẳng định: “Đã đến lúc phải xây dựng cho được bộ đội chủ lực tại Nam Bộ để tạo quả đấm thép về quân sự tại chiến trường miền Nam chứ không chỉ dừng lại ở đấu tranh chính trị...”. Anh Trà còn chọn Bà Rịa - Vũng Tàu làm nơi nhận vũ khí từ miền Bắc đưa vào theo đoàn tàu không số và mở chiến dịch Bình Giả, rồi các chiến dịch tiếp theo như: Ba Gia, Đồng Xoài, Dầu Tiếng... nhằm mở rộng địa bàn đánh địch. Cuối năm 1964 đến đầu năm 1965, địch đưa hơn 300.000 quân vào miền Nam tiến hành

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng, ngày 20/4/2011.

“Chiến tranh cục bộ” hòng “bẻ gãy xương sống” lực lượng vũ trang của ta. Đáp trả địch, anh Trà đã lần lượt thành lập các sư đoàn 9, 5, 7... để đánh địch.

2. Năm 1968, Quân ủy Trung ương chỉ đạo mở chiến dịch Mậu Thân. Lúc này, anh Trà là Tư lệnh tiền phương, tôi là cán bộ sư đoàn nên được anh trực tiếp chỉ đạo đánh như thế nào để thắng địch. Được chiến đấu bên cạnh anh, tôi thấy anh là một chỉ huy kiên quyết chiến đấu đến cùng. Tôi còn nhớ kỷ niệm trước trận đánh, anh đứng bên cạnh tôi dặn dò: “Có thể trận này chúng ta sẽ không trở về nhưng nhất quyết phải thắng lợi....”

Sau chiến dịch Mậu Thân, địch trả đũa dữ dội, chúng bao vây Sư đoàn 9 khiến quân ta phải dời ra vùng biên giới để dựa thế vào Campuchia đánh địch. Khi chính quyền Lon Nol bị lật đổ, Quân giải phóng miền Nam đã tham gia các trận đánh Chenla 1, rồi Chenla 2, tiêu diệt 14.000 quân địch, thu 7.000 khẩu súng, giải phóng một vùng rộng lớn từ tỉnh Xoài Riêng đến Côngpông Chàm, Parathon, Kratié... Anh Trà đã có vai trò to lớn trong những trận đánh này.

Khi phái đoàn quân sự bốn bên họp tại trại Đavít, anh phải ra vào chiến khu nhiều lần, tình hình căng thẳng nhưng vẫn kiên quyết giữ lập trường. Đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, trong khoảng 2 tháng, ta nhanh chóng giải phóng toàn bộ chiến trường Liên khu 5. Tôi nhớ mãi trận đánh vào mặt trận Long Khánh - nơi quân ta đã tiến sát vào cửa ngõ Sài Gòn. Tại đây, địch chống cự quyết liệt. Anh Trà đích thân chỉ huy mở trận đánh vào Dầu Giây - Trảng Bom bọc sau lưng địch khiến chúng phải thua chạy, ta nhanh chóng giải phóng Bà Rịa - Vũng Tàu và tiến quân vào giải phóng Sài Gòn.

Làm sao nói cho hết những cống hiến của anh Trà đối với dân, với nước, tôi chỉ nói lên những điều mà tôi tâm đắc nhất về anh dù chưa đầy đủ. Nhân ngày giỗ của anh, tôi xin thắp một nén tâm hương đến anh - một ngọn lửa cách mạng không bao giờ tắt.

Minh Ngọc
(Ghi theo lời kể của Trung tướng Nguyễn Thới Bưng -
nguyên Thủ trưởng Bộ Quốc phòng)

NHỮNG BỨC TRANH ĐẬM KÝ ÚC HÀO HÙNG*

Sáng 20/4, tại Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh khai mạc phòng tranh chung của 4 họa sĩ lão thành: Kim Vinh, Lê Tâm, Thanh Minh và Lê Thoa. Trong khi ba người trước là họa sĩ chuyên nghiệp và đều từng là Hiệu phó của trường thì bà Lê Thoa (Lê Thị Thoa) là họa sĩ không chuyên và là phu nhân của cố Thủ tướng Trần Văn Trà.

Phòng tranh khai mạc đúng vào ngày kỷ niệm 19 năm Thủ tướng Trần Văn Trà qua đời. Tiến sĩ Lê Thị Thoa (nguyên Phó Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh) năm nay đã 82 tuổi nhưng vẫn minh mẫn, nhanh nhẹn. Dù làm khoa học nhưng bà rất yêu nghệ thuật. Nếu như sinh thời Thủ tướng Trần Văn Trà thích nhiếp ảnh thì bà lại say mê vẽ tranh. Từ khi ông ra đi, bà càng đắm chìm trong hội họa để vơi đi nỗi buồn và tìm cảm hứng sống.

Tranh của bà Lê Thoa có kỹ thuật nhuần nhuyễn và sắc thái thẩm mỹ riêng biệt. Bà hay vẽ về hoa, phong cảnh thiên nhiên và những ký ức về một thời chiến tranh mà bà đồng hành cùng chồng. Những bức tranh tĩnh vật của bà xuất hiện trong triển lãm lần này tái hiện hình ảnh những kỷ vật như chiếc mũ cối, bi đồng nước, túi xách bộ đội, khiến người xem xúc động nhớ tới một thời cả nước hào hùng hành quân ra trận. Đó cũng chính là ký ức yêu thương của bà về người chồng tài ba, đức độ. Nhìn tranh của bà Lê Thoa, chúng ta có cảm giác vị Thủ tướng tài ba cũng hiện diện đâu đây. Bà tâm sự: “Nhiều lúc tôi cứ nhớ ông vẫn còn sống. Nhìn những bức ảnh, trang viết, kỷ vật của ông để lại, sao mà thương quá. Tranh của tôi chủ yếu lấy nguồn cảm hứng từ hình ảnh và những kỷ vật của ông. Tôi vẽ với cảm giác luôn có ông bên cạnh”.

Như đã nói, Thủ tướng Trần Văn Trà là người mê ảnh, ngay cả trên chiến trường lúc nào máy ảnh cũng thường trực bên ông. Nhiều bức ảnh do ông chụp

* Bài viết đăng trên Báo Sài Gòn giải phóng, thứ Ba ngày 21/4/2015.

hay qua máy của ông đã trở thành tư liệu quý giá thời chiến tranh. Điều đáng nói là hầu như tất cả số ảnh đen trắng của ông đều do chính tay bà Lê Thị Thoa tráng rửa. Nhờ đó mà bây giờ trong di sản vị Thượng tướng để lại có mấy ngàn bức ảnh quý hiếm về ông, đồng đội và những khoảnh khắc ác liệt trên chiến trường. Bất cứ ai đến thăm gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà cũng bất ngờ trước sự giữ gìn cẩn thận, ngăn nắp và rất khoa học của bà Lê Thị Thoa về “kho báu” của chồng.

Bà Lê Thị Thoa cho hay: “Suốt đời ông ở chiến trường, chỉ nghĩ đến việc quân, việc dân, việc nước mà ít có thời gian cho riêng mình. Khi đất nước hòa bình, ông lại đi khắp nơi thăm lại chiến trường xưa, thăm đồng đội và những người từng giúp đỡ, cưu mang mình. Ông cũng thường dặn dò tôi và các con rằng, làm tướng mà không quân thì tướng chẳng làm gì được, nên khi mình có được chút ít cần phải chia sẻ với anh em”. Từ di nguyện ấy của ông, bà Lê Thị Thoa cùng các con đã tích luỹ và có nhiều hoạt động từ thiện ý nghĩa. Gia đình đã phối hợp với Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ xây dựng hơn 300 căn nhà tình nghĩa và tặng quà cho các gia đình có công cách mạng, bà con vùng sâu vùng xa ở khắp các chiến trường xưa còn gặp khó khăn.

Thượng tướng Trần Văn Trà không còn nữa nhưng tinh thần nhân văn của ông đã truyền lại cho người thân để họ tiếp tục sống, sáng tạo và làm những việc có ích cho xã hội.

Hùng Phan

TRẦN VĂN TRÀ - VỊ TƯỚNG CỦA CHIẾN TRƯỜNG

Thượng tướng Trần Văn Trà tên thật là Nguyễn Chấn, sinh ra ở quê hương Quảng Ngãi, nhưng là người đã gắn bó với chiến trường Nam Bộ gần trọn 30 năm chiến tranh giải phóng. Ông là người cộng sản kiên trung, một tướng lĩnh có đức độ và tài năng.

Chân dung một vị tướng

Tuổi thơ của ông gắn với núi Ăn, sông Trà, một vùng quê giàu tình người và truyền thống cách mạng từ xa xưa, nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Do chịu ảnh hưởng bởi phong trào cách mạng, trước cảnh nhân dân bị áp bức, Tổ quốc bị thực dân, đế quốc giày xéo, ngay từ nhỏ, ông luôn mơ ước đánh giặc giải phóng quê hương, đất nước. Mơ ước tuổi thơ ấy đeo bám suốt cả cuộc đời ông và đã trở thành hiện thực như ông từng nói: “Tôi rất thỏa mãn về cuộc đời mình, vì đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Tổ quốc, nhân dân giao phó”. Thực tiễn hoạt động, đấu tranh cách mạng và những năm tháng ở chiến trường cho chúng ta hiểu rõ hơn về cuộc đời ông.

Năm 1936, ông thi đỗ vào Trường Kỹ nghệ Huế. Tại đây, ông sớm giác ngộ cách mạng nên đã tham gia phong trào học sinh yêu nước. Đến năm 1938, ông vinh dự được Chi bộ Đảng nhà trường kết nạp vào Đảng. Năm 1939, vào Sài Gòn tiếp tục hoạt động cách mạng. Ở Sài Gòn, hai lần ông bị địch bắt vào tù, đến ngày 22/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim phong thích. Ngay sau đó, ông đã tham gia cùng với nhân dân Sài Gòn - Gia Định tổng khởi nghĩa giành chính quyền, được phân công về Ký bộ Việt Minh tiếp tục hoạt động cách mạng.

Bước ngoặt lớn trong cuộc đời, ngày Nam Bộ kháng chiến 23/9/1945, ông đã thực sự trở thành người lính tham gia trận đầu tiên giữ cầu Bông trong nội thành Sài Gòn. Tháng 3/1946, ông cùng bộ phận Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa về tăng cường cho Khu 8. Tại đây, cùng anh em lập Chi đội 14

xây dựng căn cứ địa tại Đồng Tháp Mười và được chỉ định làm Chi đội trưởng. Đến tháng 9/1946, được Trung ương chỉ định làm Khu trưởng Khu 8.

Năm 1949, ông chuyển về hoạt động tại Khu Sài Gòn - Chợ Lớn với vai trò Tu lệnh kiêm Chính ủy. Năm 1951, chiến trường Nam Bộ được chia làm hai phân khu, ông là Tư lệnh Phân khu miền Đông Nam Bộ cho đến năm 1954 tập kết ra Bắc làm Tổng Tham mưu phó quân đội. Sau đó, được Trung ương cử sang Liên Xô học tại Học viện quân sự cao cấp. Về nước, năm 1963 được cử về chiến trường B với đồng bào Nam Bộ. Tại đây, hơn 10 năm tham gia chỉ huy, lãnh đạo cách mạng miền Nam cho đến ngày giải phóng thống nhất đất nước, ông đã kinh qua nhiều trọng trách như: Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Ủy viên Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân ủy Miền. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ông nhận nhiệm vụ Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch. Sau ngày thống nhất đất nước, ông là Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng. Trở về với đời thường, ông góp phần quan trọng tổ chức, xây dựng Hội Cựu chiến binh Việt Nam, làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh.

Những dấu ấn trong cuộc đời binh nghiệp

Đời binh nghiệp của Thượng tướng Trần Văn Trà có rất nhiều dấu ấn để lại, ở bất kỳ cương vị nào ông cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhắc đến ông, quân và dân miền Tây Nam Bộ nhớ về vị Khu trưởng tài năng, sáng tạo.

Khi là Khu trưởng Khu 8, ông đã cùng với lãnh đạo Khu thành lập đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên của Nam Bộ - Tiểu đoàn 307, dưới sự chỉ huy của ông đã lập được nhiều chiến công xuất sắc, được đi vào thơ ca, còn sống mãi với thời gian.

Vào năm 1959, ông là một trong những người đề đạt với Tổng Bí thư tổ chức cho lực lượng cán bộ tập kết ra miền Bắc trở về miền Nam chiến đấu bằng việc mở đường mòn Hồ Chí Minh - đường Trường Sơn, và đường Hồ Chí Minh trên biển để chuyên chở vũ khí vào Nam. Ông đã được Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương tin tưởng giao nhiệm vụ chọn, huấn luyện, đưa cán bộ tập kết trở lại và tổ chức mở đường, xoi lối về Nam chiến đấu với ý chí giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hiệp định Pari được ký kết, ông đã được Bộ Chính trị cử làm Trưởng đoàn quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên tại Tân Sơn Nhất vào năm 1973. Ở cương vị mới, trong sào huyệt của quân thù, với bản lĩnh chính trị, tài năng, ông đã đấu tranh kiên quyết yêu cầu Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải nghiêm túc thực hiện Hiệp định Pari. Điều đó

đã làm cho kẻ thù phải khuất phục, bạn bè quốc tế khâm phục, góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà vào năm 1975.

Sau ngày 30/4/1975, Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định được thành lập, Ông được Trung ương chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban. Trước muôn vàn khó khăn của một thành phố mới giải phóng, là “thủ đô” của chế độ cũ, tàn dư chiến tranh, tình hình chính trị - xã hội phức tạp. Ông cùng với Ủy ban quân quản bắt tay vào xây dựng chính quyền mới, ổn định đời sống nhân dân; truy quét tàn quân địch, thu hồi cơ sở vật chất do quân đội Sài Gòn để lại; thực hiện công tác chính sách quân đội, tổ chức lại lực lượng vũ trang; nhanh chóng ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội thành phố, xây dựng cuộc sống mới.

Những kỷ niệm không phai trong đời binh nghiệp

Vào giữa năm 1948, ông dẫn đầu Đoàn đại biểu quân - dân - chính Nam Bộ rời căn cứ Đồng Tháp Mười vượt Trường Sơn ra Việt Bắc để báo cáo tình hình với Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch. Đây là lần đầu tiên ông được gặp Bác Hồ, người mà ông rất ngưỡng mộ, từng biết qua tài liệu và tiếng tăm từ trước năm 1945. Đặc biệt, trước khi trở về chiến trường miền Nam, ông đã được đích thân Hồ Chủ tịch trao tặng thanh gươm và căn dặn: “Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù”. Kỷ vật thiêng liêng đó đã cho ông niềm tin, sức mạnh mang theo suốt cuộc đời binh nghiệp. Ông là vị tướng duy nhất được vinh dự Bác Hồ trao gươm thiêng đi đánh giặc.

Năm 1963, khi được lệnh trở về miền Nam với cương vị Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, ông được ăn cơm với Bác Hồ, khi chia tay Người căn dặn: “Chú đã học quân sự ở Liên Xô. Tốt lắm, cần phải nắm được khoa học quân sự tiên tiến ở phe ta, phải học kinh nghiệm chiến đấu phong phú và tài giỏi của Hồng quân Liên Xô. Nhưng còn phải nắm chắc và kết hợp với cách đánh của ông cha ta nữa. Chú có biết vì sao nhà Trần ba lần đại thắng quân Nguyên mạnh hơn ta gấp bội không? Đó là lòng dân, sức dân và đại đoàn kết. Đó là chỉ huy và chiến sĩ yêu nhau như con một nhà. Hãy nhớ lấy!”. Những lời căn dặn của Người, ông luôn ghi nhớ, làm theo lời Bác dặn.

Đồng đội trong trái tim vị tướng

Ông ra đi đột ngột, khi nhiều dự định còn dang dở... Ước mơ về thành lập một bệnh viện hiện đại chữa bệnh cho các thương bệnh binh và những người cao tuổi đã sát cánh cùng ông chiến đấu một thời chưa được thực hiện.

Sau ngày nghỉ hưu, ông luôn nghĩ đến đồng đội. Sau những chuyến đi xa, khi về nhà ông thường nói với gia đình: Anh em đồng đội mình còn rất nghèo khó,

nhiều người không có nhà ở, ăn uống cơ cực, quần áo thiếu thốn. Mỗi lần đi công tác, bà Lê Thị Thoa - phu nhân của ông - đều chuẩn bị quần áo, vật dụng tươm tất cho chồng, nhưng khi trở về thì tất cả vật dụng, quần áo mang theo, ngay cả tiền đều không còn vì đã tặng hết cho đồng đội của mình. Hàng ngày, trong mỗi bữa ăn ông đều day dứt nhắc về đồng đội còn quá nhiều khó khăn trong cuộc sống.

Lúc sinh thời, ông thường căn dặn các con: “Các con đều được ăn học thành tài, nhớ sau này có làm được 2 đồng phải dành lại 1 đồng cho đồng đội của ba, đó là những thương binh, cựu chiến binh, gia đình liệt sĩ. Họ còn nghèo khó lắm, phải giúp cho họ có được căn nhà lành lặn để ở”. Thực hiện lời di huấn của cha, từ năm 2004 đến nay, bà Nguyễn Thu Hồng, bà Nguyễn Thị Xuân Hồng và ông Nguyễn Việt Chi đã tích cóp tiền của để xây dựng được 285 căn nhà “Nghĩa tình đồng đội” trao tặng cho những đồng đội của ông thông qua Đại tá Lê Hùng - người trợ lý suốt hơn 20 năm cho ông, đã giúp gia đình đi tìm những đồng đội có hoàn cảnh khó khăn.

Kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ghi lại những dòng ngắn ngủi này để chúng ta nhớ về một vị tướng suốt cuộc đời vì nước, vì dân, nặng nghĩa tình đồng đội - người đã có công sức góp phần giải phóng quê hương, thu giang sơn về một mối, thực hiện ý chí thống nhất đất nước và khát vọng hòa bình của dân tộc. Và như những vần thơ ông để lại:

*“Ra đi, hai bàn tay trắng
Trở về, một dải giang san.
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”.*

Viết về ông, Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng đánh giá: “Đồng chí Trần Văn Trà là một tướng lĩnh có đức độ và tài năng, luôn hoàn thành mọi trọng trách được Đảng, Bác Hồ và quân đội giao cho”.

Bạch Mai

DANH TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

Khoảng tháng 10/1994, để chuẩn bị cho số báo đặc biệt kỷ niệm ngày thành lập Quân đội, được giao nhiệm vụ viết về một người có công lớn nhất trong việc xây dựng lực lượng vũ trang ở Nam Bộ, tôi mới gặp Trung tướng Đồng Văn Cống là người quen biết trước đó, ông xem tôi như đứa em út, vừa đặt vấn đề, ông đã nói ngay:

- Cậu phải viết về anh Tư Chi. Đó là người có công đầu xây dựng lực lượng của ta ở xứ này.

Nói xong, ông điện thoại cho ai đó trò chuyện một lúc, lấy mảnh giấy là tờ lịch vừa bóc hí hoáy viết mấy chữ, rồi quay lại nói với tôi:

- Cậu tới địa chỉ này, ông Tư Chi dễ tính, biết cậu là lính ống càng thương.

Tôi hỏi:

- Thưa chú, ông Tư Chi tên thật là gì?

Ông Cống nạt liền:

- Mang danh là lính miền Đông Nam Bộ cả chục năm rồi mà cậu không biết ông Tư Chi là Thượng tướng Trần Văn Trà sao?

- Thượng tướng Trần Văn Trà sao tôi lại không biết, nhưng bí danh là Tư Chi thì đúng là tôi chưa từng. Tuy vậy, tôi xin lỗi thủ trưởng cũ Đồng Văn Cống về sơ suất ấy. Ông Cống cười to:

- Ông Trà tên khai sinh là Nguyễn Chấn, còn mấy bí danh nữa. Người hoạt động cách mạng từ thời Đoàn Thanh niên Dân chủ, từng bị địch giam cầm 2 lần, ra tù là lao vào hoạt động tiếp, xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Đông, miền Tây cùng thời với các tướng Huỳnh Văn Nghệ, Nguyễn Bình, Bùi Cát Vũ...

Tôi đến nhà riêng Thượng tướng Trần Văn Trà, không báo trước nhưng chính ông là người ra mở cổng. Trước mắt tôi là một người mang phong thái điêm tĩnh, cởi mở, phóng khoáng khi giao tiếp. Ông mời tôi đến bên chiếc bàn gỗ mộc trước

khoảng sân có mái che rồi tự tay châm trà. Ông ân cần hỏi về quê hương, gia đình. Khi biết tôi từng ở Quân đoàn 4, ông hỏi tôi về sức khỏe của các tướng lĩnh Hoàng Cầm, Bùi Cát Vũ, Phan Liêm, Nguyễn Văn Quảng và khuyên tôi nên thường xuyên tới thăm và viết về các vị ấy. Đó là những cây sử sống của Quân đội ta nói chung và Quân đoàn 4 nói riêng. Ông nói vậy và vẫn giọng nhỏ nhẹ nhưng rạch ròi về câu chữ, ông hỏi tôi:

- Tôi cũng đã đọc một số bài của chú trên các báo. Hôm nay gặp chú từng là chiến sĩ Quân đoàn 4, nơi tôi gắn bó từ ngày thành lập, xa hơn nữa là khi hình thành các đơn vị cơ sở, tôi rất vui. Chú nên viết bài về Quân đoàn ngày giải phóng Phước Long.

Tôi hiểu, không phải ngẫu nhiên mà Trung ương Đảng chọn ông là Trưởng phái đoàn quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Ban Liên hiệp quân sự bốn bên sau khi Hiệp định Pari ký kết. Đó là thời kỳ chúng ta đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, buộc địch phải thi hành từng bước, tuy rằng, sau đó Mỹ - nguy đã vi phạm Hiệp định và bị chúng ta trừng trị. Sau ngày giải phóng miền Nam, tướng Trần Văn Trà lại được giao nhiệm vụ quan trọng, Chủ tịch Ủy ban quản lý thành phố Sài Gòn - Gia Định. Có thể nói, tướng Trần Văn Trà có phẩm chất một nhà ngoại giao quân sự. Ngoại giao quân sự chính là sự kết hợp giữa đánh và đàm. Đó chính là đường lối của Đảng ta để giành chiến thắng trên vạn trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.

Trần Văn Trà cũng như các tướng lĩnh tài ba của Quân đội ta thời chống Pháp và đánh Mỹ có đặc điểm chung là trưởng thành từ thực tiễn. Nghĩa là họ không được đào tạo kiến thức quân sự bài bản qua trường lớp như các nước có nền quốc phòng hiện đại. Làm sao để họ chỉ huy được đội quân càng đánh càng mạnh? Đó là câu hỏi không dễ giải đáp. Nhưng đặc điểm chung của các vị chỉ huy thời bấy giờ chính là tự học, tự rèn luyện và nắm rất rõ kiến thức đánh giặc giữ nước của cha ông ta, dựa vào nhân dân, tiềm năng, lực lượng ở nhân dân là vô tận. Trần Văn Trà cùng các tướng lĩnh ở chiến trường Nam Bộ là những người như vậy. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, đảm nhiệm chức vụ Khu trưởng Khu 8, Trần Văn Trà đã chú trọng xây dựng các đơn vị chủ lực. Ông quan niệm, muốn đánh đuổi thực dân Pháp không thể sử dụng một mình phương thức tác chiến kiểu du kích. Từ quan điểm này, các tiểu đoàn chủ lực hình thành. Nhưng một vấn đề nan giải đặt ra là làm sao có lương thực để nuôi bộ đội. Ông đã chỉ đạo cơ quan hậu cần nhờ sự giúp đỡ của nhân dân. Từ đây, công tác dân vận được chú trọng. Bộ đội ta được cả những gia đình điển chủ yêu nước giúp đỡ lương thực. Còn vũ khí

trang bị, do Trung ương ở xa nên tiếp tế khó khăn, cung đành phải tự lực bằng các công binh xưởng chế tạo vũ khí và chủ trương lấy của địch đánh địch, vừa tác chiến vừa trang bị. Đây là phương châm lớn của Đảng đề ra và được các chiến trường, trong đó có miền Đông Nam Bộ áp dụng thành công nhất. Chủ trương này được xuyên suốt, cho tới chiến dịch Đường 14 - Phước Long đầu năm 1975, giữa lúc đạn lớn thiêu nghiêm trọng trên toàn Miền, Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ đạo tiêu diệt các đồn bốt ở mạn Bù Đăng - Bù Na để thu đạn lớn rồi mới tiến xuống giải phóng Phước Long. Kết quả, chúng ta đã thu hàng trăm tấn đạn pháo, và khi tấn công thị xã Phước Long đã dư đạn lớn.

Tướng Trần Văn Trà luôn tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân lao động. Ông hiểu nguồn lực trong nhân dân luôn được phát triển. Khi ông đảm nhiệm Tư lệnh Khu 7 những năm 1949 - 1950, chỉ huy đánh giặc, thời gian đầu là đơn vị nhỏ lẻ, dần dần lên cấp cao hơn, đã rèn luyện cho ông bản lĩnh, trình độ của người chỉ huy cấp cao. Khi xây dựng lực lượng cấp trung đoàn, sư đoàn, quân đoàn, tướng Trần Văn Trà luôn chú trọng đến đội ngũ cán bộ, lấy đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản từ miền Bắc vào bổ túc cho cán bộ sở tại. Ông là một trong những người tổ chức thành lập các trường quân sự ở Nam Bộ.

Vào những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông cũng là người tổ chức bãi đáp an toàn cho các đoàn tàu không số trên dọc bờ biển Nam Bộ.

Chính nhờ đó mà số lượng, chất lượng vũ khí, khí tài được tăng lên. Ông cũng là vị tướng có tầm nhìn rộng ra chiến trường khắp cả nước và toàn Đông Dương. Những ngày đánh Mỹ, Trung ương Cục luôn kết hợp tác chiến với lực lượng cách mạng nước bạn. Trong chiến dịch Tây Nguyên, các đơn vị của Miền đã phối hợp đánh kìm chân địch, không để chúng hành quân yểm trợ cho đồng bọn ở cao nguyên, ông cũng đã cử một đội xe máy của hậu cần Miền lên phục vụ Bộ Tư lệnh chiến dịch. Trong lúc đó, ông cùng Bộ Tư lệnh Miền đã chuẩn bị nguồn lực, đặc biệt là nguồn hậu cần dự trữ để khi các sư đoàn, quân đoàn từ Tây Nguyên, miền Trung, miền Bắc vào có đủ điều kiện để bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh. Trần Văn Trà là vị tướng của chiến trường cả nước.

Có một lần nào đó, khi trò chuyện với nhà văn Võ Trần Nhã, chúng tôi được biết, tướng Trần Văn Trà có một gia đình thật sự tiêu biểu cho các gia đình ở miền Nam thời kháng chiến. Ông sinh ra ở Quảng Ngãi, mảnh đất có nhiều vị tướng lừng danh, ông trưởng thành ở Nam Bộ. Phu nhân của ông là bà Lê Thị Thoa, con gái Luật sư Lê Đình Chi - Giám đốc Nha Quân pháp Nam Bộ, một luật sư nổi tiếng, tham gia cách mạng và đã anh dũng hy sinh. Cụ Luật sư Lê Đình Chi có hai người con

là liệt sĩ. Truyền thống gia đình ấy cũng đã tiếp sức và làm nền tảng cho ông thực hiện sự nghiệp của mình.

Thượng tướng Trần Văn Trà là người sống vì dân, vì đồng đội. Ông không bao giờ sống cho riêng mình. Cuộc đời chiến sĩ - vị tướng của ông thật cao cả. Vậy cho nên, chúng ta thấy chưa có tên đường Trần Văn Trà ở Hà Nội và các thành phố lớn trong cả nước là một sự quá chậm trễ. Đó chắc cũng là mong muốn của đồng đảo nhân dân và đồng chí, đồng đội của ông. Mong lăm thay.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07/6/2016

Nguyễn Quốc Trung

NGƯỜI MANG GƯƠM BÁU VỀ NAM

Khi tôi đưa vấn đề ra ngày hôm qua, có rất nhiều bạn đã đoán đúng vị tướng mà trang X File of History muốn trân trọng dành cho ngày hôm nay, ngày 30/4: Ngày mà cả dân tộc không còn tiếng súng, không còn chia cắt. Dù bây giờ vẫn còn nhiều nhương nhượng nhưng tiếng súng đã im trên mảnh đất hình chữ S này, và những người mẹ, người vợ không còn lén lau những giọt nước mắt đợi tin con tin chồng từ hai bờ chiến tuyến.

Tôi đang nói đến vị tướng được mệnh danh là: Người mang gươm báu về Nam - Thượng tướng Trần Văn Trà.

11giờ 30 phút ngày 30/4 cách đây 41 năm, chiếc xe tăng số hiệu 390 húc đổ cánh cổng Dinh Độc Lập, chính thức chấm dứt cuộc chiến tranh 30 năm trên đất nước Việt Nam. Nhưng khi cùng điểm lại lịch sử, diễn biến năm ấy, những góc khuất mà누 cười của người chiến sĩ đã hiện lên trong giờ khắc non sông liền một mảnh, ta sẽ biết rằng, có lúc tưởng như Chiến dịch mùa Xuân 1975 này gần giống với chiến dịch Mậu Thân 1968. Và thời khắc của 11giờ 30 phút ngày 30/4/1975 có lẽ sẽ không có, nếu không có tài năng quân sự của vị thống lĩnh Quân giải phóng miền Nam Trần Văn Trà.

Xuân Lộc, 1975.

Hãy nhớ địa danh ấy. Đó là dấu mốc cuối cùng của những người lính quân đội Sài Gòn, là trang sử cuối cùng được viết nên bởi Lữ đoàn 203, Quân đoàn II, và tướng Lê Minh Đảo của quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Thời điểm ấy, ta đã giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên - Huế - Đà Nẵng. Các cánh quân bắt đầu tràn xuống phía Nam để tiến về Sài Gòn. Và Xuân Lộc với vị trí chiến lược quan trọng vì là ngã ba của hai quốc lộ 1 và 20, trở thành điểm chốt chặn cho cửa ngõ Sài Gòn. Quân đội nhân dân Việt Nam tung vào đó Quân đoàn 4 gồm hai sư đoàn và 45.000 quân với sự yểm trợ của xe tăng, pháo đài tấn công thị xã Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh. Dưới sự chỉ huy của tướng Hoàng Cầm, một

cuộc tấn công ác liệt đã nổ ra từ ngày 09/4 đến ngày 14/4. “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”, cả hai bên đều xác định như vậy và ném vào đó những đòn đánh nặng nề nhất. Quân Việt Nam Cộng hòa dưới sự chỉ huy của Chuẩn tướng Lê Minh Đảo và sự yểm trợ bằng không quân của Sư đoàn 3 và 4 từ Biên Hòa, Tân Sơn Nhất. Cuộc giằng co ác liệt với thương vong cao về phía Quân giải phóng. Quân giải phóng không tiến lên được. Từ Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu tin rằng Xuân Lộc có thể giữ vững, báo chí Sài Gòn vào cuộc, phân tích Quân lực Việt Nam Cộng hòa có thể bảo vệ được chế độ.

Thông tin bất lợi báo về, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng và Lê Đức Thọ rất lo lắng rằng “Mậu Thân 1968 lặp lại”, lại thêm những năm tháng vật lộn với chiến tranh nữa sao? May thay, họ có tướng Trần Văn Trà, và cục diện được xoay chuyển.

Nhận tin xấu. Người chỉ huy trưởng của lực lượng giải phóng quân Nam Bộ ấy rời đại bản doanh, trực tiếp đến tận nơi thị sát và đề ra phương án. Và bạn biết phương án mà tướng Trà đưa ra là gì không? Đằng nào mục tiêu cũng là Sài Gòn. Vậy thì sẽ có nhiều đường để vào Sài Gòn, thế thì cớ gì cứ đâm đầu ở Xuân Lộc vậy? Chiến dịch khi ấy đã bị câu nói “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn” đưa tư duy vào trong lối mòn, và đẩy tình thế vào ngõ cụt. Chính tướng Trà là người duy nhất nhìn ra vấn đề.

Tướng Trà nói thế này: “Xuân Lộc là điểm then chốt, hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự, nên địch đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không lợi. Nếu ta chiếm ngã ba Dầu Giây và giữ vững luôn thì Xuân Lộc tự dựng mất hết tác dụng vì bị đặt ra ngoài tuyến phòng thủ. Biên Hòa thì sẽ lập tức bị uy hiếp”.

Đấy, hay thế đấy. Bình pháp cực kỳ chuẩn. Và lãnh đạo là phải thế khi có vấn đề và sự cố, phải đến tận nơi và trực tiếp vạch mưu kế chứ không phải nói mấy câu mà ai cũng nói được.

Ngày 15/4, Quân đội nhân dân Việt Nam chuyển hướng tấn công. Pháo 130 ly bắt đầu bắn phá căn cứ không quân Biên Hòa, không cho máy bay từ đây yểm trợ Xuân Lộc. Sư đoàn 6 đánh chiếm ngã ba Dầu Giây và đoạn cuối Đường 20. Mất Dầu Giây và Đường 20, Xuân Lộc trở nên vô dụng. Rạng sáng ngày 21/4, các tuyến phòng thủ cuối cùng của chính quyền Sài Gòn tại Xuân Lộc sụp đổ. Tướng ngụy Lê Minh Đảo và 4 tiểu đoàn còn lại đánh tháo ra bằng máy bay lên thẳng. Xuân Lộc cũng là “trang sử vinh quang” nhất trong những ngày tháng 4 đau khổ của Việt Nam Cộng hòa.

Con đường khó nhất đã được dẹp tan. Phần còn lại là lịch sử mà bạn đã biết.

Vị tướng sinh ra ở Sơn Tịnh, Quảng Ngãi ấy, nguyên là một sinh viên được đào tạo thành kỹ sư. Ông học tại Trường Kỹ nghệ thực hành Huế. Nhưng số phận đưa đẩy trở thành vị tướng của quân đội, và hơn cả, còn là vị tướng quan trọng nhất của Quân giải phóng miền Nam với 30 năm ăn gió nầm sương sống chết trên hòn tên mũi đạn miền Nam. Người ta không bao giờ quên được câu nói của vị tướng ấy trong đêm Mậu Thân 1968: “Có thể trận này chúng ta sẽ không trở về nhưng nhất quyết phải đánh thắng...” Tướng Trà cùng với Thiếu tướng Tô Ký xây dựng lực lượng vũ trang Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa tạo thành “vành đai đỏ” bao vây Sài Gòn. Cũng là người đã xây dựng nên lực lượng quân đội miền Nam từ non kém trở thành tinh nhuệ, mục đích trở thành “nấm đầm thép”.

Tướng Võ Nguyên Giáp vạch chiến lược tổng thể, tướng Lê Trọng Tấn đánh từ miền Bắc vào, còn tướng Trần Văn Trà là người trực tiếp thọc từ trong lòng miền Nam bền bỉ, rõ ràng nhất và trực diện nhất.

Tôi còn chưa cho bạn biết một thông tin, đường mòn Hồ Chí Minh vắt qua dãy Trường Sơn huyền thoại chính do Thượng tướng Trần Văn Trà đề xuất với Bộ Chính trị.

Đó là về đầu óc quân sự và khả năng xây dựng quân đội. Điều tướng Trà được yêu quý còn ở khí chất của ông. Thủ trưởng Bộ Quốc phòng Trung tướng Nguyễn Thới Bưng nhận xét: “Một bậc đàn anh đi trước, tôi không sao nói hết tấm lòng khâm phục”. Bên kia, nhà văn bất đồng chính kiến, Đại tá Bùi Tín nói về tướng Trà bằng những lời lẽ đầy cảm phục: Là người rất giản dị, có tư duy, có học thức, mà ông ấy chịu khó. Tiếng Pháp ông cũng đọc, cũng biết, cũng hiểu, lịch sử của phương Tây ông ấy cũng biết. Đây là một vị tướng mà tôi rất quý.

Câu chuyện về tướng Trà từ phía bên kia nhìn lại, tôi xin trích lại một cách tóm lược như sau: Đỗi lập với một vị tướng cùng chiến tuyến nhưng mới chỉ qua trường văn hóa và xuất thân từ nông dân. Tướng Trà lại toát lên khí chất của vị tướng chăm đọc sách, xem báo, ưa nghe nhạc, mê nhiếp ảnh (đây là vị tướng có bộ sưu tập ảnh khá hoành tráng), hiểu biết nhiều loại kỹ thuật, vì vốn tốt nghiệp Trường Kỹ nghệ thực hành ở Huế, đối đáp rất thông minh, sắc sảo.

Khác nhiều với một số ít vị tướng đồng đội khép kín giữa các buổi giao lưu với các phái đoàn, tướng Trà nói chuyện rất vui, linh hoạt. Chuyện phong tục, tập quán, chuyện món ăn, thể thao, chuyện ca hát, văn nghệ, cả đến chuyện vui, tiểu lâm gây cười đều rất thong dong. Kết thúc bữa tiệc, ai cũng quý trọng, cảm phục vị tướng ấy, dù ông là người của phe bên kia.

Tướng Trần Văn Trà sở hữu một cái tâm rất nhân bản, ông rất thương người, thương đồng đội, thương tới mức mà như vợ ông kể lại: “Những năm bao cấp khó khăn, có lúc tôi phải đi ứng lương trước hay đi vay tạm để ông giúp đỡ anh em. Khi ông đi, tôi chuẩn bị đầy đủ quần áo, thuốc men và mọi vật dụng nhưng lần nào ông trở về thì cả cái vali cùng không còn. Tôi hỏi, ông trầm ngâm giải bày: Em không thể tưởng tượng được đâu, anh em bây giờ khổ lắm, làm việc quần quật suốt ngày ở nông trường mà vẫn không đủ ăn, nên anh cho hết rồi”.

Ngày ông mất, vẫn canh cánh trong lòng về một bệnh viện dành cho cựu chiến binh vẫn chưa xây dựng được.

Tháng 4/2016 cũng là tròn 20 năm mà tướng Trà mãi mãi ra đi. Ông mất ngày 20/4/1996. Tướng Trà đã sống một cuộc đời trung kiên. Đời một tướng lĩnh là những chiến tích lưu giữ ngàn thu. Nhưng ở tướng Trà điều được yêu quý còn là tấm lòng nghĩ cho dân, cho nước. Bà Lê Thị Thoa, phu nhân của tướng Trà kể lại những lúc ông tiếp các nhà lãnh đạo cao cấp, ông bày tỏ quan điểm một cách thẳng thắn, thậm chí phản ứng gay gắt, khiến bà sợ ông gây mích lòng. Nhưng bản tính ông là vậy, minh bạch và rõ ràng, không sợ bất cứ điều gì miễn là đúng, dù có nhận thiệt thòi về phần mình. Và quả thực, vị tướng đúc độ ấy, không bao giờ đạt đến đỉnh cao nhất trong vị trí của quân đội vì cái sự thẳng thắn đó.

Nhưng có hổ gì, tình thương anh em và những người nghèo khó của tướng Trà trong thời bình ấy, sáng rực hơn hàng ngàn những huân huy chương khác.

Bài viết này, xin gửi một lời tri ân đến ông.

*Dũng Phan
Sài Gòn, ngày 30/4/2016*

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ VỚI ĐIỆN ẢNH QUÂN GIẢI PHÓNG B2

Trong hồi ký viết sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), đồng chí Trương Thành Hỷ đã ghi lại ở ngay những trang đầu về sự quan tâm đặc biệt của đồng chí Trần Văn Trà đối với Điện ảnh Quân giải phóng B2: "... Sau khi tập kết ra Bắc, từ năm 1960 tôi được trở về công tác quay phim, nghề cũ của tôi. Từ năm 1961 - 1962, tôi đã nhiều lần hân hạnh được gặp và ghi hình đồng chí Trần Văn Trà - Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam khi đồng chí đến thăm Sư đoàn 338... và tiễn đưa các đoàn quân "bí mật" trở về Nam...".

Tháng 10/1962, trong dịp đi quay phim tư liệu về Hải quân nhân dân ở vịnh Bắc Bộ, ông Trương Thành Hỷ lại gặp đồng chí Trần Văn Trà. Chưa kịp chào hỏi thì đồng chí Trà đã hỏi ngay:

- Xưởng phim Quân đội đã cử đội quay phim nào vào Nam chưa? Riêng đồng chí Hỷ có muốn đi hay không?

Câu hỏi như gợi mở tấm lòng. Trương Thành Hỷ tranh thủ dịp may hiếm có, để đạt ngay với đồng chí Trần Văn Trà một số vấn đề về Điện ảnh Quân giải phóng thuộc cơ quan Cục Chính trị Miền (B2) và xin được phép đi B mà không bị ràng buộc (vì đồng chí từng tham gia quay những phim tư liệu bí mật quốc gia).

Thế là chỉ sau chuyến đi quay phim hải quân về ít ngày, Trương Thành Hỷ đã nhận được quyết định lên đường trở về Nam để cùng anh em bắt tay vào việc xây dựng Điện ảnh Quân giải phóng Cục Chính trị Miền B2.

Từ những năm 1966 - 1967, Điện ảnh Quân giải phóng B2 (mang ký hiệu B8) ngày càng được tăng cường về đội ngũ cán bộ, về trang bị, phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ cho nghiệp vụ làm phim, chiếu phim và đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của các đồng chí lãnh đạo Bộ Chỉ huy Miền.

Vào dịp ấy, sau chuyến đi thăm nước ngoài về, đồng chí Trần Văn Trà được bạn tặng 3 máy quay Paillard và 3 máy ảnh. Đồng chí đã gửi ngay cho B8, kịp trang bị thêm cho các đội quay phim đi chiến dịch.

Sau mỗi đợt đi về, anh em đã tổ chức học tập rút kinh nghiệm bằng cách chiếu đi chiếu lại những thước phim và cùng nhau phân tích. Ở chiến trường, những tài liệu sách báo về chuyên môn điện ảnh, nhiếp ảnh thật là hiếm, do đó việc bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn có nhiều hạn chế. Tình hình trên được phản ánh đến các đồng chí lãnh đạo và Bộ Chỉ huy Miền.

Hầu hết các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Miền từ đồng chí Trần Văn Trà, đồng chí Chín Vinh, đồng chí Hai Chân đến chị Ba Định tuy rất bận công việc chỉ đạo chiến trường nhưng ai cũng ưa thích hoạt động điện ảnh, nhiếp ảnh và luôn luôn quan tâm theo dõi, động viên anh em Điện ảnh Quân giải phóng (B8).

Cùng với những bản tài liệu về phim ảnh do đồng chí Chín Vinh dịch, cho đánh máy gửi xuống B8, đồng chí Trần Văn Trà cũng gửi cho anh em cuốn *La photographie et le Cinéma Amateur* (Chụp ảnh và điện ảnh tài tử) và cuốn *La photographie à l'intérieur* (Chụp ảnh trong phòng). Trong anh em có người biết tiếng Pháp đã dịch và giới thiệu những cuốn sách trên rồi cùng nhau rút tóm những điều cần thiết cho nghề nghiệp.

* * *

Những lần hội nghị tổng kết sau mỗi chiến dịch lớn, anh em làm phim chúng tôi đều được gặp Thượng tướng Trần Văn Trà. Tuy bận nhiều công việc nhưng anh cũng dành thời gian cùng dự xem những thước phim phóng sự “sốt dẻo” do anh em Điện ảnh Quân giải phóng Miền vừa hoàn thành sau chiến dịch đem đến phục vụ hội nghị.

Anh chăm chú theo dõi phim và sau buổi chiếu còn thăm hỏi động viên khen ngợi chúng tôi, những người quay phim dũng cảm đã ghi lại được nhiều hình ảnh tốt có giá trị và đã khắc phục khó khăn trong các khâu in tráng, dựng phim hoàn chỉnh kịp thời phục vụ, động viên các đơn vị.

Cho đến nay, tôi vẫn còn nhớ những lời nhắn nhủ của Thượng tướng Trần Văn Trà - Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam đối với anh em Điện ảnh Quân giải phóng B2: “Phóng viên quay phim nhiếp ảnh mặt trận cũng là chiến sĩ xung kích, đòi hỏi phải dũng cảm bám sát bộ đội, bám sát chiến trường, đồng thời phải nắm chắc về kỹ thuật thì mới ghi được những hình ảnh chân thực, sinh động, có giá trị lịch sử và nghệ thuật...”

Phạm Khánh Hưng
(Điện ảnh ngày nay)

“NGŨ HỔ TƯỚNG”: THỜI THƠ ẤU CỦA TƯỚNG TRÀ

Chuyện “Ngũ hổ tướng” của Thượng tướng Trần Văn Trà bấy lâu đã hấp dẫn tôi kỳ lạ, nay mới có dịp tìm hiểu.

Năm “hổ tướng” nay chỉ còn hai. Đó là đạo diễn Lưu Khánh (thân sinh của nữ nghệ sĩ Trà Giang) và nhà thơ Nguyễn Viết Lãm.

Tôi đã tìm gặp ông Lưu Khánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Viết Lãm tại Hải Phòng. Qua hai ông, tôi được hiểu sâu thêm về tuổi thơ của tướng Trà, ngay từ thời thơ ấu đã sớm định hình nhân cách của một trong những nhà quân sự tài giỏi Việt Nam.

Ông Nguyễn Viết Lãm nay đã 87 tuổi, vẫn còn minh mẫn, bồi hồi kể lại: “Năm anh em cùng học ở Trường Tiểu học thị xã Quảng Ngãi nên quen nhau, thân thiết, từ 10 đến 13 tuổi. Cùng nhau tập võ Thiếu Lâm Tự, do anh Quảng người nhiều tuổi nhất và giỏi võ hướng dẫn. Lúc tập võ kết nghĩa coi nhau như “ngũ hổ tướng” thời nhà Tống. Anh Quảng lấy tên là Địch Thanh, anh Chấn (Trần Văn Trà) là Thạch Ngọc, anh Khánh là Lý Khánh, Kiều Giá là Trương Trung và tôi là Lý Nghĩa”.

Ông Lưu Khánh nhắc lại thời thơ ấu cùng sống với tướng Trà: “Anh Chấn (tên khai sinh của tướng Trà) là người sống rất nhân hậu, và đây cũng là bản chất tự nhiên của anh. Chị em học cùng lớp thấy anh hiền khô. Anh thường mặc cõi gò má đỏ au. Tôi với anh Chấn rất thân nhau. Hình ảnh sâu đậm của anh tôi không bao giờ quên. Anh từ quê Châu Sa, Sơn Tịnh lên thị xã ở nhà ông đội lính lê Nam triều đã về hưu. Nhà không có con nên ông bà rất quý anh. Anh lại là con người biết lễ nghĩa. Bà đội bán hàng xén bên hè phố nên ngày ngày anh gánh hàng xén và dọn hàng cho bà xong mới đi học. Lúc nào anh cũng nghĩ đến thằng Khánh. Trong nhà có vườn măng cầu, trái chín đầu mùa cúng xong bà cho anh, anh lại mang cho tôi một nửa nếu có một trái, nếu anh có hai trái thì cho một trái. Anh học chăm, học giỏi nên được thầy giáo Đức thương như con trong nhà. Anh viết chữ đẹp lắm. Giờ Ecriture (tập viết) anh luôn được điểm 9 - 10. Tôi viết không bằng anh nhưng vẽ lại

đẹp hơn. Hai đứa đều được thầy kêu lại nhà ghi điểm của học sinh vào sổ cái cho thầy. Thầy rất nghèo nhưng rất gương mẫu. Ghi sổ xong, thầy kêu chúng tôi ở lại ăn cơm, mỗi đứa chỉ ăn một chén, nói đã no rồi xin thầy ra về. Về nhà, hai đứa lại mua bánh tráng cuốn rau muống ăn thêm cho no.

Một lần, anh rủ tôi về quê coi đua ghe. Anh đưa tiền dặn tôi mua nhang (vì bà nội tôi bán nhang, biết anh mua sẽ không lấy tiền). Qua khỏi núi Thiên Ấn một chút có đền thờ đức Khổng Tử. Anh nói với tôi bỏ mũ xuống vào đốt nhang. Anh biểu làm gì thì tôi làm theo. Cả hai anh em vái rất kính trọng. Khi trưởng thành, tôi mới hiểu anh Chấn đã biết trọng nhân tài khi còn nhỏ tuổi.

Anh nói với tôi: Mẹ mình coi tử vi nói tuổi Kỷ Mùi sau này sẽ làm quan. Hồi chống Pháp, anh làm Tư lệnh Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Tôi ở Bình Thuận đi công tác vào Nam Bộ tìm gặp anh. Một đêm hàn huyên nhiều chuyện về thời thơ ấu. Tôi nói vui: Anh tìm lại và thưởng ông thầy nào coi tử vi hồi ấy, vì nay anh là “quan quân đội”, còn tôi cũng làm “đại tướng”, nhưng “đại tướng” trên sân khấu (đạo diễn).

Tại căn nhà nhỏ ở Hải Phòng, ông Nguyễn Viết Lãm cho biết thêm: “Dù còn nhỏ tuổi anh Chấn đã sớm chịu ảnh hưởng luồng yêu nước trong học sinh. Khoảng năm 1930 - 1931, khi đang học, nhìn cảnh đau lòng mật thám Pháp xiêng tay người cách mạng dẫn đi ngang các lớp học đã tác động rất lớn đến học sinh. Tan trường ra về, học sinh hay bàn chuyện yêu nước. Sau khi thi đậu primaire (tiểu học) xong, anh ra Huế học Trường Kỹ nghệ thực hành và tham gia phong trào cách mạng, bị thực dân Pháp đưa về quản thúc tại tỉnh nhà. Một lần anh ra thị xã gặp tôi, anh nói mình đi xa còn lâu mới gặp lại nhau, nhưng đi đâu anh không nói. Trong lúc anh đi lang thang trong thị xã như một người vô công rồi nghề thì em ruột anh mua vé xe lửa. Khi xe lửa gần chạy, anh mặc áo quần dài rồi bước lên tàu và xuôi về Nam.

Năm 1949, anh từ Việt Bắc về lại Nam Bộ, đi ngang qua Quảng Ngãi có tìm thăm tôi. Năm cùng một giường, tôi hỏi tại sao anh lại mang tên Trần Văn Trà. Anh kể đi trên bờ sông Sài Gòn, trong người không có một mảnh giấy tùy thân, gặp một cái xác bên bờ, lục tìm thấy một căn cước do thực dân Pháp cấp mang tên Trần Văn Trà¹, quê Quảng Ngãi, đúng quê của mình, vậy là anh dùng căn cước này luôn để hoạt động cách mạng.

Hai ông Khánh, Lãm và Thượng tướng Trần Văn Trà còn nhiều lần gặp nhau trong hai cuộc kháng chiến và những ngày hòa bình, nhưng ấn tượng tuổi thơ của “Ngũ hổ tướng” thật đậm nét trong cuộc đời cách mạng của mỗi người.

Minh Trí

1. Có tài liệu cho rằng, tên trên căn cước là Trần Văn Già và Thượng tướng đã đổi tên Già thành Trà (B.T).

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC



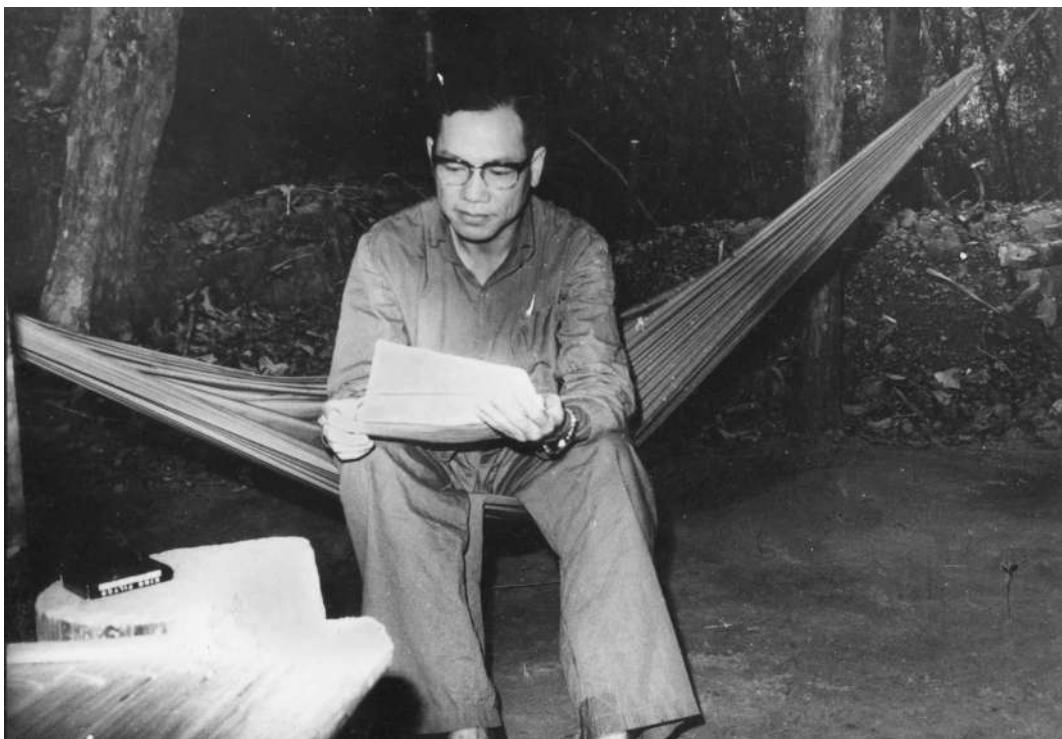
Ảnh chụp với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh
(Thượng tướng Trần Văn Trà đứng bên phải)



Cùng em ruột Nguyễn Việt Châu - Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ



Với đồng chí Nguyễn Văn Tịch - cán bộ đặc công biệt động
trong kháng chiến chống Pháp, được phong Anh hùng quân đội năm 1956
(tại Chiến khu Đ, năm 1970)



Đọc tài liệu trong vùng căn cứ



Trên đèo Ngang (13/6/1973)

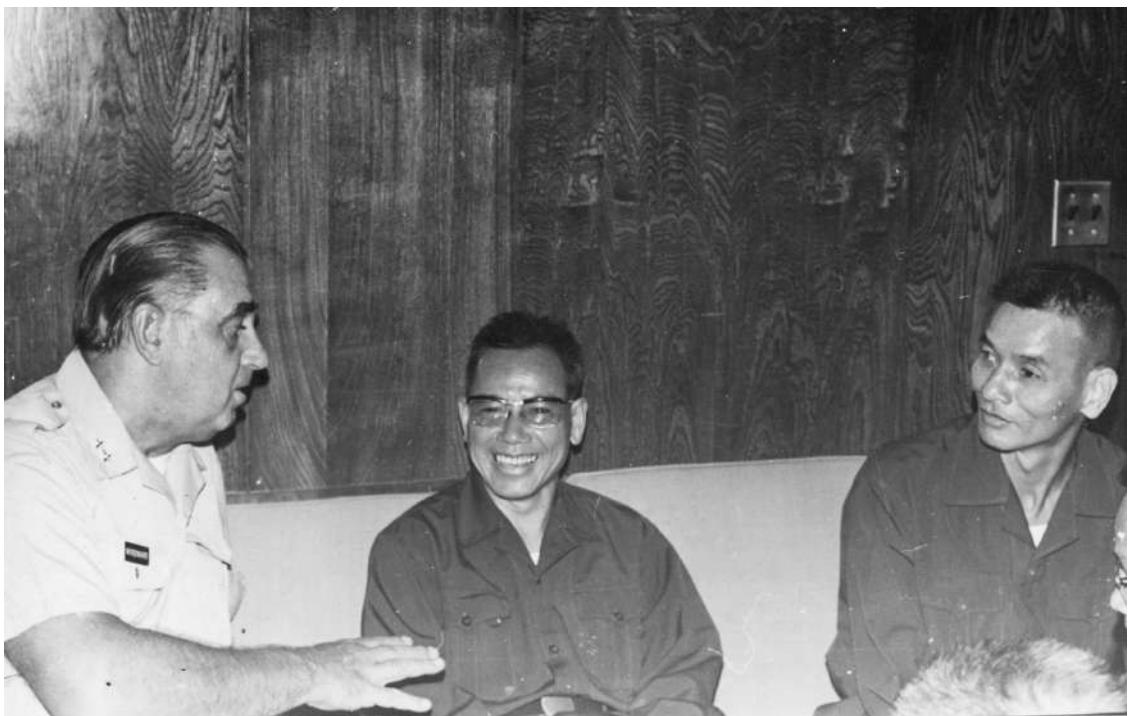
**TRONG BAN LIÊN HIỆP QUÂN SỰ BỐN BÊN TẠI SÀI GÒN
(tháng 2, 3/1973)**



*Cùng Đoàn Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát đình chiến ở Việt Nam
đến thăm một ngôi chùa tại vùng giải phóng xã Lộc Tân*

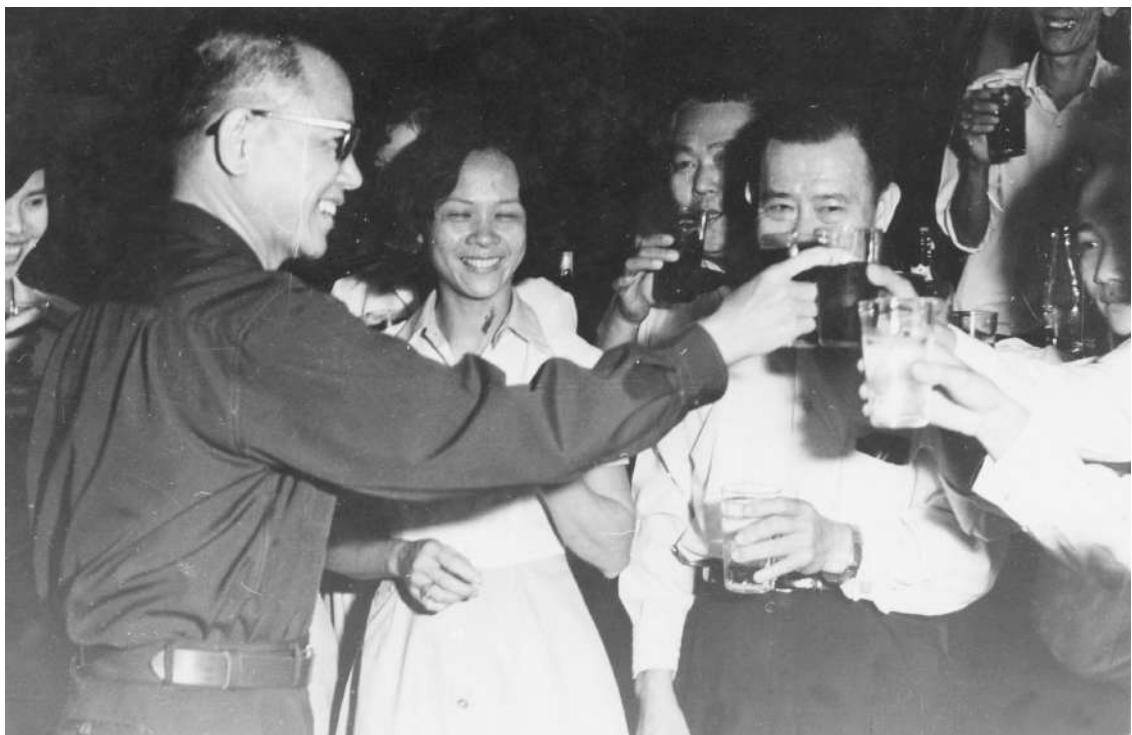


Lễ tiễn tướng Trà tại Lộc Ninh trước khi vào Sài Gòn tham gia Ban Liên hiệp quân sự bốn bên



Trung tướng Trần Văn Trà (giữa), Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn
(Phó đoàn, bên phải), Thiếu tướng Wood Ward (Trưởng đoàn Hoa Kỳ, bìa trái)

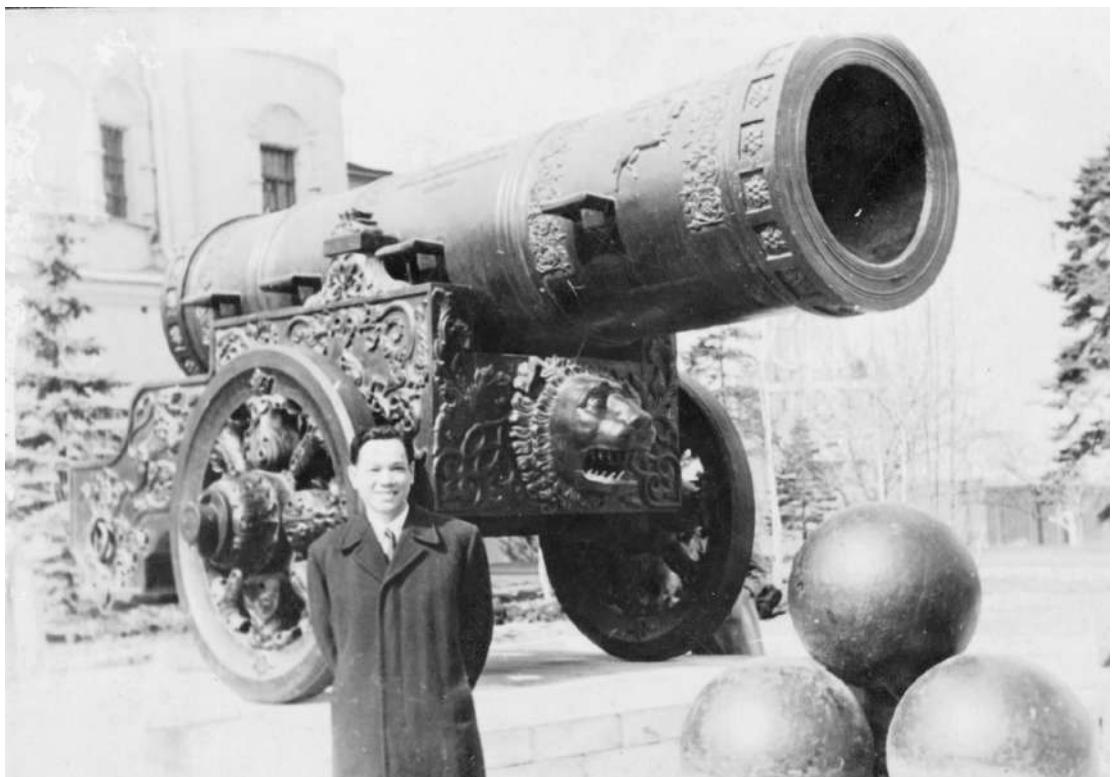






TẠI HỌC VIỆN QUÂN SỰ CAO CẤP FRUNZE VOROSHILOV - LIÊN XÔ







ĐẾN THĂM CÔN ĐẢO CÙNG ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ BÌNH (năm 1976)







VỚI BẠN BÈ, ĐỒNG ĐỘI, ĐỒNG CHÍ



Thượng tướng Trần Văn Trà chụp ảnh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp (ngày 14/3/1996)

“...Anh Trần Văn Trà, người đảng viên cộng sản trung kiên,
người chỉ huy kiên cường và quyết đoán!”

(Trích lời Đại tướng Võ Nguyên Giáp,
Tưởng nhớ Thượng tướng Trần Văn Trà, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2019)



Cùng với vợ chồng
Đại tướng Võ Nguyên Giáp
trước khi đi B (năm 1963)



Đến thăm nhà vợ chồng Đại tướng Văn Tiến Dũng trước khi đi B (năm 1963)



Cùng với đồng chí Lê Đức Anh (bên phải), trong kháng chiến chống Mỹ



Ảnh chụp với đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, Phạm Hùng và Lê Đức Thọ tại chiến trường



Cùng đồng chí
Hoàng Văn Thái (bên trái)
và Lê Đức Anh (bên phải)



Cùng với bạn bè, đồng chí đã nghỉ hưu



Cùng với đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Trần Bạch Đằng trong một cuộc họp



Cùng với nghệ sĩ chuyên đóng vai Bác Hồ và lãnh đạo Sở Văn hóa - Thông tin
Thành phố Hồ Chí Minh



Cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thiếu tướng Tô Ký trong dịp
Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào thăm Thành phố Hồ Chí Minh



Cùng với đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng đội thăm khu di tích lịch sử Tà Thiết



Cùng với Đại tá Hồ Thị Bi thăm bà mẹ Việt Nam anh hùng



Cùng với đại biểu đi dự Đại hội Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1991)



Tại buổi họp mặt Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/1984
(trong ảnh có Thiếu tướng Nguyễn Thị Định và Đại tá Tạ Thị Kiều)



Cùng với Thiếu tướng Nguyễn Thị Định và Đại tá Hồ Thị Bi



Từ trái qua phải: Hồ Thị Bi, Tô Ký, Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Trà,
Tạ Thị Kiều, Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Văn Tòng



Cùng với Đại tướng Văn Tiến Dũng



Cùng với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và con cháu
tại nhà riêng Đại tướng ở Hà Nội (năm 1990)



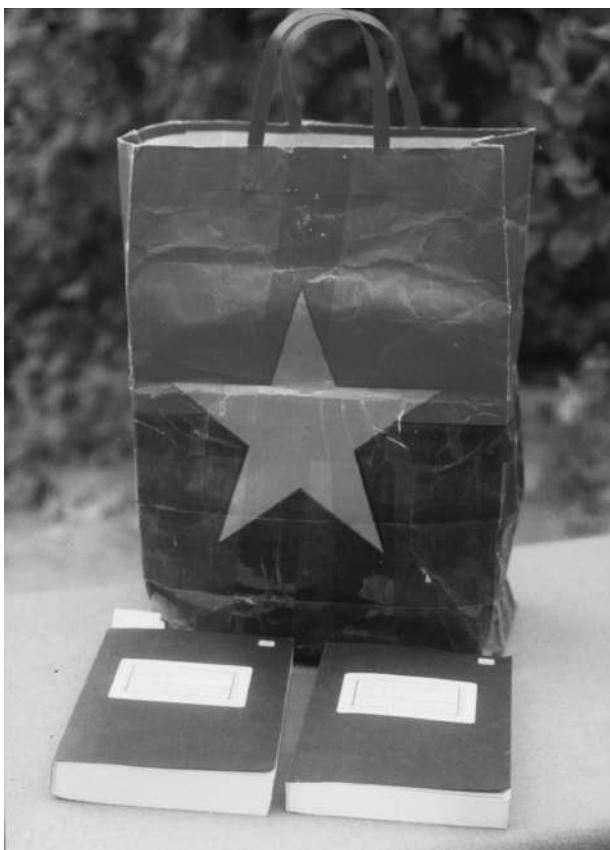
Cùng với Đại tướng Văn Tiến Dũng (thứ ba từ phải qua),
Trung tướng Lê Quang Hòa (thứ nhất bên phải) và các đồng đội



Vợ chồng Đại tướng Văn Tiến Dũng đến thăm gia đình
cố Thượng tướng Trần Văn Trà nhân ngày giỗ đầu ông (năm 1997)

**DỰ HỘI THẢO VỀ LỊCH SỬ CUỘC CHIẾN TRANH VIỆT NAM
VÀ ĐÔNG DƯƠNG TẠI NEW YORK - MỸ NGÀY 16 - 17/11/1990**





Túi xách kỷ niệm Xuân 1968
do nhà sử học Mỹ Gabriel Kolko tặng



VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG QUẢNG NGÃI









THĂM ẤP BẮC





VỚI NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU TRONG GIA ĐÌNH



Cùng với vợ Lê Thị Thoa khi tập kết ra Bắc, năm 1955



Cùng vợ và các con trước khi đi B, năm 1963



Cùng vợ và các con tại Hà Nội, năm 1967



Cùng vợ và các con khi từ chiến trường ra Hà Nội cuối năm 1967



Cùng vợ và con khi từ chiến trường ra Hà Nội cuối năm 1967



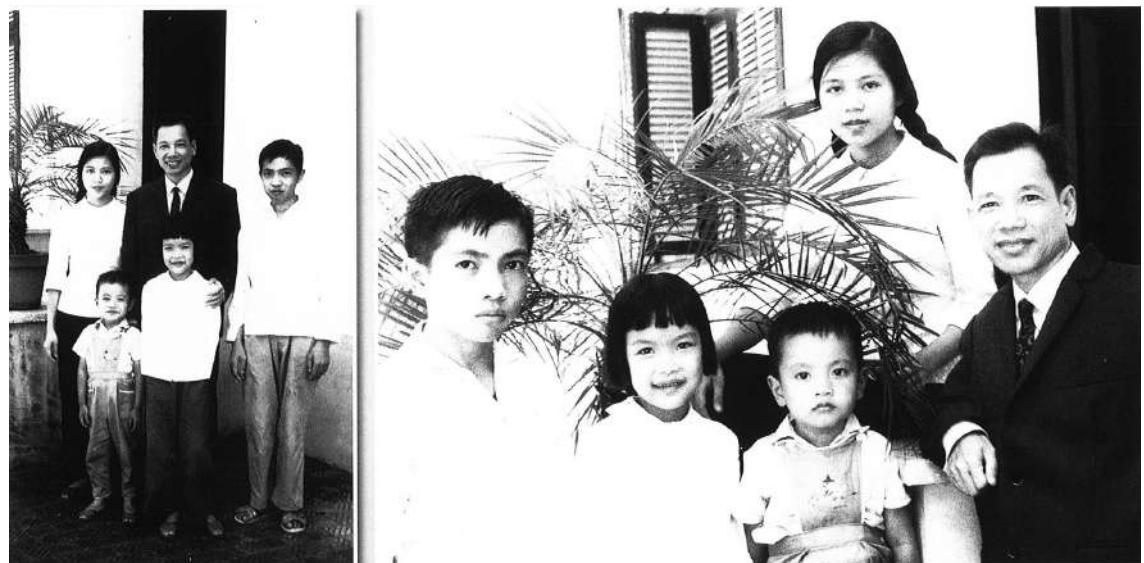
Cùng con trai Việt Chi
khi từ chiến trường ra Hà Nội họp
tháng 11/1971



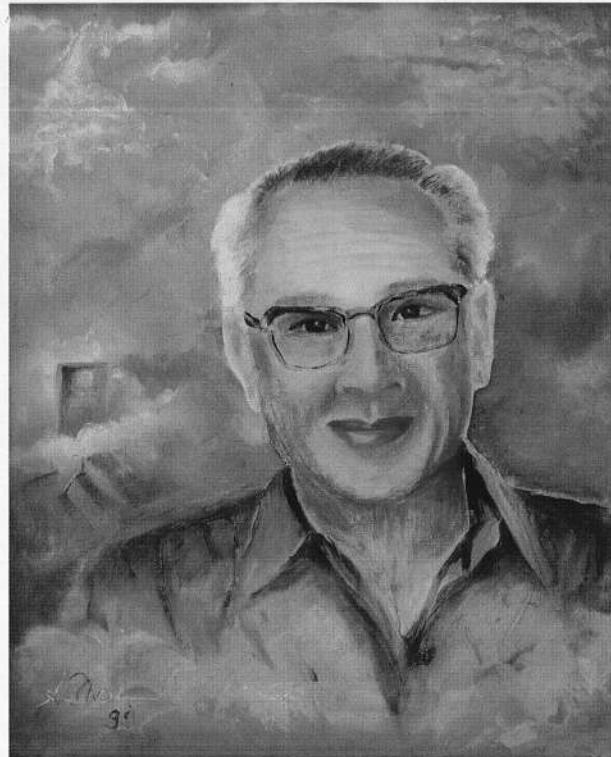
Cùng với con gái Xuân Hồng và con trai Việt Chi, tháng 11/1971



Cùng với vợ Lê Thị Thoa, năm 1982



Thượng tướng Trần Văn Trà bên các con Thu Hồng, Xuân Hồng, Việt Chi và cháu Công



1. Chân dung Tướng Trà
KT: 50cmx40cm - CL: Sơn dầu
Tg: Lê Thoa



Tranh chân dung Thượng tướng Trần Văn Trà do phu nhân Lê Thị Thoa vẽ



5. Mây nước yên bình

KT: 40cmx50cm, CL: Sơn dầu



6. Thiên mã thăng

KT: 50cmx70cm, CL: Sơn dầu

Tg: Lê Thoa

Tranh vẽ minh họa bài thơ của Thượng tướng Trần Văn Trà

“... Trăng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng,
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”

(Tác giả: Lê Thị Thoa - Phu nhân Thượng tướng Trần Văn Trà)

MỤC LỤC

Phần III	
THẾ HỆ CHÚNG TÔI ĐI THEO BÁC HỒ	5
• Thế hệ chúng tôi đi theo Bác Hồ	7
• Hai thời kỳ, hai lời dặn của Bác	19
• Tổng Tư lệnh biết quý từng giọt máu mỗi chiến binh	21
• Lịch sử và con người	24
• Vài kỷ niệm về người con gái kiên cường của Bến Tre: Chị Nguyễn Thị Định	29
Phần IV	
HẠNH PHÚC MỘT ĐỜI NGƯỜI	35
• Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh	37
• Nghĩ về Ấp Bắc	53
• Chiến thắng Ba Gia - Đòn đánh bồi làm phá sản “Chiến tranh đặc biệt” của địch	57
• Một trận chiến hai cách đánh, hai nghệ thuật quân sự khác nhau (trận Junction City)	61
• Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968	75
• Kỷ niệm 20 năm giải phóng, trận Xuân Lộc đáng nhớ trong những ngày tháng tư lịch sử	91
• Với chiến thắng giải phóng một tỉnh đầu tiên, quân dân Phước Long đã chỉ ra thời cơ và khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam	96
• Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân khu 7 (ngày 06/11/1976)	101

• Phát biểu tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (năm 1991)	105
• Phát biểu ở Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V (ngày 23/10/1991)	116
• Bài phát biểu tại Đại hội Đảng bộ Quận 3 lần thứ VI (vòng 2)	121
• Phát biểu nhân dịp 30/4 (do Quận ủy - Ủy ban nhân dân Quận 1 tổ chức ngày 30/4/1984)	128
• Phát biểu nhân Hội nghị Khoa học lịch sử về tấn công nổi dậy Xuân 1975 (ngày 18 - 19/3/1985)	131
• Phát biểu nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ (năm 1985)	134
• Bộ đội Cụ Hồ	139
• Phát biểu về việc viết lịch sử của Quân đoàn 4	145
• Đội ngũ cán bộ lão thành cách mạng, hữu trí, cựu chiến binh trong công cuộc xây dựng Thành phố	148
• Cho dân tộc trường tồn	154
• Phát biểu tại Đại hội Cựu chiến binh	157
• Mùa Xuân 1968: Kỷ niệm Tết Mậu Thân 25 năm (1968 - 1993)	160
• Nghĩ về ngày 30/4	164
• Bài phát biểu về truyền thống Đoàn Pháo binh Biên Hòa	166
• Nhân kỷ niệm ngày sinh Quân đội ta	170
• Lực lượng vũ trang nhân dân Nam Bộ trong những ngày đầu đấu tranh giải phóng dân tộc	175
• Bài phát biểu tại cuộc mítinh kỷ niệm lần thứ 49 ngày Quốc khánh (02/9/1945 - 02/9/1994)	179
• Bài nói chuyện trong buổi họp mặt truyền thống cựu chiến binh Điện Biên Phủ	182
• Phát biểu trong cuộc họp đồng hương Nghĩa Bình - Xuân Bính Dần	185
• Quân giải phóng miền Nam - Một chặng đường lịch sử vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam	187
• Ăn Tết giữa “bầy sói” - Thời kỳ chiến tranh	194
• Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành (Người lính Việt Nam)	197

• Trả lời phỏng vấn Đài Truyền hình Chilê	201
• Trả lời báo chí trong cuộc họp báo chuẩn bị Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I năm 1992	204
• Trả lời phỏng vấn của Đài Phát thanh Thành phố Hồ Chí Minh nhân Đại hội Cựu chiến binh toàn quốc lần thứ I (Từ ngày 19 đến ngày 20/11/1992)	211
• Một giờ với Thượng tướng Trần Văn Trà - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: “Tuổi trẻ sống phải biết kiên trì và kiên định ý chí...”	214
• Việc kết hợp giữa quân đội, công an và cựu chiến binh là cần thiết	217
• Gặp gỡ vị Tư lệnh một thời lừng danh: Thượng tướng Trần Văn Trà	219
• Trận đánh Long Khánh là trận quyết chiến chiến lược đẫm máu nhất, oanh liệt nhất, thắng lợi lớn nhất trong toàn bộ Chiến dịch Hồ Chí Minh	222
• Mùa Xuân 20 năm trước	224
• Một chiều với Thượng tướng Trần Văn Trà	227
• Thượng tướng Trần Văn Trà: “Tôi tin vào lực lượng thanh niên có kiến thức rộng, có truyền thống lịch sử cha ông của chúng ta”	235
• Thượng tướng Trần Văn Trà với sống vui khỏe	239
• Thượng tướng Trần Văn Trà với trẻ em phạm pháp	242
• Thượng tướng Trần Văn Trà nói về quyết định thành lập điện ảnh Quân khu 8	244
• Thư gửi Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thường vụ Quân ủy Trung ương	247
• Thư gửi đồng chí Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư Trung ương Đảng	249
• Thư gửi các cháu thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh	257
• Thư gửi các đồng chí cựu chiến binh Hà Nội	258
• Thư gửi Bộ Tư lệnh Quân khu 9 và tỉnh Cần Thơ	261
• Bản góp ý cho tài liệu Hội nghị tổng kết công tác hậu cần chiến trường B2 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (Từ ngày 29/9 đến ngày 11/10/1980)	262
• Lời giới thiệu sách Lịch sử Chiến khu Đ	295
• Đôi lời về hồi ký của Nguyễn Văn Tào	298

• Lời giới thiệu sách Gởi người đang sống (Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1990)	300
• Lời giới thiệu tập hồi ký của đồng chí Huỳnh Công Thân (1994)	302
• Lời giới thiệu tập sách Trại giam tù binh Phú Quốc	304
• Lời giới thiệu sách Trung đoàn 96 - Những năm tháng không thể nào quên - Pháo binh miền Đông Nam Bộ (tập 2)	307

Phần Phụ lục

DU ÂM...	311
• Thượng tướng Trần Văn Trà - Một người cộng sản kiên trung, một tướng lĩnh có đức độ và tài ba của Quân đội ta	313
• Gửi Trung tướng Trần Văn Trà	317
• Thư gửi vào miền Nam	318
• Chung thủy	320
• Chiều rộng 23/9	322
• Tâm tình vị Tư lệnh trở về Thành phố ngày đầu giải phóng	325
• Mừng học trò cũ đến thăm thầy	333
• Biên bản họp Chi bộ 11 Phường 6 Quận 3	335
• Tết kháng chiến - Những cái tết “Quang Trung” ở chiến trường	337
• Văn còn những băn khoăn ray rứt trong người Mỹ	339
• Thượng tướng Trần Văn Trà dự hội thảo về chiến tranh Việt Nam tại Mỹ	342
• Gặp Thượng tướng Trần Văn Trà - Chuyện kể về một thời tuổi trẻ	344
• Cuộc gặp gỡ giữa những đối thủ cũ	347
• Xin kể chuyện tình này	352
• Thượng tướng Trần Văn Trà đã từ trần	355
• Những ngày cuối cùng của một danh tướng	357
• Vĩnh biệt một con người hạnh phúc!	360
• Thương tiếc anh Tư Nguyễn	362

• Còn mãi trên đời	365
• “Trở về, một dải giang san...”	367
• Tướng Trần Văn Trà - Người thủ trưởng chân tình và bao dung	370
• Cuộc chia tay đột ngột	375
• Tiễn biệt Thượng tướng Trần Văn Trà	377
• Thương tiếc một người tài	378
• Vô cùng thương tiếc anh Trần Văn Trà	379
• Văn tế phúng viếng Thượng tướng Trần Văn Trà	380
• Vĩnh biệt danh tướng	382
• Thương nhớ anh Trần Văn Trà	383
• Thương tiếc	384
• Kính viếng hương hồn anh Trần Văn Trà	385
• Xin chia nỗi đau cùng chị	386
• Kính viếng Thượng tướng Trần Văn Trà	387
• Kính viếng hương hồn anh Ba Trà	388
• Khóc chú Tư	390
• Tiễn anh	392
• Phong cách một vị tướng	393
• Anh đã ra đi, tập hồi ký B2 thành đồng vẫn còn đó!	395
• Nén hương cho Thượng tướng Trần Văn Trà	397
• Những mẩu chuyện nhỏ về một nhân cách lớn	399
• Nhớ mãi vị Tư lệnh chiến trường	402
• Vĩnh biệt anh Tư Trà	405
• Danh tướng Trần Văn Trà trong trái tim đồng đội	407
• Vĩnh biệt đối thủ cũ	410
• Vô cùng thương tiếc Thượng tướng Trần Văn Trà	413
• Trường Kỹ nghệ Huế - Cái nôi đưa anh vào Đảng và làm cách mạng	416
• Vô cùng thương tiếc Thượng tướng Trần Văn Trà	419

• Lần cuối cùng phỏng vấn Thượng tướng Trần Văn Trà	421
• Tiễn Thượng tướng Trần Văn Trà	424
• Ánh hoa phong lan trên tường còn đó	426
• Một cuộc đời chiến đấu hào hùng	429
• Khóc chú Trần Văn Trà	432
• Hai câu đối tặng tướng Trà	434
• Nhớ người anh lớn	435
• Thượng tướng Trần Văn Trà đã vĩnh biệt chúng ta	437
• Vĩnh biệt Thượng tướng Trần Văn Trà	440
• Vị tướng của thế đội I	441
• Bác Hồ và Thượng tướng Trần Văn Trà	443
• “Mây nước yên bình, thiên mǎ thăng”	446
• Rừng thẳm miền Đông lưu dấu anh	448
• Chú ấy có phải là tướng không?	453
• Người Khu bộ trưởng với những vấn đề then chốt	455
• Mở đường trên biển	459
• Người cha tuyệt vời	462
• Tướng Trà chèo xuồng đi chúc Tết	463
• Nhớ thương Thượng tướng Trần Văn Trà	466
• Không đánh mà thắng	471
• Chuyện tình của người yêu hoa hồng	474
• Cái túi xách tay	476
• Chuyện kể của vợ Thượng tướng Trần Văn Trà	478
• Thượng tướng Trần Văn Trà - Nguyễn Chấn	480
• Gửi hương cho đời	485
• Nhớ ngày giỗ đầu anh Ba Trà	488
• Như vẫn có anh	489
• Kỷ niệm với Thượng tướng Trần Văn Trà	492

• Nhớ người tháng Tư	495
• Vô cùng xúc cảm sau khi viếng mộ Thượng tướng Trần Văn Trà	496
• Tưởng nhớ anh Trần Văn Trà	498
• Viếng mộ Trần Văn Trà	500
• Một ngàn ngày tướng Trần Văn Trà ra đi...	501
• Nhớ về một vị chủ tịch hội, một danh tướng	508
• Thanh kiếm trên bia mộ	511
• Trần Văn Trà - Vị chiến tướng của thế kỷ XX	513
• Trần Văn Trà: Hữu duyên thiên lý nồng nàn tương ngộ	517
• Âm hưởng khí tiết Đông Á	519
• Nhớ anh ra đi vào tháng Tư lịch sử	521
• Tìm lại những tấm ảnh 30 năm trước (Kỷ niệm 30 năm giải phóng Lộc Ninh)	524
• Trích từ những tập hồi ký của tướng lĩnh và những cuốn lịch sử của các địa phương ở B2	527
• Tết đến nhớ anh Tư Chi	532
• Chuyện tướng Trần Văn Trà ở Trường Sơn	534
• Tết ở trại Đavít	537
• Nhìn thiên mã, nhớ người...	541
• Bước vào cuộc đời binh nghiệp	543
• Ở tiền phương, Chiến dịch Mậu Thân 1968	545
• Hữu duyên thiên lý...	550
• Căn nhà nhỏ bé	553
• Ghi nhớ công ương mầm, vun trồng từ thuở ban đầu	555
• Năm năm xây gần 200 nhà tình nghĩa	557
• Nhớ anh Ba Trà	560
• Từ tấm lòng một vị tướng giàu lòng trắc ẩn	562
• Chuyện gia đình của cố Thượng tướng Trần Văn Trà	565

• Người giữ “kho báu” của danh tướng Trần Văn Trà	569
• Chuyện đời thường của anh Tư Chi	575
• Ngọn lửa không bao giờ tắt	577
• Những bức tranh đậm ký ức hào hùng	579
• Trần Văn Trà - Vị tướng của chiến trường	581
• Danh tướng Trần Văn Trà	585
• Người mang gươm báu về Nam	589
• Thượng tướng Trần Văn Trà với điện ảnh Quân giải phóng B2	593
• “Ngũ hổ tướng”: Thời thơ ấu của tướng Trà	595
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ	597

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT - 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 - Fax: 080.49222 - Email: suthat@nxbctqg.vn - Website: www.nxbctqg.vn

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 72 Trần Quốc Thảo, quận 3
ĐT: 028.39325410 - 028.39325410 - Fax: 028.39325457
Email: chinhanhnxbctqghcm@gmail.com - Website: sachsuthattphcm.com.vn

THƯỢNG TƯỚNG
TRẦN VĂN TRÀ
VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐÔNG

TẬP 2

ISBN: 978-604-57-6926-3



Giá: 514.000đ